

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 113/TB-KQTD-KT
ngày 24 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên
[Signature]

Kiều Văn Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI
THẨM TRA
Theo văn bản số: 65/BCTT
Ngày 24 tháng 4 năm 2026
Ký tên:

[Signature]
Phường Văn Cường

THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

(Hồ sơ ban hành theo thông báo kết quả thẩm định số: 113/TB-KQTD-KT ngày 24/04/2026 của phòng Kinh tế xã Vật Lại)

PHẦN I: BẢN VẼ, KHỐI LƯỢNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - TP. HÀ NỘI

HÀ NỘI, NĂM 2026

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 113/TB-KQTD-KT
ngày 24 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên

Kiều Văn Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI
THẨM TRA
Theo văn bản số: 65/BCTT
Ngày 24 tháng 4 năm 2026
Ký tên:

Phường Văn Cường

**THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**

(Hồ sơ ban hành theo thông báo kết quả thẩm định số: 113/TB-KQTD-KT ngày 24/04/2026 của phòng Kinh tế xã Vật Lại)

PHẦN I: BẢN VẼ, KHỐI LƯỢNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - TP. HÀ NỘI

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG XÃ VẬT LẠI



GIÁM ĐỐC
Lương Hoàng Dương

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Anh Tuấn

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số 113/TB-KOTD-KT
ngày 24 tháng 4 năm 2016
Người thẩm định ký tên

Kiều Văn Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI

THẨM TRA

Theo văn bản số: 65/BCCT
Ngày 24 tháng 4 năm 2016
Ký tên:

Phường Văn Cường

GIAO THÔNG

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 113/TB-KTĐ-KT
ngày 24 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên


Kiều Văn Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI
THẨM TRA
Theo văn bản số: 65/1.BCTT
Ngày 24 tháng 4 năm 2026
Ký tên:


Phương Văn Cường

TUYỂN 1

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số 113/TB-KTĐ-KS
ngày 24 tháng 4 năm 2026

Người thẩm định ký tên

Hiền Văn Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI

THẨM TRA

Theo văn bản số: 65/BCIT
Ngày 24 tháng 4 năm 2026

Ký tên:

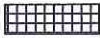
Phường Văn Cường

Bảng yếu tố công																	
TT	R	A	T	P	D	K	L1	L2	isc	Wt	Wp	W	Tên Cọc	Tọa độ X	Tọa độ Y	H	Ghi chú
1	600.00	171d40'4.6"	43.70	1.59	0.15	87.25	0.00	0.00	it1=2.00%,ip1=2.00%	w1=0.00	w1=0.00	0.00	D1	541046.00	2348948.27		Trái

GHI CHÚ:



: Mặt đường



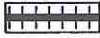
: Hè đường



: Vượt nới



: Đá học ốp mái taluy



: Kè đá học



: Cống tròn BTCT B400



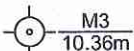
: Cống tròn BTCT D600



: Cống tròn BTCT D1000



: Hướng thoát nước



: Mốc cao độ



: Nhà dân



: Cây cối



: Cột điện



: Hố ga thăm



: Hố ga thu

CHỦ ĐẦU TƯ:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
(ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI)
ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498

THIẾT KẾ XÂY DỰNG

TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:

GHI CHÚ CHUNG
TUYẾN 1

CHỦ NHIỆM TK

NGUYỄN ANH TUẤN

CHỦ TRÌ TKGT

BÙI MINH CHIẾN

THIẾT KẾ

NGUYỄN PHI LONG

KIỂM TRA

BÙI MINH CHIẾN

CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC

CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN
HẠ TẦNG ĐÔ THỊ
AVIC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

NGUYỄN ANH TUẤN

HOÀN THÀNH: /20

BẢN VẼ SỐ: 01/01

KÝ HIỆU: GCC

TỶ LỆ:

ĐẦU TUYẾN

CUỐI TUYẾN

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

Thiết kế cống tròn D1000 phải tuyến từ cọc DT=2.39m -- 28+19.08m; Chiều dài L=286.47m bán số: 651/BĐT

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số 18/TS-KOTD-K

ngày 4 tháng 4 năm 2016

Người thẩm định ký tên

Hiệu Văn Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI

THẨM TRA

Ngày 24 tháng 4 năm 2016

Ký tên: *Phạm Văn Cường*

PHÂN MẢNH VH 1

S vỉa hè:	301.26	m ²
L bố vỉa thẳng:	40.48	m
L bố vỉa cong:	19.18	m
L bố gáy hè:	29.20	m
L đan rãnh:	61.02	m

PHÂN MẢNH VH 2

S vỉa hè:	156.41	m ²
L bố vỉa thẳng:	38.88	m
L bố vỉa cong:	18.26	m
L bố gáy hè:	53.20	m
L đan rãnh:	57.14	m

Thiết kế cống tròn BTCT D400 phải tuyến từ cọc DT=4.62m -- 31+1.59m; Chiều dài L=295.77m

CHỦ ĐẦU TƯ:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
(ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI)
ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498

THIẾT KẾ XÂY DỰNG
TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ
TUYẾN 1

CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN	<i>Nguyễn Anh Tuấn</i>
CHỦ TRÌ TKGT	BÙI MINH CHIẾN	<i>Bùi Minh Chiến</i>
THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG	<i>Nguyễn Phi Long</i>
KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN	<i>Bùi Minh Chiến</i>

M.S.N: 0109055864 - C

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI

PHÁT TRIỂN
HẠ TẦNG ĐÔ THỊ
AVIC

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

NGUYỄN ANH TUẤN

HOÀN THÀNH: /20

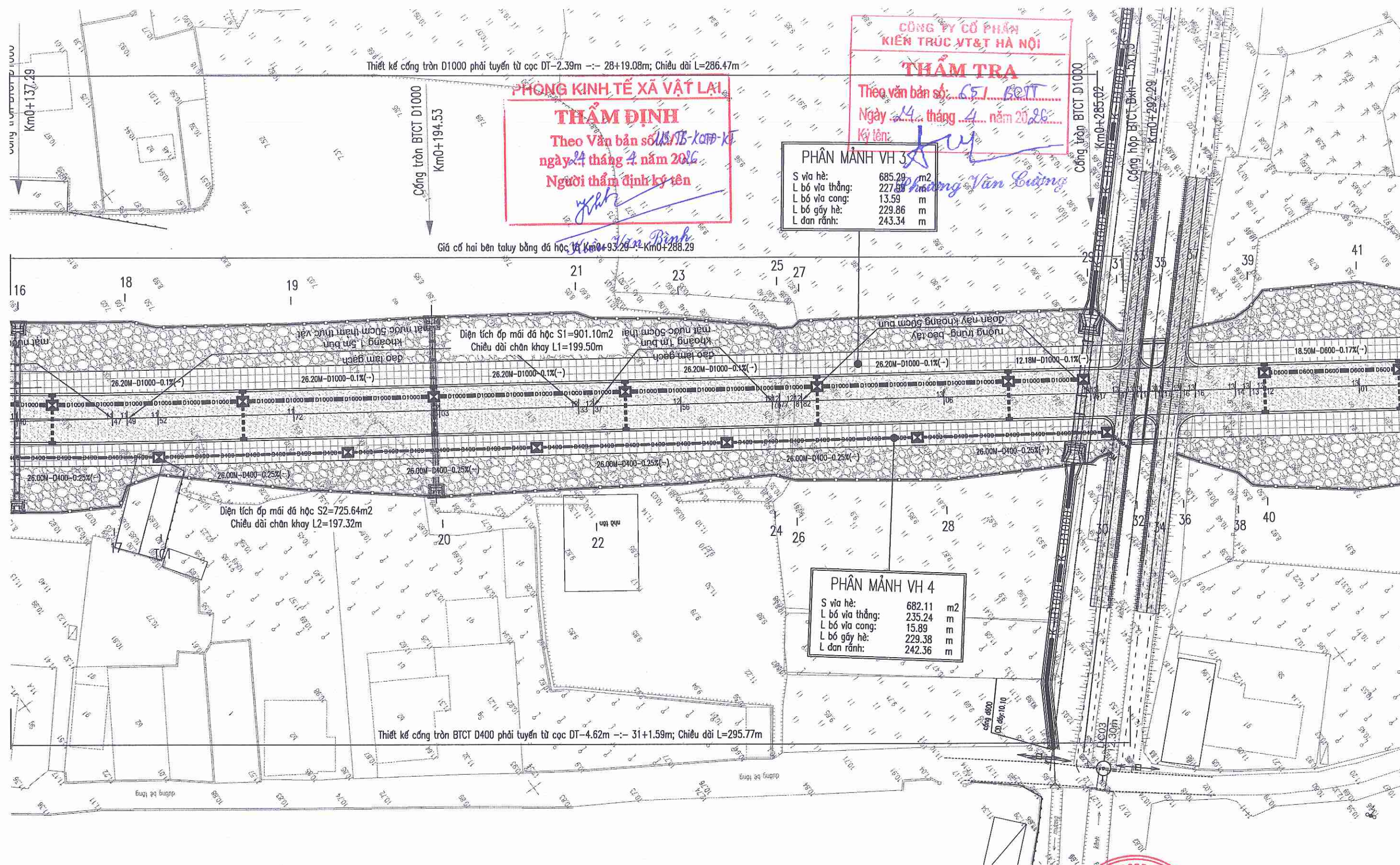
BẢN VẼ SỐ: 01/05

KÝ HIỆU: BDTK

TỶ LỆ: 1/500

ĐẦU TUYẾN

CUỐI TUYẾN



CHỦ ĐẦU TƯ:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
(ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỐ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI)
ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498

THIẾT KẾ XÂY DỰNG

TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ

HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ
TUYẾN 1

CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN	
CHỦ TRÌ TKG	BÙI MINH CHIẾN	
THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG	
KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN	

M.S. N: 0109055864 - C.T

CÔNG TY
CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN
HẠ TẦNG ĐÔ THỊ
AVIC

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

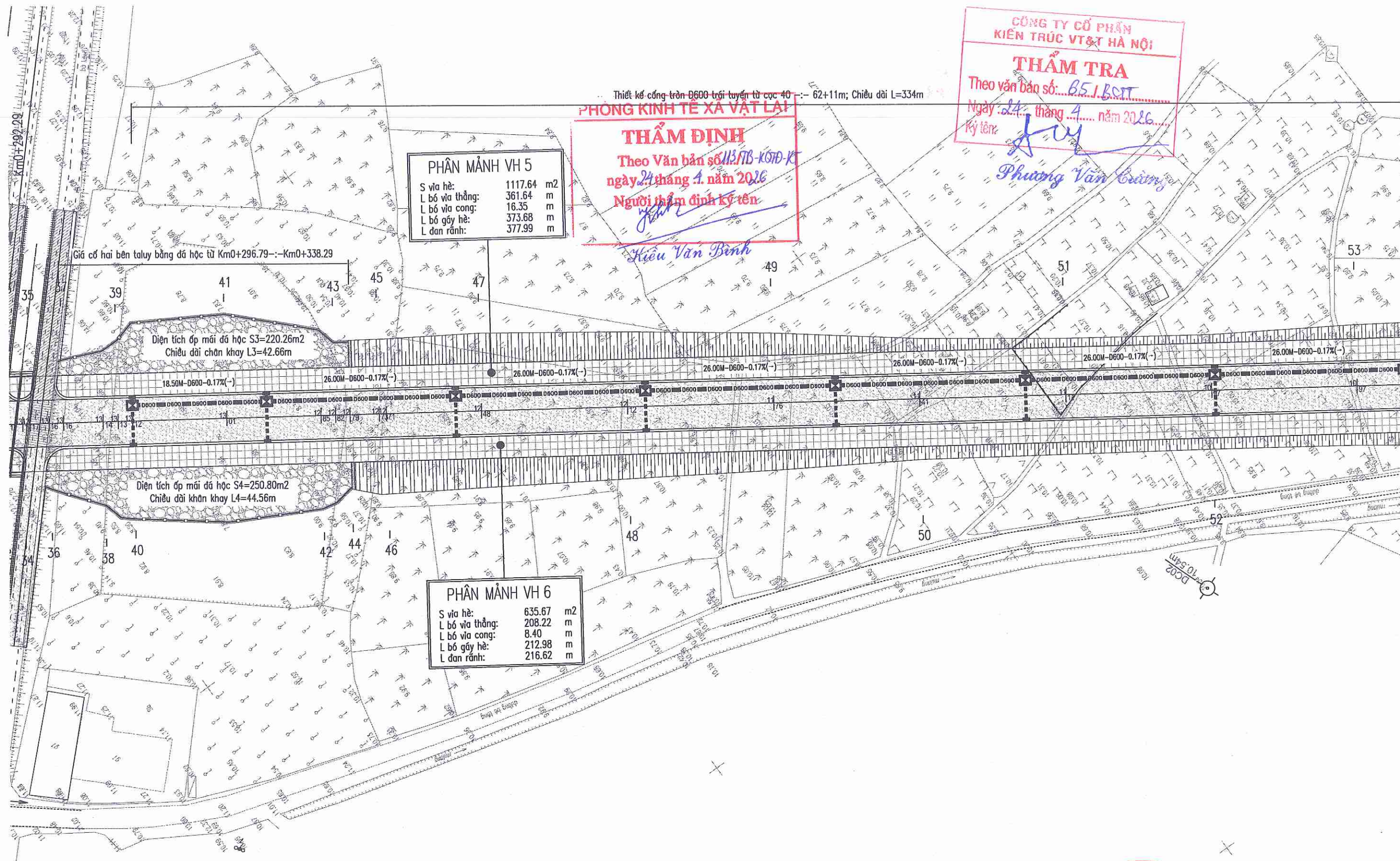
NGUYỄN ANH TUẤN

HOÀN THÀNH: /20

BẢN VẼ SỐ: 02 /05

KÝ HIỆU: BDTK

TỶ LỆ: 1/500



CHỦ ĐẦU TƯ:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
(ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI)
ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498

THIẾT KẾ XÂY DỰNG
TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ
TUYẾN 1

CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN
CHỦ TRÌ TKGT	BÙI MINH CHIẾN
THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG
KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC

0109055864

M.S.D.P. 0109055864

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC

NGUYỄN ANH TUẤN

HOÀN THÀNH: /20

BẢN VẼ SỐ: 03/05

KÝ HIỆU: BDTK

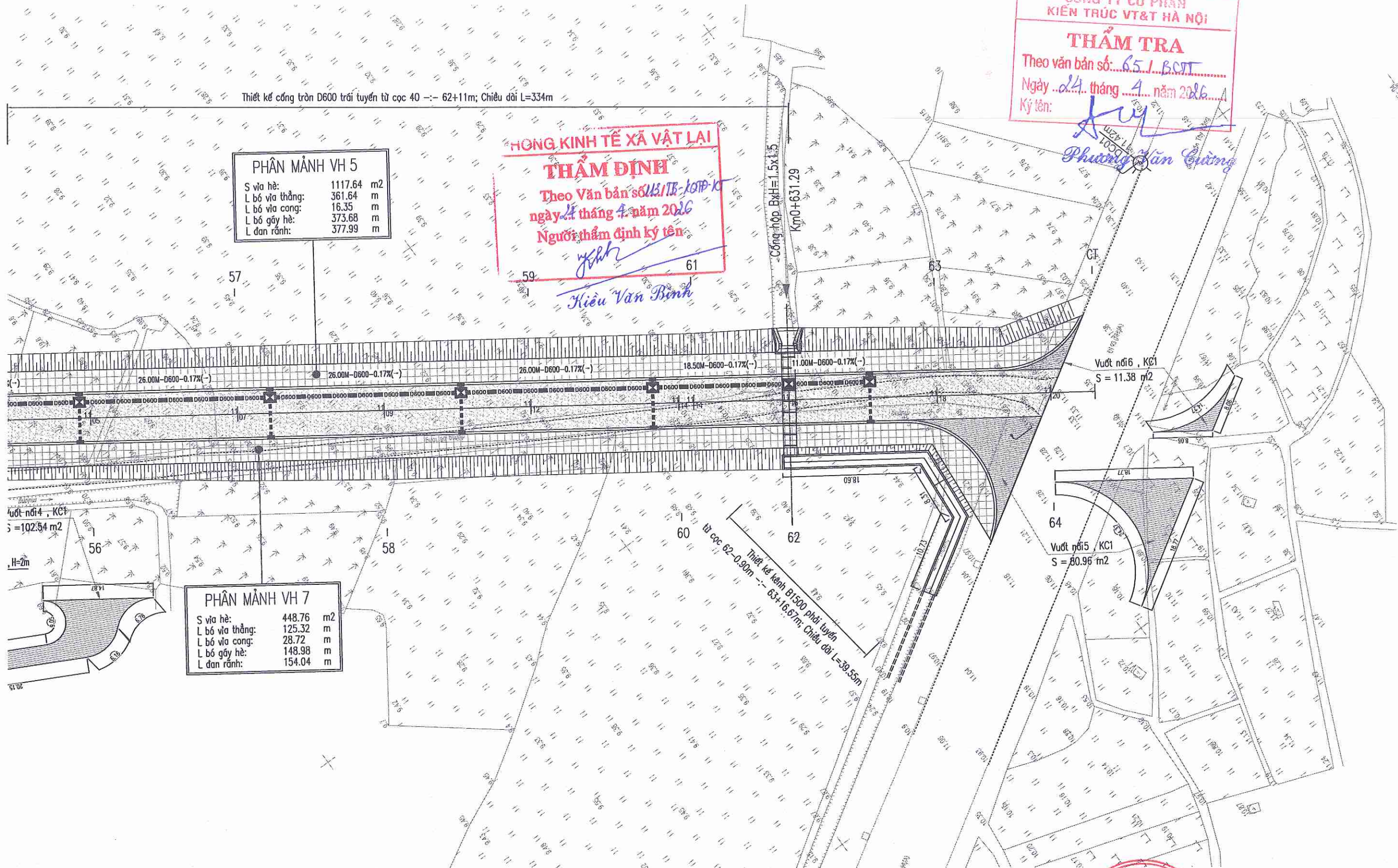
TỶ LỆ: 1/500



ÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀ TÂY
CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN
HÀ TÂY ĐỒ THẠCH
AVIC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
NGUYỄN

ĐẦU TUYẾN

CUỐI TUYẾN



CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI

THẨM TRA

Theo văn bản số: 651/BCT

Ngày 24 tháng 4 năm 2026

Ký tên: *Nguyễn Văn Bình*

HÔNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số 115/15-KP-K

ngày 11 tháng 4 năm 2026

Người thẩm định ký tên: *Nguyễn Văn Bình*

PHÂN MẢNH VH 5

S vỉa hè: 1117.64 m²

L bó vỉa thẳng: 361.64 m

L bó vỉa cong: 16.35 m

L bó gáy hè: 373.68 m

L đan rãnh: 377.99 m

PHÂN MẢNH VH 7

S vỉa hè: 448.76 m²

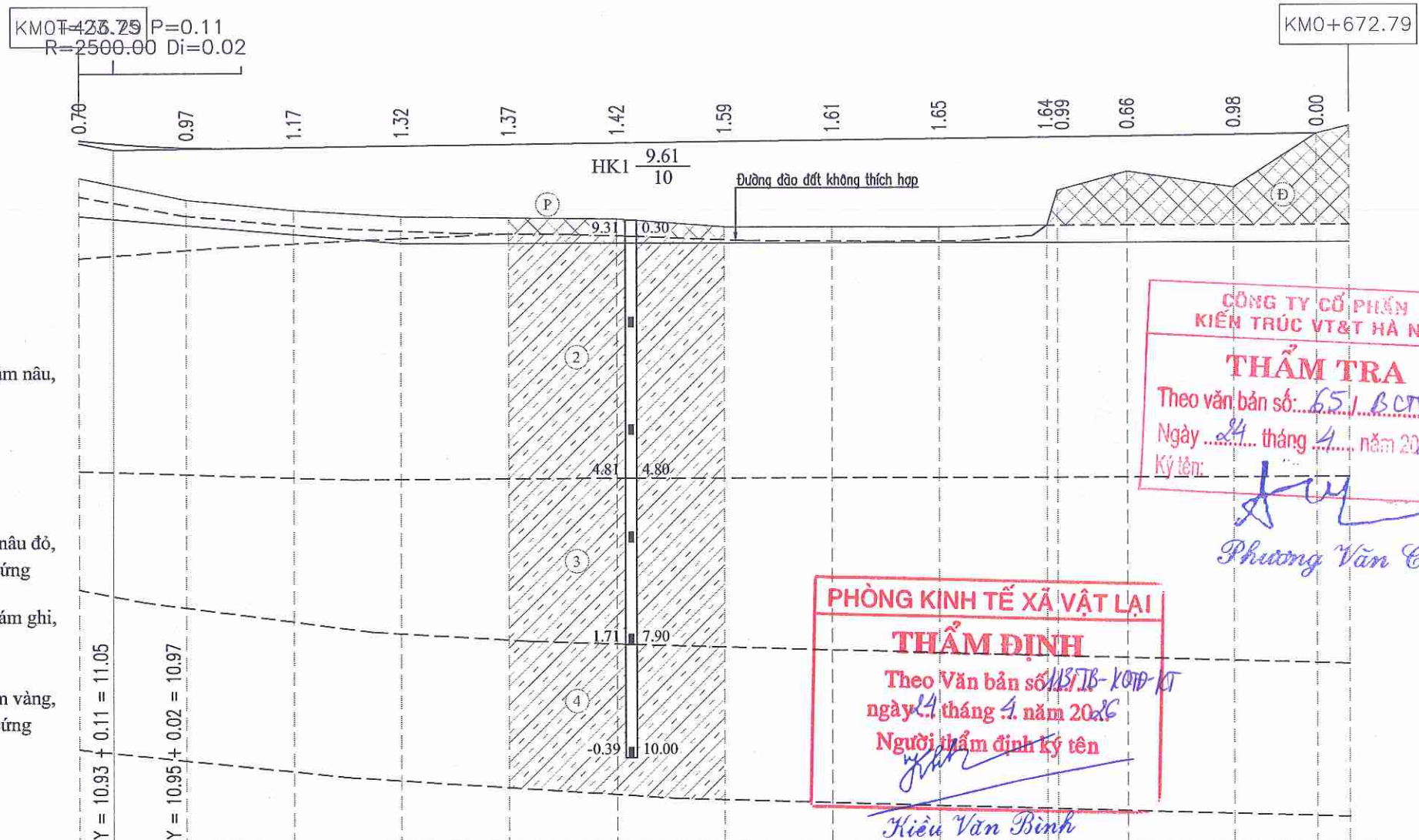
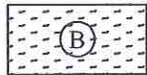
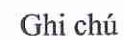
L bó vỉa thẳng: 125.32 m

L bó vỉa cong: 28.72 m

L bó gáy hè: 148.98 m

L đan rãnh: 154.04 m

CHỦ ĐẦU TƯ: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG		THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI	TÊN BẢN VẼ: BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN 1		CHỦ NHIỆM TK NGUYỄN ANH TUẤN 	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC M.S. 0312345678 CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC THÀNH PHỐ HÀ NỘI  NGUYỄN ANH TUẤN	HOÀN THÀNH: /20
			CHỦ TRÌ TKGT BÙI MINH CHIẾN 	GIÁM ĐỐC	BẢN VẼ SỐ: 05 /05		
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:  CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC (ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI) ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498				THIẾT KẾ NGUYỄN PHI LONG 			KÝ HIỆU: BDTK
			KIỂM TRA BÙI MINH CHIẾN 		TỶ LỆ: 1/500		



ĐỘ DỐC THIẾT KẾ		0.12% 224.02													
CAO ĐỘ THIẾT KẾ	11.11	10.97	10.97	11.00	11.02	11.05	11.07	11.09	11.12	11.14	11.14	11.16	11.18	11.20	
CAO ĐỘ ĐƯỜNG ĐÀO ĐẤT KHÔNG THÍCH HỢP	9.70	9.53	9.35	9.18	9.18	9.18	9.18	9.18	9.18	9.18	9.18	9.18	9.18	9.18	
ĐỘ DỐC ĐƯỜNG ĐÀO ĐẤT KHÔNG THÍCH HỢP		0.87% 60.00			0.00% 176.50										
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	10.41	10.00	9.80	9.68	9.65	9.63	9.48	9.48	9.47	9.50	10.15	10.50	10.20	11.20	
KHOẢNG CÁCH LỀ		20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	13.00	20.00	15.50	
KHOẢNG CÁCH CỘNG DỒN	436.29	456.29	476.29	496.29	516.29	536.29	556.29	576.29	596.29	616.29	618.29	631.29	651.29	666.79	
TÊN CỌC	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	
														CT	

CHỦ ĐẦU TƯ:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:


CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
 (ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THO - HÀ NỘI)
 ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498

THIẾT KẾ XÂY DỰNG

**TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:

TRẮC DỌC THIẾT KẾ
TUYỂN 1

CHỦ NHIỆM TK

NGUYỄN ANH TUẤN

CHỦ TRÌ TKGT

BÙI MINH CHIẾN

THIẾT KẾ

NGUYỄN PHU LONG

KIỂM TRA

BÙI MINH CHIẾN

CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
M.S. IN
CƠ PHÂN
PHÁT TRIỂN
HẠ TẦNG ĐÔ THỊ
AVIC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
GIÁM ĐỐC
Nguyễn Anh Tuấn
NGUYỄN ANH TUẤN

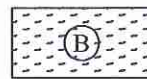
HOÀN THÀNH: /20

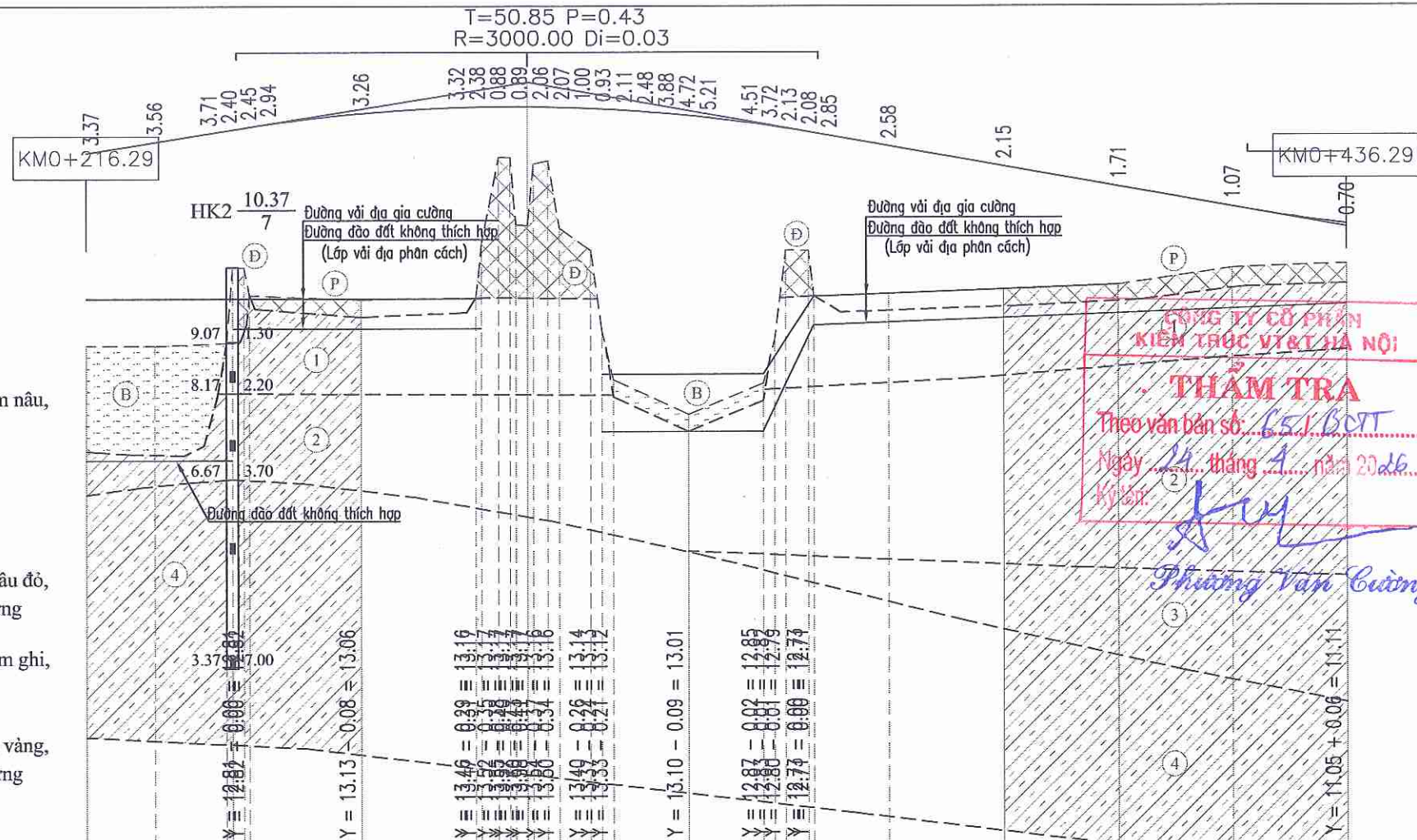
BẢN VẼ SỐ: 03 /03

KÝ HIỆU: TDTK

TỶ LỆ: 1/100; 1/1000

Ghi chú

-  Bùn ao
-  Đất thổ nhưỡng
-  Đất đắp: Sét pha, màu xám nâu, trạng thái dẻo mềm
-  Sét pha, màu xám vàng, trạng thái dẻo mềm
-  Sét pha, màu xám vàng, nâu đỏ, loang lổ, trạng thái dẻo cứng
-  Sét pha, màu xám nâu, xám ghi, trạng thái dẻo mềm
-  Sét pha, màu nâu đỏ, xám vàng, loang lổ, trạng thái nửa cứng



**CÔNG TY CỔ PHẦN
KIỂM TRÚC VIỆT HÀ NỘI**

THẨM TRA

Theo văn bản số: 651/BCT

Ngày 24 tháng 4 năm 2026

Ký tên: *Phạm Văn Cường*

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số: 131/TĐ-KTĐ-KT

ngày 24 tháng 4 năm 2026

Người thẩm định ký tên: *Kiều Văn Bình*

ĐỘ DỐC THIẾT KẾ	1.60%										1.78%																			
	136.79										149.48																			
CAO ĐỘ THIẾT KẾ	12.37	12.56	12.76	12.77	12.81	12.82	13.06	13.16	13.17	13.17	13.17	13.17	13.16	13.16	13.14	13.13	13.01	12.85	12.82	12.79	12.73	12.71	12.48	12.12	11.76	11.41	11.11			
CAO ĐỘ ĐƯỜNG ĐÀO ĐẤT KHÔNG THÍCH HỢP	7.00	7.00	7.00	7.00	9.30	9.30	9.30	9.30	9.30	9.30	9.30	7.50	7.50	7.50	7.50	7.50	7.50	7.50	7.91	8.32	9.15	9.35	9.40	9.48	9.55	9.63	9.70			
ĐỘ DỐC ĐƯỜNG ĐÀO ĐẤT KHÔNG THÍCH HỢP	0.00%		0.00%										0.00%		20.58%		0.38%													
	85.29		43.50										28.00		9.00		93.00													
CAO ĐỘ ĐƯỜNG VẢI ĐỊA 1	7.60	9.82	9.82	9.82	9.82	9.82	9.82	9.82	9.82	9.82	9.82	8.50	8.50	8.50	8.50	8.50	8.50	8.50	8.80	9.10	9.70	9.85	9.90	9.98	10.05	10.15	10.15			
ĐỘ DỐC ĐƯỜNG VẢI ĐỊA 1			0.00%										0.00%		15.07%		0.38%													
			69.00										28.03		8.97		53.00													
CAO ĐỘ ĐƯỜNG VẢI ĐỊA 2	7.90	10.12	10.12	10.12	10.12	10.12	10.12	10.12	10.12	10.12	10.12	8.80	8.80	8.80	8.80	8.80	8.80	8.80	9.10	9.40	10.00	10.15	10.20	10.28	10.35	10.41	10.41			
ĐỘ DỐC ĐƯỜNG VẢI ĐỊA 2			0.00%										0.00%		15.07%		0.38%													
			69.00										28.03		8.97		53.00													
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	9.00	9.00	9.05	10.37	10.36	9.88	9.80	9.84	10.79	12.29	12.28	12.28	11.11	11.10	12.17	12.23	11.05	10.66	9.25	8.40	7.80	8.34	9.10	9.90	10.05	10.34	10.41			
KHOẢNG CÁCH LỀ	2.00	12.00	12.50	12.50	19.50	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	13.00	13.00	13.00	13.00	13.00	13.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00			
KHOẢNG CÁCH CỘNG ĐỒN	216.29	228.29	240.79	241.79	243.79	244.79	264.29	284.29	285.29	288.29	290.29	291.29	293.29	294.29	296.79	298.79	304.29	306.29	308.29	321.29	334.29	336.29	338.29	342.29	343.29	356.29	376.29	396.29	416.29	436.29
TÊN CỌC	22	23	2527	2426	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51		

CHỦ ĐẦU TƯ:
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
(ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI)
ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498

THIẾT KẾ XÂY DỰNG
TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:
TRẮC ĐỌC THIẾT KẾ
TUYẾN 1

CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN
CHỦ TRÌ TKGT	BÙI MINH CHIẾN
THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG
KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
GIÁM ĐỐC
NGUYỄN ANH TUẤN

HOÀN THÀNH: /20
BẢN VẼ SỐ: 02 /03
KÝ HIỆU: TDTK
TỶ LỆ: 1/100; 1/1000

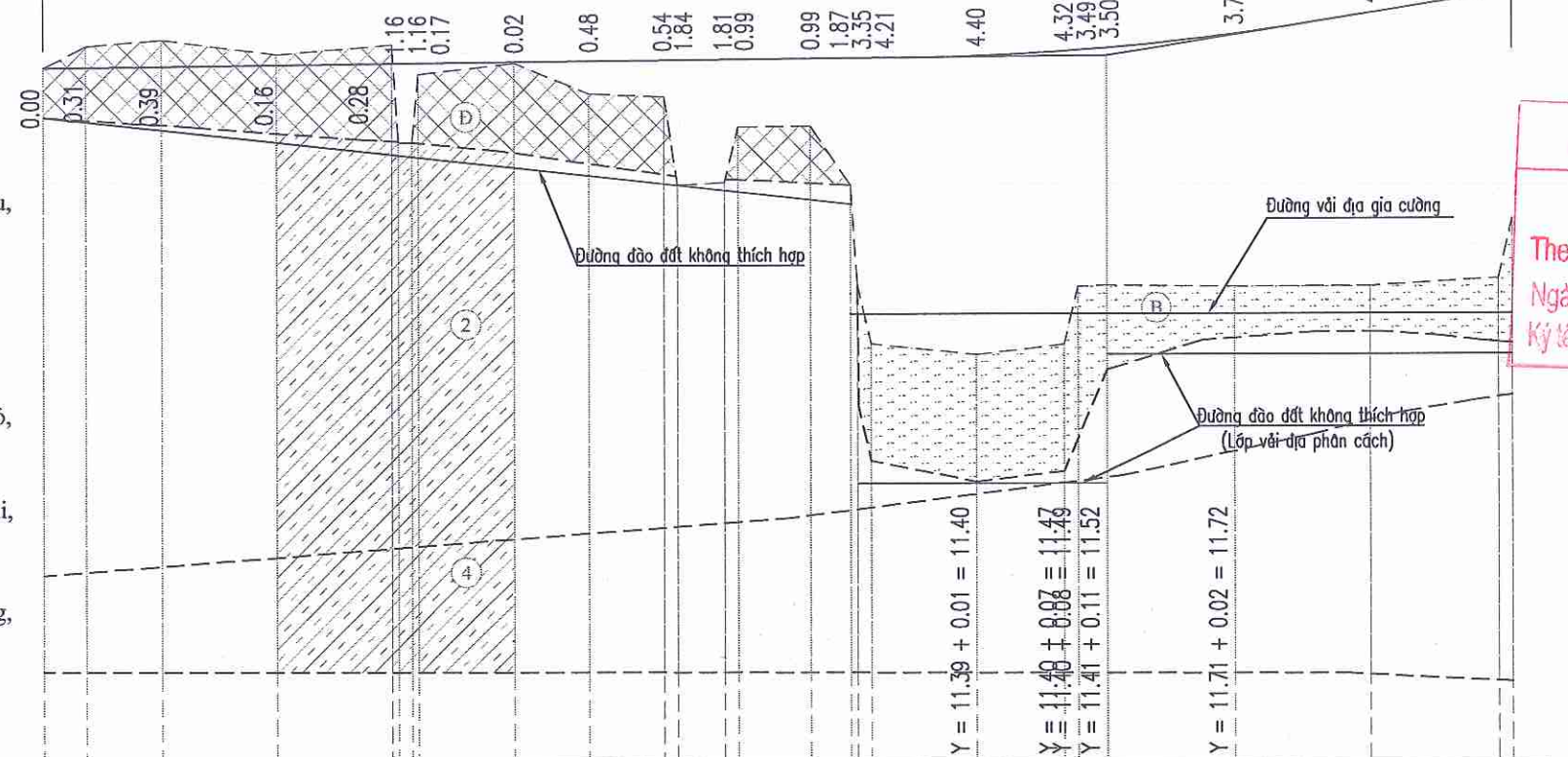
Ghi chú

-  Bùn ao
-  Đất thô nung
-  Đất đắp: Sét pha, màu xám nâu, trạng thái dẻo mềm
-  Sét pha, màu xám vàng, trạng thái dẻo mềm
-  Sét pha, màu xám vàng, nâu đỏ, loang lổ, trạng thái dẻo cứng
-  Sét pha, màu xám nâu, xám ghi, trạng thái dẻo mềm
-  Sét pha, màu nâu đỏ, xám vàng, loang lổ, trạng thái nửa cứng

KM0+0.00

T=30.00 P=0.11
R=4000.00 Di=0.01

KM0+216.29



CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI

THẨM TRA

Theo văn bản số: 65.1.BCTT

Ngày 24 tháng 4 năm 2026

Ký tên: *Phạm Văn Cường*

ĐỘ DỐC THIẾT KẾ	0.10%																				1.60%		
CAO ĐỘ THIẾT KẾ	11.25	11.26	11.27	11.28	11.30	11.30	11.31	11.32	11.33	11.34	11.34	11.35	11.35	11.36	11.37	11.37	11.40	11.47	11.49	11.52	11.72	12.03	
CAO ĐỘ ĐƯỜNG ĐÀO ĐẤT KHÔNG THÍCH HỢP	10.52	10.45	10.33	10.14	9.96	9.95	9.92	9.76	9.64	9.52	9.50	9.42	9.40	9.28	9.22	9.10	5.10	5.10	5.10	7.00	7.00	7.00	
ĐỘ DỐC ĐƯỜNG ĐÀO ĐẤT KHÔNG THÍCH HỢP	1.09%														0.00%			0.00%					
CAO ĐỘ ĐƯỜNG VỈA ĐẠ 1	118.79														36.69			85.29			7.60	7.60	7.60
ĐỘ DỐC ĐƯỜNG VỈA ĐẠ 1															0.00%						7.60	7.60	7.60
CAO ĐỘ ĐƯỜNG VỈA ĐẠ 2															7.90			7.90			7.90	7.90	7.90
ĐỘ DỐC ĐƯỜNG VỈA ĐẠ 2															0.00%						7.90	7.90	7.90
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	11.25	11.57	11.66	11.44	11.58	10.14	10.14	11.30	10.85	10.80	9.50	9.54	10.36	10.37	9.50	8.02	7.00	7.15	8.00	8.02	8.00	8.01	
KHOẢNG CÁCH LỀ	6.29	11.00	17.00	17.00	17.00	13.96	11.04	11.00	11.00	11.00	11.00	11.00	11.00	11.00	11.00	11.00	13.00	18.79	20.00	19.00	2.00		
KHOẢNG CÁCH CỘNG DỒN	0.00	6.29	17.29	34.29	51.29	52.29	54.29	55.29	69.25	80.29	91.29	93.29	100.29	102.29	112.88	118.79	137.29	150.29	152.29	156.50	175.29	195.29	
TÊN CỌC	DT	1	2	3	4	5	6	TD1	8	9	10	11	12	P1	13	14	16	17	TC1	18	19	20	
LÝ TRÌNH	KMO	H1																		H2			

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số 13/TK-KT

Ngày 24 tháng 4 năm 2026

Người thẩm định ký tên: *Kiều Văn Bình*

CHỦ ĐẦU TƯ: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC (ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI) ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498	THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI	TÊN BẢN VẼ: TRẮC ĐỌC THIẾT KẾ TUYẾN 1	CHỦ NHIỆM TK: NGUYỄN ANH TUẤN	CHỦ TRÌ TKGT: BÙI MINH CHIẾN	THIẾT KẾ: NGUYỄN PHI LONG	KIỂM TRA: BÙI MINH CHIẾN	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC GIÁM ĐỐC: NGUYỄN ANH TUẤN	HOÀN THÀNH: /20 BẢN VẼ SỐ: 01/03 KÝ HIỆU: TDTK TỶ LỆ: 1/100; 1/1000
			NGUYỄN ANH TUẤN	BÙI MINH CHIẾN	NGUYỄN PHI LONG	BÙI MINH CHIẾN	NGUYỄN ANH TUẤN	

Thiết kế cống tròn D600 trái tuyến từ cọc 40+-- 62+11m; Chiều dài L=334m

KM0+308.29

KM0+642.29

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI

THẨM TRA

Theo văn bản số: 651/BCT

Ngày 24 tháng 4 năm 2026

Ký tên: *Phường Văn Cường*

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số 131/TA-KOTD-KT

ngày 24 tháng 4 năm 2026

Người thẩm định ký tên: *Kiều Văn Bình*

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	13.08	12.97	12.81	12.78	12.67	12.43	12.08	11.72	11.36	11.07	10.93	10.93	10.95	10.98	11.00	11.03	11.05	11.07	11.10	11.10	11.12	11.13
ĐỘ DỐC ĐÁY CỐNG DỌC TRÁI						1.59%				0.75%						0.17%						
CAO ĐỘ ĐÁY CỐNG DỌC TRÁI	11.88	11.67	11.46	11.43	11.32	11.11	10.80	10.48	10.16	9.89	9.74	9.71	9.67	9.64	9.60	9.57	9.54	9.50	9.47	9.46	9.44	9.42
CAO ĐỘ MẶT HỒ GA TẠI TIM CỐNG	13.08	12.90				12.50	12.03			11.15	10.83	10.94	10.97		11.00	11.03	11.06		11.09		11.12	11.13
CAO ĐỘ ĐÁY CỐNG DỌC TẠI HỒ GA	11.88	11.58				11.17	10.76			9.93	9.74	9.70	9.65	9.61	9.56	9.52			9.47	9.44	9.42	
TÊN HỒ GA	GTC1	GTC2				GTC3	GTC4			GTC5	GTC6	GTC7	GTC8	GTC9	GTC10	GTC11	GTC12		GTC13	GTC14	GTC15	
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	8.41	7.80	8.34	8.09	7.00	9.90	9.97	10.05	10.34	10.41	10.30	9.80	9.67	9.63	9.62	9.47	9.47	9.47	9.48	9.48	9.17	9.57
KHOẢNG CÁCH LỀ		13.00	13.00	2.00	4.00	13.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	13.00	11.00	
KHOẢNG CÁCH CỘNG DỒN	0.00	13.00	26.00	30.00	34.00	48.00	68.00	88.00	108.00	128.00	148.00	168.00	188.00	208.00	228.00	248.00	268.00	288.00	308.00	310.00	323.00	334.00
TÊN CỌC	40	41	42	43	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	62+11M
LÝ TRÌNH								H4					H5					H6				
SƠ HẠ TUYẾN																						

CHỦ ĐẦU TƯ:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
(ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 8 - XÃ PHÚC THO - HÀ NỘI)
ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498

THIẾT KẾ XÂY DỰNG
TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:

TRẮC DỌC CỐNG D600
TUYẾN 1

CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN	<i>Trần</i>
CHỦ TRÌ TKGT	BÙI MINH CHIẾN	<i>Chiến</i>
THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG	<i>Long</i>
KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN	<i>Chiến</i>

M.S.N: 0109055864 - C.T. CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN ANH TUẤN

HOÀN THÀNH: /20

BẢN VẼ SỐ: 02/03

KÝ HIỆU: TD-CÔNG

TỶ LỆ: 1/100; 1/1000

Thiết kế cống tròn BTCT D400 phải tuyến từ cọc DT-4.62m -> 31+1.59m; Chiều dài L=295.77m

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI

THẨM TRA

Theo văn bản số: 65/L.BCTT

Ngày: 24 tháng 4 năm 2026

Ký tên:

Phạm Văn Cường

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

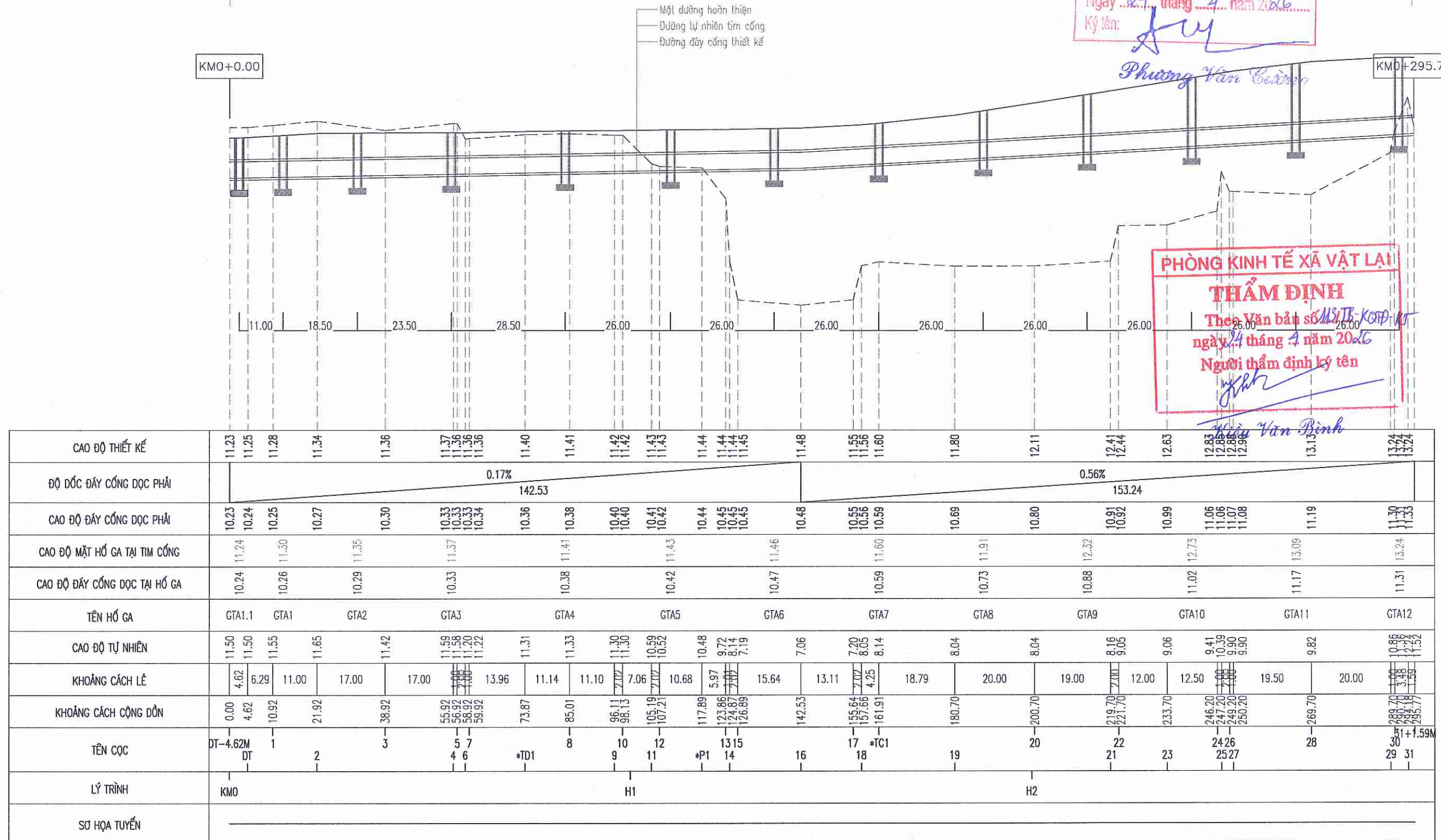
THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số MS/KB-KSTP-VL

ngày 4 tháng 4 năm 2026

Người thẩm định ký tên

Nguyễn Văn Bình



Thiết kế cống tròn D1000 trái tuyến từ cọc DT-2.39m -:- 28+19.08m; Chiều dài L=286.47m

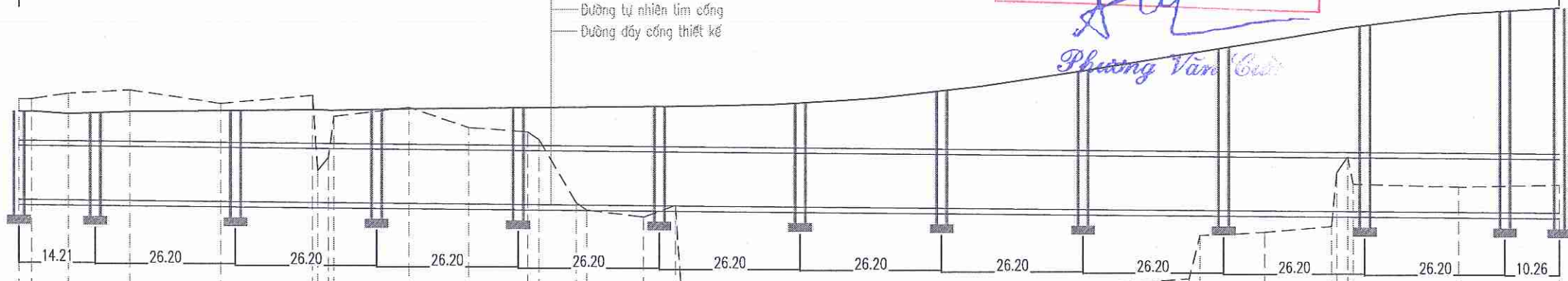
CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN THỰC VT&T HÀ NỘI

THẨM TRA
Theo văn bản số: C5.1.BCT
Ngày: 14 tháng 4 năm 2026
Ký tên: Phạm Văn Cường

KM0+0.00

KM0+286.47

Mặt đường hoàn thiện
Đường tự nhiên tìm cống
Đường đáy cống thiết kế



PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 11.2/TB-KQTP-KT
ngày: 14 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên: Nguyễn Văn Bình

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	11.24 11.24	11.19	11.23	11.25	11.26	11.26	11.26	11.28	11.29	11.30	11.30	11.31	11.31	11.32	11.33	11.33	11.36	11.43	11.45	11.48	11.69	11.99	12.30	12.33	12.52	12.72	12.74	12.77	12.78	13.02	13.12	
ĐỘ DỐC ĐÁY CỐNG DỌC TRÁI	0.10%																															
CAO ĐỘ ĐÁY CỐNG DỌC TRÁI	9.60 9.60	9.59	9.58	9.56	9.54	9.54	9.54	9.53	9.51	9.50	9.50	9.49	9.49	9.48	9.48	9.47	9.46	9.44	9.44	9.44	9.42	9.40	9.38	9.38	9.37	9.35	9.35	9.35	9.35	9.33	9.31	
CAO ĐỘ MẶT HỒ GA TẠI TÌM CỐNG	11.24	11.21		11.25			11.27			11.30				11.33			11.39				11.61		11.98		12.40			12.81		13.07		
CAO ĐỘ ĐÁY CỐNG DỌC TẠI HỒ GA	9.60	9.58		9.56			9.53			9.51				9.48			9.45				9.43		9.40		9.37			9.35		9.32		
TÊN HỒ GA	GTB1	GTB2		GTB3		GTB4			GTB5			GTB6			GTB7			GTB8			GTB9		GTB10			GTB11			GTB12	GTB13		
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	11.47 11.47	11.57	11.63	11.38	11.53	10.14	10.38	11.31	10.93	10.85	10.71	9.54	9.40	9.27	9.49	8.09	7.16	6.98	7.09	7.74	7.96	7.97		7.97		8.11	8.91	8.97	9.08	10.08	9.80	9.84
KHOẢNG CÁCH LỀ	2.39	6.86	11.41	17.00	17.00	54.67	55.67	57.67	13.96	11.01	10.97	6.98	9.99	10.55	5.90	12.96	15.45	12.96	19.00	18.79	20.00	19.00	19.00	12.00	12.50	12.00	19.50	19.08	19.08	0.92		
KHOẢNG CÁCH CỘNG ĐỒN	0.00 2.39	9.26	20.67	37.67	54.67	55.67	57.67	72.63	83.63	94.60	96.59	103.57	105.56	116.11	122.01	123.01	125.00	140.45	153.41	155.40	159.60	178.39	198.39	217.39	219.39	231.39	243.89	244.89	246.89	267.39	286.47	
TÊN CỌC	DT-2.39M DT	1	2	3	5	7		*TD1	8	9	10	11	12	*P1	13	15	14	16	17	*TC1	18	19	20	21	22	23	24	26	25	27	28	28+19.08M
LÝ TRÌNH	KM0																															
SƠ HỌA TUYẾN																																

CHỦ ĐẦU TƯ:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
(ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THO - HÀ NỘI)
ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498

THIẾT KẾ XÂY DỰNG
TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:

TRẮC DỌC CỐNG D1000
TUYẾN 1

CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN	
CHỦ TRÌ TKGT	BÙI MINH CHIẾN	
THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG	
KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN	

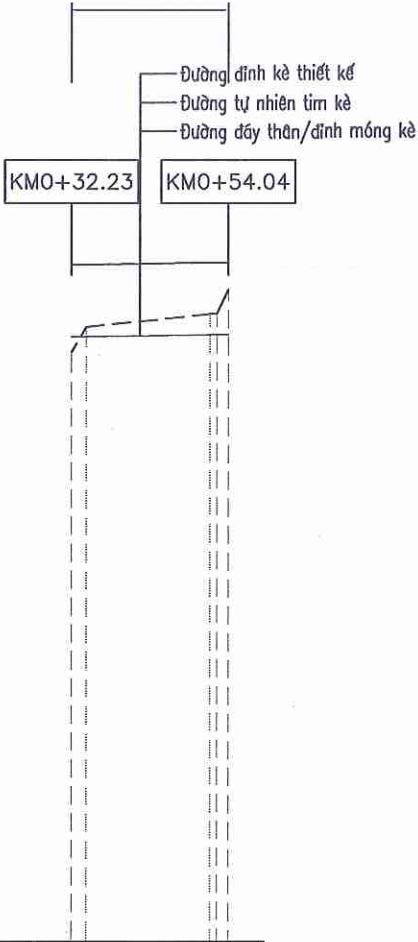
CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC

PHÁT TRIỂN
HẠ TẦNG ĐÔ THỊ
AVIC

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HOÀN THÀNH: /20
BẢN VẼ SỐ: 03/03
KÝ HIỆU: TD-CONG
TỶ LỆ: 1/100; 1/1000

Thiết kế kè đá trái tuyến từ cọc 3-2.08m -:- 5+1.60m; Chiều dài L=21.81m



CAO ĐỘ THIẾT KẾ ĐỈNH KÈ TRÁI	11.41 11.42	11.45
CAO ĐỘ THIẾT KẾ ĐÁY KÈ TRÁI	10.41 10.42	10.45
CHIỀU CAO KÈ TRÁI	1.00 1.00	1.00
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	10.20 10.55	10.73 11.09
KHOẢNG CÁCH LỀ	2.08 17.12	19.20
KHOẢNG CÁCH CỘNG ĐƠN	0.00 2.08	19.21 21.81
TÊN CỌC	3-2.08M 3	4 5+1.60M 5
LÝ TRÌNH		
SƠ HỌA TUYẾN		

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI

THẨM TRA

Theo văn bản số: 65/BC.TT

Ngày 24 tháng 4 năm 2026

Ký tên:

Phường Văn Cường

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số: 15/KSTP-KT

ngày 24 tháng 4 năm 2026

Người thẩm định ký tên

Kiều Văn Bình

CHỦ ĐẦU TƯ:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
(ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI)
ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498

THIẾT KẾ XÂY DỰNG
TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:

TRẮC ĐỌC KÈ TRÁI
TUYẾN 1

CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN	
CHỦ TRÌ TKGT	BÙI MINH CHIẾN	
THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG	
KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN	

CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC

GIÁM ĐỐC:

PHÁT TRIỂN
HẠ TẦNG ĐÔ THỊ
AVIC

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

NGUYỄN ANH TUẤN

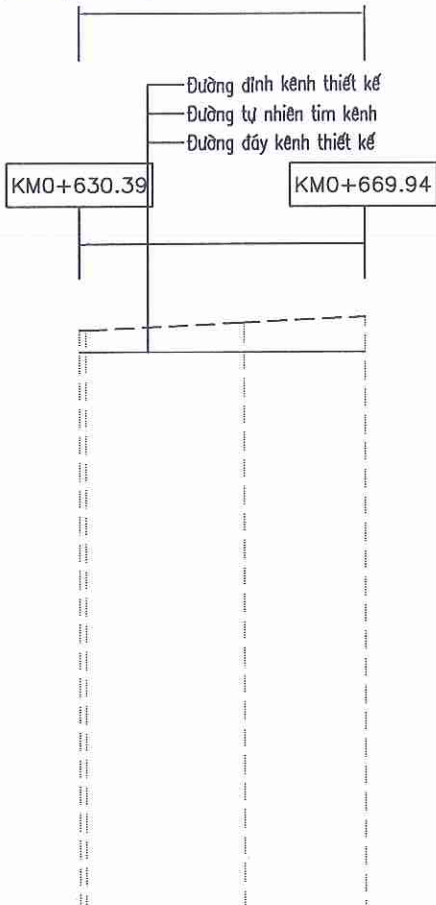
HOÀN THÀNH: /20

BẢN VẼ SỐ: 01/01

KÝ HIỆU: TD-KE

TỶ LỆ: 1/100; 1/1000

Thiết kế kênh B1500 phải tuyến từ cọc 62-0.90m -:- 63+16.67m; Chiều dài L=39.55m



CAO ĐỘ THIẾT KẾ ĐỈNH Rãnh	10.60 10.60	10.61	10.60
ĐỘ DỐC ĐÁY Rãnh PHẢI	0.02% 39.55		
CAO ĐỘ ĐÁY Rãnh PHẢI	9.10 9.10	9.10	9.10
CHIỀU CAO Rãnh PHẢI	1.50 1.50	1.50	1.50
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	9.41 9.40	9.51	9.59
KHOẢNG CÁCH LỀ	0.00 0.00	21.98	16.67
KHOẢNG CÁCH CỘNG DỒN	0.00 0.90	22.88	39.55
TÊN CỌC	62-0.90M 62	63	63+16.67M
LÝ TRÌNH			
SƠ HỌA TUYẾN			

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI

THẨM TRA

Theo văn bản số: 65.1 BCTT

Ngày 24 tháng 4 năm 2016

Ký tên:

Phường Văn Cường

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số 113/TB-KOT&KT

ngày 24 tháng 4 năm 2016

Người thẩm định ký tên

Hiền Văn Bình

CHỦ ĐẦU TƯ: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG	THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI	TÊN BẢN VẼ: TRẮC ĐỌC KÊNH PHẢI TUYẾN 1	CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC M.S. N: 0109055864 - C GIAM ĐỐC NGUYỄN ANH TUẤN	HOÀN THÀNH: /20
			CHỦ TRÌ TKGT	BÙI MINH CHIẾN		BẢN VẼ SỐ: 01/01
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC (ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI) ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498			THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG		KÝ HIỆU: TD-KENH
			KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN		TỶ LỆ: 1/100; 1/1000

Thiết kế chân khay trái tuyến từ cọc 11-6.92m -:- 31+0.87m; Chiều dài L=199.50m

KM0+288.20

KM0+353.21

Đường đỉnh chân khay thiết kế
Đường tự nhiên tìm chân khay
Đường đáy thân/dỉnh móng chân khay

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI
THẨM TRA
Theo văn bản số: 651/BCTT.....
Ngày 24 tháng 4 năm 2026
Ký tên:

Phạm Văn Cường

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 151/Đ-KTĐ-KT
ngày 24 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên

Nguyễn Văn Bình

CAO ĐỘ THIẾT KẾ ĐỈNH KÈ TRÁI	11.07	10.97	10.97	10.23	9.72	9.77	9.89	7.77	7.27	7.27	7.86
CAO ĐỘ THIẾT KẾ ĐÁY KÈ TRÁI	10.07	9.97	9.97	9.23	8.72	8.77	8.89	6.17	6.27	6.27	6.86
CHIỀU CAO KÈ TRÁI	1.00	1.00	1.00	1.00	1.00	1.00	1.00	1.00	1.00	1.00	1.00
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	10.80	10.72	10.69	9.50	9.46	8.29	9.10	6.91	7.00	7.01	7.60
KHOẢNG CÁCH LỀ		6.92	1.98	10.53	5.90	0.99	1.98	17.82	12.72	1.96	4.23
KHOẢNG CÁCH CỘNG DỒN	0.01	6.92	8.90	19.43	25.33	26.32	28.30	46.12	58.83	60.79	65.02
TÊN CỌC	11-6.92M	12			13	15			17		*TC1
LÝ TRÌNH		11		*P1		14		16		18	
SƠ HỌA TUYẾN					A=0d5'43.8"	A=0d5'43.8"	A=0d5'43.8"		A=0d5'43.8"	A=0d31'1.2"	

CHỦ ĐẦU TƯ:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
(ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI)
ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498

THIẾT KẾ XÂY DỰNG

TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:

TRẮC ĐỌC CHÂN KHAY TRÁI
TUYẾN 1

CHỦ NHIỆM TK

NGUYỄN ANH TUẤN

CHỦ TRÌ TKGT

BÙI MINH CHIẾN

THIẾT KẾ

NGUYỄN PHI LONG

KIỂM TRA

BÙI MINH CHIẾN

CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC

CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN
HẠ TẦNG ĐÔ THỊ
AVIC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

NGUYỄN ANH TUẤN

HOÀN THÀNH: /20

BẢN VẼ SỐ: 01/04

KÝ HIỆU: TD-CK

TỶ LỆ: 1/100; 1/250

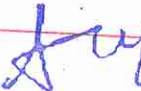
9.50m

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI

THẨM TRA

Theo văn bản số: 651/BC.VT

Ngày 24 tháng 4 năm 2026

Ký tên: 

Phuong Van Cuong

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số 115/TB-KOTD-K
ngày 14 tháng 4 năm 2016

Người thẩm định ký tên

Khiếu Văn Bình

34 39

CAO ĐỘ THIẾT KẾ ĐỈNH KÈ TRÁI	7.86	7.97	8.09	8.34	8.89	9.31
CAO ĐỘ THIẾT KẾ ĐÁY KÈ TRÁI	6.86	6.97	7.09	7.34	7.89	8.31
CHIỀU CAO KÈ TRÁI	1.00	1.00	1.00	1.00	1.00	1.00
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	7.80	7.84	7.82	8.06	8.62	9.04
KHOẢNG CÁCH LỀ		18.79	20.01	19.00	2.15	12.01
KHOẢNG CÁCH CỘNG ĐỒN	65.02	83.80	103.81	122.81	124.96	136.97
TÊN CỌC	*TC1		20		22	
		19		21		23
LÝ TRÌNH			H4			
SƠ HỌA TUYẾN	A=1d33'32.2" A=-1d3'37.0"					

CHỦ ĐẦU TƯ:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG


CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVC
 (ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỐ 6 - XÃ PHÚC THO - HÀ NỘI)
 ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498

THIẾT KẾ XÂY DỰNG
TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:

TRẮC ĐỌC CHÂN KHAY TRÁI
TUYẾN 1

CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN
CHỦ TRÌ TKGT	BÙI MINH CHIẾN
THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG
KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC

GIÁM ĐỐC

PHÁT TRIỂN

HẠ TẦNG ĐÔ THỊ

AVIC

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN ANH TUẤN

HOÀN THÀNH:	/20
BẢN VẼ SỐ:	02/04
KÝ HIỆU:	TD-CK
TỶ LỆ:	1/100; 1/250

Thiết kế chân khay trái tuyến từ cọc 11-6.92m -- 31+0.87m; Chiều dài L=199.50m

KM0+425.16

KM0+487.70

Đường đỉnh chân khay thiết kế
Đường tự nhiên tìm chân khay
Đường đáy thân/dỉnh móng chân khay

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI
THẨM TRA
Theo văn bản số: 65 / BC.TT
Ngày 24 tháng 4 năm 2026
Ký tên:

Phường Văn Cường

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 112 / TT-KQTD-KT
ngày 24 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên

Kiều Văn Bình

CAO ĐỘ THIẾT KẾ ĐỈNH KÈ TRÁI	9.31	10.41	10.88	10.64	10.12	10.07	10.08	10.16	11.93	12.05
CAO ĐỘ THIẾT KẾ ĐÁY KÈ TRÁI	8.31	9.41	9.88	9.64	9.12	9.07	9.08	9.16	10.93	11.05
CHIỀU CAO KÈ TRÁI	1.00	1.00	1.00	1.00	1.00	1.00	1.00	1.00	1.00	1.00
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	9.04	9.59	9.88	10.37	9.81	9.80	9.81	9.84	11.80	11.91
KHOẢNG CÁCH LỀ	12.57	1.07	2.00	1.30	19.53	20.00	1.03	4.15	0.87	
KHOẢNG CÁCH CỘNG DỒN	136.97	149.54	150.61	152.62	153.92	173.44	193.44	194.48	198.63	199.50
TÊN CỌC	23	24	25	26	27	28	29	30	31	31+0.87M
LÝ TRÌNH										
SƠ HỌA TUYẾN						A=-0d37'41.0"			A=-2d16'22.3"	

CHỦ ĐẦU TƯ:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
(ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI)
ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498

THIẾT KẾ XÂY DỰNG

TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:

TRẮC DỌC CHÂN KHAY TRÁI
TUYẾN 1

CHỦ NHIỆM TK

NGUYỄN ANH TUẤN

CHỦ TRÌ TKGT

BÙI MINH CHIẾN

THIẾT KẾ

NGUYỄN PHI LONG

KIỂM TRA

BÙI MINH CHIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
GIÁM ĐỐC

CÔNG TY
CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN
HẠ TẦNG ĐÔ THỊ
AVIC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

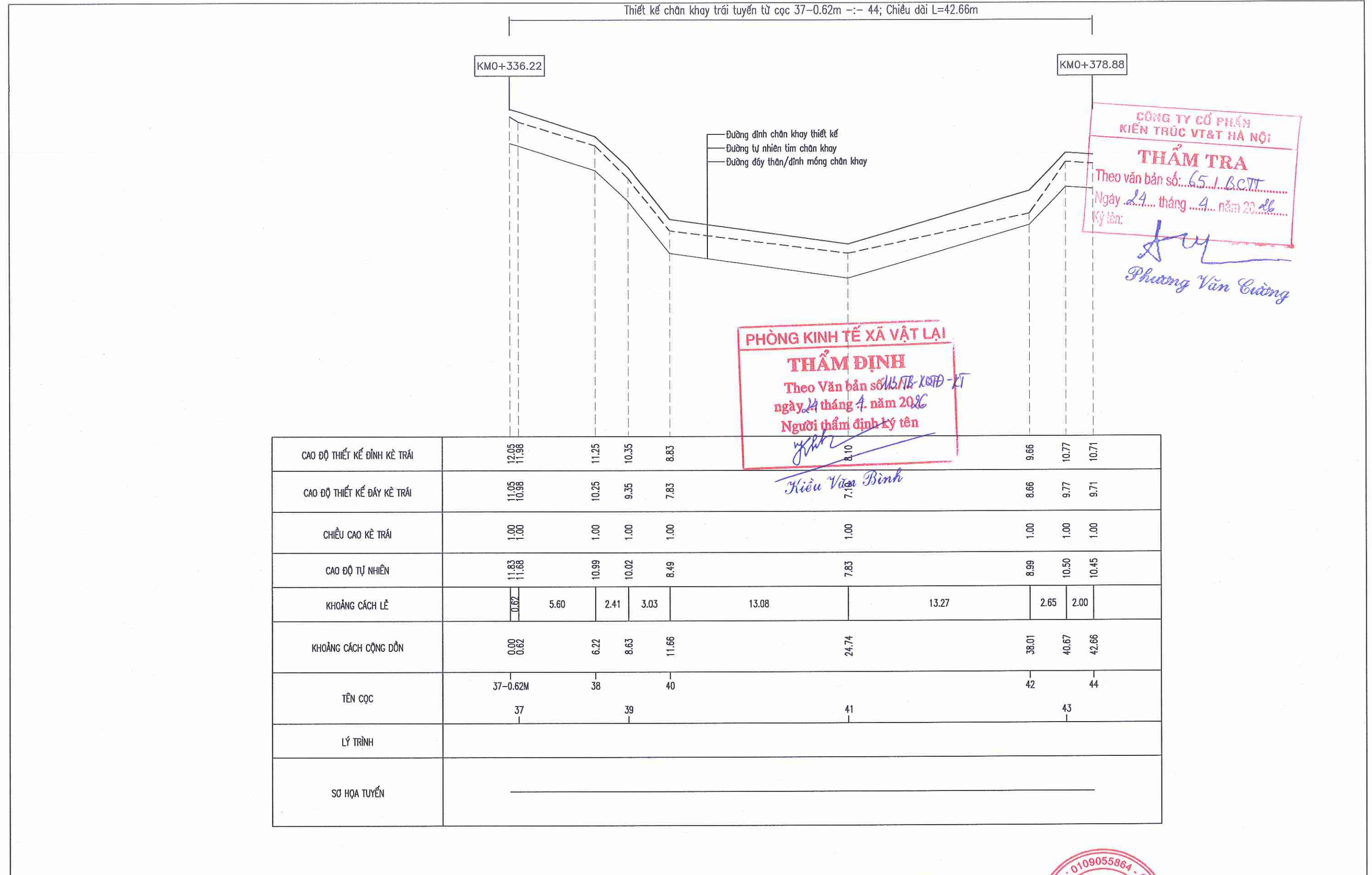
NGUYỄN ANH TUẤN

HOÀN THÀNH: /20

BẢN VẼ SỐ: 03 /04

KÝ HIỆU: TD-CK

TỶ LỆ: 1/100; 1/250



CHỦ ĐẦU TƯ: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG		THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI	TÊN BẢN VẼ: TRẮC DỌC CHÂN KHAY TRÁI TUYẾN 1		CHỦ NHIỆM TK NGUYỄN ANH TUẤN 	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC M.S.ĐN: 0109055864 - C PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC THÀNH PHỐ HÀ NỘI 	HOÀN THÀNH: /20
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:  CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC (ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI) ĐIỆN THOẠI: 032 997 5498			CHỦ TRÌ TKGT BÙI MINH CHIẾN 	BẢN VẼ SỐ: 04 /04			
			THIẾT KẾ NGUYỄN PHI LONG 	KÝ HIỆU: TD-CK			
			KIỂM TRA BÙI MINH CHIẾN 	TỶ LỆ: 1/100; 1/250			

Thiết kế chân khay phải tuyến từ cọc 11-4.03m :- 30+2.16m; Chiều dài L=197.32m

KM0+96.32

KM0+161.99

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIỂM TRÚC VT&T HÀ NỘI
THẨM TRA
Theo văn bản số: 651/B.C.TT.....
Ngày 24 tháng 4 năm 2026
Ký tên: *Phạm Văn Cường*

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 12/NB-KTĐ-KT
ngày 24 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên: *Kiên Văn Bình*

CAO ĐỘ THIẾT KẾ ĐỈNH KÈ PHẢI	11.18	11.01	10.92		10.87	10.18	8.80	7.77		8.01	9.94	10.88
CAO ĐỘ ĐÁY KÈ PHẢI	10.18	10.01	9.92		9.87	9.18	7.80	6.77		7.01	8.94	9.88
CHIỀU CAO KÈ PHẢI	1.00	1.00	1.00		1.00	1.00	1.00	1.00		1.00	1.00	1.00
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	11.04	10.73	10.64		10.59	9.86	8.28	7.47	7.15	7.61	8.14	10.61
KHOẢNG CÁCH LỀ		4.02	2.03	10.72	6.24	2.39	2.61	15.85	13.30	4.02	4.48	
KHOẢNG CÁCH CỘNG DỒN	0.00	4.02	6.06	16.78	23.02	25.41	28.03	43.87	57.18	61.19	65.68	
TÊN CỌC	11-4.03M	12			13	15			17		*TC1	
LÝ TRÌNH		11		*P1		14		16		18		
SƠ HỌA TUYẾN												

CHỦ ĐẦU TƯ:
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
(ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI)
ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498

THIẾT KẾ XÂY DỰNG
TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỤC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:

TRẮC ĐỌC CHÂN KHAY PHẢI
TUYẾN 1

CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN	<i>Trần</i>
CHỦ TRÌ TKGT	BÙI MINH CHIẾN	<i>Ch</i>
THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG	<i>Long</i>
KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN	<i>Ch</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
CHỨC VỤ: KIỂM ĐỌC
NGƯỜI KIỂM ĐỌC: NGUYỄN ANH TUẤN

HOÀN THÀNH: /20

BẢN VẼ SỐ: 01/04

KÝ HIỆU: TD-CK

TỶ LỆ: 1/100; 1/250

Đường đỉnh chân khay thiết kế

Đường tự nhiên tìm chân khay

Đường dây thân/dính móng chân khay

KMO+161.99

KMO+222.01

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI

THẨM TRA

Theo văn bản số: 651/B.C.T.T

Ngày 24 tháng 4 năm 2026

Ký tên:

Phạm Văn Cường

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số 1117/TB-KQĐ-K
ngày 24 tháng 4 năm 2016

Người thẩm định ký tên

Khiên

Khiên Văn Bình

CHỦ ĐẦU TƯ: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG	THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI	TÊN BẢN VẼ: TRẮC DỌC CHÂN KHAY PÁI TUYẾN 1	<table><tr><td>CHỦ NHIỆM TK</td><td>NGUYỄN ANH TUẤN</td><td></td></tr><tr><td>CHỦ TRÌ TKG</td><td>BÙI MINH CHIẾN</td><td></td></tr><tr><td>THIẾT KẾ</td><td>NGUYỄN PHI LONG</td><td></td></tr><tr><td>KIỂM TRA</td><td>BÙI MINH CHIẾN</td><td></td></tr></table>	CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN		CHỦ TRÌ TKG	BÙI MINH CHIẾN		THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG		KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN		CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC M.S. 02023000
CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN															
CHỦ TRÌ TKG	BÙI MINH CHIẾN															
THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG															
KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN															

Thiết kế chân khay phải tuyến từ cọc 11-4.03m -- 30+2.16m; Chiều dài L=197.32m

KM0+222.01

KM0+293.64

- Đường đỉnh chân khay thiết kế
- Đường tự nhiên tìm chân khay
- Đường đáy thân/dỉnh móng chân khay

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI

THẨM TRA

Theo văn bản số: 651/BC.T
Ngày 24 tháng 4 năm 2026
Ký tên:

Phường Văn Cường

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số 113/TĐ-KTĐ-KT
ngày 24 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên

Hiền Văn Bình

CAO ĐỘ THIẾT KẾ ĐỈNH KÈ PHẢI	9.53	9.88	10.67	10.51	10.18	10.17	10.08	11.44	11.90	12.30
CAO ĐỘ ĐÁY KÈ PHẢI	8.53	8.88	9.67	9.51	9.18	9.17	9.08	10.44	10.90	11.30
CHIỀU CAO KÈ PHẢI	1.00	1.00	1.00	1.00	1.00	1.00	1.00	1.00	1.00	1.00
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	9.12	9.40	10.40	10.37	9.91	9.91	9.81	11.13	11.62	12.00
KHOẢNG CÁCH LỀ		12.00	12.53	1.03	2.07	1.00	19.51	20.10	1.22	2.16
KHOẢNG CÁCH CỘNG DỒN	125.69	137.70	150.23	151.26	153.33	154.34	173.84	193.94	195.16	197.32
TÊN CỌC	22		24		26		28	30		
		23		25	27			29	30+2.16M	
LÝ TRÌNH										
SƠ HỌA TUYẾN	A=--0d27'25.08" 33.7" A=2d51'15.4" A=0d1'19.9" A=6d40'14.1"									

CHỦ ĐẦU TƯ:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:

AVIC JSC

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
(ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI)
ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498

THIẾT KẾ XÂY DỰNG

TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ

HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI

ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:

TRẮC ĐỌC CHÂN KHAY PHẢI

TUYẾN 1

CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN	
CHỦ TRÌ TKGT	BÙI MINH CHIẾN	
THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG	
KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN	

0109055864

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC

CỔ PHẦN

PHÁT TRIỂN

HẠ TẦNG ĐÔ THỊ

AVIC

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

NGUYỄN ANH TUẤN

HOÀN THÀNH: /20

BẢN VẼ SỐ: 03/04

KÝ HIỆU: TD-CK

TỶ LỆ: 1/100; 1/250

Thiết kế chân khay phải tuyến từ cọc 36-0.92m -- 44; Chiều dài L=44.56m

KM0+295.95

KM0+340.51

Đường đỉnh chân khay thiết kế
Đường tự nhiên tìm chân khay
Đường đáy thân/dỉnh móng chân khay

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI
THẨM TRA
Theo văn bản số: 651/BCT
Ngày 24 tháng 4 năm 2026
Ký tên:
Phường Văn Cường

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 12/TL-KTĐ-KT
ngày 24 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên
Nguyễn Văn Bình

CAO ĐỘ THIẾT KẾ ĐỈNH KÈ PHẢI	11.97	11.77	11.29	10.10	8.96	8.76	8.93	9.49	10.72
CAO ĐỘ ĐÁY KÈ PHẢI	10.97	10.77	10.29	9.10	7.96	7.76	7.93	8.49	9.72
CHIỀU CAO KÈ PHẢI	1.00	1.00	1.00	1.00	1.00	1.00	1.00	1.00	1.00
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	11.83	11.51	11.02	9.85	8.67	8.49	7.85	8.62	9.17
KHOẢNG CÁCH LỀ	0.92	2.12	5.78	2.63	2.04	13.02	13.08	2.20	2.76
KHOẢNG CÁCH CỘNG DỒN	0.00	0.92	3.04	8.82	11.44	13.48	26.51	39.59	41.79
TÊN CỌC	36-0.92M	37		39		41		43	
LÝ TRÌNH	36			38		40		42	
SƠ HỌA TUYẾN	A=9d55'5.3"								

CHỦ ĐẦU TƯ:
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
(ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THO - HÀ NỘI)
ĐIỆN THOẠI: 032.687.5488

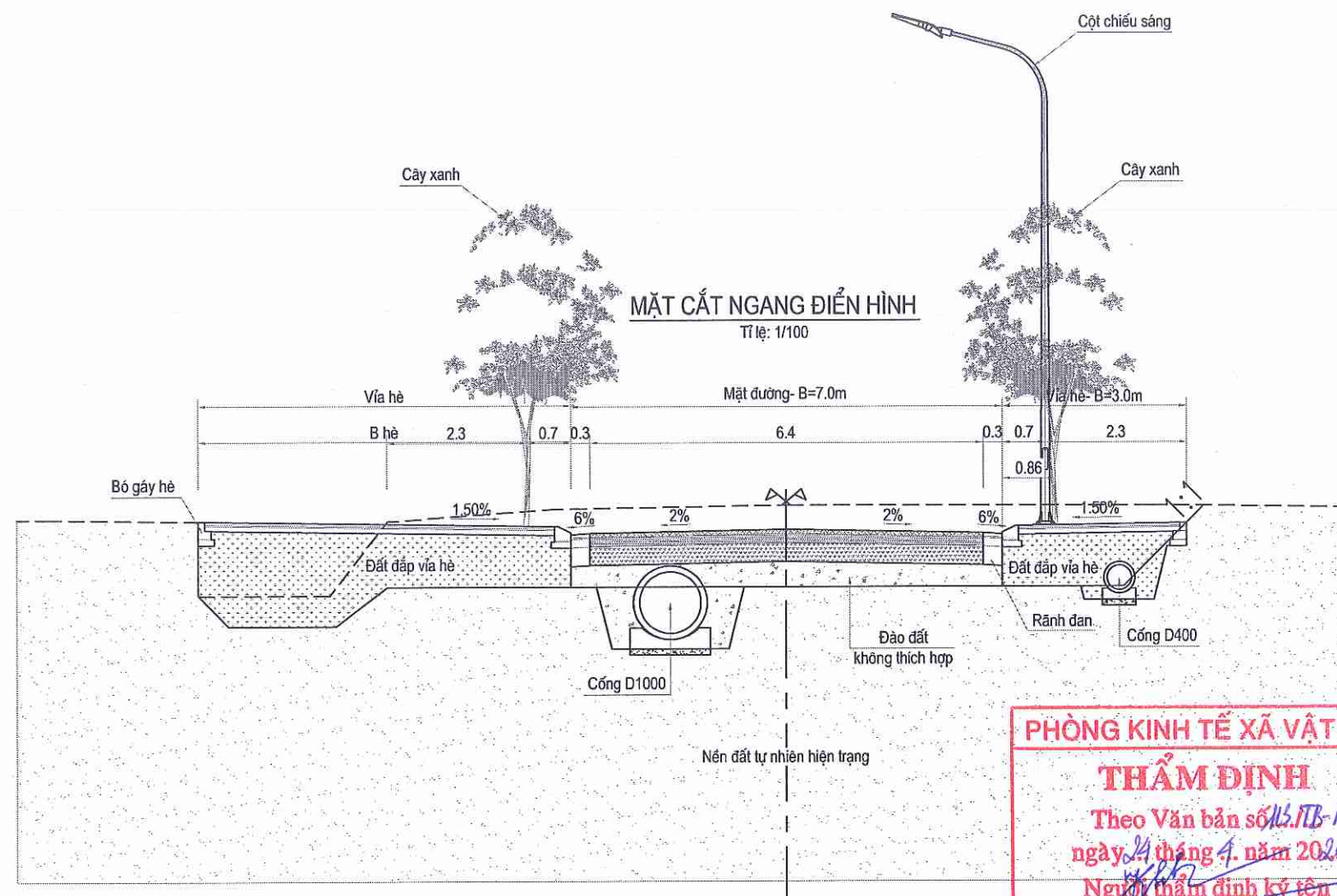
THIẾT KẾ XÂY DỰNG
TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:
TRẮC ĐỌC CHÂN KHAY PHẢI
TUYẾN 1

CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN
CHỦ TRÌ TKGT	BÙI MINH CHIẾN
THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG
KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI
PHÁT TRIỂN
HẠ TẦNG ĐÔ THỊ
AVIC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
CHỦ TRÌ THI CÔNG
NGUYỄN ANH TUẤN

HOÀN THÀNH: /20
BẢN VẼ SỐ: 04/04
KÝ HIỆU: TD-CK
TỶ LỆ: 1/100; 1/250



CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI

THẨM TRA

Theo văn bản số: 651.B.CTT

Ngày 24 tháng 4 năm 2026

Ký tên: *Phạm Văn Cường*

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số 115.TB-KTĐ-KT

ngày 24 tháng 4 năm 2026

Người thẩm định ký tên: *Hiền Văn Bình*

Kết cấu 1: Mặt đường làm mới BTN (KC1)

- ① Mặt đường BTN chặt C12.5 dày 7cm
- ② Tưới thấm bảm tiêu chuẩn 1.0kg/m² (Nhựa MC30)
- ③ Cấp phối đá dăm loại I dày 15cm
- ④ Cấp phối đá dăm loại II dày 30cm

Kết cấu vỉa hè: Lát gạch bê tông giả đá

- ① Lát gạch bê tông giả đá dày 4.5cm
- ② Lớp vữa xi măng M100 dày 2cm
- ③ Lớp BTXM đá 2x4 M150 dày 8cm
- ④ Lớp nilon lót móng

CHỦ ĐẦU TƯ:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:

AVIC JSC
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
(ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI)
ĐIỆN THOẠI: 032 897 5498

THIẾT KẾ XÂY DỰNG
TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:

TRẮC NGANG ĐIỂN HÌNH
TUYẾN 1

CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN
CHỦ TRÌ TKGT	BÙI MINH CHIẾN
THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG
KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC

GIÁM ĐỐC

PHÁT TRIỂN

HẠ TẦNG ĐÔ THỊ

AVIC

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

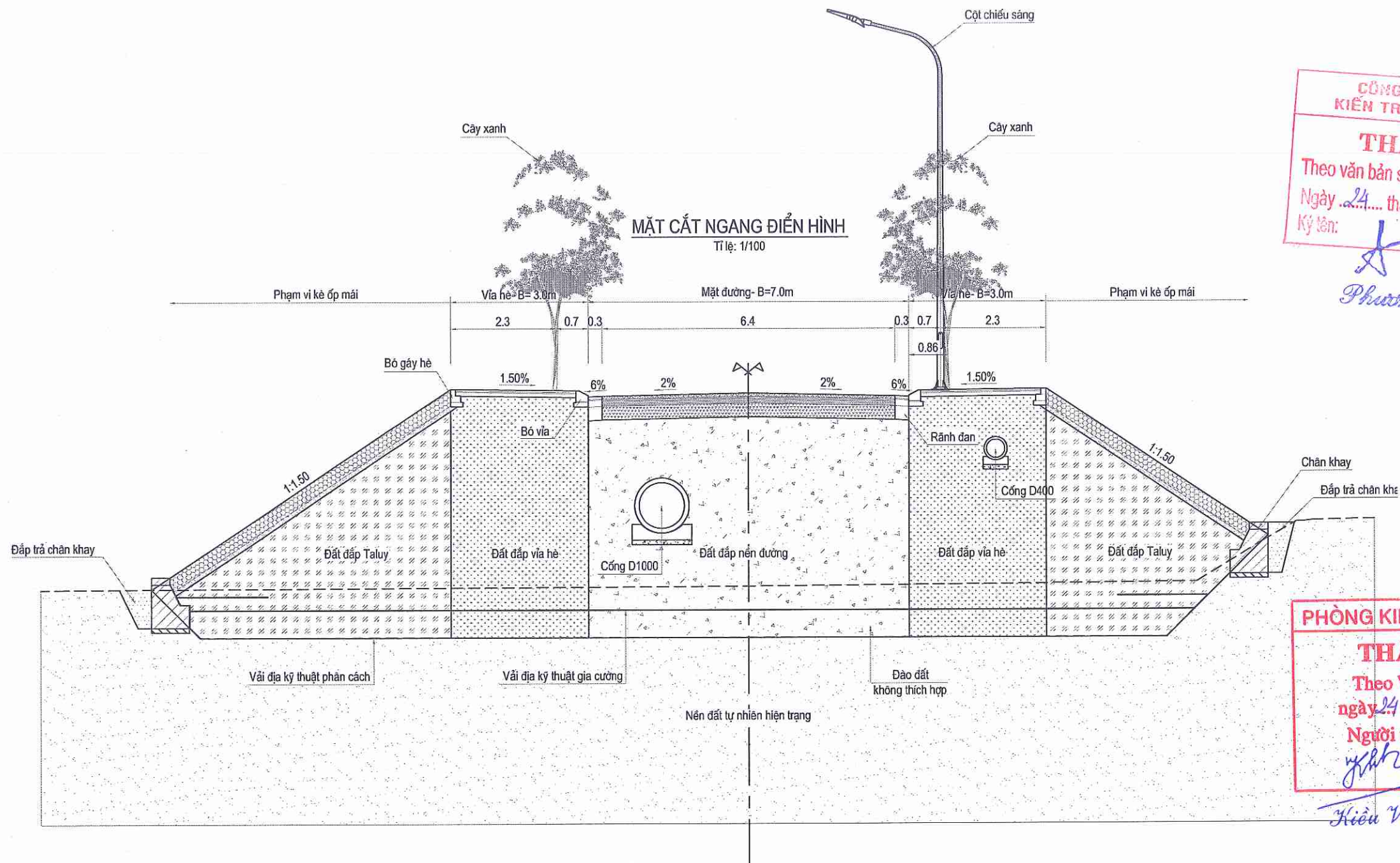
NGUYỄN ANH TUẤN

HOÀN THÀNH: /20

BẢN VẼ SỐ: 01/04

KÝ HIỆU: TNH

TỶ LỆ:



CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI

THẨM TRA

Theo văn bản số: 651/BC/TT

Ngày 24 tháng 4 năm 2026

Ký tên: *Phường Văn Cường*

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số 131/TB-KOTĐ-KT

ngày 24 tháng 4 năm 2026

Người thẩm định ký tên: *Kiều Văn Bình*

Kết cấu 1: Mặt đường làm mới BTN (KC1)

- 1 Mặt đường BTN chặt C12.5 dày 7cm
- 2 Tưới thấm bám tiêu chuẩn 1.0kg/m² (Nhựa MC30)
- 3 Cấp phối đá dăm loại I dày 15cm
- 4 Cấp phối đá dăm loại II dày 30cm

Kết cấu vỉa hè: Lát gạch bê tông giả đá

- 1 Lát gạch bê tông giả đá dày 4.5cm
- 2 Lớp vữa xi măng M100 dày 2cm
- 3 Lớp BTXM đá 2x4 M150 dày 8cm
- 4 Lớp nilon lót móng

CHỦ ĐẦU TƯ:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
(ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI)
ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498

THIẾT KẾ XÂY DỰNG
TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:

TRẮC NGANG ĐIỂN HÌNH
TUYẾN 1

CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN
CHỦ TRÌ TKGT	BÙI MINH CHIẾN
THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG
KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC

0109055864

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC

0109055864

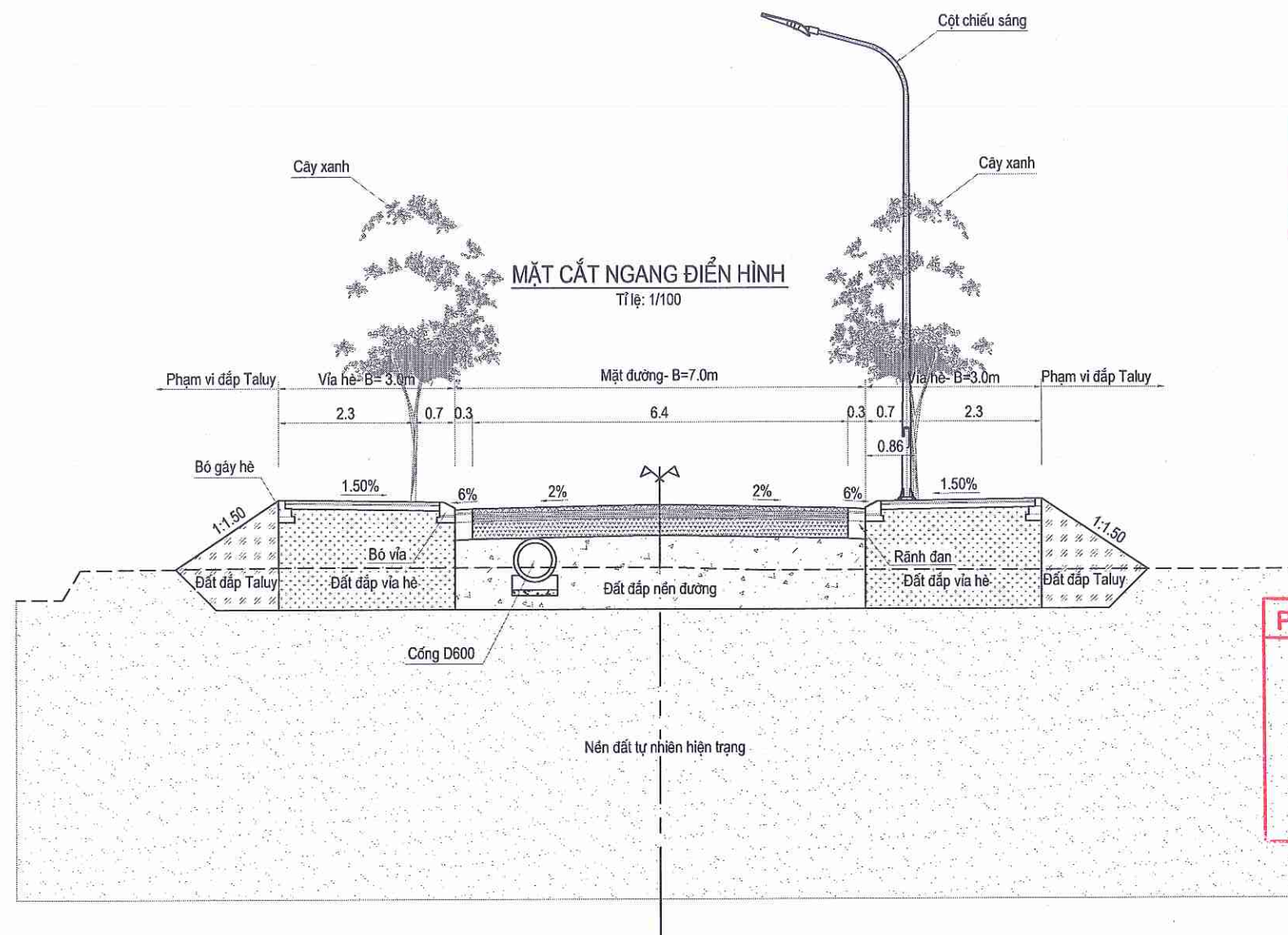
NGUYỄN ANH TUẤN

HOÀN THÀNH: /20

BẢN VẼ SỐ: 02/04

KÝ HIỆU: TNH

TỶ LỆ:



**CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI**

THẨM TRA

Theo văn bản số: 651/BCTT

Ngày: 24 tháng 4 năm 2026

Ký tên: Phạm Văn Cường

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số: MS/ TB-KOTD-KT

ngày: 24 tháng 4 năm 2026

Người thẩm định ký tên: Kiều Văn Bình

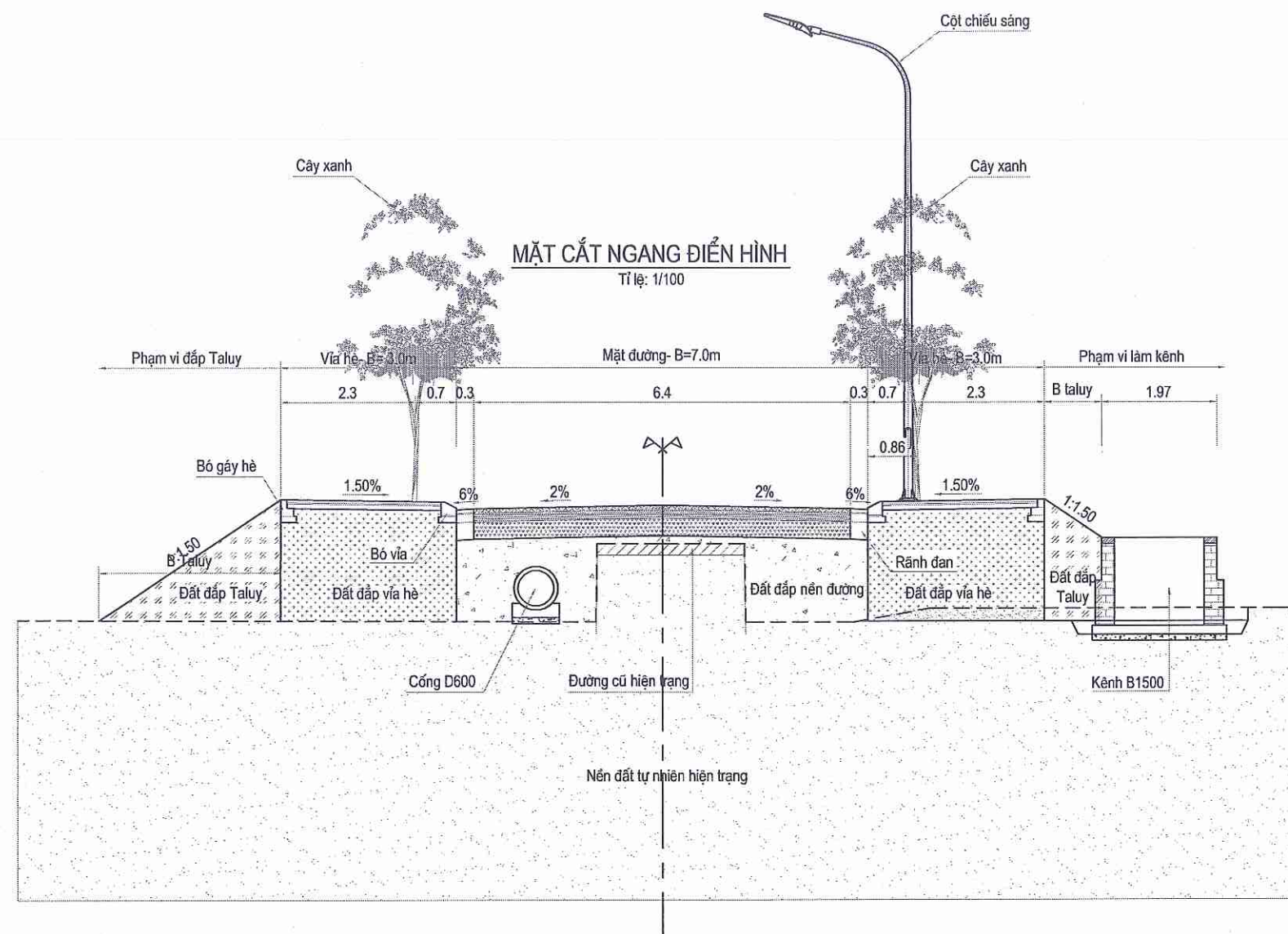
Kết cấu 1: Mặt đường làm mới BTN (KC1)

- ① Mặt đường BTN chặt C12.5 dày 7cm
- ② Tưới thấm bám tiêu chuẩn 1.0kg/m² (Nhựa MC30)
- ③ Cấp phối đá dăm loại I dày 15cm
- ④ Cấp phối đá dăm loại II dày 30cm

Kết cấu vỉa hè: Lát gạch bê tông giả đá

- ① Lát gạch bê tông giả đá dày 4.5cm
- ② Lớp vữa xi măng M100 dày 2cm
- ③ Lớp BTXM đá 2x4 M150 dày 8cm
- ④ Lớp nilon lót móng

CHỦ ĐẦU TƯ: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG	THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI		TÊN BẢN VẼ: TRẮC NGANG ĐIỂN HÌNH TUYẾN 1	CHỦ NHIỆM TK NGUYỄN ANH TUẤN	CHỦ TRÌ TKGT BÙI MINH CHIẾN	THIẾT KẾ NGUYỄN PHI LONG	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC PHÁT TRIỂN AVIC NGUYỄN ANH TUẤN		HOÀN THÀNH: /20 BẢN VẼ SỐ: 03/04 KÝ HIỆU: TNH TỶ LỆ:
--	--	--	---	--	---------------------------------------	------------------------------------	--	--	---



CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI

THẨM TRA
Theo văn bản số: 651/BTT
Ngày 24 tháng 4 năm 2026
Ký tên: *Phạm Văn Cường*

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 113/TB-KOTD-KT
ngày 24 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên: *Kiều Văn Bình*

Kết cấu 1: Mặt đường làm mới BTN (KC1)

- 1 Mặt đường BTN chặt C12.5 dày 7cm
- 2 Tưới thấm bám tiêu chuẩn 1.0kg/m² (Nhựa MC30)
- 3 Cấp phối đá dăm loại I dày 15cm
- 4 Cấp phối đá dăm loại II dày 30cm

Kết cấu vỉa hè: Lát gạch bê tông giả đá

- 1 Lát gạch bê tông giả đá dày 4.5cm
- 2 Lớp vữa xi măng M100 dày 2cm
- 3 Lớp BTXM đá 2x4 M150 dày 8cm
- 4 Lớp nilon lót móng

CHỦ ĐẦU TƯ: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:  CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC (ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI)		THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ HOỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI		TÊN BẢN VẼ: TRẮC NGANG ĐIỂN HÌNH TUYẾN 1	<table><tr><td>CHỦ NHIỆM TK</td><td>NGUYỄN ANH TUẤN</td><td></td></tr><tr><td>CHỦ TRÌ TKGT</td><td>BÙI MINH CHIẾN</td><td></td></tr><tr><td>THIẾT KẾ</td><td>NGUYỄN PHI LONG</td><td></td></tr><tr><td>KIỂM TRA</td><td>BÙI MINH CHIẾN</td><td></td></tr></table>	CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN		CHỦ TRÌ TKGT	BÙI MINH CHIẾN		THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG		KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN		CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC M.S. 0109055864 PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC THÀNH PHỐ HÀ NỘI  NGUYỄN ANH TUẤN	HOÀN THÀNH: /20 BẢN VẼ SỐ: 04 /04 KÝ HIỆU: TNH TỶ LỆ:
CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN																		
CHỦ TRÌ TKGT	BÙI MINH CHIẾN																		
THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG																		
KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN																		

S. Đào khuôn : 0.00 m2
S. Đào đất KTH : 0.00 m2
S. Đãnh cấp : 0.00 m2
S. Đào CK trái : 0.00 m2
S. Đãnh CK trái : 0.00 m2
S. Đãnh nền : 2.62 m2
S. Đãnh taluy : 0.00 m2
S. Đãnh hè : 0.00 m2
Vải ĐKT gia cường : 0.00 m
Đãnh cống trái : 3.25 m2
L ếp mái trái : 0.00 m

B. Mặt đường BTN : 0.00 m
B. Hề đường : 0.00 m
CPDD loại I : 0.00 m2
CPDD loại II : 0.00 m2
S. Đào CK phải : 0.00 m2
S. Đãnh CK phải : 0.00 m2
Đãnh cống (kênh) phải : 0.89 m2
Đãnh trả kênh phải : 0.00 m2
H kênh phải : 0.00 m
L ếp mái phải : 0.00 m
Vải ĐKT phân cách : 0.00 m

S. Đào khuôn : 0.14 m2
S. Đào đất KTH : 20.14 m2
S. Đãnh cấp : 0.00 m2
S. Đào CK trái : 0.00 m2
S. Đãnh CK trái : 0.00 m2
S. Đãnh nền : 3.63 m2
S. Đãnh taluy : 0.00 m2
S. Đãnh hè : 5.91 m2
Vải ĐKT gia cường : 0.00 m
Đãnh cống trái : 2.56 m2
L ếp mái trái : 0.00 m

B. Mặt đường BTN : 6.40 m
B. Hề đường : 9.18 m
CPDD loại I : 0.96 m2
CPDD loại II : 1.92 m2
S. Đào CK phải : 0.00 m2
S. Đãnh CK phải : 0.00 m2
Đãnh cống (kênh) phải : 0.49 m2
Đãnh trả kênh phải : 0.00 m2
H kênh phải : 0.00 m
L ếp mái phải : 0.00 m
Vải ĐKT phân cách : 0.00 m

CỌC: DT
KMO+000.00

PV vượt nối=23.01m

MSS: 8.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	11.22	11.25	11.25
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	11.45	11.56	
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	11.22	11.23	11.25
KHOẢNG CÁCH MIA	7.98	7.02	3.81

S. Đào khuôn : 0.00 m2
S. Đào đất KTH : 17.92 m2
S. Đãnh cấp : 0.00 m2
S. Đào CK trái : 0.00 m2
S. Đãnh CK trái : 0.00 m2
S. Đãnh nền : 3.71 m2
S. Đãnh taluy : 0.00 m2
S. Đãnh hè : 9.08 m2
Vải ĐKT gia cường : 0.00 m
Đãnh cống trái : 2.30 m2
L ếp mái trái : 0.00 m

B. Mặt đường BTN : 6.40 m
B. Hề đường : 9.07 m
CPDD loại I : 0.96 m2
CPDD loại II : 1.92 m2
S. Đào CK phải : 0.00 m2
S. Đãnh CK phải : 0.00 m2
Đãnh cống (kênh) phải : 0.52 m2
Đãnh trả kênh phải : 0.00 m2
H kênh phải : 0.00 m
L ếp mái phải : 0.00 m
Vải ĐKT phân cách : 0.00 m

S. Đào khuôn : 0.06 m2
S. Đào đất KTH : 15.32 m2
S. Đãnh cấp : 0.00 m2
S. Đào CK trái : 0.00 m2
S. Đãnh CK trái : 0.00 m2
S. Đãnh nền : 4.73 m2
S. Đãnh taluy : 0.00 m2
S. Đãnh hè : 8.31 m2
Vải ĐKT gia cường : 0.00 m
Đãnh cống trái : 1.90 m2
S. Đào kè trái : 0.87 m2
S. Đãnh trả kè trái : 0.43 m2
H kè trái : 1.00 m
L ếp mái trái : 0.00 m

B. Mặt đường BTN : 6.40 m
B. Hề đường : 8.99 m
CPDD loại I : 0.96 m2
CPDD loại II : 1.92 m2
S. Đào CK phải : 0.00 m2
S. Đãnh CK phải : 0.00 m2
Đãnh cống (kênh) phải : 0.39 m2
Đãnh trả kênh phải : 0.00 m2
H kênh phải : 0.00 m
L ếp mái phải : 0.00 m
Vải ĐKT phân cách : 0.00 m

CỌC: 2
KMO+017.29

Tường xây

MSS: 7.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	10.20	11.41	11.32	11.22	11.20	11.27	11.20	11.19	11.32	11.36	11.65
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	5.87	0.30	3.20	3.20	0.20	2.80	0.28				
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	11.44	11.44	10.20	11.40	11.60	11.66	11.65				11.60
KHOẢNG CÁCH MIA	5.40	0.03	2.15	0.92	2.73	3.77	5.94				9.06

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 13.16-KST/XT
Ngày 24 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên

MSS: 7.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	10.87	11.42	11.34	11.23	11.22	11.28	11.22	11.23	11.34	11.38	11.43
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	0.72	0.40	5.39	0.30	3.20	3.20	0.20	2.80	0.65		
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	10.90	10.86	10.20	10.20	11.25	11.44	11.42			11.50	11.50
KHOẢNG CÁCH MIA	5.49	0.48	2.37	0.67	6.00	5.88	4.58			4.54	

CHỦ ĐẦU TƯ:
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
(ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI)
ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498

THIẾT KẾ XÂY DỰNG
TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:
TRẮC NGANG THIẾT KẾ
TUYẾN 1

CHỦ NHIỆM TK: NGUYỄN ANH TUẤN
CHỦ TRÌ TKGT: BÙI MINH CHIẾN
THIẾT KẾ: NGUYỄN PHI LONG
KIỂM TRA: BÙI MINH CHIẾN

CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
CÓ PHÁP NHÂN ĐỘC
PHÁT TRIỂN
HẠ TẦNG ĐÔ THỊ
AVIC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
NGUYỄN ANH TUẤN

HOÀN THÀNH: /20
BẢN VẼ SỐ: 01/18
KÝ HIỆU: TMTK
TỶ LỆ: 1/200

S. Đào khuôn : 0.07 m2
S. Đào đất KTH : 18.42 m2
S. Đánh cấp : 0.00 m2
S. Đào CK trái : 0.00 m2
S. Đắp CK trái : 0.00 m2
S. Đắp nền : 6.35 m2
S. Đắp taluy : 0.00 m2
S. Đắp hè : 12.23 m2
Vải ĐKT gia cường : 0.00 m
Đào cống trái : 1.51 m2
S. Đào kê trái : 1.06 m2
S. Đắp trả kê trái : 0.34 m2
H kê trái : 1.00 m
L ợp mái trái : 0.00 m

B. Mặt đường BTN : 6.40 m
B. Hề đường : 11.05 m
CPDD loại I : 0.96 m2
CPDD loại II : 1.92 m2
S. Đào CK phải : 0.00 m2
S. Đắp CK phải : 0.00 m2
Đào cống (kênh) phải : 0.37 m2
Đắp trả kênh phải : 0.00 m2
H kênh phải : 0.00 m
L ợp mái phải : 0.00 m
Vải ĐKT phân cách : 0.00 m

S. Đào khuôn : 0.06 m2
S. Đào đất KTH : 13.21 m2
S. Đánh cấp : 0.00 m2
S. Đào CK trái : 0.00 m2
S. Đắp CK trái : 0.00 m2
S. Đắp nền : 7.20 m2
S. Đắp taluy : 0.00 m2
S. Đắp hè : 12.37 m2
Vải ĐKT gia cường : 0.00 m
Đào cống trái : 1.49 m2
S. Đào kê trái : 1.10 m2
S. Đắp trả kê trái : 0.35 m2
H kê trái : 1.00 m
L ợp mái trái : 0.00 m

B. Mặt đường BTN : 6.40 m
B. Hề đường : 11.17 m
CPDD loại I : 0.96 m2
CPDD loại II : 1.92 m2
S. Đào CK phải : 0.00 m2
S. Đắp CK phải : 0.00 m2
Đào cống (kênh) phải : 0.36 m2
Đắp trả kênh phải : 0.00 m2
H kênh phải : 0.00 m
L ợp mái phải : 0.00 m
Vải ĐKT phân cách : 0.00 m

CỌC: 4
KMO+051.29

PV vượt nối=0.6m PV vượt nối=0.18m

Nhà C4

MSS: 7.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	10.77	11.45	11.45	11.34	11.24	11.21	11.23	11.24	11.30	11.24	11.22	11.25	11.35	11.39	11.59
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	0.66	0.40	7.45	0.38	0.38	3.20	3.20	0.38	2.80	0.20	0.20	0.20	0.20	0.20	0.20
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	10.80	10.75	10.65	10.20	11.50	11.58	11.60	11.60	11.60	11.60	11.60	11.60	11.60	11.60	11.80
KHOẢNG CÁCH MIA	3.40	1.30	0.48	4.88	1.97	2.98	7.56	7.44	7.44	7.44	7.44	7.44	7.44	7.44	7.44

S. Đào khuôn : 0.00 m2
S. Đào đất KTH : 5.47 m2
S. Đánh cấp : 0.00 m2
S. Đào CK trái : 0.00 m2
S. Đắp CK trái : 0.00 m2
S. Đắp nền : 8.34 m2
S. Đắp taluy : 0.00 m2
S. Đắp hè : 0.00 m2
Vải ĐKT gia cường : 0.00 m
Đào cống trái : 1.44 m2
L ợp mái trái : 0.00 m

B. Mặt đường BTN : 6.40 m
B. Hề đường : 0.00 m
CPDD loại I : 0.96 m2
CPDD loại II : 1.92 m2
S. Đào CK phải : 0.00 m2
S. Đắp CK phải : 0.00 m2
Đào cống (kênh) phải : 0.90 m2
Đắp trả kênh phải : 0.00 m2
H kênh phải : 0.00 m
L ợp mái phải : 0.00 m
Vải ĐKT phân cách : 0.00 m

CỌC: 6
KMO+054.29

PV vượt nối=8.96m PV vượt nối=2.32m

MSS: 7.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	11.24	11.30	11.24	11.24	11.24	11.24	11.24	11.24	11.24	11.24	11.24	11.24	11.24	11.24	11.24
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	3.20	3.20	3.20	3.20	3.20	3.20	3.20	3.20	3.20	3.20	3.20	3.20	3.20	3.20	3.20
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	11.18	11.13	10.14	10.10	11.20	11.20	11.20	11.20	11.20	11.20	11.20	11.20	11.20	11.20	10.35
KHOẢNG CÁCH MIA	7.07	7.93	2.88	0.56	3.14	0.00	8.33	8.33	8.33	8.33	8.33	8.33	8.33	8.33	8.33

CỌC: 5
KMO+052.29

PV vượt nối=1.26m PV vượt nối=0.57m

Nhà C4

MSS: 7.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	10.78	11.44	11.44	11.33	11.22	11.21	11.24	11.30	11.24	11.23	11.21	11.24	11.34	11.38	11.60
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	0.67	0.40	7.57	0.38	0.38	3.20	3.20	0.38	2.80	0.22	0.22	0.22	0.22	0.22	0.22
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	10.80	10.75	10.65	10.15	10.14	11.55	11.60	11.60	11.60	11.60	11.60	11.60	11.60	11.60	11.80
KHOẢNG CÁCH MIA	3.28	2.12	0.63	3.59	5.38	1.76	5.64	7.60	7.60	7.60	7.60	7.60	7.60	7.60	7.60

S. Đào khuôn : 0.00 m2
S. Đào đất KTH : 24.10 m2
S. Đánh cấp : 0.00 m2
S. Đào CK trái : 0.00 m2
S. Đắp CK trái : 0.00 m2
S. Đắp nền : 18.03 m2
S. Đắp taluy : 0.00 m2
S. Đắp hè : 0.00 m2
Vải ĐKT gia cường : 0.00 m
Đào cống trái : 1.42 m2
L ợp mái trái : 0.00 m

B. Mặt đường BTN : 6.40 m
B. Hề đường : 0.00 m
CPDD loại I : 0.96 m2
CPDD loại II : 1.92 m2
S. Đào CK phải : 0.00 m2
S. Đắp CK phải : 0.00 m2
Đào cống (kênh) phải : 0.00 m2
Đắp trả kênh phải : 0.00 m2
H kênh phải : 0.00 m
L ợp mái phải : 0.00 m
Vải ĐKT phân cách : 0.00 m

CỌC: 7
KMO+055.29

PV vượt nối=6.99m PV vượt nối=7.76m

MSS: 8.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	11.24	11.31	11.24	11.24	11.24	11.24	11.24	11.24	11.24	11.24	11.24	11.24	11.24	11.24	11.24
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	3.20	3.20	3.20	3.20	3.20	3.20	3.20	3.20	3.20	3.20	3.20	3.20	3.20	3.20	3.20
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	11.18	11.14	11.16	11.14	11.14	11.15	11.15	11.29	11.32	11.32	11.32	11.32	11.32	11.32	11.32
KHOẢNG CÁCH MIA	5.56	3.03	4.71	1.70	2.85	0.18	4.97	7.00	7.00	7.00	7.00	7.00	7.00	7.00	7.00

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI
THẨM TRA
Theo văn bản số: 651/BCTT
Ngày: 24 tháng 4 năm 2026
Ký tên: *Phạm Văn Cường*

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 13/TB-KOTD-KT
Ngày: 24 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên: *Kiều Văn Bình*

CHỦ ĐẦU TƯ:
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
(ĐỊA CHỈ: SỐ 328 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI)
ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498

THIẾT KẾ XÂY DỰNG
TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:
TRẮC NGANG THIẾT KẾ
TUYẾN 1

CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN	<i>[Chữ ký]</i>
CHỦ TRÌ TKGT	BÙI MINH CHIẾN	<i>[Chữ ký]</i>
THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG	<i>[Chữ ký]</i>
KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN	<i>[Chữ ký]</i>

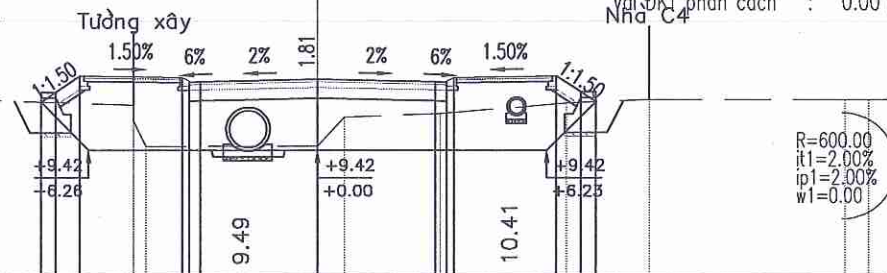
CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI
PHÁT TRIỂN
HẠ TẦNG ĐÔ THỊ
AVIC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
NGUYỄN ANH TUẤN

HOÀN THÀNH: /20
BẢN VẼ SỐ: 02/18
KÝ HIỆU: TMTK
TỶ LỆ: 1/200

S. Đào khuôn : 0.00 m²
 S. Đào đất KTH : 9.97 m²
 S. Đánh cấp : 0.00 m²
 S. Đào CK trái : 0.86 m²
 S. Đắp CK trái : 0.43 m²
 S. Đắp nền : 0.00 m²
 S. Đắp taluy : 0.96 m²
 S. Đắp hè : 10.56 m²
 Vải ĐKT gia cường : 0.00 m²
 Đào cống trái : 0.48 m²
 L ợp mái trái : 0.81 m²

B. Mặt đường BTN : 6.40 m
 B. Hề đường : 6.00 m
 CPDD loại I : 0.96 m²
 CPDD loại II : 1.92 m²
 S. Đào CK phải : 0.86 m²
 S. Đắp CK phải : 0.43 m²
 Đào cống (kênh) phải : 0.00 m²
 Đắp trả kênh phải : 0.00 m²
 H kênh phải : 0.00 m²
 L ợp mái phải : 0.78 m²
 Vải ĐKT phân cách : 0.00 m²

CỌC: 11
 KMO+100.29



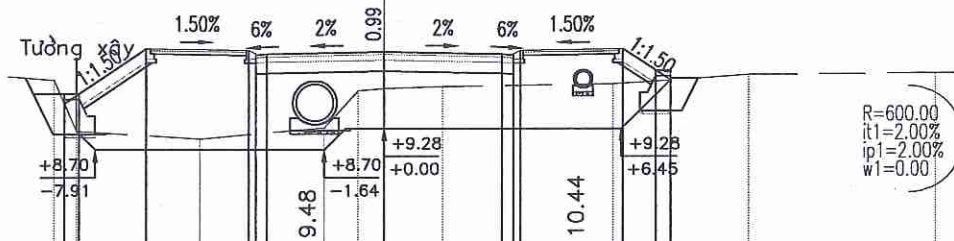
MSS: 6.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ		10.73	11.00	11.44	11.40	11.30	11.27	11.29	11.35	11.29	11.27	11.30	11.40	11.44	11.01	10.74
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ		0.40	0.67	2.80	0.88	3.20	3.20	0.88	2.80	0.65	0.40					
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	10.80	10.80	10.65	10.20	9.53	9.54	10.32	10.42	10.71	10.80						
KHOẢNG CÁCH MIA	5.21	4.75	0.04	4.69	0.74	2.59	3.44	2.24	5.34	0.63						

S. Đào khuôn : 0.00 m²
 S. Đào đất KTH : 12.46 m²
 S. Đánh cấp : 0.00 m²
 S. Đào CK trái : 1.11 m²
 S. Đắp CK trái : 0.63 m²
 S. Đắp nền : 13.28 m²
 S. Đắp taluy : 3.34 m²
 S. Đắp hè : 13.28 m²
 Vải ĐKT gia cường : 0.00 m²
 Đào cống trái : 0.14 m²
 L ợp mái trái : 2.21 m²

B. Mặt đường BTN : 6.40 m
 B. Hề đường : 6.00 m
 CPDD loại I : 0.96 m²
 CPDD loại II : 1.92 m²
 S. Đào CK phải : 0.87 m²
 S. Đắp CK phải : 0.46 m²
 Đào cống (kênh) phải : 0.00 m²
 Đắp trả kênh phải : 0.00 m²
 H kênh phải : 0.00 m²
 L ợp mái phải : 1.05 m²
 Vải ĐKT phân cách : 0.00 m²

CỌC: P1
 KMO+112.88



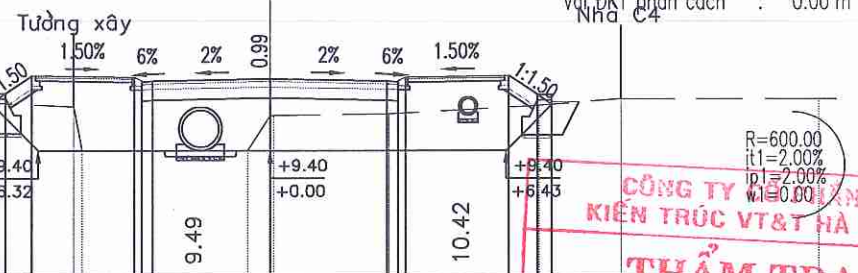
MSS: 6.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ		9.96	10.23	11.46	11.41	11.31	11.28	11.30	11.36	11.30	11.28	11.31	11.41	11.46	10.87	10.61
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ		0.40	1.84	2.80	0.88	3.20	3.20	0.88	2.80	0.88	0.40					
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	10.83	10.83	10.60	9.20	9.00	9.30	10.30	10.37	10.42	10.50						
KHOẢNG CÁCH MIA	2.82	3.16	0.61	3.37	3.40	0.93	0.71	1.59	4.63	3.68						

S. Đào khuôn : 0.00 m²
 S. Đào đất KTH : 9.80 m²
 S. Đánh cấp : 0.00 m²
 S. Đào CK trái : 0.86 m²
 S. Đắp CK trái : 0.44 m²
 S. Đắp nền : 8.95 m²
 S. Đắp taluy : 0.93 m²
 S. Đắp hè : 10.75 m²
 Vải ĐKT gia cường : 0.00 m²
 Đào cống trái : 0.44 m²
 L ợp mái trái : 0.87 m²

B. Mặt đường BTN : 6.40 m
 B. Hề đường : 6.00 m
 CPDD loại I : 0.96 m²
 CPDD loại II : 1.92 m²
 S. Đào CK phải : 0.87 m²
 S. Đắp CK phải : 0.46 m²
 Đào cống (kênh) phải : 0.00 m²
 Đắp trả kênh phải : 0.00 m²
 H kênh phải : 0.00 m²
 L ợp mái phải : 0.94 m²
 Vải ĐKT phân cách : 0.00 m²

CỌC: 12
 KMO+102.29



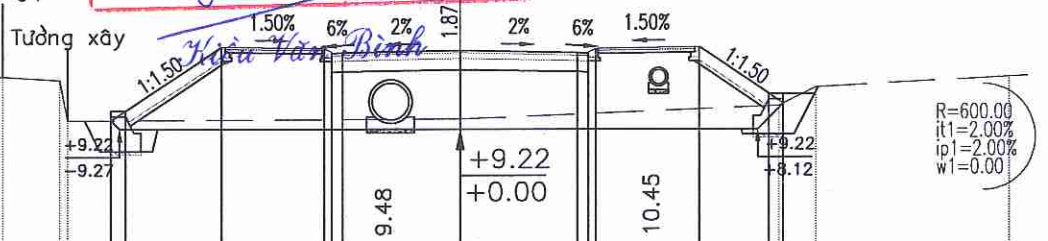
MSS: 6.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ		10.70	10.97	11.45	11.40	11.30	11.27	11.29	11.35	11.29	11.27	11.30	11.40	11.45	10.97	10.70
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ		0.40	0.72	2.80	0.88	3.20	3.20	0.88	2.80	0.78	0.40					
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	10.80	10.80	10.60	9.40	9.40	10.36	10.36	10.40	10.63	10.80						
KHOẢNG CÁCH MIA	5.05	4.59	0.23	4.52	0.61	3.16	4.07	2.26	5.42	0.63						

S. Đào khuôn : 0.00 m²
 S. Đào đất KTH : 6.28 m²
 S. Đánh cấp : 0.00 m²
 S. Đào CK trái : 1.25 m²
 S. Đắp CK trái : 0.42 m²
 S. Đắp nền : 10.02 m²
 S. Đắp taluy : 4.57 m²
 S. Đắp hè : 11.95 m²
 Vải ĐKT gia cường : 0.00 m²
 Đào cống trái : 0.13 m²
 L ợp mái trái : 3.14 m²

B. Mặt đường BTN : 6.40 m
 B. Hề đường : 6.00 m
 CPDD loại I : 0.96 m²
 CPDD loại II : 1.92 m²
 S. Đào CK phải : 1.07 m²
 S. Đắp CK phải : 0.63 m²
 Đào cống (kênh) phải : 0.00 m²
 Đắp trả kênh phải : 0.00 m²
 H kênh phải : 0.00 m²
 L ợp mái phải : 2.30 m²
 Vải ĐKT phân cách : 0.00 m²

CỌC: 13
 KMO+108.79



MSS: 6.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ		9.46	9.72	11.46	11.42	11.32	11.29	11.30	11.37	11.30	11.29	11.32	11.42	11.46	10.18	9.92
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ		0.40	2.61	2.80	0.88	3.20	3.20	0.88	2.80	1.92	0.40					
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	10.65	10.65	10.55	9.45	9.50				9.86	10.36						
KHOẢNG CÁCH MIA	2.55	1.54	0.21	10.69	8.70	1.00	5.29	0.62								

CHỦ ĐẦU TƯ:
 ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
 BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:
 CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
 (ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI)
 ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498

THIẾT KẾ XÂY DỰNG
TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
 ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:
 TRẮC NGANG THIẾT KẾ
 TUYẾN 1

CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN	
CHỦ TRÌ TKGT	BÙI MINH CHIẾN	
THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG	
KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN	

CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
PHÁT TRIỂN
HẠ TẦNG ĐÔ THỊ
AVIC
 THÀNH PHỐ HÀ NỘI

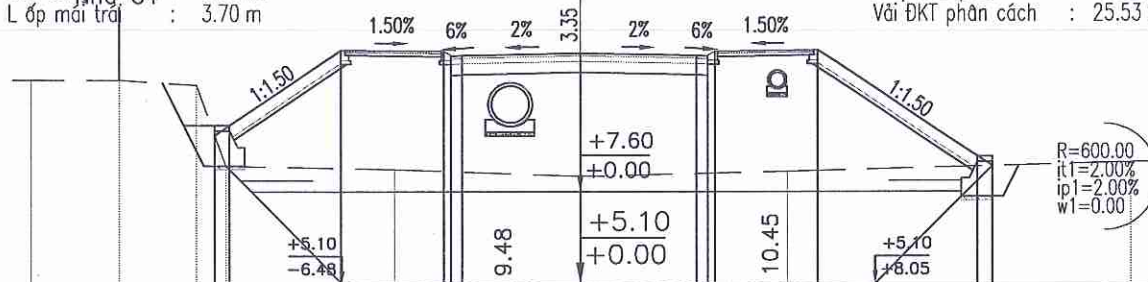
NGUYỄN ANH TUẤN

HOÀN THÀNH: /20
BẢN VẼ SỐ: 04 /18
KÝ HIỆU: TNTK
TỶ LỆ: 1/200

S. Đào khuôn : 0.00 m²
 S. Đào đất KTH : 53.86 m²
 S. Đãnh cấp : 0.00 m²
 S. Đào CK trái : 1.71 m²
 S. Đào CK phải : 0.63 m²
 S. Đắp nền : 37.76 m²
 S. Đắp taluy : 25.05 m²
 S. Đắp hè : 36.68 m²
 Vải ĐKT gia cường : 48.79 m²
 Đào cống (kênh) phải : 0.00 m²
 L ợp mái trái : 3.70 m

B. Mặt đường BTN : 6.40 m
 B. Hè đường : 6.00 m
 CPDD loại I : 0.96 m²
 CPDD loại II : 1.92 m²
 S. Đào CK phải : 0.86 m²
 S. Đắp CK phải : 0.43 m²
 Đào cống (kênh) phải : 0.00 m²
 Đắp trả kênh phải : 0.00 m²
 H kênh phải : 0.00 m²
 L ợp mái phải : 5.22 m²
 Vải ĐKT phân cách : 25.53 m

CỌC: 14
 KMO+119.79



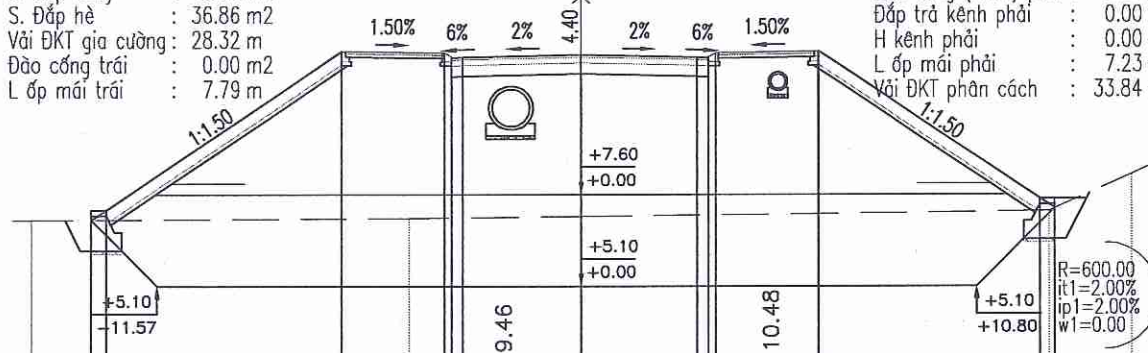
MSS: 5.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	9.14	9.41	11.46	11.42	11.32	11.29	11.31	11.37	11.31	11.29	11.32	11.42	11.46	8.57
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	0.40	3.08	2.80	0.40	3.20	3.20	0.40	2.80	4.35	0.40				
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	10.64	10.64	10.50	8.30	8.20	8.02	8.15	8.40						
KHOẢNG CÁCH MIA	2.39	2.13	0.80	4.64	5.03	5.68	9.32							

S. Đào khuôn : 0.00 m²
 S. Đào đất KTH : 46.32 m²
 S. Đãnh cấp : 0.00 m²
 S. Đào CK trái : 0.85 m²
 S. Đào CK phải : 0.42 m²
 S. Đắp nền : 38.96 m²
 S. Đắp taluy : 45.09 m²
 S. Đắp hè : 36.86 m²
 Vải ĐKT gia cường : 28.32 m²
 Đào cống (kênh) phải : 0.00 m²
 L ợp mái trái : 7.79 m

B. Mặt đường BTN : 6.40 m
 B. Hè đường : 6.00 m
 CPDD loại I : 0.96 m²
 CPDD loại II : 1.92 m²
 S. Đào CK phải : 1.00 m²
 S. Đắp CK phải : 0.63 m²
 Đào cống (kênh) phải : 0.00 m²
 Đắp trả kênh phải : 0.00 m²
 H kênh phải : 0.00 m²
 L ợp mái phải : 7.23 m²
 Vải ĐKT phân cách : 33.84 m

CỌC: 16
 KMO+137.29



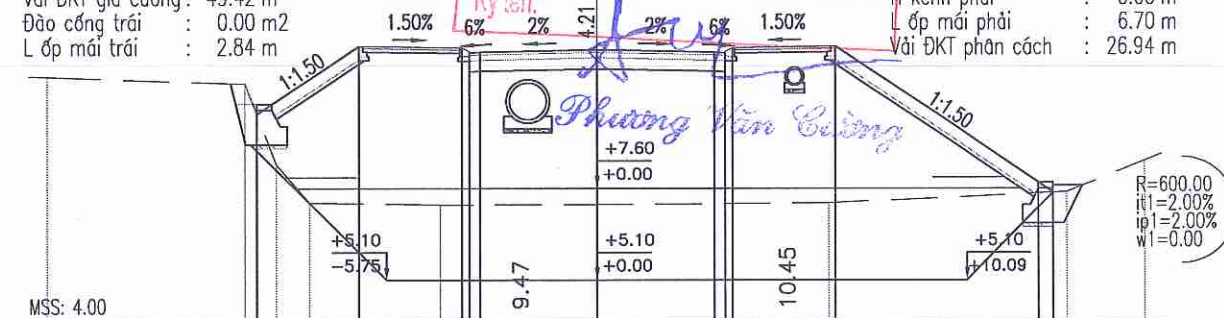
MSS: 3.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	6.91	7.17	11.50	11.45	11.35	11.32	11.34	11.40	11.34	11.32	11.35	11.45	11.50	7.48
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	0.40	6.48	2.80	0.40	3.20	3.20	0.40	2.80	6.02	0.40				
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	6.90		6.95	7.00					7.15	8.15				
KHOẢNG CÁCH MIA		10.35	4.65	12.77	2.23									

S. Đào khuôn : 0.00 m²
 S. Đào đất KTH : 38.31 m²
 S. Đãnh cấp : 0.00 m²
 S. Đào CK trái : 0.85 m²
 S. Đào CK phải : 0.48 m²
 S. Đắp nền : 38.75 m²
 S. Đắp taluy : 27.63 m²
 S. Đắp hè : 36.40 m²
 Vải ĐKT gia cường : 49.42 m²
 Đào cống (kênh) phải : 0.00 m²
 L ợp mái trái : 2.84 m

B. Mặt đường BTN : 6.40 m
 B. Hè đường : 6.00 m
 CPDD loại I : 0.96 m²
 CPDD loại II : 1.92 m²
 S. Đào CK phải : 0.89 m²
 S. Đắp CK phải : 0.57 m²
 Đào cống (kênh) phải : 0.00 m²
 Đắp trả kênh phải : 0.00 m²
 H kênh phải : 0.00 m²
 L ợp mái phải : 6.70 m²
 Vải ĐKT phân cách : 26.94 m

CÔNG TY CỔ PHẦN
 KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI
 CỌC: 17
 KMO+121.79
 Theo bản số 651/BCIT
 Ngày 19 tháng 1 năm 2026
 Ký tên:



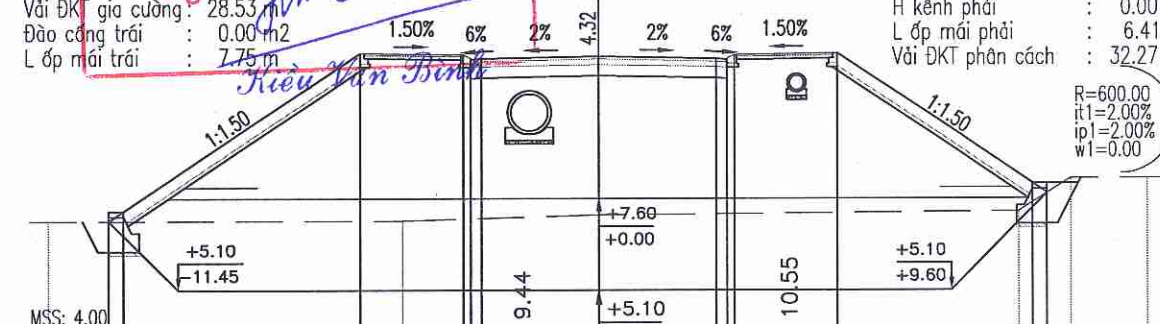
MSS: 4.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	9.62	11.46	11.42	11.32	11.29	11.31	11.37	11.31	11.29	11.32	11.42	11.46	7.75
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	2.76	2.80	0.40	3.20	3.20	0.40	2.80	5.57	0.40				
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	10.64	10.45	8.25	7.20	7.15	7.16	7.20	7.50	8.35				
KHOẢNG CÁCH MIA	5.42	0.85	0.89	3.54	4.31	6.31	6.54	2.15					

S. Đào khuôn : 0.00 m²
 S. Đào đất KTH : 46.38 m²
 S. Đãnh cấp : 0.00 m²
 S. Đào CK trái : 0.85 m²
 S. Đào CK phải : 0.42 m²
 S. Đắp nền : 39.44 m²
 S. Đắp taluy : 45.23 m²
 S. Đắp hè : 36.86 m²
 Vải ĐKT gia cường : 28.53 m²
 Đào cống (kênh) phải : 0.00 m²
 L ợp mái trái : 7.75 m

B. Mặt đường BTN : 6.40 m
 B. Hè đường : 6.00 m
 CPDD loại I : 0.96 m²
 CPDD loại II : 1.92 m²
 S. Đào CK phải : 1.06 m²
 S. Đắp CK phải : 0.63 m²
 Đào cống (kênh) phải : 0.00 m²
 Đắp trả kênh phải : 0.00 m²
 H kênh phải : 0.00 m²
 L ợp mái phải : 6.41 m²
 Vải ĐKT phân cách : 32.27 m

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI
 TUYÊN ĐỊNH
 Theo bản số 15/TK-KXP-K
 ngày 19 tháng 1 năm 2026
 Ngày 19 tháng 1 năm 2026
 Ký tên:



MSS: 4.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	7.00	7.27	11.56	11.52	11.39	11.41	11.47	11.41	11.39	11.42	11.56	8.01
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	0.40	6.45	2.80	0.40	3.20	3.20	0.40	2.80	5.34	0.40		
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	7.00		7.00	7.15					7.25	8.15	8.15	
KHOẢNG CÁCH MIA	9.65	5.35	11.46	1.43	2.11							

CHỦ ĐẦU TƯ:
 ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
 BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
 ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:
 CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
 (ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI)
 ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498

THIẾT KẾ XÂY DỰNG
 TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
 HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
 DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
 ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:
 TRẮC NGANG THIẾT KẾ
 TUYẾN 1

CHỦ NHIỆM TK: NGUYỄN ANH TUẤN
 CHỦ TRÌ TKGT: BÙI MINH CHIẾN
 THIẾT KẾ: NGUYỄN PHI LONG
 KIỂM TRA: BÙI MINH CHIẾN

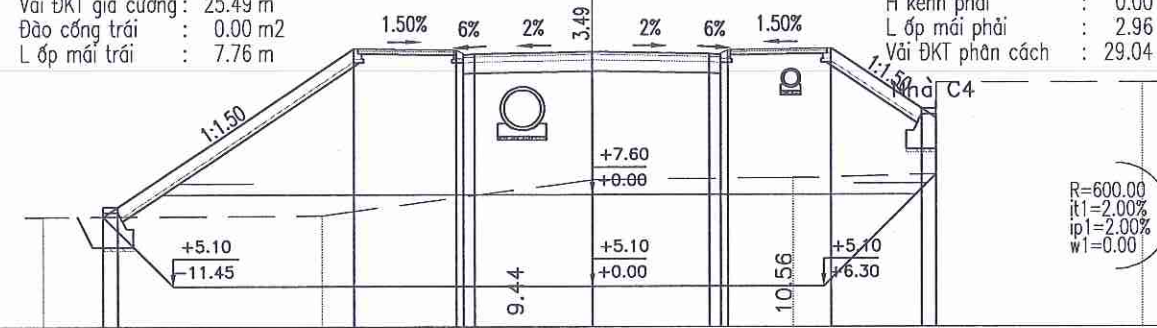
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
 CỐ PHÁP GIÁM ĐỐC
 PHÁT TRIỂN
 HẠ TẦNG ĐÔ THỊ
 AVIC
 THÀNH PHỐ HÀ NỘI
 NGUYỄN ANH TUẤN

HOÀN THÀNH: /20
 BẢN VẼ SỐ: 05/18
 KÝ HIỆU: TMTK
 TỶ LỆ: 1/200

S. Đào khuôn : 0.00 m²
 S. Đào đất KTH : 50.46 m²
 S. Đánh cấp : 0.00 m²
 S. Đào CK trái : 0.85 m²
 S. Đắp CK trái : 0.42 m²
 S. Đắp nền : 39.49 m²
 S. Đắp taluy : 32.79 m²
 S. Đắp hè : 37.35 m²
 Vải ĐKT gia cường : 25.49 m²
 Đào cống trái : 0.00 m²
 L ợp mái trái : 7.76 m

CỌC: 18
 KMO+152.29

B. Mặt đường BTN : 6.40 m
 B. Hè đường : 6.00 m
 CPDD loại I : 0.96 m²
 CPDD loại II : 1.92 m²
 S. Đào CK phải : 0.00 m²
 S. Đắp CK phải : 0.00 m²
 Đào cống (kênh) phải : 0.00 m²
 Đắp trả kênh phải : 0.00 m²
 H kênh phải : 0.00 m²
 L ợp mái phải : 2.96 m²
 Vải ĐKT phân cách : 29.04 m²



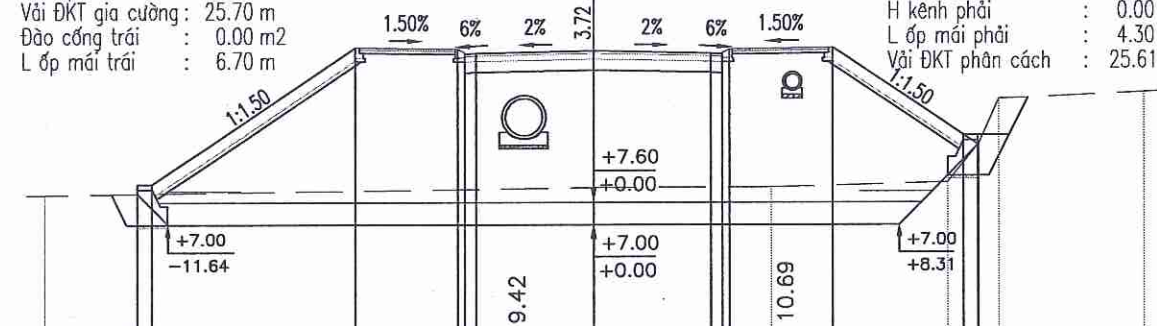
MSS: 4.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	7.01 7.27	11.58	11.54 11.43	11.40 11.42	11.49	11.42 11.40	11.54	11.58	9.94 9.67
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	0.40	6.46	2.80	0.38	3.20	3.20	0.38	2.80	2.46
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	7.00	7.03	8.00	8.05	8.15 10.65	10.65			
KHOẢNG CÁCH MIA	7.61	7.39	5.46	3.89	0.02	5.63			

S. Đào khuôn : 0.00 m²
 S. Đào đất KTH : 20.31 m²
 S. Đánh cấp : 0.00 m²
 S. Đào CK trái : 0.85 m²
 S. Đắp CK trái : 0.42 m²
 S. Đắp nền : 27.91 m²
 S. Đắp taluy : 22.97 m²
 S. Đắp hè : 27.40 m²
 Vải ĐKT gia cường : 25.70 m²
 Đào cống trái : 0.00 m²
 L ợp mái trái : 6.70 m

CỌC: 19
 KMO+175.29

B. Mặt đường BTN : 6.40 m
 B. Hè đường : 6.00 m
 CPDD loại I : 0.96 m²
 CPDD loại II : 1.92 m²
 S. Đào CK phải : 1.71 m²
 S. Đắp CK phải : 0.63 m²
 Đào cống (kênh) phải : 0.00 m²
 Đắp trả kênh phải : 0.00 m²
 H kênh phải : 0.00 m²
 L ợp mái phải : 4.30 m²
 Vải ĐKT phân cách : 25.61 m²

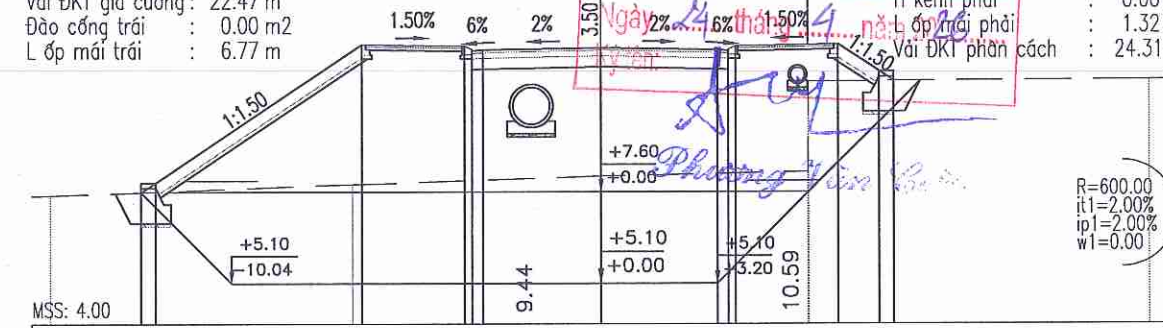


MSS: 4.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	8.10 8.10	11.82	11.77 11.67	11.64 11.66	11.72	11.66 11.64	11.77	11.82	9.43 9.17
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	0.40	5.57	2.80	0.38	3.20	3.20	0.38	2.80	3.58
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	7.80	8.00	8.02	8.15 9.20 10.41	10.59				
KHOẢNG CÁCH MIA	15.00	4.82	4.82	0.86 0.54	3.95				

S. Đào khuôn : 0.00 m²
 S. Đào đất KTH : 49.35 m²
 S. Đánh cấp : 0.00 m²
 S. Đào CK trái : 0.84 m²
 S. Đắp CK trái : 0.41 m²
 S. Đắp nền : 39.64 m²
 S. Đắp taluy : 22.80 m²
 S. Đắp hè : 32.33 m²
 Vải ĐKT gia cường : 22.47 m²
 Đào cống trái : 0.00 m²
 L ợp mái trái : 6.77 m

CỌC: 10
 KMO+156.50

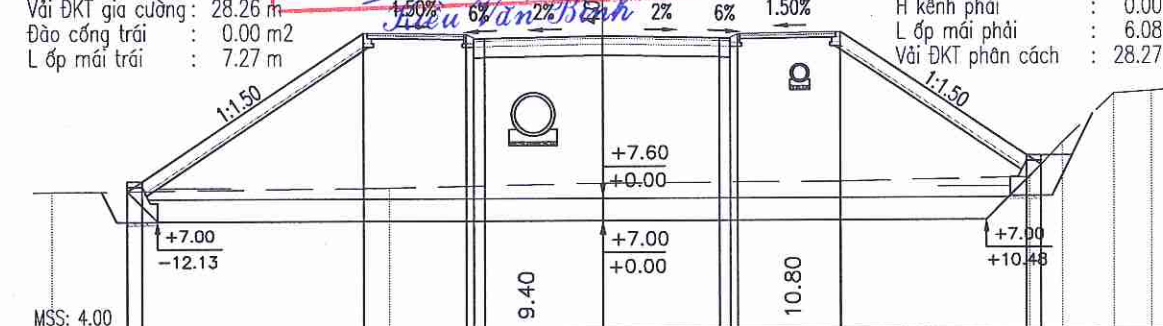


MSS: 4.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	7.59 7.86	11.61	11.57 11.47	11.44 11.46	11.52	11.46 11.44	11.57	11.61	10.88 10.61
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	0.40	5.63	2.80	0.38	3.20	3.20	0.38	2.80	1.10 0.40
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	7.50 7.50	7.80	8.02	8.15 10.60	10.65				
KHOẢNG CÁCH MIA	8.24	6.75	5.67	0.02	9.30				

S. Đào khuôn : 0.00 m²
 S. Đào đất KTH : 23.03 m²
 S. Đánh cấp : 0.00 m²
 S. Đào CK trái : 0.85 m²
 S. Đắp CK trái : 0.42 m²
 S. Đắp nền : 30.05 m²
 S. Đắp taluy : 29.86 m²
 S. Đắp hè : 29.22 m²
 Vải ĐKT gia cường : 28.26 m²
 Đào cống trái : 0.00 m²
 L ợp mái trái : 7.27 m

B. Mặt đường BTN : 6.40 m
 B. Hè đường : 6.00 m
 CPDD loại I : 0.96 m²
 CPDD loại II : 1.92 m²
 S. Đào CK phải : 0.19 m²
 S. Đắp CK phải : 0.42 m²
 Đào cống (kênh) phải : 0.00 m²
 Đắp trả kênh phải : 0.00 m²
 H kênh phải : 0.00 m²
 L ợp mái phải : 1.32 m²
 Vải ĐKT phân cách : 24.31 m²



MSS: 4.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	7.82 8.09	12.12	12.08 11.98	11.95 11.96	12.03	11.96 11.95	11.98	12.12	8.75 8.48
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	0.40	6.05	2.80	0.38	3.20	3.20	0.38	2.80	5.06
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	7.80	7.90	8.01	8.05	8.15 9.10 10.42	10.50			
KHOẢNG CÁCH MIA	9.20	5.80	6.52	5.14	0.90 1.42 1.04				

CHỦ ĐẦU TƯ:
 ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
 BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:
 CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
 (ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI)
 ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498

THIẾT KẾ XÂY DỰNG
 TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
 HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
 ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:
 TRẮC NGANG THIẾT KẾ
 TUYẾN 1

CHỦ NHIỆM TK: NGUYỄN ANH TUẤN
 CHỦ TRÌ TKGT: BÙI MINH CHIẾN
 THIẾT KẾ: NGUYỄN PHI LONG
 KIỂM TRA: BÙI MINH CHIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
 GIÁM ĐỐC: NGUYỄN ANH TUẤN

HOÀN THÀNH: /20
 BẢN VẼ SỐ: 06/18
 KÝ HIỆU: TMTK
 TỶ LỆ: 1/200

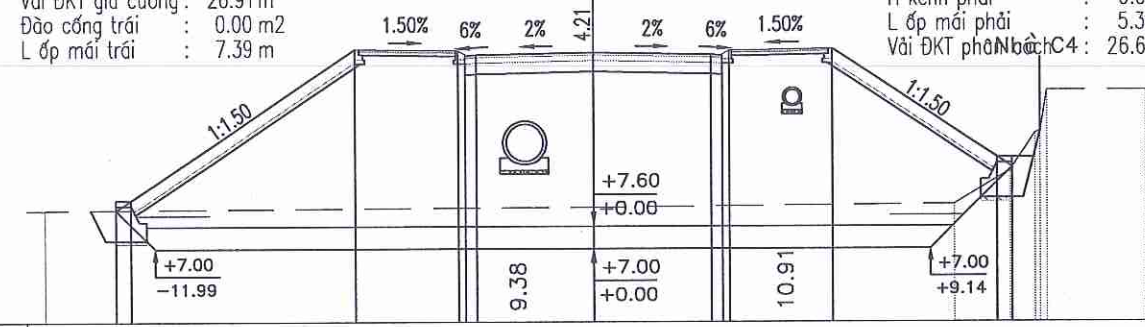
S. Đào khuôn : 0.00 m2
S. Đào đất KTH : 25.19 m2
S. Đánh cấp : 0.00 m2
S. Đào CK trái : 0.85 m2
S. Đắp CK trái : 0.42 m2
S. Đắp nền : 32.18 m2
S. Đắp taluy : 31.06 m2
S. Đắp hè : 31.05 m2
Vải ĐKT gia cường : 26.91 m
Đào cống trái : 0.00 m2
L ợp mái trái : 7.39 m

B. Mặt đường BTN : 6.40 m
B. Hè đường : 6.00 m
CPDD loại I : 0.96 m2
CPDD loại II : 1.92 m2
S. Đào CK phải : 1.06 m2
S. Đắp CK phải : 0.48 m2
Đào cống (kênh) phải : 0.00 m2
Đắp trả kênh phải : 0.00 m2
H kênh phải : 0.00 m
L ợp mái phải : 5.34 m
Vải ĐKT phân cách C4 : 26.68 m

S. Đào khuôn : 0.00 m2
S. Đào đất KTH : 40.84 m2
S. Đánh cấp : 0.00 m2
S. Đào CK trái : 0.85 m2
S. Đắp CK trái : 0.42 m2
S. Đắp nền : 32.41 m2
S. Đắp taluy : 29.75 m2
S. Đắp hè : 31.24 m2
Vải ĐKT gia cường : 25.37 m
Đào cống trái : 0.00 m2
L ợp mái trái : 6.44 m

B. Mặt đường BTN : 6.40 m
B. Hè đường : 6.00 m
CPDD loại I : 0.96 m2
CPDD loại II : 1.92 m2
S. Đào CK phải : 1.12 m2
S. Đắp CK phải : 0.51 m2
Đào cống (kênh) phải : 0.00 m2
Đắp trả kênh phải : 0.00 m2
H kênh phải : 0.00 m
L ợp mái phải : 5.28 m
Vải ĐKT phân cách C4 : 32.30 m

CQC: 21
KMO+214.29



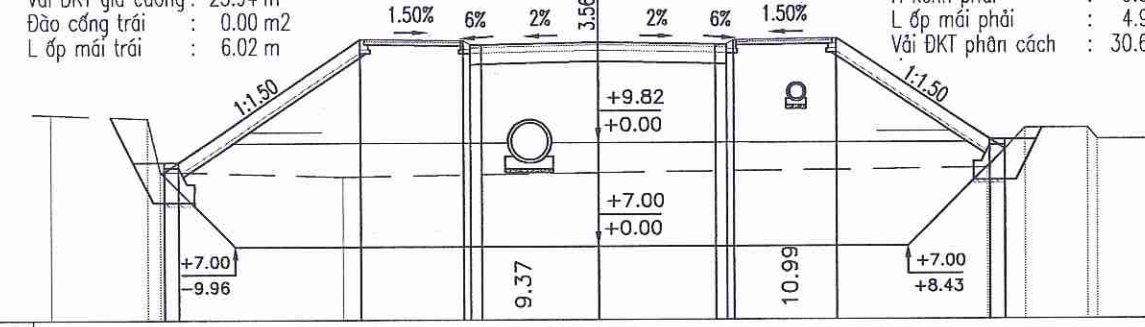
MSS: 5.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	8.06 8.33		12.43	12.38 12.28 12.25 12.27	12.33	12.27 12.25 12.28 12.38	12.43	9.47 9.20		
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	0.40	6.15	2.80	0.36 0.36 0.36	3.20	3.20	0.36 0.36 0.36	2.80	4.44	0.40
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	8.05	8.12				8.20	9.11 10.13 10.19 11.30	11.30	11.30	
KHOẢNG CÁCH MIA		15.00			9.79		1.49	0.68 0.70 0.70	2.70	

S. Đào khuôn : 0.00 m2
S. Đào đất KTH : 40.93 m2
S. Đánh cấp : 0.00 m2
S. Đào CK trái : 1.96 m2
S. Đắp CK trái : 0.63 m2
S. Đắp nền : 33.69 m2
S. Đắp taluy : 29.25 m2
S. Đắp hè : 32.40 m2
Vải ĐKT gia cường : 25.94 m
Đào cống trái : 0.00 m2
L ợp mái trái : 6.02 m

B. Mặt đường BTN : 6.40 m
B. Hè đường : 6.00 m
CPDD loại I : 0.96 m2
CPDD loại II : 1.92 m2
S. Đào CK phải : 1.19 m2
S. Đắp CK phải : 0.63 m2
Đào cống (kênh) phải : 0.00 m2
Đắp trả kênh phải : 0.00 m2
H kênh phải : 0.00 m
L ợp mái phải : 4.99 m
Vải ĐKT phân cách : 30.67 m

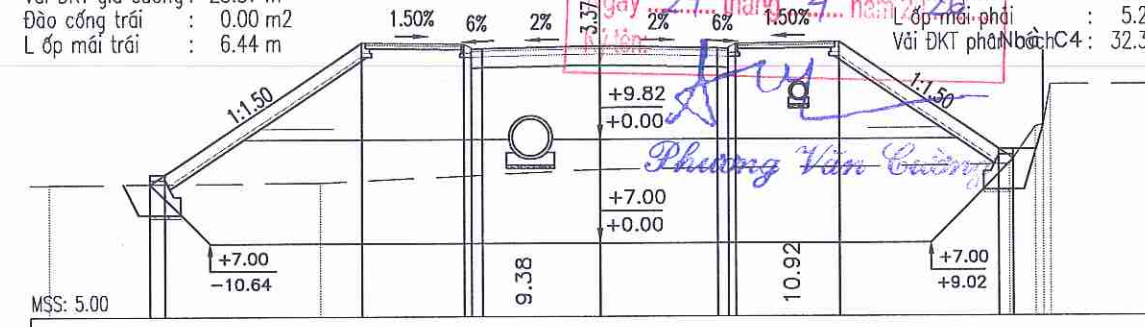
CQC: 23
KMO+228.29



MSS: 5.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	9.05 9.31	12.65	12.61 12.51 12.48 12.49	12.56	12.49 12.48 12.51 12.61	12.65	9.88 9.62
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	0.40 5.01	2.80	0.36 3.20	3.20	0.36 2.80	4.15	0.40
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	10.60 10.50 9.05	8.90	9.00	9.12 10.20 10.20 9.90			
KHOẢNG CÁCH MIA	2.65 0.34 5.02	6.99	10.58	1.01 1.73 0.26 1.42			

CQC: 22
KMO+216.29



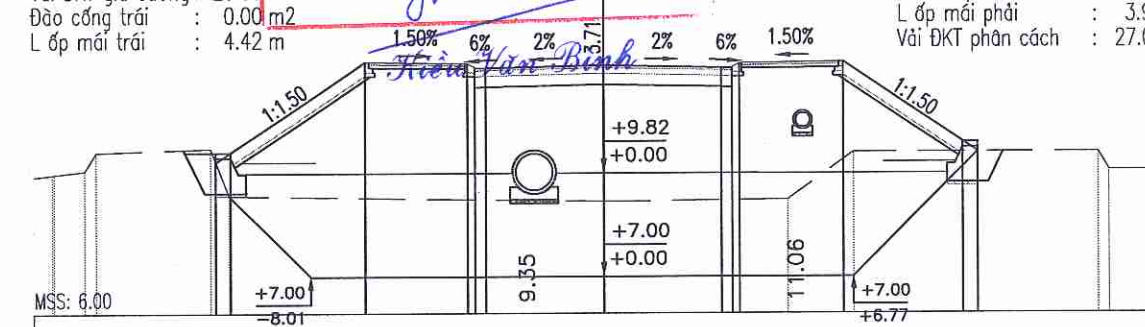
MSS: 5.00

	8.62 8.89		12.46	12.42 12.31 12.28 12.30	12.37	12.30 12.28 12.31 12.42	12.46	9.53 9.27	
	0.40	5.36		2.80 0.36 0.36	3.20	3.20 0.36 0.36	2.80	4.39	0.40
8.60			8.65		9.00		9.06	9.12 10.15 10.20 11.30	
	7.35			7.65		6.52	4.67	0.72 0.74 0.76	2.68

S. Đào khuôn : 0.00 m2
S. Đào đất KTH : 40.22 m2
S. Đánh cấp : 0.00 m2
S. Đào CK trái : 0.86 m2
S. Đắp CK trái : 0.63 m2
S. Đắp nền : 35.17 m2
S. Đắp taluy : 21.97 m2
S. Đắp hè : 33.59 m2
Vải ĐKT gia cường : 25.00 m
Đào cống trái : 0.00 m2
L ợp mái trái : 4.42 m

B. Mặt đường BTN : 6.40 m
B. Hè đường : 6.00 m
CPDD loại I : 0.96 m2
CPDD loại II : 1.92 m2
S. Đào CK phải : 0.85 m2
S. Đắp CK phải : 0.42 m2
Đào cống (kênh) phải : 0.00 m2
Đắp trả kênh phải : 0.00 m2
H kênh phải : 0.00 m
L ợp mái phải : 3.94 m
Vải ĐKT phân cách : 27.06 m

CQC: 24
KMO+240.79



MSS: 6.00

																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																					</
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	----

CHỦ ĐẦU TƯ:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
(ĐỊA CHỈ SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI)
ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498

THIẾT KẾ XÂY DỰNG

TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ

HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:

TRẮC NGANG THIẾT KẾ
TUYẾN 1

CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN
CHỦ TRÌ TKGT	BÙI MINH CHIẾN
THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG
KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN ANH TUẤN

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HOÀN THÀNH: /20

BẢN VẼ SỐ: 07/18

KÝ HIỆU: TNTK

TỶ LỆ: 1/200

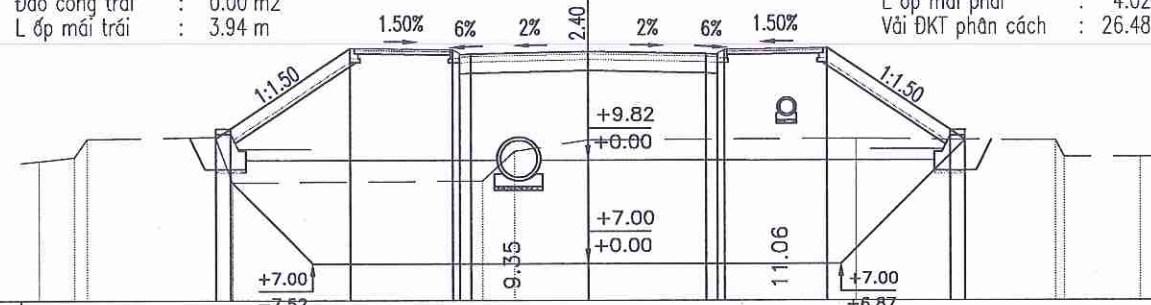
S. Đào khuôn : 0.00 m2
S. Đào đất KTH : 50.55 m2
S. Đánh cấp : 0.00 m2
S. Đào CK trái : 0.61 m2
S. Đắp CK trái : 0.44 m2
S. Đắp nền : 35.26 m2
S. Đắp taluy : 20.95 m2
S. Đắp hè : 33.70 m2
Vải ĐKT gia cường : 24.54 m
Đào cống trái : 0.00 m2
L ợp mái trái : 3.94 m

B. Mặt đường BTN : 6.40 m
B. Hề đường : 6.00 m
CPDD loại I : 0.96 m2
CPDD loại II : 1.92 m2
S. Đào CK phải : 0.85 m2
S. Đắp CK phải : 0.42 m2
Đào cống (kênh) phải : 0.00 m2
Đắp trả kênh phải : 0.00 m2
H kênh phải : 0.00 m
L ợp mái phải : 4.02 m
Vải ĐKT phân cách : 26.48 m

S. Đào khuôn : 0.00 m2
S. Đào đất KTH : 17.91 m2
S. Đánh cấp : 0.00 m2
S. Đào CK trái : 0.85 m2
S. Đắp CK trái : 0.42 m2
S. Đắp nền : 20.04 m2
S. Đắp taluy : 13.47 m2
S. Đắp hè : 20.09 m2
Vải ĐKT gia cường : 25.68 m
Đào cống trái : 0.50 m2
L ợp mái trái : 4.07 m

B. Mặt đường BTN : 6.40 m
B. Hề đường : 6.00 m
CPDD loại I : 0.96 m2
CPDD loại II : 1.92 m2
S. Đào CK phải : 0.95 m2
S. Đắp CK phải : 0.42 m2
Đào cống (kênh) phải : 0.00 m2
Đắp trả kênh phải : 0.00 m2
H kênh phải : 0.00 m
L ợp mái phải : 4.91 m
Vải ĐKT phân cách : 25.37 m

CQC: 25
KMO+241.79



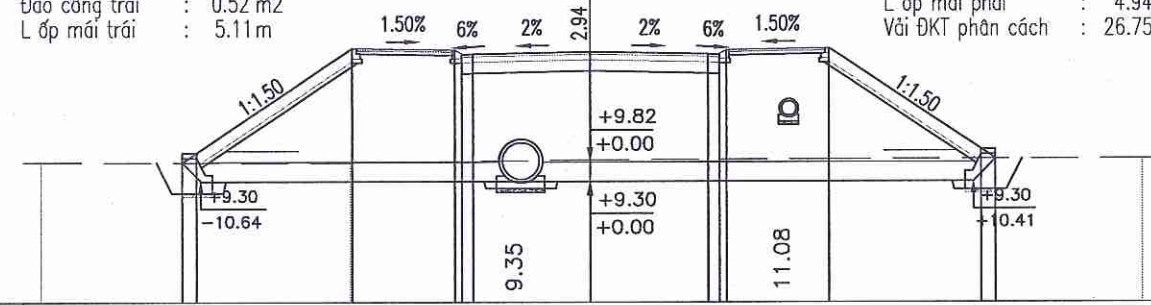
MSS: 6.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	10.42	10.68	12.87	12.83	12.72	12.69	12.71	12.77	12.71	12.69	12.72	12.83	12.87	10.64	10.37
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	0.40	3.28	2.80	0.40	3.20	3.20	0.40	2.80	3.34	0.40					
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	9.80	9.90	10.40	10.45	9.20	9.25	10.06	10.37	10.40	10.35	9.90	9.90			
KHOẢNG CÁCH MIA	0.96	0.35	3.50	0.47	6.84	0.88	2.01	7.29	5.41	0.74	2.06				

S. Đào khuôn : 0.00 m2
S. Đào đất KTH : 12.08 m2
S. Đánh cấp : 0.00 m2
S. Đào CK trái : 1.01 m2
S. Đắp CK trái : 0.42 m2
S. Đắp nền : 20.15 m2
S. Đắp taluy : 14.48 m2
S. Đắp hè : 20.15 m2
Vải ĐKT gia cường : 26.69 m
Đào cống trái : 0.52 m2
L ợp mái trái : 5.11 m

B. Mặt đường BTN : 6.40 m
B. Hề đường : 6.00 m
CPDD loại I : 0.96 m2
CPDD loại II : 1.92 m2
S. Đào CK phải : 0.95 m2
S. Đắp CK phải : 0.42 m2
Đào cống (kênh) phải : 0.00 m2
Đắp trả kênh phải : 0.00 m2
H kênh phải : 0.00 m
L ợp mái phải : 4.94 m
Vải ĐKT phân cách : 26.75 m

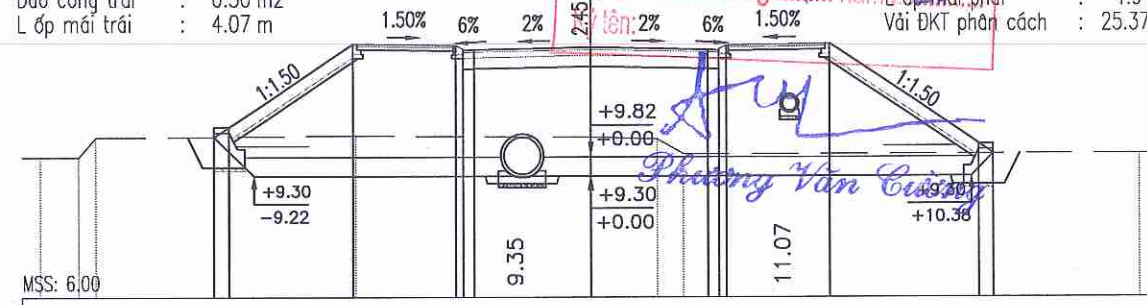
CQC: 27
KMO+244.79



MSS: 6.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	9.81	10.08	12.91	12.87	12.77	12.74	12.76	12.82	12.76	12.77	12.87	12.91	10.17	9.91
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	0.40	4.26	2.80	0.40	3.20	3.20	0.40	2.80	4.11	0.40				
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	9.82	9.82	9.80	9.88	9.90									
KHOẢNG CÁCH MIA	8.44	6.56	6.48	8.52										

CQC: 26
KMO+243.79

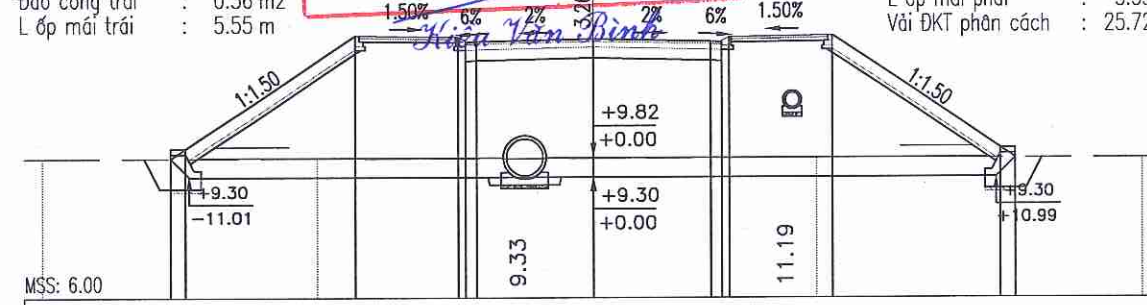


MSS: 6.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	10.37	10.64	12.90	12.86	12.75	12.72	12.74	12.81	12.74	12.75	12.86	12.90	10.17	9.91
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	0.40	3.39	2.80	0.40	3.20	3.20	0.40	2.80	4.09	0.40				
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	9.82	9.82	10.35	10.40	10.36	10.30	9.90	9.91						
KHOẢNG CÁCH MIA	1.04	0.47	7.07	6.43	1.81	0.71	12.48							

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 115/UB-KCĐ-KT
ngày 4 tháng 3 năm 2018
Người thẩm định ký tên
Nguyễn Văn Bình

B. Mặt đường BTN : 6.40 m
B. Hề đường : 6.00 m
CPDD loại I : 0.96 m2
CPDD loại II : 1.92 m2
S. Đào CK phải : 0.90 m2
S. Đắp CK phải : 0.42 m2
Đào cống (kênh) phải : 0.00 m2
Đắp trả kênh phải : 0.00 m2
H kênh phải : 0.00 m
L ợp mái phải : 5.53 m
Vải ĐKT phân cách : 25.72 m



MSS: 6.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	9.80	10.07	13.15	13.11	13.00	12.97	12.99	13.06	12.99	12.97	13.00	13.11	13.15	10.08	9.81
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	0.40	4.62	2.80	0.40	3.20	3.20	0.40	2.80	4.60	0.40					
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	9.80	9.81	9.80	9.82	9.81										
KHOẢNG CÁCH MIA	7.46	7.54	6.07	8.93											

CHỦ ĐẦU TƯ:
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
(ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THO - HÀ NỘI)
ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498

THIẾT KẾ XÂY DỰNG
TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:
TRẮC NGANG THIẾT KẾ
TUYẾN 1
CHỦ NHIỆM TK: NGUYỄN ANH TUẤN
CHỦ TRÌ TKGT: BÙI MINH CHIẾN
THIẾT KẾ: NGUYỄN PHI LONG
KIỂM TRA: BÙI MINH CHIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
M.S.N: 0109055864 - C
GIÁM ĐỐC
PHÁT TRIỂN
HẠ TẦNG ĐÔ THỊ
AVIC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
NGUYỄN ANH TUẤN
HOÀN THÀNH: /20
BẢN VẼ SỐ: 08/18
KÝ HIỆU: TNTK
TỶ LỆ: 1/200

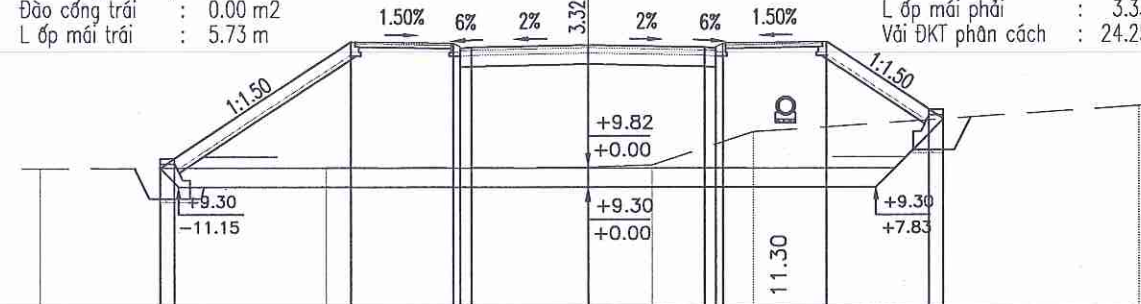
S. Đào khuôn : 0.00 m²
 S. Đào đất KTH : 16.87 m²
 S. Đánh cấp : 0.00 m²
 S. Đào CK trái : 1.01 m²
 S. Đắp CK trái : 0.42 m²
 S. Đắp nền : 23.16 m²
 S. Đắp taluy : 14.86 m²
 S. Đắp hè : 22.24 m²
 Vải ĐKT gia cường : 24.25 m
 Đào cống trái : 0.00 m²
 L ợp mái trái : 5.73 m

CQC: 29
 KMO+284.29

B. Mặt đường BTN : 6.40 m
 B. Hè đường : 6.00 m
 CPDD loại I : 0.96 m²
 CPDD loại II : 1.92 m²
 S. Đào CK phải : 0.87 m²
 S. Đắp CK phải : 0.44 m²
 Đào cống (kênh) phải : 0.05 m²
 Đắp trả kênh phải : 0.00 m²
 H kênh phải : 0.00 m
 L ợp mái phải : 3.33 m
 Vải ĐKT phân cách : 24.25 m

S. Đào khuôn : 0.00 m²
 S. Đào đất KTH : 24.31 m²
 S. Đánh cấp : 0.00 m²
 S. Đào CK trái : 0.99 m²
 S. Đắp CK trái : 0.42 m²
 S. Đắp nền : 23.17 m²
 S. Đắp taluy : 15.90 m²
 S. Đắp hè : 22.25 m²
 Vải ĐKT gia cường : 23.04 m
 Đào cống trái : 0.00 m²
 L ợp mái trái : 5.69 m

B. Mặt đường BTN : 6.40 m
 B. Hè đường : 6.00 m
 CPDD loại I : 0.96 m²
 CPDD loại II : 1.92 m²
 S. Đào CK phải : 0.87 m²
 S. Đắp CK phải : 0.44 m²
 Đào cống (kênh) phải : 0.00 m²
 Đắp trả kênh phải : 0.00 m²
 H kênh phải : 0.00 m
 L ợp mái phải : 2.45 m
 Vải ĐKT phân cách : 22.99 m



MSS: 6.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	9.81 10.08	13.26	13.22 13.11 13.08 13.10	13.16	13.10 13.08 13.11 13.22	13.26	11.41 11.14
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	0.40	4.77	2.80	3.20	3.20	2.80	2.77
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	9.80	9.83	9.84	9.90	10.80	11.50	11.50
KHOẢNG CÁCH MIA	7.83	7.17	1.76	2.75	10.49		

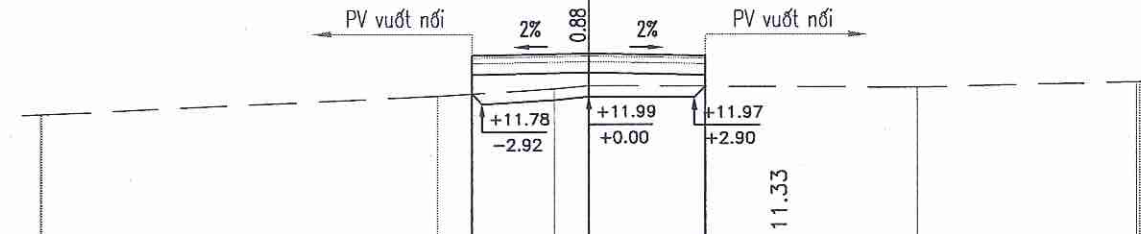
S. Đào khuôn : 0.00 m²
 S. Đào đất KTH : 1.83 m²
 S. Đánh cấp : 0.00 m²
 S. Đào CK trái : 0.00 m²
 S. Đắp CK trái : 0.00 m²
 S. Đắp nền : 4.37 m²
 S. Đắp taluy : 0.00 m²
 S. Đắp hè : 0.00 m²
 Vải ĐKT gia cường : 0.00 m
 Đào cống trái : 0.00 m²
 L ợp mái trái : 0.00 m

CQC: 31
 KMO+288.29

B. Mặt đường BTN : 6.40 m
 B. Hè đường : 0.00 m
 CPDD loại I : 0.96 m²
 CPDD loại II : 1.92 m²
 S. Đào CK phải : 0.00 m²
 S. Đắp CK phải : 0.00 m²
 Đào cống (kênh) phải : 0.00 m²
 Đắp trả kênh phải : 0.00 m²
 H kênh phải : 0.00 m
 L ợp mái phải : 0.00 m
 Vải ĐKT phân cách : 0.00 m

S. Đào khuôn : 0.00 m²
 S. Đào đất KTH : 2.79 m²
 S. Đánh cấp : 0.00 m²
 S. Đào CK trái : 0.00 m²
 S. Đắp CK trái : 0.00 m²
 S. Đắp nền : 6.52 m²
 S. Đắp taluy : 0.00 m²
 S. Đắp hè : 5.33 m²
 Vải ĐKT gia cường : 0.00 m
 Đào cống trái : 0.00 m²
 L ợp mái trái : 0.00 m

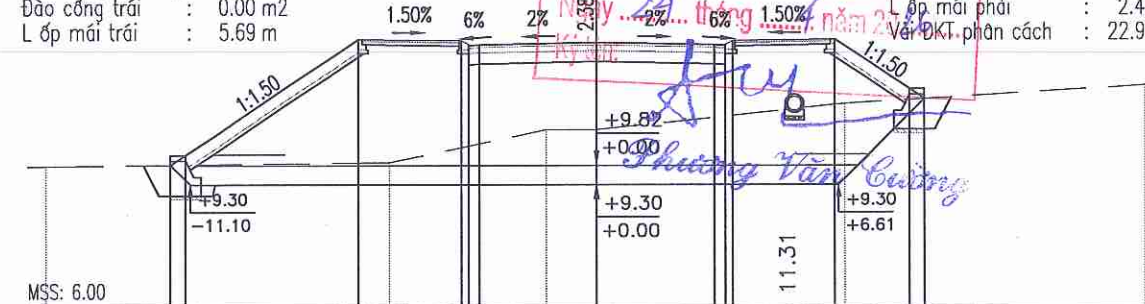
B. Mặt đường BTN : 6.40 m
 B. Hè đường : 2.46 m
 CPDD loại I : 0.96 m²
 CPDD loại II : 1.92 m²
 S. Đào CK phải : 0.00 m²
 S. Đắp CK phải : 0.00 m²
 Đào cống (kênh) phải : 0.00 m²
 Đắp trả kênh phải : 0.00 m²
 H kênh phải : 0.00 m
 L ợp mái phải : 0.00 m
 Vải ĐKT phân cách : 0.00 m



MSS: 8.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	12.06 13.11	13.17	13.11 12.27	12.35 12.36
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	3.20	3.20		
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	12.00	12.20	12.23	12.35
KHOẢNG CÁCH MIA	10.83	3.21	0.94	8.93

CQC: 30N
 KMO+285.29



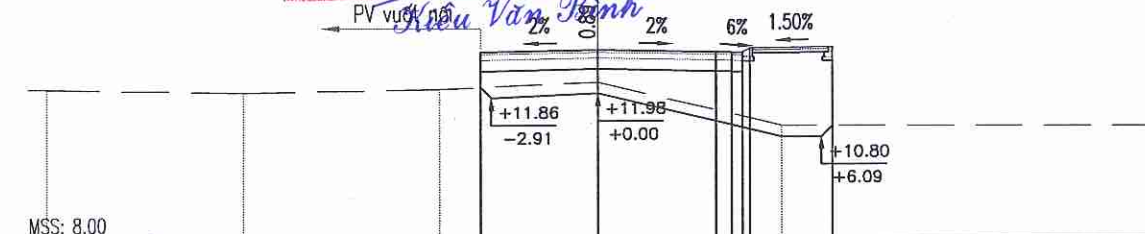
MSS: 6.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	9.84 10.10	13.26	13.22 13.11 13.08 13.10	13.17	13.10 13.08 13.11 13.22	13.26	11.90 11.63
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	0.40	4.73	2.80	3.20	3.20	2.80	2.04
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	9.80	9.90	10.79	10.79	11.50	12.00	12.00
KHOẢNG CÁCH MIA	9.34	4.28	1.38	6.77	8.23		

S. Đào khuôn : 0.00 m²
 S. Đào đất KTH : 2.79 m²
 S. Đánh cấp : 0.00 m²
 S. Đào CK trái : 0.00 m²
 S. Đắp CK trái : 0.00 m²
 S. Đắp nền : 6.52 m²
 S. Đắp taluy : 0.00 m²
 S. Đắp hè : 5.33 m²
 Vải ĐKT gia cường : 0.00 m
 Đào cống trái : 0.00 m²
 L ợp mái trái : 0.00 m

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI
THẨM ĐỊNH
 Theo Văn bản số: 651/BCT
 ngày 24 tháng 4 năm 2016
 Người thẩm định ký tên

B. Mặt đường BTN : 6.40 m
 B. Hè đường : 2.46 m
 CPDD loại I : 0.96 m²
 CPDD loại II : 1.92 m²
 S. Đào CK phải : 0.00 m²
 S. Đắp CK phải : 0.00 m²
 Đào cống (kênh) phải : 0.00 m²
 Đắp trả kênh phải : 0.00 m²
 H kênh phải : 0.00 m
 L ợp mái phải : 0.00 m
 Vải ĐKT phân cách : 0.00 m



MSS: 8.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	12.15 13.11	13.17	13.11 13.10 13.08 13.21	13.25 11.08
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	3.20	3.20	2.26	
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	12.10	12.28	11.10	11.09
KHOẢNG CÁCH MIA	5.32	5.35	4.33	10.00

CHỦ ĐẦU TƯ:
 ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
 BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
 (ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THO - HÀ NỘI)
 ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498

THIẾT KẾ XÂY DỰNG
TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
 ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:
 TRẮC NGANG THIẾT KẾ
 TUYẾN 1

CHỦ NHIỆM TK: NGUYỄN ANH TUẤN
 CHỦ TRÌ TKGT: BÙI MINH CHIẾN
 THIẾT KẾ: NGUYỄN PHI LONG
 KIỂM TRA: BÙI MINH CHIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
 GIÁM ĐỐC
 PHÁT TRIỂN
 HẠ TẦNG ĐÔ THỊ
AVIC
 THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HOÀN THÀNH: /20
 BẢN VẼ SỐ: 09/18
 KÝ HIỆU: TNTK
 TỶ LỆ: 1/200

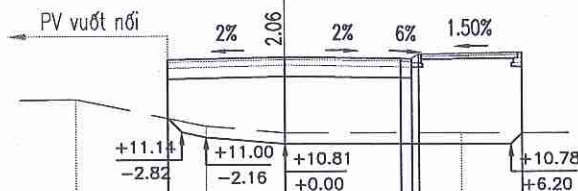
S. Đào khuôn : 0.00 m2
S. Đào đất KTH : 2.81 m2
S. Đánh cấp : 0.00 m2
S. Đào CK trái : 0.00 m2
S. Đào CK phải : 0.00 m2
S. Đắp nền : 11.57 m2
S. Đắp taluy : 0.00 m2
S. Đắp hè : 6.78 m2
Vải ĐKT gia cường : 0.00 m
Đào cống trái : 0.00 m
L ợp mái trái : 0.00 m

B. Mặt đường BTN : 6.40 m
B. Hè đường : 3.00 m
CPDD loại I : 0.96 m2
CPDD loại II : 1.92 m2
S. Đào CK phải : 0.00 m2
S. Đắp CK phải : 0.00 m2
Đào cống (kênh) phải : 0.00 m2
Đắp trả kênh phải : 0.00 m2
H kênh phải : 0.00 m
L ợp mái phải : 0.00 m
Vải ĐKT phân cách : 0.00 m

S. Đào khuôn : 0.00 m2
S. Đào đất KTH : 2.82 m2
S. Đánh cấp : 0.00 m2
S. Đào CK trái : 0.00 m2
S. Đào CK phải : 0.00 m2
S. Đắp nền : 12.15 m2
S. Đắp taluy : 0.00 m2
S. Đắp hè : 6.79 m2
Vải ĐKT gia cường : 0.00 m
Đào cống trái : 0.00 m2
L ợp mái trái : 0.00 m

B. Mặt đường BTN : 6.40 m
B. Hè đường : 3.00 m
CPDD loại I : 0.96 m2
CPDD loại II : 1.92 m2
S. Đào CK phải : 0.00 m2
S. Đắp CK phải : 0.00 m2
Đào cống (kênh) phải : 0.00 m2
Đắp trả kênh phải : 0.00 m2
H kênh phải : 0.00 m
L ợp mái phải : 0.00 m
Vải ĐKT phân cách : 0.00 m

CQC: 33
KMO+291.29



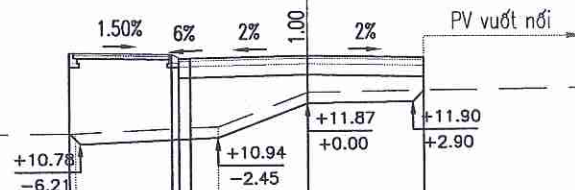
MSS: 8.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	11.52 13.11				13.17	13.11 13.09 13.12 13.22	13.26 11.08
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	3.20				3.20	8.20 8.20	2.80
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	12.10	12.00	12.04	11.30	11.11	11.08	11.09
KHOẢNG CÁCH MIA	5.64	3.65	3.55	2.16	4.86	10.14	

S. Đào khuôn : 0.00 m2
S. Đào đất KTH : 2.82 m2
S. Đánh cấp : 0.00 m2
S. Đào CK trái : 0.00 m2
S. Đào CK phải : 0.00 m2
S. Đắp nền : 7.03 m2
S. Đắp taluy : 0.00 m2
S. Đắp hè : 6.64 m2
Vải ĐKT gia cường : 0.00 m
Đào cống trái : 0.00 m
L ợp mái trái : 0.00 m

B. Mặt đường BTN : 6.40 m
B. Hè đường : 3.00 m
CPDD loại I : 0.96 m2
CPDD loại II : 1.92 m2
S. Đào CK phải : 0.00 m2
S. Đắp CK phải : 0.00 m2
Đào cống (kênh) phải : 0.00 m2
Đắp trả kênh phải : 0.00 m2
H kênh phải : 0.00 m
L ợp mái phải : 0.00 m
Vải ĐKT phân cách : 0.00 m

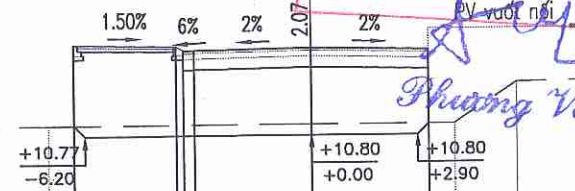
CQC: 35
KMO+294.29



MSS: 8.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	11.07 13.26	13.22 13.12 13.09 13.10	13.17	13.10 12.21		
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	2.80	8.20 0.30	3.20	3.20		
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	11.00	11.07	11.24	12.17	12.28	12.30
KHOẢNG CÁCH MIA	8.66	3.89	2.45	9.90	5.10	

CQC: 34
KMO+293.29



MSS: 8.00

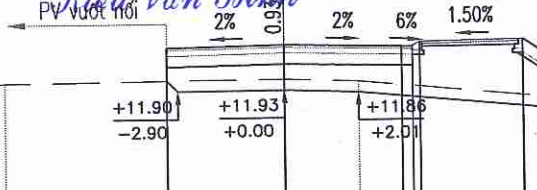
W33. 8.00							
	11.07 13.26	13.22 13.12 13.09 13.11	13.17	13.11 11.10			
		2.80 8.20	3.20	3.20			
11.00	11.07		11.10	11.10	12.20	12.28	12.30
	7.80	7.20	3.90	1.69	4.13	5.27	

S. Đào khuôn : 0.00 m2
S. Đào đất KTH : 3.62 m2
S. Đánh cấp : 0.00 m2
S. Đào CK trái : 0.00 m2
S. Đào CK phải : 0.00 m2
S. Đắp nền : 4.84 m2
S. Đắp taluy : 1.81 m2
S. Đắp hè : 4.41 m2
Vải ĐKT gia cường : 0.00 m
Đào cống trái : 0.00 m2
L ợp mái trái : 0.00 m

B. Mặt đường BTN : 6.40 m
B. Hè đường : 3.00 m
CPDD loại I : 0.96 m2
CPDD loại II : 1.92 m2
S. Đào CK phải : 1.23 m2
S. Đắp CK phải : 0.38 m2
Đào cống (kênh) phải : 0.00 m2
Đắp trả kênh phải : 0.00 m2
H kênh phải : 0.00 m
L ợp mái phải : 2.71 m
Vải ĐKT phân cách : 0.00 m

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 122/KTĐ-KT
ngày 4 tháng 4 năm 2016
Người thẩm định ký tên

Phạm Văn Bình



MSS: 8.00

12.11		12.16	12.23	12.16	11.40
7.38	7.62	2.01	8.07	4.92	
3.20		3.20	8.20	2.80	2.26
13.20 13.10		13.16	13.10 13.08 13.11 13.22	13.26	11.75 11.49

CHỦ ĐẦU TƯ:
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
(ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI)
ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498

THIẾT KẾ XÂY DỰNG
TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:
TRẮC NGANG THIẾT KẾ
TUYẾN 1

CHỦ NHIỆM TK: NGUYỄN ANH TUẤN
CHỦ TRÌ TKG: BÙI MINH CHIẾN
THIẾT KẾ: NGUYỄN PHI LONG
KIỂM TRA: BÙI MINH CHIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
CƠ PHÁP KIỂM ĐỐC
PHÁT TRIỂN
HẠ TẦNG ĐÔ THỊ
AVIC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
NGUYỄN ANH TUẤN

HOÀN THÀNH: /20
BẢN VẼ SỐ: 10/18
KÝ HIỆU: TNTK
TỶ LỆ: 1/200

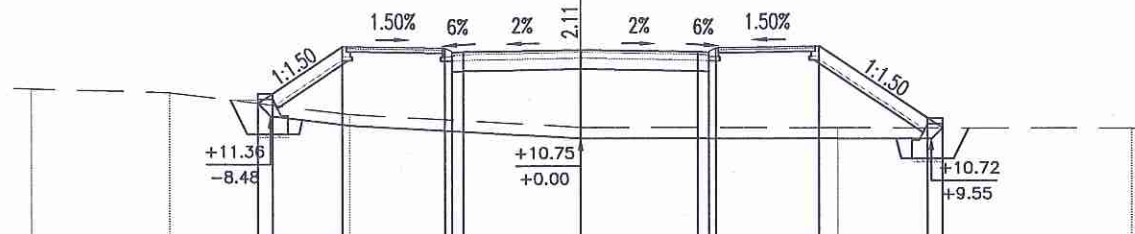
S. Đào khuôn : 0.00 m2
S. Đào đất KTH : 5.50 m2
S. Đánh cấp : 0.00 m2
S. Đào CK trái : 1.13 m2
S. Đắp CK trái : 0.49 m2
S. Đắp nền : 12.66 m2
S. Đắp taluy : 5.12 m2
S. Đắp hè : 12.98 m2
Vải ĐKT gia cường : 0.00 m
Đào cống trái : 0.00 m2
L ợp mái trái : 2.31 m

B. Mặt đường BTN : 6.40 m
B. Hề đường : 6.00 m
CPDD loại I : 0.96 m2
CPDD loại II : 1.92 m2
S. Đào CK phải : 1.19 m2
S. Đắp CK phải : 0.42 m2
Đào cống (kênh) phải : 0.00 m2
Đắp trả kênh phải : 0.00 m2
H kênh phải : 0.00 m
L ợp mái phải : 3.55 m
Vải ĐKT phân cách : 0.00 m

S. Đào khuôn : 0.00 m2
S. Đào đất KTH : 6.36 m2
S. Đánh cấp : 0.00 m2
S. Đào CK trái : 1.18 m2
S. Đắp CK trái : 0.42 m2
S. Đắp nền : 15.50 m2
S. Đắp taluy : 9.81 m2
S. Đắp hè : 15.81 m2
Vải ĐKT gia cường : 0.00 m
Đào cống trái : 0.00 m2
L ợp mái trái : 3.57 m

B. Mặt đường BTN : 6.40 m
B. Hề đường : 6.00 m
CPDD loại I : 0.96 m2
CPDD loại II : 1.92 m2
S. Đào CK phải : 1.25 m2
S. Đắp CK phải : 0.36 m2
Đào cống (kênh) phải : 0.00 m2
Đắp trả kênh phải : 0.00 m2
H kênh phải : 0.00 m
L ợp mái phải : 5.66 m
Vải ĐKT phân cách : 0.00 m

CQC: 37
KM0+298.79



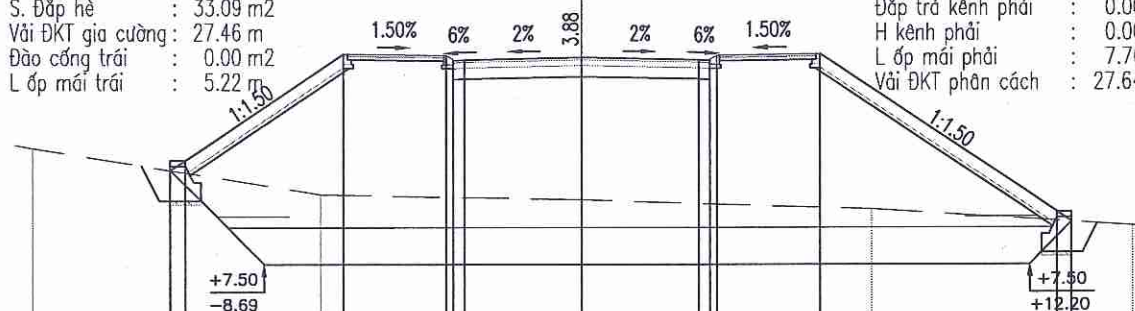
MSS: 8.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	11.71	11.97	13.25	13.21	13.11	13.08	13.10	13.16	13.10	13.08	13.11	13.21	13.25	11.29	11.02
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	0.40	1.92	2.80	0.30	3.20	3.20	0.30	2.80	2.95	0.40					
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	12.11	12.00	11.40		11.05		11.03								11.00
KHOẢNG CÁCH MIA	3.77	4.92	6.31		7.01		7.99								

S. Đào khuôn : 0.00 m2
S. Đào đất KTH : 38.32 m2
S. Đánh cấp : 0.00 m2
S. Đào CK trái : 0.90 m2
S. Đắp CK trái : 0.52 m2
S. Đắp nền : 35.52 m2
S. Đắp taluy : 33.52 m2
S. Đắp hè : 33.09 m2
Vải ĐKT gia cường : 27.46 m
Đào cống trái : 0.00 m2
L ợp mái trái : 5.22 m

B. Mặt đường BTN : 6.40 m
B. Hề đường : 6.00 m
CPDD loại I : 0.96 m2
CPDD loại II : 1.92 m2
S. Đào CK phải : 0.84 m2
S. Đắp CK phải : 0.39 m2
Đào cống (kênh) phải : 0.00 m2
Đắp trả kênh phải : 0.00 m2
H kênh phải : 0.00 m
L ợp mái phải : 7.76 m
Vải ĐKT phân cách : 27.64 m

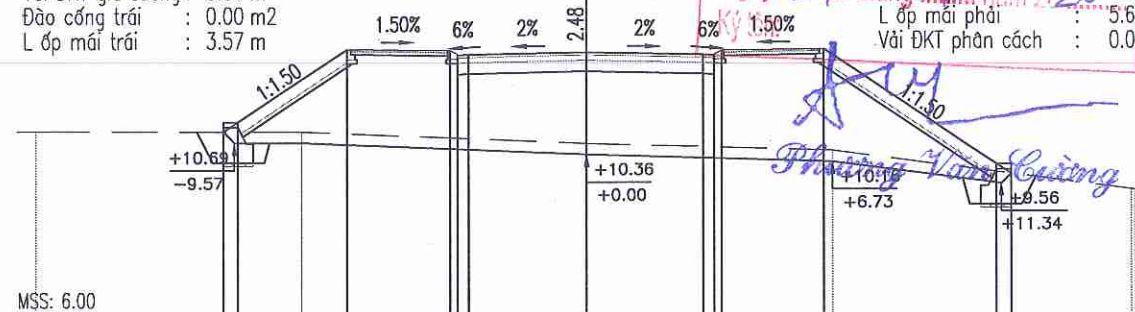
CQC: 39
KM0+306.29



MSS: 5.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	10.06	10.33	13.22	13.18	13.08	13.05	13.07	13.13	13.07	13.05	13.18	13.22	8.92	8.65
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	0.40	4.35	2.80	0.30	3.20	3.20	0.30	2.80	6.45	0.40				
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	10.66		9.40		9.25		9.00							8.55
KHOẢNG CÁCH MIA	7.86		7.14		7.90		7.10							

CQC: 38
KM0+304.29



MSS: 6.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	10.99	11.25	13.23	13.19	13.09	13.08	13.14	13.08	13.06	13.09	13.19	13.23	10.09	9.83
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	0.40	2.97	2.80	0.30	3.20	3.20	0.30	2.80	4.71	0.40				
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	11.00		10.98		10.66		10.46							9.40
KHOẢNG CÁCH MIA	7.27		7.73		6.73		8.16							6.11

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 1437/KST-KT
ngày 14 tháng 4 năm 2016
Người thẩm định ký tên

S. Đào khuôn : 0.00 m2
S. Đào đất KTH : 24.71 m2
S. Đánh cấp : 0.00 m2
S. Đào CK trái : 0.85 m2
S. Đắp CK trái : 0.43 m2
S. Đắp nền : 34.92 m2
S. Đắp taluy : 39.50 m2
S. Đắp hè : 33.02 m2
Vải ĐKT gia cường : 30.82 m
Đào cống trái : 0.00 m2
L ợp mái trái : 8.03 m

B. Mặt đường BTN : 6.40 m
B. Hề đường : 6.00 m
CPDD loại I : 0.96 m2
CPDD loại II : 1.92 m2
S. Đào CK phải : 0.86 m2
S. Đắp CK phải : 0.43 m2
Đào cống (kênh) phải : 0.00 m2
Đắp trả kênh phải : 0.00 m2
H kênh phải : 0.00 m
L ợp mái phải : 8.03 m
Vải ĐKT phân cách : 31.97 m

CQC: 40
KM0+308.29



MSS: 5.00

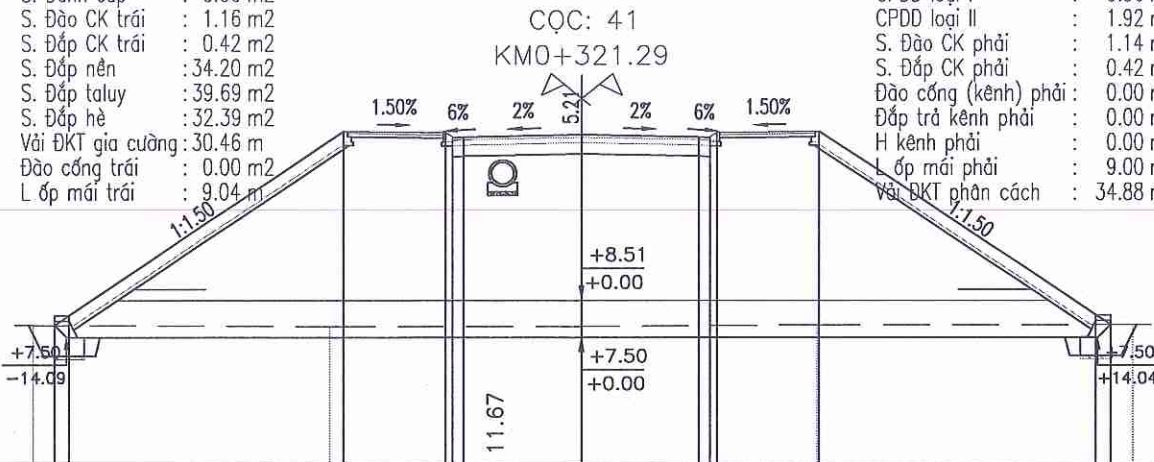
8.49 8.76			13.21	13.17 13.07 13.04 13.05	13.12	13.05 13.04 13.07 13.17	13.21		8.76 8.49
0.40	6.68	2.80	0.30 0.30	3.20	3.20	0.30 0.30	2.80	6.68	0.40
8.50		8.45			8.40		8.45		8.50
	7.64		7.36			7.46		7.54	

S. Đào khuôn : 0.00 m2
S. Đào đất KTH : 9.12 m2
S. Đánh cấp : 0.00 m2
S. Đào CK trái : 1.16 m2
S. Đập CK trái : 0.42 m2
S. Đập nền : 34.20 m2
S. Đập taluy : 39.69 m2
S. Đập hè : 32.39 m2
Vải ĐKT gia cường : 30.46 m
Đào cống trái : 0.00 m2
L ợp mái trái : 9.04 m

B. Mặt đường BTN : 6.40 m
B. Hè đường : 6.00 m
CPDD loại I : 0.96 m2
CPDD loại II : 1.92 m2
S. Đào CK phải : 1.14 m2
S. Đập CK phải : 0.42 m2
Đào cống (kênh) phải : 0.00 m2
Đập trả kênh phải : 0.00 m2
H kênh phải : 0.00 m
L ợp mái phải : 9.00 m
Vải ĐKT phân cách : 34.88 m

S. Đào khuôn : 0.00 m2
S. Đào đất KTH : 20.01 m2
S. Đánh cấp : 0.00 m2
S. Đào CK trái : 1.39 m2
S. Đập CK trái : 0.63 m2
S. Đập nền : 33.07 m2
S. Đập taluy : 32.87 m2
S. Đập hè : 31.43 m2
Vải ĐKT gia cường : 28.30 m
Đào cống trái : 0.00 m2
L ợp mái trái : 6.01 m

B. Mặt đường BTN : 6.40 m
B. Hè đường : 6.00 m
CPDD loại I : 0.96 m2
CPDD loại II : 1.92 m2
S. Đào CK phải : 0.90 m2
S. Đập CK phải : 0.52 m2
Đào cống (kênh) phải : 0.00 m2
Đập trả kênh phải : 0.00 m2
H kênh phải : 0.00 m
L ợp mái phải : 7.25 m
Vải ĐKT phân cách : 28.88 m



MSS: 4.00

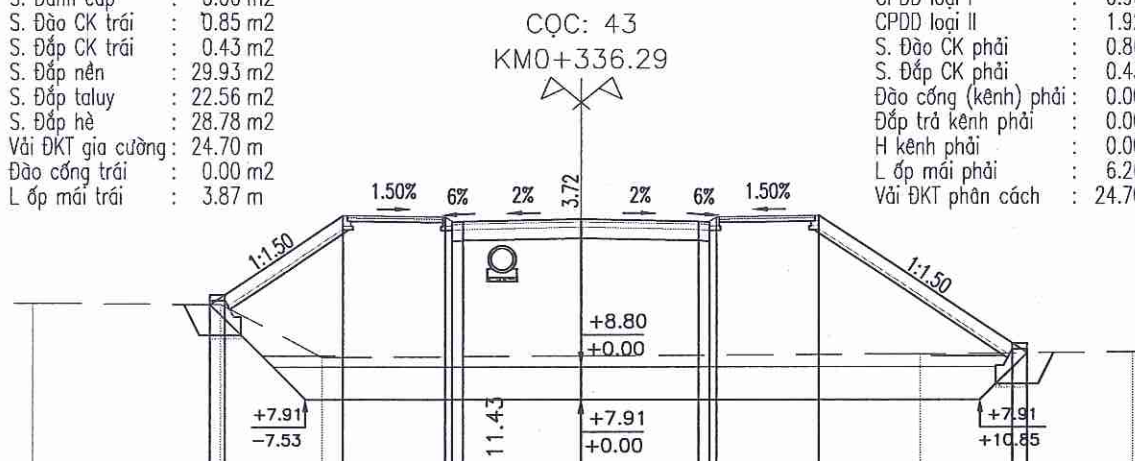
CAO ĐỘ THIẾT KẾ	7.83	13.11	13.06	13.01	12.95	13.06	13.11	8.12
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	0.40	7.52	2.80	3.20	3.20	2.80	7.49	0.40
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	7.83	7.80	7.80	7.80	7.84	7.85		
KHOẢNG CÁCH MIA		8.12	6.88	6.43	8.57			

S. Đào khuôn : 0.00 m2
S. Đào đất KTH : 24.83 m2
S. Đánh cấp : 0.00 m2
S. Đào CK trái : 0.85 m2
S. Đập CK trái : 0.43 m2
S. Đập nền : 29.93 m2
S. Đập taluy : 22.56 m2
S. Đập hè : 28.78 m2
Vải ĐKT gia cường : 24.70 m
Đào cống trái : 0.00 m2
L ợp mái trái : 3.87 m

B. Mặt đường BTN : 6.40 m
B. Hè đường : 6.00 m
CPDD loại I : 0.96 m2
CPDD loại II : 1.92 m2
S. Đào CK phải : 0.86 m2
S. Đập CK phải : 0.43 m2
Đào cống (kênh) phải : 0.00 m2
Đập trả kênh phải : 0.00 m2
H kênh phải : 0.00 m
L ợp mái phải : 6.26 m
Vải ĐKT phân cách : 24.70 m

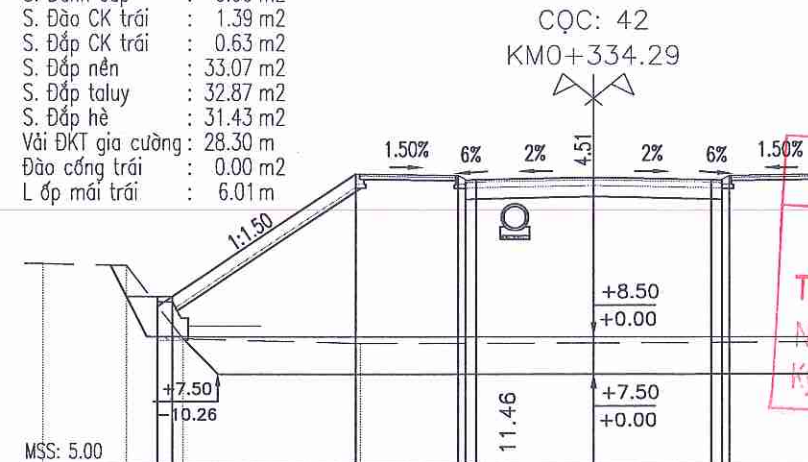
S. Đào khuôn : 0.00 m2
S. Đào đất KTH : 39.90 m2
S. Đánh cấp : 0.00 m2
S. Đào CK trái : 0.85 m2
S. Đập CK trái : 0.42 m2
S. Đập nền : 26.88 m2
S. Đập taluy : 16.32 m2
S. Đập hè : 26.12 m2
Vải ĐKT gia cường : 22.51 m
Đào cống trái : 0.00 m2
L ợp mái trái : 3.92 m

B. Mặt đường BTN : 6.40 m
B. Hè đường : 6.00 m
CPDD loại I : 0.96 m2
CPDD loại II : 1.92 m2
S. Đào CK phải : 0.86 m2
S. Đập CK phải : 0.43 m2
Đào cống (kênh) phải : 0.00 m2
Đập trả kênh phải : 0.00 m2
H kênh phải : 0.00 m
L ợp mái phải : 3.94 m
Vải ĐKT phân cách : 22.31 m



MSS: 6.00

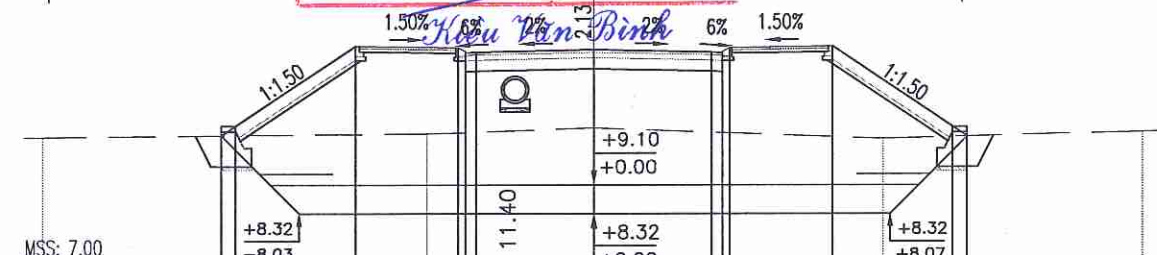
CAO ĐỘ THIẾT KẾ	10.50	12.92	12.87	12.82	12.76	12.92	9.44
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	0.40	3.22	2.80	3.20	3.20	2.80	5.21
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	10.54	10.50	9.06	9.10	9.15	9.20	
KHOẢNG CÁCH MIA		5.17	2.77	7.06	9.22	5.78	



MSS: 5.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	9.34	12.95	12.90	12.85	12.79	12.95	8.93
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	0.40	5.00	2.80	3.20	3.20	2.80	6.03
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	10.50	10.45	8.45	8.33	8.34	8.40	9.00
KHOẢNG CÁCH MIA		2.26	1.52	4.85	6.38	11.39	3.61

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 40/B-KT-KT
ngày 24 tháng 4 năm 2016
Người thẩm định ký tên



MSS: 7.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	10.45	12.88	12.84	12.79	12.73	12.88	10.70
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	0.40	3.26	2.80	3.20	3.20	2.80	3.28
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	10.40	10.50	10.66	10.37	10.56		
KHOẢNG CÁCH MIA		10.46	4.54	7.87	7.13		

CHỦ ĐẦU TƯ:
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
(ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THO - HÀ NỘI)
ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498

THIẾT KẾ XÂY DỰNG
TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:
TRẮC NGANG THIẾT KẾ
TUYẾN 1

CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN
CHỦ TRÌ TKGT	BÙI MINH CHIẾN
THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG
KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
PHÁT TRIỂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
NGUYỄN ANH TUẤN

HOÀN THÀNH: /20
BẢN VẼ SỐ: 12/18
KÝ HIỆU: TNTK
TỶ LỆ: 1/200

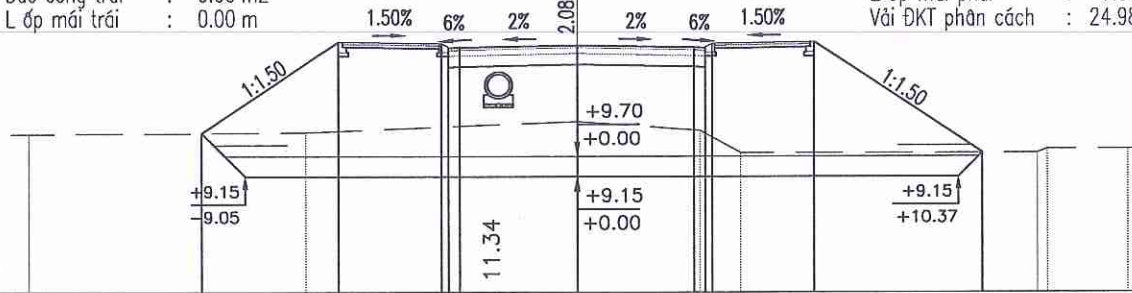
S. Đào khuôn : 0.00 m2
S. Đào đất KTH : 22.46 m2
S. Đánh cấp : 0.00 m2
S. Đào CK trái : 0.00 m2
S. Đắp CK trái : 0.00 m2
S. Đắp nền : 20.66 m2
S. Đắp taluy : 17.94 m2
S. Đắp hè : 20.80 m2
Vải ĐKT gia cường : 25.44 m
Đào cống trái : 0.00 m2
L ợp mái trái : 0.00 m

B. Mặt đường BTN : 6.40 m
B. Hề đường : 6.00 m
CPDD loại I : 0.96 m2
CPDD loại II : 1.92 m2
S. Đào CK phải : 0.00 m2
S. Đắp CK phải : 0.00 m2
Đào cống (kênh) phải : 0.00 m2
Đắp trả kênh phải : 0.00 m2
H kênh phải : 0.00 m
L ợp mái phải : 0.00 m
Vải ĐKT phân cách : 24.98 m

S. Đào khuôn : 0.00 m2
S. Đào đất KTH : 14.58 m2
S. Đánh cấp : 0.00 m2
S. Đào CK trái : 0.00 m2
S. Đắp CK trái : 0.00 m2
S. Đắp nền : 19.08 m2
S. Đắp taluy : 16.43 m2
S. Đắp hè : 19.46 m2
Vải ĐKT gia cường : 25.66 m
Đào cống trái : 0.00 m2
L ợp mái trái : 0.00 m

B. Mặt đường BTN : 6.40 m
B. Hề đường : 6.00 m
CPDD loại I : 0.96 m2
CPDD loại II : 1.92 m2
S. Đào CK phải : 0.00 m2
S. Đắp CK phải : 0.00 m2
Đào cống (kênh) phải : 0.00 m2
Đắp trả kênh phải : 0.00 m2
H kênh phải : 0.00 m
L ợp mái phải : 0.00 m
Vải ĐKT phân cách : 25.24 m

CQC: 45
KMO+342.29



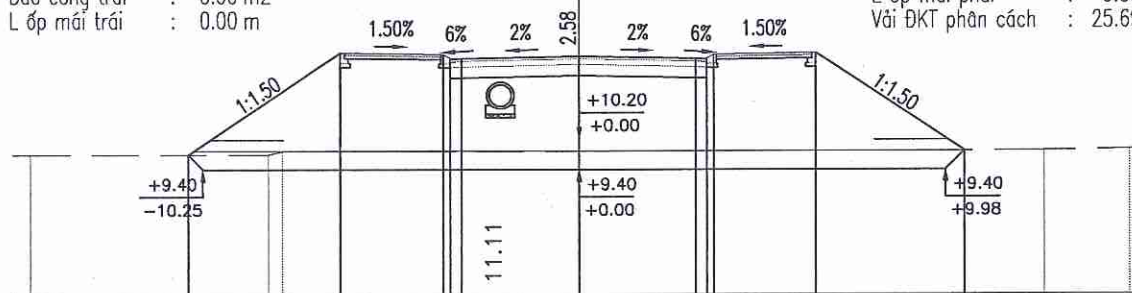
MSS: 6.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	10.33	12.82	12.78	12.67	12.64	12.73	12.66	12.67	12.78	12.82	9.80
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ		3.73	2.80	0.30	3.20	3.20	0.30	2.80	4.53		
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	10.30	10.35	10.65	10.40	9.80	9.90	9.90	9.90			
KHOẢNG CÁCH MIA	7.61	7.39	3.36	1.12	8.05	0.27	2.20				

S. Đào khuôn : 0.00 m2
S. Đào đất KTH : 10.17 m2
S. Đánh cấp : 0.00 m2
S. Đào CK trái : 0.00 m2
S. Đắp CK trái : 0.00 m2
S. Đắp nền : 17.16 m2
S. Đắp taluy : 14.52 m2
S. Đắp hè : 17.77 m2
Vải ĐKT gia cường : 26.09 m
Đào cống trái : 0.00 m2
L ợp mái trái : 0.00 m

B. Mặt đường BTN : 6.40 m
B. Hề đường : 6.00 m
CPDD loại I : 0.96 m2
CPDD loại II : 1.92 m2
S. Đào CK phải : 0.00 m2
S. Đắp CK phải : 0.00 m2
Đào cống (kênh) phải : 0.00 m2
Đắp trả kênh phải : 0.00 m2
H kênh phải : 0.00 m
L ợp mái phải : 0.00 m
Vải ĐKT phân cách : 25.69 m

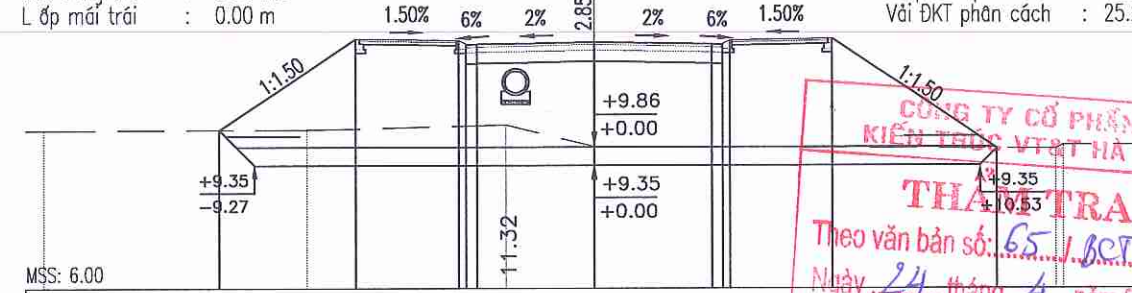
CQC: 47
KMO+356.29



MSS: 6.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	9.80	12.57	12.53	12.42	12.39	12.41	12.48	12.41	12.39	12.53	12.57	9.91
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ		4.15	2.80	0.30	3.20	3.20	0.30	2.80	3.99			
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	9.80	9.80	9.90	9.90	9.90	9.90	9.90	9.91	9.95			
KHOẢNG CÁCH MIA	6.53	0.38	8.09		12.67	2.33						

CQC: 46
KMO+343.29



MSS: 6.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	10.31	12.80	12.76	12.66	12.63	12.64	12.71	12.64	12.63	12.76	12.80	9.80
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ		3.73	2.80	0.30	3.20	3.20	0.30	2.80	4.49			
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	10.30	10.32	10.45	9.86	9.80	9.90	9.90	9.90	9.90			
KHOẢNG CÁCH MIA	7.15	5.43	2.41	12.58	0.27	2.21						

S. Đào khuôn : 0.00 m2
S. Đào đất KTH : 8.26 m2
S. Đánh cấp : 0.00 m2
S. Đào CK trái : 0.00 m2
S. Đắp CK trái : 0.00 m2
S. Đắp nền : 14.09 m2
S. Đắp taluy : 10.83 m2
S. Đắp hè : 15.19 m2
Vải ĐKT gia cường : 24.80 m
Đào cống trái : 0.00 m2
L ợp mái trái : 0.00 m

B. Mặt đường BTN : 6.40 m
B. Hề đường : 6.00 m
CPDD loại I : 0.96 m2
CPDD loại II : 1.92 m2
S. Đào CK phải : 0.00 m2
S. Đắp CK phải : 0.00 m2
Đào cống (kênh) phải : 0.00 m2
Đắp trả kênh phải : 0.00 m2
H kênh phải : 0.00 m
L ợp mái phải : 0.00 m
Vải ĐKT phân cách : 24.90 m

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 118/TB-KTĐ-KT
ngày 24 tháng 04 năm 2016
Người thẩm định ký tên
Nguyễn Văn Bình

MSS: 6.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	9.70	12.21	12.17	12.07	12.04	12.06	12.12	12.06	12.04	12.17	12.21	9.99
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ		3.77	2.80	0.30	3.20	3.20	0.30	2.80	3.34			
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	9.70	9.70	9.97	9.97	9.97	9.97	9.97	9.98	10.00			
KHOẢNG CÁCH MIA	10.48	0.34	4.18	7.85	7.15							

CHỦ ĐẦU TƯ:
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
(ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI)
ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498

THIẾT KẾ XÂY DỰNG
TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:
TRẮC NGANG THIẾT KẾ
TUYẾN 1

CHỦ NHIỆM TK: NGUYỄN ANH TUẤN
CHỦ TRÌ TKGT: BÙI MINH CHIẾN
THIẾT KẾ: NGUYỄN PHI LONG
KIỂM TRA: BÙI MINH CHIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
PHÁT TRIỂN
HẠ TẦNG ĐÔ THỊ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
NGUYỄN ANH TUẤN

HOÀN THÀNH: /20
BẢN VẼ SỐ: 13/18
KÝ HIỆU: TNTK
TỶ LỆ: 1/200

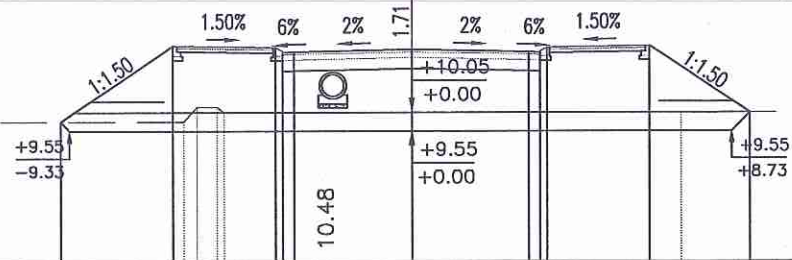
S. Đào khuôn : 0.00 m²
 S. Đào đất KTH : 8.40 m²
 S. Đánh cấp : 0.00 m²
 S. Đào CK trái : 0.00 m²
 S. Đắp CK trái : 0.00 m²
 S. Đắp nền : 11.07 m²
 S. Đắp taluy : 7.57 m²
 S. Đắp hè : 12.57 m²
 Vải ĐKT gia cường : 23.50 m
 Đào cống trái : 0.00 m²
 L đắp mái trái : 0.00 m

B. Mặt đường BTN : 6.40 m
 B. Hè đường : 6.00 m
 CPDD loại I : 0.96 m²
 CPDD loại II : 1.92 m²
 S. Đào CK phải : 0.00 m²
 S. Đắp CK phải : 0.00 m²
 Đào cống (kênh) phải : 0.00 m²
 Đắp trả kênh phải : 0.00 m²
 H kênh phải : 0.00 m
 L đắp mái phải : 0.00 m
 Vải ĐKT phân cách : 23.57 m

S. Đào khuôn : 0.00 m²
 S. Đào đất KTH : 11.00 m²
 S. Đánh cấp : 0.00 m²
 S. Đào CK trái : 0.00 m²
 S. Đắp CK trái : 0.00 m²
 S. Đắp nền : 8.07 m²
 S. Đắp taluy : 4.12 m²
 S. Đắp hè : 10.01 m²
 Vải ĐKT gia cường : 0.00 m
 Đào cống trái : 0.00 m²
 L đắp mái trái : 0.00 m

B. Mặt đường BTN : 6.40 m
 B. Hè đường : 6.00 m
 CPDD loại I : 0.96 m²
 CPDD loại II : 1.92 m²
 S. Đào CK phải : 0.00 m²
 S. Đắp CK phải : 0.00 m²
 Đào cống (kênh) phải : 0.00 m²
 Đắp trả kênh phải : 0.00 m²
 H kênh phải : 0.00 m
 L đắp mái phải : 0.00 m
 Vải ĐKT phân cách : 0.00 m

CỌC: 49
 KMO+396.29



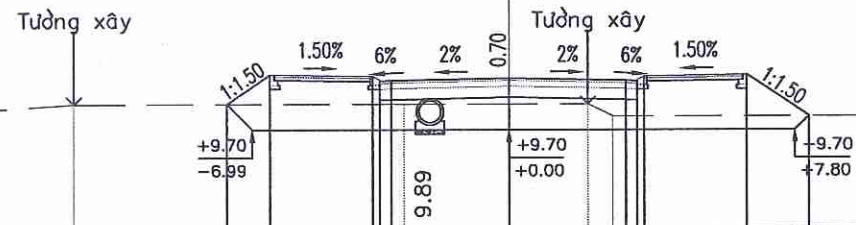
MSS: 6.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	9.80	11.86	11.81	11.71	11.68	11.70	11.68	11.81	11.86	10.04
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ		3.08	2.80	0.30	3.20	3.20	0.30	2.80	2.72	
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	9.80	9.80	10.20	10.04	10.05	10.04	10.05	10.04	10.04	10.05
KHOẢNG CÁCH MIA	8.80	0.37	0.59	5.09		7.34		7.66		

S. Đào khuôn : 0.00 m²
 S. Đào đất KTH : 9.06 m²
 S. Đánh cấp : 0.00 m²
 S. Đào CK trái : 0.00 m²
 S. Đắp CK trái : 0.00 m²
 S. Đắp nền : 5.55 m²
 S. Đắp taluy : 2.59 m²
 S. Đắp hè : 7.78 m²
 Vải ĐKT gia cường : 0.00 m
 Đào cống trái : 0.08 m²
 L đắp mái trái : 0.00 m

B. Mặt đường BTN : 6.40 m
 B. Hè đường : 6.00 m
 CPDD loại I : 0.96 m²
 CPDD loại II : 1.92 m²
 S. Đào CK phải : 0.00 m²
 S. Đắp CK phải : 0.00 m²
 Đào cống (kênh) phải : 0.00 m²
 Đắp trả kênh phải : 0.00 m²
 H kênh phải : 0.00 m
 L đắp mái phải : 0.00 m
 Vải ĐKT phân cách : 0.00 m

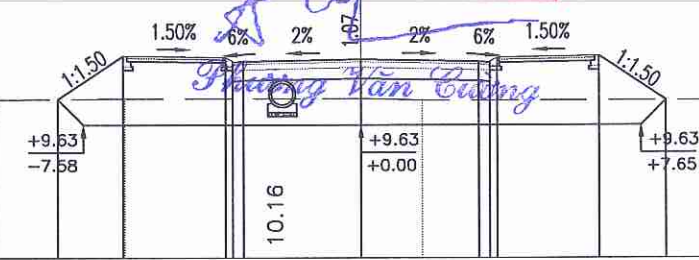
CỌC: 51
 KMO+436.29



MSS: 7.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	10.40	11.20	11.16	11.06	11.03	11.05	11.11	11.05	11.03	11.16	11.20	10.08
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ		1.20	2.80	0.30	3.20	3.20	0.30	2.80	1.68			
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	10.20	10.40	10.41	10.41	10.41	10.08	10.41	10.08	10.41	10.41	10.08	10.08
KHOẢNG CÁCH MIA	3.11	9.03	2.86	2.16	0.68	12.16						

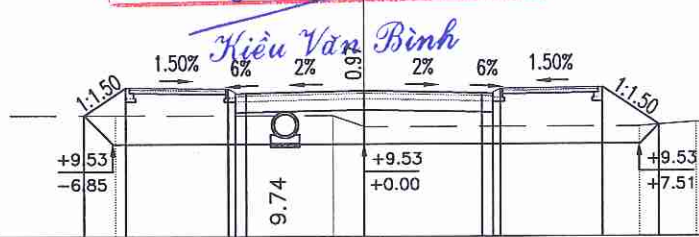
CÔNG TY CỔ PHẦN
 KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI
THẨM TRA
 Theo văn bản số: 654/BTT
 Ngày 24 tháng 4 năm 2026
 Ký tên:



MSS: 6.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	10.32	11.50	11.46	11.35	11.32	11.34	11.41	11.34	11.32	11.46	11.50	10.29
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ		1.77	2.80	0.30	3.20	3.20	0.30	2.80	1.81			
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	9.80	9.80	10.30	10.34	10.34	10.29	10.34	10.29	10.34	10.29	10.34	10.29
KHOẢNG CÁCH MIA	4.80	0.29	3.45	6.46	1.66	13.34						

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI
THẨM ĐỊNH
 Theo Văn bản số: 139/B-KTĐ-KT
 ngày 24 tháng 4 năm 2026
 Người thẩm định ký tên



MSS: 7.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	10.31	11.06	11.02	10.92	10.89	10.91	10.97	10.91	10.89	11.02	11.06	10.04
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ		1.13	2.80	0.30	3.20	3.20	0.30	2.80	1.54			
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	10.32	10.31	10.30	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00	10.00
KHOẢNG CÁCH MIA	8.22	5.95	0.84	7.51	1.55	5.31						

CHỦ ĐẦU TƯ:
 ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
 BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
 ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:
 CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
 (ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI)
 ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498

THIẾT KẾ XÂY DỰNG
TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
 DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
 ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:
 TRẮC NGANG THIẾT KẾ
 TUYẾN 1

CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN
CHỦ TRÌ TKGT	BÙI MINH CHIẾN
THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG
KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN

CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
 PHÁP TRIỂN
 HẠ TẦNG ĐÔ THỊ
 AVIC
 THÀNH PHỐ HÀ NỘI
 NGUYỄN ANH TUẤN

HOÀN THÀNH: /20
 BẢN VẼ SỐ: 14 /18
 KÝ HIỆU: TNTK
 TỶ LỆ: 1/200

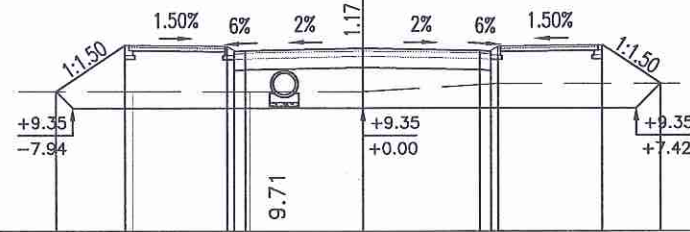
S. Đào khuôn : 0.00 m2
S. Đào đất KTH : 8.39 m2
S. Đánh cấp : 0.00 m2
S. Đào CK trái : 0.00 m2
S. Đắp CK trái : 0.00 m2
S. Đắp nền : 6.95 m2
S. Đắp taluy : 3.60 m2
S. Đắp hè : 9.05 m2
Vải ĐKT gia cường : 0.00 m
Đào cống trái : 0.00 m2
L ợp mái trái : 0.00 m

B. Mặt đường BTN : 6.40 m
B. Hề đường : 6.00 m
CPDD loại I : 0.96 m2
CPDD loại II : 1.92 m2
S. Đào CK phải : 0.00 m2
S. Đắp CK phải : 0.00 m2
Đào cống (kênh) phải : 0.00 m2
Đắp trả kênh phải : 0.00 m2
H kênh phải : 0.00 m
L ợp mái phải : 0.00 m
Vải ĐKT phân cách : 0.00 m

S. Đào khuôn : 0.00 m2
S. Đào đất KTH : 8.30 m2
S. Đánh cấp : 0.00 m2
S. Đào CK trái : 0.00 m2
S. Đắp CK trái : 0.00 m2
S. Đắp nền : 8.33 m2
S. Đắp taluy : 4.87 m2
S. Đắp hè : 10.23 m2
Vải ĐKT gia cường : 0.00 m
Đào cống trái : 0.00 m2
L ợp mái trái : 0.00 m

B. Mặt đường BTN : 6.40 m
B. Hề đường : 6.00 m
CPDD loại I : 0.96 m2
CPDD loại II : 1.92 m2
S. Đào CK phải : 0.00 m2
S. Đắp CK phải : 0.00 m2
Đào cống (kênh) phải : 0.00 m2
Đắp trả kênh phải : 0.00 m2
H kênh phải : 0.00 m
L ợp mái phải : 0.00 m
Vải ĐKT phân cách : 0.00 m

CQC: 53
KMO+476.29



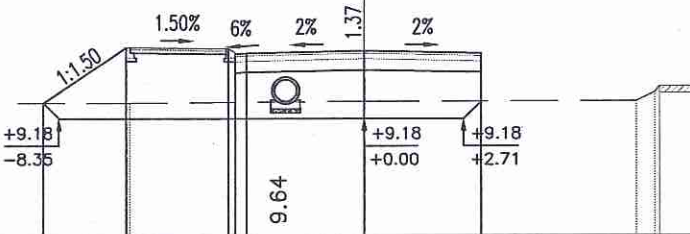
MSS: 6.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	9.81	11.07	11.03	10.92	10.91	10.97	10.91	10.89	10.92	11.03	11.07	10.02
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	1.89	2.80	0.30	3.20	3.20	0.30	2.80	1.58				
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	9.80	9.81	9.80	9.80	10.01	10.02	10.30	10.39	10.39	10.39	10.39	10.39
KHOẢNG CÁCH MIA	8.70	3.23	3.07	3.71	8.54	0.33	2.11					

S. Đào khuôn : 0.00 m2
S. Đào đất KTH : 5.15 m2
S. Đánh cấp : 0.00 m2
S. Đào CK trái : 0.00 m2
S. Đắp CK trái : 0.00 m2
S. Đắp nền : 8.00 m2
S. Đắp taluy : 2.58 m2
S. Đắp hè : 5.19 m2
Vải ĐKT gia cường : 0.00 m
Đào cống trái : 0.00 m2
L ợp mái trái : 0.00 m

B. Mặt đường BTN : 6.40 m
B. Hề đường : 3.00 m
CPDD loại I : 0.96 m2
CPDD loại II : 1.92 m2
S. Đào CK phải : 0.00 m2
S. Đắp CK phải : 0.00 m2
Đào cống (kênh) phải : 0.00 m2
Đắp trả kênh phải : 0.00 m2
H kênh phải : 0.00 m
L ợp mái phải : 0.00 m
Vải ĐKT phân cách : 0.00 m

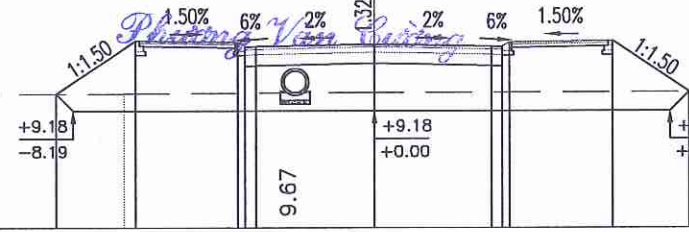
CQC: 55
KMO+516.29



MSS: 6.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	9.60	11.11	11.07	10.97	10.94	11.02	10.96	10.95				
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	2.27	2.80	0.30	3.20	3.20							
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	9.61	9.60	9.65	9.66	9.90	10.07	10.06	9.96	9.30	9.30	9.90	9.60
KHOẢNG CÁCH MIA	8.59	6.41	7.38	0.51	2.45	0.51	1.23	0.20	0.71	0.18	1.46	

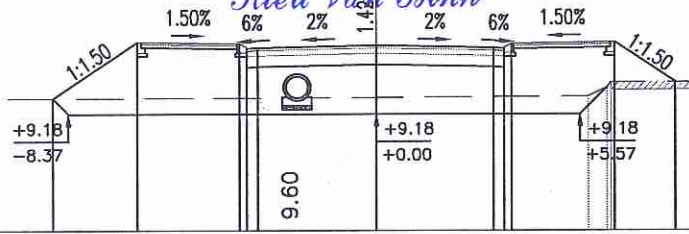
CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI
THẨM TRA
CQC: 54
KMO+496.29
Theo văn bản số: 65/VT&T
Ngày: 24 tháng 4 năm 2026
Ký tên: *Phạm Văn Bình*



MSS: 6.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	9.65	11.09	11.05	10.95	10.93	11.00	10.93	10.92	11.05	11.09	9.70	
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	2.16	2.80	0.30	3.20	3.20	0.30	2.80	2.09				
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	9.65	9.65	9.68	9.70	10.02	10.15	10.15	10.03	9.40	9.40	9.40	9.40
KHOẢNG CÁCH MIA	8.18	6.82	9.69	0.53	2.30	0.53	1.43					

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI
THẨM ĐỊNH
CQC: 56
KMO+538.29
Theo Văn bản số: 18/VT&T-KT
ngày: 4 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên: *Khiêm Văn Bình*



MSS: 6.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	9.61	11.14	11.10	10.99	10.96	11.05	10.98	10.96	11.10	11.14	10.04	
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ	2.30	2.80	0.30	3.20	3.20	0.30	2.80	1.65				
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	9.40	9.40	9.80	9.80	9.60	9.63	9.66	9.90	10.04	10.04	10.00	9.50
KHOẢNG CÁCH MIA	2.24	0.22	0.81	0.45	11.29	5.78	0.51	2.47	0.44	1.38	0.84	2.43

CHỦ ĐẦU TƯ:
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
(ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THO - HÀ NỘI)
ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498

THIẾT KẾ XÂY DỰNG
TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:
TRẮC NGANG THIẾT KẾ
TUYẾN 1

CHỦ NHIỆM TK: NGUYỄN ANH TUẤN
CHỦ TRÌ TKGT: BÙI MINH CHIẾN
THIẾT KẾ: NGUYỄN PHI LONG
KIỂM TRA: BÙI MINH CHIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
M.S. 0109055864 - 0
CÓ PHÁP ĐỀ
PHÁT TRIỂN
HẠ TẦNG ĐÔ THỊ
AVIC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
NGUYỄN ANH TUẤN

HOÀN THÀNH: /20
BẢN VẼ SỐ: 15/18
KÝ HIỆU: TNTK
TỶ LỆ: 1/200

S. Đào khuôn : 0.00 m²
 S. Đào đất KTH : 3.87 m²
 S. Đánh cấp : 0.00 m²
 S. Đào CK trái : 0.00 m²
 S. Đắp CK trái : 0.00 m²
 S. Đắp nền : 8.83 m²
 S. Đắp taluy : 4.03 m²
 S. Đắp hè : 9.00 m²
 Vải ĐKT gia cường : 0.00 m²
 Đào cống trái : 0.00 m²
 L đắp mái trái : 0.00 m²

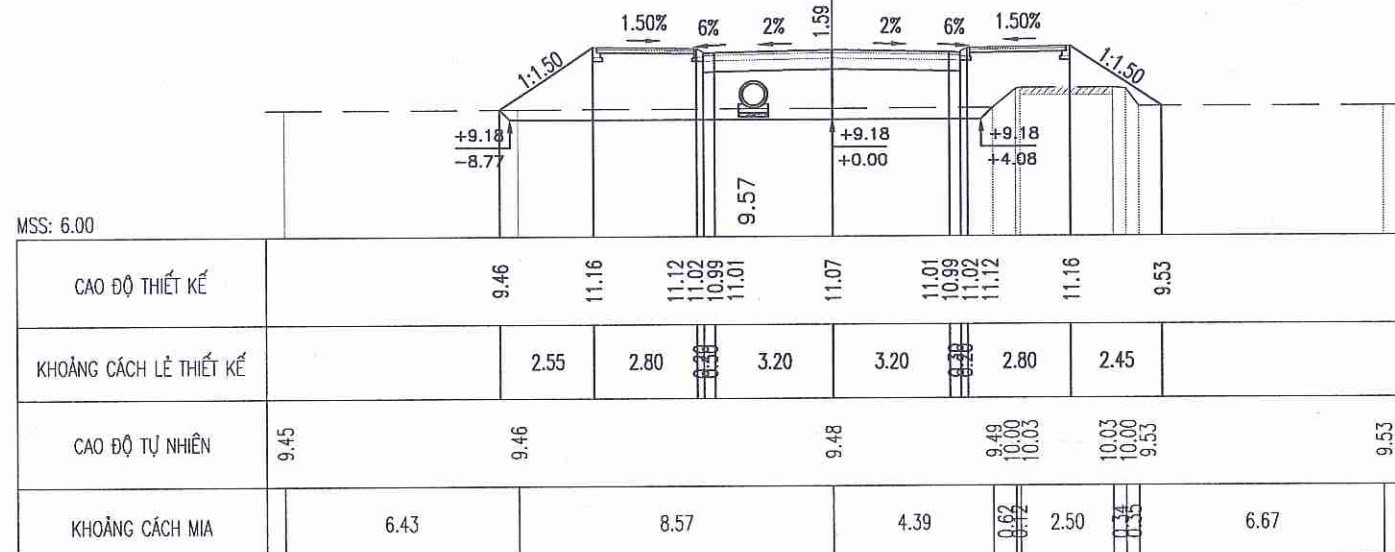
CỌC: 57
 KMO+556.29

B. Mặt đường BTN : 6.40 m
 B. Hè đường : 6.00 m
 CPDD loại I : 0.96 m²
 CPDD loại II : 1.92 m²
 S. Đào CK phải : 0.00 m²
 S. Đắp CK phải : 0.00 m²
 Đào cống (kênh) phải : 0.00 m²
 Đắp trả kênh phải : 0.00 m²
 H kênh phải : 0.00 m²
 L đắp mái phải : 0.00 m²
 Vải ĐKT phân cách : 0.00 m²

S. Đào khuôn : 0.00 m²
 S. Đào đất KTH : 3.46 m²
 S. Đánh cấp : 0.00 m²
 S. Đào CK trái : 0.00 m²
 S. Đắp CK trái : 0.00 m²
 S. Đắp nền : 8.81 m²
 S. Đắp taluy : 5.85 m²
 S. Đắp hè : 8.53 m²
 Vải ĐKT gia cường : 0.00 m²
 Đào cống trái : 0.00 m²
 L đắp mái trái : 0.00 m²

CÔNG TY CỔ PHẦN
 KIẾN TRÚC VT&T&N
 CỌC: 58
 KMO+576.29
THẨM TRA
 Theo Văn bản số: 651.BCT
 ngày 24 tháng 4 năm 2026
 Ký tên: *[Signature]*

B. Mặt đường BTN : 6.40 m
 B. Hè đường : 6.00 m
 CPDD loại I : 0.96 m²
 CPDD loại II : 1.92 m²
 S. Đào CK phải : 0.00 m²
 S. Đắp CK phải : 0.00 m²
 Đào cống (kênh) phải : 0.00 m²
 Đắp trả kênh phải : 0.00 m²
 H kênh phải : 0.00 m²
 L đắp mái phải : 0.00 m²
 Vải ĐKT phân cách : 0.00 m²



S. Đào khuôn : 0.00 m²
 S. Đào đất KTH : 3.03 m²
 S. Đánh cấp : 0.00 m²
 S. Đào CK trái : 0.00 m²
 S. Đắp CK trái : 0.00 m²
 S. Đắp nền : 7.64 m²
 S. Đắp taluy : 6.00 m²
 S. Đắp hè : 9.18 m²
 Vải ĐKT gia cường : 0.00 m²
 Đào cống trái : 0.00 m²
 L đắp mái trái : 0.00 m²

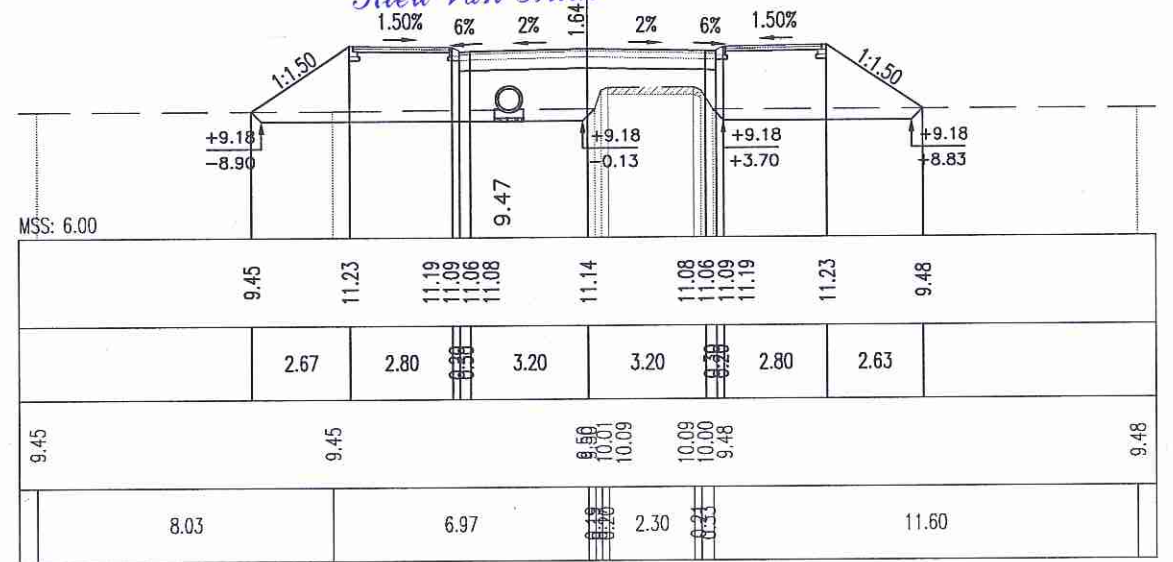
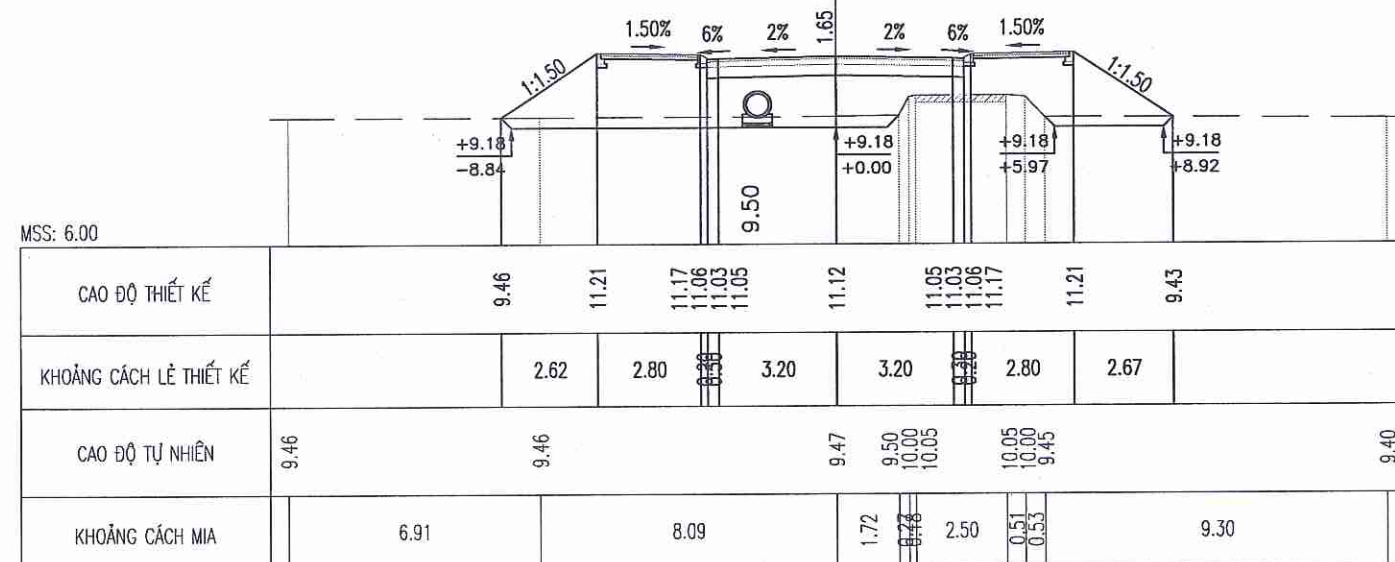
CỌC: 59
 KMO+596.29

B. Mặt đường BTN : 6.40 m
 B. Hè đường : 6.00 m
 CPDD loại I : 0.96 m²
 CPDD loại II : 1.92 m²
 S. Đào CK phải : 0.00 m²
 S. Đắp CK phải : 0.00 m²
 Đào cống (kênh) phải : 0.00 m²
 Đắp trả kênh phải : 0.00 m²
 H kênh phải : 0.00 m²
 L đắp mái phải : 0.00 m²
 Vải ĐKT phân cách : 0.00 m²

S. Đào khuôn : 0.00 m²
 S. Đào đất KTH : 2.62 m²
 S. Đánh cấp : 0.00 m²
 S. Đào CK trái : 0.00 m²
 S. Đắp CK trái : 0.00 m²
 S. Đắp nền : 6.52 m²
 S. Đắp taluy : 6.12 m²
 S. Đắp hè : 11.07 m²
 Vải ĐKT gia cường : 0.00 m²
 Đào cống trái : 0.00 m²
 L đắp mái trái : 0.00 m²

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI
THẨM ĐỊNH
 Theo Văn bản số: 317-KPĐ-K
 ngày 4 tháng 4 năm 2026
 Người thẩm định ký tên: *[Signature]*

B. Mặt đường BTN : 6.40 m
 B. Hè đường : 6.00 m
 CPDD loại I : 0.96 m²
 CPDD loại II : 1.92 m²
 S. Đào CK phải : 0.00 m²
 S. Đắp CK phải : 0.00 m²
 Đào cống (kênh) phải : 0.00 m²
 Đắp trả kênh phải : 0.00 m²
 H kênh phải : 0.00 m²
 L đắp mái phải : 0.00 m²
 Vải ĐKT phân cách : 0.00 m²



CHỦ ĐẦU TƯ:
 ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
 BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
 ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
 (ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TÔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI)
 ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498

THIẾT KẾ XÂY DỰNG
TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
 DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
 ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:
 TRẮC NGANG THIẾT KẾ
 TUYẾN 1

CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN	<i>[Signature]</i>
CHỦ TRÌ TKG	BÙI MINH CHIẾN	<i>[Signature]</i>
THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG	<i>[Signature]</i>
KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN	<i>[Signature]</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN
 PHÁT TRIỂN
 HẠ TẦNG ĐÔ THỊ
AVIC
 M.S.N: 0109055864 - C
 CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
 GIẤM ĐỐC
 NGUYỄN ANH TUẤN

HOÀN THÀNH: /20
 BẢN VẼ SỐ: 16/18
 KÝ HIỆU: TTK
 TỶ LỆ: 1/200

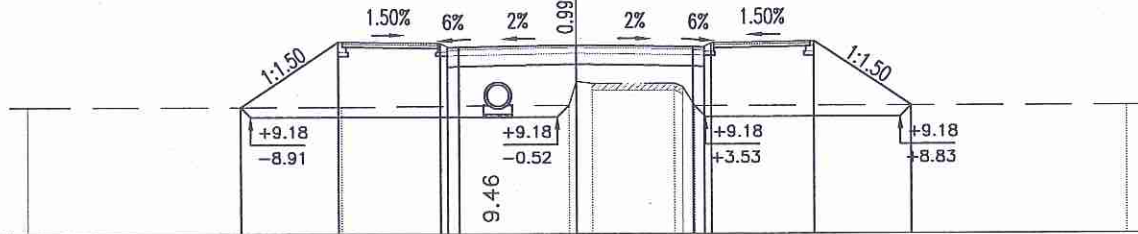
S. Đào khuôn : 0.00 m2
S. Đào đất KTH : 2.49 m2
S. Đánh cấp : 0.00 m2
S. Đào CK trái : 0.00 m2
S. Đắp CK trái : 0.00 m2
S. Đắp nền : 6.27 m2
S. Đắp taluy : 6.13 m2
S. Đắp hè : 11.10 m2
Vải ĐKT gia cường : 0.00 m
Đào cống trái : 0.00 m2
L ợp mái trái : 0.00 m

B. Mặt đường BTN : 6.40 m
B. Hệ đường : 6.00 m
CPDD loại I : 0.96 m2
CPDD loại II : 1.92 m2
S. Đào CK phải : 0.00 m2
S. Đắp CK phải : 0.00 m2
Đào cống (kênh) phải : 0.00 m2
Đắp trả kênh phải : 0.00 m
H kênh phải : 0.00 m
L ợp mái phải : 0.00 m
Vải ĐKT phân cách : 0.00 m

S. Đào khuôn : 0.00 m2
S. Đào đất KTH : 1.31 m2
S. Đánh cấp : 0.00 m2
S. Đào CK trái : 0.00 m2
S. Đắp CK trái : 0.00 m2
S. Đắp nền : 6.17 m2
S. Đắp taluy : 4.91 m2
S. Đắp hè : 11.20 m2
Vải ĐKT gia cường : 0.00 m
Đào cống trái : 0.00 m2
L ợp mái trái : 0.00 m

B. Mặt đường BTN : 6.40 m
B. Hệ đường : 6.00 m
CPDD loại I : 1.09 m2
CPDD loại II : 1.69 m2
S. Đào CK phải : 0.00 m2
S. Đắp CK phải : 0.00 m2
Đào cống (kênh) phải : 0.90 m2
Đắp trả kênh phải : 0.19 m2
H kênh phải : 1.50 m
L ợp mái phải : 0.00 m
Vải ĐKT phân cách : 0.00 m

CỌC: 61
KMO+618.29



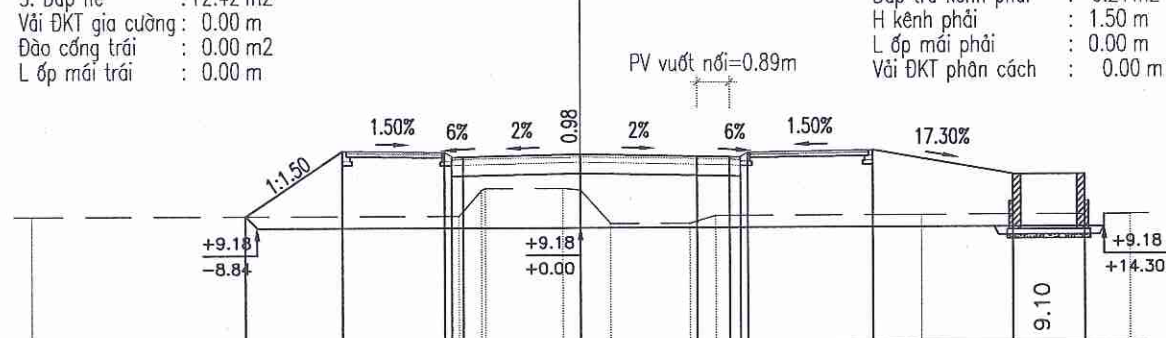
MSS: 6.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	9.45	11.24	11.19	11.09	11.06	11.14	11.08	11.06	11.19	11.24	9.48
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ		2.68	2.80	0.30	3.20	3.20	0.30	2.80	2.63		
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	9.45	9.45	9.50	10.15	10.10	10.10	10.00	9.48			9.48
KHOẢNG CÁCH MIA	8.58		6.22	0.24	2.24	0.33		11.77			

S. Đào khuôn : 0.00 m2
S. Đào đất KTH : 9.39 m2
S. Đánh cấp : 0.00 m2
S. Đào CK trái : 0.00 m2
S. Đắp CK trái : 0.00 m2
S. Đắp nền : 11.37 m2
S. Đắp taluy : 9.86 m2
S. Đắp hè : 12.42 m2
Vải ĐKT gia cường : 0.00 m
Đào cống trái : 0.00 m2
L ợp mái trái : 0.00 m

B. Mặt đường BTN : 6.40 m
B. Hệ đường : 6.59 m
CPDD loại I : 1.28 m2
CPDD loại II : 1.59 m2
S. Đào CK phải : 0.00 m2
S. Đắp CK phải : 0.00 m2
Đào cống (kênh) phải : 0.88 m2
Đắp trả kênh phải : 0.21 m2
H kênh phải : 1.50 m
L ợp mái phải : 0.00 m
Vải ĐKT phân cách : 0.00 m

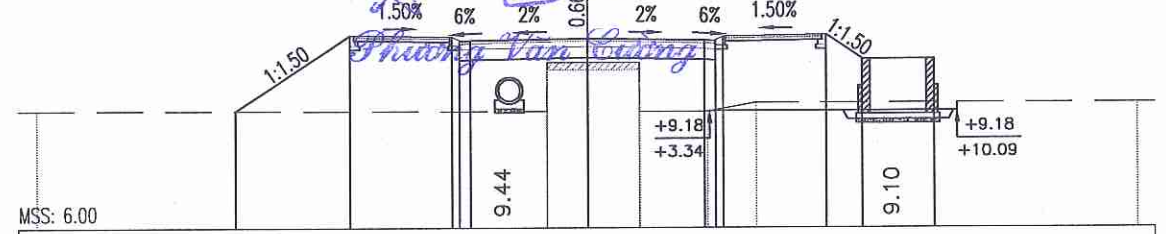
CỌC: 63
KMO+651.29



MSS: 6.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	9.50	11.27	11.23	11.13	11.12	11.18	11.12	11.08	11.11	11.21	11.27	10.60	10.60
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ		2.66	2.80	0.30	3.20	3.20	0.30	3.39	3.82	1.97			
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	9.50	9.50	10.25	10.25	10.20	9.30	9.30	9.50			9.50		9.52
KHOẢNG CÁCH MIA	11.69		0.60	2.12	0.48	0.82	2.18	0.71	5.61			5.69	

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI
COC: 62
KMO+631.29
Theo văn bản số: 65/...
Ngày 24 tháng 4 năm 2026
Ký tên: [Signature]



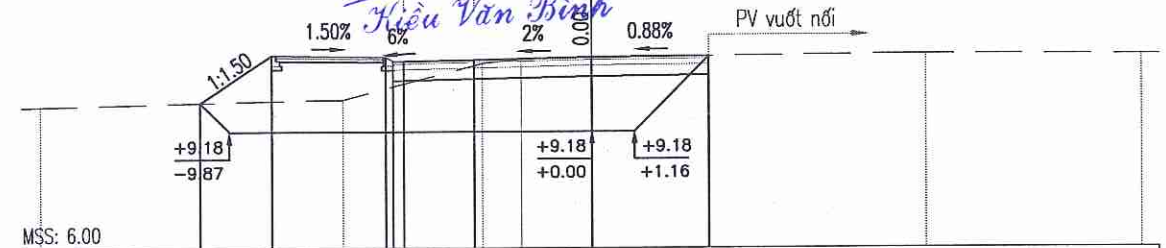
MSS: 6.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	9.19	11.25	11.21	11.11	11.08	11.09	11.16	11.09	11.11	11.21	11.25	10.60	10.60
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ		3.09	2.80	0.30	3.20	3.20	0.30	2.80	0.98	1.97			
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	9.20	9.17	10.50	10.50	10.50	9.17	9.40						9.40
KHOẢNG CÁCH MIA	13.87		0.02	1.1	1.40	0.02	1.87	1.31				10.41	

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 164/KOTĐ-KT
ngày 4 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên: [Signature]
PV vượt nối=1.92m

S. Đào khuôn : 0.21 m2
S. Đào đất KTH : 18.37 m2
S. Đánh cấp : 0.00 m2
S. Đào CK trái : 0.00 m2
S. Đắp CK trái : 0.00 m2
S. Đắp nền : 10.64 m2
S. Đắp taluy : 2.47 m2
S. Đắp hè : 6.17 m2
Vải ĐKT gia cường : 0.00 m
Đào cống trái : 0.00 m2
L ợp mái trái : 0.00 m

B. Mặt đường BTN : 6.40 m
B. Hệ đường : 3.29 m
CPDD loại I : 0.96 m2
CPDD loại II : 1.92 m2
S. Đào CK phải : 0.00 m2
S. Đắp CK phải : 0.00 m2
Đào cống (kênh) phải : 0.00 m2
Đắp trả kênh phải : 0.00 m2
H kênh phải : 0.00 m
L ợp mái phải : 0.00 m
Vải ĐKT phân cách : 0.00 m



MSS: 6.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ	9.97	11.26	11.21	11.11	11.08	11.10	11.14	11.20	11.23				
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ		1.94	3.09	0.30	3.20	3.20							
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	9.87	10.05	11.03	11.15	11.20								11.26
KHOẢNG CÁCH MIA	8.20		3.82	1.05	1.93		9.10				5.90		

CHỦ ĐẦU TƯ:
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
(ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TÔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI)
DIỆN THOẠI: 032 697 5498

THIẾT KẾ XÂY DỰNG
TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:
TRẮC NGANG THIẾT KẾ
TUYẾN 1

CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN	[Signature]
CHỦ TRÍ KTG	BÙI MINH CHIẾN	[Signature]
THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG	[Signature]
KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN	[Signature]

CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN
HẠ TẦNG ĐÔ THỊ
AVIC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

M.S. SỐ: 0109055864

NGUYỄN ANH TUẤN

HOÀN THÀNH: /20
BẢN VẼ SỐ: 17/18
KÝ HIỆU: TNTK
TỶ LỆ: 1/200

S. Đào đất C2 : 0.00 m2
S. Đào khuôn : 0.00 m2
S. Đào đất KTH: 0.00 m2
S. Đào bùn : 0.00 m2
S. Đánh cấp : 0.00 m2
S. Đào CK trái : 0.00 m2
S. Đào CK phải : 0.00 m2
S. Đào cát : 0.00 m2
S. Đào đất : 0.00 m2
S. Đào taluy : 0.00 m2
B. đắp mái trái : 0.00 m

B. Mặt đường BTN : 0.00 m
B. Hè đường : 0.00 m
CPDD loại I : 0.00 m2
CPDD loại II : 0.00 m2
S. Đào CK phải : 0.00 m2
S. Đào CK phải : 0.00 m2
B. đắp mái phải : 0.00 m
Vải ĐKT gia cường : 0.00 m
Vải ĐKT phân cách : 0.00 m

CỌC: CT
KMO+672.79

0.00

MSS: 8.00

CAO ĐỘ THIẾT KẾ						
KHOẢNG CÁCH LỀ THIẾT KẾ						
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	11.20 11.20	11.25	11.35	11.14 11.10	11.10	11.10
KHOẢNG CÁCH MIA	1.37	13.63	13.93	1.07		

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI
THẨM TRA
Theo văn bản số: 651/BCT
Ngày 24 tháng 4 năm 2026
Ký tên: *[Signature]*
Phạm Văn Cường

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 181/B-KOTD-KT
ngày 24 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên
[Signature]
Kiều Văn Bình

CHỦ ĐẦU TƯ: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG	THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI	TÊN BẢN VẼ: TRẮC NGANG THIẾT KẾ TUYẾN 1	CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN	<i>[Signature]</i>	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC M.S. NV: 0109055864 - C PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC THÀNH PHỐ HÀ NỘI GIÁM ĐỐC <i>[Signature]</i> NGUYỄN ANH TUẤN	HOÀN THÀNH: /20
			CHỦ TRÌ TKGT	BÙI MINH CHIẾN	<i>[Signature]</i>		BẢN VẼ SỐ: 18 /18
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC (ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI) ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498			THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG	<i>[Signature]</i>		KÝ HIỆU: TNTK
			KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN	<i>[Signature]</i>		TỶ LỆ: 1/200

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI

THẨM TRA

Theo văn bản số: 651/BCTT

Ngày 24 tháng 4 năm 2026

Ký tên:

Phường Văn Cường

Bảng yếu tố cong																	
TT	R	A	T	P	D	K	L1	L2	isc	Wt	Wp	W	Tên Cọc	Tọa độ X	Tọa độ Y	H	Ghi chú
1	600.00	171d40'4.6"	43.70	1.59	0.15	87.25	0.00	0.00	it1=2.00%;ip1=2.00%	w1=0.00	w1=0.00	0.00	D1	541046.00	2348948.27		Trái

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH

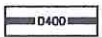
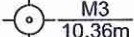
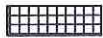
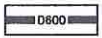
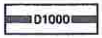
Theo Văn bản số 145/TB-KOTĐ-KT

ngày 24 tháng 4 năm 2026

Người thẩm định ký tên

Kiên Văn Bình

GHI CHÚ:

	: Mặt đường		: Cốt tròn BTCT B400		: Mốc cao độ
	: Hè đường		: Cốt tròn BTCT D600		: Nhà dân
	: Vuốt nổi		: Cốt tròn BTCT D1000		: Cây cối
	: Đá học ốp mái taluy		: Hướng thoát nước		: Cột điện
	: Kè đá học				: Hố ga thăm
					: Hố ga thu

CHỦ ĐẦU TƯ: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG		THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI		TÊN BẢN VẼ: GHI CHÚ CHUNG TUYẾN 1		CHỦ NHIỆM TK NGUYỄN ANH TUẤN		CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC CỔ PHẦN AM ĐỐC PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC THÀNH PHỐ HÀ NỘI		HOÀN THÀNH: /20	
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC (ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI)						CHỦ TRÌ TKGT BÙI MINH CHIẾN				BẢN VẼ SỐ: 01/01	
						THIẾT KẾ NGUYỄN PHI LONG				KÝ HIỆU: GCC	
		KIỂM TRA BÙI MINH CHIẾN		TỶ LỆ:							

BẢNG KHỐI LƯỢNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG TUYẾN 1
DỰ ÁN : ĐƯỜNG TRỤC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI



STT	Hạng mục	Đơn vị	Diễn giải	Khôi lượng			Ghi chú
				Tuyến	Vuốt Nối	Tổng	
I	Nền đường						
1	Chiều dài tuyến	m		672.79		672.79	Lt
2	Diện tích mặt đường	m ²	S _{KC1} +S _{KC2}	4,247.33	392.03	4639.36	Smd
3	Đào đất không thích hợp	m ³	Bảng KL chi tiết	9,993.58	117.61	10111.19	
4	Đào phá kết cấu cũ	m ³	Bảng KL chi tiết	-	39.43	39.43	
5	Cất mặt đường	m	Bảng KL chi tiết	-	-	0.00	
6	Đắp đất nền đường	m ³	Bảng KL chi tiết	10,347.80	-	10347.80	Trừ để cống D600, D1000 chiếm chỗ: -0.150*0.25*384-0.33*0.25*327
7	Đắp taluy	m ³	Bảng KL chi tiết	7,679.52	-	7679.52	
8	Đắp đất hè đường	m ³	Bảng KL chi tiết	10,598.56	-	10598.56	Trừ để cống D400 chiếm chỗ: -0.075*0.25*492
9	Đào khuôn đường	m ³	Bảng KL chi tiết	5.69	176.41	182.10	
10	Vải địa kỹ thuật phân cách	m ²	Bảng KL chi tiết	7,354.95	-	7354.95	
11	Vải địa kỹ thuật gia cường	m ²	Bảng KL chi tiết	7,297.19	-	7297.19	
II	Mặt đường						
1	Kết cấu 1: Mặt đường BTN làm mới (KC1)	m ²	Bảng KL chi tiết	4,247.33	392.03	4639.36	S _{KC1}
a	Diện tích mặt đường BTN chặt C12.5 dày 7cm	m ²	S _{KC1}	4,247.33	392.03	4639.36	
b	Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1.0kg/m ² (Nhựa MC30)	m ²	S _{KC1}	4,247.33	392.03	4639.36	
c	Cấp phối đá dăm loại I dày 15cm	m ³	Bảng KL chi tiết	644.92	58.80	703.73	
d	Cấp phối đá dăm loại II dày 30cm	m ³	Bảng KL chi tiết+0,30*L _{dr} *0.3	1,386.27	117.61	1503.88	
2	Kết cấu 2: Mặt đường BTN tăng cường loại 1 (KC2)	m ²	Bảng KL chi tiết	-	-	0.00	S _{KC2}
a	Diện tích mặt đường BTN chặt C12.5 dày 7cm	m ²	S _{KC2}	-	-	0.00	
b	Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1.0kg/m ² (Nhựa MC30)	m ²	S _{KC2}	-	-	0.00	
c	Cấp phối đá dăm loại I bù vênh	m ³	Bảng KL chi tiết	-	-	0.00	
III	Hè đường						
III.1	Lát gạch bê tông vân đá						
1	Diện tích lát gạch BTXM giả đá (KT:40x40x4.5cm)	m ²	Bảng KL chi tiết	3,358.69	-	3358.69	Slg
2	Lớp vữa xi măng M100 dày 2cm	m ²	Slg	2,865.07	-	2865.07	
3	Lớp BTXM đá 2x4 M150 dày 8cm	m ³	0,08*Slg	268.70	-	268.70	
4	Lớp nilon lót móng	m ²	Slg	3,358.69	-	3358.69	
III.2	Bó vỉa hè						
1	Chiều dài bó vỉa	m	L _{bv1} +L _{bv2}	1,358.16	-	1358.16	Lbv
a	Chiều dài bó vỉa trên đường thẳng (KT: 26x23x100cm)	m	Bảng KL chi tiết	1,237.77	-	1237.77	
b	Chiều dài bó vỉa trên đường cong (KT: 26x23x25cm)	m	Bảng KL chi tiết	120.39	-	120.39	
2	Bê tông bó vỉa vát 26x23cm M300	m ³	0.05*Lbv	67.91	-	67.91	



STT	Hạng mục	Đơn vị	Diễn giải	Khối lượng			Ghi chú
				Tuyến	Vuốt Nối	Tổng	
3	Ván khuôn bó vỉa	m2	0.9*Lbv	1,222.34	-	1222.34	
4	Lắp đặt bó vỉa	viên	Tổng số lượng bó vỉa	1,358.00	-	1358.00	
a	Lắp đặt bó vỉa trên đường thẳng (KT: 26x23x100cm)	viên	L _{bv1} /1	1,238.00	-	1238.00	
b	Lắp đặt bó vỉa trên đường cong (KT: 26x23x25cm)	viên	L _{bv2} /0,25	482.00	-	482.00	
5	Lớp vữa xi măng đệm M100 dày 2cm	m2	L _{bv} *0,26	353.12	-	353.12	
6	Bê tông lót móng bó vỉa đá 2x4 M150	m3	L _{bv} *0,31*0,1	42.10	-	42.10	
7	Ván khuôn bê tông lót móng bó vỉa	m2	L _{bv} *0.1	135.82	-	135.82	
III.3	Đan rãnh						
1	Chiều dài đan rãnh (KT: 50x30x6cm)	m	Bảng KL chi tiết	1,352.51	-	1352.51	
2	Lắp đặt tấm đan rãnh (KT: 50x30x6cm)	tấm	Tổng số lượng tấm đan rãnh	2,705.00	-	2705.00	
3	BTXM tấm đan rãnh M300, đá 1x2	m3	0,5*0,3*0,06*A	24.35	-	24.35	
4	Ván khuôn tấm đan rãnh	m2	(0,5+0,3)*2*0,06*A	259.68	-	259.68	
5	Lớp vữa xi măng đệm M100 dày 2cm	m2	L _{dr} *0,3	405.75	-	405.75	
6	Bê tông lót móng đan rãnh đá 2x4 M150	m3	L _{dr} *0,3*0,14	56.81	-	56.81	
7	Ván khuôn bê tông lót móng đan rãnh	m2	L _{dr} *0,14	189.35	-	189.35	
III.4	Bó gậy hè						
1	Chiều dài bó gậy hè	m	Bảng KL chi tiết	1,277.28	-	1277.28	
2	Móng BTXM đá 2x4 M150 dày 10cm	m3	0,27*0,1*Lbg	34.49	-	34.49	
3	Ván khuôn móng	m2	0,1*2*Lbg	255.46	-	255.46	
4	Xây gạch không nung VXM M75	m3	0.11*(0.28+0.14)*Lbg	59.01	-	59.01	
5	Trát bó gậy VXM M75	m2	0,39*Lbg	498.14	-	498.14	
III.5	Bồn cây						
1	Số lượng bồn cây	m	Bảng KL chi tiết	122.00	-	122.00	N
2	Móng BTXM M150 đá 2x4	m3	0,09*N	10.98	-	10.98	
3	Ván khuôn móng	m2	0,88*N	107.36	-	107.36	
4	Bê tông bó bồn BTXM M300 đá 1x2	m3	0,07*N	8.54	-	8.54	
5	Ván khuôn bó vỉa bồn cây	m2	1.32*N	161.04	-	161.04	
6	Số lượng cây trồng mới	cây	Thống kê trên bình đồ	122.00	-	122.00	
7	Gạch 8 lỗ 390x260x80mm						
a	Diện tích đặt gạch 8 lỗ 390x260x80mm	m2	1*1*N	122.00	-	122.00	S
b	Số lượng gạch 8 lỗ	viên	S/(0.39*0.26)	1,203.00	-	1203.00	
8	Số lượng cọc chống cây bằng thép H=1,5m	bộ	N	122.00	-	122.00	

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số 111/ĐB-KTĐP/ĐT
ngày 24 tháng 4 năm 2026

Người thẩm định ký tên

Kiều Văn Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VT&K HÀ NỘI

THẨM TRA

Theo văn bản số: 65/BC/TT
Ngày 24 tháng 4 năm 2026

Ký tên:

Phượng Văn Cường



BẢNG KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT ĐƯỜNG GIAO THÔNG TUYẾN 1
DỰ ÁN : ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI
THẨM TRA
Theo văn bản số: 65/BCN

Tên cọc	K/C lẻ	Diện tích(m2)										Khối lượng(m3)										Ngày đăng ký	S kết cấu 1 (KC1)	S kết cấu 2 (KC2)	Cấp phối đá dăm loại I	Cấp phối đá dăm loại II	Cắt mặt đường cũ	Đào kết cầu cũ
		Đắp đất nền đường	Đắp taluy	Đắp hè đường	Đào đất KTH	Vải ĐTK phân cách (m)	Vải ĐTK gia cường (m)	Đào khuôn đường	B kết cấu 1 (KC1)	B kết cấu 2 (KC2)	Cấp phối đá dăm loại I	Cấp phối đá dăm loại II	Cắt mặt đường cũ	Đào kết cầu cũ	Đắp đất nền đường	Đắp taluy	Đắp hè đường	Đào đất KTH	Vải ĐTK phân cách (m2)	Vải ĐTK gia cường (m2)	Đào khuôn đường							
DT		2.62	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	19.66	-	18.59	63.34	-	-	0.44	20.13			3.02	6.04	-	-
1	6.29	3.63	-	5.91	20.14	-	-	0.14	6.40		0.96	1.92			40.37	-	82.45	209.33	-	-	0.77	70.40			10.56	21.12	-	-
2	11.00	3.71	-	9.08	17.92	-	-	-	6.40		0.96	1.92			71.74	-	147.82	282.54	-	-	0.51	108.80			16.32	32.64	-	-
3	17.00	4.73	-	8.31	15.32	-	-	0.06	6.40		0.96	1.92			94.18	-	174.59	286.79	-	-	1.11	108.80			16.32	32.64	-	-
4		6.35	-	12.23	18.42	-	-	0.07	6.40		0.96	1.92			6.78	-	12.30	15.82	-	-	0.07	6.40			0.96	1.92	-	-
5	1.00	7.20	-	12.37	13.21	-	-	0.06	6.40		0.96	1.92			15.54	-	12.37	18.68	-	-	0.06	12.80			1.92	3.84	-	-
6	2.00	8.34	-	-	5.47	-	-	-	6.40		0.96	1.92			13.19	-	-	14.79	-	-	-	6.40			0.96	1.92	-	-
7	1.00	18.03	-	-	24.10	-	-	-	6.40		0.96	1.92			173.80	-	43.83	294.42	-	-	0.56	89.34			13.40	26.80	-	-
TD1	13.96	6.87	-	6.28	18.08	-	-	0.08	6.40		0.96	1.92			79.65	-	77.39	196.24	-	-	0.50	70.66			10.60	21.20	-	-
8	11.04	7.56	-	7.74	17.47	-	-	0.01	6.40		0.96	1.92			91.47	-	93.56	156.09	-	-	0.06	70.40			10.56	21.12	-	-
9		9.07	-	9.27	10.91	-	-	-	6.40		0.96	1.92			17.43	-	18.94	21.92	-	-	-	12.80			1.92	3.84	-	-
10	2.00	8.36	-	9.67	11.01	-	-	-	6.40		0.96	1.92			29.26	3.36	70.81	73.43	-	-	-	44.80			6.72	13.44	-	-
11	7.00	-	0.96	10.56	9.97	-	-	-	6.40		0.96	1.92			8.95	1.89	21.31	19.77	-	-	-	12.80			1.92	3.84	-	-
12	2.00	8.95	0.93	10.75	9.80	-	-	-	6.40		0.96	1.92			117.71	22.61	127.24	117.87	-	-	-	67.78			10.17	20.33	-	-
P1	10.59	13.28	3.34	13.28	12.46	-	-	-	6.40		0.96	1.92			68.85	23.37	74.55	55.38	-	-	-	37.82			5.67	11.35	-	-
13	5.91	10.02	4.57	11.95	6.28	-	-	-	6.40		0.96	1.92			23.89	14.81	24.32	30.07	12.77	24.40	-	6.40			0.96	1.92	-	-
14	1.00	37.76	25.05	36.68	53.86	25.53	48.79	-	6.40		0.96	1.92			76.51	52.68	73.08	92.17	52.47	98.21	-	12.80			1.92	3.84	-	-
15	2.00	38.75	27.63	36.40	38.31	26.94	49.42	-	6.40		0.96	1.92			602.25	563.58	567.77	655.88	471.05	602.49	-	99.20			14.88	29.76	-	-
16	15.50	38.96	45.09	36.86	46.32	33.84	28.32	-	6.40		0.96	1.92			509.60	574.08	481.91	602.55	429.72	369.53	-	83.20			12.48	24.96	-	-
17	13.00	39.44	43.23	37.28	46.38	32.27	28.53	-	6.40		0.96	1.92			78.93	76.02	74.63	96.84	61.31	54.02	-	12.80			1.92	3.84	-	-
18	2.00	39.49	32.79	37.35	50.46	29.04	25.49	-	6.40		0.96	1.92			166.57	117.02	146.68	210.10	112.30	100.96	-	26.94			4.04	8.08	-	-
TC1	4.21	39.64	22.80	32.33	49.35	24.31	22.47	-	6.40		0.96	1.92			634.63	430.01	561.16	654.46	469.00	452.56	-	120.26			18.04	36.08	-	-
19	18.79	27.91	22.97	27.40	20.31	25.61	25.70	-	6.40		0.96	1.92			579.60	528.30	566.20	433.40	538.80	539.60	-	128.00			19.20	38.40	-	-
20	20.00	30.05	29.86	29.22	23.03	28.27	28.26	-	6.40		0.96	1.92			591.19	578.74	572.57	458.09	522.03	524.12	-	121.60			18.24	36.48	-	-
21	19.00	32.18	31.06	31.05	25.19	26.68	26.91	-	6.40		0.96	1.92			64.59	60.81	62.29	66.03	58.98	52.28	-	12.80			1.92	3.84	-	-
22	2.00	32.41	29.75	31.24	40.84	32.30	25.37	-	6.40		0.96	1.92			396.60	354.00	381.84	490.62	377.82	307.86	-	76.80			11.52	23.04	-	-
23	12.00	33.69	29.25	32.40	40.93	30.67	25.94	-	6.40		0.96	1.92			430.38	320.13	412.44	507.19	360.81	318.38	-	80.00			12.00	24.00	-	-
24	12.50	35.17	21.97	33.59	40.22	27.06	25.00	-	6.40		0.96	1.92			35.22	21.46	33.65	45.39	26.77	24.77	-	6.40			0.96	1.92	-	-
25	1.00	35.26	20.95	33.70	50.55	26.48	24.54	-	6.40		0.96	1.92			55.30	34.42	53.79	68.46	51.85	50.22	-	12.80			1.92	3.84	-	-
26	2.00	20.04	13.47	20.09	17.91	25.37	25.68	-	6.40		0.96	1.92			20.10	13.98	20.12	15.00	26.06	26.19	-	6.40			0.96	1.92	-	-
27	1.00	20.15	14.48	20.15	12.08	26.75	26.69	-	6.40		0.96	1.92			408.43	303.13	406.38	229.52	511.58	526.70	-	12.80			18.72	37.44	-	-
28	19.50	21.74	16.61	21.53	11.46	25.72	27.33	-	6.40		0.96	1.92			449.00	314.70	437.70	283.30	499.70	515.80	-	128.00			19.20	38.40	-	-
28	20.00																											

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 16/TB-KOĐ-KT
ngày 14 tháng 4 năm 2016
Người thẩm định ký tên
Nguyễn Văn Bình

M.S.D.N: 010905586
CÔNG TY
CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN
HÀ TĂNG ĐỘ THỊ
HÀ NỘI

Tên cọc	K/C lẻ	Diện tích(m2)												Khối lượng(m3)												
		Đắp đất nền đường	Đắp taluy	Đắp hè đường	Đào đất KTH	Vải ĐTK phân cách (m)	Vải ĐTK gia cường (m)	Đào khuôn đường	B kết cấu 1 (KC1)	B kết cấu 2 (KC2)	Cấp phối đá dăm loại I	Cấp phối đá dăm loại II	Cắt mặt đường cũ	Đào kết cấu cũ	Đắp đất nền đường	Đắp taluy	Đắp hè đường	Đào đất KTH	Vải ĐTK phân cách (m2)	Vải ĐTK gia cường (m2)	Đào khuôn đường	S kết cấu 1 (KC1)	S kết cấu 2 (KC2)	Cấp phối đá dăm loại I	Cấp phối đá dăm loại II	Cắt mặt đường cũ
29		23.16	14.86	22.24	16.87	24.25	24.25	-	6.40		0.96	1.92														
	1.00													23.17	15.38	22.25	20.59	23.62	23.65	6.40		0.96	1.92	-	-	
30		23.17	15.90	22.25	24.31	22.99	23.04	-	6.40		0.96	1.92														
	3.00													41.31	23.85	33.38	39.21	34.49	34.56	-	19.20	-	2.88	5.76	-	-
31		4.37	-	-	1.83	-	-	-	6.40		0.96	1.92														
	2.00													10.89	-	5.33	4.62	-	-	-	12.80	-	1.92	3.84	-	-
32		6.52	-	5.33	2.79	-	-	-	6.40		0.96	1.92														
	1.00													9.05	-	6.06	2.80	-	-	-	6.40	-	0.96	1.92	-	-
33		11.57	-	6.78	2.81	-	-	-	6.40		0.96	1.92														
	2.00													23.72	-	13.57	5.63	-	-	-	12.80	-	1.92	3.84	-	-
34		12.15	-	6.79	2.82	-	-	-	6.40		0.96	1.92														
	1.00													9.59	-	6.72	2.82	-	-	-	6.40	-	0.96	1.92	-	-
35		7.03	-	6.64	2.82	-	-	-	6.40		0.96	1.92														
	2.50													14.84	2.26	13.81	8.05	-	-	-	16.00	-	2.40	4.80	-	-
36		4.84	1.81	4.41	3.62	-	-	-	6.40		0.96	1.92														
	2.00													17.50	6.93	17.39	9.12	-	-	-	12.80	-	1.92	3.84	-	-
37		12.66	5.12	12.98	5.50	-	-	-	6.40		0.96	1.92														
	5.50													77.44	41.06	79.17	32.62	-	-	-	35.20	-	5.28	10.56	-	-
38		15.50	9.81	15.81	6.36	-	-	-	6.40		0.96	1.92														
	2.00													51.02	43.33	48.90	44.68	27.64	27.46	-	12.80	-	1.92	3.84	-	-
39		35.52	33.52	33.09	38.32	27.64	27.46	-	6.40		0.96	1.92														
	2.00													70.44	73.02	66.11	63.03	59.61	58.28	-	12.80	-	1.92	3.84	-	-
40		34.92	39.50	33.02	24.71	31.97	30.82	-	6.40		0.96	1.92														
	13.00													449.28	514.74	425.17	219.90	434.53	398.32	-	83.20	-	12.48	24.96	-	-
41		34.20	39.69	32.39	9.12	34.88	30.46	-	6.40		0.96	1.92														
	13.00													437.26	471.64	414.83	189.35	414.44	381.94	-	83.20	-	12.48	24.96	-	-
42		33.07	32.87	31.43	20.01	28.88	28.30	-	6.40		0.96	1.92														
	2.00													63.00	55.43	60.21	44.84	53.58	53.00	-	12.80	-	1.92	3.84	-	-
43		29.93	22.56	28.78	24.83	24.70	24.70	-	6.40		0.96	1.92														
	2.00													56.81	38.88	54.90	64.73	47.01	47.21	-	12.80	-	1.92	3.84	-	-
44		26.88	16.32	26.12	39.90	22.31	22.51	-	6.40		0.96	1.92														
	4.00													95.08	68.52	93.84	124.72	94.58	95.90	-	25.60	-	3.84	7.68	-	-
45		20.66	17.94	20.80	22.46	24.98	25.44	-	6.40		0.96	1.92														
	1.00													19.87	17.19	20.13	18.52	25.11	25.55	-	6.40	-	0.96	1.92	-	-
46		19.08	16.43	19.46	14.58	25.24	25.66	-	6.40		0.96	1.92														
	13.00													235.56	201.18	242.00	160.88	331.05	336.38	-	83.20	-	12.48	24.96	-	-
47		17.16	14.52	17.77	10.17	25.69	26.09	-	6.40		0.96	1.92														
	20.00													312.50	253.50	329.60	184.30	505.90	508.90	-	128.00	-	19.20	38.40	-	-
48		14.09	10.83	15.19	8.26	24.90	24.80	-	6.40		0.96	1.92														
	20.00													251.60	184.00	277.60	166.60	484.70	483.00	-	128.00	-	19.20	38.40	-	-
49		11.07	7.57	12.57	8.40	23.57	23.50	-	6.40		0.96	1.92														
	20.00													191.40	116.90	225.80	194.00	235.70	235.00	-	128.00	-	19.20	38.40	-	-
50		8.07	4.12	10.01	11.00	-	-	-	6.40		0.96	1.92														
	20.00													136.20	67.10	177.90	200.60	-	-	-	128.00	-	19.20	38.40	-	-
51		5.55	2.59	7.78	9.06	-	-	-	6.40		0.96	1.92														

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 187/B-KTĐ-KT
ngày 24 tháng 4 năm 2022
Người thẩm định ký tên

Kiều Văn Bình

09055867
CÔNG TY
CÓ PHÂN
PHÁT TRIỂN
HÀ TĂNG ĐỘ THỊ
AVIC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Tên cọc	K/C lẻ	Diện tích(m2)												Khối lượng(m3)													
		Đắp đất nền đường	Đắp taluy	Đắp hè đường	Đào đất KTH	Vải ĐTK phân cách (m)	Vải ĐTK gia cường (m)	Đào khuôn đường	B kết cấu 1 (KC1)	B kết cấu 2 (KC2)	Cấp phối đá dăm loại I	Cấp phối đá dăm loại II	Cát mặt đường cũ	Đào kết cấu cũ	Đắp đất nền đường	Đắp taluy	Đắp hè đường	Đào đất KTH	Vải ĐTK phân cách (m2)	Vải ĐTK gia cường (m2)	Đào khuôn đường	S kết cấu 1 (KC1)	S kết cấu 2 (KC2)	Cấp phối đá dăm loại I	Cấp phối đá dăm loại II	Cát mặt đường cũ	Đào kết cấu cũ
63		11.37	9.94	12.42	9.39	-	-	-	6.40		1.28	1.59			170.58	96.18	144.07	215.14	-	-	1.63	99.20	-	17.36	27.20	-	-
64	15.50	10.64	2.47	6.17	18.37	-	-	0.21	6.40		0.96	1.92															
	6.00	Phạm vi không thiết kế												Phạm vi không thiết kế													
CT																											
Tổng:	672.79																										
															10,389.18	7,679.52	10,607.78	9,993.58	7,354.95	7,297.19	5.69	4,247.33	0.00	644.92	1,264.55	0.00	0.00

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI

THẨM TRA

Theo văn bản số: 651/BCTT

Ngày 24 tháng 4 năm 2026

Ký tên: *[Signature]*

Phường Văn Cường

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số 115/TB-KT&B-KT

ngày 24 tháng 4 năm 2026

Người thẩm định ký tên: *[Signature]*

Kiều Văn Bình



BẢNG KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT VUỐT NỐI TUYẾN 1
DỰ ÁN : ĐƯỜNG TRỤC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI



STT	Vị trí	Diện tích mặt (m2)	Kết cấu	Ván khuôn mặt đường (m2)	Chiều dài mảnh lẻ
1	Vuốt nối 1	120.98	Kết cấu: 1		
2	Vuốt nối 2	36.50	Kết cấu: 1		
3	Vuốt nối 3	39.67	Kết cấu: 1		
4	Vuốt nối 4	102.54	Kết cấu: 1		
5	Vuốt nối 5	80.96	Kết cấu: 1		
6	Vuốt nối 6	11.38	Kết cấu: 1		

- Ghi Chú:

Kết cấu: 1

: Mặt đường BTN làm mới (KC2)

Kết cấu: 2

: Mặt đường BTN tăng cường loại 1 (KC2)

Phạm Văn Cường



Tổng:	392.03	m2		
- Tổng S KC1:	392.03	m2	-	m2
- Tổng S KC2:	-	m2	-	m2
- Tổng S KC3:	-	m2	-	m2
- Tổng S KC4:	-	m2	-	m2

STT	Hạng mục	Đơn vị	Diễn giải	Khối lượng	Ghi chú
1	<u>Kết cấu 1: Mặt đường BTN làm mới (KC1)</u>	m2	Tổng hợp trên	392.03	S _{KC1}
a	Diện tích mặt đường BTN chặt C12.5 dày 7cm	m3	S _{KC1}	392.03	
b	Tưới nhựa thấm bảm tiêu chuẩn 1.0kg/m2 (Nhựa MC30)	m2	S _{KC1}	392.03	
c	Cấp phối đá dăm loại I dày 15cm	m3	0,15*S _{KC1}	58.80	
d	Cấp phối đá dăm loại II dày 30cm	m2	0,30*S _{KC1}	117.61	
2	<u>Kết cấu 2: Mặt đường BTN tăng cường loại 1 (KC2)</u>	m2	Tổng hợp trên	-	S _{KC2}
a	Diện tích mặt đường BTN chặt C12.5 dày 7cm	m2	S _{KC2}	-	
b	Tưới nhựa thấm bảm tiêu chuẩn 1.0kg/m2 (Nhựa MC30)	m2	S _{KC2}	-	
c	Cấp phối đá dăm loại I bù vênh	m3	0.15*Skc2	-	H(bv) trung bình: 0.15m
3	Đào đất không thích hợp	m3	0.3*Skc1	117.61	
4	Đào khuôn	m3	Skc1*0.45	176.41	
5	Đào kết cấu cũ	m3	(Svn1+Svn2+Svn3)*0,2	39.43	



BẢNG KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT VỈA HÈ
DỰ ÁN : ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

STT	Vị trí	S vỉa hè (m2)	Bó vỉa (m)		Đan rãnh (m)	Bó gáy (m)	Bồn cây chiếm chỗ (hố) KT: 1,1x1,1=1,21m2	Ga TN chiếm chỗ (hố) KT: 1,4*1,4=1,96m2	Cột đèn CS chiếm chỗ (cột) KT: 0,8*0,8=0,64m2	Ghi chú
			Đường thẳng	Đường cong						
1	Vỉa hè 1	301.26	40.48	19.18	61.02	29.20	4.00	-		
2	Vỉa hè 2	156.41	38.88	18.26	57.14	53.20	4.00	3.00	2.00	
3	Vỉa hè 3	685.29	227.99	13.59	243.34	229.86	22.00	-		
4	Vỉa hè 4	692.50	235.24	15.89	242.36	229.38	22.00	9.00	8.00	
5	Vỉa hè 5	1117.64	361.64	16.35	377.99	373.68	36.00	-		
6	Vỉa hè 6	635.67	208.22	8.40	216.62	212.98	21.00	-	7.00	
7	Vỉa hè 7	448.76	125.32	28.72	154.04	148.98	13.00	-	5.00	

Tổng (A): 4,037.53 1,237.77 120.39 1,352.51 1,277.28 122.00 12.00 22.00
- Diện tích chiếm chỗ: 321.82 m2 31.30 m2 0.00 m2 140.50 m2 147.62 m2 23.52 m2 14.08 m2
Tổng diện tích chiếm chỗ (B): 678.84 m2
Diện tích lát hè thực tế (C=A-B): 3358.69 m2

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 112/TB-KSTĐ-KT
ngày 24 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên
[Chữ ký]
Kiều Văn Bình

**CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI**
THẨM TRA
Theo văn bản số: 65/BCVT
Ngày 24 tháng 4 năm 2026
Ký tên:
[Chữ ký]
Phương Văn Cường



BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG KÊNH B1500 TUYẾN 1

DỰ ÁN : ĐƯỜNG TRỤC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI

ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI
THẨM TRA
Theo văn bản số: 651.BCTT
Ngày 24 tháng 4 năm 2026
Ký tên:

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng			Ghi chú
			Diễn giải	Phải	Tổng	
I	Kênh B1500:					
1	Chiều dài thiết kế kênh	m	Bảng tính chi tiết	39.55	39.55	
2	Bê tông đáy đá 2x4 M150 dày 15cm	m3	2,29*0,15*A	13.59	13.59	
3	Ván khuôn bê tông đáy	m2	0,15*2*A	11.87	11.87	
4	Đệm đá dăm móng	m3	2,29*0,10*A	9.06	9.06	
5	Đào đất hố móng kênh	m3	Bảng tính chi tiết	35.04	35.04	B
7	Xây gạch không nung VXM M75	m3	Bảng tính chi tiết	31.06	31.06	
8	Bê tông giằng dọc đá 1x2 M250	m3	8.a + 8.b	1.74	1.74	
a	Bê tông giằng dọc		2*(0,1*0,22*A)	1.74	1.74	
9	Ván khuôn giằng dọc	m2	9.a + 9.b	15.82	15.82	
a	Ván khuôn giằng dọc		2*(0,1*2*A)	15.82	15.82	
10	Cốt thép giằng dọc D<=10mm	kg	10.a + 10.b	122.19	122.19	
a	Cốt thép giằng dọc		2*(2*0,617+5*0,28*0,222)*A	122.19	122.19	
11	Trát tường kênh VXM M 75 dày 1.5cm	m2	Bảng tính chi tiết	176.39	176.39	
12	Làm khe nối bằng giấy giàu tấm nhựa đường	m2	(2,29*0,15+Stb+0,1*0,22*2)*(A/10)	4.64	4.64	
13	Đắp trả kênh đất tận dụng	m3	Bảng tính chi tiết	8.07	8.07	D
II	Giằng ngang KT 1.7x0.15x0.10:					
1	Số lượng thanh chống	cái	A*4/10	16.00	16.00	E
2	BT thanh chống đá 1x2 M250	m3	0,0255*E	0.41	0.41	
3	Ván khuôn thanh chống	m2	0,34*E	5.44	5.44	
4	Cốt thép thanh chống D<=10mm	kg	3,27*E	52.32	52.32	
5	Lắp đặt thanh chống	cái	E	16.00	16.00	



BẢNG CHI TIẾT KHỐI LƯỢNG KÊNH B1500 TUYẾN 1
DỰ ÁN : ĐƯỜNG TRỤC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI

Tên cọc	K/C lẻ	H	Diện tích(m2)				Khối Lượng(m3)				Ghi chú
			Đào kênh	Đắp trả kênh	Xây kênh	Trát kênh	Đào kênh	Đắp trả kênh	Xây kênh	Trát kênh	
Thiết kế kênh B1500 bên phải tuyến từ cọc 62 đến cọc 63											
62-0,9m		1.50	0.90	0.19	0.79	4.46					
	0.90						0.81	0.17	0.71	4.01	
62		1.50	0.90	0.19	0.79	4.46					
	21.98						19.56	4.40	17.26	98.03	
63		1.50	0.88	0.21	0.79	4.46					
	16.67						14.67	3.50	13.09	74.35	
63+16,67m		1.50	0.88	0.21	0.79	4.46					
Tổng	39.55				Stb=0.79m2		35.04	8.07	31.06	176.39	

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 113/KSTĐ-KT
ngày 24 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên
[Signature]

Kiều Văn Bình

**CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI**
THẨM TRA
Theo văn bản số: 651/BCTT
Ngày 24 tháng 4 năm 2026
Ký tên:
[Signature]

Phường Văn Cường



BẢNG KHỐI LƯỢNG KÈ ĐÁ XÂY TUYẾN 1
DỰ ÁN : ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TT	Hạng mục	Đơn vị	Diễn giải	Khối Lượng			Ghi chú
				Tuyến	Vuốt nối 4 T1	Tổng	
1	Chiều dài kè thiết kế	m	Thống kê trên bình đồ	21.81	34.02	55.83	L
2	Đào móng kè	m3	Bảng khối lượng chi tiết	21.18	60.22	81.40	A
3	Đá dăm đệm móng kè dày 10cm	m3	Bảng khối lượng chi tiết	3.08	5.66	8.74	B
4	Xây móng kè đá học VXM M100	m3	Bảng khối lượng chi tiết	17.58	32.98	50.56	
5	Xây thân kè đá học VXM M100 (H≤2m)	m3	Bảng khối lượng chi tiết	9.39	39.73	49.12	
6	Xây thân kè đá học VXM M100 (H>2m)	m3	Bảng khối lượng chi tiết	-	-	-	
7	Trét khe nối bằng lớp giấy dầu tấm nhựa đường	m2	(L/7.5)*(Sxm+Sxt)	3.60	9.69	13.29	
8	Ván khuôn mũ mố kè	m2	L*2*0,15	6.54	10.21	16.75	
9	Bê tông mũ mố kè M250	m3	L*0,15*0,40	1.31	2.04	3.35	
10	Cốt thép mũ mố kè	kg	2*0.617*L+(L/0.2)*0.46*0.222	38.05	59.35	97.41	
11	Tầng lọc ngược đá 2x4 (30%)KL, đá 4x6 (70%)KL	m3	(L/5)*(0.4*0.4*0.35)*2	0.49	0.76	1.25	
12	Ống nhựa thoát nước PVC D60	m	(L/5)*0.7*2	6.11	9.53	15.63	
13	Vải địa kỹ thuật bịt đầu ống	m2	(L/5)*0.3*0.3*2	0.79	1.22	2.01	
14	Đắp trả móng kè đất tận dụng	m3	Bảng khối lượng chi tiết	4.42	4.42	12.82	C
15	Vận chuyển đất đổ đi	m3	A-C	12.79	55.79	68.58	
B	Gờ chắn						
1	Số lượng gờ chắn an toàn giao thông	SL	Lkè/1.6	-	21.00	21.00	
2	Thép D≤10	kg	2.88*G	-	60.48	60.48	
3	Bê tông M250, đá 1x2	m3	0.06*G	-	1.26	1.26	
4	Ván khuôn gờ chắn	m2	0.72*G	-	15.12	15.12	
5	Sơn trắng đỏ	m2	0.92*G	-	19.32	19.32	

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 651/B-ĐT-CT
ngày 24 tháng 4 năm 2016
Người thẩm định ký tên

Kiều Văn Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI
THẨM TRA
Theo văn bản số 651/B-ĐT-CT
Ngày 24 tháng 4 năm 2016
Ký tên:

Phường Văn Cường



BẢNG KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT KÈ ĐÁ XÂY TRÁI TUYẾN 1

DỰ ÁN : ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI

ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Tên cọc	K/C lẻ	Chiều cao kè	Chiều cao xây kè	Diện tích (m2)					Khối lượng(m3)					Loại kè
				Đá dăm đệm	Xây móng kè	Xây thân kè	Đào móng kè	Đắp trả kè	Đá dăm đệm	Xây móng kè	Xây thân kè	Đào móng kè	Đắp trả kè	
Thiết kế kè đá xây trái tuyến Từ cọc 3-2.08m -:- cọc 5+1.60m														
3-2.08m		1.00	0.85	0.14	0.81	0.43	0.87	0.43						
	2.08								0.29	1.68	0.90	1.81	0.90	
3		1.00	0.85	0.14	0.81	0.43	0.87	0.43						
	17.12								2.42	13.80	7.37	16.52	6.59	
4		1.00	0.85	0.14	0.81	0.43	1.06	0.34						
	1.01								0.14	0.81	0.43	1.09	0.35	
5		1.00	0.85	0.14	0.81	0.43	1.10	0.35						
	1.60								0.23	1.29	0.69	1.76	0.56	
5+1.60m		1.00	0.85	0.14	0.81	0.43	1.10	0.35						
21.81		Htb:1.00m		Sxm:0.81		Sxm:0.43		3.08		17.58	9.39	21.18	8.40	

Ghi chú:

- Đá hộc xây thân kè ($H \leq 2$):
- Đá hộc xây thân kè ($H > 2$):

9.39 m3
0.00 m3



Kiều Văn Bình



Phường Văn Cường



BẢNG KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT KÈ ĐÁ XÂY VUỐT NỐI 4 TUYẾN 1

DỰ ÁN : ĐƯỜNG TRỤC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI

ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Tên cọc	K/C lẻ	Chiều cao kè	Chiều cao xây kè	Diện tích (m2)					Khối lượng(m3)					Loại kè
				Đá dăm đệm	Xây móng kè	Xây thân kè	Đào móng kè	Đắp trả kè	Đá dăm đệm	Xây móng kè	Xây thân kè	Đào móng kè	Đắp trả kè	
Thiết kế kè đá xây phải tuyến Từ cọc DKVN :- cọc CKVN														
DKVN		2.00	1.85	0.17	0.97	1.17	5.40	0.24						
	34.02								5.66	32.98	39.73	183.71	8.16	
CKVN		2.00	1.85	0.17	0.97	1.17	5.40	0.24						
34.02		Htb:2.00m		Sxm:0.97		Sxm:1.17		5.66		32.98	39.73	183.71	8.16	

Ghi chú:

- Đá học xây thân kè ($H \leq 2$): 39.73 m3
- Đá học xây thân kè ($H > 2$): 0.00 m3



Kiều Văn Bình



Phương Văn Cường



BẢNG KHỐI LƯỢNG ỐP MÁI TALUY - TUYẾN 1

DỰ ÁN : ĐƯỜNG TRỤC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI

ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

STT	Hạng mục	Đơn vị	Diễn giải	Khối lượng	Ghi chú
1	Chiều dài đỉnh kè ốp mái	m	Thống kê trên bình đồ	471.67	L
2	Diện tích ốp mái bằng viên BTXM	m2	$(a+b+c+d)*1.2$	2,517.36	S
a	Diện tích ốp mái S1 (trên mặt bằng)	m2	Thống kê trên bình đồ	901.10	
b	Diện tích ốp mái S2 (trên mặt bằng)	m2	Thống kê trên bình đồ	725.64	
c	Diện tích ốp mái S3 (trên mặt bằng)	m2	Thống kê trên bình đồ	220.26	
d	Diện tích ốp mái S4 (trên mặt bằng)	m2	Thống kê trên bình đồ	250.80	
3	Đá hộc ốp mái taluy	m3	$S*0.3$	755.21	
4	Đá dăm đệm móng	m3	$S*0.1$	251.74	
5	Tăng lọc ngược				
a	Số lượng hố lọc ngược (khoảng cách 2m/hố)	hố	$L/5.32*4*3$	1,068.00	N3
b	Đệm đá dăm 2x4	m3	$0.3*0.3*(0.22+0.7)/2*N3$	7.40	
c	Vải địa kỹ thuật	m2	$\{0.3*0.3+0.31*0.3+0.79*0.3+(0.31+0.79)/2*0.3*2\}*N3$	801.00	
d	Ống PVD D60, L=0.7m	m	$0.7*N3$	747.60	
6	Khe phòng lún bằng giấy dầu tẩm nhựa 5.33m/khe	m	$L/5.33*(LtbT+LtbP)*0.3$	240.55	

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 113/TB-KTĐ-KT
ngày 24 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên

Kiều Văn Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI
THẨM TRA
Theo văn bản số: 651/BCT
Ngày 14 tháng 4 năm 2026
Ký tên:

Phường Văn Cường



BẢNG KHỐI LƯỢNG CHÂN KHAY ĐÁ XÂY - TUYẾN 1

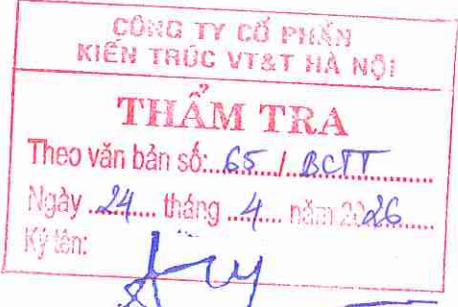
DỰ ÁN : ĐƯỜNG TRỤC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI

ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TT	Hạng mục	Đơn vị	Diễn giải	Khối Lượng			Ghi chú
				Trái	Phải	Tổng	
A	Chân khay						
1	Chiều dài kè thiết kế	m	Thống kê trên bình đồ	242.16	241.88	484.03	L
2	Đào móng chân khay	m3	Bảng khối lượng chi tiết	239.90	236.88	476.78	A
3	Đá dăm đệm móng kè dày 10cm	m3	0.08*L	19.37	19.35	38.72	B
4	Xây móng chân khay đá hộc VXM M100	m3	0.41*L	99.28	99.17	198.45	
5	Xây thân chân khay đá hộc VXM M100 (H≤2m)	m3	0.23*L	55.70	55.63	111.33	
6	Trét khe nối bằng giấy dầu tẩm nhựa (1 lớp giấy, 1 lớp nhựa)	m2	(L/5.33)*(0.23+0.42)	29.02	28.99	58.01	
7	Ván khuôn mũ mố	m2	L*2*0,15	72.65	72.56	145.21	
8	Bê tông mũ mố M250	m3	L*0,15*0,40	14.53	14.51	29.04	
9	Cốt thép mũ mố	kg	2*0.617*L+(L/0.2)*0.46*0.222	422.46	421.98	844.45	
10	Đắp trả móng chân khay đất tận dụng	m3	Bảng khối lượng chi tiết	110.76	115.11	225.87	C



Kiều Văn Bình



Phương Văn Cường



BẢNG KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT CHÂN KHAY ĐÁ HỌC TRÁI - TUYẾN 1

DỰ ÁN : ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI

ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Tên cọc	K/C lẻ	L ốp mái	Diện tích		Khối lượng		
			Đào móng chân khay	Đắp trả chân khay	Đào móng chân khay	Đắp trả chân khay	
Giá cố hai bên taluy bằng đá học từ cọc 11-6.92m-:- cọc 31+0.87m							
11-6.92m		0.66	0.86	0.43			
	6.92				5.95		2.97
11		0.81	0.86	0.43			
	1.98				1.70		0.86
12		0.87	0.86	0.44			
	10.53				10.37		5.63
*P1		2.21	1.11	0.63			
	5.90				6.96		3.10
13		3.14	1.25	0.42			
	0.99				1.46		0.52
14		3.70	1.71	0.63			
	1.98				2.54		1.10
15		2.84	0.85	0.48			
	17.82				15.15		8.02
16		7.79	0.85	0.42			
	12.72				10.81		5.34
17		7.75	0.85	0.42			
	1.96				1.66		0.82
18		7.76	0.85	0.42			
	4.23				3.57		1.75
*TC1		6.77	0.84	0.41			
	18.79				15.88		7.80
19		6.70	0.85	0.42			
	20.01				17.01		8.40
20		7.27	0.85	0.42			
	19.00				16.15		7.98
21		7.39	0.85	0.42			
	2.15				1.83		0.90
22		6.44	0.85	0.42			
	12.01				16.87		6.30
23		6.02	1.96	0.63			
	12.57				17.73		7.92
24		4.42	0.86	0.63			
	1.08				0.79		0.38
25		3.94	0.61	0.44			
	2.00				1.46		0.86

Ghi chú
Theo văn bản
Ngày 24/10/2024
Ký tên: *[Signature]*

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 181/TH-KTĐ-KS
ngày 24 tháng 1 năm 2024
Người thẩm định ký tên
[Signature]
Hiệu Văn Bình

M.S.D.N: 0109055864 - C
CÔNG TY
CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN
HẠ TẦNG ĐÔ THỊ
AVIC

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI

THẨM TRA

Ghi chú
Theo văn bản số: 651/BCTT
Ngày: 24 tháng 4 năm 2026
Ký tên:

Phường Văn Cường

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số 187/TB-KTĐ-KT
ngày 24 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên

Kiều Văn Bình

M.S.D.N : 0109055864 - C
CÔNG TY
CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN
HẠ TẦNG ĐÔ THỊ
AVIC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Tên cọc	K/C lỗ	L ốp mái	Diện tích		Khối lượng		Ghi chú
			Đào móng chân khay	Đắp trả chân khay	Đào móng chân khay	Đắp trả chân khay	
26		4.07	0.85	0.42			
	1.30				1.21	0.54	
27		5.11	1.01	0.42			
	19.53				18.65	8.20	
28		5.55	0.90	0.42			
	20.00				19.10	8.40	
29		5.73	1.01	0.42			
	1.03				1.03	0.43	
30		5.69	0.99	0.42			
	4.15				4.11	1.74	
31		2.16	0.99	0.42			
	0.87				0.86	0.37	
31+0.87m		2.02	0.99	0.42			
Giá cố hai bên taluy bằng đá học từ cọc 37-0.62m:- cọc 44							
37-0.62m		2.08	1.13	0.49			
	0.62				0.70	0.30	
37		2.31	1.13	0.49			
	5.60				6.47	2.55	
38		3.57	1.18	0.42			
	2.41				2.51	1.13	
39		5.22	0.90	0.52			
	3.03				2.65	1.44	
40		8.03	0.85	0.43			
	13.08				13.14	5.56	
41		9.04	1.16	0.42			
	13.27				16.92	6.97	
42		6.01	1.39	0.63			
	2.65				2.97	1.41	
43		3.87	0.85	0.43			
	2.00				1.70	0.85	
44		3.92	0.85				
Tổng	242.16	LtbT:4.73m			239.90	110.76	

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI

THẨM TRA

Theo văn bản số: 65/BC.TT

Ngày 24 tháng 4 năm 2026

Ký tên: *Phạm Văn Cường*

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số: 13/15-KTD-KT

Ngày 24 tháng 4 năm 2026

Người thẩm định ký tên: *Nguyễn Văn Bình*



BẢNG KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT CHÂN KHAY ĐÁ HỘC PHẢI - TUYẾN 1

DỰ ÁN : ĐƯỜNG TRỤC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI

ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Tên cọc	K/C lẻ	B ốp mái	Diện tích		Khối lượng		Ghi chú
			Đào móng chân khay	Đắp trả chân khay	Đào móng chân khay	Đắp trả chân khay	
Giá cố hai bên taluy bằng đá hộc từ cọc 11-4.03m:- cọc 30+2.16m							
11-4.03m		0.79	0.86	0.43			
	4.03				3.46	1.73	
11		0.78	0.86	0.43			
	2.03				1.76	0.90	
12		0.94	0.87	0.46			
	10.72				9.33	4.93	
*P1		1.05	0.87	0.46			
	6.25				6.06	3.40	
13		2.30	1.07	0.63			
	2.39				2.31	1.27	
14		5.22	0.86	0.43			
	2.61				2.28	1.31	
15		6.70	0.89	0.57			
	15.85				14.98	9.51	
16		7.23	1.00	0.63			
	13.30				12.44	7.12	
17		6.41	1.06	0.63			
	4.02				2.13	1.27	
18		2.96	0.00	0.00			
	4.48				0.43	0.94	
*TC1		1.32	0.19	0.42			
	18.95				18.00	9.95	
19		4.30	1.71	0.63			
	20.06				30.98	12.63	
20		6.08	1.38	0.63			
	19.01				23.19	10.55	
21		5.34	1.06	0.48			
	2.00				2.18	0.99	
22		5.28	1.12	0.51			
	12.00				6.72	3.06	
23		4.99	1.19	0.63			
	12.53				12.78	6.58	
24		3.94	0.85	0.42			
	1.04				0.88	0.43	
25		4.02	0.85	0.42			
	2.07				1.86	0.89	

KT

Theo V

Ngày ..

Ký tên:

ĐỒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số 115/TĐ-KSĐĐ-KT

ngày 24 tháng 4 năm 2026

Người thẩm định ký tên

Hiệu Văn Bình

M.S.D.N: 010905586

CÔNG TY

CỔ PHẦN

PHÁT TRIỂN

HẠ TẦNG ĐÔ THỊ

AVIC

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI

THẨM TRA
Theo Văn bản số: 65/BC.TT
Ngày: 4 tháng 4 năm 2026
Ký tên:

Phạm Văn Cường

THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 115/TĐ-KT
ngày 24 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên

Hiệu Văn Bình



Tên cọc	K/C lẻ	B ốp mái	Diện tích		Khối lượng		Ghi chú
			Đào móng chân khay	Đắp trả chân khay	Đào móng chân khay	Đắp trả chân khay	
26		4.91	0.95	0.42			
	1.00				0.95	0.42	
27		4.94	0.95	0.42			
	19.51				18.04	8.19	
28		5.53	0.90	0.42			
	20.10				17.79	8.64	
29		3.33	0.87	0.44			
	1.22				0.53	0.27	
30		2.45	0.87	0.44			
	2.16				1.88	0.95	
30+2.16m		1.72	0.87	0.44			
Giá cố hai bên taluy bằng đá học từ cọc 36-0.92m:- cọc 44							
36-0.92m		2.26	1.23	0.38			
	0.92				1.14	0.35	
36		2.71	1.23	0.38			
	2.12				2.57	0.85	
37		3.55	1.19	0.42			
	5.78				7.05	2.25	
38		5.66	1.25	0.36			
	2.63				2.74	0.98	
39		7.76	0.84	0.39			
	2.04				1.73	0.84	
40		8.03	0.86	0.43			
	13.03				13.03	5.54	
41		9.00	1.14	0.42			
	13.09				13.35	6.15	
42		7.25	0.90	0.52			
	2.20				1.93	1.04	
43		6.26	0.86	0.43			
	2.76				2.38	1.19	
44		3.94	0.86	0.43			
Tổng					236.88	115.11	

Tổng 241.88 LtbP:4.38m

236.88

115.11

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI

THẨM TRA

Theo văn bản số: 65.1/BCTT

Ngày 24 tháng 4 năm 2026

Ký tên: *[Signature]*

Phường Văn Cường

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số 118/TB-KDT-X

ngày 14 tháng 4 năm 2026

Người thẩm định ký tên: *[Signature]*

Kiều Văn Bình



← ĐẦU TUYẾN

CUỐI TUYẾN →

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số 13/TB-KOTĐ-KT
ngày 24 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên

Kieu Van Binh

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VIỆT HÀ NỘI

THẨM TRA

Theo văn bản số 65/BC.TT
Ngày 24 tháng 4 năm 2026
Ký tên:

Phuong Van Cuong

Cổng tròn BTCT D1000
Km0+137.29

CHỦ ĐẦU TƯ:
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
(ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THO - HÀ NỘI)
ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498

THIẾT KẾ XÂY DỰNG
TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ TỔ CHỨC GIAO THÔNG

CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN	<i>Tran</i>
CHỦ TRÌ TKGT	BÙI MINH CHIẾN	<i>Chi</i>
THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG	<i>Long</i>
KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN	<i>Chi</i>



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
GIÁM ĐỐC
PHÁT TRIỂN
HẠ TẦNG ĐÔ THỊ
AVIC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
NGUYỄN ANH TUẤN

HOÀN THÀNH: /20
BẢN VẼ SỐ: 01/05
KÝ HIỆU: BD-ATGT
TỶ LỆ: 1/500

← ĐẦU TUYẾN

CUỐI TUYẾN →

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VIỆT HÀ NỘI

THẨM TRÁ

Theo văn bản số: 65/BC-TT
Ngày: 24 tháng 4 năm 2016
Ký tên: Phạm Văn Cường

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

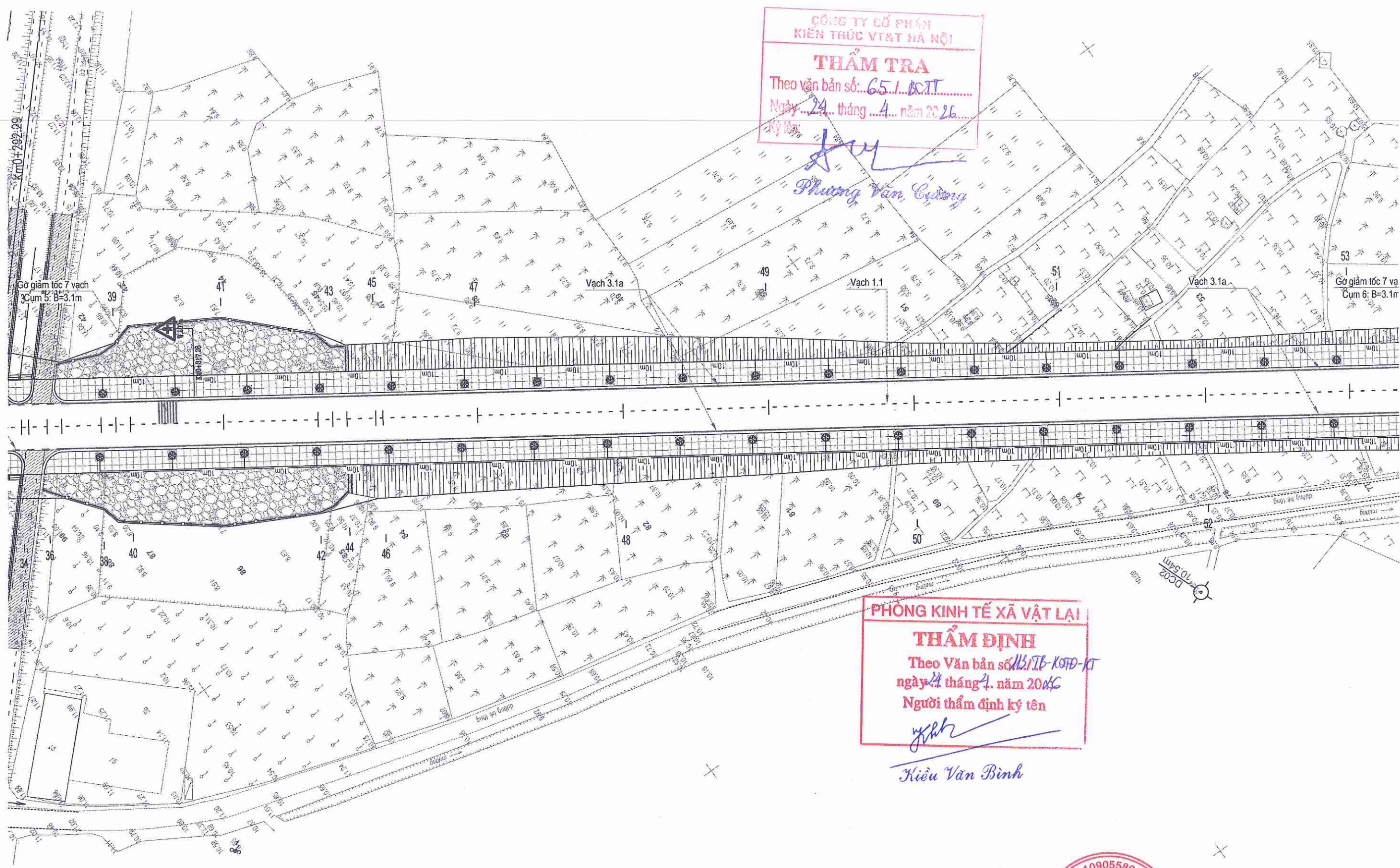
THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số: 13/TĐ-KT
ngày 4 tháng 4 năm 2016
Người thẩm định ký tên: Kiều Văn Bình

CHỦ ĐẦU TƯ: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG		THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG		TÊN BẢN VẼ: BÌNH ĐỒ TỔ CHỨC GIAO THÔNG		CHỦ NHIỆM TK NGUYỄN ANH TUẤN CHỦ TRÌ TKGT BÙI MINH CHIẾN THIẾT KẾ NGUYỄN PHI LONG KIỂM TRA BÙI MINH CHIẾN		CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC M.032.697.5438 PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC THÀNH PHỐ HÀ NỘI NGUYỄN ANH TUẤN		HOÀN THÀNH: /20 BẢN VẼ SỐ: 02/05 KÝ HIỆU: BD-ATGT TỶ LỆ: 1/500	
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: AVIC-ISC CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC (ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THO - HÀ NỘI) ĐIỆN THOẠI: 032 697 5438		DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI									

← ĐẦU TUYẾN

CUỐI TUYẾN →



CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN THỨC VT&T HÀ NỘI

THẨM TRA

Theo văn bản số: 651/KT

Ngày: 24 tháng 4 năm 2026

Ký tên: *Phạm Văn Cường*

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số 112/TB-KTĐ-KT

ngày 24 tháng 4 năm 2026

Người thẩm định ký tên: *Nguyễn Văn Bình*

CHỦ ĐẦU TƯ:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
(ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THO - HÀ NỘI)
ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498

THIẾT KẾ XÂY DỰNG
TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:

BÌNH ĐỒ TỔ CHỨC GIAO THÔNG

CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN	<i>Trần</i>
CHỦ TRÌ TKGT	BÙI MINH CHIẾN	<i>Ch</i>
THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG	<i>Long</i>
KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN	<i>Ch</i>

M.S.N: 0109055864 - C

CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN
HẠ TẦNG ĐÔ THỊ
AVIC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HOÀN THÀNH: /20

BẢN VẼ SỐ: 03/05

KÝ HIỆU: BD-ATGT

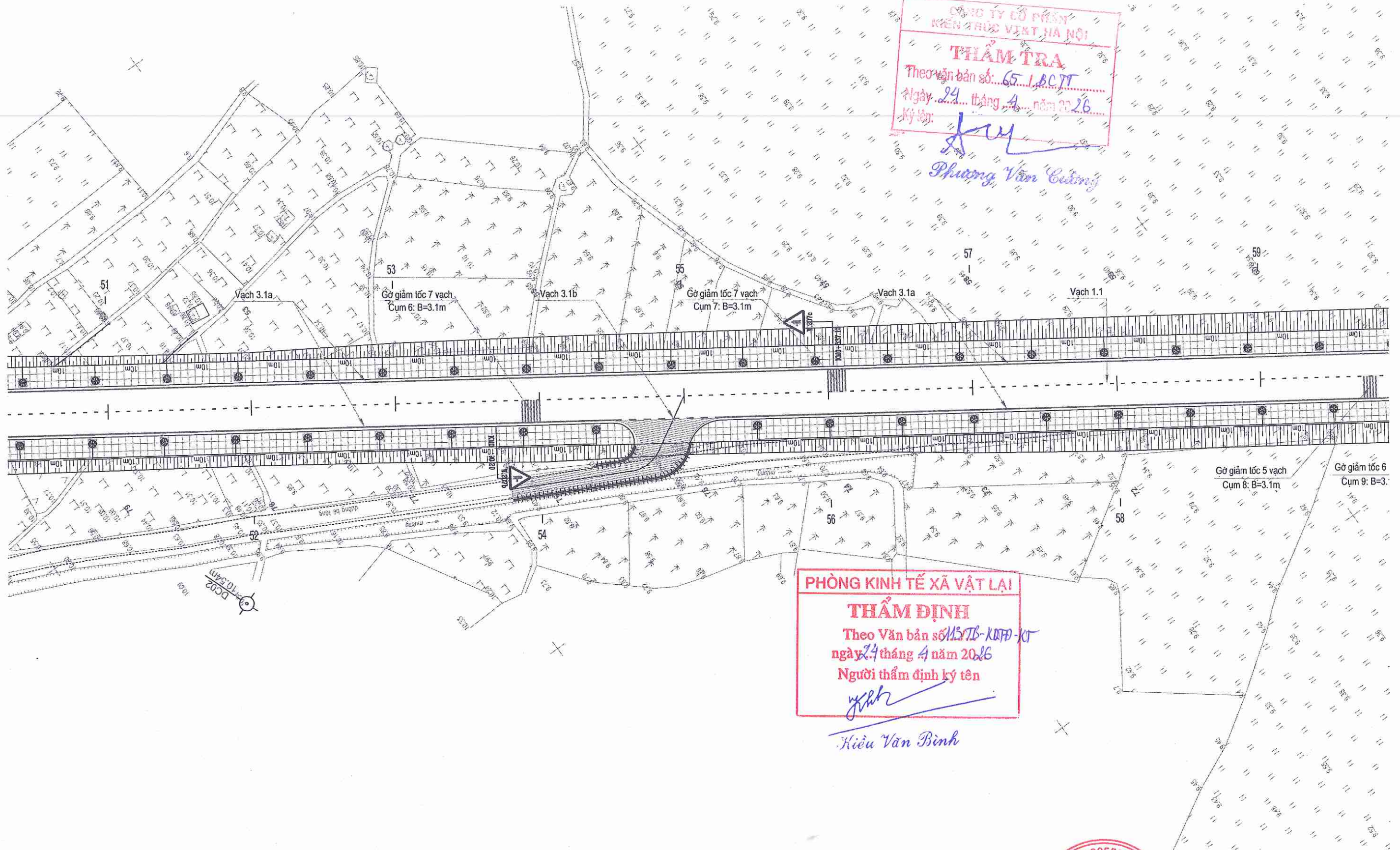
TỶ LỆ: 1/500

NGUYỄN ANH TUẤN

← ĐẦU TUYẾN

CUỐI TUYẾN →

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VIỆT HÀ NỘI
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 65/LBCTT
Ngày: 24 tháng 4 năm 2026
Ký tên: *Phạm Văn Cường*



PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 15/TB-KTĐ-KT
ngày 24 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên: *Nguyễn Văn Bình*

CHỦ ĐẦU TƯ:
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
(ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI)
AVIC.JSC ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498

THIẾT KẾ XÂY DỰNG
TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ TỔ CHỨC GIAO THÔNG

CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN	<i>Trần</i>
CHỦ TRÌ TKGT	BÙI MINH CHIẾN	<i>Ch</i>
THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG	<i>Tuy</i>
KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN	<i>Ch</i>

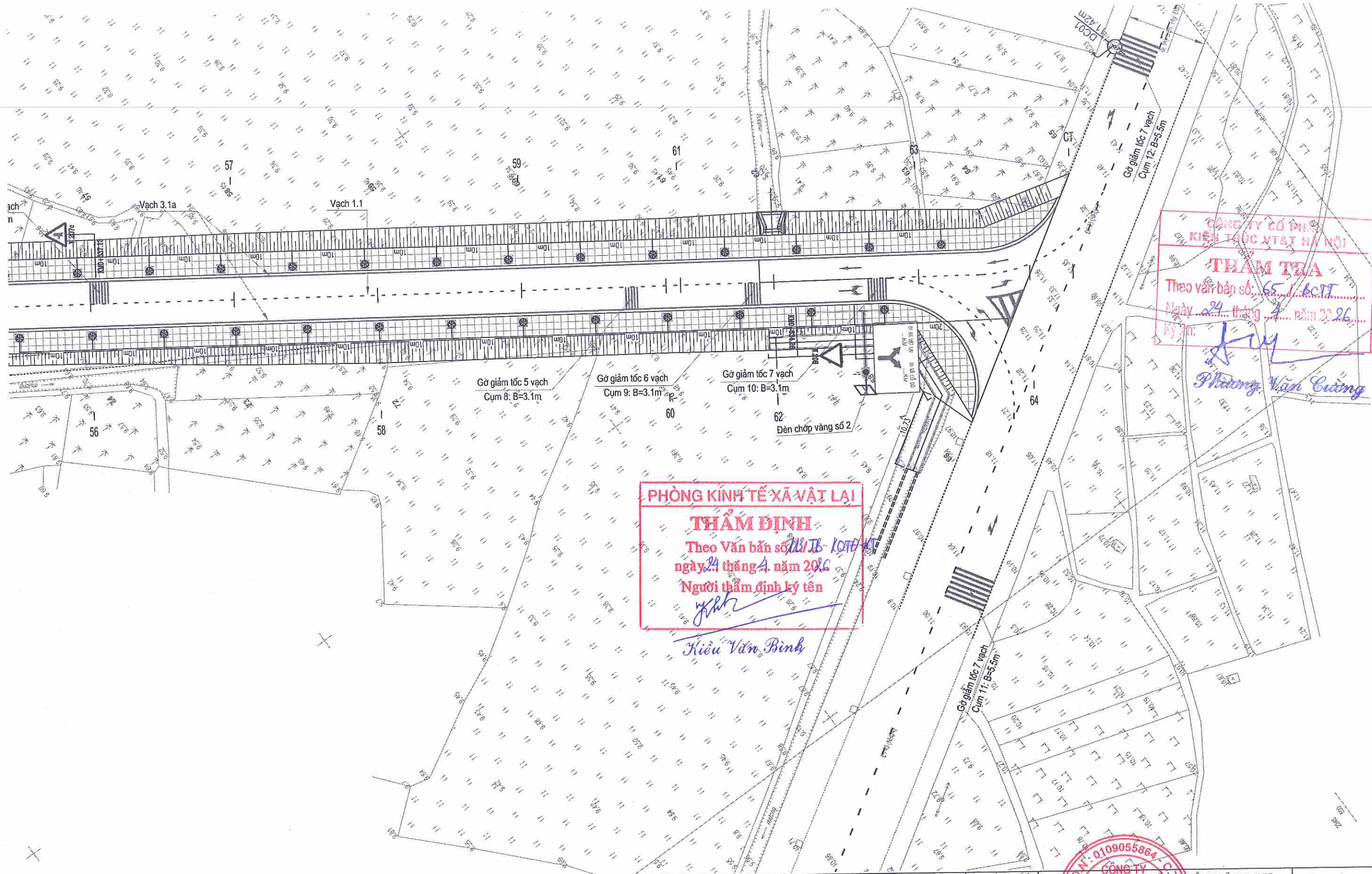
0109055864 - C.T
CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN
HẠ TẦNG ĐÔ THỊ
AVIC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

NGUYỄN ANH TUẤN

HOÀN THÀNH: /20
BẢN VẼ SỐ: 04 /05
KÝ HIỆU: BD-ATGT
TỶ LỆ: 1/500

ĐẦU TUYẾN

CUỐI TUYẾN



CHỦ ĐẦU TƯ:
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
(ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 8 - XÃ PHÚC THO - HÀ NỘI)
ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498

THIẾT KẾ XÂY DỰNG
TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRỊ LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:
BÌNH ĐỒ TỔ CHỨC GIAO THÔNG

CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN	
CHỦ TRÌ TKG	BÙI MINH CHIẾN	
THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG	
KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN	

M. N. 0109055864
CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN
HẠ TẦNG ĐÔ THỊ
AVIC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

NGUYỄN ANH TUẤN

HOÀN THÀNH: /20
BẢN VẼ SỐ: 05 /05
KÝ HIỆU: BD-ATGT
TỶ LỆ: 1/500

BẢNG KHỐI LƯỢNG AN TOÀN GIAO THÔNG
DỰ ÁN : ĐƯỜNG TRỤC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI
THẨM TRA
 Theo văn bản số: 65/VT&T
 Ngày: 24 tháng 4 năm 2026
 Ký tên: *[Signature]*

TT	Hạng mục	Đơn vị	Diễn giải	Khối lượng	Ghi chú
A	Biển báo				
1	Tổng số lượng biển báo tam giác (Biển cảnh báo nguy hiểm)	biển	Thống kê trên bình đồ	8.00	A
2	Tổng số lượng biển báo chữ nhật (biển chỉ hướng đường)	biển	Thống kê trên bình đồ	1.00	B
3	Móng cột BTXM M200 đá 2x4	m3	0,2*A+0,4*B	2.00	
4	Ván khuôn móng	m2	1,6*A+3,2*B	16.00	
5	Thép đai	kg	0,87*A+7,44*B	14.40	
6	Cột biển báo D90	m	3,5*A+9*B	37.00	
7	Bu lông	cái	2*A+4*B	20.00	
B	Vạch sơn				
1	Chiều dài các loại vạch sơn				
	Vạch 1.1 (tim đường)	m	Thống kê trên bình đồ	850.35	L1
	Vạch 3.1a (giới hạn mép đường xe chạy)	m	Thống kê trên bình đồ	1,276.54	L3
	Vạch 3.1b (giới hạn mép đường xe chạy)	m	Thống kê trên bình đồ	68.08	L4
	Vạch 7.2 (gờ giảm tốc - tổng bề rộng các cụm)	m	Thống kê trên bình đồ	284.70	B1
	Vạch 9.3a (mũi tên rẽ trái)	vạch	Thống kê trên bình đồ	2.00	M1
	Vạch 9.3b (mũi tên đi thẳng)	vạch	Thống kê trên bình đồ	3.00	M2
	Vạch 9.3c (mũi tên rẽ phải)	vạch	Thống kê trên bình đồ	1.00	M3
	Vạch 9.3ef (mũi tên đi thẳng và rẽ hai bên)	vạch	Thống kê trên bình đồ	-	M4
	Vạch 9.3g (mũi tên rẽ hai bên)	vạch	Thống kê trên bình đồ	2.00	M5
	Vạch 9.3e (mũi tên đi thẳng và rẽ trái)	vạch	Thống kê trên bình đồ	1.00	M6
	Vạch 9.3f (mũi tên đi thẳng và rẽ phải)	vạch	Thống kê trên bình đồ	1.00	M7
2	Diện tích sơn		Tổng diện tích	376.12	
	Vạch 1.1 (tim đường)	m2	L1/3*0.15	42.52	
	Vạch 3.1a (giới hạn mép đường xe chạy)	m2	L2*0.2	255.31	
	Vạch 3.1b (giới hạn mép đường xe chạy)	m2	L3/2*0.2	6.81	
	Vạch 7.2 (gờ giảm tốc)	m2	B1*0,2	56.94	
	Vạch 9.3a (mũi tên rẽ trái)	m2	M1*0.694	1.39	
	Vạch 9.3b (mũi tên đi thẳng)	m2	M2*0.54	1.62	
	Vạch 9.3c (mũi tên rẽ phải)	m2	M3*0.694	0.69	
	Vạch 9.3ef (mũi tên đi thẳng và rẽ hai bên)	m2	M4*1.35	-	
	Vạch 9.3g (mũi tên rẽ hai bên)	m2	M5*1.119	2.24	
	Vạch 9.3e (mũi tên đi thẳng và rẽ trái)	m2	M6*0.93	0.93	
	Vạch 9.3f (mũi tên đi thẳng và rẽ phải)	m2	M7*0.93	0.93	
	Vạch 4.1 (Kênh hóa dòng xe)	m2	Thống kê trên bình đồ	6.75	

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI
THẨM ĐỊNH
 Theo Văn bản số 15/VT&T-KT
 ngày 24 tháng 4 năm 2026
 Người thẩm định ký tên
[Signature]

Kiều Văn Bình

M.D.N: 0109055864
 CÔNG TY
CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN
HẠ TẦNG ĐÔ THỊ
AVIC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số 113/TB-KTĐ-KT
ngày 24 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên

[Signature]

Kiều Văn Bình

NHÁNH 1

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI

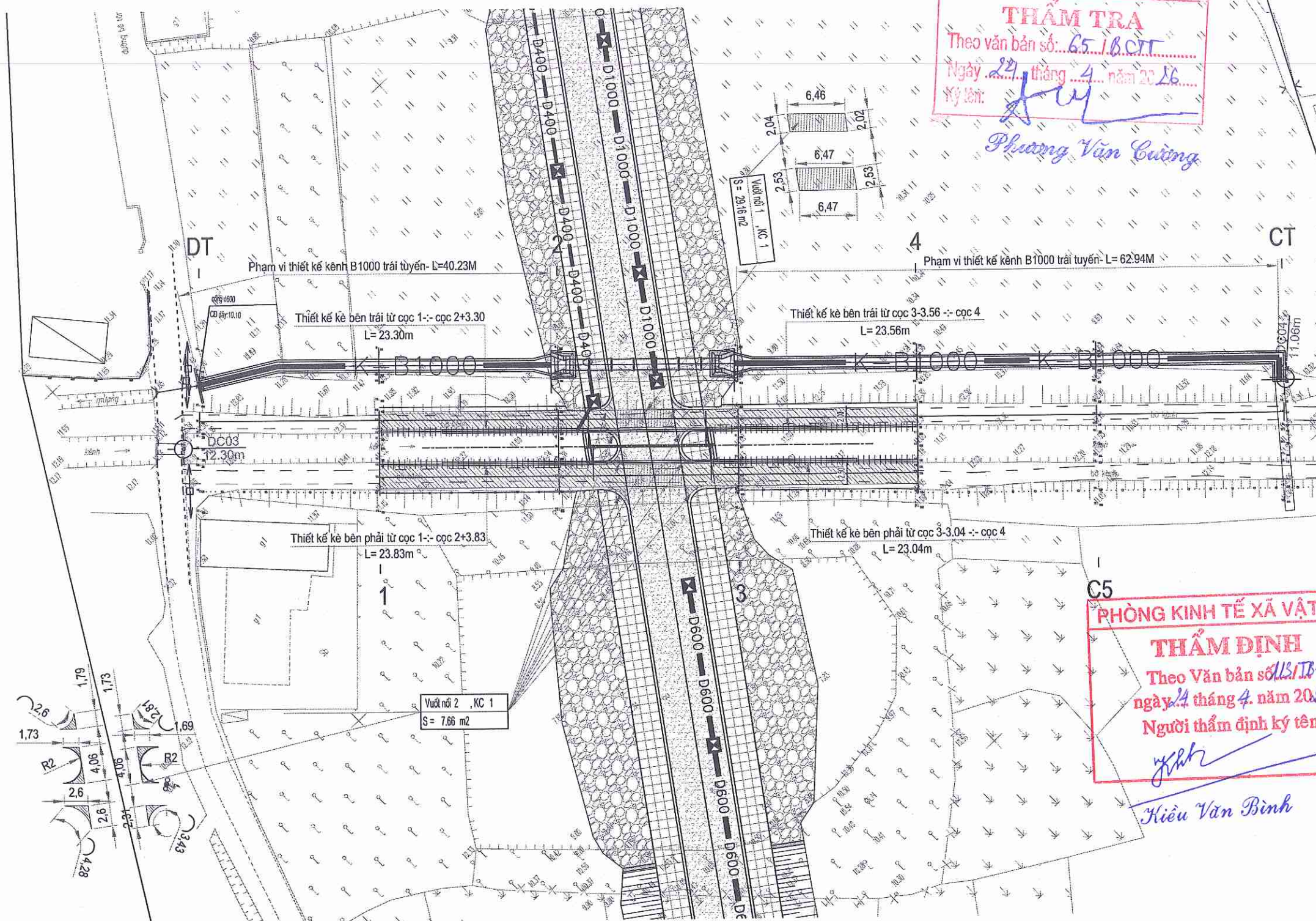
THẨM TRA

Theo văn bản số: 65/1/BCĐT
Ngày 24 tháng 4 năm 2026
Ký tên:

[Signature]
Phường Văn Cường

← ĐẦU TUYẾN

CUỐI TUYẾN →



CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI

THẨM TRA
Theo văn bản số: 65/18.CTT
Ngày 24 tháng 4 năm 2016
Ký tên: *Phạm Văn Cường*

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 113/18-KP&D-KT
ngày 14 tháng 4 năm 2016
Người thẩm định ký tên: *Kiều Văn Bình*

CHỦ ĐẦU TƯ:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
(ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THO - HÀ NỘI)
ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498

THIẾT KẾ XÂY DỰNG
TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ
NHÁNH 1

CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN	<i>Trần</i>
CHỦ TRÌ TKG	BÙI MINH CHIẾN	<i>Ch</i>
THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG	<i>Tuy</i>
KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN	<i>Ch</i>

M.S.N: 0109055864 - C

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC

PHÁT TRIỂN
HẠ TẦNG ĐÔ THỊ
AVIC

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

NGUYỄN ANH TUẤN

HOÀN THÀNH: /20

BẢN VẼ SỐ: 01/01

KÝ HIỆU: BDTK

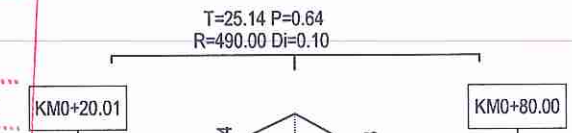
TỶ LỆ: 1/500

TRẮC DỌC THIẾT KẾ NHÁNH 1- TRÁI



ĐỘ DỐC THIẾT KẾ	2.30% 20.00		4.71% 29.69		4.88% 30.31		0.66% 40.96	
CAO ĐỘ THIẾT KẾ	11.96	12.42	13.10	13.07	12.34	12.21	12.07	
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	11.96	12.42	12.24	12.00	12.34	12.21	12.07	
KHOẢNG CÁCH LỀ	20.00	20.00	20.00	20.00	20.00	20.96		
KHOẢNG CÁCH CỘNG DỒN	0.00	20.00	40.00	60.00	80.00	100.00	120.96	
TÊN CỌC	DT	1	2	3	4	C5	CT	
LÝ TRÌNH	KM0					H1		
SƠ HỌA TUYẾN								

TRẮC DỌC THIẾT KẾ NHÁNH 1- PHẢI



ĐỘ DỐC THIẾT KẾ	4.75%		5.51%	
CAO ĐỘ THIẾT KẾ	12.41	13.12	13.03	12.15
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	12.41	12.28	12.14	12.15
KHOẢNG CÁCH LỀ	19.99	20.00	20.00	
KHOẢNG CÁCH CỘNG DỒN	0.00	19.99	39.99	59.99
TÊN CỌC	1	2	3	4
LÝ TRÌNH				
SƠ HỌA TUYẾN				

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI

THẨM TRA

Theo văn bản số: 651/bc.VT

Ngày: 24 tháng 4 năm 2026

Ký tên: *Phạm Văn Cường*

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số: 1317B-KT&D-KT

ngày: 24 tháng 4 năm 2026

Người thẩm định ký tên

Kiều Văn Bình

CHỦ ĐẦU TƯ:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC

(ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI)

AVIC JSC

ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498

THIẾT KẾ XÂY DỰNG

TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ

HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI

ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:

TRẮC DỌC THIẾT KẾ NHÁNH 1

TRÁI- PHẢI

CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN	<i>Trần</i>
CHỦ TRÌ TKGT	BÙI MINH CHIẾN	<i>Ch</i>
THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG	<i>Tuy</i>
KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN	<i>Ch</i>

M.S. SỐ: 0109055864 - 2

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC

GIÁM ĐỐC

PHÁT TRIỂN

HẠ TẦNG ĐÔ THỊ

AVIC

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

NGUYỄN ANH TUẤN

HOÀN THÀNH: /20

BẢN VẼ SỐ: 01/01

KÝ HIỆU: TDTK

TỶ LỆ: 1/100;1/1000

TRẮC DỌC THIẾT KẾ KÊNH B1000 - ĐẦU TUYẾN

Thiết kế kênh B1000 từ cọc DT-0,19M -> cọc 2
L= 40.42 m

KM0+0.19 KM0+40.42

Đường đỉnh kênh thiết kế
Đường tự nhiên tìm kênh
Đường đáy kênh thiết kế

CAO ĐỘ THIẾT KẾ ĐỈNH RÃNH	11.30 11.30	11.05	10.81
ĐỘ DỐC THIẾT KẾ ĐÁY RÃNH	1.21% 40.42		
CAO ĐỘ THIẾT KẾ ĐÁY RÃNH	9.80 9.80	9.55	9.31
CHIỀU CAO RÃNH	1.50 1.50	1.50	1.50
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	10.10 10.10	9.92	9.83
KHOẢNG CÁCH LỀ	0.19 0.19	20.23	20.00
KHOẢNG CÁCH CỘNG DỒN	0.00 0.19	20.42	40.42
TÊN CỌC	DT DT	1	2
LÝ TRÌNH	KM0		
SƠ HỌA TUYẾN			

TRẮC DỌC THIẾT KẾ KÊNH B1000 - CUỐI TUYẾN

Thiết kế kênh B1000 từ cọc 3 -> cọc C5+22.94M
L= 62.94 m

KM0+60.00 KM0+122.94

Đường đỉnh kênh thiết kế
Đường tự nhiên tìm kênh
Đường đáy kênh thiết kế

CAO ĐỘ THIẾT KẾ ĐỈNH RÃNH	10.51	10.50	10.48	10.47
ĐỘ DỐC THIẾT KẾ ĐÁY RÃNH	0.06% 62.94			
CAO ĐỘ THIẾT KẾ ĐÁY RÃNH	9.31	9.30	9.28	9.27
CHIỀU CAO RÃNH	1.20	1.20	1.20	1.20
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	9.80	10.70	10.70	11.06
KHOẢNG CÁCH LỀ		20.00	20.00	22.94
KHOẢNG CÁCH CỘNG DỒN	0.00	20.00	40.00	62.94
TÊN CỌC	3	4	C5	COCCT
LÝ TRÌNH	H1			
SƠ HỌA TUYẾN				

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI

THẨM TRA

Theo văn bản số: 65/1.Bett

Ngày 24 tháng 4 năm 2026

Ký tên: *Phạm Văn Cường*

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số: 113/IB-KPĐ-KT

ngày 24 tháng 4 năm 2026

Người thẩm định ký tên: *Hiếu Văn Bình*

CHỦ ĐẦU TƯ:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:

AVIC.JSC

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
(ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI)
ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498

THIẾT KẾ XÂY DỰNG
TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRÚC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:

TRẮC DỌC THIẾT KẾ
KÊNH B1000-NHÁNH 1

CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN	<i>Nguyễn Anh Tuấn</i>
CHỦ TRÌ TKGT	BÙI MINH CHIẾN	<i>Bùi Minh Chiến</i>
THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG	<i>Nguyễn Phi Long</i>
KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN	<i>Bùi Minh Chiến</i>

M.Đ.N. 0109055864 - C

CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN
HẠ TẦNG ĐÔ THỊ
AVIC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HOÀN THÀNH: /20

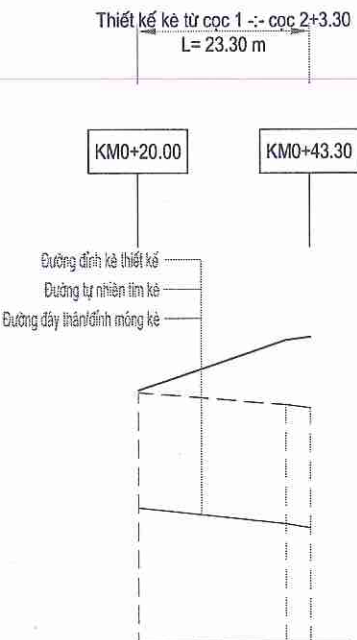
BẢN VẼ SỐ: 01 /01

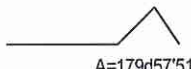
KÝ HIỆU: TDK-TK

TỶ LỆ: 1/100;1/1000

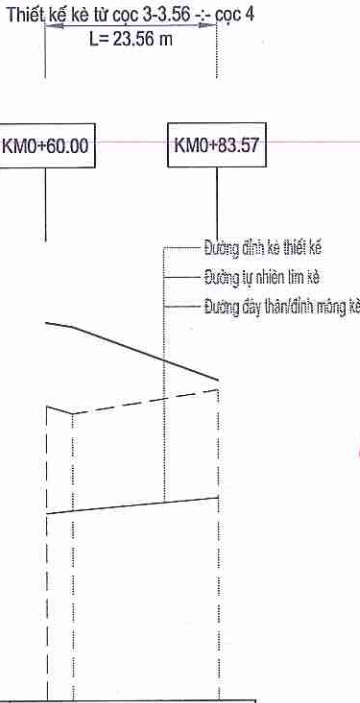
NGUYỄN ANH TUẤN

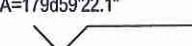
TRẮC DỤC THIẾT KẾ KÈ TRÁI - ĐẦU TUYẾN



CAO ĐỘ THIẾT KẾ ĐỈNH KÈ	12.44	13.12 13.16
CAO ĐỘ THIẾT KẾ ĐÁY KÈ	10.84	10.62 10.56
CHIỀU CAO KÈ	1.60	2.50 2.60
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	12.41	12.24 12.20
KHOẢNG CÁCH LỀ	20.00	3.30
KHOẢNG CÁCH CỘNG DỒN	0.00	20.00 23.30
TÊN CỌC	1	2+3.30 2
LÝ TRÌNH		
SƠ HỌA TUYẾN		 A=179d57'51.3"

TRẮC DỤC THIẾT KẾ KÈ TRÁI - CUỐI TUYẾN



CAO ĐỘ THIẾT KẾ ĐỈNH KÈ	13.15 13.09	12.36
ĐỘ DỐC THIẾT KẾ ĐỈNH KÈ	23.56	3.35%
CAO ĐỘ ĐÁY KÈ	10.55 10.59	10.76
CHIỀU CAO KÈ (H)	2.60 2.50	1.60
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	12.01 11.91	12.23
KHOẢNG CÁCH LỀ	3.56	20.00
KHOẢNG CÁCH CỘNG DỒN	0.00 3.56	23.56
TÊN CỌC	3-3.56 3	4
LÝ TRÌNH		
SƠ HỌA TUYẾN	A=179d59'22.1"	

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI

THẨM TRA

Theo văn bản số: 65.1.B.CTT

Ngày: 24 tháng 4 năm 2026

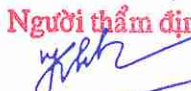
Ký tên: 
Phường Văn Cường

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số: 113/TB-KOĐ-KT

ngày 24 tháng 4 năm 2026

Người thẩm định ký tên: 
Kiều Văn Bình

CHỦ ĐẦU TƯ:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:

 CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
(ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI)
ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498

THIẾT KẾ XÂY DỰNG
TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:

TRẮC DỤC THIẾT KẾ KÈ TRÁI
NHÁNH 1

CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN	
CHỦ TRÌ TKGT	BÙI MINH CHIẾN	
THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG	
KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN	

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN
HẠ TẦNG ĐÔ THỊ
AVIC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

NGUYỄN ANH TUẤN

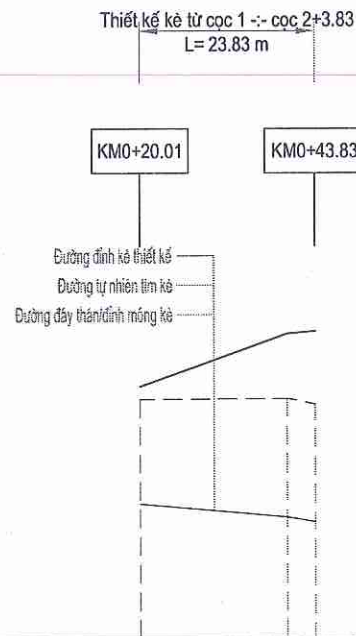
HOÀN THÀNH: /20

BẢN VẼ SỐ: 01 /02

KÝ HIỆU: TDK-TK

TỶ LỆ: 1/100;1/1000

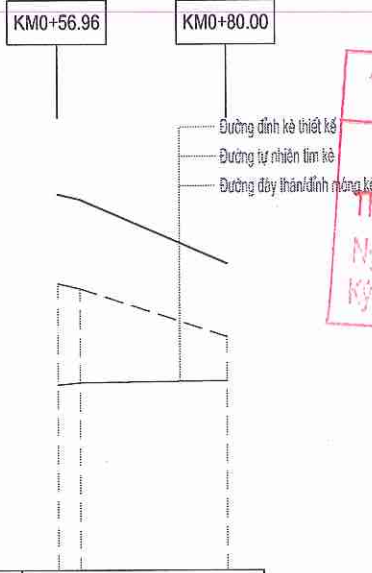
TRẮC DỤC THIẾT KẾ KÈ PHẢI - ĐẦU TUYẾN



CAO ĐỘ THIẾT KẾ ĐỈNH KÈ	12.43	13.14	13.18
CAO ĐỘ THIẾT KẾ ĐÁY KÈ	10.83	10.64	10.58
CHIỀU CAO KÈ	1.60	2.50	2.60
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	12.25	12.26	12.18
KHOẢNG CÁCH LỀ		19.99	3.83
KHOẢNG CÁCH CỘNG DỒN	0.00	19.99	23.82
TÊN CỌC	1	2+3.83	2
LÝ TRÌNH			
SƠ HỌA TUYẾN			

TRẮC DỤC THIẾT KẾ KÈ PHẢI - CUỐI TUYẾN

Thiết kế kè từ cọc 3-3.04 -> cọc 4
L= 23.04 m



CAO ĐỘ THIẾT KẾ ĐỈNH KÈ	13.12	13.05	12.18
ĐỘ DỐC THIẾT KẾ ĐỈNH KÈ		23.04	4.10%
CAO ĐỘ ĐÁY KÈ	10.52	10.55	10.58
CHIỀU CAO KÈ (H)	2.60	2.50	1.60
CAO ĐỘ TỰ NHIÊN	11.90	11.83	11.18
KHOẢNG CÁCH LỀ		3.04	20.00
KHOẢNG CÁCH CỘNG DỒN	0.00	3.04	23.04
TÊN CỌC	3-3.04	3	4
LÝ TRÌNH			
SƠ HỌA TUYẾN			

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VTAT HÀ NỘI

THẨM TRA

Theo văn bản số: 65.1.BC.TT

Ngày: 24 tháng 4 năm 2026

Ký tên: *Phường Văn Cường*

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số: 131/IB-KOĐ-KT

Ngày: 24 tháng 4 năm 2026

Người thẩm định ký tên: *Kiều Văn Bình*

CHỦ ĐẦU TƯ:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
(ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI)
AVIC.JSC ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498

THIẾT KẾ XÂY DỰNG
TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:

TRẮC DỤC THIẾT KẾ KÈ PHẢI
NHÁNH 1

CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN	<i>[Signature]</i>
CHỦ TRÌ TKGT	BÙI MINH CHIẾN	<i>[Signature]</i>
THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG	<i>[Signature]</i>
KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN	<i>[Signature]</i>

CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC

GIÁM ĐỐC: *[Signature]*

NGUYỄN ANH TUẤN

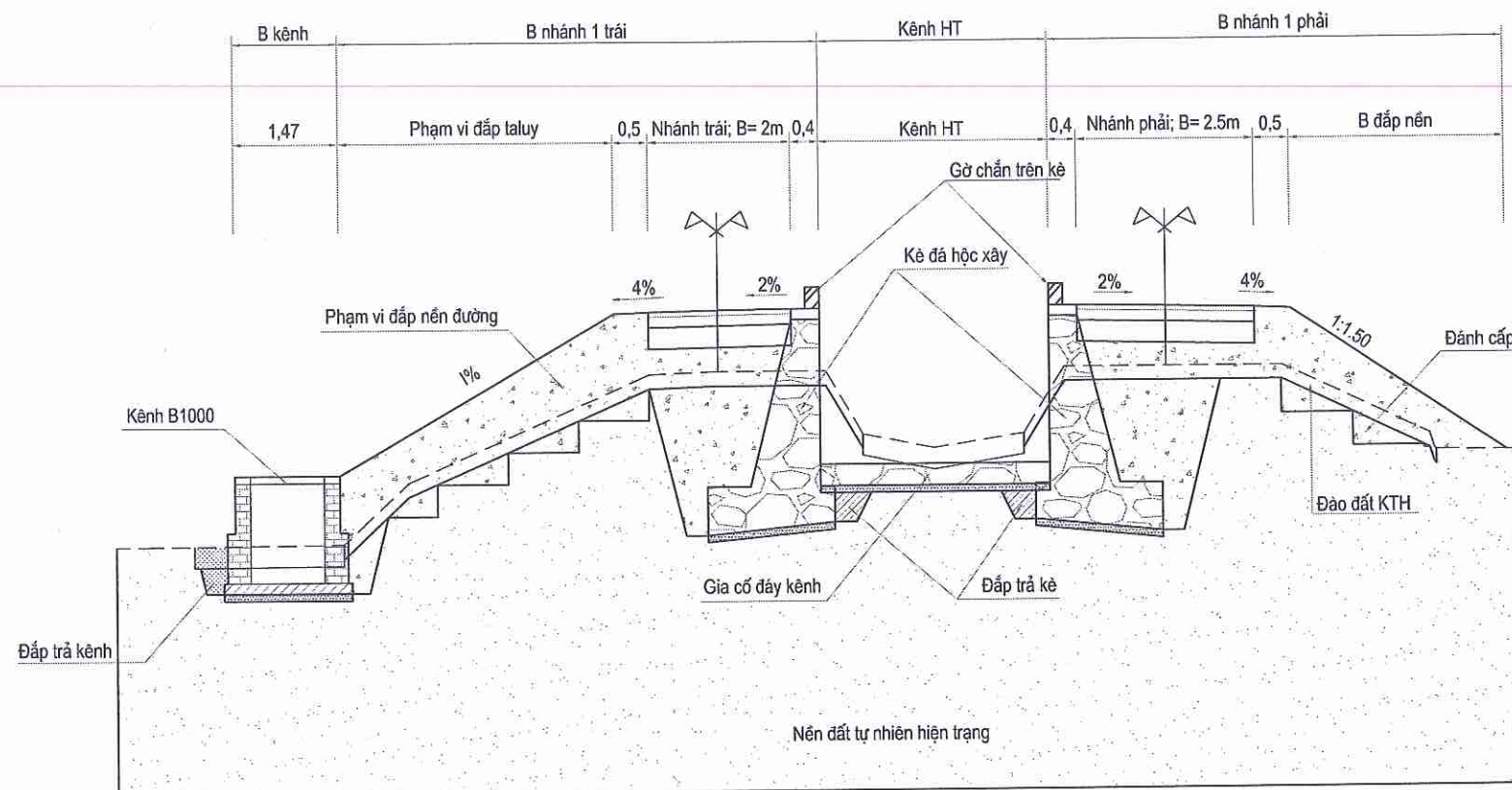
HOÀN THÀNH: /20

BẢN VẼ SỐ: 02 /02

KÝ HIỆU: TĐK-TK

TỶ LỆ: 1/100;1/1000

MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH
(Thiết kế mặt đường bê tông nhựa và kè đá học xây)
Tỷ lệ: 1/100



**CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI**
THẨM TRA
Theo văn bản số: 65.1 B.C.T.T.....
Ngày 24 tháng 4 năm 2026.....
Ký tên: *Phạm Văn Cường*

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 143.1.B-KOĐ-KT
ngày 24 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên: *Kiều Văn Bình*

Kết cấu 1: Mặt đường làm mới BTN (KC1)

- ① Mặt đường BTN chặt C12.5 dày 7cm
- ② Tưới thấm bảm tiêu chuẩn 1.0kg/m² (Nhựa MC30)
- ③ Cấp phối đá dăm loại I dày 15cm
- ④ Cấp phối đá dăm loại II dày 30cm

Kết cấu : Gia cố đáy kênh

- ① Xây móng đá học VXM M100 dày 30cm
- ② Đá dăm đệm móng dày 10cm

CHỦ ĐẦU TƯ:
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
(ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI)
ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498

**THIẾT KẾ XÂY DỰNG
TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:
TRẮC NGANG ĐIỂN HÌNH
NHÁNH 1

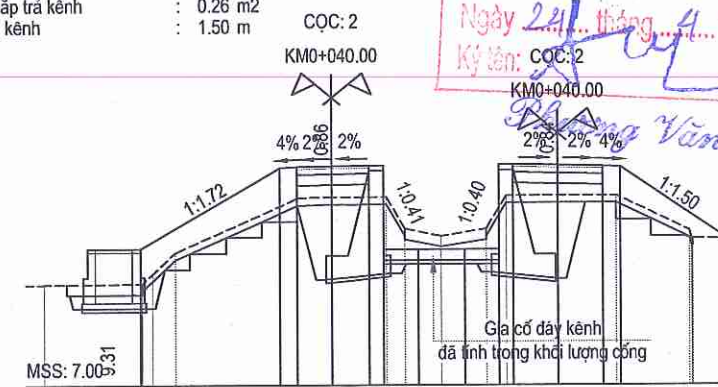
CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN	<i>Nguyễn Anh Tuấn</i>
CHỦ TRÌ TKGT	BÙI MINH CHIẾN	<i>Bùi Minh Chiến</i>
THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG	<i>Nguyễn Phi Long</i>
KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN	<i>Bùi Minh Chiến</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
GIÁM ĐỐC
NGUYỄN ANH TUẤN

HOÀN THÀNH: /20
BẢN VẼ SỐ: 01/01
KÝ HIỆU: TNH
TỶ LỆ:

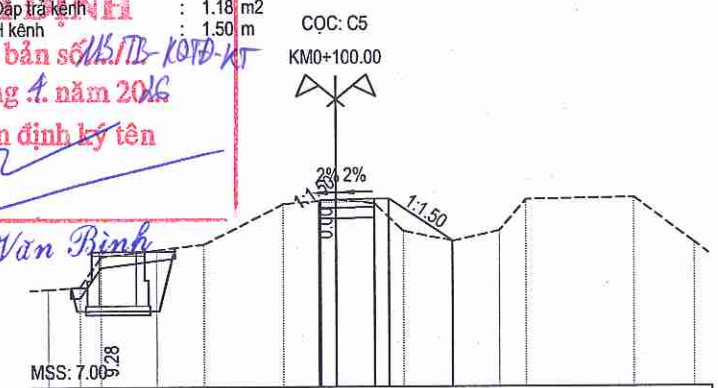
Đào kê- Nhánh 1 phải	5,81 m ²
Đắp kê- Nhánh 1 phải	0,09 m ²
H kê- Nhánh 1 phải	2,50 m
Đào đất KTH	5,24 m ²
Đánh cấp	1,32 m ²
B KC1	4,50 m

Ký tên: CQC:2



9.82	9.84 10.11 10.70	3.87	10.81
		0.50 0.96 1.04 0.40 0.97	13.06 13.08 13.10 13.12 13.12 10.78
		0.96 0.40	10.78 13.14 13.14
		1.25	13.12
		1.25	13.09 13.07
		0.50	
		3.02	
9.82	9.84 10.11 10.70	12.20 12.24 12.24 11.35 11.15	10.81
		1.26 0.57	13.06 13.08 13.10 13.12 13.12 10.78
		3.06	10.78 13.14 13.14
		2.08	13.12
		0.52	13.09 13.07

Đào kè- Nhánh 1 phải	:	0.00 m2
Đắp kè- Nhánh 1 phải	:	0.00 m2
H kè- Nhánh 1 phải	:	0.00 m
Đào đất KTH	:	0.87 m2
Đánh cấp	:	0.00 m2
B KC1	:	4.50 m



0.87	9.74			12.17
0.58	9.80			12.20
1.55	10.64			12.21
1.31	10.82			12.21
2.20	10.98			12.23
1.49	12.09			12.23
1.07	12.21	0.94		11.05
0.80	12.10	1.07		
1.37	11.33	0.40		
1.30	11.05	1.77		
0.74	11.34			
3.03	12.20			
1.69	12.26			
	11.00			

OC: 4 Theo Văn bản số 13/TB-KQĐ-KT

0+080.00 ngày 24 tháng 4 năm 2016

Người thẩm định ký tên

2%

Kien Van

khối lượng công

15	13	11
----	----	----

12.	
12.	
12.	

25	1.25	50	
----	------	----	--

10	1129	0	
----	------	---	--

12.13	
12.15	
11.00	
11.02	
9.74	
9.80	
10.64	
10.82	
10.98	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99	100
---	---	---	---	---	---	---	---	---	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	-----

2.82	1.65	0.09		0.87	0.58	1.55	1.31	2.2
------	------	-----------------	--	------	-----------------	------	------	-----

[illegible]

GUYỄN ANH TUẤN

BÙI MINH CHIẾN		
----------------	---	---

NGUYỄN PHI LONG		
-----------------	---	---

BÙI MINH CHIẾN		
----------------	---	---

2017-2018	2018-2019	2019-2020
-----------	-----------	-----------

HOÀN THÀNH:	/20
BẢN VẼ SỐ:	01/01
KÝ HIỆU:	TNTK
TỶ LỆ:	1/200

BẢNG KHỐI LƯỢNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG NHÁNH 1
DỰ ÁN : ĐƯỜNG TRỤC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

STT	Hạng mục	Đơn vị	Diễn giải	Khối lượng			Ghi chú
				Tuyến	Vuốt Nối	Tổng	
I	Nền đường						
1	Chiều dài tuyến	m		120.96	-	120.96	Lt
2	Diện tích mặt đường	m2	$S_{KC1}+S_{KC2}$	270.00	(21.50)	248.50	Smd
3	Đào đất không thích hợp	m3	Bảng KL chi tiết	344.32	(6.45)	337.87	
4	Đánh cấp	m3	Bảng KL chi tiết	74.00	-	74.00	
5	Đắp đất nền đường	m3	Bảng KL chi tiết	858.80	-	858.80	
6	Đào khuôn đường	m3	Bảng KL chi tiết	54.20	-	54.20	
II	Mặt đường						
1	Kết cấu 1: Mặt đường BTN làm mới (KC1)	m2	Bảng KL chi tiết	270.00	(21.50)	248.50	S_{KC1}
a	Diện tích mặt đường BTN chặt C12.5 dày 7cm	m2	S_{KC1}	270.00	(21.50)	248.50	
b	Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1.0kg/m2 (Nhựa MC30)	m2	S_{KC1}	270.00	(21.50)	248.50	
c	Cấp phối đá dăm loại I dày 15cm	m3	$0.15*S_{KC1}$	40.50	(3.23)	37.28	
d	Cấp phối đá dăm loại II dày 30cm	m3	$0.30*S_{KC1}$	81.00	(6.45)	74.55	

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số 1151/KOTĐ-KT

ngày 24 tháng 4 năm 2026

Người thẩm định ký tên



 Kiều Văn Bình

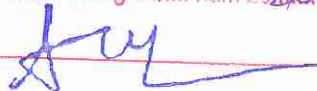
CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN THÚC VT&T HÀ NỘI

THẨM TRA

Theo văn bản số: 651/BCTT

Ngày 24 tháng 4 năm 2026

Ký tên:



 Phương Văn Cường



BẢNG KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT ĐƯỜNG GIAO THÔNG NHÁNH 1

DỰ ÁN : ĐƯỜNG TRỤC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI

ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Tên cọc	K/C lẻ	Diện tích(m2)							Khối lượng(m3)				
		Đào đất cấp 2	Đắp cát nền đường	Đắp đất nền đường	Đào đất KTH	Đánh cấp	Đào khuôn đường	B kết cấu 1 (KC1)	Đắp đất nền đường	Đào đất KTH	Đánh cấp	Đào khuôn đường	S kết cấu 1 (KC1)
DT				-	0.97	-	-	-					
	20.00								70.50	44.60	9.60	14.30	-
1				7.05	3.49	0.96	1.43	4.50					
	20.00								229.40	87.30	22.80	14.30	90.00
2				15.89	5.24	1.32	-	4.50					
	20.00								324.80	92.20	27.40	-	90.00
3				16.59	3.98	1.42	-	4.50					
	20.00								200.00	71.10	14.20	12.80	90.00
4				3.41	3.13	-	1.28	4.50					
	20.00								34.10	40.00	-	12.80	-
C5				-	0.87	-	-	-					
	20.96								-	9.12	-	-	-
CT				-	-	-	-	-					
Tổng:		120.96							858.80	344.32	74.00	54.20	270.00

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI
THẨM ĐỊNH
 Theo Văn bản số 113/TB-KTĐP-KT
 ngày 24 tháng 4 năm 2026
 Người thẩm định ký tên

Kiều Văn Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN
 KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI
THẨM TRA
 Theo văn bản số: 65.1.BTT.....
 Ngày 24 tháng 4 năm 2026
 Ký tên:

Phượng Văn Cường



BẢNG KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT VUỐT NỐI TUYẾN NHÁNH 1
DỰ ÁN : ĐƯỜNG TRỤC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

STT	Vị trí	Diện tích mặt (m2)	Kết cấu	Ván khuôn mặt đường (m2)	Chiều dài mảnh lẻ
1	Vuốt nối 1	-29.16	Kết cấu: 1		
2	Vuốt nối 2	7.66	Kết cấu: 1		
3	Vuốt nối 3	0.00	Kết cấu: 1		
4	Vuốt nối 4	0.00	Kết cấu: 1		
5	Vuốt nối 5	0.00	Kết cấu: 1		
6	Vuốt nối 6	0.00	Kết cấu: 1		

Tổng:	(21.50)	m2		
- Tổng S KC1:	(21.50)	m2	-	m2
- Tổng S KC2:	-	m2	-	m2
- Tổng S KC3:	-	m2	-	m2
- Tổng S KC4:	-	m2	-	m2

- Ghi Chú:
Kết cấu: 1 : Mặt đường BTN làm mới (KC2)
Kết cấu: 2 : Mặt đường BTN tăng cường loại 1 (KC2)

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 115/TB-KTĐ-KT
ngày 24 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên
Hiệu Văn Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI
THẨM TRA
Theo văn bản số: 65.1.BCT
Ngày 24 tháng 4 năm 2026
Ký tên:
Phạm Văn Cường

STT	Hạng mục	Đơn vị	Diễn giải	Khối lượng	Ghi chú
1	Kết cấu 1: Mặt đường BTN làm mới (KC1)	m2	Tổng hợp trên	(21.50)	S _{KC1}
a	Diện tích mặt đường BTN chặt C12.5 dày 7cm	m3	S _{KC1}	(21.50)	
b	Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1.0kg/m2 (Nhựa MC30)	m2	S _{KC1}	(21.50)	
c	Cấp phối đá dăm loại I dày 15cm	m3	0,15*S _{KC1}	(3.23)	
d	Cấp phối đá dăm loại II dày 30cm	m2	0,30*S _{KC1}	(6.45)	
2	Kết cấu 2: Mặt đường BTN tăng cường loại 1 (KC2)	m2	Tổng hợp trên	-	S _{KC2}
a	Diện tích mặt đường BTN chặt C12.5 dày 7cm	m2	S _{KC2}	-	
b	Tưới nhựa thấm bám tiêu chuẩn 1.0kg/m2 (Nhựa MC30)	m2	S _{KC2}	-	
c	Cấp phối đá dăm loại I bù vênh	m3	0.15*Skc2	-	H(bv) trung bình: 0.15m
3	Đào đất không thích hợp	m3	0.3*Skc1	(6.45)	
4	Đào khuôn	m3	Skc1*0.35	-	



BẢNG KHỐI LƯỢNG KÈ ĐÁ XÂY NHÁNH 1
DỰ ÁN : ĐƯỜNG TRỤC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TT	Hạng mục	Đơn vị	Diễn giải	Khối Lượng			Ghi chú
				Tuyến trái	Tuyến phải	Tổng	
1	Chiều dài kè thiết kế	m	Thông kê trên bình đồ	46.86	46.87	93.73	L
2	Đào móng kè	m3	Bảng khối lượng chi tiết	242.68	231.89	474.57	A
3	Đá dăm đệm móng kè dày 10cm	m3	Bảng khối lượng chi tiết	7.93	7.94	15.87	B
4	Xây móng kè đá học VXM M100	m3	Bảng khối lượng chi tiết	46.42	46.43	92.85	
5	Xây thân kè đá học VXM M100 (H≤2m)	m3	Bảng khối lượng chi tiết	49.46	49.46	98.93	
6	Xây thân kè đá học VXM M100 (H>2m)	m3	Bảng khối lượng chi tiết	11.53	11.54	23.07	
7	Trét khe nối bằng lớp giấy dầu tấm nhựa đường	m2	(L/7.5)*(Sxm+Sxt)	15.06	15.06	30.12	
8	Ván khuôn mũ mố kè	m2	L*2*0,15	14.06	14.06	28.12	
9	Bê tông mũ mố kè M250	m3	L*0,15*0,40	2.81	2.81	5.62	
10	Cốt thép mũ mố kè	kg	2*0.617*L+(L/0.2)*0.46*0.222	81.75	81.77	163.52	
11	Tầng lọc ngược đá 2x4 (30%)KL, đá 4x6 (70%)KL	m3	(L/5)*(0.4*0.4*0.35)*2	1.05	1.05	2.10	
12	Ống nhựa thoát nước PVC D60	m	(L/5)*0.7*2	13.12	13.12	26.24	
13	Vải địa kỹ thuật bịt đầu ống	m2	(L/5)*0.3*0.3*2	1.69	1.69	3.37	
14	Đắp trả móng kè đất tận dụng	m3	Bảng khối lượng chi tiết	3.32	4.14	7.46	C
15	Vận chuyển đất đổ đi	m3	A-C	239.36	227.75	467.11	
B	Gờ chắn						
1	Số lượng gờ chắn an toàn giao thông	SL	Lkè/1.6	29.00	29.00	58.00	G
2	Thép D≤10	kg	2.88*G	83.52	83.52	167.04	
3	Bê tông M250, đá 1x2	m3	0.06*G	1.74	1.74	3.48	
4	Ván khuôn gờ chắn	m2	0.72*G	20.88	20.88	41.76	
5	Sơn trắng đỏ	m2	0.92*G	26.68	26.68	53.36	

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 12/TB-KTĐ-KT
ngày 24 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên

Kiều Văn Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI
THẨM TRA
Theo văn bản số: 65/BC.TT.....
Ngày 24 tháng 4 năm 2026.....
Ký tên:

Phường Văn Cường



BẢNG KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT KÈ ĐÁ XÂY TRÁI NHÁNH 1
DỰ ÁN : ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Tên cọc	K/C lẻ	Chiều cao kè	Chiều cao xây kè	Diện tích (m2)					Khối lượng(m3)					Loại kè			
				Đá dăm đệm	Xây móng kè	Xây thân kè	Đào móng kè	Đắp trả kè	Đá dăm đệm	Xây móng kè	Xây thân kè	Đào móng kè	Đắp trả kè				
Thiết kế kè đá xây trái tuyến Từ cọc 1 -:- cọc 2+3.30m																	
1		1.60	1.45	0.16	0.90	0.84	4.71	0.01									
	20.00								3.35	19.57	24.73	107.40	1.10				
2		2.50	2.35	0.18	1.05	1.63	6.03	0.10									
	3.30								0.59	3.50	5.55	19.90	0.33				
2+3.30m		2.60	2.45	0.18	1.07	1.73	6.03	0.10									
Thiết kế kè đá xây trái tuyến Từ cọc 3-3.56m -:- cọc 4																	
3-3.56m		2.60	2.45	0.18	1.07	1.73	5.22	0.11									
	3.56								0.64	3.78	5.98	18.58	0.39				
3		2.50	2.35	0.18	1.05	1.63	5.22	0.11									
	20.00								3.35	19.57	24.73	96.80	1.50				
4		1.60	1.45	0.16	0.90	0.84	4.46	0.04									
46.86		Htb:2.23m		Sxm:1.01		Sxm:1.40		7.93		46.42		60.99		242.68		3.32	

Ghi chú:

- Đá học xây thân kè ($H \leq 2$): 49.46 m³
- Đá học xây thân kè ($H > 2$): 11.53 m³

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 13/VTB-KSTĐ-ĐT
ngày 24 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên
Kiều Văn Bình

**CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI**
THẨM TRA
Theo văn bản số: 65/VTB-KSTĐ-ĐT
Ngày 24 tháng 4 năm 2026
Ký tên:
Phường Văn Cường



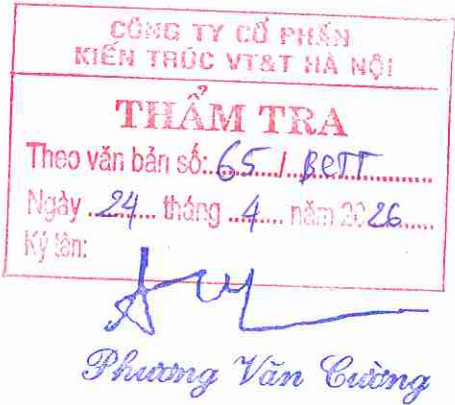
BẢNG KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT KÈ ĐÁ XÂY PHẢI NHÁNH 1

DỰ ÁN : ĐƯỜNG TRỤC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Tên cọc	K/C lẻ	Chiều cao kè	Chiều cao xây kè	Diện tích (m2)					Khối lượng(m3)					Loại kè
				Đá dăm đệm	Xây móng kè	Xây thân kè	Đào móng kè	Đắp trả kè	Đá dăm đệm	Xây móng kè	Xây thân kè	Đào móng kè	Đắp trả kè	
Thiết kế kè đá xây phải tuyến Từ cọc 1 -:- cọc 2+3.83m														
1	20.00	1.60	1.45	0.16	0.90	0.84	4.49	0.01						
										3.35	19.57	24.73	103.00	1.00
2	3.83	2.50	2.35	0.18	1.05	1.63	5.81	0.09						
										0.69	4.07	6.44	22.25	0.34
2+3.83m		2.60	2.45	0.18	1.07	1.73	5.81	0.09						
Thiết kế kè đá xây phải tuyến Từ cọc 3-3.04m -:- cọc 4														
3-3.04m	3.04	2.60	2.45	0.18	1.07	1.73	5.34	0.13						
										0.55	3.23	5.11	16.23	0.40
3	20.00	2.50	2.35	0.18	1.05	1.63	5.34	0.13						
										3.35	19.57	24.73	90.40	2.40
4		1.60	1.45	0.16	0.90	0.84	3.70	0.11						
46.87		Htb:2.23m		Sxm:1.01		Sxm:1.40		7.94		46.43	61.01	231.89	4.14	

Ghi chú:

- Đá hộc xây thân kè ($H \leq 2$): 49.46 m3
- Đá hộc xây thân kè ($H > 2$): 11.54 m3



BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG KÊNH B1000 NHÁNH 1
DỰ ÁN : ĐƯỜNG TRỤC THÔN TRI LAI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng			
			Diễn giải	Trái	Tổng	
I	Kênh B1000:					
1	Chiều dài thiết kế kênh	m	Bảng tính chi tiết	103.36	103.36	
2	Bê tông đáy đá 2x4 M150 dày 15cm	m3	$1.79 \times 0.15 \times A$	27.75	27.75	
3	Ván khuôn bê tông đáy	m2	$0,15 \times 2 \times A$	31.01	31.01	
4	Đệm đá dăm móng	m3	$1.79 \times 0.10 \times A$	18.50	18.50	
5	Đào đất hố móng kênh	m3	Bảng tính chi tiết	191.27	191.27	B
7	Xây gạch không nung VXM M75	m3	Bảng tính chi tiết	72.02	72.02	
8	Bê tông giằng dọc đá 1x2 M250	m3	$8.a + 8.b$	4.55	4.55	
a	Bê tông giằng dọc		$2 \times (0,1 \times 0,22 \times A)$	4.55	4.55	
9	Ván khuôn giằng dọc	m2	$9.a + 9.b$	41.34	41.34	
a	Ván khuôn giằng dọc		$2 \times (0,1 \times 2 \times A)$	41.34	41.34	
10	Cốt thép giằng dọc $D \leq 10\text{mm}$	kg	$10.a + 10.b$	319.34	319.34	
a	Cốt thép giằng dọc		$2 \times (2 \times 0,617 + 5 \times 0,28 \times 0,222) \times A$	319.34	319.34	
11	Trát tường kênh VXM M 75 dày 1.5cm	m2	Bảng tính chi tiết	408.98	408.98	
12	Làm khe nối bằng giấy giàu tẩm nhựa đường	m2	$(1.79 \times 0.15 + \text{Stb} + 0.1 \times 0.22 \times 2) \times (A/10)$	11.35	11.35	
13	Đắp trả kênh đất tận dụng	m3	Bảng tính chi tiết	86.16	86.16	D
II	Giằng ngang KT 1.2x0.15x0.10:					
1	Số lượng thanh chống	cái	$A \times 4/10$	41.00	41.00	E
2	BT thanh chống đá 1x2 M250	m3	$0.018 \times E$	0.74	0.74	
3	Ván khuôn thanh chống	m2	$0.24 \times E$	9.84	9.84	
4	Cốt thép thanh chống $D \leq 10\text{mm}$	kg	$2.66 \times E$	109.06	109.06	
5	Lắp đặt thanh chống	cái	E	41.00	41.00	

**CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI**

THẨM TRA

Theo văn bản số: 651/BCTT
 Ghi chú: 24 tháng 4 năm 2026
 Ký tên: *Phạm Văn Cường*

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số 112/TB-KQTD-KT
 ngày 24 tháng 4 năm 2026
 Người thẩm định ký tên: *Kiều Văn Bình*



BẢNG CHI TIẾT KHỐI LƯỢNG KÊNH B1000 NHÁNH 1
DỰ ÁN : ĐƯỜNG TRỤC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI

Tên cọc	K/C lẻ	H	Diện tích(m2)				Khối Lượng(m3)				Ghi chú
			Đào kênh	Đắp trả kênh	Xây kênh	Trát kênh	Đào kênh	Đắp trả kênh	Xây kênh	Trát kênh	
Thiết kế kênh B1000 bên trái tuyến từ cọc DT-0,19m đến cọc 2											
DT-0.19m		1.50	1.84	1.75	0.79	4.46					
	0.19						0.35	0.33	0.15	0.85	
DT		1.50	1.84	1.75	0.79	4.46					
	20.23						26.60	19.62	15.89	90.23	
1		1.50	0.79	0.19	0.79	4.46					
	20.00						20.50	4.50	15.71	89.20	
2		1.50	1.26	0.26	0.79	4.46					
Thiết kế kênh B1000 bên trái tuyến từ cọc 3 đến cọc C5+22.94m											
3		1.50	0.99	0.25	0.79	4.46					
	20.00						44.40	19.60	15.71	89.20	
4		1.50	3.45	1.71	0.79	4.46					
	20.00						64.90	28.90	15.71	89.20	
C5		1.50	3.04	1.18	0.79	4.46					
	22.94						34.87	13.53	9.01	51.16	
C5+22.94m		1.50	3.04	1.18	0.79	4.46					
103.36			Stb=0.79m2				191.27	86.16	72.02	408.98	

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 163/17-KTD-KT
ngày 24 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên
Kiều Văn Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI
THẨM TRA
Theo văn bản số: 65/1.BCTT
Ngày 24 tháng 4 năm 2026
Ký tên:
Phượng Văn Cường



CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI

THẨM TRA

Theo văn bản số: 65/BCVT

Ngày 24 tháng 4 năm 2026

Ký tên: *[Signature]*

Phường Văn Cường

BẢN VẼ CẤU TẠO

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số 115/IB-KOTD-KT

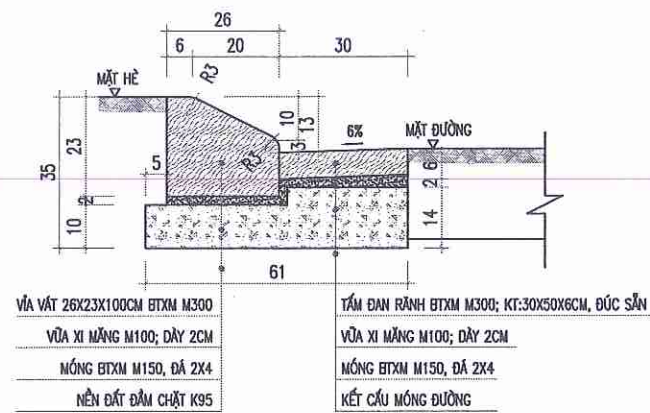
ngày 24 tháng 4 năm 2026

Người thẩm định ký tên

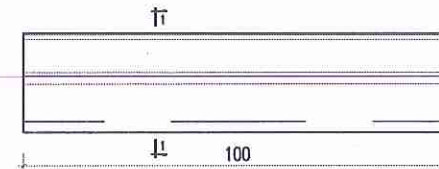
[Signature]

Hiền Văn Bình

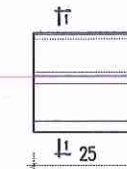
CHI TIẾT BỐ VÍA VÁT 26X23X100 BTXM CỐ ĐẠM



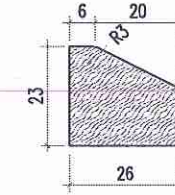
CẤU TẠO BỐ VÍA VÁT 26X23CM
ÁP DỤNG CHO CÁC ĐOẠN ĐƯỜNG THẲNG



CẤU TẠO BỐ VÍA VÁT 26X23CM
ÁP DỤNG CHO CÁC ĐOẠN ĐƯỜNG CẠM



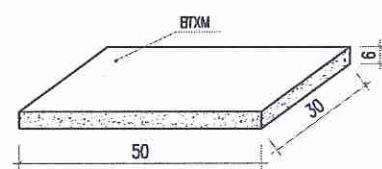
MẶT CẮT 1-1



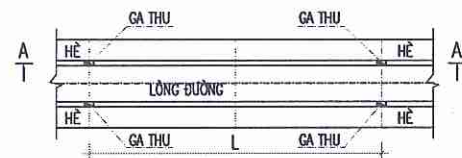
CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI

THẨM TRA
Theo văn bản số: 65/1 BCTT
Ngày 24 tháng 4 năm 2026
Ký tên: *Phạm Văn Cường*

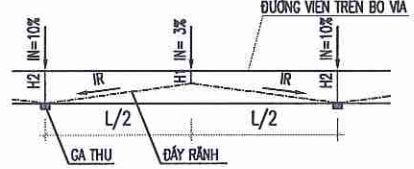
CHI TIẾT ĐẠN RÀNH



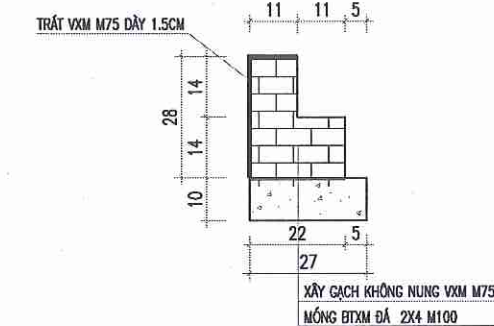
MẶT BẰNG ĐẠN RÀNH



MẶT CẮT A-A

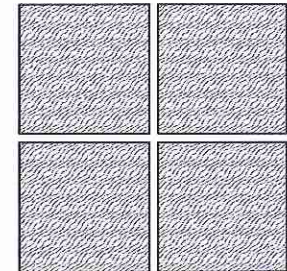
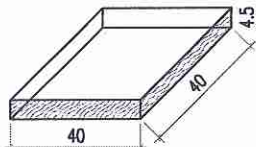
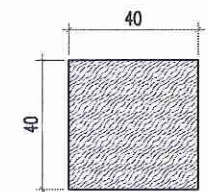
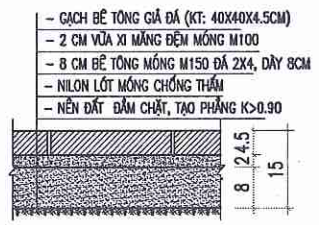


CHI TIẾT BỐ HÈ



CHI TIẾT LÁT GẠCH BÊ TÔNG GIÁ ĐÁ

KẾT CẤU VÍA HÈ



PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 113/KPĐ-VT
ngày 4 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên: *Kiều Văn Bình*

GHI CHÚ: - KÍCH THƯỚC TRONG BẢN VẼ LÀ CM.

CHỦ ĐẦU TƯ: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG		THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG		TÊN BẢN VẼ: CẤU TẠO CHI TIẾT VÍA HÈ, BỐ VÍA, ĐẠN RÀNH		<table><tr><td>CHỦ NHIỆM TK</td><td>NGUYỄN ANH TUẤN</td><td></td></tr><tr><td>CHỦ TRÌ TKGT</td><td>BÙI MINH CHIẾN</td><td></td></tr><tr><td>THIẾT KẾ</td><td>NGUYỄN PHI LONG</td><td></td></tr><tr><td>KIỂM TRA</td><td>BÙI MINH CHIẾN</td><td></td></tr></table>		CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN		CHỦ TRÌ TKGT	BÙI MINH CHIẾN		THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG		KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN		CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC  NGUYỄN ANH TUẤN		HOÀN THÀNH: /20 BẢN VẼ SỐ: 01/01 KÝ HIỆU: BVCT TỶ LỆ:	
CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN																						
CHỦ TRÌ TKGT	BÙI MINH CHIẾN																						
THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG																						
KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN																						
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC (ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THO - HÀ NỘI) ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498		DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI																					

A detailed black and white line drawing of a large, dense tree with many small leaves and a thick trunk, standing on a grassy field. The tree has a complex, branching structure with numerous small, oval-shaped leaves. The trunk is thick and textured with vertical lines. The background is a simple, light-colored field with some sparse grass.

[illegible]

Ốp gạch 8 lỗ (TỶ LỆ 1/15)
kích thước 39x26x8cm
1200
100 1000 100
100
BTXM bố bốn cây
kích thước 10x15cm
500
1200
500
100
600
600
Bố vỉa 26x23x100
600
600

(TỶ LỆ 1/10)

100 Hệ đường lát gạch vân đá

50 170 80 20 45

50 100 200

(TỶ LỆ 1/10)

600

20 130 500 100 150

Technical drawing of a rectangular plate with a central hole. The plate has a total width of 100 and a total height of 150. The central hole has a width of 80 and a height of 20. The distance from the left edge of the plate to the left edge of the hole is 20. The distance from the bottom edge of the plate to the bottom edge of the hole is 130. The drawing includes dimension lines and arrows indicating the measurements.

STT	HẠNG MỤC	DIỄN GIẢI	KL	ĐV
1	Móng bê tông xi măng đáy via BTXM mác M150 dày 10cm	$=0.2*0.1*(1.2+1)*2$	0.09	m3
2	Ván khuôn bê tông móng bồn cây	$=1.1*4*2*0.1$	0.88	m2
3	Vữa bê tông lát via BTXM bó gốc cây mác M100 dày 2cm	$=1.1*4*0.1$	0.44	m2
4	Bê tông via bó bồn cây M300	$=0.1*0.15*0.6*8$	0.07	m3
5	Ván khuôn via BTXM bó bồn cây	$=(0.6*8+0.5*8)*0.15$	1.32	m2
6	Chiều dài via BTXM bó gốc cây loại 10x15x60cm	$=0.6*8$	4.80	m

A 3D perspective view of a brick with a hexagonal pattern of holes. The brick has a length of 390, a height of 260, and a width of 80.

THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số MS/STB-KOTB-KT
ngày 24 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên

Kiên Văn Bình

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC

(ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THO - HÀ NỘI)

ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CẤU TẠO CHI TIẾT BÓ BỒN CÂY XANH

CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN
CHỦ TRÌ TKGT	BÙI MINH CHIẾN
THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG
KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
GIÁM ĐỐC
NGUYỄN ANH TUẤN

HOÀN THÀNH:	/20
BẢN VẼ SỐ:	01/01
KÝ HIỆU:	BVCT
TỶ LỆ:	

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VIỆT HÀ NỘI

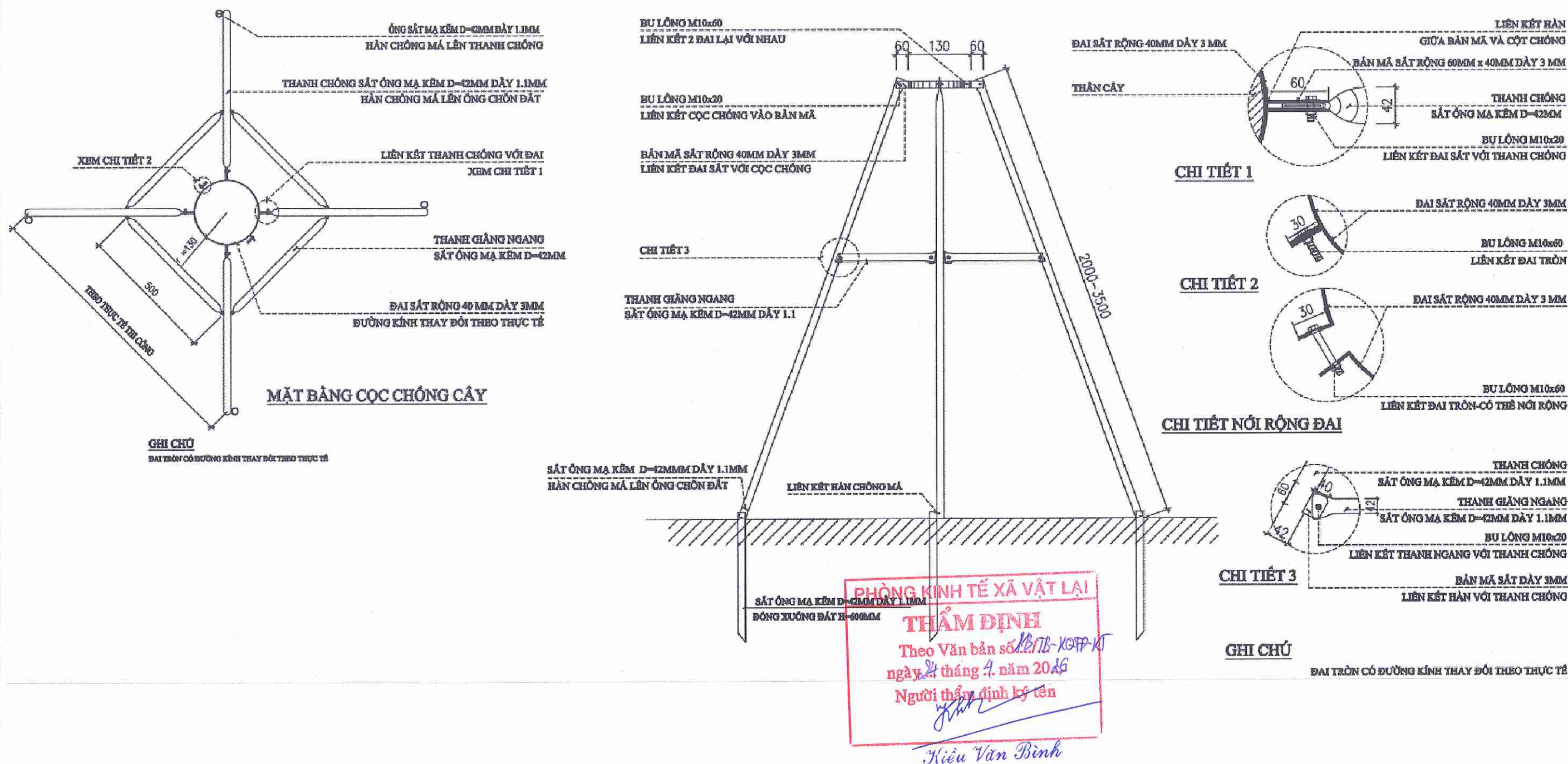
THẨM TRA

Theo văn bản số: 65/BE TT

Ngày 14 tháng 9 năm 2026

Ký tên: *Phạm Văn Cường*

BẢN VẼ MẪU CỌC CHỐNG CÂY BẰNG THÉP
(Kèm theo Văn bản số /SXD-CXCS ngày tháng 02 năm 2026)



PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số KT/TB-KOFP-KT

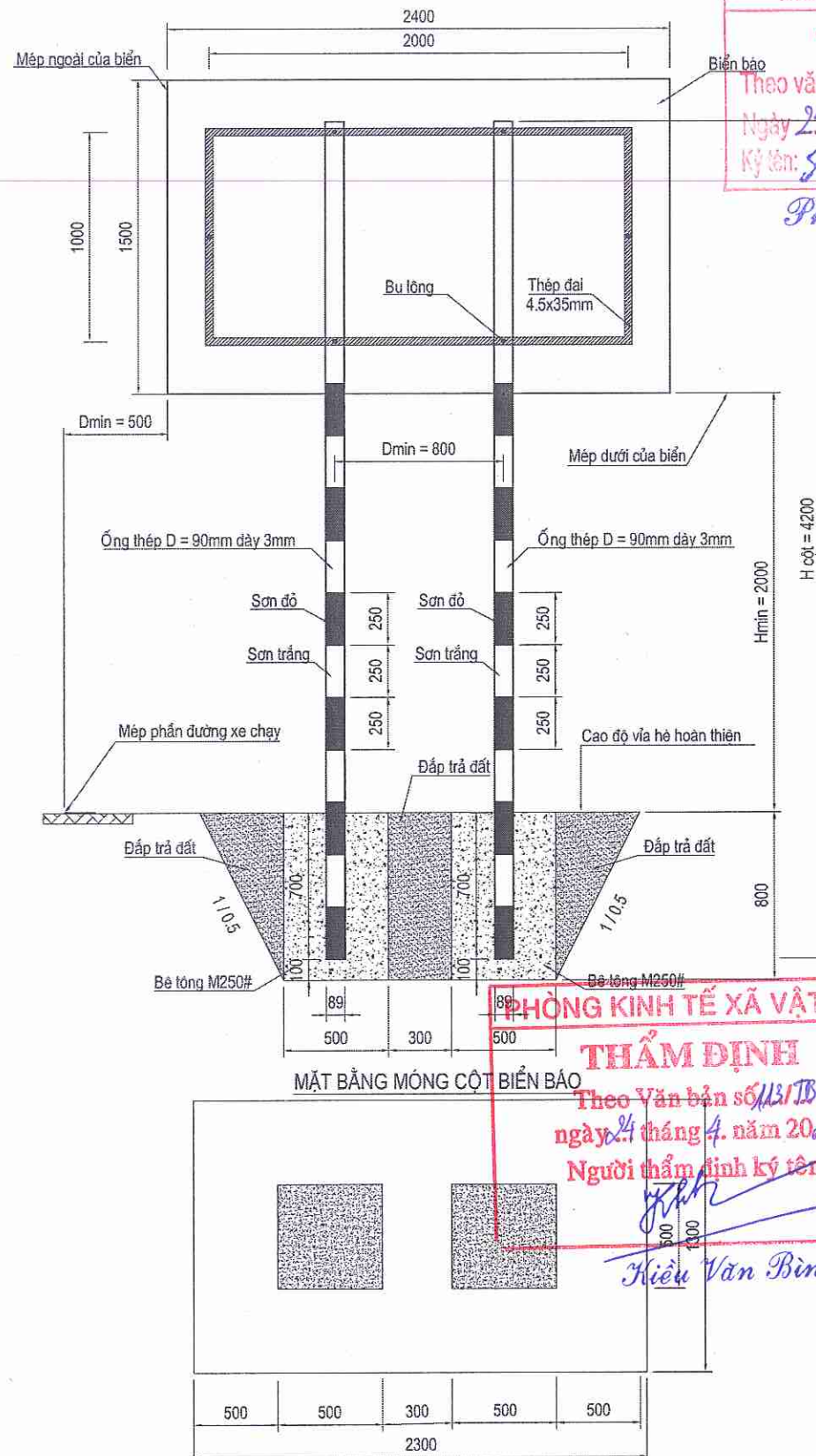
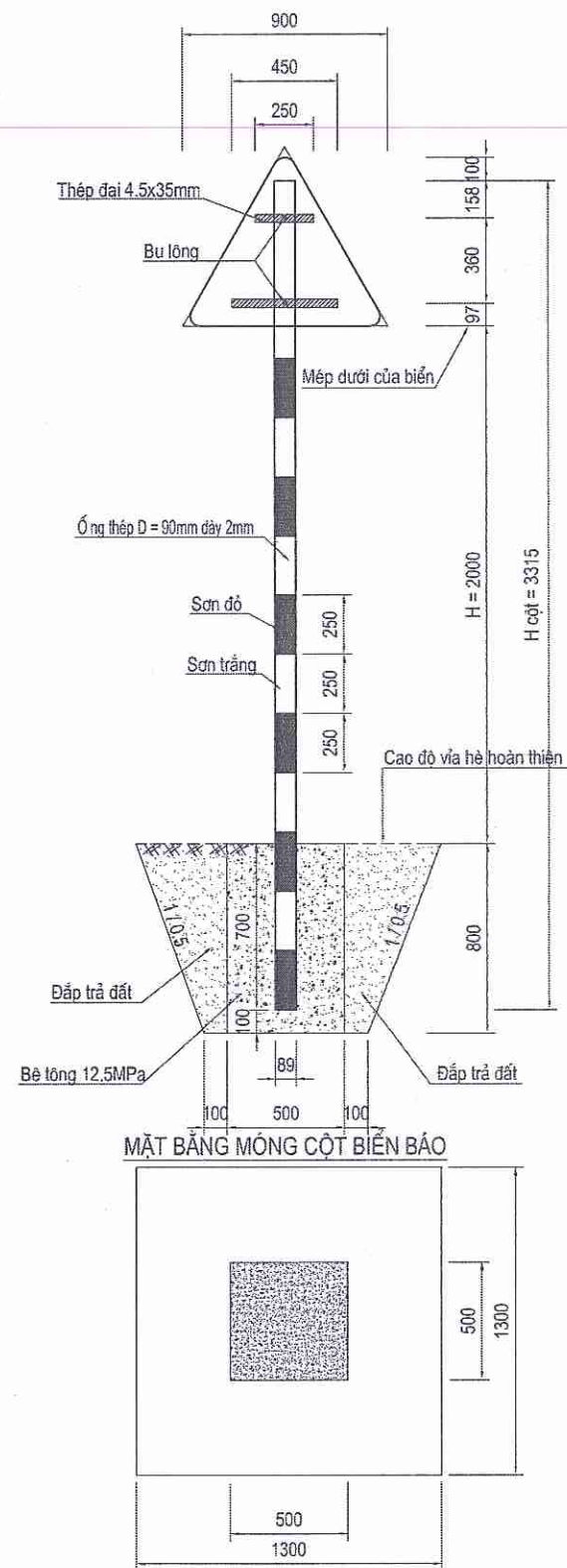
ngày 14 tháng 9 năm 2026

Người thẩm định ký tên

Kiên Văn Bình

CHỦ ĐẦU TƯ: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG	THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI	TÊN BẢN VẼ: CẤU TẠO CHI TIẾT CỌC CHỐNG CÂY H=1.5M	CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC THÀNH PHỐ HÀ NỘI	HOÀN THÀNH: /20
			CHỦ TRÌ TKGT	BÙI MINH CHIẾN		BẢN VẼ SỐ: 01/01
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC (ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI) ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498			THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG		KÝ HIỆU: BVCT
			KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN		TỶ LỆ:

BẢN VẼ CHI TIẾT CỘT ĐỖ BIỂN BÁO GIAO THÔNG



CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI

THẨM TRA

Theo văn bản số: 65/TT
Ngày: 24 tháng 4 năm 2016
Ký tên: *Phạm Văn Cường*

TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG 1 CỘT TAM GIÁC

TT	Tên thanh	Số lượng	Chiều dài (mm)	Klg đơn vị (kg/m)	Khối lượng (kg)
1	Thép đai 4,5x35	1	250	1.24	0.31
2	Thép đai 4,5x35	1	450	1.24	0.56
Tổng cộng thép đai 4,5x35				(kg)	0.87
Đào đất hố móng				(m3)	0.87
Đắp đất hố móng				(m3)	0.67
Ván khuôn móng				(m2)	1.6
Bê tông móng M150				(m3)	0.2
Cột biển báo D90				(m)	3.5
Bu lông				(cái)	2

TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG 1 CỘT CHỮ NHẬT 2400X1500

TT	Tên thanh	Số lượng	Chiều dài (mm)	Klg đơn vị (kg/m)	Khối lượng (kg)
1	Thép đai 4,5x35	1	6000	1.24	7.44
Tổng cộng thép đai 4,5x35				(kg)	7.44
Đào đất hố móng				(m3)	1.98
Đắp đất hố móng				(m3)	1.59
Ván khuôn móng				(m2)	3.2
Bê tông móng M150				(m3)	0.39
Cột biển báo D90				(m)	9
Bu lông				(cái)	4

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số: 13/TB-KTĐ-KT
ngày: 24 tháng 4 năm 2016
Người thẩm định ký tên: *Kiều Văn Bình*

CHỦ ĐẦU TƯ:
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
(ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI)
ĐIỆN THOẠI: 032 697 5438

THIẾT KẾ XÂY DỰNG
TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

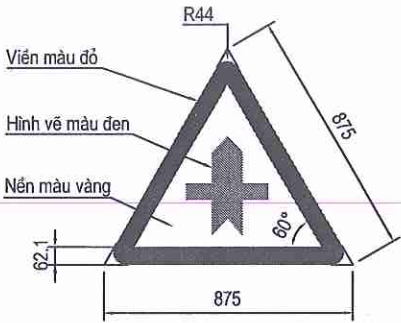
TÊN BẢN VẼ:
BẢN VẼ CHI TIẾT
ĐIỂN HÌNH BIỂN BÁO

CHỦ NHIỆM TK: NGUYỄN ANH TUẤN
CHỦ TRÌ TKGT: BÙI MINH CHIẾN
THIẾT KẾ: NGUYỄN PHI LONG
KIỂM TRA: BÙI MINH CHIẾN

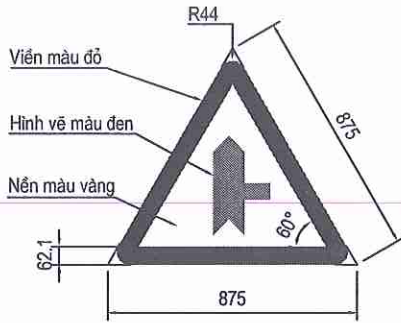
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
CỔ PHẦN KIỂM ĐỐC
PHÁT TRIỂN
HẠ TẦNG ĐÔ THỊ
AVIC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
NGUYỄN ANH TUẤN

HOÀN THÀNH: /20
BẢN VẼ SỐ: 02/03
KÝ HIỆU: CTCT-BB
TỶ LỆ:

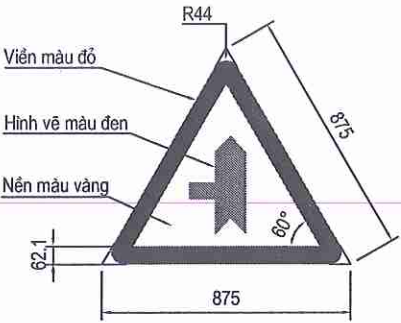
BẢN VẼ CHI TIẾT BIỂN BÁO GIAO THÔNG



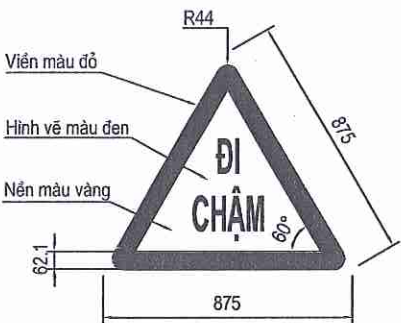
BIỂN W.207A



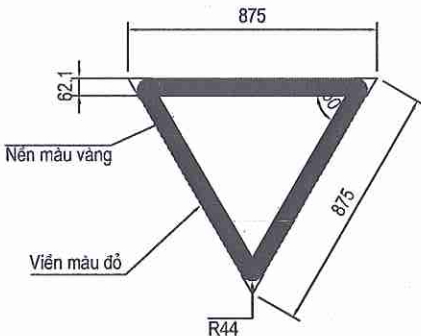
BIỂN W.207B



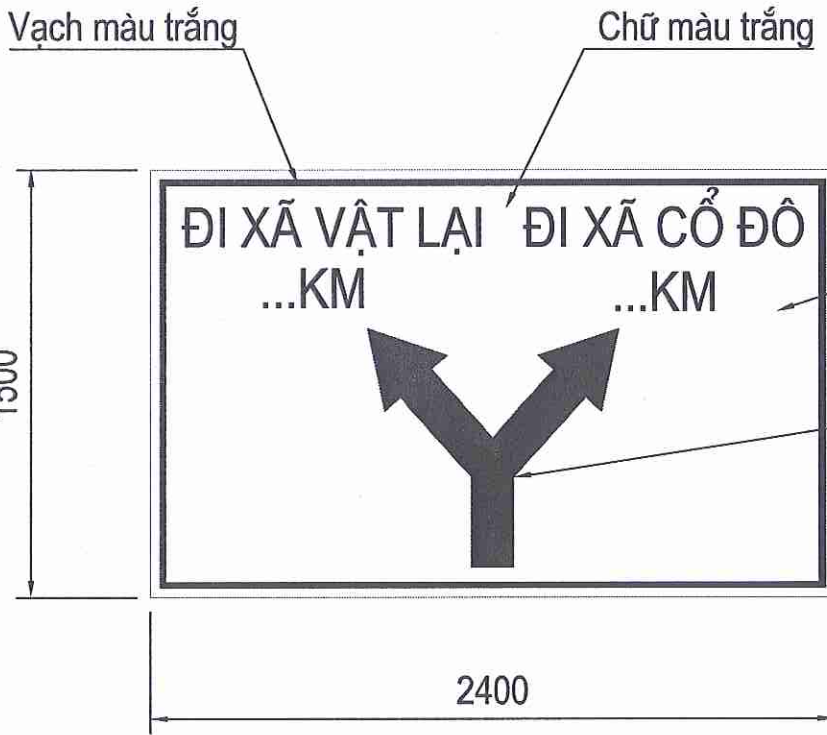
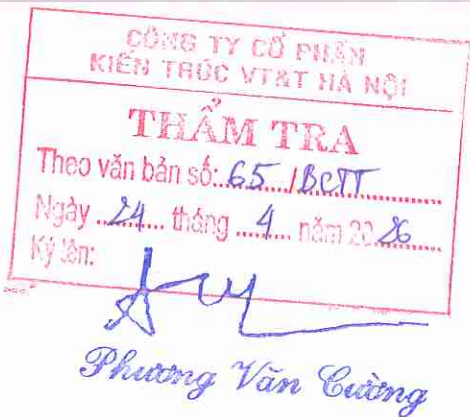
BIỂN W.207C



BIỂN W.245A



BIỂN W.208

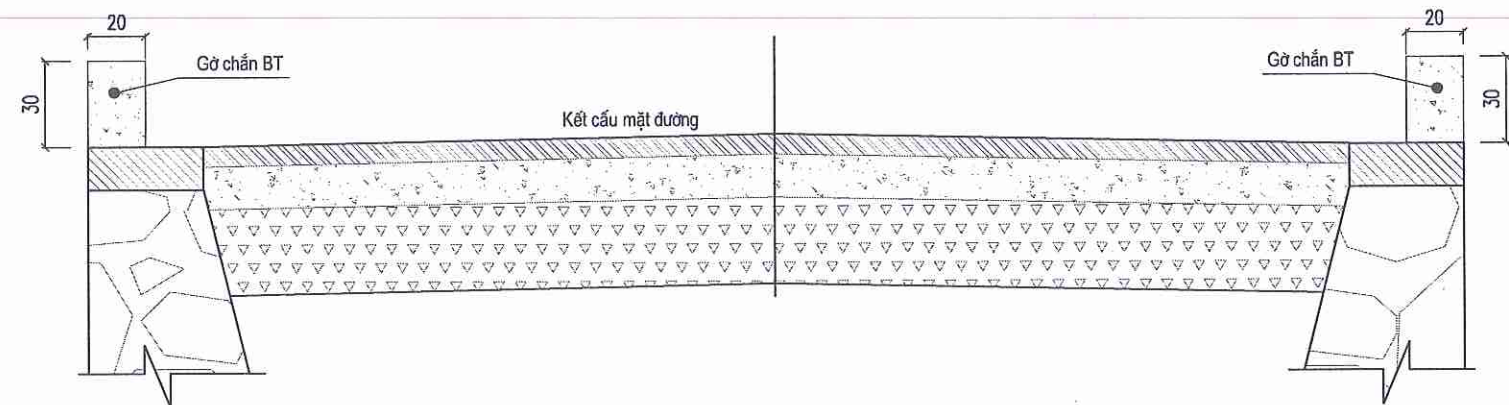


BIỂN I.414A

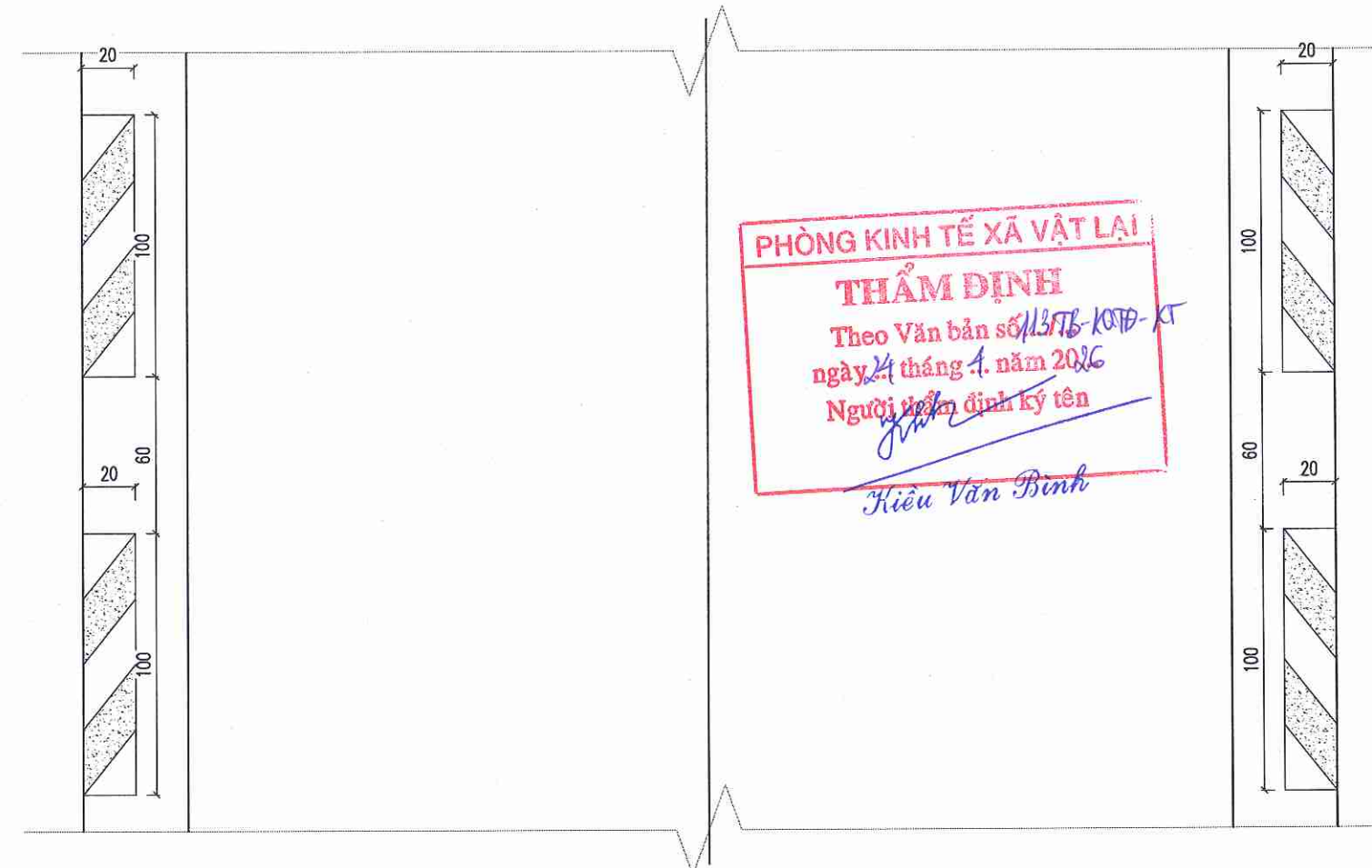
CHỦ ĐẦU TƯ: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG		THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI		TÊN BẢN VẼ: BẢN VẼ CHI TIẾT ĐIỂN HÌNH BIỂN BÁO		<table><tr><td>CHỦ NHIỆM TK</td><td>NGUYỄN ANH TUẤN</td><td></td></tr><tr><td>CHỦ TRÌ TKGT</td><td>BÙI MINH CHIẾN</td><td></td></tr><tr><td>THIẾT KẾ</td><td>NGUYỄN PHI LONG</td><td></td></tr><tr><td>KIỂM TRA</td><td>BÙI MINH CHIẾN</td><td></td></tr></table>			CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN		CHỦ TRÌ TKGT	BÙI MINH CHIẾN		THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG		KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN		CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC M. 0326975498 PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC THÀNH PHỐ HÀ NỘI  NGUYỄN ANH TUẤN		HOÀN THÀNH: /20 BẢN VẼ SỐ: 03/03 KÝ HIỆU: CTCT-BB TỶ LỆ:	
CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN																							
CHỦ TRÌ TKGT	BÙI MINH CHIẾN																							
THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG																							
KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN																							
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC (ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 8 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI) ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498																								

GỜ CHẮN AN TOÀN BTCT

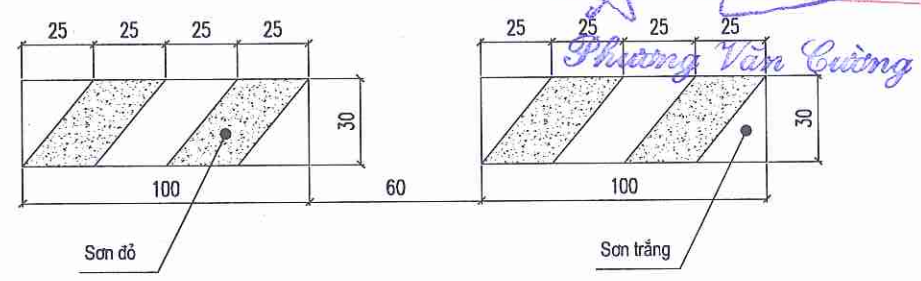
Mặt đứng gờ chắn



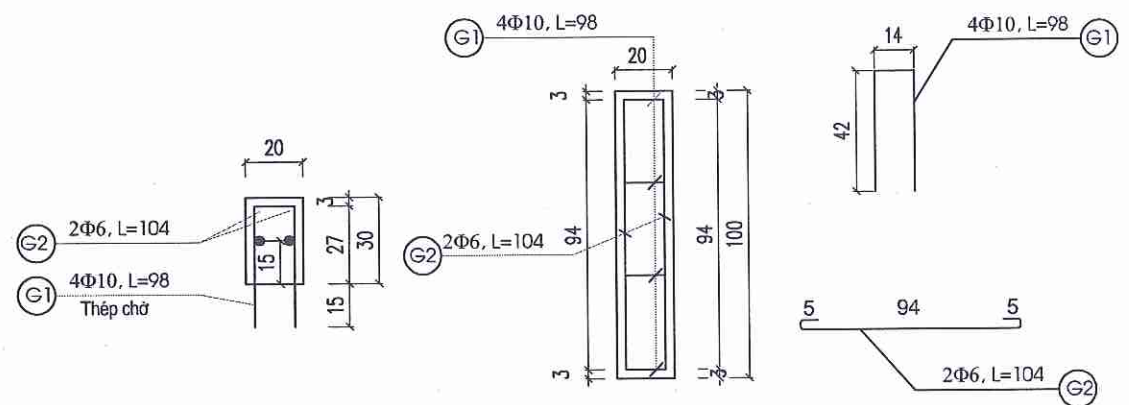
Mặt bằng gờ chắn



Mặt cạnh gờ chắn

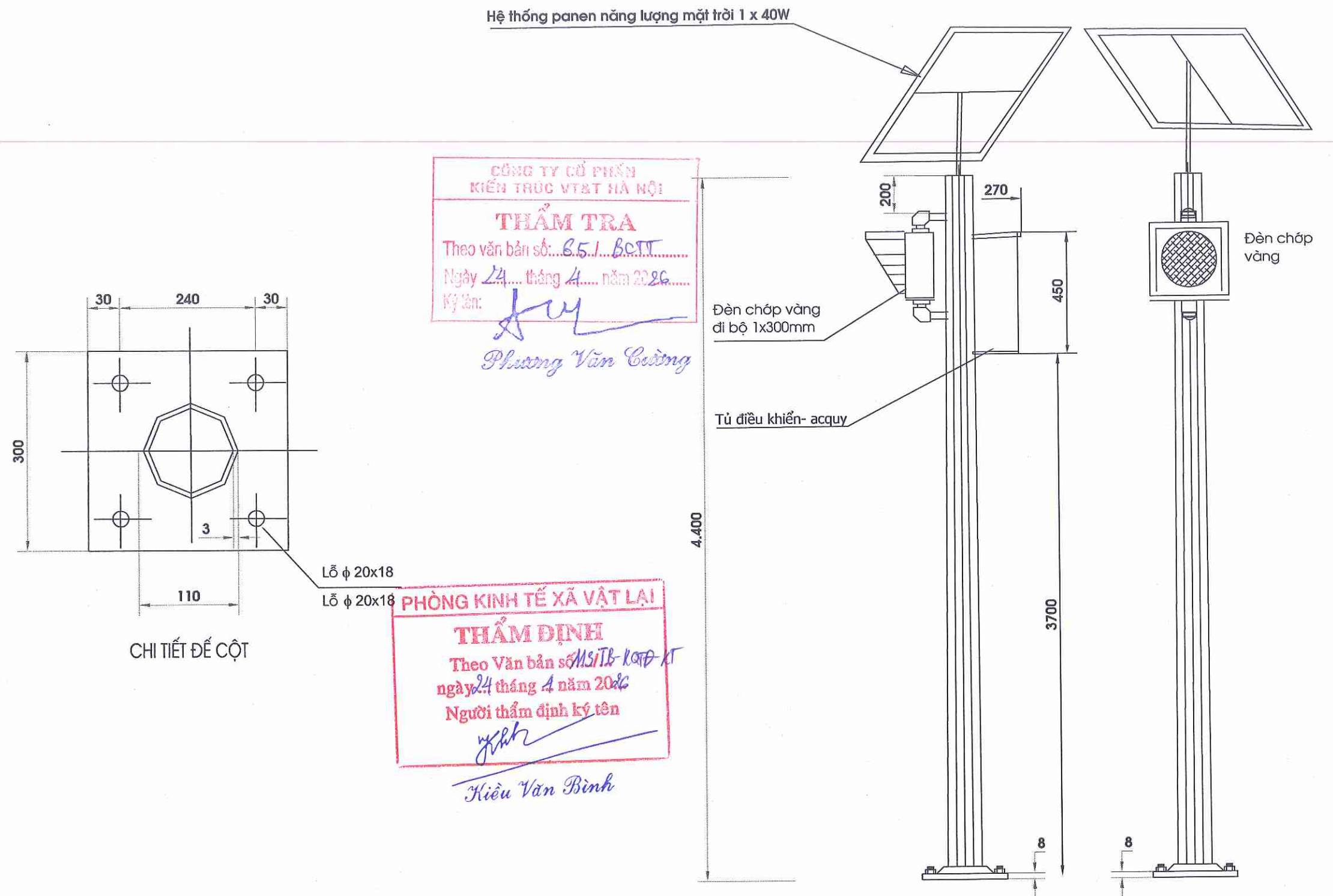


Chi tiết cốt thép gờ chắn



KHỐI LƯỢNG GỜ CHẮN BTCT KT(20X100X30)CM							
Thanh	D	Chiều dài	Số thanh	Tổng CD	Tổng	BT M200 (m3)	Ván khuôn (m2)
	(mm)	(cm)		(m)	(kg)		
G1	10	98	4	3.92	2.42	0.060	0.72
G2	6	104	2	2.08	0.46		
Tổng chi tiết				Thép D10 (CB400-V):		2.88 kg	
				Bê tông M200 đá 1x2		0.060 m3	
				Ván khuôn		0.72 m2	

CHỦ ĐẦU TƯ: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG		THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI	TÊN BẢN VẼ: CẤU TẠO CHI TIẾT GỜ CHẮN AN TOÀN		CHỦ NHIỆM TK NGUYỄN ANH TUẤN	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC CỔ PHẦN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC THÀNH PHỐ HÀ NỘI	HOÀN THÀNH: /20
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: AVIC.JSC CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC (ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI) ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498			CHỦ TRÌ TKGT BÙI MINH CHIẾN	GIÁM ĐỐC NGUYỄN ANH TUẤN	BẢN VẼ SỐ: 01/01		
			THIẾT KẾ NGUYỄN PHI LONG	KỶ HIỆU: GCAT			
			KIỂM TRA BÙI MINH CHIẾN	TỶ LỆ:			



Yêu cầu kỹ thuật :

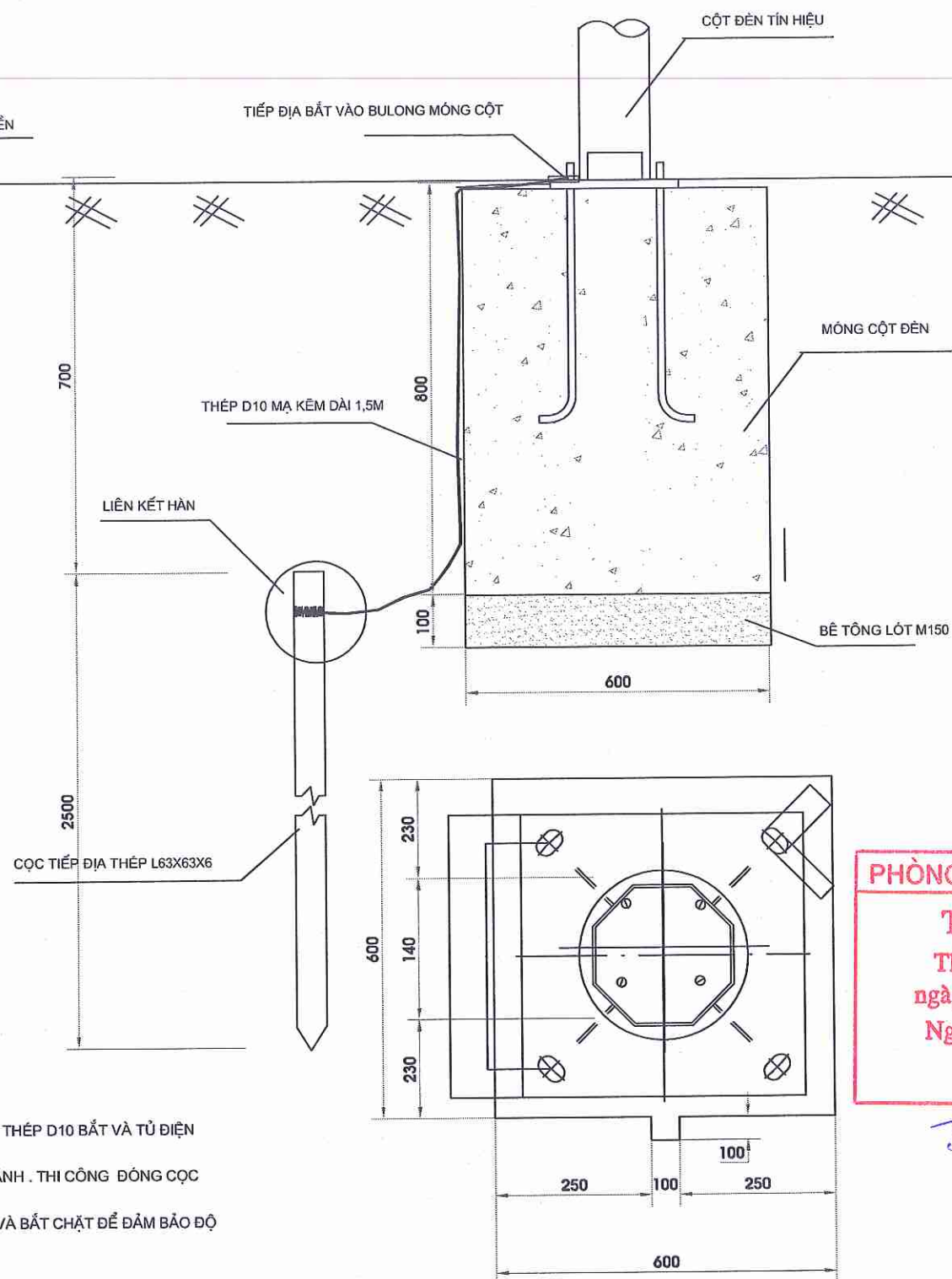
- Thân cột đèn 4.4m chế tạo bằng thép dày 3,0 ly . Toàn bộ cột được mạ kẽm nhúng nóng.
- Kết cấu cột chịu lực, vận hành an toàn trong mọi điều kiện thời tiết trong năm
- Đèn tín hiệu chớp vàng cảnh báo ATGT sử dụng đèn LED 12V: 1x300mm.
- Acquy tích điện sử dụng loại 12V-120Ah; Tấm Pin năng lượng mặt trời 40Wh

CHỦ ĐẦU TƯ: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG		THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI	TÊN BẢN VẼ: CỘT ĐÈN CẢNH BÁO ATGT CỘT ĐÈN 4.4M		CHỦ NHIỆM TK NGUYỄN ANH TUẤN 	CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC M.S GIÁM ĐỐC PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC THÀNH PHỐ HÀ NỘI  NGUYỄN ANH TUẤN	HOÀN THÀNH: /20
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC (ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI) ĐIỆN THOẠI: 032 697 5408			CHỦ TRÌ TKGT BÙI MINH CHIẾN 	BẢN VẼ SỐ: 01/03			
			THIẾT KẾ NGUYỄN PHI LONG 	KÝ HIỆU: CT-COT DEN			
			KIỂM TRA BÙI MINH CHIẾN 	TỶ LỆ:			

BẢNG KÊ KHỐI LƯỢNG				
STT	TÊN VẬT LIỆU	ĐVT	KÍCH THƯỚC	S.LƯỢNG
1	ĐÀO ĐẤT CẤP 3	M3	1.0 X 0.6 X 0.8 X 1.25	0.6
2	BÊ TÔNG LÓT	M3	0.8 X 0.6 X 0.1	0.048
3	ĐỔ BÊ TÔNG M200	M3	0.8 X 0.6 X 0.8	0.384
4	KHUNG MÔNG	BỘ	M16 X 4	1
5	TIẾP ĐỊA AN TOÀN	CỌC	L=1X2500MM	1
6	GỖ CỐP PHA	M2	0.8 X 0.6X4	1.92
7	ĐẤT CHÈN MÔNG CỘT	M3	0.6 -0.384	0.216
8	VẬN CHUYỂN ĐẤT THỪA	M3	0.6 -0.216	0.384

GHI CHÚ :

- MỖI MỘT CỘT ĐÈN VÀ TỦ ĐIỆN ĐƯỢC LẮP MỘT CỌC TIẾP ĐỊA. DÂY TIẾP ĐỊA BẰNG THÉP D10 BẮT VÀ TỦ ĐIỆN ĐƯỢC LẮP MỘT CỌC TIẾP ĐỊA.
- HỆ THỐNG TIẾP ĐỊA VÀ ỐNG LUỒN DÂY CÁP TÍN HIỆU ĐƯỢC CHÔN CÙNG MỘT RĂNG . THI CÔNG ĐÓNG CỌC TIẾP ĐỊA TRƯỚC KHI ĐẶT ỐNG NHỰA ĐỂ LUỒN CÁP TÍN HIỆU.
- CÁC VỊ TRÍ ĐẦU NỐI TIẾP XÚC CỦA DÂY TIẾP VỚI NHAU CẦN PHẢI VỆ SINH SẠCH VÀ BẮT CHẶT ĐỂ ĐẢM BẢO ĐỘ TIẾP XÚC THEO QUY PHẠM TRANG BỊ ĐIỆN.
- TRỊ SỐ ĐIỆN TRỞ YÊU CẦU : $R \leq 10\Omega$



CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI

THẨM TRA

Theo văn bản số: 65.1.BKT

Ngày 24 tháng 4 năm 2026

Ký tên: Phạm Văn Cường

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH

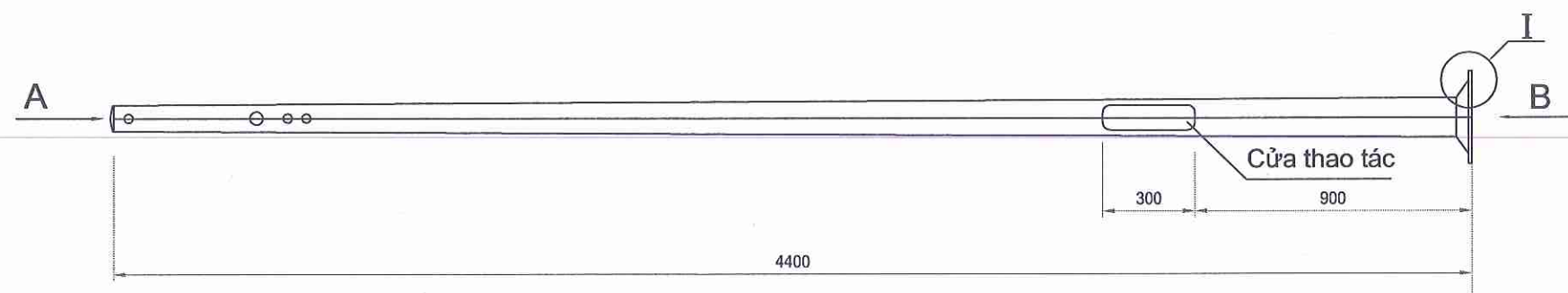
Theo Văn bản số: 13/TB-KT&X

ngày 24 tháng 4 năm 2026

Người thẩm định ký tên: Nguyễn Văn Bình

CHỦ ĐẦU TƯ: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC (ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THO - HÀ NỘI) ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498	THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRỊ LAI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI	TÊN BẢN VẼ: MÔNG CỘT ĐÈN 4.4M	CHỦ NHIỆM TK: NGUYỄN ANH TUẤN	CHỦ TRÌ TKGT: BÙI MINH CHIẾN	THIẾT KẾ: NGUYỄN PHI LONG	KIỂM TRA: BÙI MINH CHIẾN	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC GIÁM ĐỐC: NGUYỄN ANH TUẤN	HOÀN THÀNH: /20
								BẢN VẼ SỐ: 02/03 KÝ HIỆU: CT-COT DEN TỶ LỆ:

CẦU TẠO CỘT ĐÈN CAO 4.4m



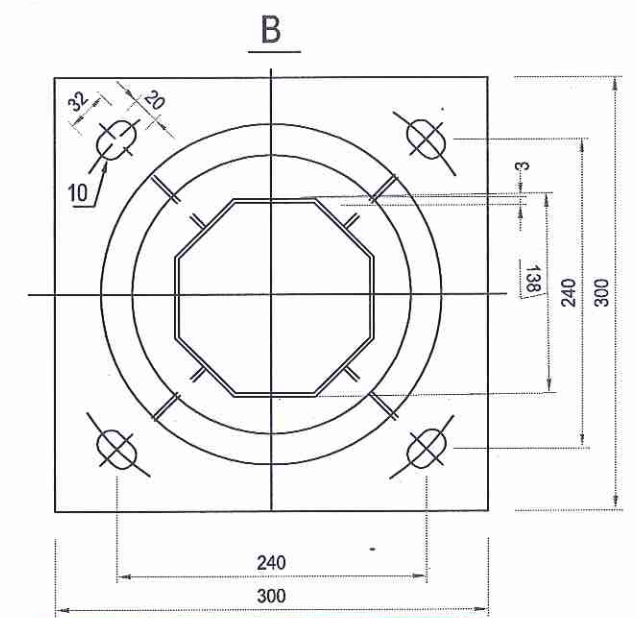
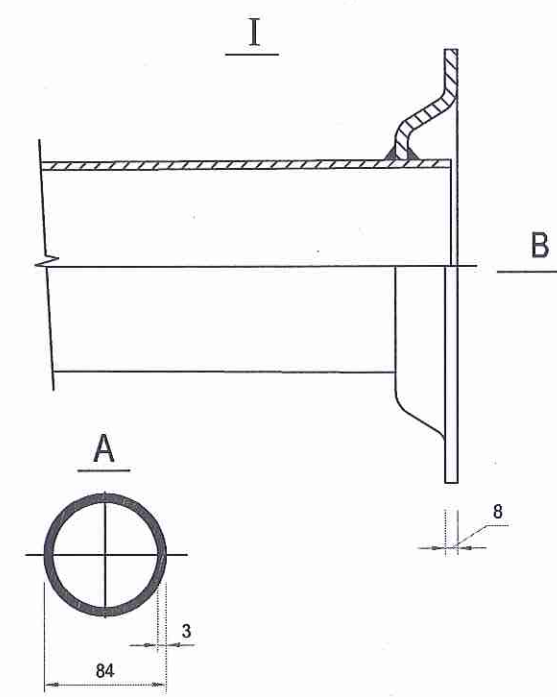
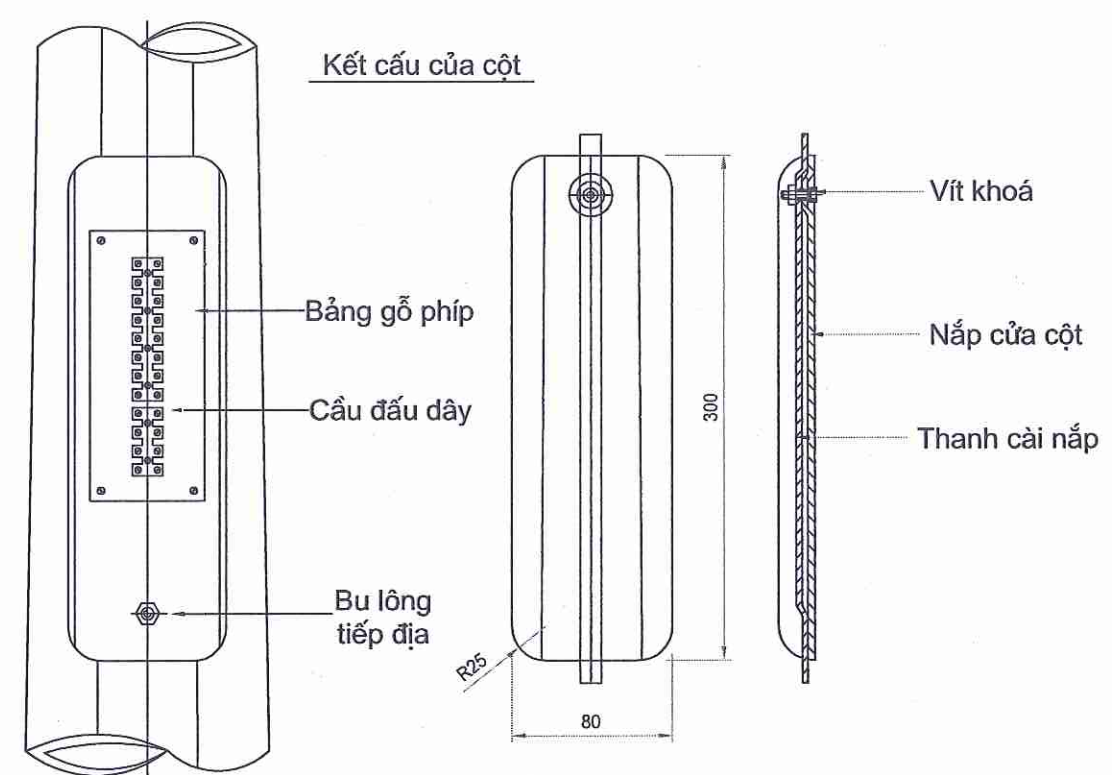
CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI

THẨM TRA

Theo văn bản số: 65/BCIT

Ngày 24 tháng 4 năm 2021

Ký tên: *Phạm Văn Cường*



PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số: 13/TB-KO&KT

ngày 24 tháng 4 năm 2021

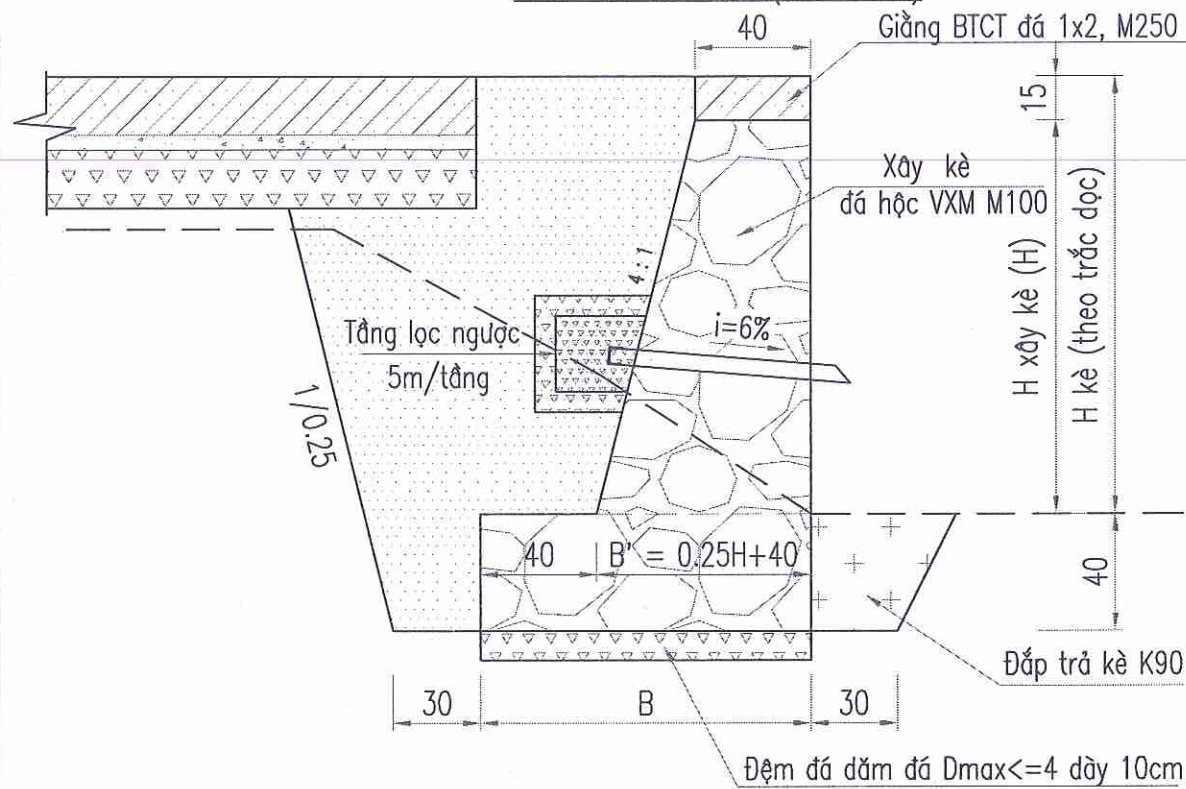
Người thẩm định ký tên: *Nguyễn Văn Bình*

- Các mối hàn phải ngẫu và liên tục, cạnh mối hàn K = 5mm và không nhô cao hơn mặt ngoài thân cột quá 1,5mm
- Các mối hàn nổi được mài phẳng bằng mặt ngoài thân cột sao cho sau khi mài và mạ đứng cách xa 6m không thấy rõ nét
- Độ không thẳng của đường sinh < 2 mm/1m và < 0.2% chiều dài cột / toàn cột
- Độ không vuông góc mặt phẳng đế với thân cột < 2mm/1m và < 0.2% chiều dài cột / toàn cột
- Nắp cửa cột được cắt từ chính thân cột bằng máy cắt Plasma và hàn thêm thanh cái như hình vẽ
- Nắp được mài nhẵn các cạnh bên và nắn sửa đảm bảo khe hở giữa nắp và thân cột < 1,5 mm mỗi bên khi lắp
- Cột mạ nhúng kẽm nóng

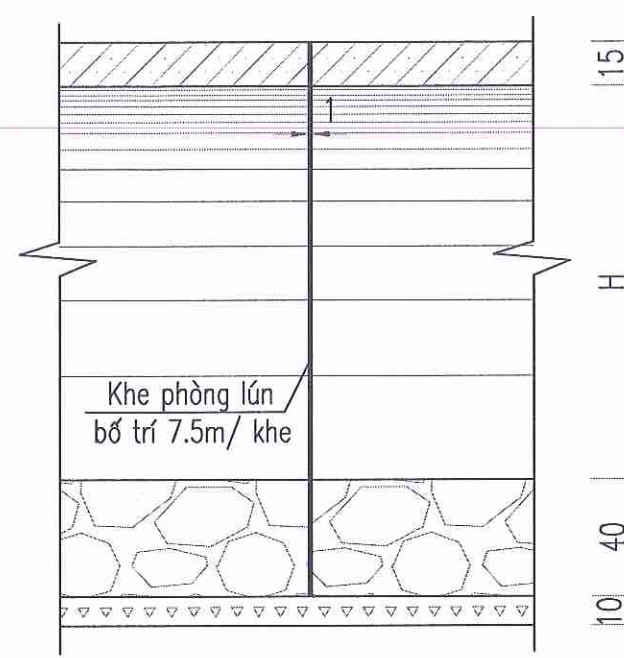
CHỦ ĐẦU TƯ: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG		THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG		TÊN BẢN VẼ: CỘT ĐÈN BG-4.4M		<table><tr><td>CHỦ NHIỆM TK</td><td>NGUYỄN ANH TUẤN</td><td></td></tr><tr><td>CHỦ TRÌ TKGT</td><td>BÙI MINH CHIẾN</td><td></td></tr><tr><td>THIẾT KẾ</td><td>NGUYỄN PHI LONG</td><td></td></tr><tr><td>KIỂM TRA</td><td>BÙI MINH CHIẾN</td><td></td></tr></table>		CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN		CHỦ TRÌ TKGT	BÙI MINH CHIẾN		THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG		KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN		CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC  NGUYỄN ANH TUẤN		HOÀN THÀNH: /20 BẢN VẼ SỐ: 03/03 KÝ HIỆU: CT-COT DEN TỶ LỆ:	
CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN																						
CHỦ TRÌ TKGT	BÙI MINH CHIẾN																						
THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG																						
KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN																						
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:  CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC (ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI) ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498		DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI																					

CẦU TẠO KÈ ĐÁ XÂY <2M

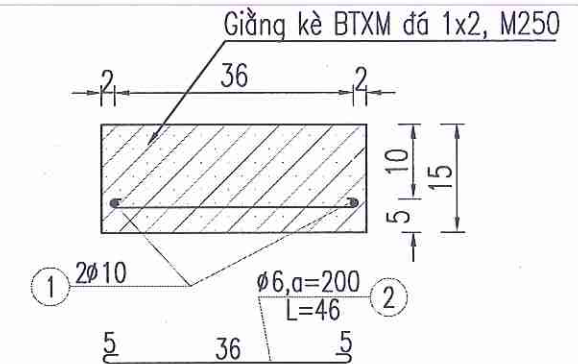
CẮT NGANG KÈ (TL1 : 50)



MẶT ĐÚNG KÈ (TL 1 : 50)



CẮT NGANG GIẰNG KÈ



CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VIỆT HÀ NỘI

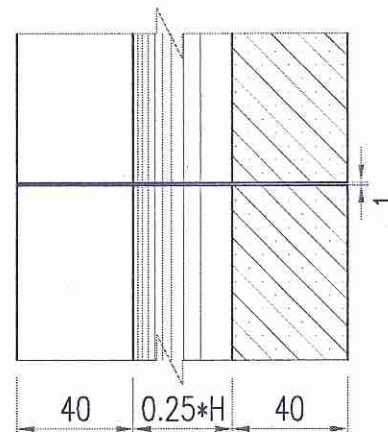
THẨM TRA

Theo văn bản số: 65/BBT

Ngày 24 tháng 4 năm 2026

Ký tên: *Phạm Văn Cường*

MẶT BẰNG KÈ



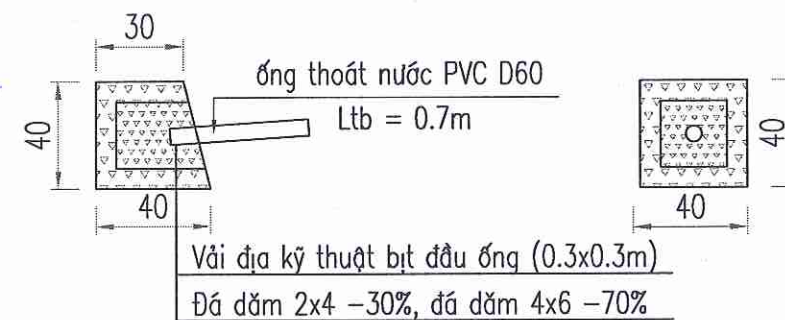
PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số 12/TB-KOTĐ-KT
ngày 24 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên

Hiền Văn Bình

CHI TIẾT TẦNG LỌC NGƯỢC



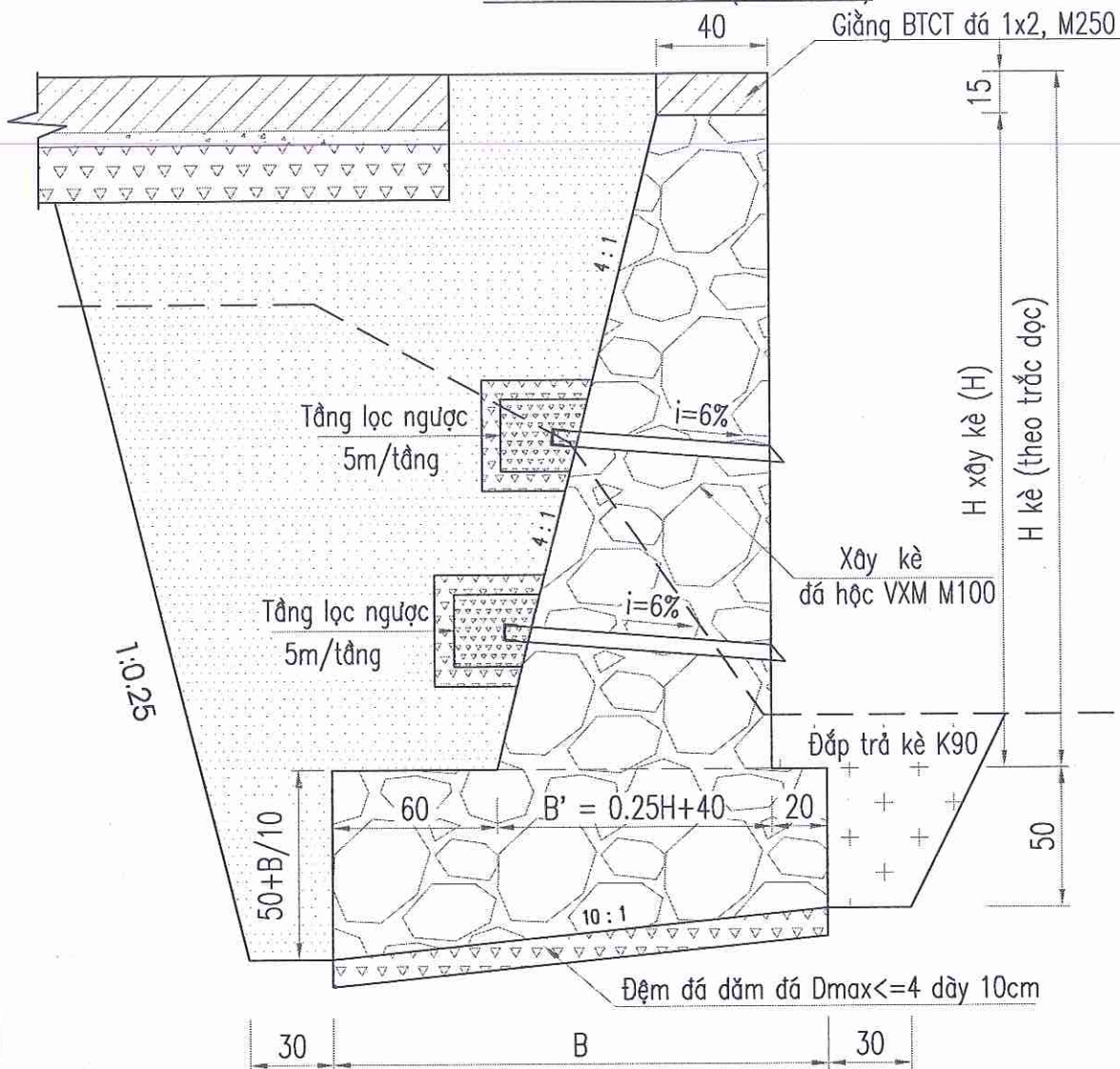
Ghi chú:

- Kích thước trên bản vẽ là cm, khi tính khối lượng đơn vị của H là m.
- Diện tích xây kè đá xây được tính theo công thức:
 - + Xây móng đá hộc: $(0.8+0.25H)*0.4$ (m³)
 - + Xây thân đá hộc: $(0.8+0.25H)*0.5H$ (m³)
 - + Đệm móng đá dăm $D_{max} \leq 4cm$: $(0.8+0.25H)*0.10$ (m³)
- + Bê tông giằng kè: $0.15*0.40*L$ (m³)
- + Cốt thép mũ mố: $2*0.617*L+(L/0.2+1)*0.46*0.222$ (kg)
- + Khe lún lớp giấy dầu tấm nhựa đường: $(S_{xm}+S_{xt})*(L/7.5)$ (m²)

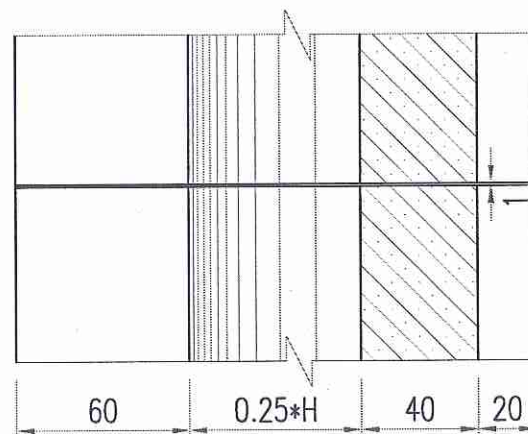
CHỦ ĐẦU TƯ: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC (ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI) ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498	THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI	TÊN BẢN VẼ: CẦU TẠO KÈ ĐÁ HỘC XÂY LOẠI 1	CHỦ NHIỆM TK: NGUYỄN ANH TUẤN CHỦ TRÌ TKGT: BÙI MINH CHIẾN THIẾT KẾ: NGUYỄN PHI LONG KIỂM TRA: BÙI MINH CHIẾN	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC NGUYỄN ANH TUẤN	HOÀN THÀNH: /20 BẢN VẼ SỐ: 01/01 KÝ HIỆU: CT-KE-L1 TỶ LỆ:
--	--	--	---	---	---

CẤU TẠO KÈ ĐÁ XÂY $\geq 2M$

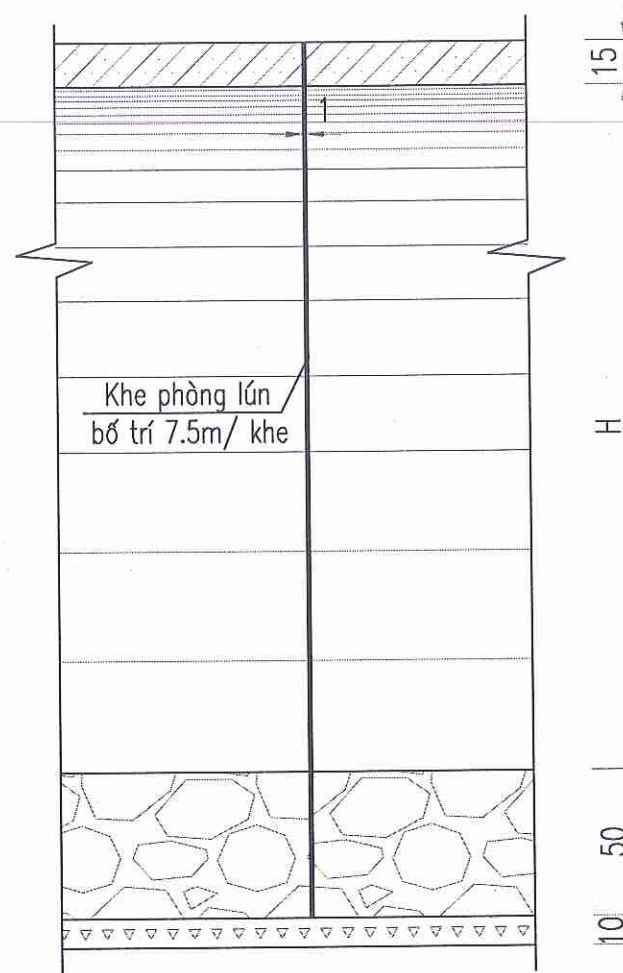
CẮT NGANG KÈ (TL1 : 50)



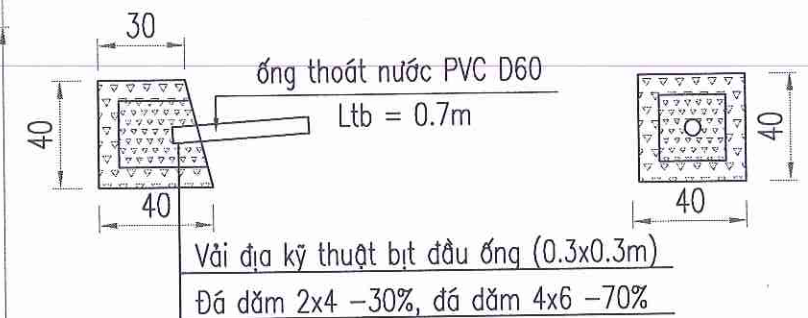
MẶT BẰNG KÈ



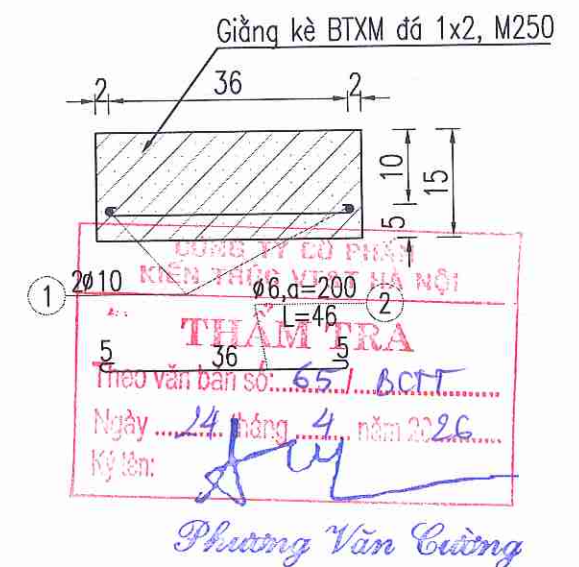
MẶT ĐỪNG KÈ (TL 1 : 50)



CHI TIẾT TẦNG LỌC NGƯỢC



CẮT NGANG GIẾNG KÈ



PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số 113/11B-KSTĐ-KT
ngày 24 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên

Kiều Văn Bình

Ghi chú:

- Kích thước trên bản vẽ là cm, khi tính khối lượng đơn vị của H là m.
- Diện tích xây kè đá xây được tính theo công thức:
 - Xây móng đá hộc: $(1.12 + 0.025H) * (0.6 + 0.125H)$ (m³)
 - Xây thân đá hộc: $(0.8 + 0.25H) * 0.5H$ (m³)
 - Đệm móng đá dăm Dmax ≤ 4cm: $(1.2 + 0.25H) * 0.10$ (m³)
 - Bê tông giếng kè: $0.15 * 0.40 * L$ (m³)
 - Cốt thép mũ mố: $2 * 0.617 * L + (L/0.2 + 1) * 0.46 * 0.222$ (kg)
 - Khe lún lấp giấy dầu tấm nhựa đường: $(Sxm + Sxt) * (L/7.5)$ (m²)

CHỦ ĐẦU TƯ:
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
(ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI)
ĐIỆN THOẠI: 032 697 5198

THIẾT KẾ XÂY DỰNG
TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:
CẤU TẠO KÈ ĐÁ HỘC XÂY
LOẠI 2

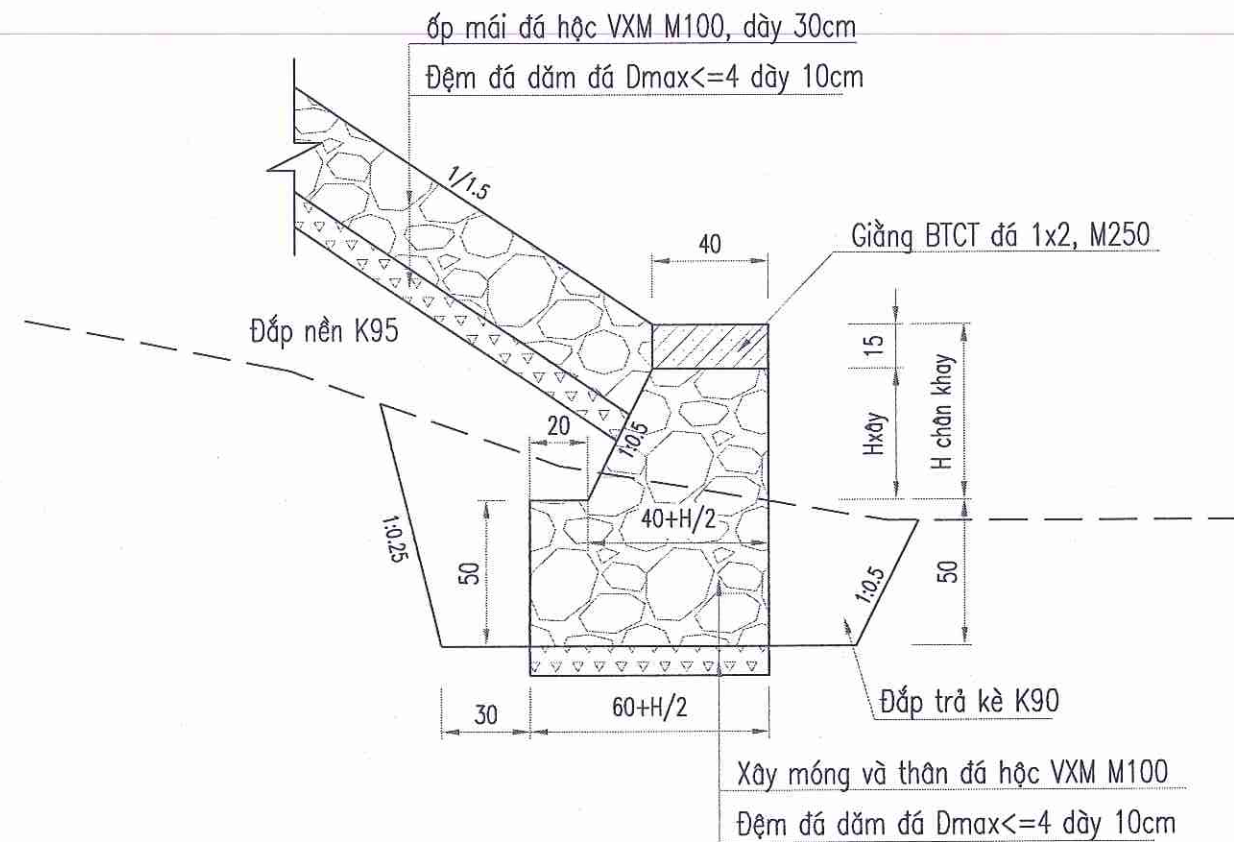
CHỦ NHIỆM TK: NGUYỄN ANH TUẤN
CHỦ TRÌ TKGT: BÙI MINH CHIẾN
THIẾT KẾ: NGUYỄN PHI LONG
KIỂM TRA: BÙI MINH CHIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
CỔ PHẦN GIÁM ĐỐC
PHÁT TRIỂN
HẠ TẦNG ĐÔ THỊ
AVIC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
NGUYỄN ANH TUẤN

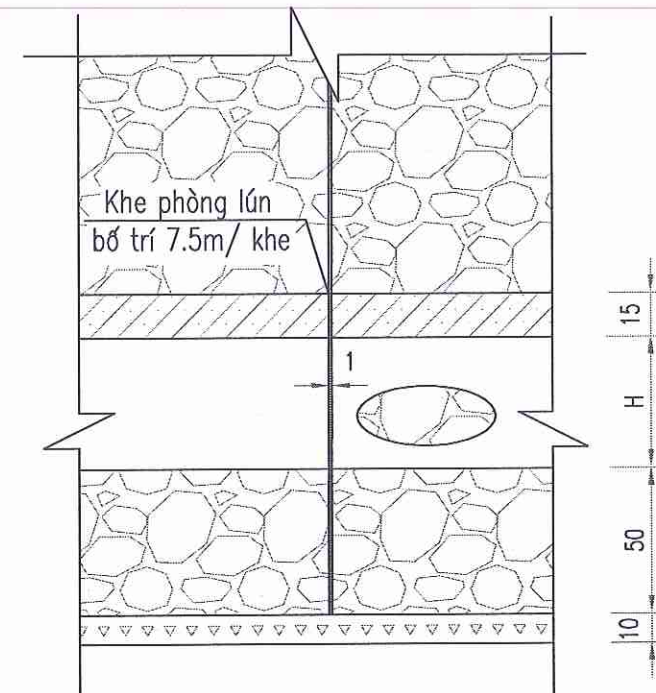
HOÀN THÀNH: /20
BẢN VẼ SỐ: 02/02
KÝ HIỆU: CT-KE-L2
TỶ LỆ:

CẤU TẠO CHÂN KHAY, ỐP MÁI ĐÁ XÂY

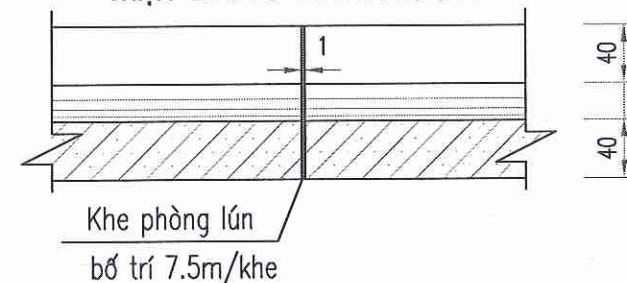
CẮT NGANG CHÂN KHAY (TL1 : 50)



MẶT ĐỨNG CHÂN KHAY (TL 1 : 50)

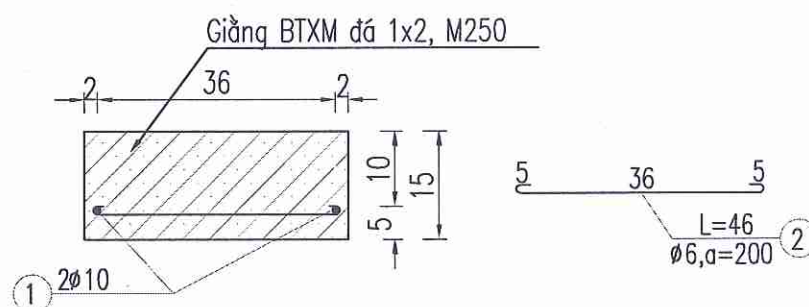


MẶT BẰNG CHÂN KHAY



CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN THỨC VIỆT HÀ NỘI
THẨM TRA
Theo văn bản số: 65.1.BCTT
Ngày 29 tháng 4 năm 2026
Ký tên:
Phường Văn Cường

CẮT NGANG GIẺNG CHÂN KHAY



PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 13.TB-KTĐ-KT
ngày 4 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên:
Kiều Văn Bình

Ghi chú:

- Kích thước trên bản vẽ là cm, khi tính khối lượng đơn vị của H là m.
- Diện tích xây kè đá xây được tính theo công thức:
+ Xây móng đá hộc: $(0.6+0.5H)$ (m³)
+ Xây thân đá hộc: $(0.8+0.25H)*0.5H$ (m³)
+ Đệm móng đá dăm Dmax ≤ 4cm: $(0.6+0.25H)*0.10$ (m³)

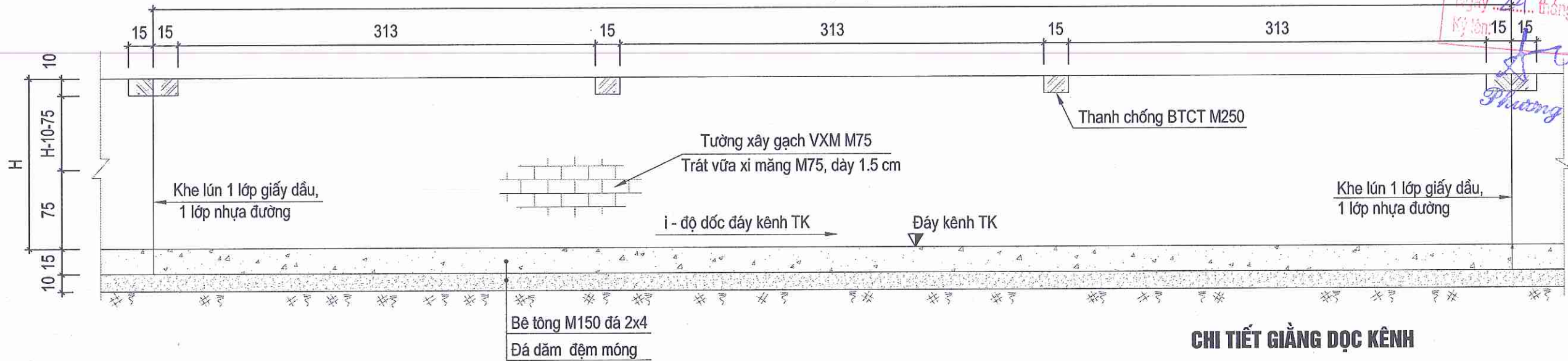
- + Bê tông giằng kè: $0.15*0.40*L$ (m³)
- + Cốt thép mũ mố: $2*0.617*L+(L/0.2+1)*0.46*0.222$ (kg)
- + Khe lún lớp giấy dầu tấm nhựa đường: $(Sxm+Sxt)*(L/7.5)$ (m²)

CHỦ ĐẦU TƯ: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG		THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI	TÊN BẢN VẼ: BẢN VẼ CẤU TẠO CHÂN KHAY, ỐP MÁI XÂY ĐÁ		CHỦ NHIỆM TK NGUYỄN ANH TUẤN 	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC GIÁM ĐỐC  NGUYỄN ANH TUẤN	HOÀN THÀNH: /20
			CHỦ TRÌ TKGT BÙI MINH CHIẾN 	BẢN VẼ SỐ: 01/01			
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:  CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC (ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THO - HÀ NỘI) (ĐIỆN THOẠI: 030 607 6469)			THIẾT KẾ NGUYỄN PHI LONG 	KÝ HIỆU: CT-CK-OM			
			KIỂM TRA BÙI MINH CHIẾN 	TỶ LỆ:			

MẶT CẮT DỌC 01 NHỊP KÊNH B*H=1000*H (LOẠI 1)

TỶ LỆ : 1/50

1000 (10m)



CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VIỆT HÀ NỘI

THẨM TRA

Theo văn bản số: 651/BCTT

Ngày: 24 tháng 4 năm 2026

Ký tên: *Phạm Văn Cường*

GHI CHÚ:

- 1 Tường xây gạch không nung VXM mác 75
- 2 Bê tông giằng dọc mác 250 đá 1x2 dày 10cm
- 3 Bê tông đáy kênh mác 150 đá 2x4 dày 15cm
- 4 Lớp đá dăm đệm móng dày 10cm
- 5 Trát tường kênh VXM M75, dày 1.5cm
- 6 Đắp trả trong kênh
- 7 Đắp trả ngoài kênh

- Kích thước trong bản vẽ là cm; cao trình ghi là m
- Bản vẽ này xem cùng bản vẽ cắt dọc, ngang tuyến
- Bố trí 10m/1 khe lún
- Bố trí 10m/4 thanh giằng ngang

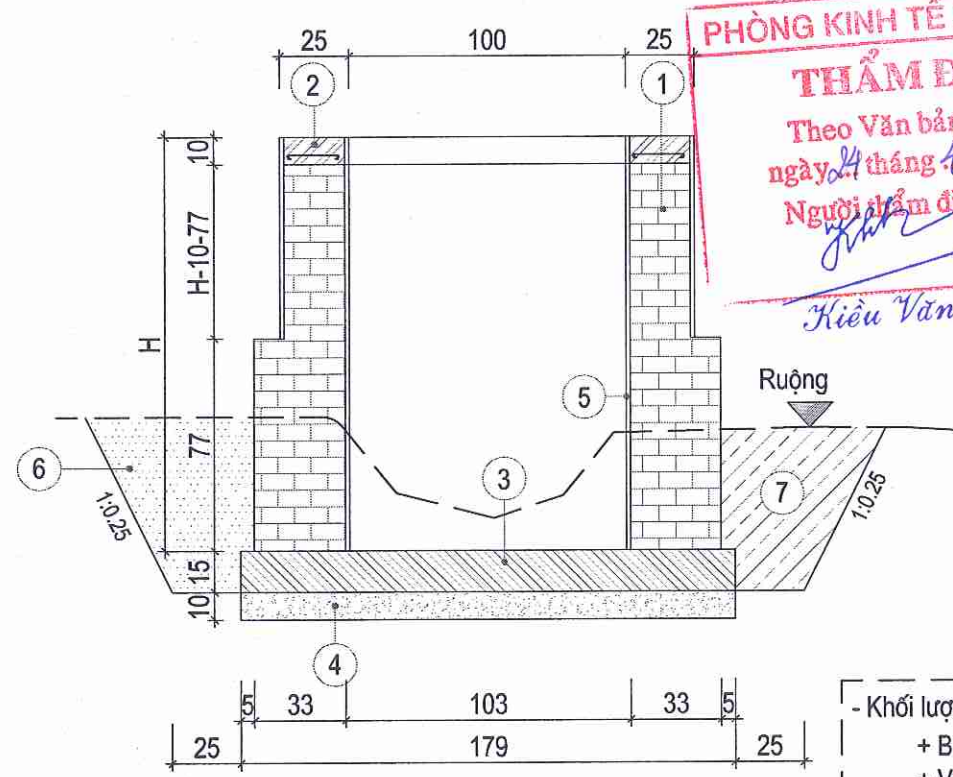
- Khối lượng xây, trát tính cho 1m kênh:

+ Xây kênh : $(H-0.10-0.77) \cdot 0.44 + 0.77 \cdot 0.33 \cdot 2$ (m³)

+ Trát kênh : $(2H-0.77) \cdot 2$ (m²)

MẶT CẮT NGANG KÊNH B*H=1000*H

TỶ LỆ : 1/50



PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

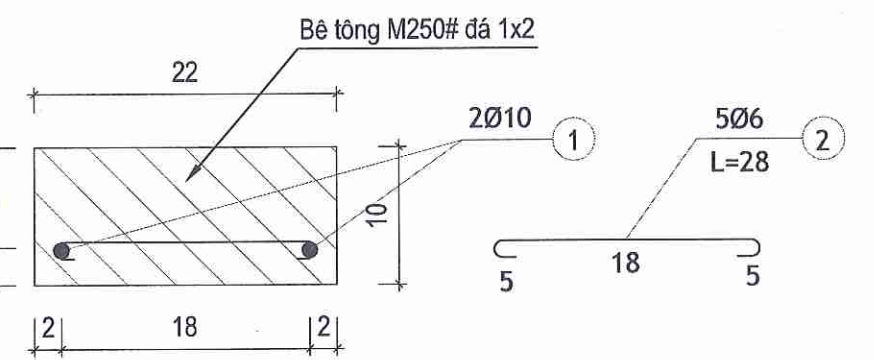
THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số: 651/BCTT

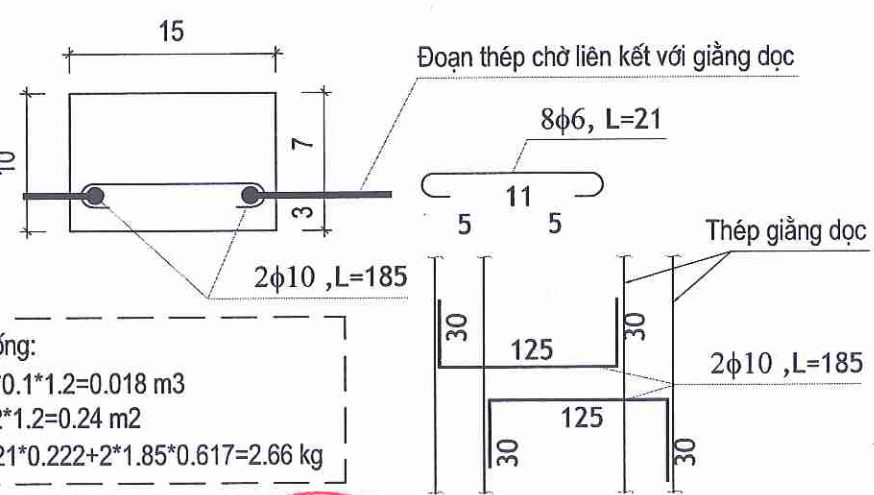
Ngày: 24 tháng 4 năm 2026

Người thẩm định ký tên: *Nguyễn Văn Bình*

CHI TIẾT GIẺNG DỌC KÊNH



CHI TIẾT GIẺNG NGANG KÊNH, KT: 120X15X10



- Khối lượng cho một thanh chống:

+ BT đá 1*2 M250: $0.15 \cdot 0.1 \cdot 1.2 = 0.018$ m³

+ Ván khuôn : $0.1 \cdot 2 \cdot 1.2 = 0.24$ m²

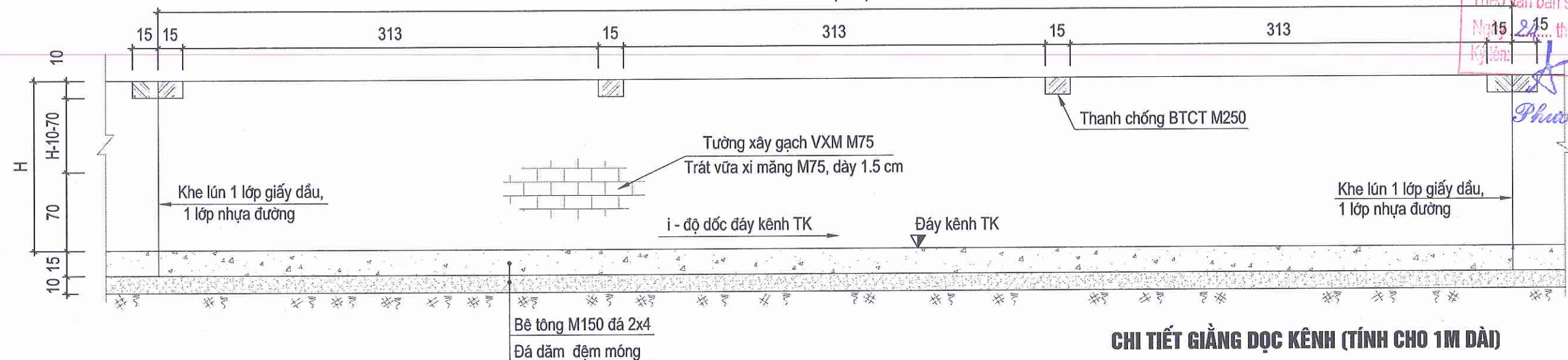
+ Cốt thép D<=10 : $8 \cdot 0.21 \cdot 0.222 + 2 \cdot 1.85 \cdot 0.617 = 2.66$ kg

CHỦ ĐẦU TƯ:	THIẾT KẾ XÂY DỰNG	TÊN BẢN VẼ:	CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC	HOÀN THÀNH:	/20
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI	TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	CHI TIẾT CẤU TẠO	CHỦ TRÌ TKGT	BÙI MINH CHIẾN	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC	BẢN VẼ SỐ:	01/02
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG	HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	KÊNH B*H: 1000*H (LOẠI 1)	THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG	PHÁT TRIỂN	KÝ HIỆU:	CT-B1000
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:	DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRÚC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI	ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI	KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN	THÀNH PHỐ HÀ NỘI	TỶ LỆ:	
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC							
(ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 8 - XÃ PHÚC THO - HÀ NỘI)							
DIỆN THOẠI: 032 697 5498							

MẶT CẮT DỌC 01 NHẬP KÊNH B*H=1500*H

TỶ LỆ : 1/50

1000 (10m)



CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN THỰC VIỆT HÀ NỘI

THẨM TRA

Theo văn bản số: 651/BCIT

Ngày: 15/04/2026

Ký tên: *Phạm Văn Cường*

GHI CHÚ:

- Tường xây gạch không nung VXM mác 75
- Bê tông giằng dọc mác 250 đá 1x2 dày 10cm
- Bê tông đáy kênh mác 150 đá 2x4 dày 15cm
- Lớp đá dăm đệm móng dày 10cm
- Trát tường kênh VXM M75, dày 1.5cm
- Đắp trả trong kênh
- Đắp trả ngoài kênh

- Kích thước trong bản vẽ là cm; cao trình ghi là m
- Bản vẽ này xem cùng bản vẽ cắt dọc, ngang tuyến
- Bố trí 10m/1 khe lún
- Bố trí 10m/4 thanh giằng ngang

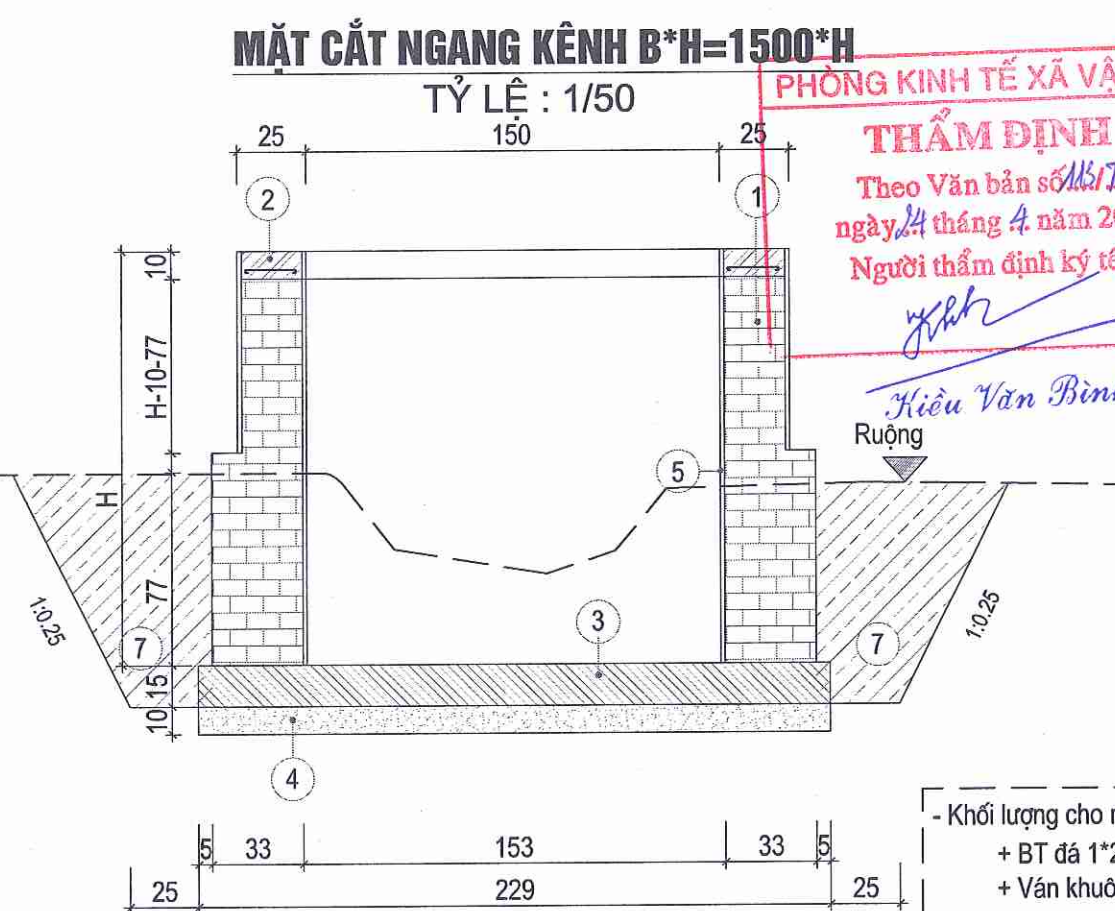
- Khối lượng xây, trát tính cho 1m kênh:

+ Xây kênh : $(H-0.10-0.77) \cdot 0.22 \cdot 2 + 0.77 \cdot 0.33 \cdot 2$ (m3)

+ Trát kênh : $(2H-0.77) \cdot 2$ (m2)

MẶT CẮT NGANG KÊNH B*H=1500*H

TỶ LỆ : 1/50



PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

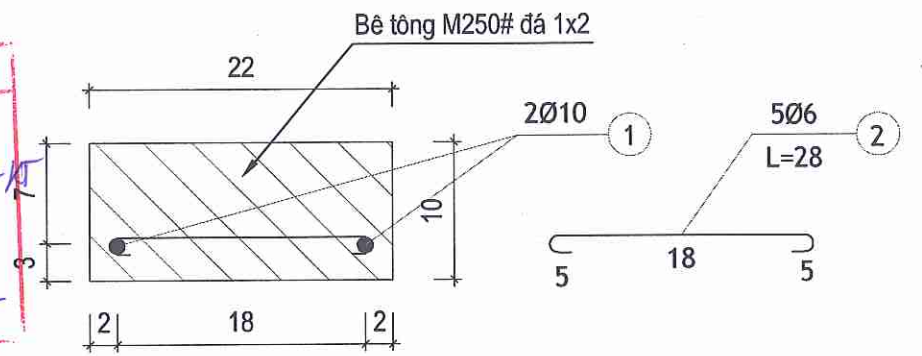
THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số: 1151/TB-KTĐ-KT

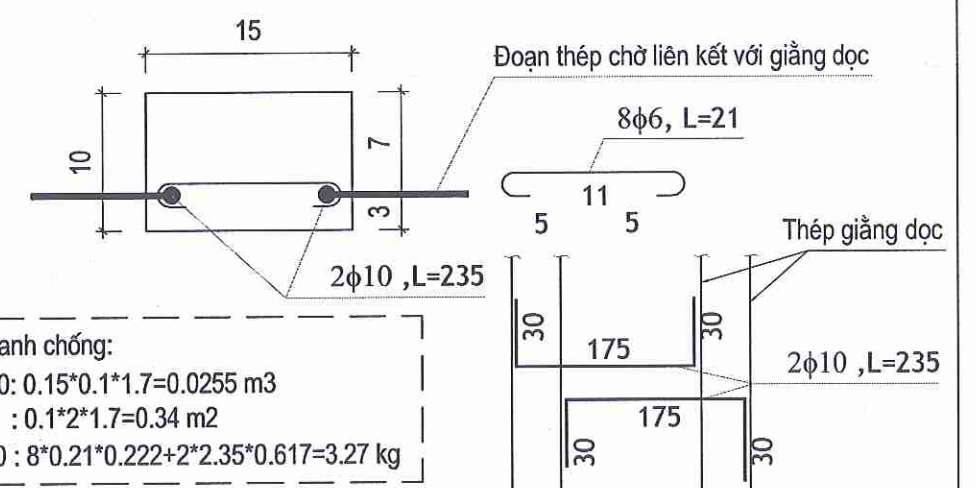
ngày 14 tháng 4 năm 2026

Người thẩm định ký tên: *Nguyễn Văn Bình*

CHI TIẾT GIẺNG DỌC KÊNH (TÍNH CHO 1M DÀI)



CHI TIẾT GIẺNG NGANG KÊNH, KT: 170X15X10



- Khối lượng cho một thanh chống:

+ BT đá 1*2 M250: $0.15 \cdot 0.1 \cdot 1.7 = 0.0255$ m3

+ Ván khuôn : $0.1 \cdot 2 \cdot 1.7 = 0.34$ m2

+ Cốt thép $D \leq 10$: $8 \cdot 0.21 \cdot 0.222 + 2 \cdot 2.35 \cdot 0.617 = 3.27$ kg

CHỦ ĐẦU TƯ: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC (ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI) DIỆN THOẠI: 032 697 5498	THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI	TÊN BẢN VẼ: CHI TIẾT CẤU TẠO KÊNH B*H: 1500*H	CHỦ NHIỆM TK: NGUYỄN ANH TUẤN CHỦ TRÌ TKGT: BÙI MINH CHIẾN THIẾT KẾ: NGUYỄN PHI LONG KIỂM TRA: BÙI MINH CHIẾN	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC CỔ PHẦN GIẢM ĐỐC PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC THÀNH PHỐ HÀ NỘI NGUYỄN ANH TUẤN	HOÀN THÀNH: /20 BẢN VẼ SỐ: 01/01 KÝ HIỆU: CT-B1500 TỶ LỆ:
--	--	--	---	--	---

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG

DỰ ÁN : ĐƯỜNG TRỤC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI

ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng			Ghi chú
			Tuyến 1	Nhánh 1 tuyến 1	Tổng	
A	HẠNG MỤC NỀN MẶT ĐƯỜNG					
I	Nền đường					
1	Chiều dài tuyến	m	672.79	120.96	793.75	
2	Diện tích mặt đường	m ²	4,639.36	248.50	4887.86	
3	Đào đất không thích hợp	m ³	10,111.19	337.87	10449.05	
4	Đánh cấp	m ³	-	74.00	74.00	
5	Đào phá kết cấu cũ	m ³	39.43	-	39.43	
6	Cắt mặt đường	m	-	-	0.00	
7	Đắp đất nền đường	m ³	10,347.80	858.80	11206.60	
8	Đắp taluy	m ³	7,679.52	-	7679.52	
9	Đắp đất hè đường	m ³	10,598.56	-	10598.56	
10	Đào khuôn đường	m ³	182.10	54.20	236.30	
13	Vải địa kỹ thuật phân cách	m ²	7,354.95	-	7354.95	
11	Vải địa kỹ thuật gia cường	m ²	7,297.19	-	7297.19	
II	Mặt đường					
1	Kết cấu 1: Mặt đường BTN làm mới (KC1)	m ²	4,639.36	248.50	4887.86	
a	Diện tích mặt đường BTN chặt C12.5 dày 7cm	m ²	4,639.36	248.50	4887.86	
b	Tưới nhựa thấm bảm tiêu chuẩn 1.0kg/m ² (Nhựa MC30)	m ²	4,639.36	248.50	4887.86	
c	Cấp phối đá dăm loại I dày 15cm	m ³	703.73	37.28	741.00	
d	Cấp phối đá dăm loại II dày 30cm	m ³	1,503.88	74.55	1578.43	
2	Kết cấu 2: Mặt đường BTN tăng cường loại I (KC2)	m ²	-	-	0.00	
a	Diện tích mặt đường BTN chặt C12.5 dày 7cm	m ²	-	-	0.00	
b	Tưới nhựa thấm bảm tiêu chuẩn 1.0kg/m ² (Nhựa MC30)	m ²	-	-	0.00	
c	Cấp phối đá dăm loại I bù vênh	m ³	-	-	0.00	
III	Hè đường					
III.1	Lát gạch bê tông vữa đá					
1	Diện tích lát gạch BTXM giả đá (KT: 40x40x4.5cm)	m ²	3,358.69	-	3358.69	
2	Lớp vữa xi măng M100 dày 2cm	m ²	2,865.07	-	2865.07	
3	Lớp BTXM đá 2x4 M150 dày 8cm	m ³	268.70	-	268.70	
4	Lớp nilon lót móng	m ²	3,358.69	-	3358.69	
III.2	Bố vữa hè					
1	Chiều dài bố vữa	m	1,358.16	-	1358.16	
a	Chiều dài bố vữa trên đường thẳng (KT: 26x23x100cm)	m	1,237.77	-	1237.77	
b	Chiều dài bố vữa trên đường cong (KT: 26x23x25cm)	m	120.39	-	120.39	
2	Bê tông bố vữa vát 26x23cm M300 đá 1x2	m ³	67.91	-	67.91	
3	Ván khuôn bố vữa	m ²	1,222.34	-	1222.34	
4	Lắp đặt bố vữa	viên	1,358.00	-	1358.00	
a	Lắp đặt bố vữa trên đường thẳng (KT: 26x23x100cm)	viên	1,238.00	-	1238.00	
b	Lắp đặt bố vữa trên đường cong (KT: 26x23x25cm)	viên	482.00	-	482.00	
5	Lớp vữa xi măng đệm M100 dày 2cm	m ²	353.12	-	353.12	
6	Bê tông lót móng bố vữa đá 2x4 M150	m ³	42.10	-	42.10	
7	Ván khuôn bê tông lót móng bố vữa	m ²	135.82	-	135.82	
III.3	Đan rãnh					
1	Chiều dài đan rãnh (KT: 50x30x6cm)	m	1,352.51	-	1352.51	
2	Lắp đặt tấm đan rãnh (KT: 50x30x6cm)	tấm	2,705.00	-	2705.00	
3	BTXM tấm đan rãnh M300, đá 1x2	m ³	24.35	-	24.35	
4	Ván khuôn tấm đan rãnh	m ²	259.68	-	259.68	
5	Lớp vữa xi măng đệm M100 dày 2cm	m ²	405.75	-	405.75	

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VẬT LẠI HÀ NỘI

THẨM TRA

Theo văn bản số: 65.1/BCTT

Ngày 24 tháng 4 năm 2026

Ký tên:

Phạm Văn Cường

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số 43/TB-KOTD-KT

ngày 24 tháng 4 năm 2026

Người thẩm định ký tên

Nguyễn Văn Bình



STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng			Ghi chú
			Tuyến 1	Nhánh 1 tuyến 1	Tổng	
6	Bê tông lót móng đan rãnh đá 2x4 M150	m3	56.81	-	56.81	
7	Ván khuôn bê tông lót móng đan rãnh	m2	189.35	-	189.35	
III.4	Bó gáy hè					
1	Chiều dài bó gáy hè	m	1,277.28	-	1277.28	
2	Móng BTXM đá 2x4 M150 dày 10cm	m3	34.49	-	34.49	
3	Ván khuôn móng	m2	255.46	-	255.46	
4	Xây gạch không nung VXM M75	m3	59.01	-	59.01	
5	Trát bó gáy VXM M75	m2	498.14	-	498.14	
III.5	Bồn cây					
1	Số lượng bồn cây	m	122.00	-	122.00	
2	Móng BTXM M150 đá 2x4	m3	10.98	-	10.98	
3	Ván khuôn móng	m2	107.36	-	107.36	
4	Bê tông bó bồn BTXM M300 đá 1x2	m3	8.54	-	8.54	
5	Ván khuôn bó vỉa bồn cây	m2	161.04	-	161.04	
6	Số lượng cây trồng mới	cây	122.00	-	122.00	
7	Gạch 8 lỗ 390x260x80mm					
a	Diện tích đặt gạch 8 lỗ 390x260x80mm	m2	122.00	-	122.00	
b	Số lượng gạch 8 lỗ	viên	1,203.00	-	1203.00	
8	Số lượng cọc chống cây bằng thép H=1,5m	bộ	122.00	-	122.00	
B	HẠNG MỤC KÊNH THOÁT NƯỚC					
I	Kênh:		B1500	B1000		
1	Chiều dài thiết kế kênh	m	39.55	103.36	142.91	
2	Bê tông đáy đá 2x4 M150 dày 15cm	m3	13.59	27.75	41.34	
3	Ván khuôn bê tông đáy	m2	11.87	31.01	42.87	
4	Đệm đá dăm móng	m3	9.06	18.50	27.56	
5	Đào đất hố móng kênh	m3	35.04	191.27	226.31	
7	Xây gạch không nung VXM M75	m3	31.06	72.02	103.08	
8	Bê tông giằng dọc đá 1x2 M250	m3	1.74	4.55	6.29	
9	Ván khuôn giằng dọc	m2	15.82	41.34	57.16	
10	Cốt thép giằng dọc D<=10mm	kg	122.19	319.34	441.53	
11	Trát tường kênh VXM M 75 dày 1.5cm	m2	176.39	408.98	585.38	
12	Làm khe nối bằng giấy dầu tẩm nhựa đường	m2	4.64	11.35	15.99	
13	Đắp trả kênh đất tận dụng	m3	8.07	86.16	94.23	
II	Giằng ngang:					
1	Số lượng thanh chống	cái	16.00	41.00	57.00	
2	BT thanh chống đá 1x2 M250	m3	0.41	0.74	1.15	
3	Ván khuôn thanh chống	m2	5.44	9.84	15.28	
4	Cốt thép thanh chống D<=10mm	kg	52.32	109.06	161.38	
5	Lắp đặt thanh chống	cái	16.00	41.00	57.00	
C	KÈ ĐÁ HỌC XÂY					
I	Kè đá học xây					
1	Chiều dài kè thiết kế	m	55.83	93.73	149.56	
2	Đào móng kè	m3	81.40	474.57	555.97	
3	Đá dăm đệm móng kè dày 10cm	m3	8.74	15.87	24.61	
4	Xây móng kè đá học VXM M100	m3	50.56	92.85	143.42	
5	Xây thân kè đá học VXM M100 (H≤2m)	m3	49.12	98.93	148.04	
6	Xây thân kè đá học VXM M100 (H>2m)	m3	-	23.07	23.07	
7	Trét khe nối bằng lớp giấy dầu tẩm nhựa đường	m2	13.29	30.12	43.41	
8	Ván khuôn mũ mố kè	m2	16.75	28.12	44.87	
9	Bê tông mũ mố kè M250	m3	3.35	5.62	8.97	

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI

THẨM TRA

Theo văn bản số: 651/BCTT

Ngày 24 tháng 4 năm 2026

Ký tên: *Phạm Văn Cường*

Phạm Văn Cường

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số 1131/TB-KOTD-KT

Ngày 24 tháng 4 năm 2026

Người thẩm định ký tên: *Kiều Văn Bình*

Kiều Văn Bình



STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng			Ghi chú
			Tuyến 1	Nhánh 1 tuyến 1	Tổng	
10	Cốt thép mũ mố kè	kg	97.41	163.52	260.93	
11	Tầng lọc ngược đá 2x4 (30%)KL, đá 4x6 (70%)KL	m3	1.25	2.10	3.35	
12	ống nhựa thoát nước PVC D60	m	15.63	26.24	41.88	
13	Vải địa kỹ thuật bịt đầu ống	m2	2.01	3.37	5.38	
14	Đắp trả móng kè đất tận dụng	m3	12.82	7.46	20.28	
B	Gờ chắn					
1	Số lượng gờ chắn an toàn giao thông	SL	21.00	58.00	79.00	
2	Thép D<=10	kg	60.48	167.04	227.52	
3	Bê tông M250, đá 1x2	m3	1.26	3.48	4.74	
4	Ván khuôn gờ chắn	m2	15.12	41.76	56.88	
5	Sơn trắng đỏ	m2	19.32	53.36	72.68	
D	ỐP MÁI TALUY + CHÂN KHAY					
I	ốp mái taluy + chân khay					
1	Chiều dài đỉnh kè ốp mái	m	471.67	-	471.67	
2	Diện tích ốp mái bằng viên BTXM	m2	2,517.36	-	2517.36	
a	Diện tích ốp mái S1 (trên mặt bằng)	m2	901.10	-	901.10	
b	Diện tích ốp mái S2 (trên mặt bằng)	m2	725.64	-	725.64	
c	Diện tích ốp mái S3 (trên mặt bằng)	m2	220.26	-	220.26	
d	Diện tích ốp mái S4 (trên mặt bằng)	m2	250.80	-	250.80	
3	Đá hộc ốp mái taluy	m3	755.21	-	755.21	
4	Đá dăm đệm móng	m3	251.74	-	251.74	
5	Tầng lọc ngược			-	0.00	
a	Số lượng hố lọc ngược (khoảng cách 2m/hố)	hố	1,068.00	-	1068.00	
b	Đệm đá dăm 2x4	m3	7.40	-	7.40	
c	Vải địa kỹ thuật	m2	801.00	-	801.00	
d	ống PVD D60, L=0.7m	m	747.60	-	747.60	
6	Khe phòng lún bằng giấy dầu tẩm nhựa 5.33m/khe	m	240.55	-	240.55	
B	Chân khay					
1	Chiều dài kè thiết kế	m	484.03	-	484.03	
2	Đào móng chân khay	m3	476.78	-	476.78	
3	Đá dăm đệm móng kè dày 10cm	m3	38.72	-	38.72	
4	Xây móng chân khay đá hộc VXM M100	m3	198.45	-	198.45	
5	Xây thân chân khay đá hộc VXM M100 (H≤2m)	m3	111.33	-	111.33	
6	Trét khe nối bằng giấy dầu tẩm nhựa (1 lớp giấy, 1 lớp nhựa)	m2	58.01	-	58.01	
7	Ván khuôn mũ mố	m2	145.21	-	145.21	
8	Bê tông mũ mố M250	m3	29.04	-	29.04	
9	Cốt thép mũ mố	kg	844.45	-	844.45	
10	Đắp trả móng chân khay đất tận dụng	m3	225.87	-	225.87	
E	HẠNG MỤC AN TOÀN GIAO THÔNG					
I	Biển báo					
1	Tổng số lượng biển báo tam giác (Biển cảnh báo nguy hiểm)	biển	8.00	-	8.00	
2	Tổng số lượng biển báo chữ nhật (biển chỉ hướng đường)	biển	1.00	-	1.00	
3	Móng cột BTXM M200 đá 2x4	m3	2.00	-	2.00	
4	Ván khuôn móng	m2	16.00	-	16.00	
5	Thép đai	kg	14.40	-	14.40	
6	Cột biển báo D90	m	37.00	-	37.00	
7	Bu lông	cái	20.00	-	20.00	
8	Đèn nháy vàng NLMT	cái	2.00	-	2.00	

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VIỆT HÀ NỘI

THẨM TRA

Theo văn bản số: 65.1/BCTT

Ngày 24 tháng 4 năm 2026

Ký tên: *Phường Văn Cường*

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số MS/TP-KOTD-KT

ngày 24 tháng 4 năm 2026

Người thẩm định ký tên: *Kiên Văn Bình*



STT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng			Ghi chú
			Tuyến 1	Nhánh 1 tuyến 1	Tổng	
II	Vạch sơn					
1	Chiều dài các loại vạch sơn					
	Vạch 1.1 (tìm đường)	m	850.35	-	850.35	
	Vạch 3.1a (giới hạn mép đường xe chạy)	m	1,276.54	-	1276.54	
	Vạch 3.1b (giới hạn mép đường xe chạy)	m	68.08	-	68.08	
	Vạch 7.2 (gờ giảm tốc - tổng bề rộng các cụm)	m	284.70	-	284.70	
	Vạch 9.3a (mũi tên rẽ trái)	vạch	2.00	-	2.00	
	Vạch 9.3b (mũi tên đi thẳng)	vạch	3.00	-	3.00	
	Vạch 9.3c (mũi tên rẽ phải)	vạch	1.00	-	1.00	
	Vạch 9.3ef (mũi tên đi thẳng và rẽ hai bên)	vạch	-	-	0.00	
	Vạch 9.3g (mũi tên rẽ hai bên)	vạch	2.00	-	2.00	
	Vạch 9.3e (mũi tên đi thẳng và rẽ trái)	vạch	1.00	-	1.00	
	Vạch 9.3f (mũi tên đi thẳng và rẽ phải)	vạch	1.00	-	1.00	
2	Diện tích sơn		376.12	-	376.12	
	Vạch 1.1 (tìm đường)	m2	42.52	-	42.52	
	Vạch 3.1a (giới hạn mép đường xe chạy)	m2	255.31	-	255.31	
	Vạch 3.1b (giới hạn mép đường xe chạy)	m2	6.81	-	6.81	
	Vạch 7.2 (gờ giảm tốc)	m2	56.94	-	56.94	
	Vạch 9.3a (mũi tên rẽ trái)	m2	1.39	-	1.39	
	Vạch 9.3b (mũi tên đi thẳng)	m2	1.62	-	1.62	
	Vạch 9.3c (mũi tên rẽ phải)	m2	0.69	-	0.69	
	Vạch 9.3ef (mũi tên đi thẳng và rẽ hai bên)	m2	-	-	0.00	
	Vạch 9.3g (mũi tên rẽ hai bên)	m2	2.24	-	2.24	
	Vạch 9.3e (mũi tên đi thẳng và rẽ trái)	m2	0.93	-	0.93	
	Vạch 9.3f (mũi tên đi thẳng và rẽ phải)	m2	0.93	-	0.93	
	Vạch 4.1 (Kênh hóa dòng xe)	m2	6.75	-	6.75	
F	ĐIỀU PHỐI ĐẤT					
1	Tổng KL đào đất không thích hợp	m3			10449.05	
	Đào đất không thích hợp	m3			10449.05	
2	Tổng KL đào đất cấp 4	m3			39.43	
	Đào phá kết cấu cũ	m3			39.43	
3	Tổng KL đào đất cấp 3	m3			1732.13	
	Đánh cấp	m3			74.00	
	Đào khuôn đường	m3			236.30	
	Đào đất hố móng kênh	m3			226.31	
	Đào móng kè	m3			555.97	
	Đào móng chân khay	m3			476.78	
	Đào cống thoát nước mưa	m3			162.77	
4	Tổng KL tận dụng đất để đắp	m3			29825.05	
	Đắp đất nền đường	m3			11206.60	
	Đắp taluy	m3			7679.52	
	Đắp đất hè đường	m3			10598.56	
	Đắp trả kênh đất tận dụng	m3			94.23	
	Đắp trả móng kè đất tận dụng	m3			20.28	
	Đắp trả móng chân khay đất tận dụng	m3			225.87	
5	Tổng KL đất không thích hợp đổ đi	m3			10449.05	
6	Tổng KL kết cấu cũ đổ đi	m3			39.43	
7	Tổng KL mua đất K90, K95 để đắp	m3		(4)-(3)	28092.92	

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN THỨC VIỆT NAM HÀ NỘI

THẨM TRA

Theo văn bản số: 65/ BCTT

Ngày: 24 tháng 4 năm 2026

Ký tên: *[Signature]*

Phường Văn Cường

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số: 13/TB-KQĐ-KT

ngày 24 tháng 4 năm 2026

Người thẩm định ký tên

[Signature]

Kiên Văn Bình



THOÁT NƯỚC MƯA

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VIỆT HÀ NỘI

THẨM TRA

Theo văn bản số: 651/BCTT

Ngày 24 tháng 4 năm 2026

Ký tên:

Phường Văn Cường

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số MS/IB-KOTD-KT

ngày 24 tháng 4 năm 2026

Người thẩm định ký tên

Kiên Văn Bình



Phường Văn Cường

Bảng yếu tố công																	
TT	R	A	T	P	D	K	L1	L2	isc	Wt	Wp	W	Tên Cọc	Tọa độ X	Tọa độ Y	H	Ghi chú
1	600.00	171d40'4.6"	43.70	1.59	0.15	87.25	0.00	0.00	it1=2.00%;ip1=2.00%	w1=0.00	w1=0.00	0.00	D1	541046.00	2348948.27		Trái



Kiều Văn Bình

GHI CHÚ:			
	: Mặt đường		: Cống tròn BTCT B400
	: Hè đường		: Cống tròn BTCT D600
	: Vuốt nổi		: Cống tròn BTCT D1000
	: Đố học ốp mái taluy		: Hướng thoát nước
	: Kè đá học		: Cây cối
			: Cột điện
			: Hố ga thăm
			: Hố ga thu

CHỦ ĐẦU TƯ: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG		THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI		TÊN BẢN VẼ: GHI CHÚ CHUNG TUYẾN 1		<table><tr><td>CHỦ NHIỆM TK</td><td>NGUYỄN ANH TUẤN</td><td></td></tr><tr><td>CHỦ TRÌ TKGT</td><td>BÙI MINH CHIẾN</td><td></td></tr><tr><td>THIẾT KẾ</td><td>NGUYỄN PHI LONG</td><td></td></tr><tr><td>KIỂM TRA</td><td>BÙI MINH CHIẾN</td><td></td></tr></table>		CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN		CHỦ TRÌ TKGT	BÙI MINH CHIẾN		THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG		KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN		CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC  NGUYỄN ANH TUẤN		HOÀN THÀNH: /20 BẢN VẼ SỐ: 01/01 KÝ HIỆU: GCC TỶ LỆ:	
CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN																						
CHỦ TRÌ TKGT	BÙI MINH CHIẾN																						
THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG																						
KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN																						

← ĐẦU TUYẾN

CUỐI TUYẾN →

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN THỰC VIỆT HÀ NỘI

THẨM TRA

Theo văn bản số: 65/ĐKT

Ngày 24 tháng 4 năm 2026

Ký tên:

Đường Văn Cường

A=8D19'55.3" R=600.00
T=43.70 D=0.15
K=87.25 P=1.59

Cống tràn BTCT D1000
Km0+137.29

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số 135/TB-KPĐ-KT
ngày 24 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên

Hiền Văn Bình

CHỦ ĐẦU TƯ:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
(ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI)
ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498

THIẾT KẾ XÂY DỰNG
TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ
TUYẾN 1

CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN	
CHỦ TRÌ TKGT	BÙI MINH CHIẾN	
THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG	
KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN	

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC

CHỖ CHỮ CHỮ ĐÓNG

PHÁT TRIỂN

AVIC

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

NGUYỄN ANH TUẤN

HOÀN THÀNH: /20

BẢN VẼ SỐ: 01/05

KÝ HIỆU: BDTK

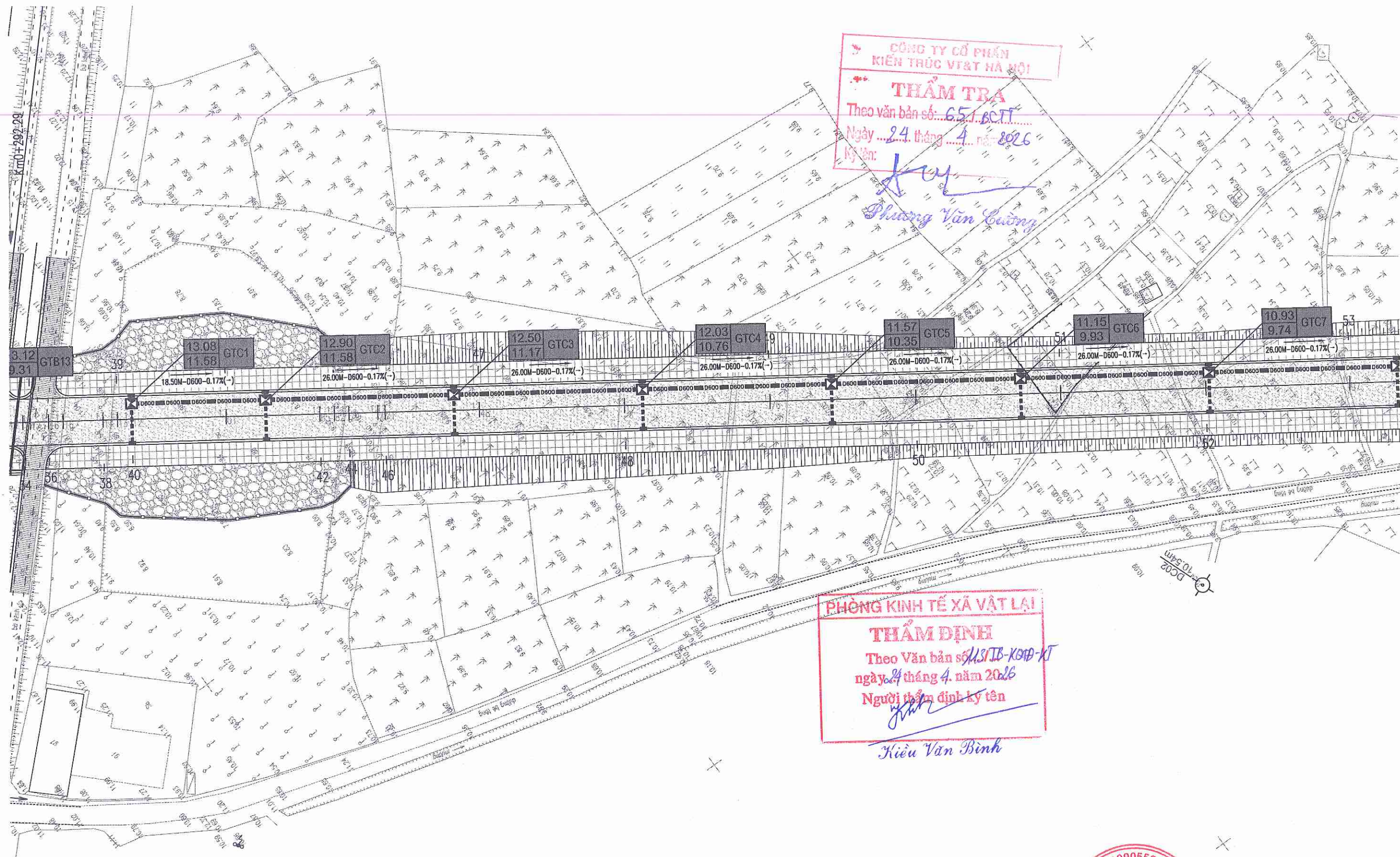
TỶ LỆ: 1/500

112



ĐẦU TUYẾN

CUỐI TUYẾN



CHỦ ĐẦU TƯ: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG		THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI	TÊN BẢN VẼ: BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ TUYẾN 1		CHỦ NHIỆM TK NGUYỄN ANH TUẤN 	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC PHÁT TRIỂN AVIC THÀNH PHỐ HÀ NỘI GIÁM ĐỐC  NGUYỄN ANH TUẤN	HOÀN THÀNH: /20
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:  CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC (ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI) ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498			CHỦ TRÌ TKGT BÙI MINH CHIẾN 	BẢN VẼ SỐ: 03 /05			
			THIẾT KẾ NGUYỄN PHI LONG 	KÝ HIỆU: BDTK			
			KIỂM TRA BÙI MINH CHIẾN 	TỶ LỆ: 1/500			

← ĐẦU TUYẾN

CUỐI TUYẾN →

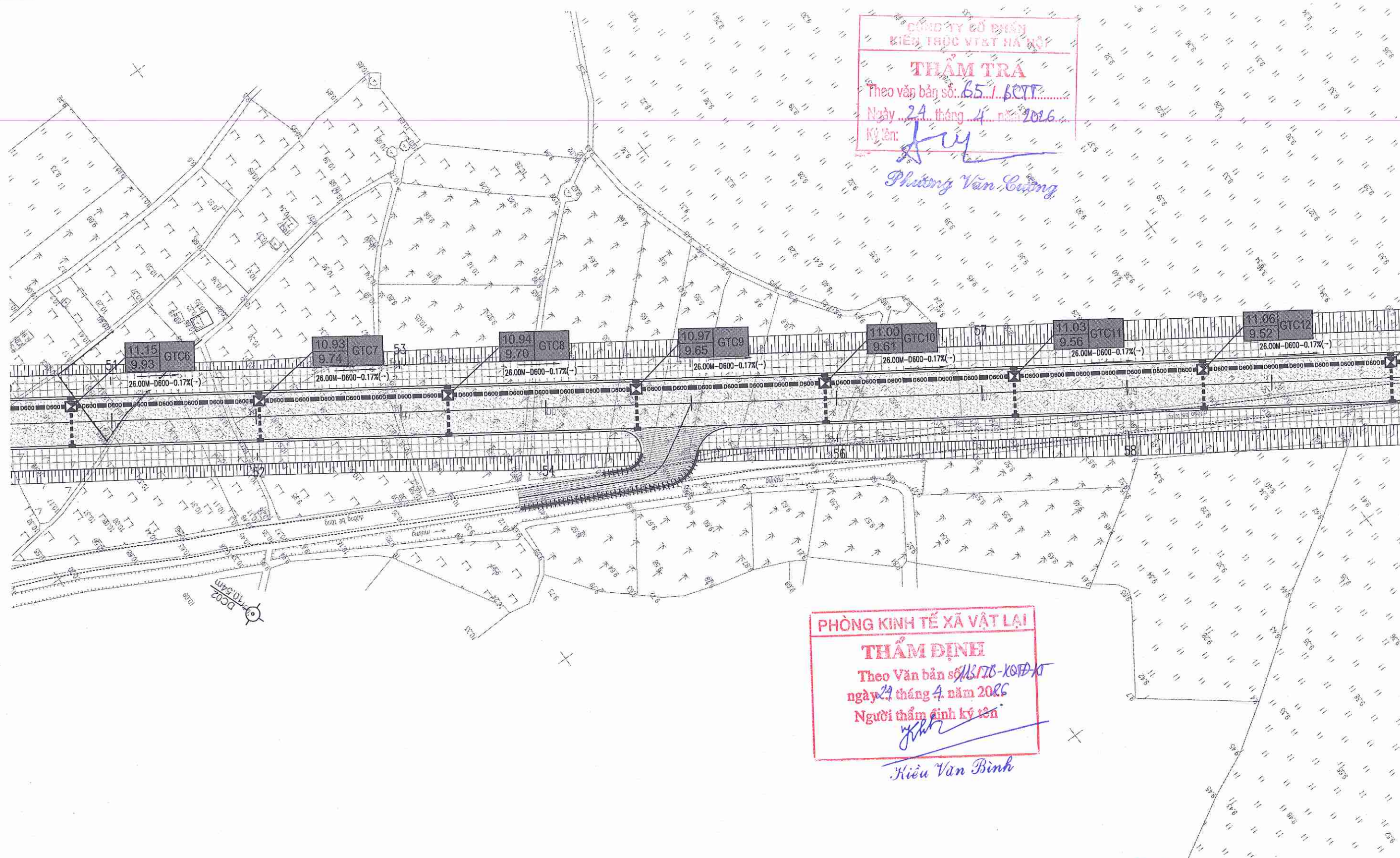
CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VIỆT HÀ NỘI

THẨM TRA

Theo văn bản số: 651/BCYT

Ngày 24 tháng 4 năm 2026

Ký tên: Phùng Văn Cường



PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số 183/78-KPĐ-KT

ngày 24 tháng 4 năm 2026

Người thẩm định ký tên: Kiều Văn Bình

CHỦ ĐẦU TƯ:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
(ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI)
ĐIỆN THOẠI: 032 097 5498

THIẾT KẾ XÂY DỰNG
TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:

BÌNH ĐỒ THIẾT KẾ
TUYẾN 1

CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN
CHỦ TRÌ TKGT	BÙI MINH CHIẾN
THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG
KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC

GIÁM ĐỐC: Nguyễn Anh Tuấn

PHÁT TRIỂN: Nguyễn Anh Tuấn

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HOÀN THÀNH: /20

BẢN VẼ SỐ: 04/05

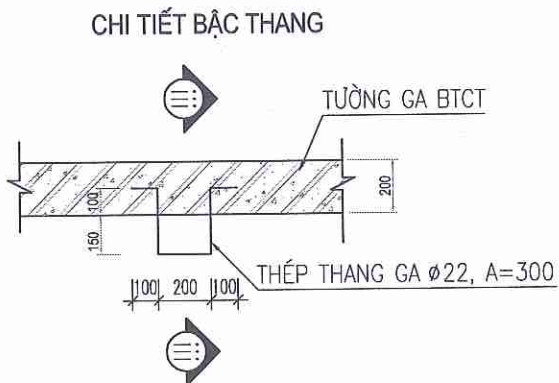
KÝ HIỆU: BDTK

TỶ LỆ: 1/500

115

- THUYẾT MINH:
- GA ĐƯỢC THIẾT KẾ TUÂN THỦ THEO TCVN:11823:2017-CHỊU TẢI TRỌNG HL93.
- VẬT LIỆU:
- + MÓNG ĐỆM LỚP BTXM M100# ĐÁ 2X4 Ở TRÊN, NỀN DƯỚI MÓNG PHẢI ĐẢM BẢO CƯỜNG ĐỘ >1KG/CM2.
- + THÂN VÀ ĐÁY GA BẰNG BTCT M250# ĐÁ 1X2 ĐƯỢC ĐÚC TẠI BÃI ĐÚC VÀ CẦU VÀO VỊ TRÍ THI CÔNG.
- + TẤM ĐÀN BẰNG BTCT M250# ĐÁ 1X2 ĐƯỢC ĐÚC TẠI BÃI ĐÚC VÀ CẦU VÀO VỊ TRÍ THI CÔNG.
- + CỔ GA VÀ BÊ TÔNG CHÈN KHUNG BẰNG BTXM M250# ĐÁ 1X2 ĐỔ TẠI CHỖ.
- + CỐT THÉP DÙNG THÉP D>10MM MẮC CB300-V, D<=10MM MẮC CB240-T THEO TCVN1651-2018.
- + THANG GA D22 BỐ TRÍ KHOẢNG CÁCH 30CM
- KHUNG VÀ NẮP GA BẰNG VẬT LIỆU GANG CHỊU TẢI TRỌNG P=400KN (DƯỚI ĐƯỜNG) VÀ TẢI TRỌNG P=125KN (TRÊN HỀ).
- KHUNG VÀ SONG CHẮN RÁC BẰNG GANG, CHỊU TẢI TRỌNG P=250KN.
- KÍCH THƯỚC GHI TRONG BẢN VẼ CÓ ĐƠN VỊ LÀ MM.

CẤU TẠO THANG GA



CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI

THẨM TRA

MẶT CẮT III-III

Theo Văn bản số: 651/BCIT

ngày 24 tháng 4 năm 2026

Phạm Văn Cường

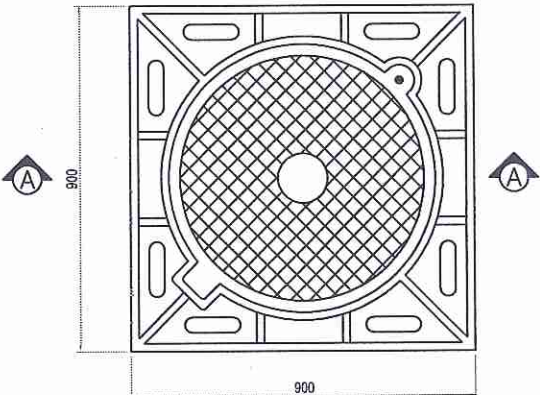
HÌNH DẠNG THÉP THANG

250

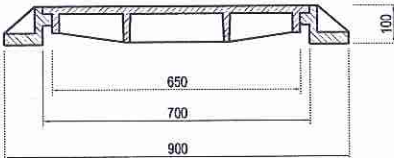
100 200 100

200

CHI TIẾT NẮP BẰNG GANG



MẶT CẮT A-A



PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH

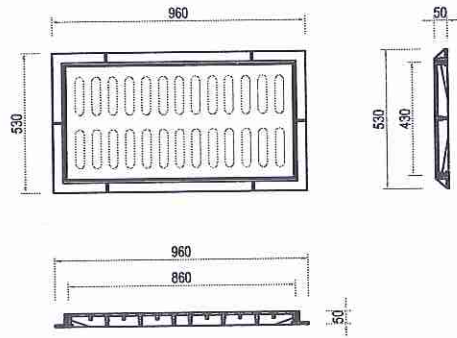
Theo Văn bản số 141/TB-KP&KT

ngày 24 tháng 4 năm 2026

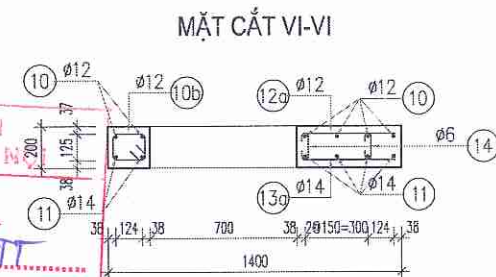
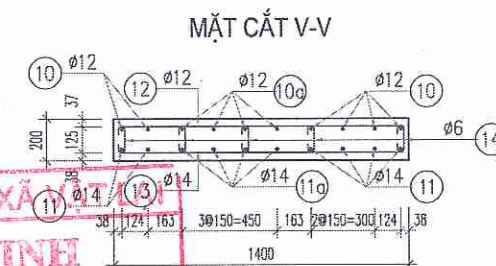
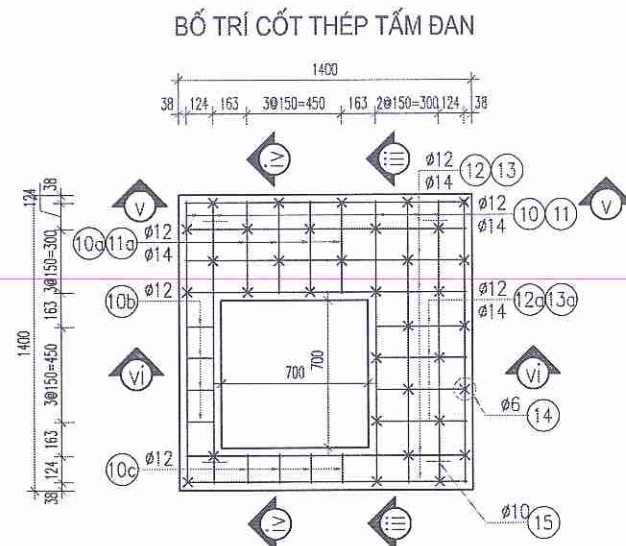
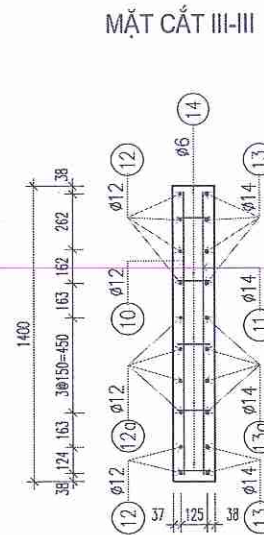
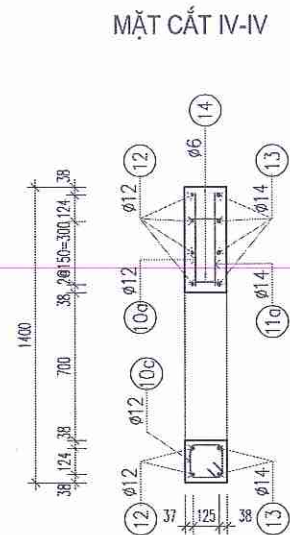
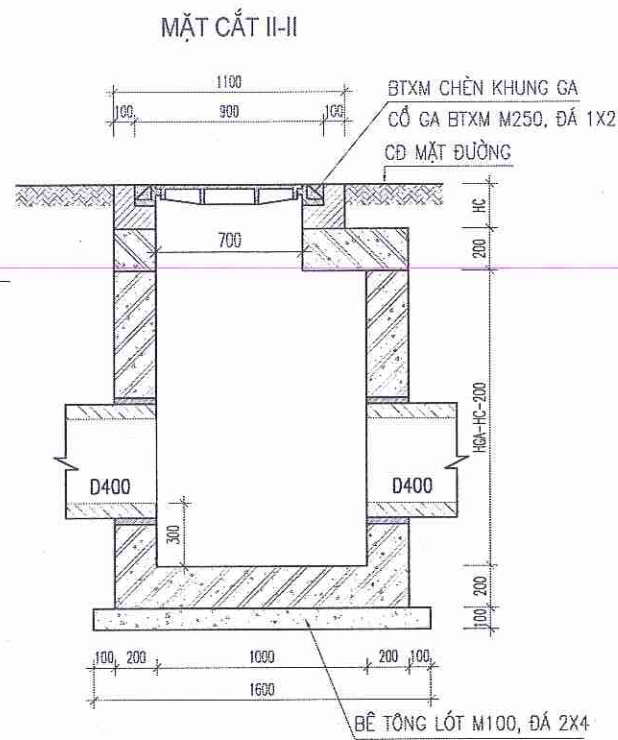
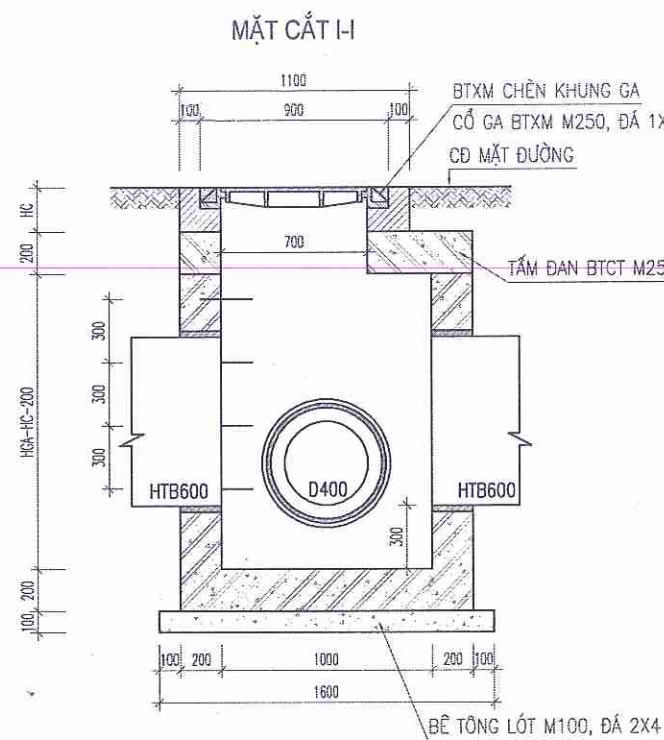
Người thẩm định ký tên

Khiếu Văn Bình

SONG CHẮN RÁC VÀ KHUNG



CHỦ ĐẦU TƯ: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG	ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC (ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI) ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498	THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI	TÊN BẢN VẼ: THUYẾT MINH CHUNG, SONG CHẮN RÁC, NẮP GA VÀ THANG GA GA THOÁT NƯỚC	CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN	CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ PHÂN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC THÀNH PHỐ HÀ NỘI	HOÀN THÀNH: /20
				CHỦ TRÌ TKGT	BÙI MINH CHIẾN		BẢN VẼ SỐ: 01/01
				THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG		KÝ HIỆU: GHI CHU - GA
				KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN		TỶ LỆ:



PHÒNG KINH TẾ XÃ HỘI

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số: 151/TB-KPĐT KT
ngày 24 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên

Khiên Văn Bình

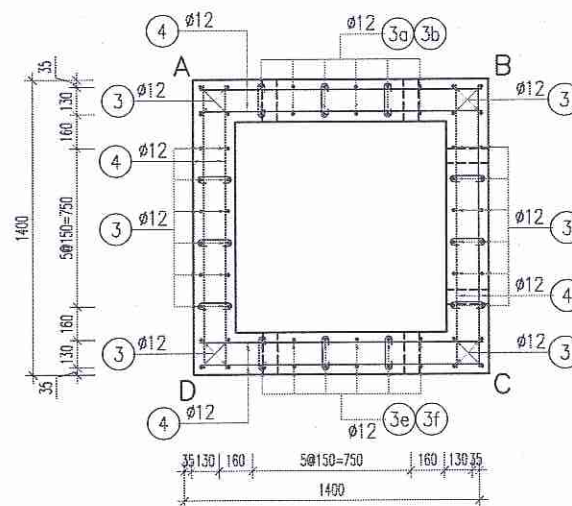
CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC VIỆT NAM

THẨM TRA

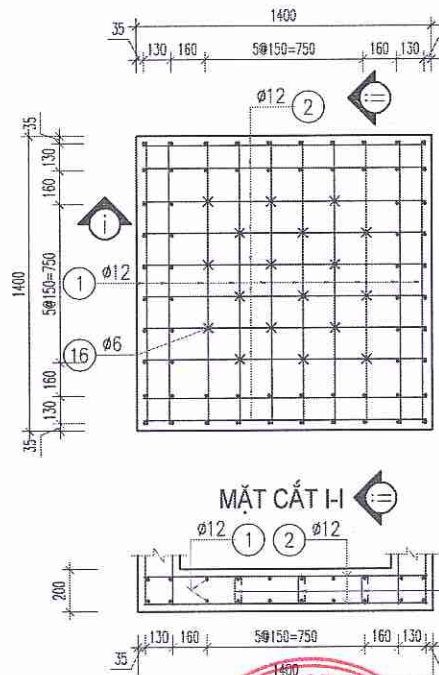
Theo văn bản số: 65/BCTT
Ngày 24 tháng 4 năm 2026
Ký tên:

Phượng Văn Cường

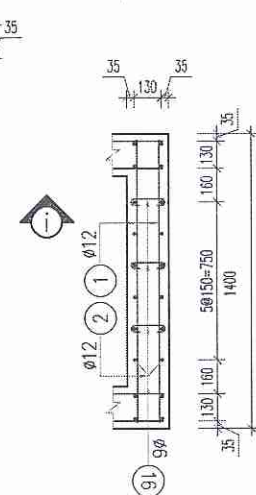
BỐ TRÍ CỐT THÉP MẶT BẰNG



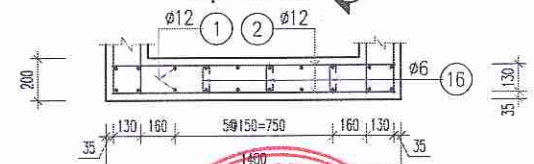
BỐ TRÍ CỐT THÉP ĐÁY GA



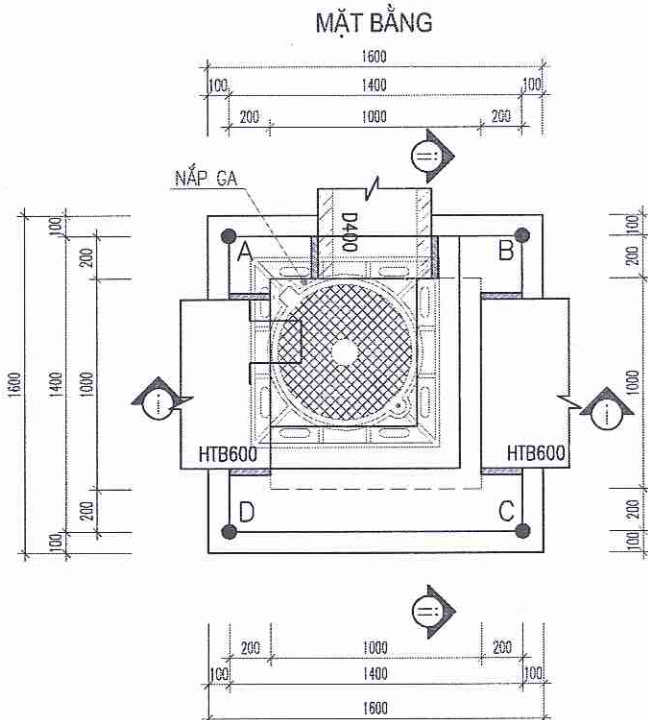
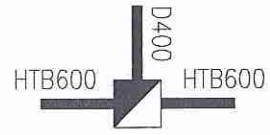
MẶT CẮT II-II



MẶT CẮT I-I



SƠ ĐỒ ĐẦU NỐI GA



CHỦ ĐẦU TƯ:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
(ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI)
ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498

THIẾT KẾ XÂY DỰNG

TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ

HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:

GA THẨM LOẠI 1

CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN	<i>[Signature]</i>
CHỦ TRÌ TKGT	BÙI MINH CHIẾN	<i>[Signature]</i>
THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG	<i>[Signature]</i>
KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN	<i>[Signature]</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC

PHÁT TRIỂN

AVIC

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

NGUYỄN ANH TUẤN

HOÀN THÀNH: /20

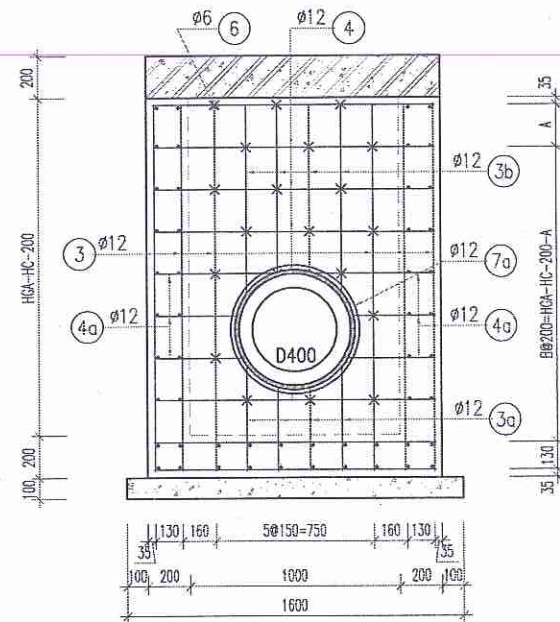
BẢN VẼ SỐ: 01/02

KÝ HIỆU: GA-BTCT

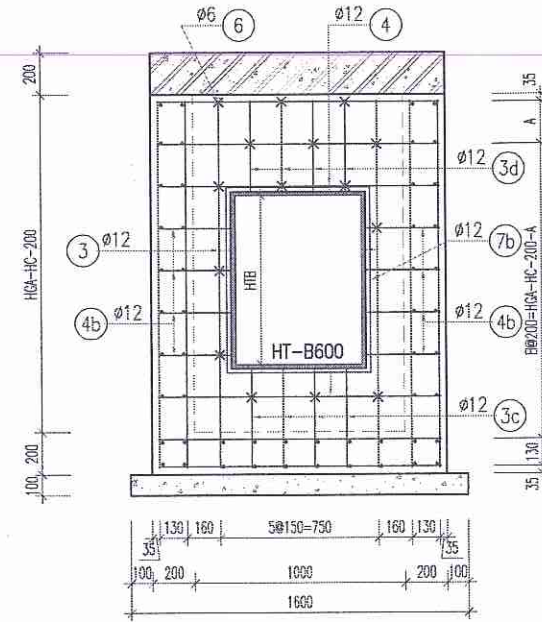
TỶ LỆ:

BẢNG CHI TIẾT CỐT THÉP

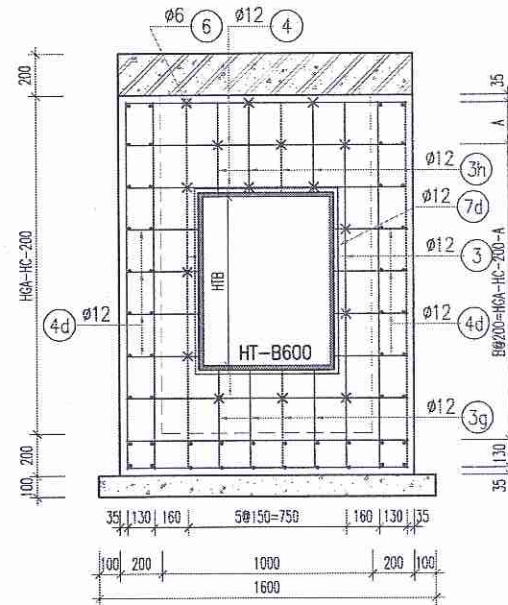
BỐ TRÍ CỐT THÉP THÀNH AB



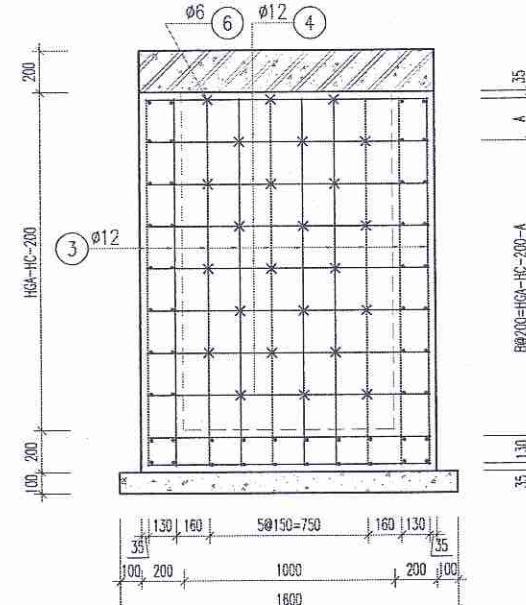
BỐ TRÍ CỐT THÉP THÀNH BC



BỐ TRÍ CỐT THÉP THÀNH DA



BỐ TRÍ CỐT THÉP THÀNH CD



CẤU KIỆN	SỐ HIỆU	QUY CÁCH	Ø (mm)
ĐÁY GA	1	L	12
	2	L	12
	16	50 L 50	6
TẦM ĐÀN	10	L	12
	10A	L	12
	10B	130 L 50	12
	10C	130 L 50	12
	11	L	14
	11A	L	14
	12	L	12
	12A	L	12
	13	L	14
	13A	L	14
	14	50 L 50	6
	15	50 L 100	10

CẤU KIỆN	SỐ HIỆU	QUY CÁCH	Ø (mm)
THÀNH GA	3	LTB(theoBKL)	12
	3A	LTB(theoBKL)	12
	3B	LTB(theoBKL)	12
	4	1340	12
	4A	230 1110	12
	4B	LTB(theoBKL)	12
	6	50 140 50	6
	7A	L*4(theoBKL)	12
	3	150 LTB(theoBKL)	12
	150	LTB(theoBKL)	12
	3D	150 LTB(theoBKL)	12
	4	1340	12
	4B	LTB(theoBKL)	12
	6	50 140 50	6
	7B	L*4(theoBKL)	12
THANG	3	150 LTB(theoBKL)	12
	3E	150 LTB(theoBKL)	12
	3F	150 LTB(theoBKL)	12
	4	1340	12
	4'	230 1110	12
	4C	LTB(theoBKL)	12
	6	50 140 50	6
THANG	7C	L*4(theoBKL)	12
	3G	150 LTB(theoBKL)	12
	4	1340	12
	4D	LTB(theoBKL)	12
THANG	6	50 140 50	6
	7D	L*4(theoBKL)	12
THANG			200 250 100 22

BẢNG THỐNG KÊ THÉP GA THÂM - LOẠI I							
Tên hạng mục	Tên thanh	Đường kính (mm)	Loại thép	Chiều dài thanh (mm)	Số lượng thanh	Tổng chiều dài (mm)	Tổng khối lượng (kg)
Đáy ga	1	12	CB300-V	1340	20	26800	0.888
	2	12	CB300-V	1340	20	26800	0.888
	16	6	CB240-T	240	18	4320	0.222
Tầm đàn (KL 1 tầm đàn)	10	12	CB300-V	1340	10	13400	0.888
	10a	12	CB300-V	440	4	1760	0.888
	10b	12	CB300-V	640	4	2560	0.888
	10c	12	CB300-V	640	4	2560	0.888
	11	14	CB300-V	1340	10	13400	1.209
	11a	14	CB300-V	440	4	1760	1.209
	12	12	CB300-V	1340	10	13400	0.888
	12a	12	CB300-V	440	4	1760	0.888
	13	14	CB300-V	1340	10	13400	1.209
	13a	14	CB300-V	440	4	1760	1.209
	14	6	CB240-T	230	42	9660	0.222
	15	10	CB300-V	750	4	3000	0.617
	3	12	CB300-V	1150	14	16100	0.888
	3a (tb)	12	CB300-V	600	6	3600	0.888
	3b (tb)	12	CB300-V	260	6	1560	0.888
Thành ga	4	12	CB300-V	1340	4	5360	0.888
	4a (tb)	12	CB300-V	450	8	3600	0.888
	6	6	CB240-T	240	10	2400	0.222
	7a	12	CB300-V	1760	2	3520	0.888
	3	12	CB300-V	1150	12	13800	0.888
	3c (tb)	12	CB300-V	0	0	0	0.888
	3d (tb)	12	CB300-V	0	0	0	0.888
	4	12	CB300-V	1340	8	10720	0.888
	4b (tb)	12	CB300-V	0	0	0	0.888
	6	6	CB240-T	240	12	2880	0.222
	7b	12	CB300-V	0	0	0	0.888
	3	12	CB300-V	1150	20	23000	0.888
	3e (tb)	12	CB300-V	0	0	0	0.888
	3f (tb)	12	CB300-V	0	0	0	0.888
	4	12	CB300-V	1340	8	10720	0.888
Thang ga	4c (tb)	12	CB300-V	0	0	0	0.888
	6	6	CB240-T	240	12	2880	0.222
	7c	12	CB300-V	0	0	0	0.888
	3	12	CB300-V	1150	12	13800	0.888
	3g (tb)	12	CB300-V	0	0	0	0.888
	3h (tb)	12	CB300-V	0	0	0	0.888
	4	12	CB300-V	1340	8	10720	0.888
	4d (tb)	12	CB300-V	0	0	0	0.888
Thang ga				22	CB300-V	900	3
Thang ga				D510		7.40	
Thang ga				10-D518		219.17	
Thang ga				D>18		8.06	
Thang ga				Tổng khối lượng thép (kg)		234.63	

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 13/TB-KOTD-KT
ngày 24 tháng 4 năm 2016
Người thẩm định ký tên
Kiều Văn Bình

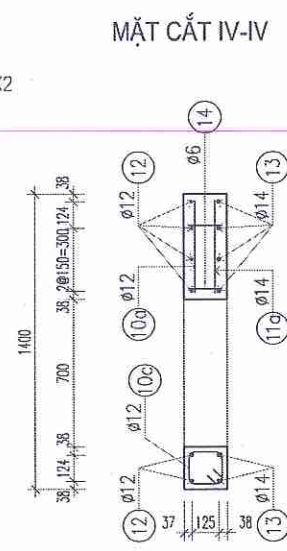
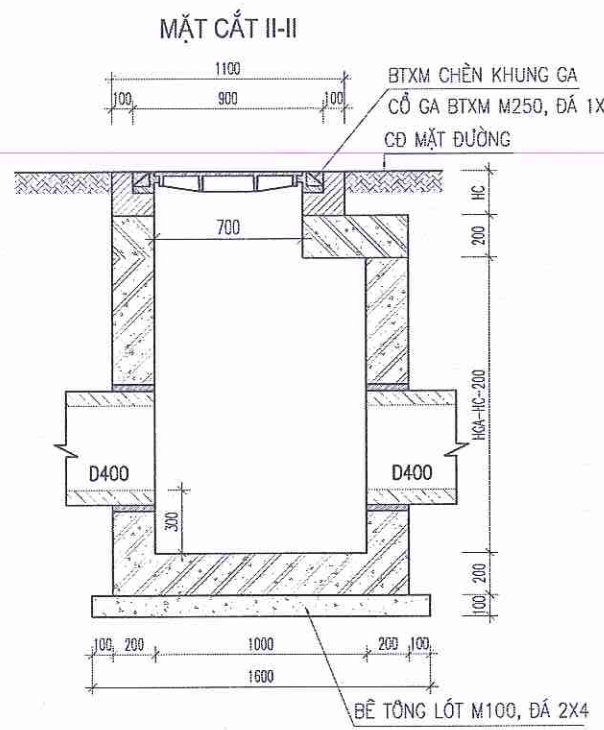
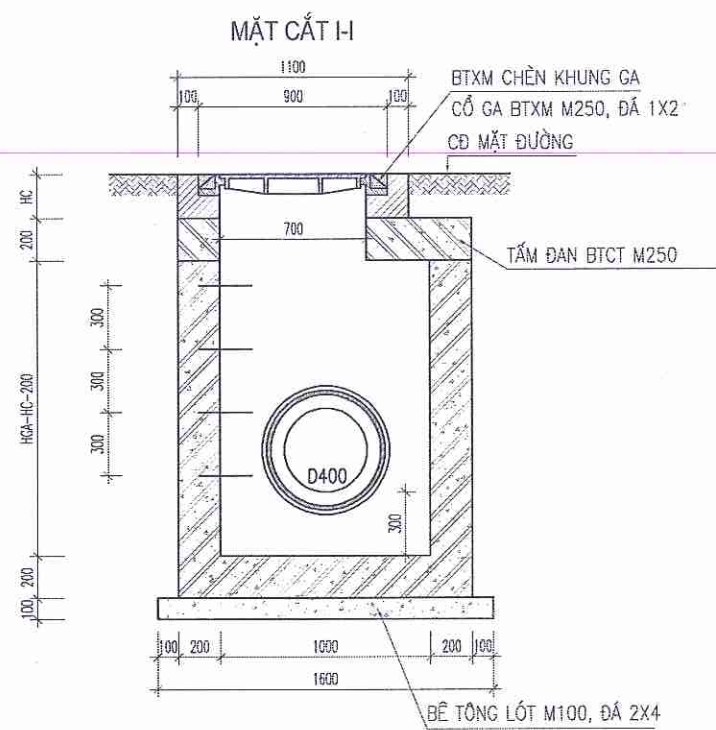
CHỦ ĐẦU TƯ:
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
(ĐỊA CHỈ: SỐ 328 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI)
ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498

THIẾT KẾ XÂY DỰNG
TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:
GA THẨM LOẠI 1
CHỦ NHIỆM TK: NGUYỄN ANH TUẤN
CHỦ TRÌ TKG: BÙI MINH CHIẾN
THIẾT KẾ: NGUYỄN PHI LONG
KIỂM TRA: BÙI MINH CHIẾN

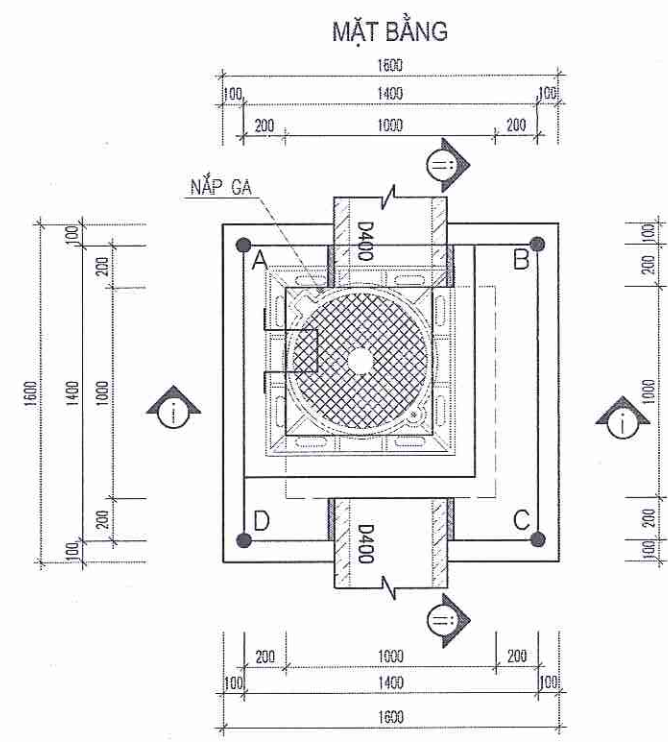
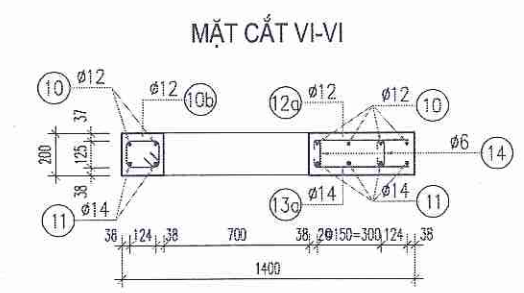
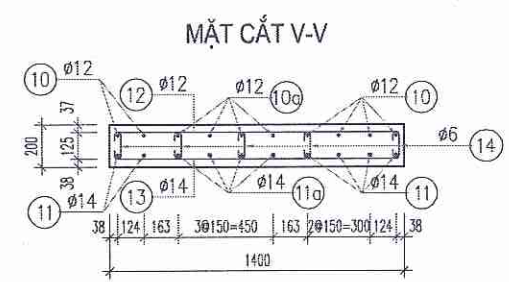
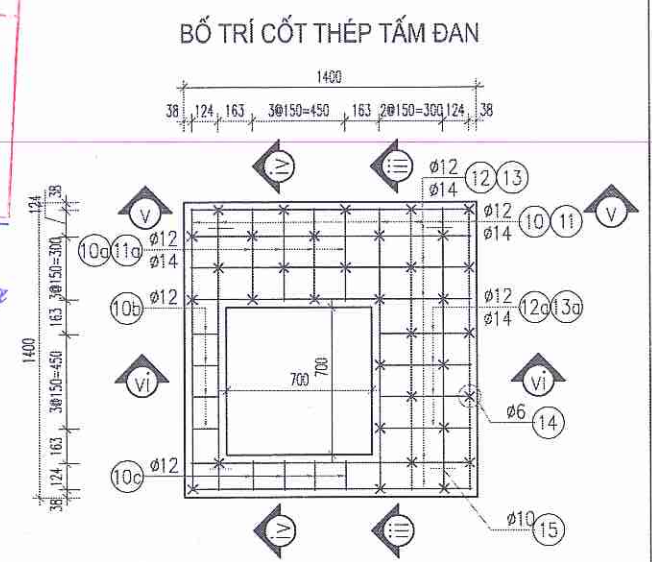
CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
PHÁT TRIỂN ĐỌC
HẠ TẦNG ĐÔ THỊ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
NGUYỄN ANH TUẤN

HOÀN THÀNH: /20
BẢN VẼ SỐ: 02/02
KÝ HIỆU: GA-BTCT
TỶ LỆ:



CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VIỆT HÀ NỘI

THẨM ĐỊNH
Theo văn bản số: 65/BC.TT
Ngày 24 tháng 4 năm 2026
Ký tên: *Phạm Văn Cường*



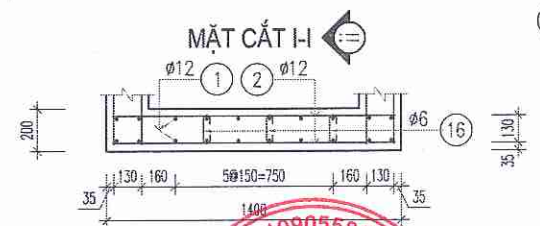
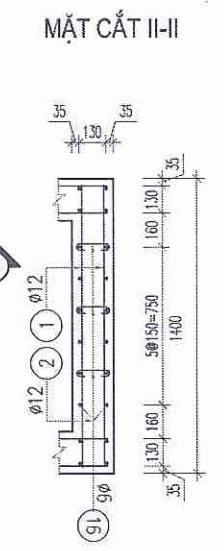
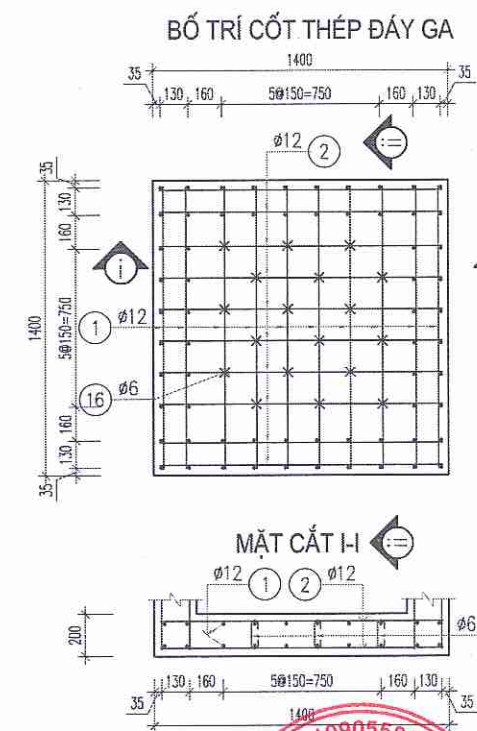
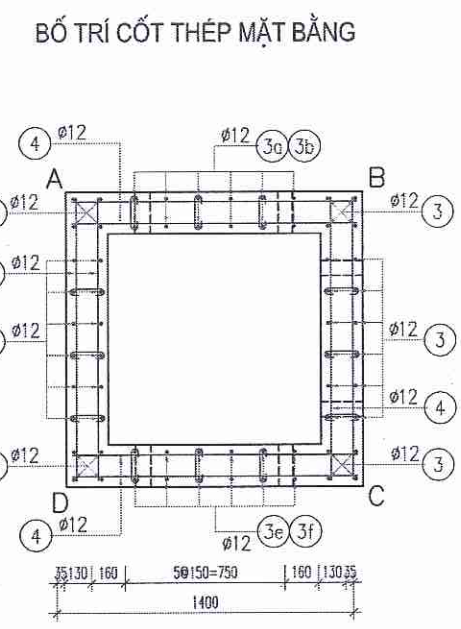
PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 13/12-KTĐ-KT
ngày 24 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên: *Nguyễn Văn Bình*

SƠ ĐỒ ĐẦU NỐI

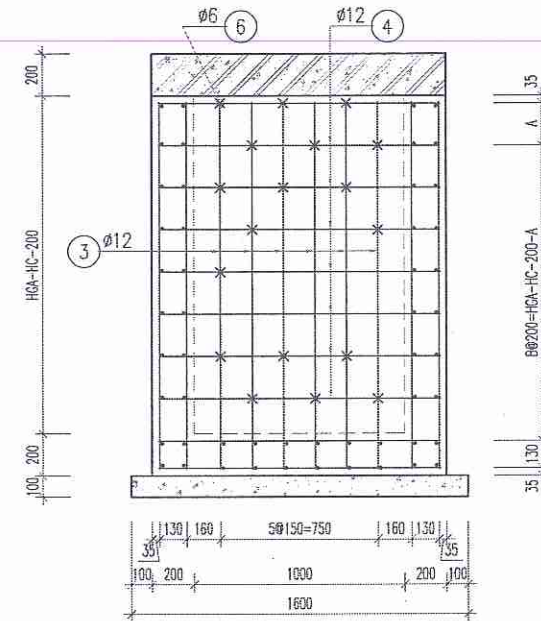
D400

D400

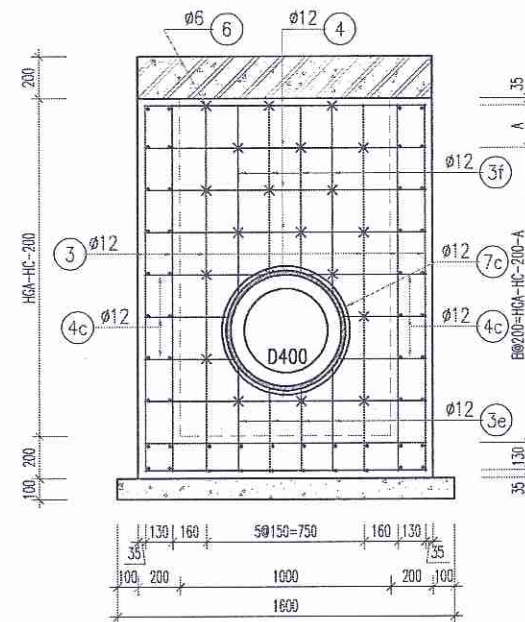


CHỦ ĐẦU TƯ: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:  CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC (ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI) ĐIỆN THOẠI: 032 697 5496		THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRÚC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI		TÊN BẢN VẼ: GA THẨM LOẠI 2		<table><tr><td>CHỦ NHIỆM TK</td><td>NGUYỄN ANH TUẤN</td><td></td></tr><tr><td>CHỦ TRÌ TKGT</td><td>BÙI MINH CHIẾN</td><td></td></tr><tr><td>THIẾT KẾ</td><td>NGUYỄN PHI LONG</td><td></td></tr><tr><td>KIỂM TRA</td><td>BÙI MINH CHIẾN</td><td></td></tr></table>			CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN		CHỦ TRÌ TKGT	BÙI MINH CHIẾN		THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG		KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN		CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC GIÁM ĐỐC PHÁT TRIỂN ★ HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC THÀNH PHỐ HÀ NỘI  NGUYỄN ANH TUẤN HOÀN THÀNH: /20 BẢN VẼ SỐ: 01/02 KÝ HIỆU: GA-BTCT TỶ LỆ:	
CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN																					
CHỦ TRÌ TKGT	BÙI MINH CHIẾN																					
THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG																					
KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN																					

BỔ TRÍ CỐT THÉP THÀNH BC



BỔ TRÍ CỐT THÉP THÀNH CD



CẤU KIỆN		SỐ HIỆU	QUY CÁCH	Ø (mm)
AB		3	150  LTB(theoBKL)	12
		3A	150  LTB(theoBKL)	12
		3B	150  LTB(theoBKL)	12
		4	 1340	12
		4'	 230 1110	12
		4A	 LTB(theoBKL)	12
		6	 50 140 50	6
		7A	*4(theoBKL)	12
		3	150  LTB(theoBKL)	12
		3C	150  LTB(theoBKL)	12
BC		3D	150  LTB(theoBKL)	12
		4	 1340	12
		4B	 LTB(theoBKL)	12
		6	 50 140 50	6
		7B	*4(theoBKL)	12
		3	150  LTB(theoBKL)	12
		3E	150  LTB(theoBKL)	12
		3F	150  LTB(theoBKL)	12
CD		4	 1340	12
		4'	 230 1110	12
		4C	 LTB(theoBKL)	12
		6	 50 140 50	6
		7C	*4(theoBKL)	12
		3G	150  LTB(theoBKL)	12
		4	 1340	12
DA		4D	 LTB(theoBKL)	12
		6	 50 140 50	6
		7D	*4(theoBKL)	12
THANG			 200 250 100	22

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số 13/TB-KOTD-K
ngày 24 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên

[Signature]

Khiếu Văn Bình

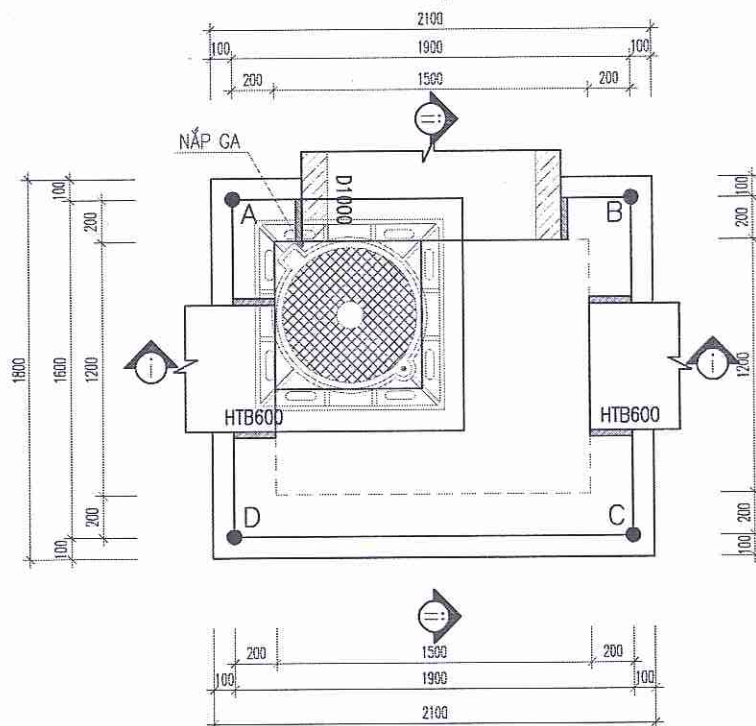
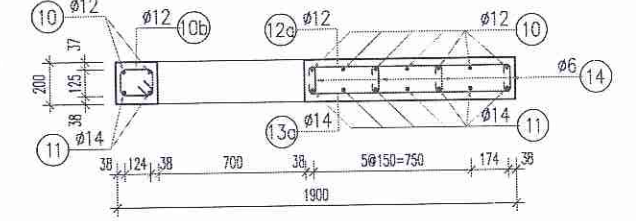
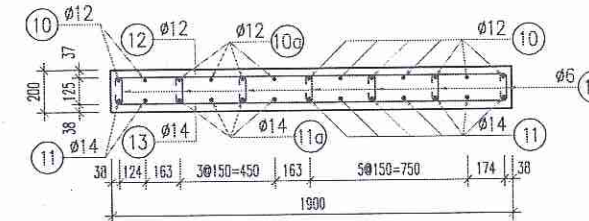
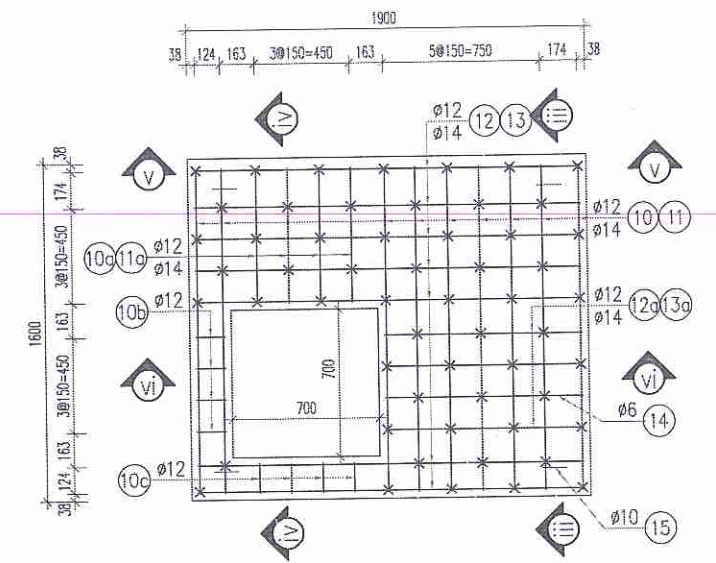
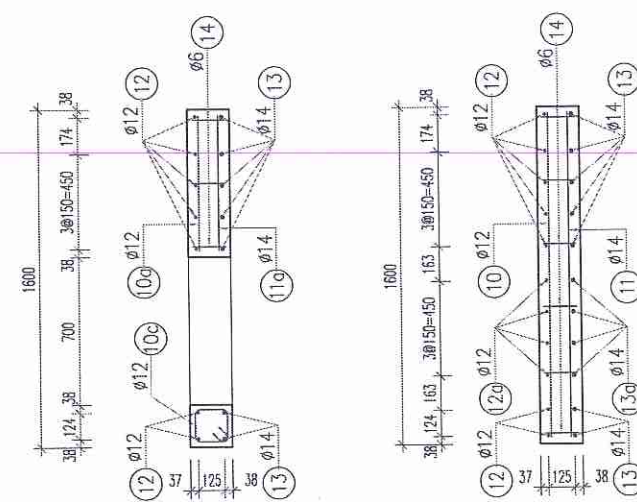
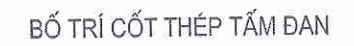
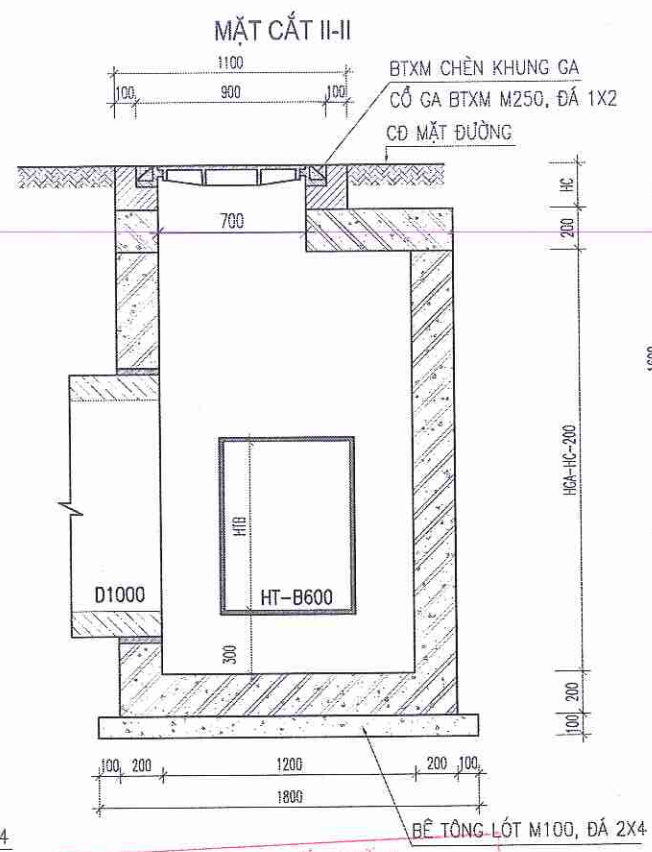
THIẾT KẾ XÂY DỰNG
TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LAI

ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LAI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN	
CHỦ TRÌ TKGT	BÙI MINH CHIẾN	
THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG	
KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN	

ÔNG TỶ CỐP PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐỘ HIỆU
CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN
HẠ TẦNG ĐỘ HIỆU
AVIC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI



**CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VIỆT HÀ NỘI**

THẨM TRA

Theo văn bản số: 66 / BKT

Ngày 24 tháng 4 năm 2026

Ký tên: [Signature]

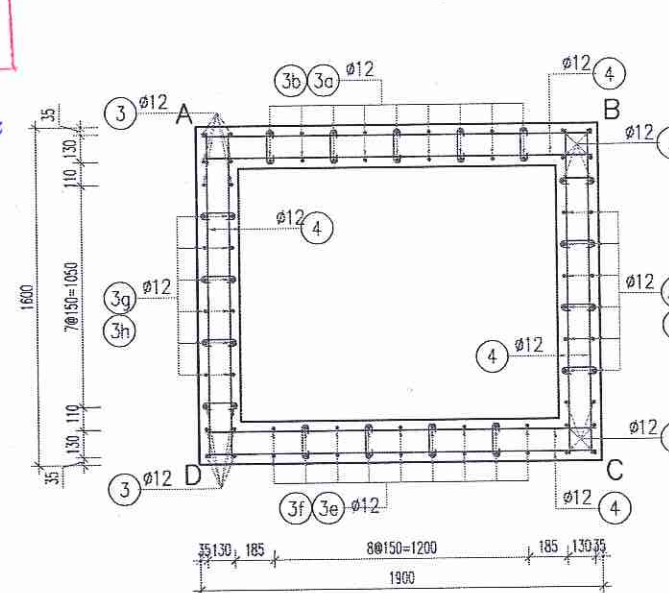
SƠ ĐỒ ĐẦU NỐI GA

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH

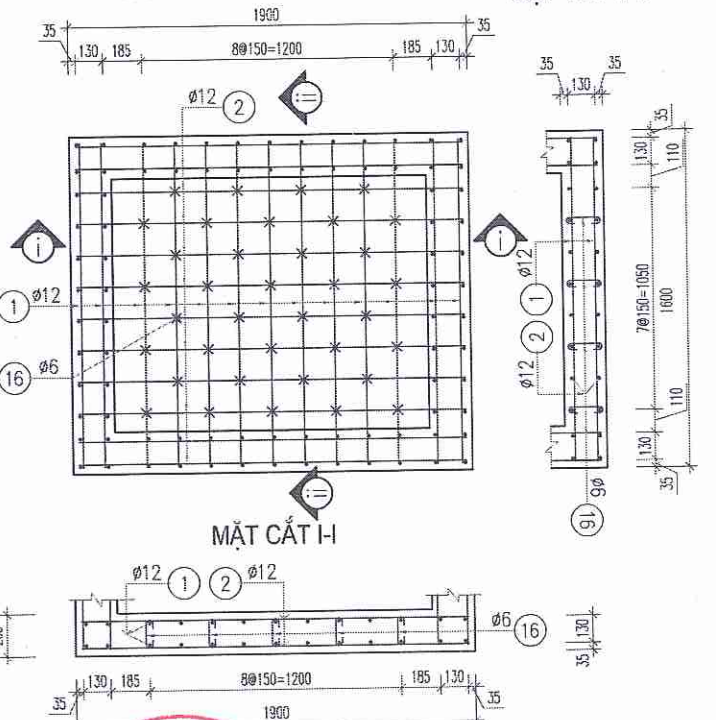
Theo Văn bản số 113/TB-KOĐ-KT
ngày 14 tháng 4, năm 2026
Người thẩm định ký tên Kiên Văn Bình

BỐ TRÍ CỐT THÉP MẶT BẰNG GA



BỔ TRÍ CỘT THÉP ĐÁY GA

MẶT CẮT II-II

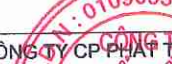


THIẾT KẾ XÂY DỰNG
TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:

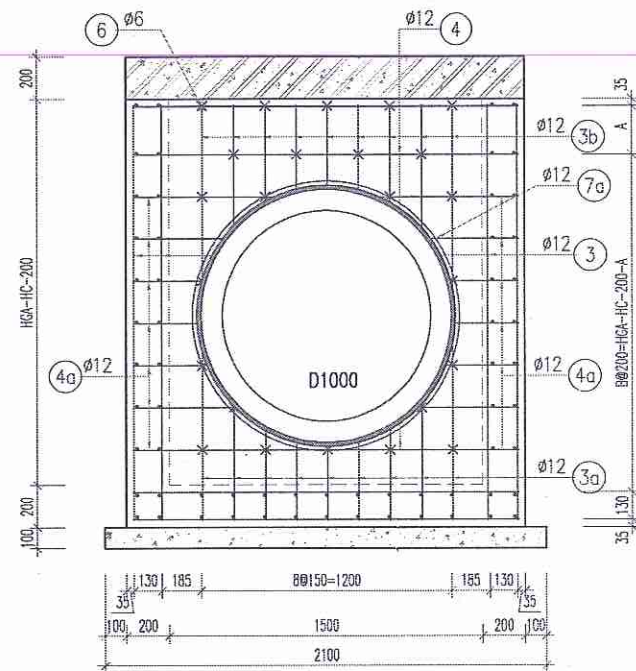
GA THĂM LOẠI 3

CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN
CHỦ TRÌ TKGT	BÙI MINH CHIẾN
THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG
KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN

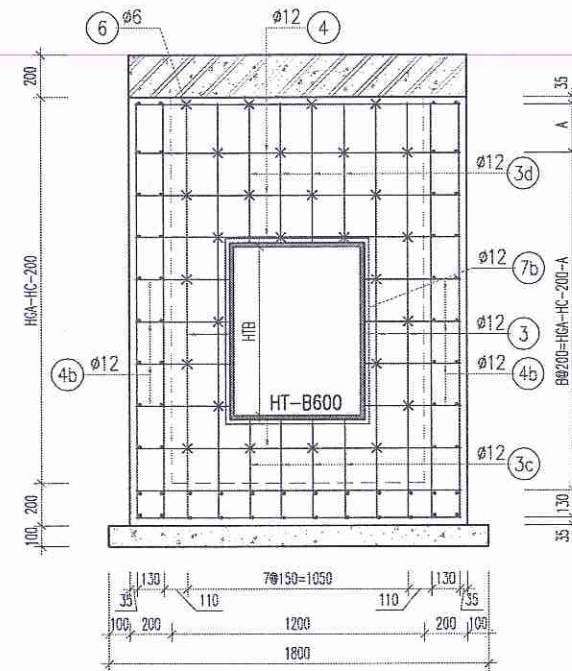

 CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
 PHÁP NHÂN ĐỘC
 PHÁP NHÂN ĐỘC
 HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
 THÀNH PHỐ HÀ NỘI
 NGUYỄN ANH TUẤN

HOÀN THÀNH:	/20
BẢN VẼ SỐ:	01/02
KÝ HIỆU:	GA-BTCT
TỶ LỆ:	

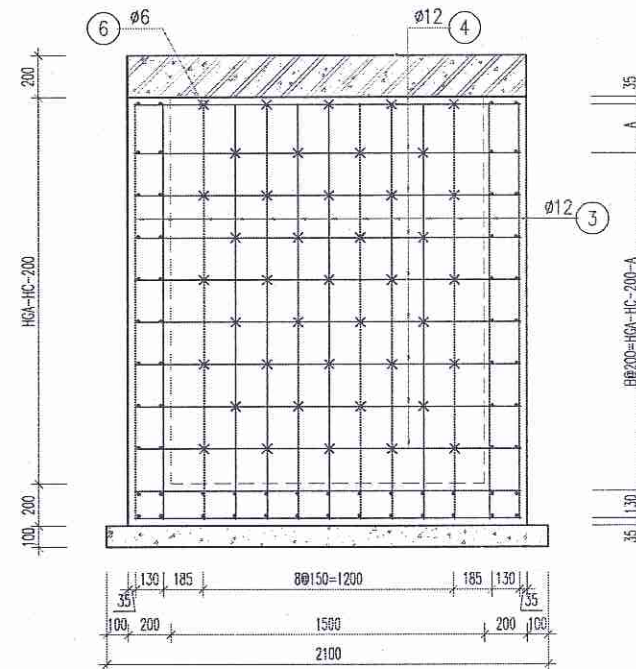
BỐ TRÍ CỐT THÉP THÀNH AB



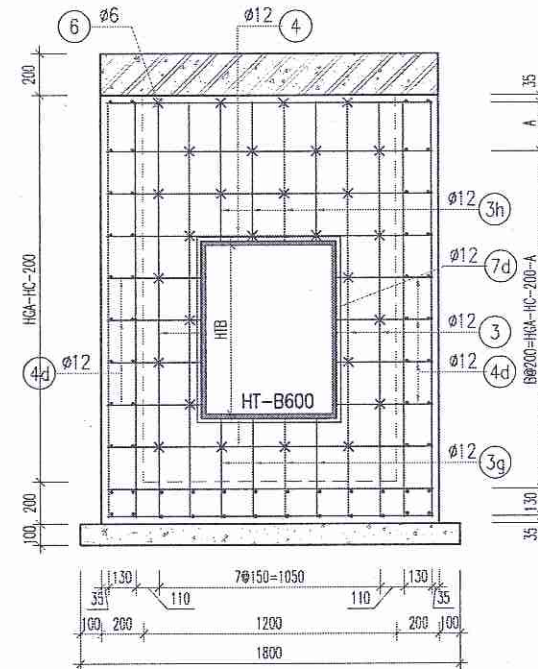
BỐ TRÍ CỐT THÉP THÀNH BC



BỐ TRÍ CỐT THÉP THÀNH CD



BỐ TRÍ CỐT THÉP THÀNH DA



BẢNG CHI TIẾT CỐT THÉP

CẤU KIỆN	SỐ HIỆU	QUY CÁCH	Ø (mm)
DÂY GÁ	1	L	12
	2	L	12
	16	50 L 50	6
TẤM ĐÀN	10	L	12
	10A	L	12
	10B	130 L 50	12
	10C	130 L 50	12
	11	L	14
	11A	L	14
	12	L	12
	12A	L	12
	13	L	12
	13A	L	12
	14	50 L 50	6
	15	50 L 100	6
	15	50 L 100	6
	15	50 L 100	6
	15	50 L 100	6

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN THỨC VIỆT HÀ NỘI
THẨM TRA
Theo văn bản số: 65.1.BCT
Ngày 14 tháng 4 năm 2026
Nguyễn Văn Cường

BẢNG THÔNG KÊ THÉP GÁ THÂM - LOẠI 3							
Tên hạng mục	Tên thanh	Đường kính (mm)	Loại thép	Chiều dài thanh (mm)	Số lượng thanh	Tổng chiều dài (mm)	Tổng khối lượng (kg)
Dây gá	1	12	CB300-V	1540	26	40040	0.888
	2	12	CB300-V	1840	24	44160	0.888
	16	6	CB240-T	240	36	8640	0.222
	10	12	CB300-V	1840	11	20240	0.888
	10a	12	CB300-V	940	4	3760	0.888
	10b	12	CB300-V	640	4	2560	0.888
	10c	12	CB300-V	640	4	2560	0.888
	11	14	CB300-V	1840	11	20240	1.209
	11a	14	CB300-V	940	4	3760	1.209
	12	12	CB300-V	1540	11	16940	0.888
	12a	12	CB300-V	640	4	2560	0.888
	13	14	CB300-V	1540	11	16940	1.209
	13a	14	CB300-V	640	4	2560	1.209
	14	6	CB240-T	230	64	14720	0.222
	15	10	CB300-V	750	4	3000	0.617
Tấm đan (KL 1 tấm đan)	3	12	CB300-V	1780	12	21360	0.888
	3a (tb)	12	CB300-V	600	14	8400	0.888
	3b (tb)	12	CB300-V	290	14	4060	0.888
	4	12	CB300-V	1840	4	7360	0.888
	4a (tb)	12	CB300-V	400	20	8000	0.888
	6	6	CB240-T	240	20	4800	0.222
	7a	12	CB300-V	4160	2	8320	0.888
	3	12	CB300-V	1780	16	28480	0.888
	3c (tb)	12	CB300-V	0	0	0	0.888
	3d (tb)	12	CB300-V	0	0	0	0.888
	4	12	CB300-V	1540	14	21560	0.888
	4b (tb)	12	CB300-V	0	0	0	0.888
	6	6	CB240-T	240	28	6720	0.222
	7b	12	CB300-V	0	0	0	0.888
	3	12	CB300-V	1780	26	46280	0.888
Thành gá	3a (tb)	12	CB300-V	0	0	0	0.888
	3b (tb)	12	CB300-V	0	0	0	0.888
	3c (tb)	12	CB300-V	0	0	0	0.888
	3d (tb)	12	CB300-V	0	0	0	0.888
	4	12	CB300-V	1840	14	25760	0.888
	4c (tb)	12	CB300-V	0	0	0	0.888
	6	6	CB240-T	240	32	7680	0.222
	7c	12	CB300-V	0	0	0	0.888
	3	12	CB300-V	1780	16	28480	0.888
	3g (tb)	12	CB300-V	0	0	0	0.888
	3h (tb)	12	CB300-V	0	0	0	0.888
	4	12	CB300-V	1540	14	21560	0.888
	4d (tb)	12	CB300-V	0	0	0	0.888
	6	6	CB240-T	240	28	6720	0.222
	7d	12	CB300-V	0	0	0	0.888
Thang gá	22	CB300-V	900	5	4500	2.985	13.43
Tổng hợp thép				D≤10	12.79		
				10<D≤18	374.42		
				D>18	13.43		
				Tổng khối lượng thép (kg)	400.64		

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 112/TB-KTĐ-KT
ngày 24 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên
Kiều Văn Bình

CHỦ ĐẦU TƯ:
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
(ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI)
ĐIỆN THOẠI: 032 997 5498

THIẾT KẾ XÂY DỰNG
TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

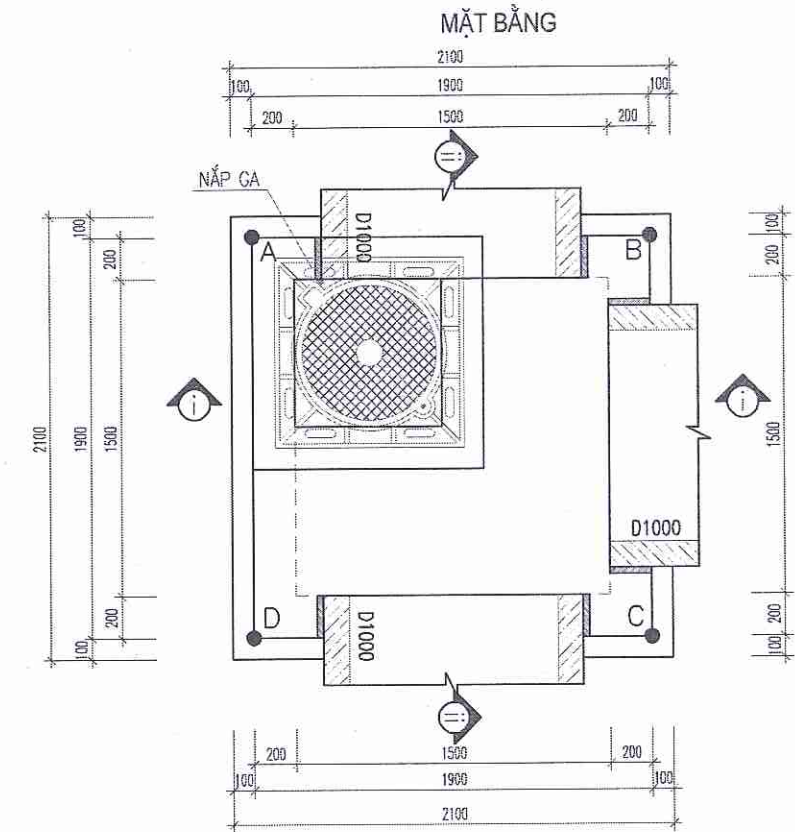
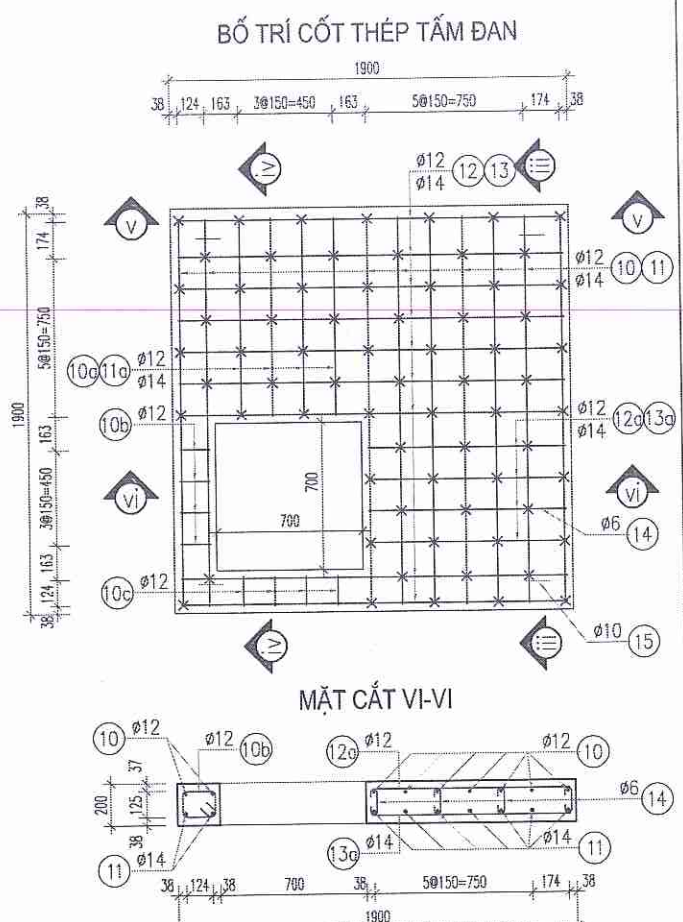
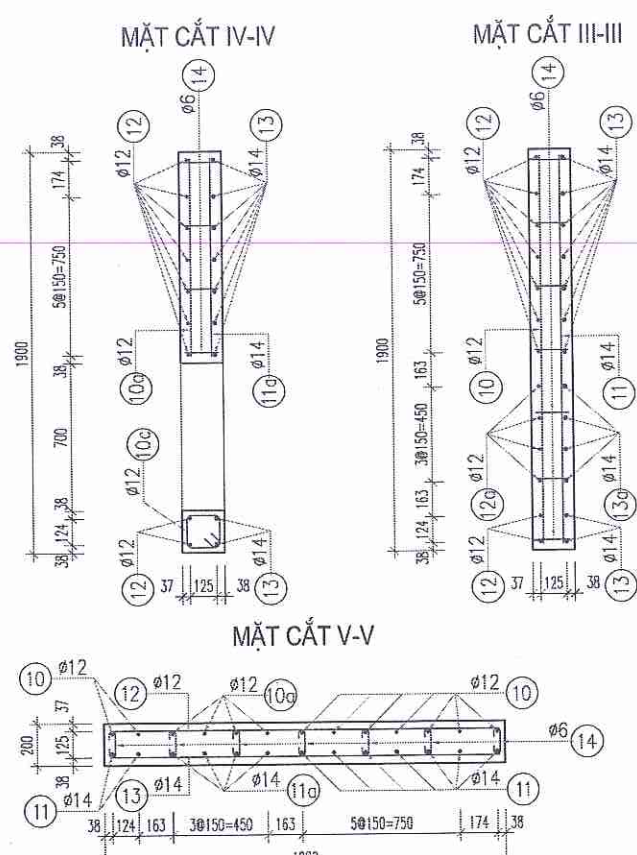
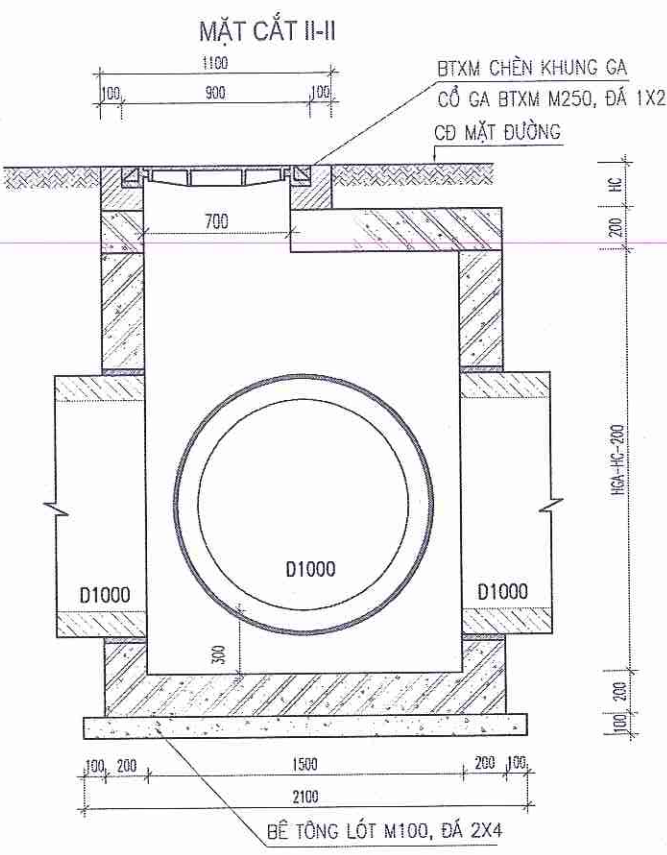
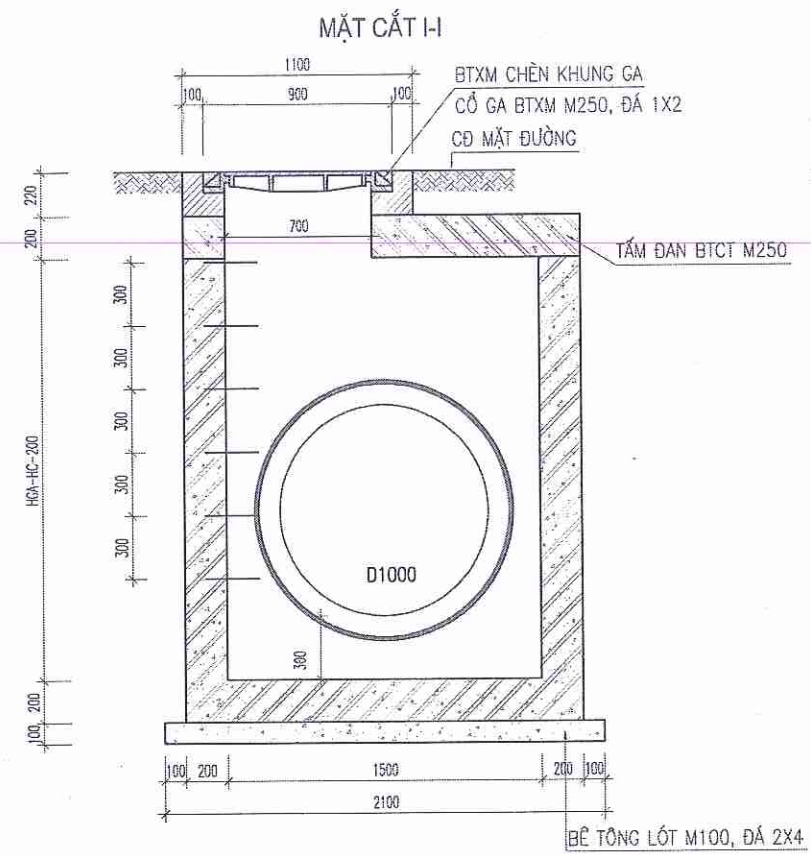
TÊN BẢN VẼ:
GA THẨM LOẠI 3

CHỦ NHIỆM TK: NGUYỄN ANH TUẤN
CHỦ TRÌ TKGT: BÙI MINH CHIẾN
THIẾT KẾ: NGUYỄN PHI LONG
KIỂM TRA: BÙI MINH CHIẾN

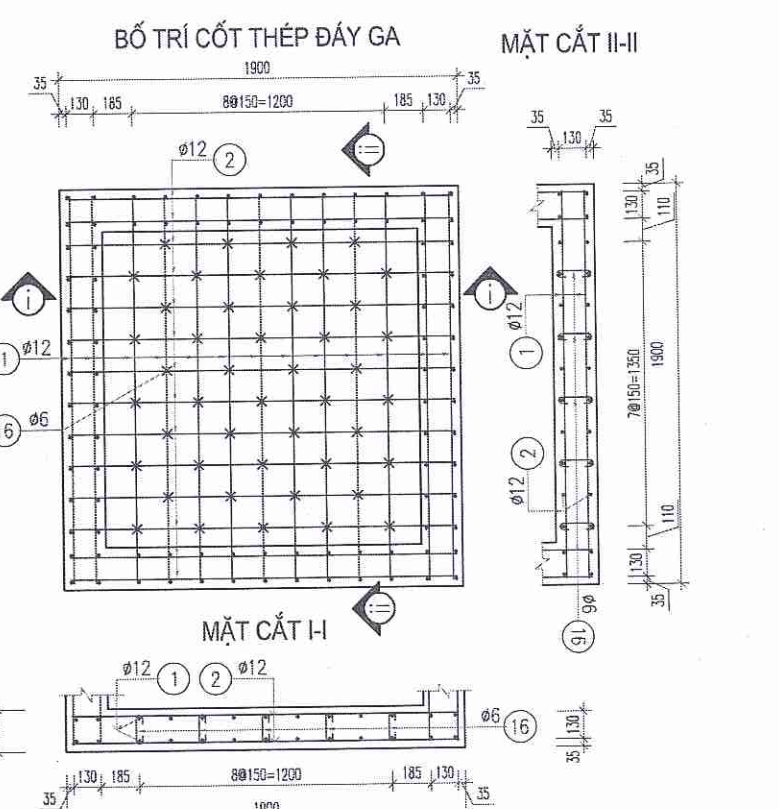
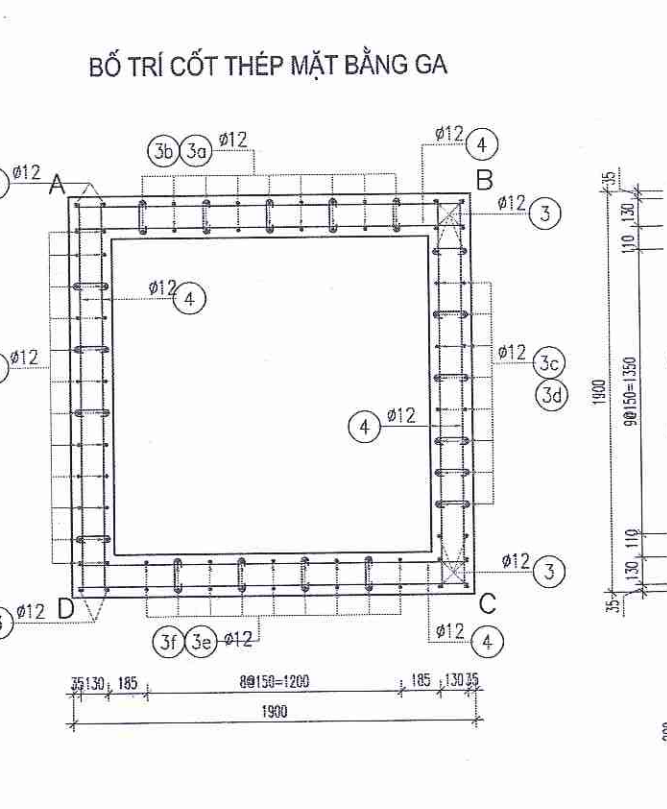
CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
PHÁT TRIỂN
HẠ TẦNG ĐÔ THỊ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
NGUYỄN ANH TUẤN

HOÀN THÀNH: /20
BẢN VẼ SỐ: 02/02
KÝ HIỆU: GA-BTCT
TỶ LỆ:

123



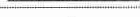
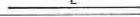
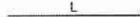
CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC VIỆT NAM
THẨM TRA
 Theo văn bản số: 65/1.BCTT
 Ngày: 24 tháng 4 năm 2026
 Ký tên: *Phạm Văn Cường*
SƠ ĐỒ ĐẦU NỐI GA
PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI
THẨM ĐỊNH
 Theo Văn bản số: 115/1.B-KTĐ-K
 ngày 24 tháng 4 năm 2026
 Người thẩm định ký tên: *Kiều Văn Bình*



CHỦ ĐẦU TƯ: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: AVIC.JSC CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC (ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 8 - XÃ PHÚC THO - HÀ NỘI) ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498		THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI		TÊN BẢN VẼ: GA THẨM LOẠI 3		<table><tr><td>CHỦ NHIỆM TK</td><td>NGUYỄN ANH TUẤN</td><td></td></tr><tr><td>CHỦ TRÌ TKG</td><td>BÙI MINH CHIẾN</td><td></td></tr><tr><td>THIẾT KẾ</td><td>NGUYỄN PHI LONG</td><td></td></tr><tr><td>KIỂM TRA</td><td>BÙI MINH CHIẾN</td><td></td></tr></table>		CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN		CHỦ TRÌ TKG	BÙI MINH CHIẾN		THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG		KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN		CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC M.S CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC THÀNH PHỐ HÀ NỘI  NGUYỄN ANH TUẤN		HOÀN THÀNH: /20 BẢN VẼ SỐ: 01/02 KÝ HIỆU: GA-BTCT TỶ LỆ:	
CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN																						
CHỦ TRÌ TKG	BÙI MINH CHIẾN																						
THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG																						
KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN																						

Technical drawing of a square slab with a central circular opening. The slab is 2100 mm square. The central opening has an outer diameter of 1000 mm (D1000). The slab is reinforced with a grid of bars. The top and bottom reinforcement bars are labeled 6 and 4 respectively. The side reinforcement bars are labeled 3a, 3b, 3c, and 4b. The central opening is labeled D1000. The drawing includes dimensions for the slab and the opening, and a list of reinforcement bars.

Technical drawing of a reinforced concrete slab (HEA-HC-200-A) showing a grid of reinforcement bars. The drawing includes dimensions for the slab thickness (200 mm), the grid spacing (1500 mm), and the reinforcement bar diameter (12 mm). The grid is labeled with '6' and '4' for the top and bottom bars, and '3' for the side bars. The drawing also shows the reinforcement bar layout for the slab edges and the internal grid.

CÁI KIẾN	SỐ HIỆU	QUY CÁCH	Ø (mm)
ĐÁY GA	1		12
	2		12
	16		6
TẦM DÀN	10		12
	10A		12
	10B		12
	10C		12
	11		14
	11A		14
	12		12
	12A		12
	13		14
	13A		14
	14		6
	15		10

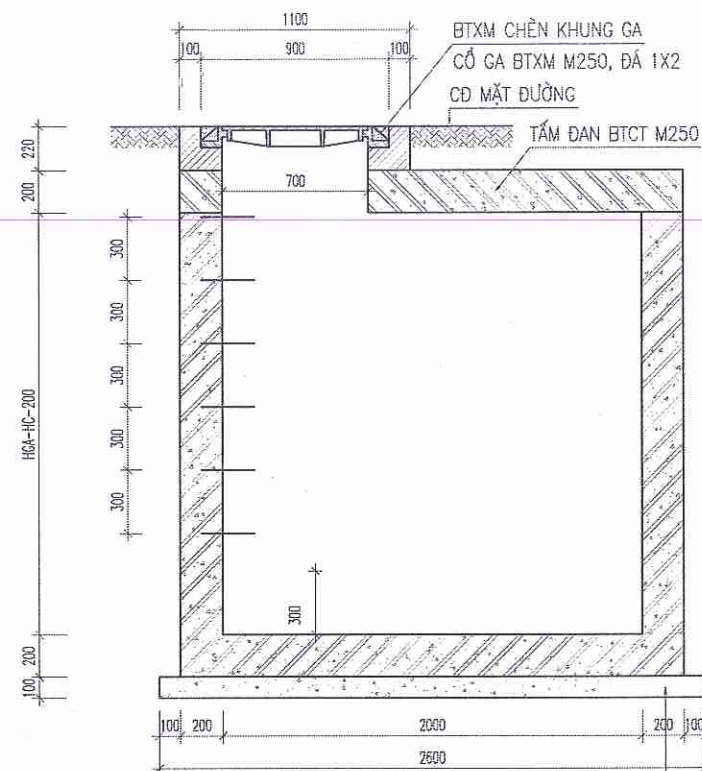
CẤU KIỆN		SỐ HIỆU	QUY CÁCH	Ø (mm)
	AB	3		12
		3A		12
		3B		12
		4		12
THÀNH GA		4'		12
		4A		12
		6		6
		7A		12
	BC	3		12
		3C		12
		3D		12
		4		12
		4B		12
		6		6
	CD	7B		12
		3		12
		3E		12
		3F		12
		4		12
		4'		12
4C			12	
6			6	
DA	7C		12	
	3G		12	
	4		12	
	4D		12	
	6		6	
THANG		7D		12
				22

Tên hàng mục		Tên thanh	Đường kính (mm)	Loại thép	Chiều dài thanh (mm)	Số lượng thanh	Tổng chiều dài (mm)	Khối lượng đơn vị (kg/m)	Tổng khối lượng (Kg)			
Đáy ga		1	12	CB300-V	1840	26	47840	0.888	42.48			
		2	12	CB300-V	1840	26	47840	0.888	42.48			
		16	6	CB240-T	240	41	9840	0.222	2.18			
		10	12	CB300-V	1840	13	23920	0.888	21.24			
		10a	12	CB300-V	940	4	3760	0.888	3.34			
		10b	12	CB300-V	640	4	2560	0.888	2.27			
		10c	12	CB300-V	640	4	2560	0.888	2.27			
		11	14	CB300-V	1840	13	23920	1.209	28.91			
		11a	14	CB300-V	940	4	3760	1.209	4.54			
		12	12	CB300-V	1840	13	23920	0.888	21.24			
Tấm dằn (KL 1 tấm dằn)		12a	12	CB300-V	940	4	3760	0.888	3.34			
		13	14	CB300-V	1840	13	23920	1.209	28.91			
		13a	14	CB300-V	940	4	3760	1.209	4.54			
		14	6	CB240-T	230	77	17710	0.222	3.93			
		15	10	CB300-V	750	4	3000	0.617	1.85			
		AB		3	12	CB300-V	3950	12	47400	0.888	42.09	
				3a (tb)	12	CB300-V	600	14	8400	0.888	7.46	
				3b (tb)	12	CB300-V	2460	14	34440	0.888	30.58	
				4	12	CB300-V	1840	26	47840	0.888	42.48	
				4a (tb)	12	CB300-V	400	20	8000	0.888	7.10	
6	6			CB240-T	240	69	16560	0.222	3.68			
7a	12			CB300-V	4160	2	8320	0.888	7.39			
BC				3	12	CB300-V	3950	18	71100	0.888	63.54	
				3c (tb)	12	CB300-V	0	0	0	0.888	0.00	
				3d (tb)	12	CB300-V	0	0	0	0.888	0.00	
		4	12	CB300-V	1840	36	66240	0.888	58.82			
		4b (tb)	12	CB300-V	0	0	0	0.888	0.00			
		6	6	CB240-T	240	81	19440	0.222	4.32			
		7b	12	CB300-V	0	0	0	0.888	0.00			
		CD		3	12	CB300-V	3950	12	47400	0.888	42.09	
				3e (tb)	12	CB300-V	600	14	8400	0.888	7.46	
				3f (tb)	12	CB300-V	2460	14	34440	0.888	30.58	
4	12			CB300-V	1840	26	47840	0.888	42.48			
4c (tb)	12			CB300-V	400	20	8000	0.888	7.10			
6	6			CB240-T	240	69	16560	0.222	3.68			
7c	12			CB300-V	4160	2	8320	0.888	7.39			
DA				3	12	CB300-V	3950	4	15800	0.888	14.03	
				3g (tb)	12	CB300-V	600	14	8400	0.888	7.46	
				3h (tb)	12	CB300-V	2460	14	34440	0.888	30.58	
		4	12	CB300-V	1840	26	47840	0.888	42.48			
		4d (tb)	12	CB300-V	400	20	8000	0.888	7.10			
		6	6	CB240-T	240	69	16560	0.222	3.68			
		7d	12	CB300-V	4160	2	8320	0.888	7.39			
		Tổng hợp thép		Thùng ga		22	CB300-V	900	12	10800	2.985	32.23
										D≤10	23.31	
										10-D≤18	710.80	
								D>18	32.23			
								Tổng khối lượng thép (kg)		766.35		

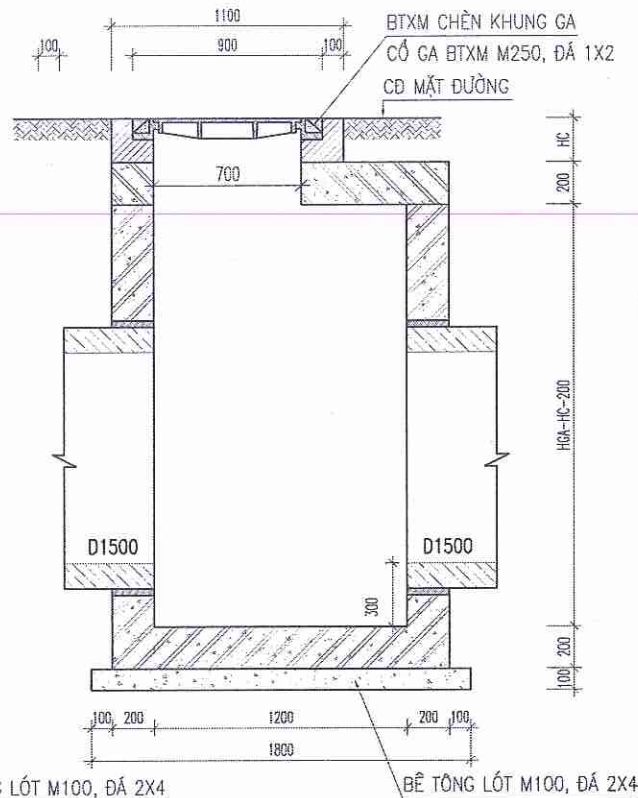
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số **113/TTB-KQTP-KT**
ngày **24** tháng **4** năm **2016**
Người thẩm định ký tên
[Signature]
Kiều Văn Bình

TỶ LỆ:

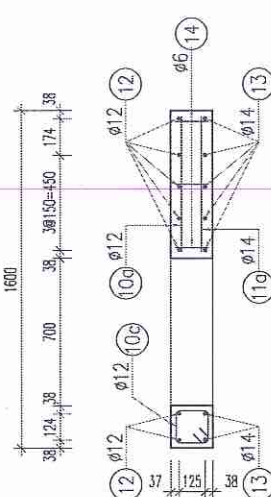
MẶT CẮT I-I



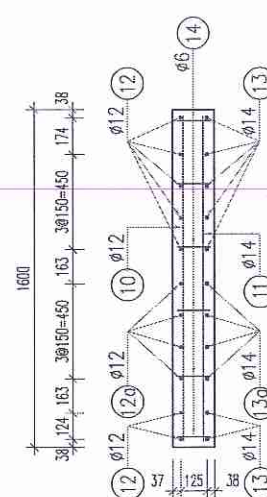
MẶT CẮT II-II



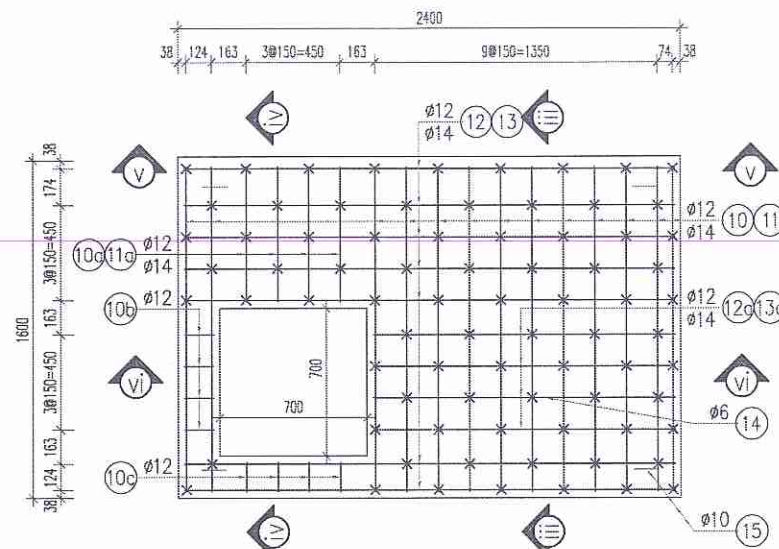
MẶT CẮT IV-IV



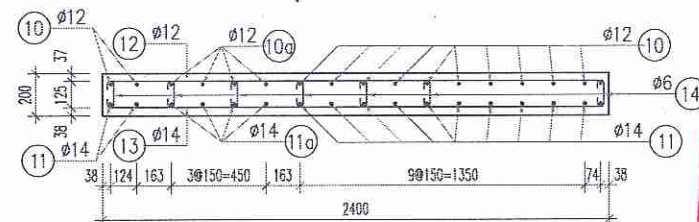
MẶT CẮT III-III



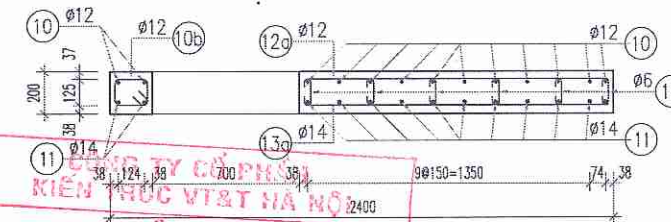
BỐ TRÍ CỐT THÉP TẦNG ĐÀN



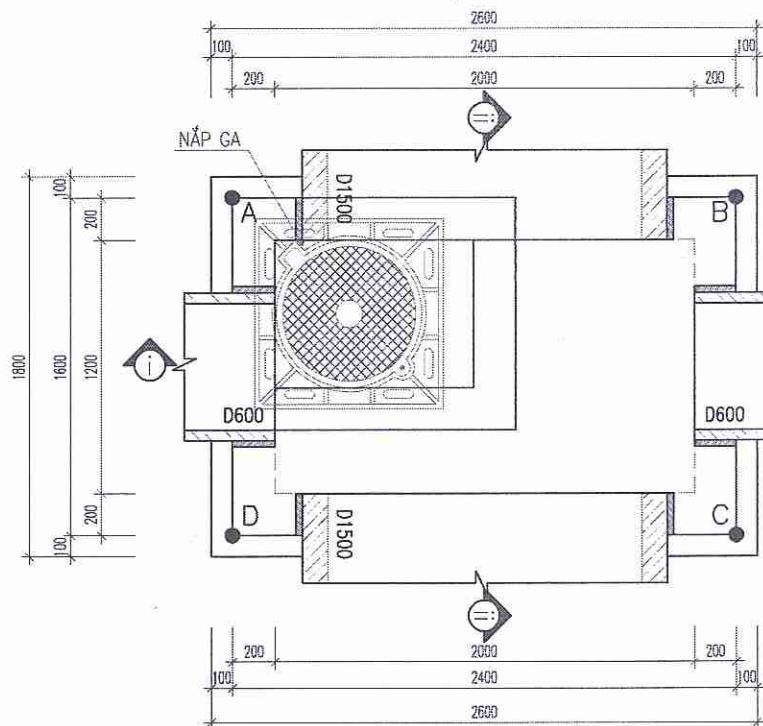
MẶT CẮT V-V



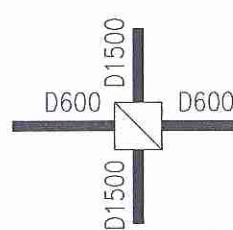
MẶT CẮT VI-VI



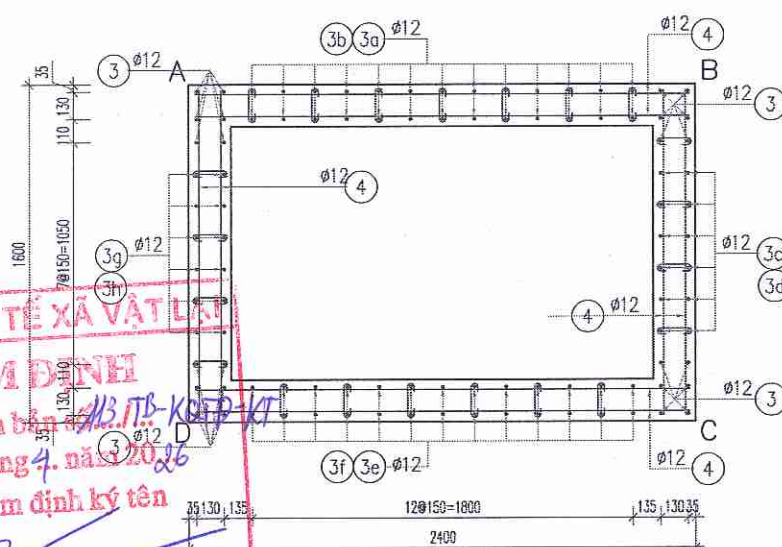
MẶT BẰNG



SƠ ĐỒ ĐẦU NỐI GA



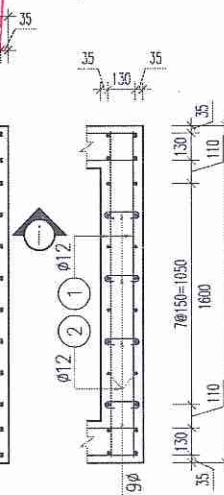
BỐ TRÍ CỐT THÉP MẶT BẰNG GA



PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 13/TB-KSTP-KT
ngày 24 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên
Kiều Văn Bình

THẨM TRA
Theo văn bản số 65/BC.TT
Ngày 24 tháng 4 năm 2026
Ký tên:
Phạm Văn Cường

MẶT CẮT II-II



MẶT CẮT I-I



CHỦ ĐẦU TƯ:
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
(ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THO - HÀ NỘI)
ĐIỆN THOẠI: 032 697 5496

THIẾT KẾ XÂY DỰNG
TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

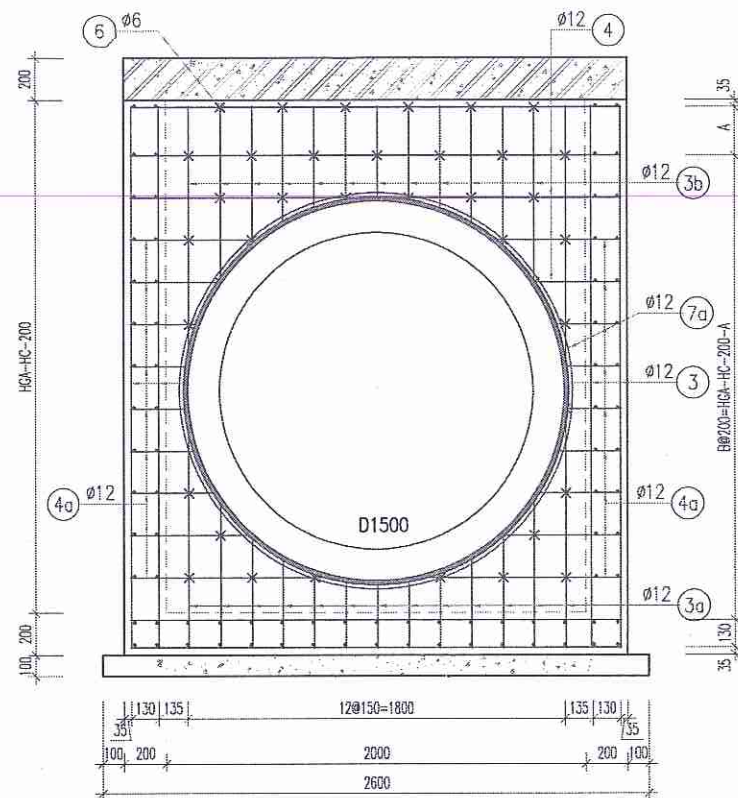
TÊN BẢN VẼ:
GA THẨM LOẠI 3

CHỦ NHIỆM TK: NGUYỄN ANH TUẤN
CHỦ TRÌ TKGT: BÙI MINH CHIẾN
THIẾT KẾ: NGUYỄN PHI LONG
KIỂM TRA: BÙI MINH CHIẾN

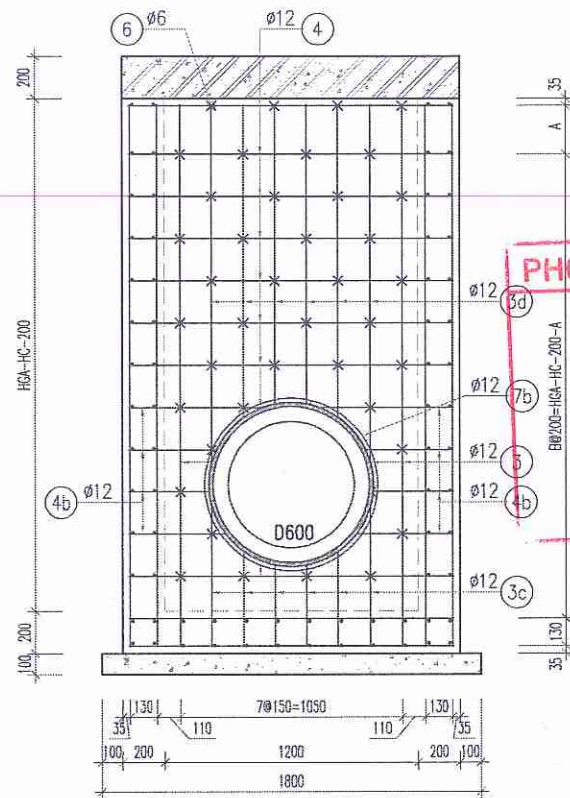
CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
PHÁT TRIỂN
HẠ TẦNG ĐÔ THỊ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
NGUYỄN ANH TUẤN

HOÀN THÀNH: 120
BẢN VẼ SỐ: 01/02
KÝ HIỆU: GA-BTCT
TỶ LỆ:

BỐ TRÍ CỐT THÉP THÀNH AB



BỐ TRÍ CỐT THÉP THÀNH BC



BẢNG CHI TIẾT CỐT THÉP

CẤU KIỆN	SỐ HIỆU	QUY CÁCH	Ø (mm)
ĐÂY GA	1	L	12
	2	L	12
	16	50 L 50	6
	10	L	12
	10A	L	12
	10B	130 L 50	12
	10C	130 L 50	12
	11	L	14
	11A	L	14
	12	L	12
	12A	L	12
	13	L	14
	13A	L	14
	14	50 L 50	6
	15	50 L 100	10

CẤU KIỆN	SỐ HIỆU	QUY CÁCH	Ø (mm)
THÀNH GA	3	150 LTB(theoBKL)	12
	3A	150 LTB(theoBKL)	12
	3B	150 LTB(theoBKL)	12
	4	1340	12
	4'	230 1110	12
	4A	LTB(theoBKL)	12
	6	50 140 50	6
	7A	L*4(theoBKL)	12
	3	150 LTB(theoBKL)	12
	3C	150 LTB(theoBKL)	12
	3D	150 LTB(theoBKL)	12
	4	1340	12
	4B	LTB(theoBKL)	12
	6	50 140 50	6
	7B	L*4(theoBKL)	12
CD	3	150 LTB(theoBKL)	12
	3E	150 LTB(theoBKL)	12
	3F	150 LTB(theoBKL)	12
	4	1340	12
	4'	230 1110	12
	4C	LTB(theoBKL)	12
	6	50 140 50	6
	7C	L*4(theoBKL)	12
	3G	150 LTB(theoBKL)	12
	4	1340	12
	4D	LTB(theoBKL)	12
	6	50 140 50	6
	7D	L*4(theoBKL)	12
	200 250 100		22
DA	3	150 LTB(theoBKL)	12
	3H	150 LTB(theoBKL)	12
	3I	150 LTB(theoBKL)	12
	4	1340	12
	4'	230 1110	12
	4E	LTB(theoBKL)	12
	6	50 140 50	6
	7E	L*4(theoBKL)	12
	3J	150 LTB(theoBKL)	12
	3K	150 LTB(theoBKL)	12
	3L	150 LTB(theoBKL)	12
	4	1340	12
	4'	230 1110	12
	4F	LTB(theoBKL)	12
	6	50 140 50	6
	7F	L*4(theoBKL)	12

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 13176-KTĐ
ngày 24 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên
Kiều Văn Bình

BẢNG THỐNG KÊ THÉP GA THÂM - LOẠI 5

Tên hạng mục	Tên thanh	Đường kính (mm)	Loại thép	Chiều dài thanh (mm)	Số lượng	Tổng chiều dài (mm)	Khối lượng đơn vị (kg/m)	Tổng khối lượng (Kg)
Đây ga	1	12	CB300-V	2340	32	74880	0.888	66.49
	2	12	CB300-V	2340	32	74880	0.888	66.49
	16	6	CB240-T	240	72	17280	0.222	3.84
	10	12	CB300-V	2340	16	37440	0.888	33.25
	10a	12	CB300-V	1440	4	5760	0.888	5.11
	10b	12	CB300-V	640	4	2560	0.888	2.27
	10c	12	CB300-V	640	4	2560	0.888	2.27
	11	14	CB300-V	2340	16	37440	1.209	45.25
	11a	14	CB300-V	1440	4	5760	1.209	6.96
	12	12	CB300-V	2340	16	37440	0.888	33.25
	12a	12	CB300-V	1440	4	5760	0.888	5.11
	13	14	CB300-V	2340	16	37440	1.209	45.25
	13a	14	CB300-V	1440	4	5760	1.209	6.96
	14	6	CB240-T	230	120	27600	0.222	6.13
	15	10	CB300-V	750	4	3000	0.617	1.85
Tấm đan (KL 1 tấm đan)	3	12	CB300-V	1820	12	21840	0.888	19.39
	3a (tb)	12	CB300-V	600	20	12000	0.888	10.66
	3b (tb)	12	CB300-V	1330	20	26600	0.888	23.62
	4	12	CB300-V	2340	0	0	0.888	0.00
	4a (tb)	12	CB300-V	1150	32	36800	0.888	32.68
	6	6	CB240-T	240	8	1920	0.222	0.43
	7a	12	CB300-V	0	0	0	0.888	0.00
	3	12	CB300-V	1820	16	29120	0.888	25.86
	3c (tb)	12	CB300-V	600	8	4800	0.888	4.26
	3d (tb)	12	CB300-V	730	8	5840	0.888	5.19
	4	12	CB300-V	2340	10	23400	0.888	20.78
	4b (tb)	12	CB300-V	850	12	10200	0.888	9.06
	6	6	CB240-T	240	44	10560	0.222	2.34
	7b	12	CB300-V	2560	2	5120	0.888	4.55
	3	12	CB300-V	1820	12	21840	0.888	19.39
Thành ga	3e (tb)	12	CB300-V	600	20	12000	0.888	10.66
	3f (tb)	12	CB300-V	1330	20	26600	0.888	23.62
	4	12	CB300-V	2340	0	0	0.888	0.00
	4c (tb)	12	CB300-V	1150	32	36800	0.888	32.68
	6	6	CB240-T	240	8	1920	0.222	0.43
	7c	12	CB300-V	0	0	0	0.888	0.00
	3	12	CB300-V	1820	16	29120	0.888	25.86
	3g (tb)	12	CB300-V	600	8	4800	0.888	4.26
	3h (tb)	12	CB300-V	730	8	5840	0.888	5.19
	4	12	CB300-V	2340	10	23400	0.888	20.78
	4d (tb)	12	CB300-V	850	12	10200	0.888	9.06
	6	6	CB240-T	240	44	10560	0.222	2.34
	7d	12	CB300-V	2560	2	5120	0.888	4.55
	Thang ga	22	CB300-V	900	5	4500	2.985	13.43
	Tổng hợp thép						D≤10	17.35
							10<D≤18	630.76
							D>18	13.43
						Tổng khối lượng thép (kg)		660.54

CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI
THẨM TRA
Theo văn bản số: 651/KCT
Ngày 24 tháng 4 năm 2026
Ký tên:
Phạm Văn Cường

CHỦ ĐẦU TƯ:
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
(ĐỊA CHỈ: SỐ 328 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI)
AVIC-JSC ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498

THIẾT KẾ XÂY DỰNG
TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRỊ LAI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:
GA THẨM LOẠI 3

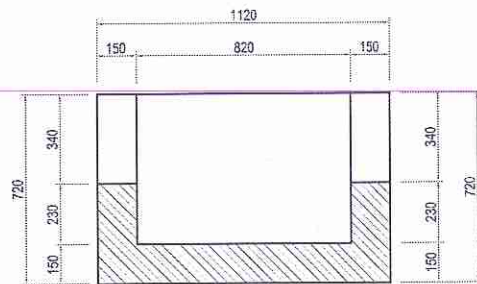
CHỦ NHIỆM TK: NGUYỄN ANH TUẤN
CHỦ TRÌ TKGT: BÙI MINH CHIẾN
THIẾT KẾ: NGUYỄN PHI LONG
KIỂM TRA: BÙI MINH CHIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI
CƠ QUAN PHÁP LÝ
HẠ TẦNG ĐÔ THỊ
AVIC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
NGUYỄN ANH TUẤN

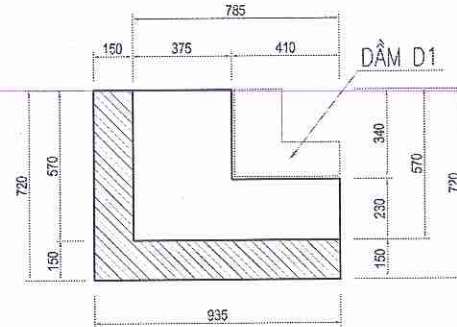
HOÀN THÀNH: /20
BẢN VẼ SỐ: 02/02
KÝ HIỆU: GA-BTCT
TỶ LỆ:

CẤU TẠO HỐ THU ĐÚC SẴN

MẶT CẮT III-III

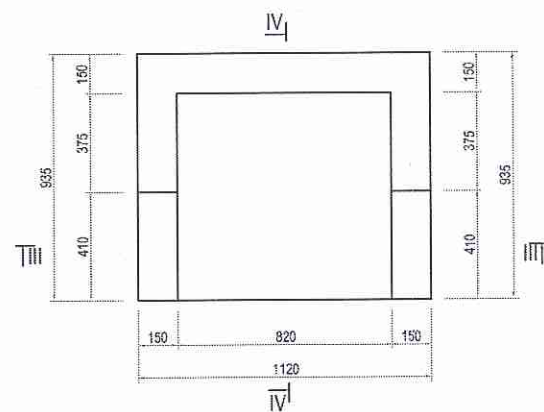


MẶT CẮT IV-IV



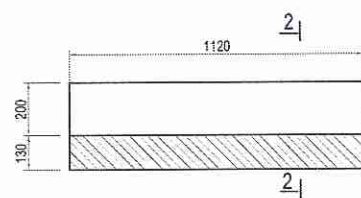
DẦM D1

MẶT BẰNG HỐ THU NƯỚC LOẠI 1

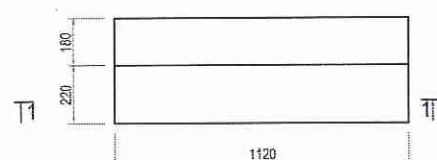


CẤU TẠO DẦM D1

MẶT CẮT 1-1



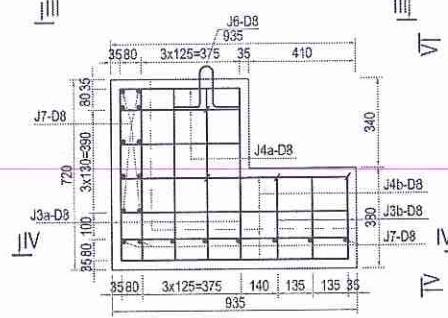
MẶT BẰNG DẦM D1



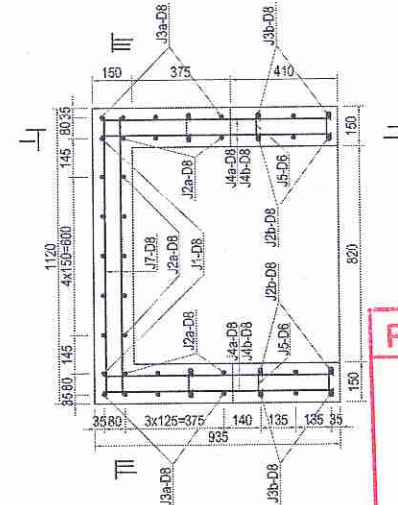
GHI CHÚ:

- Kích thước bản vẽ là mm
- Hố thu, dầm D1 và tấm đan được đúc tại bãi đúc và cầu vào vị trí thi công
- Khung và song chắn rác bằng gang, tải trọng 250KN
- Khung và nắp ga thăm bằng gang, tải trọng 400KN

MẶT CẮT I-I

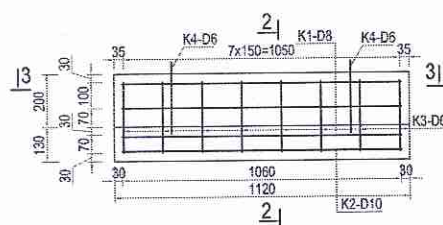


MẶT CẮT III-III

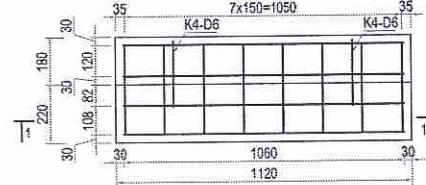


BỐ TRÍ CỐT THÉP DẦM D1

MẶT CẮT 1-1

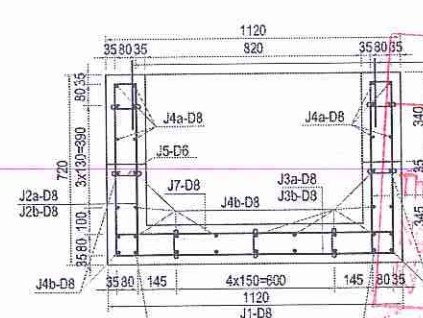


MẶT CẮT 3-3

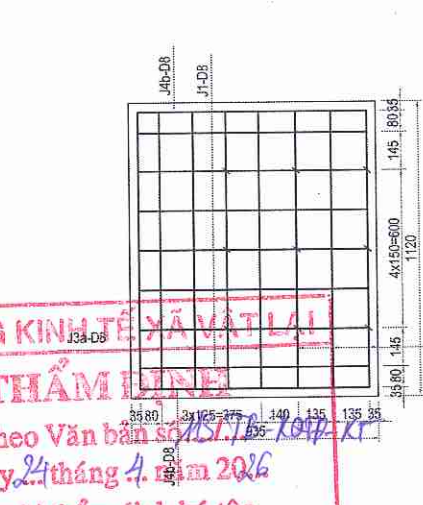


BỐ TRÍ CỐT THÉP HỐ THU ĐÚC SẴN

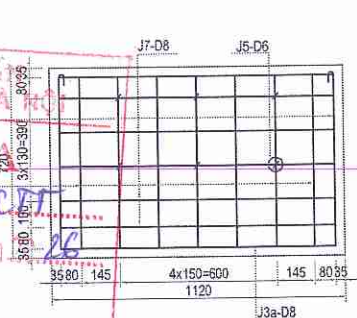
MẶT CẮT V-V



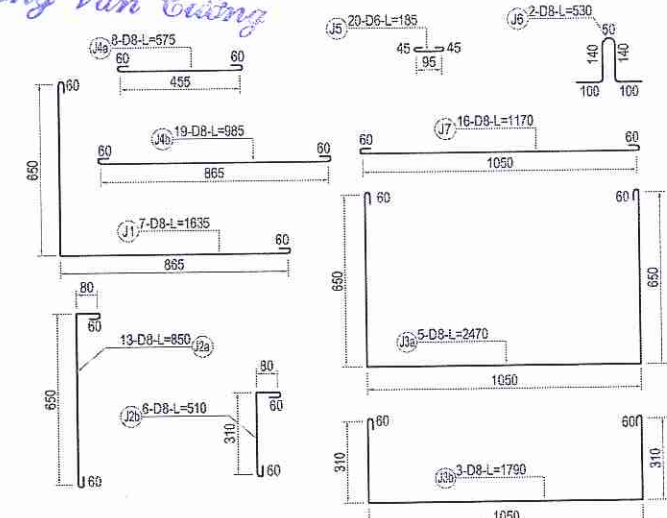
MẶT CẮT IV-IV



MẶT CẮT II-II



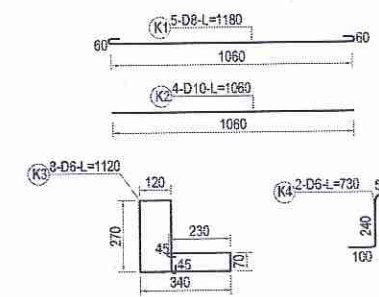
CHI TIẾT CỐT THÉP



BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG CỐT THÉP CỦA THU NƯỚC MƯA							
STT	Tên Thanh	Đường kính (mm)	Loại thép	Chiều dài (mm)	Số lượng	Tổng chiều dài (m)	Chi chú
1	J1	8	CB-240T	1635	7	11.45	4.52
2	J2a	8	CB-240T	850	13	11.05	4.36
3	J2b	8	CB-240T	510	6	3.06	1.21
4	J3a	8	CB-240T	2470	5	12.35	4.87
5	J3b	8	CB-240T	1790	3	5.37	2.12
6	J4a	8	CB-240T	575	12	6.90	2.72
7	J4b	8	CB-240T	985	19	18.72	7.38
8	J5	6	CB-240T	185	23	4.26	0.94
9	J6	8	CB-240T	530	2	1.06	0.42
10	J7	8	CB-240T	1170	18	21.06	8.31
Phân loại thép							
Đơn vị		CB-240T		CB-300V			
		D6	D8	D10	D12	D14	D22
Khối lượng (kg)		0.94	35.91	-	-	-	-
Tổng		Khối lượng thép:		36.85	(kg)		
		Cốt thép đường kính D ≤ 10:		36.85	(kg)		
		Cốt thép đường kính D > 10:		-	(kg)		

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG DẦM D1 HỒ THU							
STT	Tên Thanh	Đường kính (mm)	Loại thép	Chiều dài (mm)	Số lượng	Tổng chiều dài (m)	Chi chú
1	K1	8	CB-240T	1180	7	8.26	3.26
2	K2	10	CB-300V	1060	4	4.24	2.61
3	K3	6	CB-240T	1120	8	8.96	1.99
4	K4	6	CB-240T	730	2	1.46	0.32
Phân loại thép							
Đơn vị		CB-240T		CB-300V			
		D6	D8	D10	D12	D14	D22
Khối lượng (kg)		2.31	3.26	2.61	-	-	-
Tổng		Khối lượng thép:		8.18	(kg)		
		Cốt thép đường kính D ≤ 10:		8.18	(kg)		
		Cốt thép đường kính D > 10:		-	(kg)		

CHI TIẾT CỐT THÉP



CHỦ ĐẦU TƯ:
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
(ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRÍ - TỐC B - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI)
ĐIỆN THOẠI: 032 097 5498

THIẾT KẾ XÂY DỰNG
TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:
CẤU TẠO HỐ THU ĐÚC SẴN
VÀ DẦM D1
ÁP DỤNG CHO GA THU THẨM

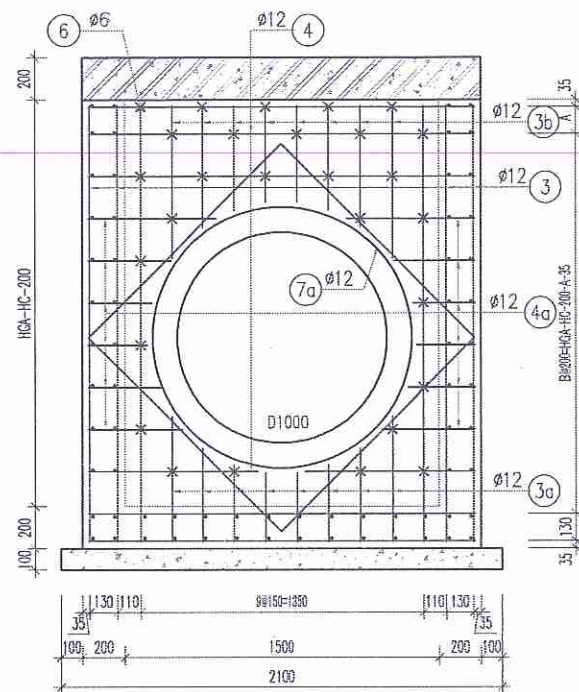
CHỦ NHIỆM TK: NGUYỄN ANH TUẤN
CHỦ TRÌ TKG: BÙI MINH CHIẾN
THIẾT KẾ: NGUYỄN PHI LONG
KIỂM TRA: BÙI MINH CHIẾN

CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
PHÁT TRIỂN
HẠ TẦNG ĐÔ THỊ
AVIC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

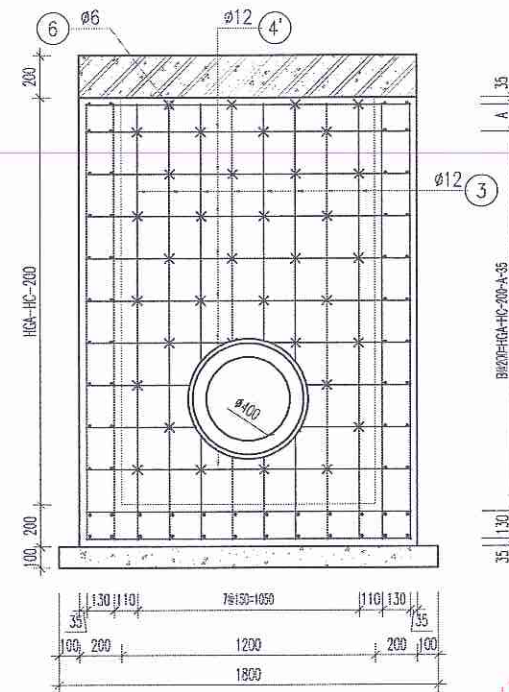
NGUYỄN ANH TUẤN

HOÀN THÀNH: /20
BẢN VẼ SỐ: 01/01
KÝ HIỆU: HT, D1-BTCT
TỶ LỆ:

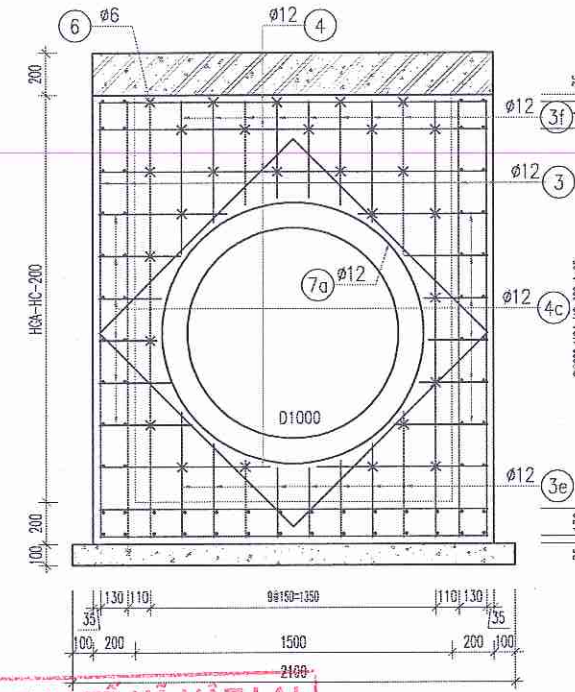
BỐ TRÍ CỐT THÉP THÀNH AB



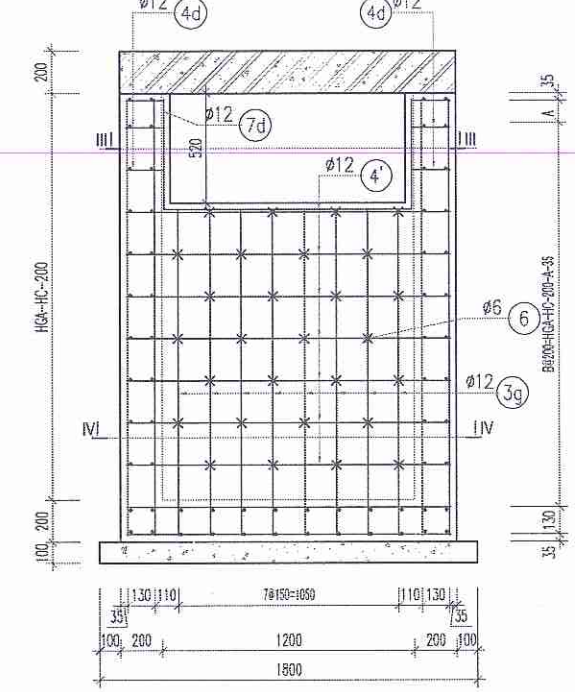
BỐ TRÍ CỐT THÉP THÀNH BC



BỐ TRÍ CỐT THÉP THÀNH CD

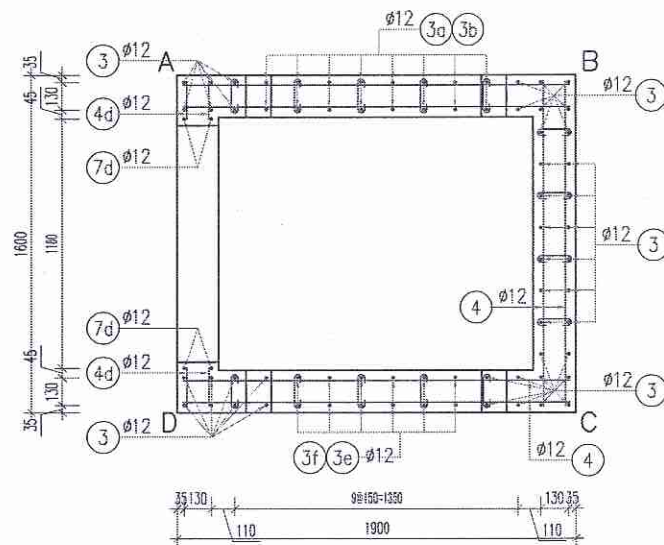


BỐ TRÍ CỐT THÉP THÀNH DA

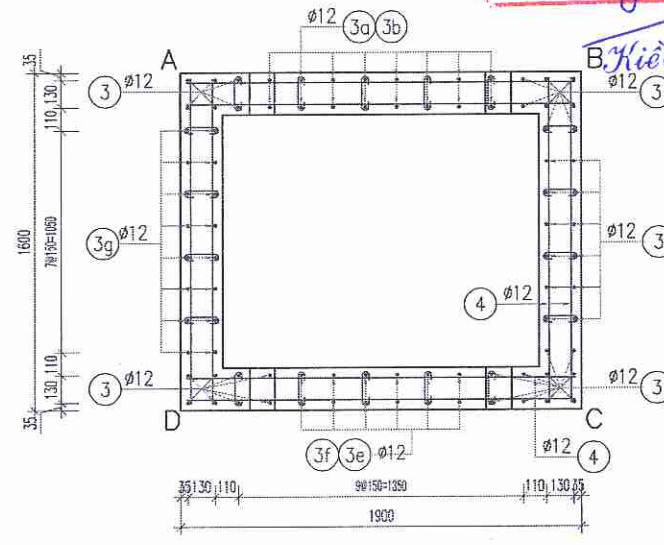


PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 151/KQĐ-KT
ngày 24 tháng 4 năm 2016
Người thẩm định ký tên

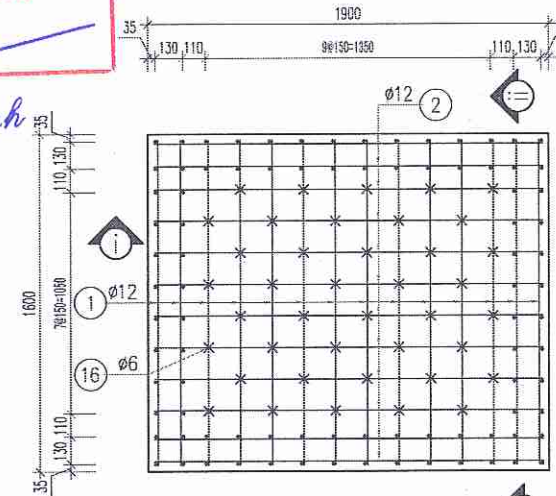
BỐ TRÍ CỐT THÉP MẶT BẰNG (MC III - III)



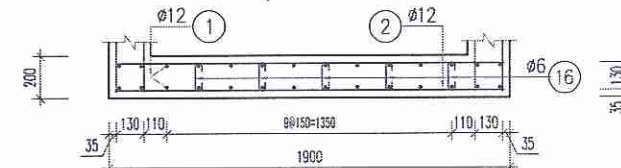
BỐ TRÍ CỐT THÉP MẶT BẰNG (MC IV - IV)



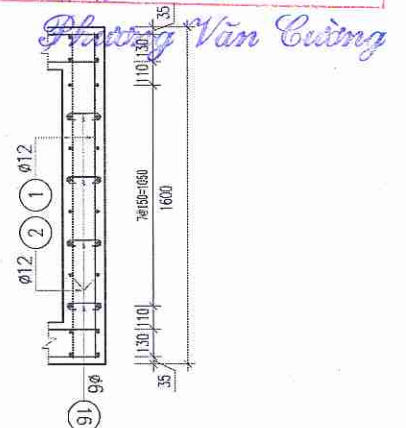
BỐ TRÍ CỐT THÉP ĐÁY GA



MẶT CẮT I-I



CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VIỆT HÀ NỘI
THẨM TRA
Theo Mặt cắt III 657/BCT
Ngày 24 tháng 4 năm 2016
Ký tên:



CHỦ ĐẦU TƯ: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG		THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC (ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRÍ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI)		TÊN BẢN VẼ: GA THU THẨM LOẠI 1		<table><tr><td>CHỦ NHIỆM TK</td><td>NGUYỄN ANH TUẤN</td><td></td></tr><tr><td>CHỦ TRÌ TKGT</td><td>BÙI MINH CHIẾN</td><td></td></tr><tr><td>THIẾT KẾ</td><td>NGUYỄN PHI LONG</td><td></td></tr><tr><td>KIỂM TRA</td><td>BÙI MINH CHIẾN</td><td></td></tr></table>		CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN		CHỦ TRÌ TKGT	BÙI MINH CHIẾN		THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG		KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN		CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC M.S. 0109055864 CÔNG TY CỔ PHẦN KIẾN TRÚC VIỆT HÀ NỘI THẨM TRA Theo Mặt cắt III 657/BCT Ngày 24 tháng 4 năm 2016 Ký tên: Phạm Văn Cường		HOÀN THÀNH: /20 BẢN VẼ SỐ: 01/02 KÝ HIỆU: GA-BTCT TỶ LỆ:	
CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN																						
CHỦ TRÌ TKGT	BÙI MINH CHIẾN																						
THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG																						
KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN																						

BẢNG THỐNG KÊ THÉP GA THU THẨM - LOẠI 1									
Tên hạng mục		Tên thanh	Đường kính (mm)	Loại thép	Chiều dài thanh (mm)	Số lượng thanh	Tổng chiều dài (mm)	Khối lượng đơn vị (kg/m)	Tổng khối lượng (Kg)
Đáy ga		1	12	CB300-V	1340	20	26800	0.888	23.80
		2	12	CB300-V	1340	20	26800	0.888	23.80
		16	6	CB240-T	240	18	4320	0.222	0.96
Tấm đan		10	12	CB300-V	1340	10	13400	0.888	11.90
		10a	12	CB300-V	440	4	1760	0.888	1.56
		10b	12	CB300-V	640	4	2560	0.888	2.27
		10c	12	CB300-V	640	4	2560	0.888	2.27
		11	14	CB300-V	1340	10	13400	1.209	16.20
		11a	14	CB300-V	440	4	1760	1.209	2.13
		12	12	CB300-V	1340	10	13400	0.888	11.90
		12a	12	CB300-V	440	4	1760	0.888	1.56
		13	14	CB300-V	1340	10	13400	1.209	16.20
		13a	14	CB300-V	440	4	1760	1.209	2.13
		14	6	CB240-T	230	42	9660	0.222	2.14
		15	10	CB300-V	750	4	3000	0.617	1.85
Thành ga	AB	3	12	CB300-V	2480	6	14880	0.888	13.21
		3a (tb)	12	CB300-V	600	14	8400	0.888	7.46
		3b (tb)	12	CB300-V	990	14	13860	0.888	12.31
		4	12	CB300-V	1340	9	12060	0.888	10.71
		4'	12	CB300-V	1400	3	4200	0.888	3.73
		4a (tb)	12	CB300-V	150	20	3000	0.888	2.66
		6	6	CB240-T	240	21	5040	0.222	1.12
	7a	12	CB300-V	4160	2	8320	0.888	7.39	
	BC	3	12	CB300-V	2480	6	14880	0.888	13.21
		3c (tb)	12	CB300-V	600	6	3600	0.888	3.20
		3d (tb)	12	CB300-V	1590	6	9540	0.888	8.47
		4	12	CB300-V	1340	18	24120	0.888	21.42
		4b (tb)	12	CB300-V	450	8	3600	0.888	3.20
		6	6	CB240-T	240	31	7440	0.222	1.65
		7b	12	CB300-V	1760	2	3520	0.888	3.13
	CD	3	12	CB300-V	2480	6	14880	0.888	13.21
		3e (tb)	12	CB300-V	600	14	8400	0.888	7.46
		3f (tb)	12	CB300-V	990	14	13860	0.888	12.31
		4	12	CB300-V	1340	9	12060	0.888	10.71
		4'	12	CB300-V	1400	3	4200	0.888	3.73
		4c (tb)	12	CB300-V	150	20	3000	0.888	2.66
		6	6	CB240-T	240	21	5040	0.222	1.12
		7c	12	CB300-V	4160	2	8320	0.888	7.39
	DA	3	12	CB300-V	0	0	0	0.888	0.00
		3g (tb)	12	CB300-V	1430	16	22880	0.888	20.32
		3h (tb)	12	CB300-V	0	0	0	0.888	0.00
		3k (tb)	12	CB300-V	0	0	0	0.888	0.00
		4	12	CB300-V	1340	16	21440	0.888	19.04
		4d (tb)	12	CB300-V	85	12	1020	0.888	0.91
		4e (tb)	12	CB300-V	0	0	0	0.888	0.00
		6	6	CB240-T	240	33	7920	0.222	1.76
		7d	12	CB300-V	2220	2	4440	0.888	3.94
	7e	12	CB300-V	0	0	0	0.888	0.00	
Thang ga			22	CB300-V	900	7	6300	2.985	18.80
Tổng hợp thép						D≤10		10.60	
						10<D≤18		327.48	
						D>18		18.80	
						Tổng khối lượng thép (kg)		356.89	

BẢNG CHI TIẾT CỐT THÉP

CẤU KIỆN	SỐ HIỆU	QUY CÁCH	Ø (mm)
ĐÁY GA	1	L	12
	2	L	12
	16	50 L 50	6
	10	L	12
	10A	L	12
	10B	130 L 50	12
	10C	130 L 50	12
	11	L	14
	11A	L	14
	12	L	12
	12A	L	12
	13	L	14
	13A	L	14
	14	50 L 50	6
	15	50 L 100 100	10
THANG GA	AB	3	150 LTB(theoBKL) 12
		3A	150 LTB(theoBKL) 12
		3B	150 LTB(theoBKL) 12
		4	1340 12
		4'	230 1110 12
		4A	LTB(theoBKL) 12
		6	50 140 50 6
		7A	L*4(theoBKL) 12
	BC	3	150 LTB(theoBKL) 12
		3C	150 LTB(theoBKL) 12
		3D	150 LTB(theoBKL) 12
		4	1340 12
		4B	LTB(theoBKL) 12
		6	50 140 50 6
		7B	L*4(theoBKL) 12
	CD	3	150 LTB(theoBKL) 12
		3E	150 LTB(theoBKL) 12
		3F	150 LTB(theoBKL) 12
		4	1340 12
		4'	230 1110 12
		4C	LTB(theoBKL) 12
		6	50 140 50 6
	DA	7C	L*4(theoBKL) 12
		3G	150 LTB(theoBKL) 12
		4	1340 12
		4D	LTB(theoBKL) 12
		6	50 140 50 6
		7D	L 1180 L 12
		200 250 100 100	22

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 1151/TB-KQTP-KT
ngày 24 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên
Khiên Văn Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN THÚC VIỆT HÀ NỘI
THẨM TRA
Theo văn bản số: 651/BCTT
Ngày 24 tháng 4 năm 2026
Ký tên:
Phượng Văn Cường

CHỦ ĐẦU TƯ: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC (ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI) ĐIỆN THOẠI: 032.697.5498	THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI	TÊN BẢN VẼ: GA THU THẨM LOẠI 1	CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC CỔ PHẦN KIỂM ĐÓNG PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC THÀNH PHỐ HÀ NỘI	HOÀN THÀNH: /20
			CHỦ TRÌ TKGT	BÙI MINH CHIẾN		BẢN VẼ SỐ: 01/02
			THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG		KÝ HIỆU: GA-BTCT
			KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN		TỶ LỆ:

BTXM CHÈN KHUNG GA

CD MẶT ĐƯỜNG

BTXM CHÈN KHUNG GA

CD MẶT ĐƯỜNG

820

720

570

150

100

70

385

180

320

200

700

200

1000

200

200

150

200

130

200

10

150

230

10

150

375

10

180

220

735

H CA - 850

H CA - 200

H CA

100

200

1000

200

1000

1600

300

D600

D400

BÊ TÔNG LÓT M100, ĐÁ 2X4

BÊ TÔNG ĐÁY M250, ĐÁ 1X2

BÊ TÔNG LÓT M100, ĐÁ 2X4

[illegible]

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số 113/TB-KTĐ-KT
ngày 14 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên _____

NGƯỜI CHỌN

MẮT CẮT IV-IV *Hiền Văn Bình*

[illegible]

Technical drawing of a mechanical part, likely a shaft or tube, showing dimensions and features. The drawing includes a side view with a total length of 1400 and a section view labeled 'A-A'. Dimensions include diameters ($\varnothing 12$, $\varnothing 10$, $\varnothing 14$, $\varnothing 6$) and various lengths (38, 124, 700, 500, 124, 38). The section view shows internal features like a central hole and a keyway.

Technical drawing of a rectangular frame. The overall width is 1400 and the overall height is 200. The frame consists of four main members: top (10), bottom (11), left (12), and right (13). Diagonal bracing members are labeled 10a, 11a, 12a, and 13a. Circular nodes are labeled 10, 11, 12, 13, 10a, 11a, 12a, and 13a. Dimensions for member widths and spacings are provided: top member width 37, bottom member width 38, left member width 125, right member width 124, and diagonal member width 124. Spacing dimensions for the diagonal members are 163, 301, 50=450, 163, 201, 50=303, and 124. A dimension of 38 is shown for the bottom member width. A dimension of 6 is shown for the right member width.


CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
 (ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỐ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI)
 ĐIỆN THOẠI: 032.697.5498

TÊN BẢN VẼ:

GA THU THẨM LOẠI 2

CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN
CHỦ TRÌ TKGT	BÙI MINH CHIẾN
THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG
KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
CỔ PHẦN GIÁM ĐỐC
PHÁT TRIỂN
HẠ TẦNG ĐÔ THỊ
AVIC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
NGUYỄN ANH TUẤN

HOÀN THÀNH:	/20
BẢN VẼ SỐ:	01/03
KÝ HIỆU:	GA-BTCT
TỶ LỆ:	

BẢNG THỐNG KÊ THÉP GA THU THẨM - LOẠI 2									
Tên hạng mục	Tên thanh	Đường kính (mm)	Loại thép	Chiều dài thanh (mm)	Số lượng thanh	Tổng chiều dài (mm)	Khối lượng đơn vị (kg/m)	Tổng khối lượng (Kg)	
Đáy ga	1	12	CB300-V	1340	20	26800	0.888	23.80	
	2	12	CB300-V	1340	20	26800	0.888	23.80	
	16	6	CB240-T	240	18	4320	0.222	0.96	
	10	12	CB300-V	1340	10	13400	0.888	11.90	
Tấm đan	10a	12	CB300-V	440	4	1760	0.888	1.56	
	10b	12	CB300-V	640	4	2560	0.888	2.27	
	10c	12	CB300-V	640	4	2560	0.888	2.27	
	11	14	CB300-V	1340	10	13400	1.209	16.20	
	11a	14	CB300-V	440	4	1760	1.209	2.13	
	12	12	CB300-V	1340	10	13400	0.888	11.90	
	12a	12	CB300-V	440	4	1760	0.888	1.56	
	13	14	CB300-V	1340	10	13400	1.209	16.20	
	13a	14	CB300-V	440	4	1760	1.209	2.13	
	14	6	CB240-T	230	42	9660	0.222	2.14	
	15	10	CB300-V	750	4	3000	0.617	1.85	
	Thành ga	AB	3	12	CB300-V	1600	12	19200	0.888
3a (tb)			12	CB300-V	600	8	4800	0.888	4.26
3b (tb)			12	CB300-V	510	8	4080	0.888	3.62
4			12	CB300-V	1340	5	6700	0.888	5.95
4'			12	CB300-V	1400	3	4200	0.888	3.73
4a (tb)			12	CB300-V	350	12	4200	0.888	3.73
6			6	CB240-T	240	17	4080	0.222	0.91
7a			12	CB300-V	2560	2	5120	0.888	4.55
BC		3	12	CB300-V	1600	6	9600	0.888	8.52
		3c (tb)	12	CB300-V	600	6	3600	0.888	3.20
		3d (tb)	12	CB300-V	710	6	4260	0.888	3.78
		4	12	CB300-V	1340	10	13400	0.888	11.90
		4b (tb)	12	CB300-V	450	8	3600	0.888	3.20
		6	6	CB240-T	240	19	4560	0.222	1.01
		7b	12	CB300-V	1760	2	3520	0.888	3.13
		7c	12	CB300-V	1760	2	3520	0.888	3.13
CD		3	12	CB300-V	1600	20	32000	0.888	28.42
		3e (tb)	12	CB300-V	0	0	0	0.888	0.00
		3f (tb)	12	CB300-V	0	0	0	0.888	0.00
		4	12	CB300-V	1340	11	14740	0.888	13.09
		4'	12	CB300-V	1400	3	4200	0.888	3.73
		4c (tb)	12	CB300-V	0	0	0	0.888	0.00
		6	6	CB240-T	240	21	5040	0.222	1.12
		7c	12	CB300-V	0	0	0	0.888	0.00
DA		3	12	CB300-V	0	0	0	0.888	0.00
		3g (tb)	12	CB300-V	550	16	8800	0.888	7.81
		3h (tb)	12	CB300-V	0	0	0	0.888	0.00
		3k (tb)	12	CB300-V	0	0	0	0.888	0.00
		4	12	CB300-V	1340	8	10720	0.888	9.52
		4d (tb)	12	CB300-V	85	12	1020	0.888	0.91
		4e (tb)	12	CB300-V	0	0	0	0.888	0.00
		6	6	CB240-T	240	21	5040	0.222	1.12
		7d	12	CB300-V	2220	2	4440	0.888	3.94
		7e	12	CB300-V	0	0	0	0.888	0.00
Thang ga		22	CB300-V	900	4	3600	2.985	10.74	
Tổng hợp thép					D≤10		9.11		
					10<D≤18		259.75		
					D>18		10.74		
					Tổng khối lượng thép (kg)		279.60		

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VIỆT HÀ NỘI

THẨM TRA

Theo văn bản số: 65/BCTT.....

Ngày 24 tháng 4 năm 2026

Ký tên: *[Signature]*

BẢNG CHI TIẾT CỐT THÉP

CẤU KIỆN	SỐ HIỆU	QUY CÁCH	Ø (mm)
ĐÁY GA	1	L	12
	2	L	12
	16	50 L 50	6
TẤM ĐAN	10	L	12
	10A	L	12
	10B	130 L 50	12
	10C	130 L 50	12
	11	L	14
	11A	L	14
	12	L	12
	12A	L	12
	13	L	14
	13A	L	14
	14	50 L 50	6
	15	50 L 100 100	10

CẤU KIỆN	SỐ HIỆU	QUY CÁCH	Ø (mm)	
THÀNH GA	AB	3		12
		3A		12
		3B		12
		4		12
		4'		12
		4A		12
		6		6
		7A		12
	BC	3		12
		3C		12
		3D		12
		4		12
		4B		12
		6		6
7B			12	
CD	3		12	
	3E		12	
	3F		12	
	4		12	
	4'		12	
	4C		12	
	6		6	
	7C		12	
DA	3G		12	
	4		12	
	4D		12	
	6		6	
	7D		12	
THANG			22	

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH

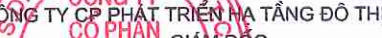
Theo Văn bản số 131/TB-KTĐ-KT

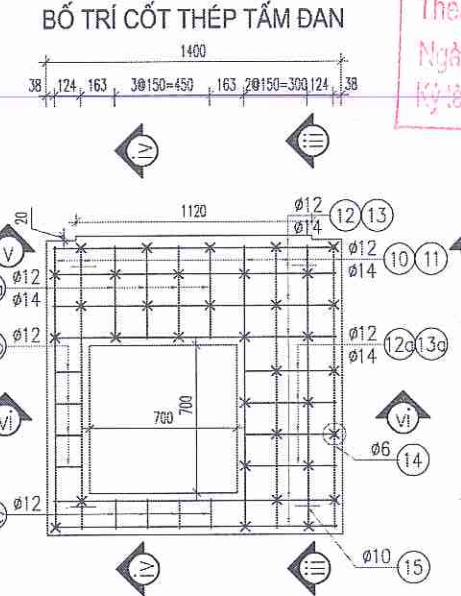
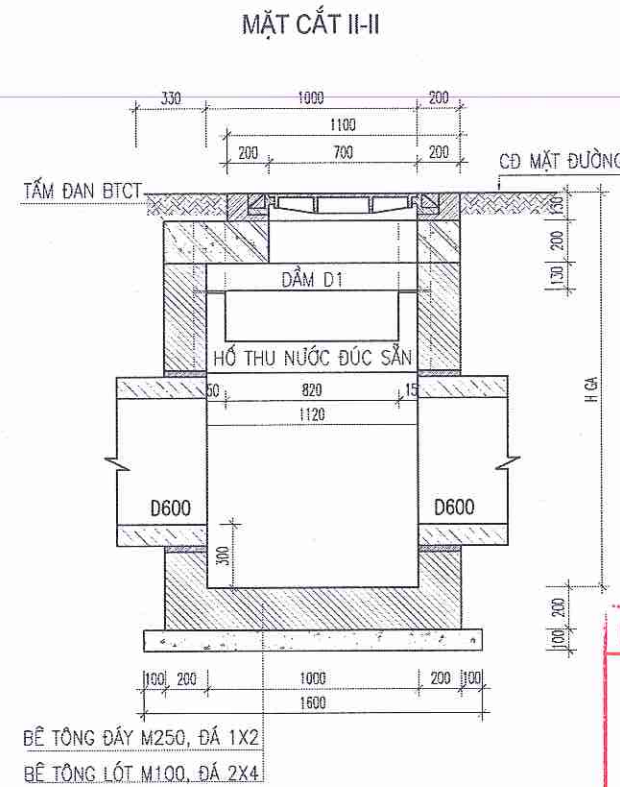
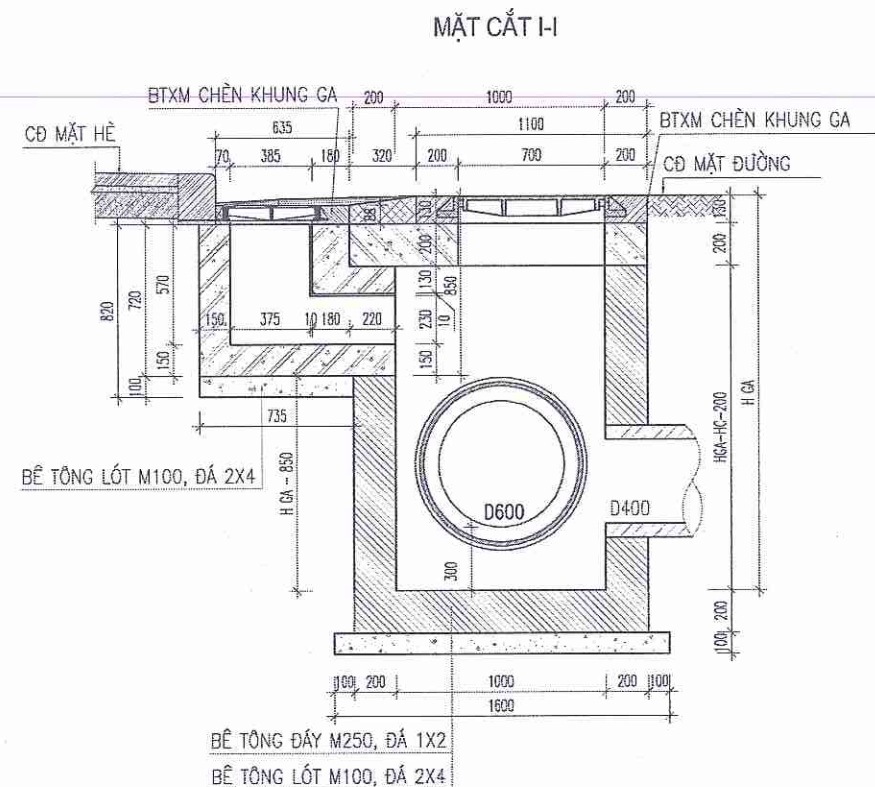
ngày 24 tháng 4 năm 2026

Người thẩm định ký tên

[Signature]

Kiều Văn Bình

CHỦ ĐẦU TƯ: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG		THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI		TÊN BẢN VẼ: GA THU THẨM LOẠI 2		<table><tr><td>CHỦ NHIỆM TK</td><td>NGUYỄN ANH TUẤN</td><td></td></tr><tr><td>CHỦ TRÌ TKGT</td><td>BÙI MINH CHIẾN</td><td></td></tr><tr><td>THIẾT KẾ</td><td>NGUYỄN PHI LONG</td><td></td></tr><tr><td>KIỂM TRA</td><td>BÙI MINH CHIẾN</td><td></td></tr></table>			CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN		CHỦ TRÌ TKGT	BÙI MINH CHIẾN		THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG		KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN		CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC GIÁM ĐỐC M.S.0109055864 PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC THÀNH PHỐ HÀ NỘI  NGUYỄN ANH TUẤN		HOÀN THÀNH: /20 BẢN VẼ SỐ: 03/03 KÝ HIỆU: GA-BTCT TỶ LỆ:	
CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN																							
CHỦ TRÌ TKGT	BÙI MINH CHIẾN																							
THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG																							
KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN																							
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:  CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC (ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI) ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498																								



CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN THÚC VIỆT HÀ NỘI

THẨM TRA

Theo văn bản số: 65.1/BCTT

Ngày 24 tháng 4 năm 2025

Ký tên: *Phạm Văn Cường*

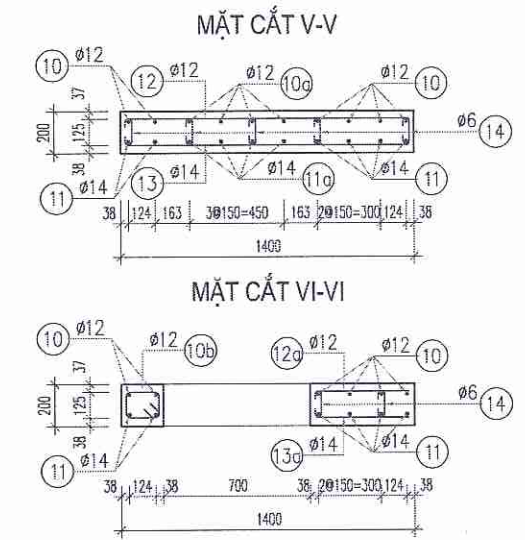
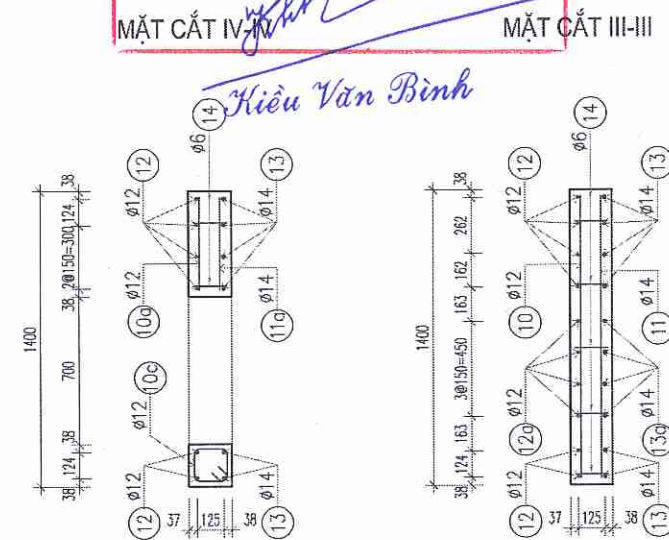
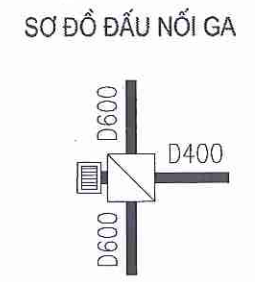
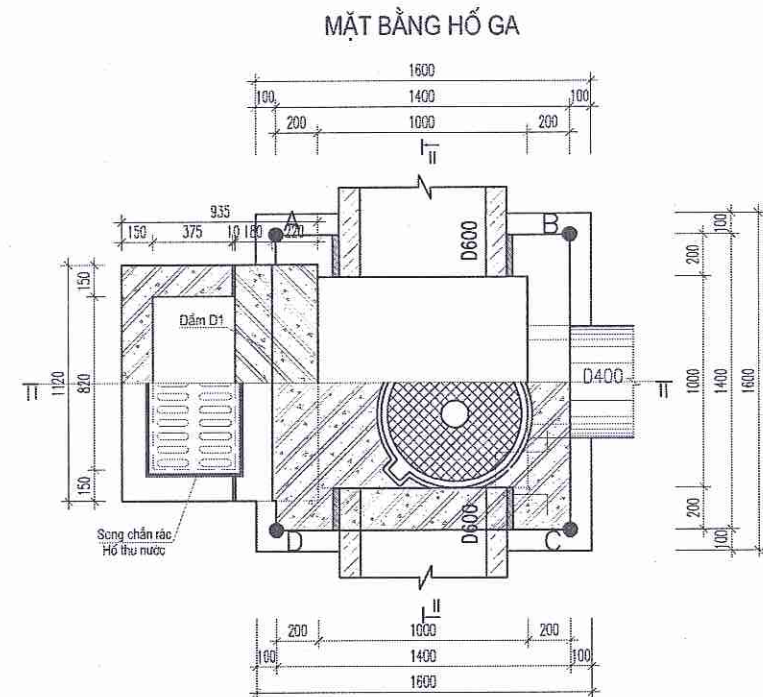
PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

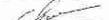
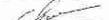
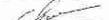
THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số 123/TB-KTTP-KT

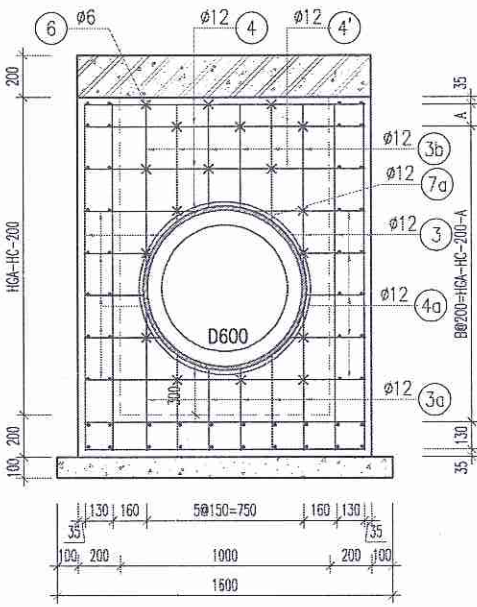
ngày 24 tháng 4 năm 2025

Người thẩm định ký tên: *Nguyễn Văn Bình*

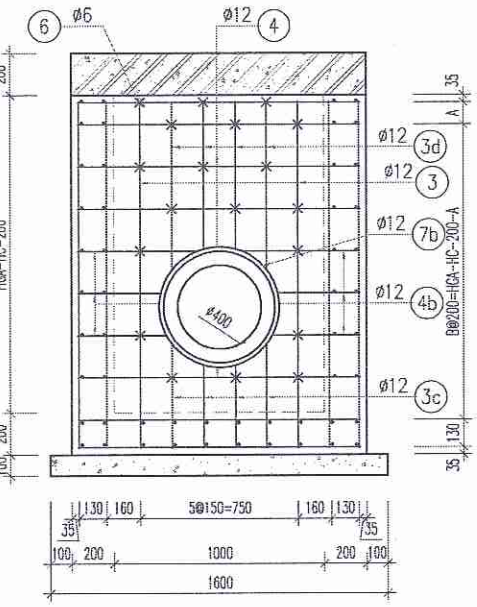


CHỦ ĐẦU TƯ: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG		THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI		TÊN BẢN VẼ: GA THU THẨM LOẠI 3		<table><tr><td>CHỦ NHIỆM TK</td><td>NGUYỄN ANH TUẤN</td><td></td></tr><tr><td>CHỦ TRÌ TKGT</td><td>BÙI MINH CHIẾN</td><td></td></tr><tr><td>THIẾT KẾ</td><td>NGUYỄN PHI LONG</td><td></td></tr><tr><td>KIỂM TRA</td><td>BÙI MINH CHIẾN</td><td></td></tr></table>		CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN		CHỦ TRÌ TKGT	BÙI MINH CHIẾN		THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG		KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN		CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC M.S. 0102019001 CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC THÀNH PHỐ HÀ NỘI  GIÁM ĐỐC NGUYỄN ANH TUẤN		HOÀN THÀNH: /20 BẢN VẼ SỐ: 01/03 KÝ HIỆU: GA-BTCT TỶ LỆ:	
CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN																						
CHỦ TRÌ TKGT	BÙI MINH CHIẾN																						
THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG																						
KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN																						

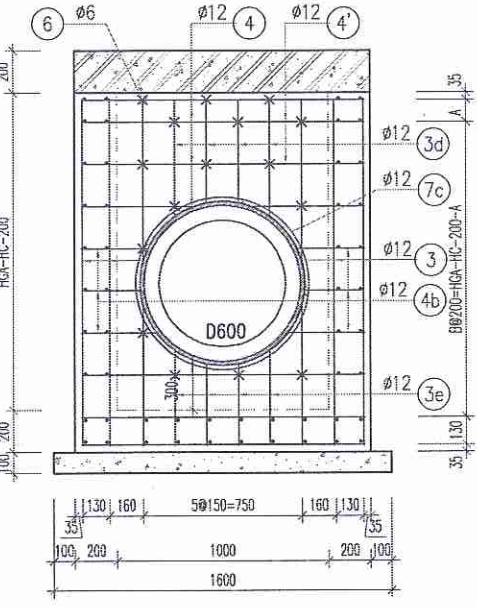
BỐ TRÍ CỐT THÉP THÀNH AB



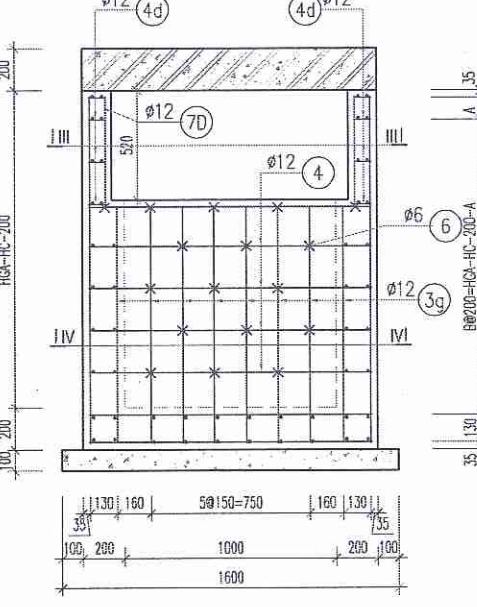
BỐ TRÍ CỐT THÉP THÀNH BC



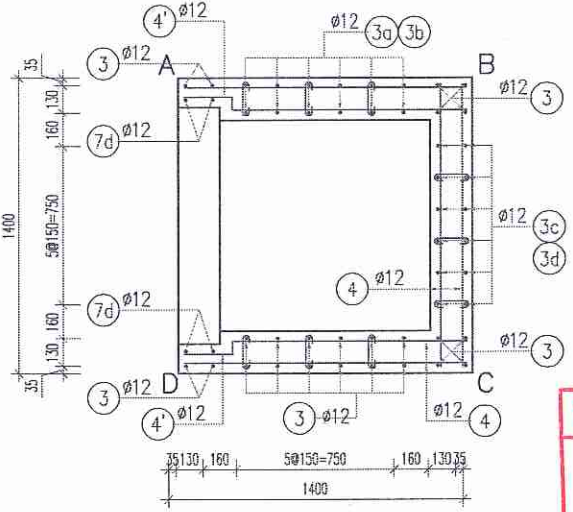
BỐ TRÍ CỐT THÉP THÀNH CD



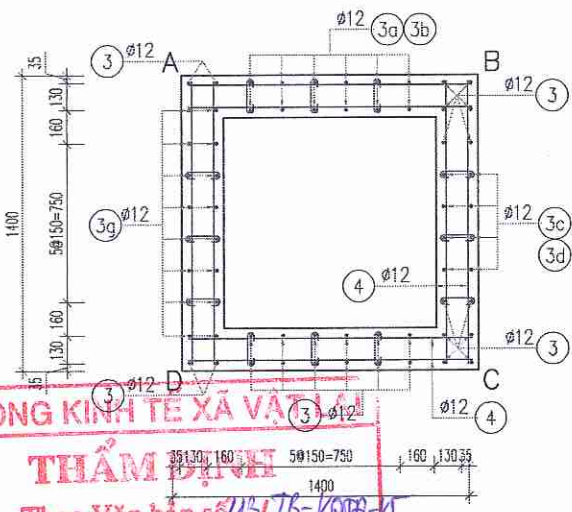
BỐ TRÍ CỐT THÉP THÀNH DA



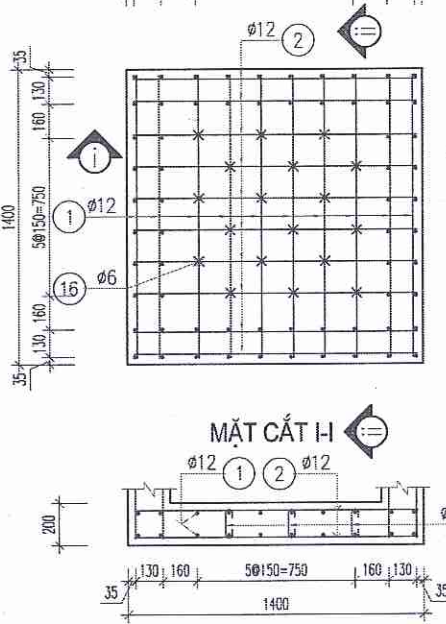
BỐ TRÍ CỐT THÉP MẶT BẰNG (MC III - III)



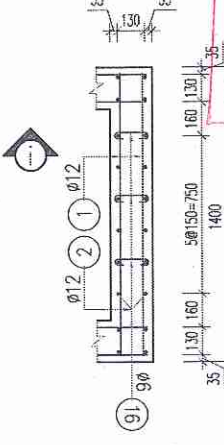
BỐ TRÍ CỐT THÉP MẶT BẰNG (MC IV - IV)



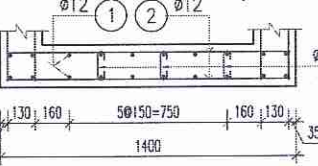
BỐ TRÍ CỐT THÉP ĐÁY GA



MẶT CẮT II-II



MẶT CẮT I-I



CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VIỆT HÀ NỘI
THẨM TRA
Theo văn bản số: 657/BCTT
Ngày: 24 tháng 4 năm 2016
Ký tên: *Phạm Văn Cường*

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 151/TB-KP-KT
ngày 24 tháng 4 năm 2016
Người thẩm định ký tên: *Hiền Văn Bình*

CHỦ ĐẦU TƯ: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG		THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI		TÊN BẢN VẼ: GA THU THẨM LOẠI 3		<table><tr><td>CHỦ NHIỆM TK</td><td>NGUYỄN ANH TUẤN</td><td></td></tr><tr><td>CHỦ TRÌ TKGT</td><td>BÙI MINH CHIẾN</td><td></td></tr><tr><td>THIẾT KẾ</td><td>NGUYỄN PHI LONG</td><td></td></tr><tr><td>KIỂM TRA</td><td>BÙI MINH CHIẾN</td><td></td></tr></table>			CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN		CHỦ TRÌ TKGT	BÙI MINH CHIẾN		THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG		KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN		CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC M.S.01 CÓ PHÁP PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC THÀNH PHỐ HÀ NỘI  NGUYỄN ANH TUẤN		HOÀN THÀNH: /20 BẢN VẼ SỐ: 02/03 KÝ HIỆU: GA-BTCT TỶ LỆ:	
CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN																							
CHỦ TRÌ TKGT	BÙI MINH CHIẾN																							
THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG																							
KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN																							
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:  CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC (ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI) ĐIỆN THOẠI: 032 697 5496																								

BẢNG THỐNG KÊ THÉP GA THU THẨM - LOẠI 3								
Tên hạng mục	Tên thanh	Đường kính (mm)	Loại thép	Chiều dài thanh (mm)	Số lượng thanh	Tổng chiều dài (mm)	Khối lượng đơn vị (kg/m)	Tổng khối lượng (Kg)
Đáy ga	1	12	CB300-V	1340	20	26800	0.888	23.80
	2	12	CB300-V	1340	20	26800	0.888	23.80
	16	6	CB240-T	240	18	4320	0.222	0.96
Tấm đan	10	12	CB300-V	1340	10	13400	0.888	11.90
	10a	12	CB300-V	440	4	1760	0.888	1.56
	10b	12	CB300-V	640	4	2560	0.888	2.27
	10c	12	CB300-V	640	4	2560	0.888	2.27
	11	14	CB300-V	1340	10	13400	1.209	16.20
	11a	14	CB300-V	440	4	1760	1.209	2.13
	12	12	CB300-V	1340	10	13400	0.888	11.90
	12a	12	CB300-V	440	4	1760	0.888	1.56
	13	14	CB300-V	1340	10	13400	1.209	16.20
	13a	14	CB300-V	440	4	1760	1.209	2.13
	14	6	CB240-T	230	42	9660	0.222	2.14
	15	10	CB300-V	750	4	3000	0.617	1.85
Thành ga	3	12	CB300-V	1490	12	17880	0.888	15.88
	3a (tb)	12	CB300-V	600	8	4800	0.888	4.26
	3b (tb)	12	CB300-V	400	8	3200	0.888	2.84
	4	12	CB300-V	1340	3	4020	0.888	3.57
	4'	12	CB300-V	1400	3	4200	0.888	3.73
	4a (tb)	12	CB300-V	350	12	4200	0.888	3.73
	6	6	CB240-T	240	14	3360	0.222	0.75
	7a	12	CB300-V	2560	2	5120	0.888	4.55
	3	12	CB300-V	1490	6	8940	0.888	7.94
	3c (tb)	12	CB300-V	600	6	3600	0.888	3.20
	3d (tb)	12	CB300-V	600	6	3600	0.888	3.20
	4	12	CB300-V	1340	8	10720	0.888	9.52
	4b (tb)	12	CB300-V	450	8	3600	0.888	3.20
	6	6	CB240-T	240	16	3840	0.222	0.85
	7b	12	CB300-V	1760	2	3520	0.888	3.13
	3	12	CB300-V	1490	12	17880	0.888	15.88
	3e (tb)	12	CB300-V	600	8	4800	0.888	4.26
	3f (tb)	12	CB300-V	400	8	3200	0.888	2.84
	4	12	CB300-V	1340	3	4020	0.888	3.57
	4'	12	CB300-V	1400	3	4200	0.888	3.73
	4c (tb)	12	CB300-V	350	12	4200	0.888	3.73
	6	6	CB240-T	240	14	3360	0.222	0.75
	7c	12	CB300-V	2560	2	5120	0.888	4.55
	3	12	CB300-V	0	0	0	0.888	0.00
	3g (tb)	12	CB300-V	440	16	7040	0.888	6.25
	3h (tb)	12	CB300-V	0	0	0	0.888	0.00
	3k (tb)	12	CB300-V	0	0	0	0.888	0.00
	4	12	CB300-V	1340	6	8040	0.888	7.14
	4d (tb)	12	CB300-V	85	12	1020	0.888	0.91
	4e (tb)	12	CB300-V	0	0	0	0.888	0.00
	6	6	CB240-T	240	18	4320	0.222	0.96
	7d	12	CB300-V	2220	2	4440	0.888	3.94
	7e	12	CB300-V	0	0	0	0.888	0.00
Thang ga		22	CB300-V	900	4	3600	2.985	10.74
Tổng hợp thép					D≤10		8.26	
					10<D≤18		241.24	
					D>18		10.74	
					Tổng khối lượng thép (kg)		260.24	

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN THỨC VIỆT HÀ NỘI

THẨM TRA

Theo văn bản số: 651/BCTT

Ngày 24 tháng 4 năm 2026

Ký tên: Phạm Văn Cường

BẢNG CHI TIẾT CỐT THÉP

CẤU KIỆN	SỐ HIỆU	QUY CÁCH	Ø (mm)
ĐÁY GA	1	L	12
	2	L	12
	16	50 L 50	6
TẤM ĐAN	10	L	12
	10A	L	12
	10B	130 L 50	12
	10C	130 L 50	12
	11	L	14
	11A	L	14
	12	L	12
	12A	L	12
	13	L	14
	13A	L	14
	14	50 L 50	6
	15	50 L 100 100	10

CẤU KIỆN	SỐ HIỆU	QUY CÁCH	Ø (mm)
THÀNH GA	3	150 LTB(theoBKL)	12
	3A	150 LTB(theoBKL)	12
	3B	150 LTB(theoBKL)	12
	4	1340	12
	4'	230 1110	12
	4A	LTB(theoBKL)	12
	6	50 140 50	6
	7A	4*(theoBKL)	12
	3	150 LTB(theoBKL)	12
	3C	150 LTB(theoBKL)	12
THÀNH GA	3D	150 LTB(theoBKL)	12
	4	1340	12
	4B	LTB(theoBKL)	12
	6	50 140 50	6
	7B	4*(theoBKL)	12
	3	150 LTB(theoBKL)	12
	3E	150 LTB(theoBKL)	12
	3F	150 LTB(theoBKL)	12
	4	1340	12
	4'	230 1110	12
THÀNH GA	4C	LTB(theoBKL)	12
	6	50 140 50	6
	7C	4*(theoBKL)	12
	3G	150 LTB(theoBKL)	12
	4	1340	12
	4D	LTB(theoBKL)	12
	6	50 140 50	6
	7D	L 1180 L	12
	THANG	200 250 100 100	22

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

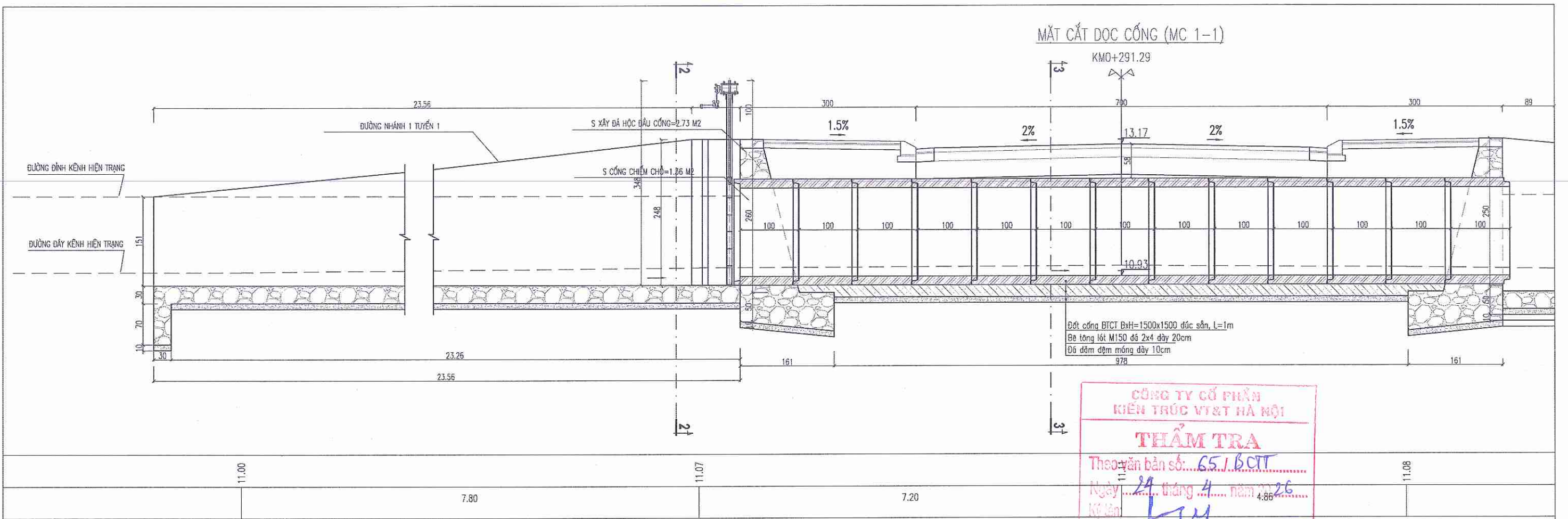
THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số: 131/TB-KPĐ-KT

ngày 24 tháng 4 năm 2026

Người thẩm định ký tên: Hiền Văn Bình

CHỦ ĐẦU TƯ:	ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG	THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	TÊN BẢN VẼ:	GA THU THẨM LOẠI 3	CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN	CHỦ TRÌ TKG	BÙI MINH CHIẾN	THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG	KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC THÀNH PHỐ HÀ NỘI	HOÀN THÀNH: /20 BẢN VẼ SỐ: 03/03 KÝ HIỆU: GA-BTCT TỶ LỆ:
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC (ĐỊA CHỈ: SỐ 328 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THO - HÀ NỘI) ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498	DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI												



CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VIỆT HÀ NỘI

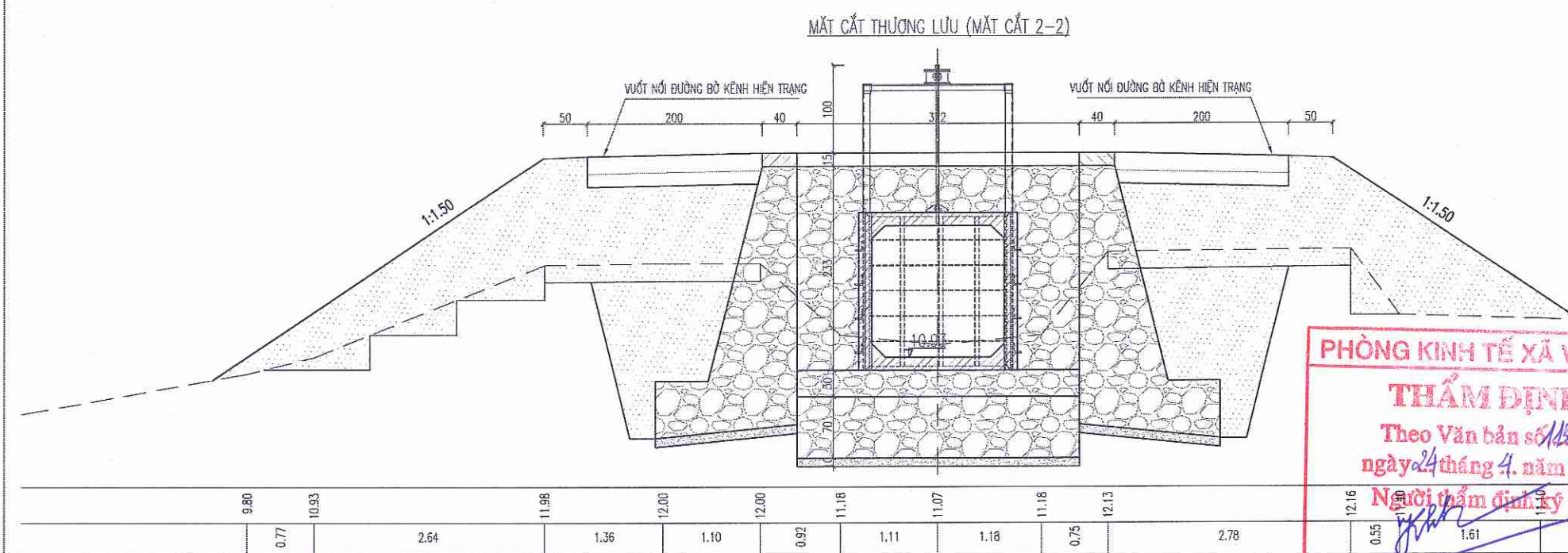
THẨM TRA

Theo văn bản số: 65/BCIT

Ngày 24 tháng 4 năm 2026

Ký tên: *[Signature]*

Phạm Văn Cường



PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

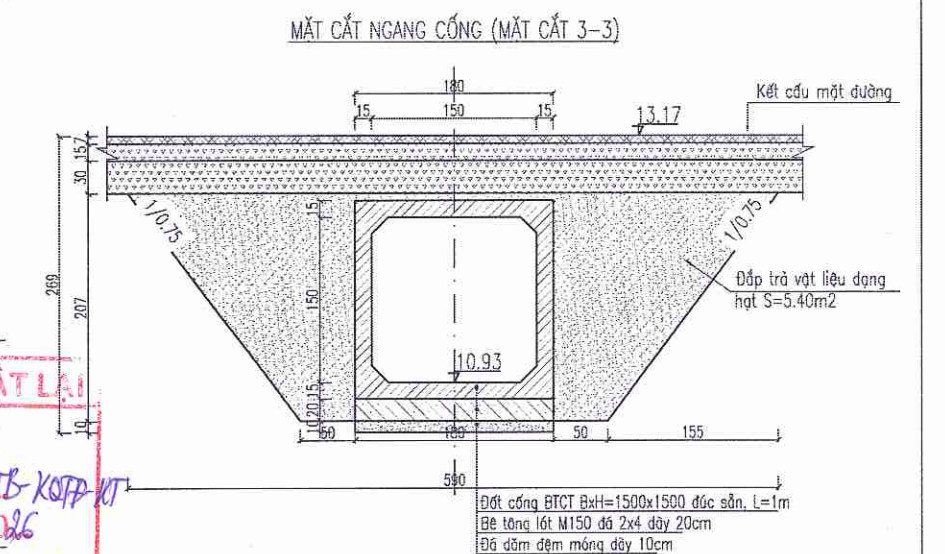
THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số: 12/IB-KOTA/VT

ngày 24 tháng 4 năm 2026

Người thẩm định ký tên: *[Signature]*

Kiều Văn Bình



THUYẾT MINH:

Thiết kế cống BxH=1.5x1.5m tại cọc 33 vị trí KM0+291.29

Cống BTCT đúc sẵn tải trọng HL93

Bê tông đáy cống đá 2x4 mức M150#

Hướng nước chảy

Đệm đá dầm móng cống dày 10cm đầm chặt.

Tường cánh, sàn cống xây đá hộc VXM M100

Kích thước bản vẽ ghi là cm, cao độ là m.

THUYẾT MINH:

Thiết kế cống BxH=1.5x1.5m tại cọc 33 vị trí KM0+291.29

Cống BTCT đúc sẵn tải trọng HL93

Bê tông đáy cống đá 2x4 mức M150#

Hướng nước chảy

Đệm đá dầm móng cống dày 10cm đầm chặt.

Tường cánh, sàn cống xây đá hộc VXM M100

Kích thước bản vẽ ghi là cm, cao độ là m.

CHỦ ĐẦU TƯ:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC

(ĐỊA CHỈ: SỐ 328 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THO - HÀ NỘI)

ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498

THIẾT KẾ XÂY DỰNG

TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ

HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI

ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:

CHI TIẾT CỐNG BxH=1.5x1.5

KM0+291.29

CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN	<i>[Signature]</i>
CHỦ TRÌ TKGT	BÙI MINH CHIẾN	<i>[Signature]</i>
THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG	<i>[Signature]</i>
KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN	<i>[Signature]</i>

THUYẾT MINH:

Thiết kế cống BxH=1.5x1.5m tại cọc 33 vị trí KM0+291.29

Cống BTCT đúc sẵn tải trọng HL93

Bê tông đáy cống đá 2x4 mức M150#

Hướng nước chảy

Đệm đá dầm móng cống dày 10cm đầm chặt.

Tường cánh, sàn cống xây đá hộc VXM M100

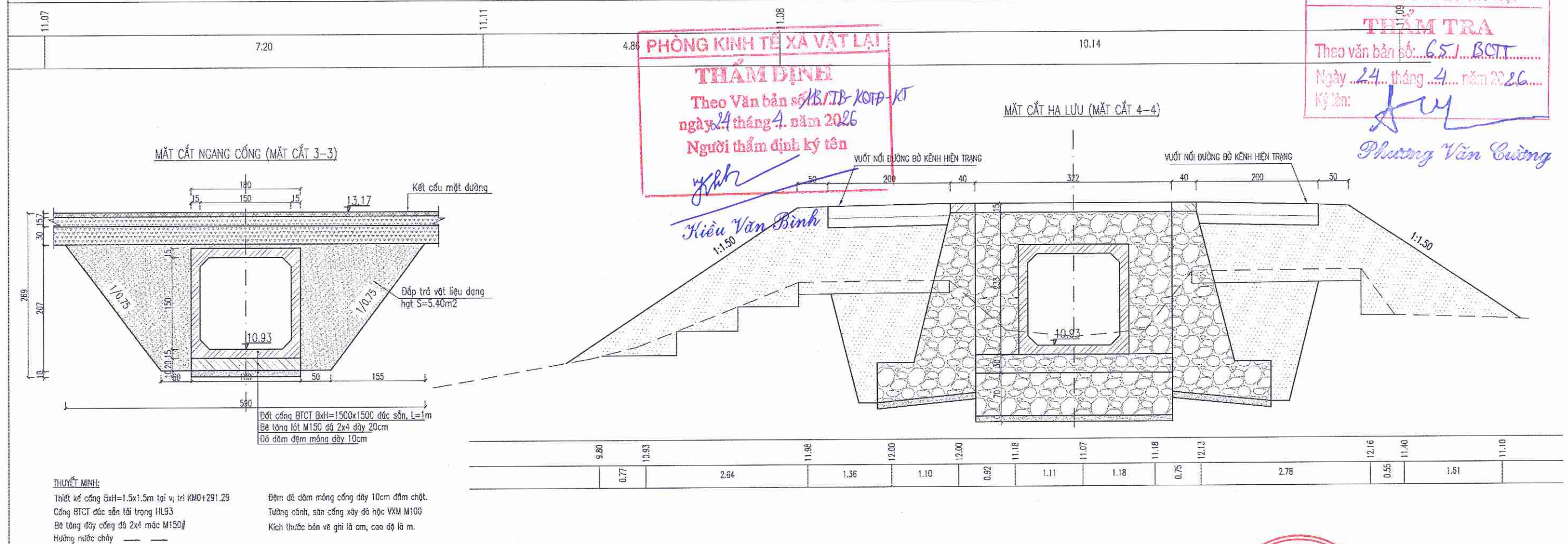
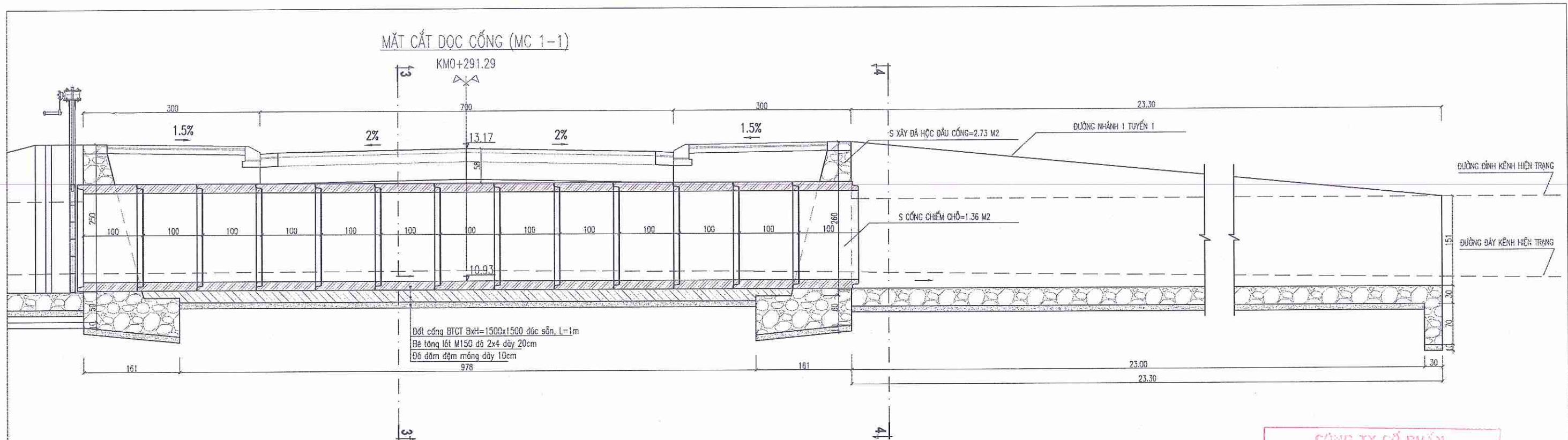
Kích thước bản vẽ ghi là cm, cao độ là m.

HOÀN THÀNH: /20

BẢN VẼ SỐ: 03/05

KÝ HIỆU: CONG_33

TỶ LỆ:



CHỦ ĐẦU TƯ: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC (ĐỊA CHỈ: SỐ 32B - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI) ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498	THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI	TÊN BẢN VẼ: CHI TIẾT CỐNG BxH=1,5x1,5 KM0+291.29	CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC GIÁM ĐỐC NGUYỄN ANH TUẤN	HOÀN THÀNH: /20
			CHỦ TRÌ TKGT	BÙI MINH CHIẾN		BẢN VẼ SỐ: 04/05
			THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG		KÝ HIỆU: CONG_33
			KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN		TỶ LỆ:

BẢNG KHỐI LƯỢNG CỐNG NGANG B*H=1.5*1.5M - CỌC 64 - TUYẾN 1
DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỤC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

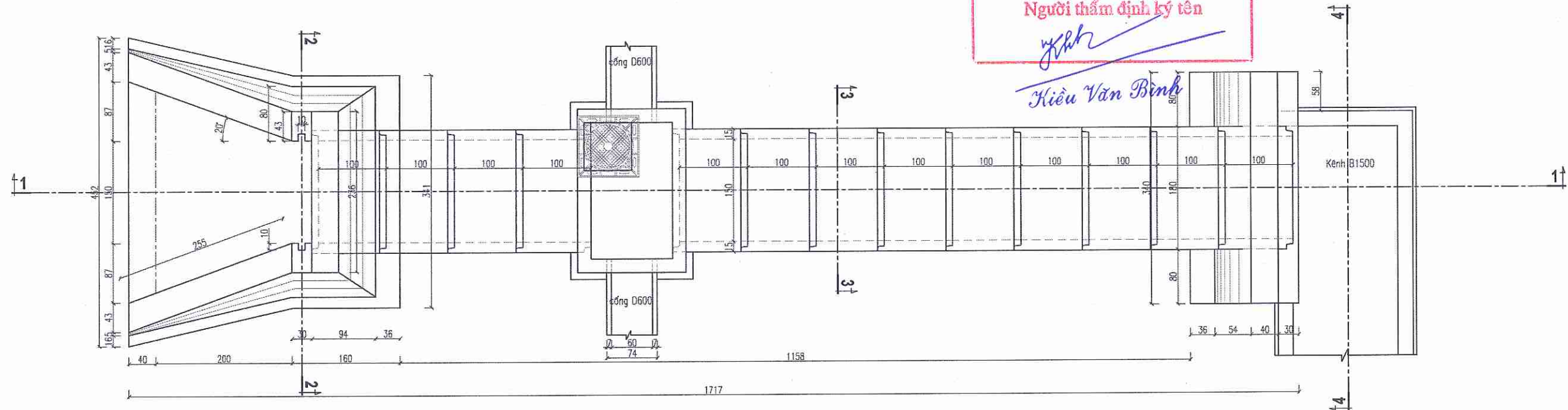
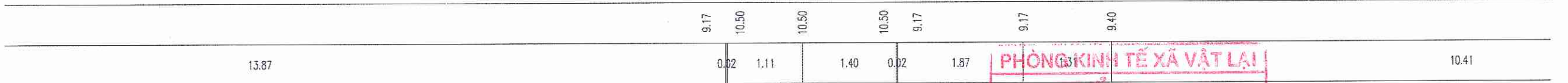
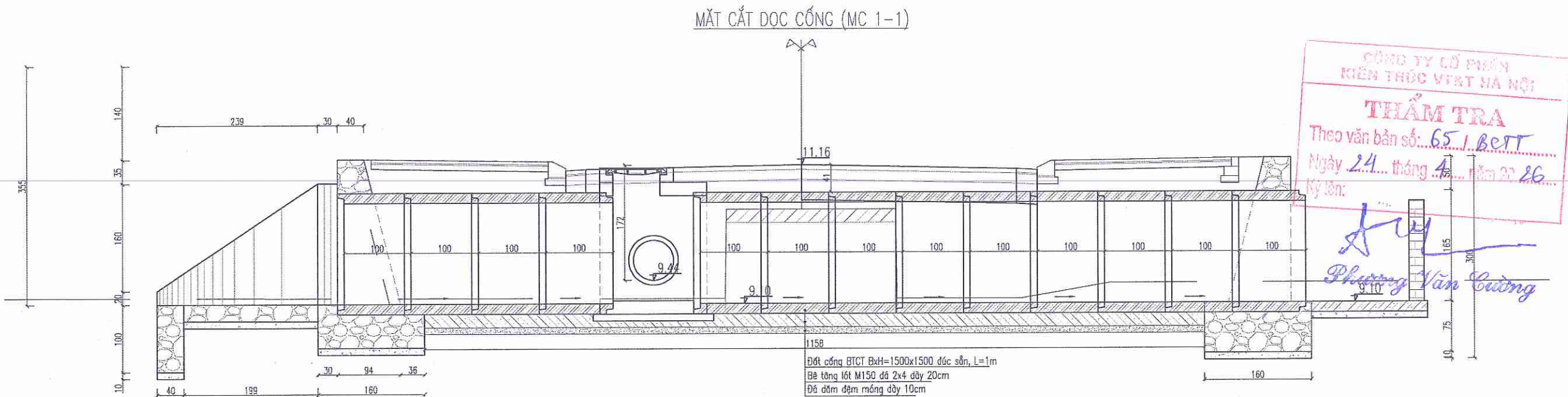
STT	Hạng mục	Đơn vị	Diễn giải	Khối lượng	Ghi chú
I	Cống ngang				
6	Cống hộp Bxh=1.50x1.50m, đoạn ống dài 1m - HL93	ck	Thống kê trên bản vẽ	13.00	B
7	Mối nối Cống hộp Bxh=1.50x1.50m			12.00	B-1
8	Móng công BTXM M150 đá 2x4 dày 20cm		11.58*1.8*0.2	4.17	
9	Ván khuôn bê tông móng cống		11.58*2*0.2	4.63	
10	Đá dăm đệm móng cống	m3	11.58*1.8*0.1	2.08	
11	Đắp vật liệu dạng hạt	m3	4.57*11.58	52.92	
II	Đầu cống				
1	Đệm đá dăm móng	m3	1.496*2	2.99	
2	Xây đá hộc VXM M100	m3	$(1.97+1.77+0.36+3.79+2.22*1.6+(0.4+0.94)/2*(5.74-1.43*1.8))+(1.44*3.4+1.2*3.4-1.43*1.8)$	19.97	
3	Trát tường VXM M 75 dày 1.5cm	m2	$(2.30*0.21*2+0.5*1.12*2+7.80+4.52+((0.4+0.94)/2*(5.74-1.43*1.8))$	16.53	
n	Van điều tiết				
	Khung đỡ mỷ và cửa phai				
	Máy đóng mở V0 tuyến động quay tay + Trục vít nâng hạ : D32; L=1,5m	bộ	Chi tiết cấu tạo		
	Tổng khối lượng thép hình	kg	Chi tiết cấu tạo		
-	Cửa van				
	Tổng khối lượng thép hình	kg	Chi tiết cấu tạo		

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 111/TB-KTĐ-VT
ngày 24 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên
Khiều Văn Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN THÚC VIỆT HÀ NỘI
THẨM TRA
Theo văn bản số 651/BCTT
Ngày 24 tháng 4 năm 2026
Ký tên:

Phượng Văn Cường





THUYẾT MINH:
 Thiết kế cống BxH=1.5x1.5m tại cọc 64 vị trí KMO+631.29
 Cống BTCT đúc sẵn tại công trường
 Bê tông lót M150 đá 2x4 dày 20cm
 Hướng nước chảy

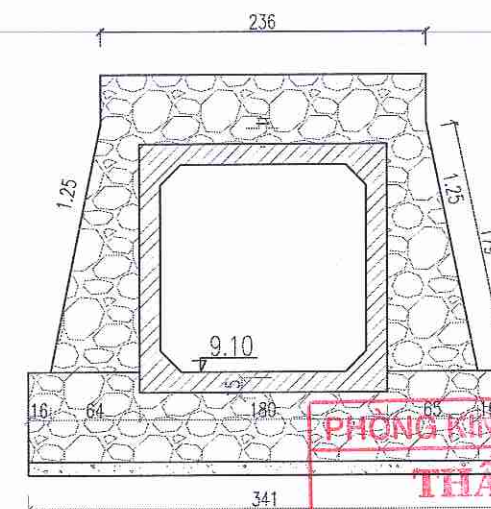
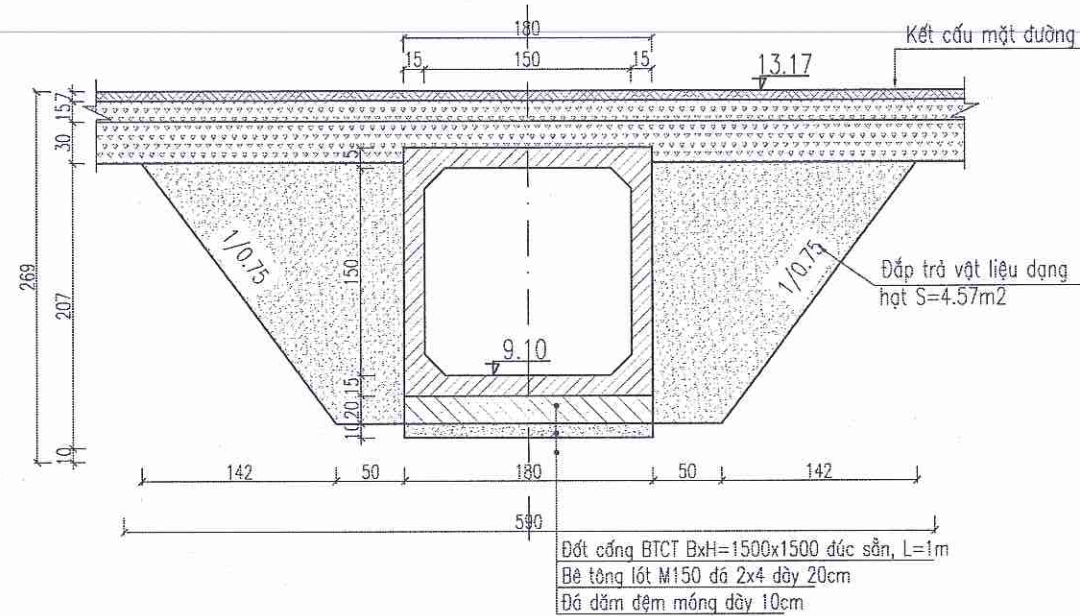
Đầm đá móng cống dày 10cm đầm chặt.
 Tường cống, sàn cống xây đá hộc M100
 Kích thước bản vẽ ghi rõ cm, cao độ là m.

CHỦ ĐẦU TƯ: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG		THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI		TÊN BẢN VẼ: CHI TIẾT CỐNG BXH=1,5x1,5 KMO+631.29		<table><tr><td>CHỦ NHIỆM TK</td><td>NGUYỄN ANH TUẤN</td><td></td></tr><tr><td>CHỦ TRÌ TKGT</td><td>BÙI MINH CHIẾN</td><td></td></tr><tr><td>THIẾT KẾ</td><td>NGUYỄN PHI LONG</td><td></td></tr><tr><td>KIỂM TRA</td><td>BÙI MINH CHIẾN</td><td></td></tr></table>		CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN		CHỦ TRÌ TKGT	BÙI MINH CHIẾN		THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG		KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN		CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC  NGUYỄN ANH TUẤN		HOÀN THÀNH: /20 BẢN VẼ SỐ: 01/03 KÝ HIỆU: CONG-C64 TỶ LỆ:	
CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN																						
CHỦ TRÌ TKGT	BÙI MINH CHIẾN																						
THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG																						
KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN																						
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC (ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI) ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498																							

CẮT NGANG ĐẦU CỐNG THƯỢNG LƯU

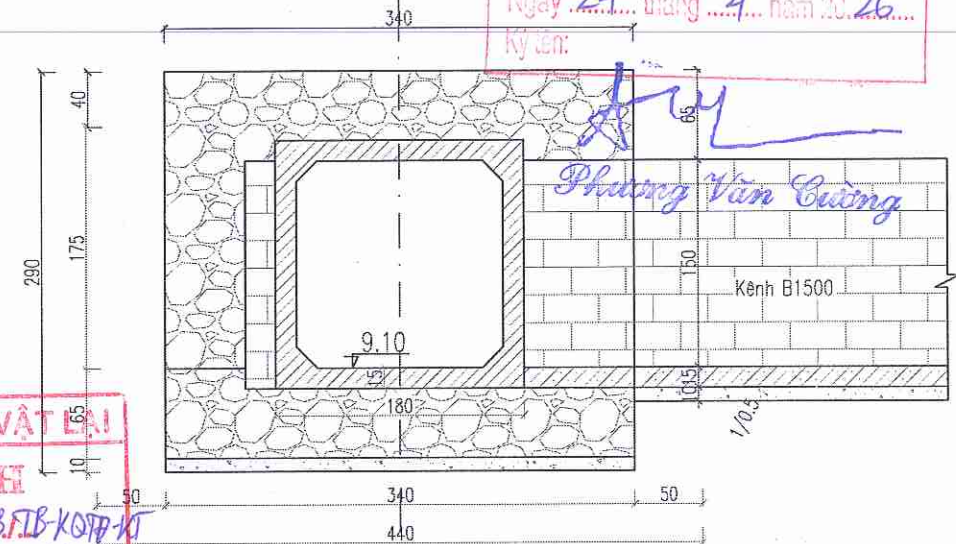
MẶT CẮT 2-2

MẶT CẮT NGANG CỐNG (MẶT CẮT 3-3)



CẮT NGANG ĐẦU CỐNG HẠ LƯU

MẶT CẮT 4-4



CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN VÀ TÀI HẠ NỘI
THẨM TRA
Theo văn bản số: 65/1/BCT
Ngày 24 tháng 4 năm 2016
Ký tên:

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 18/TB-KTĐ-L
ngày 24 tháng 4 năm 2016
Người thẩm định ký tên

BẢNG KHỐI LƯỢNG CÔNG NGANG B*H=1.5*1.5M - CỌC 64 - TUYẾN 1

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI

ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

STT	Hạng mục	Đơn vị	Diễn giải	Khối lượng	Ghi chú
I	Cống ngang				
6	Cống hộp Bxh=1.50x1.50m, đoạn ống dài 1m - HL93	ck	Thống kê trên bản vẽ	13.00	B
7	Mối nối Cổng hộp Bxh=1.50x1.50m			12.00	B-1
8	Móng công BTXM M150 đá 2x4 dày 20cm		11.58*1.8*0.2	4.17	
9	Ván khuôn bê tông móng cống		11.58*2*0.2	4.63	
10	Đá dăm đệm móng cống	m3	11.58*1.8*0.1	2.08	
11	Đắp vật liệu dạng hạt	m3	4.57*11.58	52.92	
II	Đầu cống				
1	Đệm đá dăm móng	m3	1.496*2	2.99	
2	Xây đá học VXM M100	m3	$(1.97+1.77+0.36+3.79+2.22*1.6+(0.4+0.94)/2*(5.74-1.43*1.8))+(1.44*3.4+1.2*3.4-1.43*1.8)$	19.97	
3	Trát tường VXM M 75 dày 1.5cm	m2	$(2.30*0.21*2+0.5*1.12*2+7.80+4.52+((0.4+0.94)/2*(5.74-1.43*1.8))$	16.53	

THUYẾT MINH:

Thiết kế cống BxH=1.5x1.5m tại cọc 64 vị trí KM0+631.29
Cống BTCT đúc sẵn tải trọng HL93
Bê tông dầy cống đá 2x4 mác M150#
Hướng nước chảy

Đệm đá dăm móng cống dày 10cm đầm chặt.
Tường cánh, sàn cống xây đá học VXM M100
Kích thước bản vẽ ghi là cm, cao độ là m.

CHỦ ĐẦU TƯ:
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
(ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI)
ĐIỆN THOẠI: 032 897 5498

THIẾT KẾ XÂY DỰNG
TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

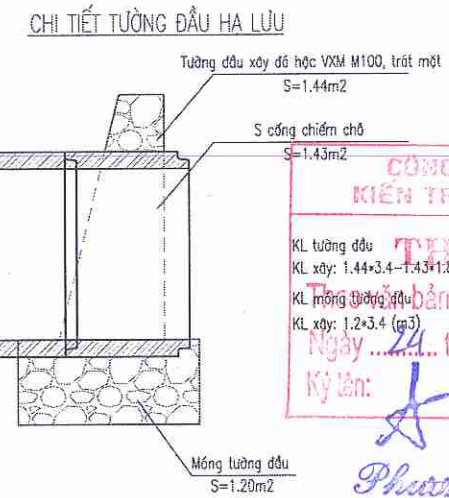
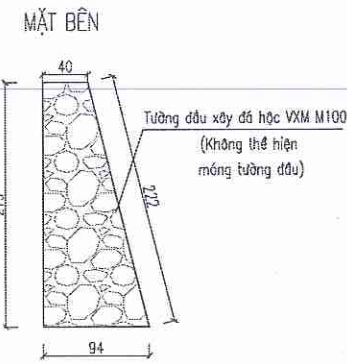
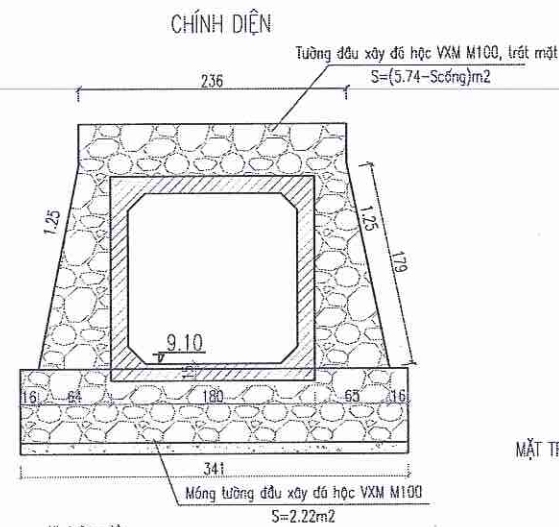
TÊN BẢN VẼ:
CHI TIẾT CỐNG BxH=1,5x1,5
KM0+631.29

CHỦ NHIỆM TK: NGUYỄN ANH TUẤN
CHỦ TRÌ TKGT: BÙI MINH CHIẾN
THIẾT KẾ: NGUYỄN PHI LONG
KIỂM TRA: BÙI MINH CHIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
GIÁM ĐỐC
NGUYỄN ANH TUẤN

HOÀN THÀNH: /20
BẢN VẼ SỐ: 02/03
KÝ HIỆU: CONG-C64
TỶ LỆ:

CHI TIẾT TƯỜNG ĐẦU THƯƠNG LƯU



S=1,43m²

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN THỨC VIỆT NAM

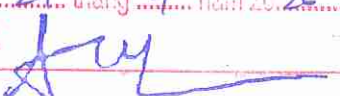
KL tương đương
KL xây: 1.44+3.4-1.43=1.8 (m³)

THẨM TRA

Free bản số: 65 / BCTT

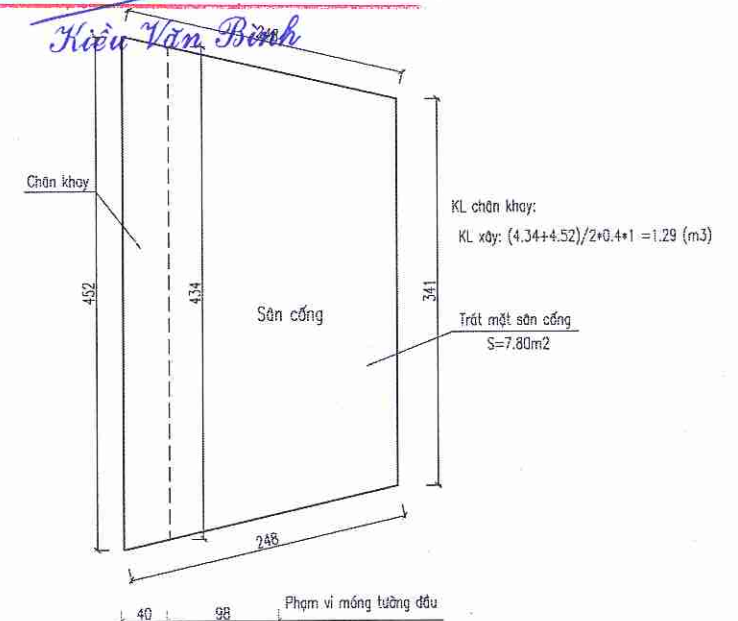
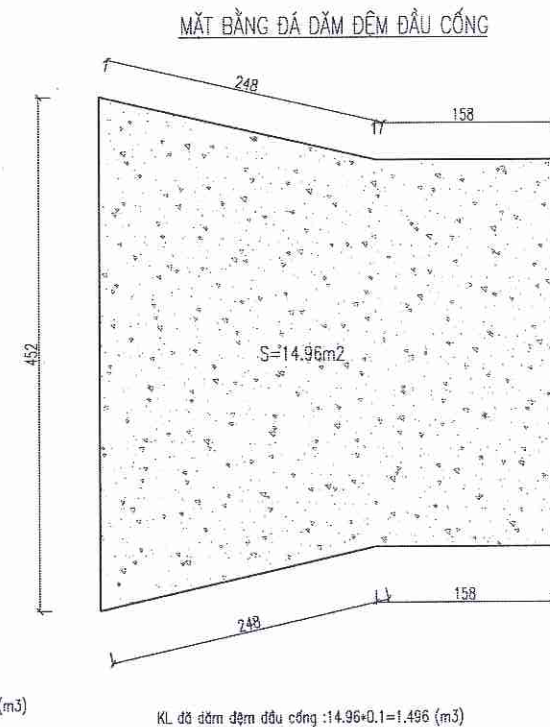
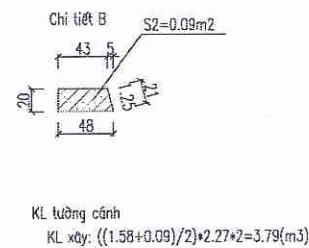
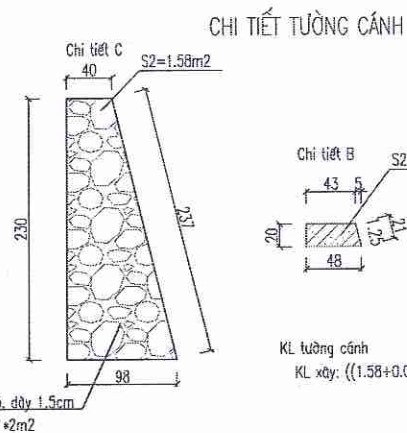
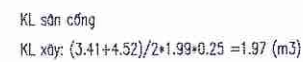
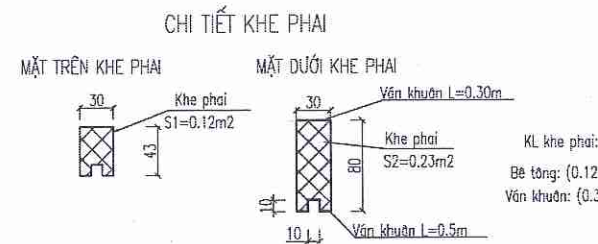
KL móng tương đương
KL xây: 1.2+3.4 (m³)

Ngày tháng năm 20..25

Ký tên: 

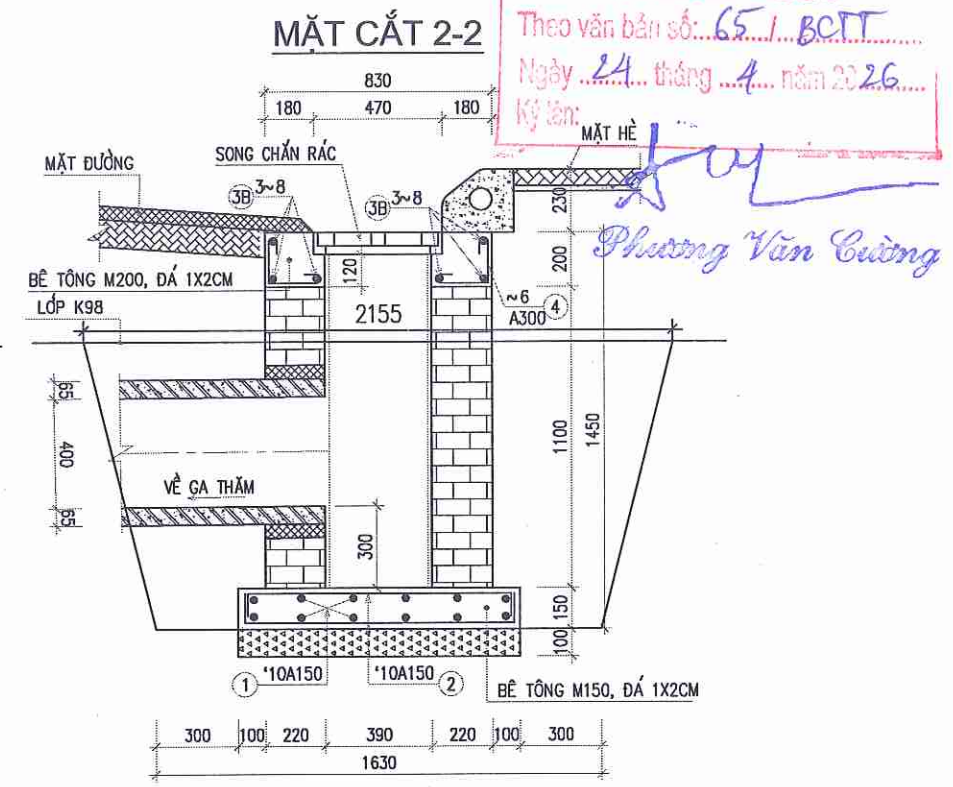
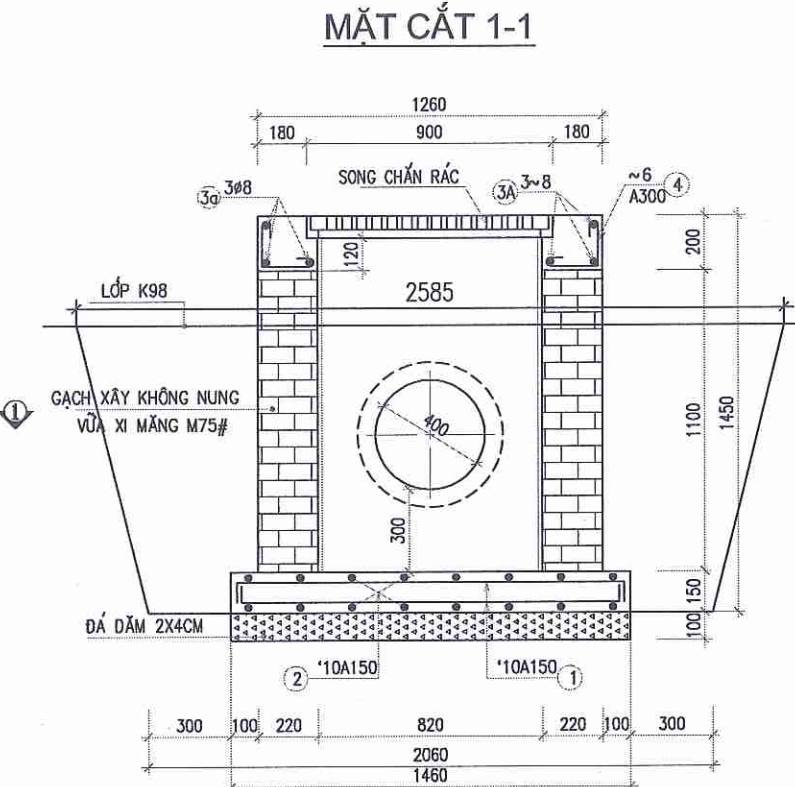
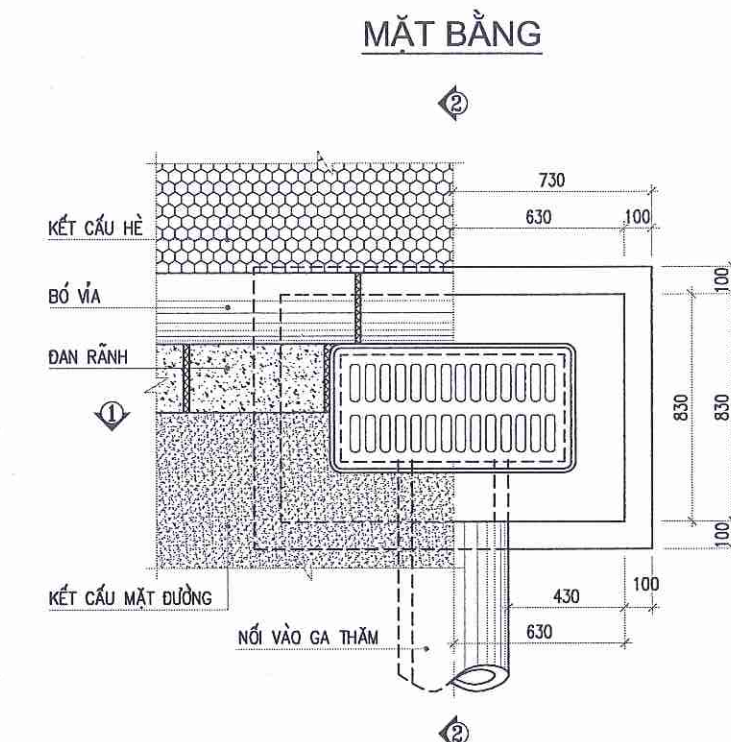
đầu
n2

Phùng Văn Cường



HOÀN THÀNH:	/20
BẢN VẼ SỐ:	03/03
KÝ HIỆU:	CONG-C64
TỶ LỆ:	

CẦU TẠO GA THU D400 TRÊN ĐƯỜNG



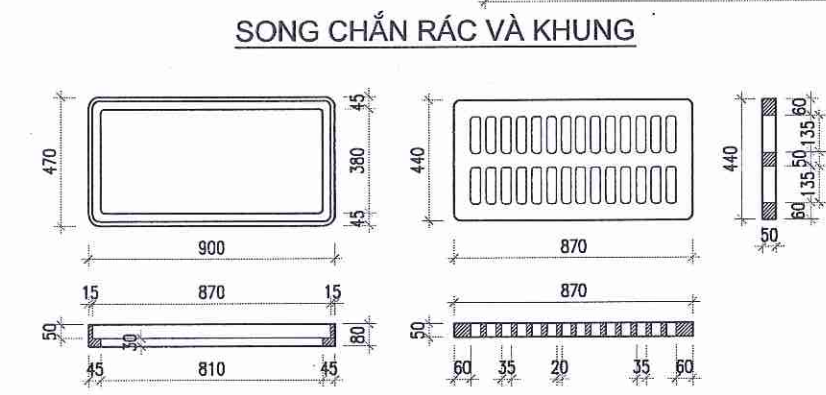
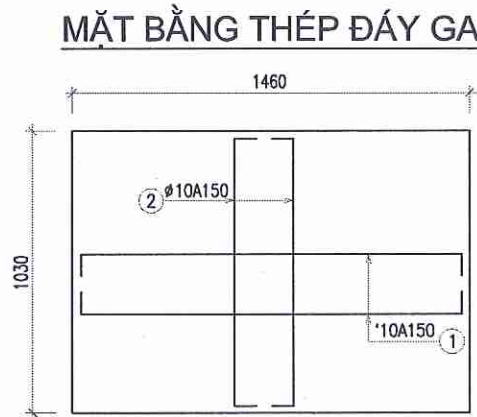
CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VIỆT HÀ NỘI

THẨM TRA

Theo văn bản số: 651/BCTT

Ngày 24 tháng 4 năm 2026

Ký tên: *Phạm Văn Cường*



BẢNG THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG THÉP

TÊN C.K	SỐ TT	HÌNH DẠNG	Đ.K MM (MM)	C.DÀI 1 THANH (MM)	S.L CHO 1 C.K	C.DÀI T.BỘ (M)	CHO 1 CẤU KIỆN THÉP (MM)	C.DÀI (M)	T.L (KG)	TỔNG T. LƯỢNG (KG)
GA THU D300 SL: 1	1	100 1410 100	#10	1610	12	19.32	#6	6.08	1.35	
	2	100 980 100	#10	1180	16	18.88	#8	7.17	2.83	27.73
	3a	100 780 100	#8	980	3	2.94	#10	38.2	23.55	27.73
	3b	100 1210 100	#8	1410	3	4.23				
	4	150 150 40	#6	380	16	6.08				

PHÒNG KIỂM TRA XÂY DỰNG

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số 131/TB-KOTĐ-KT

ngày 24 tháng 4 năm 2026

Người thẩm định ký tên: *Kiều Văn Bình*

GHI CHÚ:

- + SONG CHẮN RÁC VÀ KHUNG BẰNG GANG TẢI TRỌNG 250KN
- + KHI THI CÔNG CHÚ Ý XEM KẾT HỢP VỚI CÁC BẢN VẼ HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHÁC
- + KÍCH THƯỚC GHI ĐƠN VỊ MM

CHỦ ĐẦU TƯ:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC

(ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 8 - XÃ PHÚC THO - HÀ NỘI)

ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498

THIẾT KẾ XÂY DỰNG

TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ

HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI

ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:

CẦU TẠO GA THU

ĐƯỜNG GIAO THÔNG D400

CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN
CHỦ TRÌ TKGT	BÙI MINH CHIẾN
THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG
KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC

PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HOÀN THÀNH: /20

BẢN VẼ SỐ: 01/01

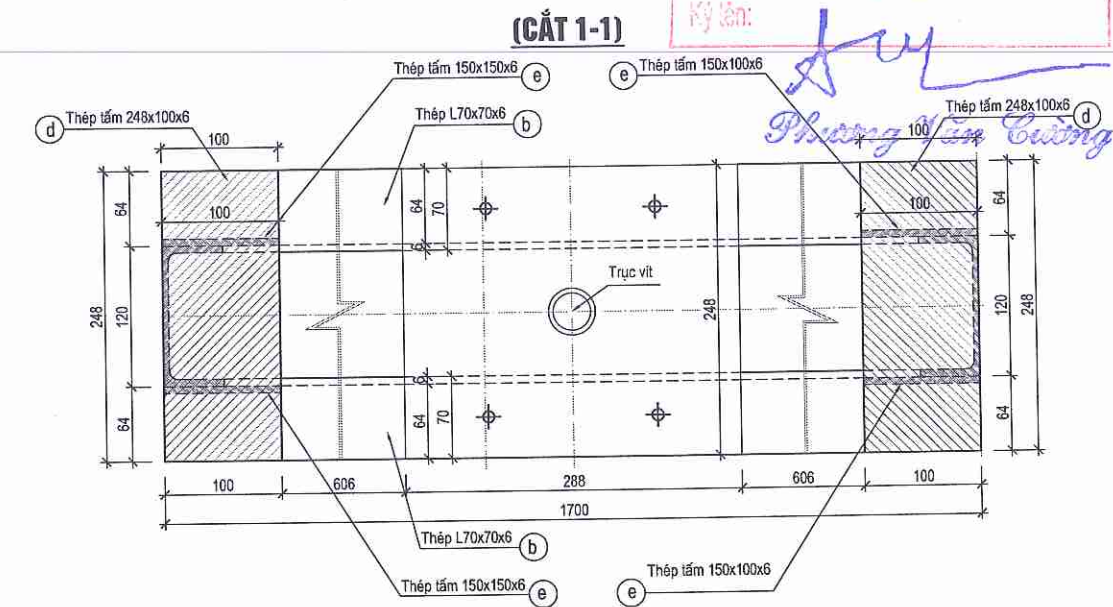
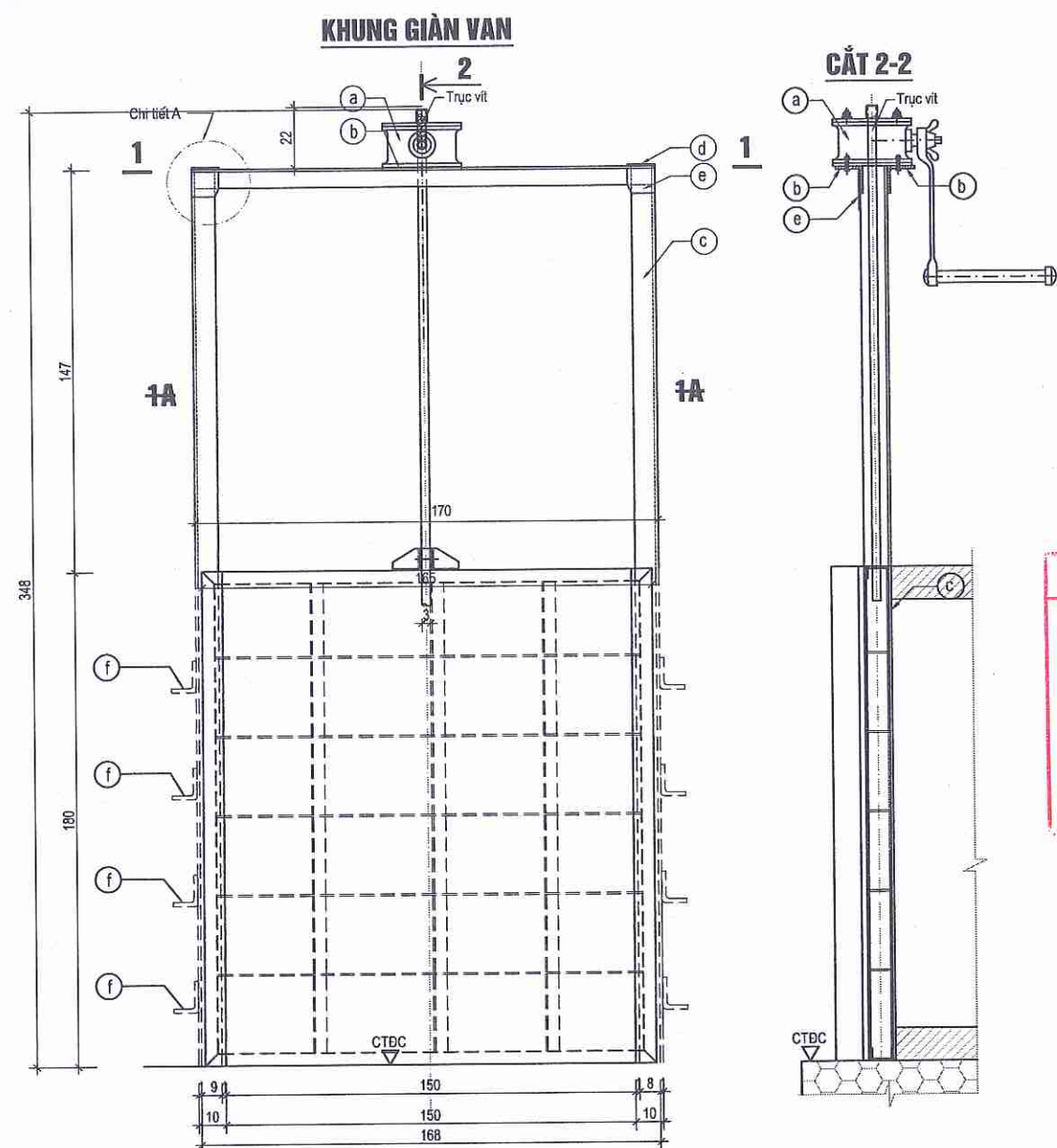
KÝ HIỆU: TNM-CTCT-GT

TỶ LỆ:

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN THỨC VIỆT HÀ NỘI

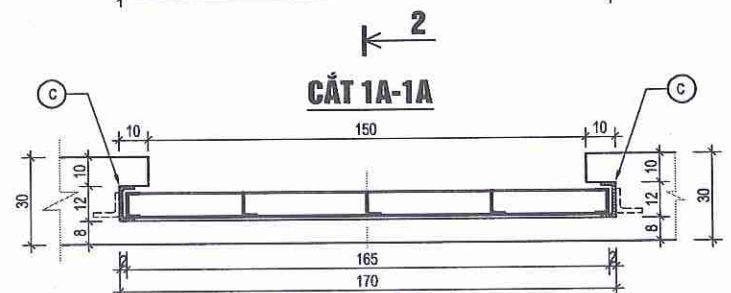
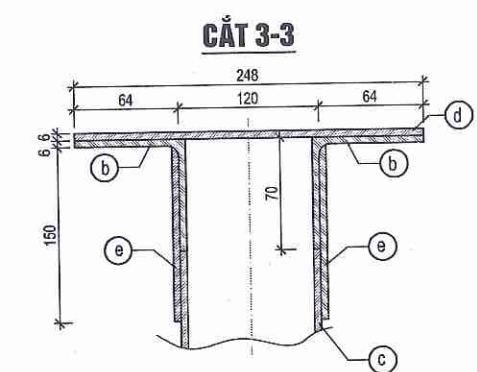
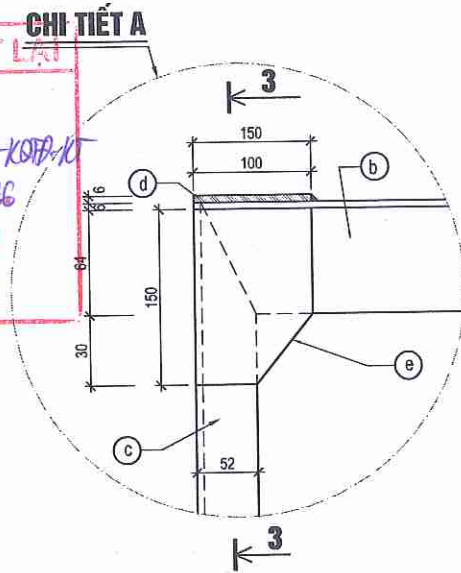
THẨM TRA
Theo Văn bản số: 651/BCVT
Ngày: 24 tháng 4 năm 2026
Ký tên: *Phạm Văn Cường*

CHI TIẾT KHUNG GIÀN VAN



PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 181/B-KTĐ-K
ngày 24 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên
Kiên Văn Bình



GHI CHÚ:

- Sai lệch bề rộng cửa cho phép không quá 5mm.
- Sai lệch chiều cao cửa cho phép không quá 8mm.
- Khi thi công BT cửa vào chủ ý đặt thép cơ khí khung van.
- Kích thước ghi bằng cm
- Kích thước chi tiết A, cắt 3-3, cắt 1-1 của van ghi bằng mm
- Bản vẽ này xem cùng các bản vẽ công.

YÊU CẦU KỸ THUẬT:

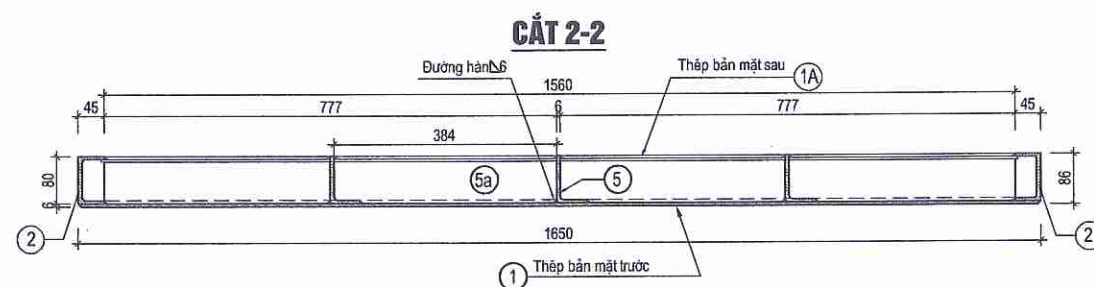
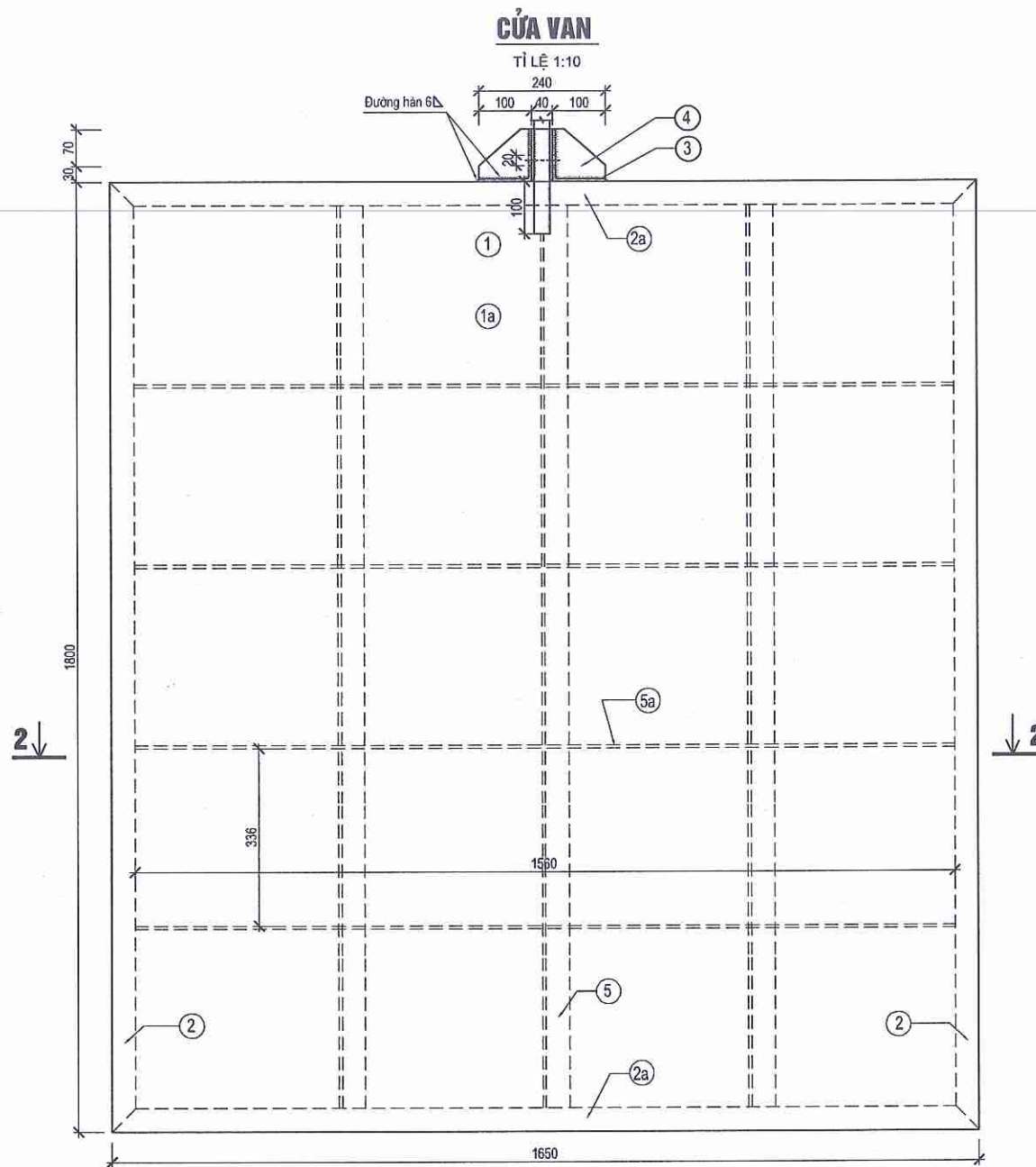
- Dùng mối hàn nhỏ nhất là 6, đường hàn liên tục
- Khi chế tạo phải đảm bảo kích thước hình học
- Đánh sạch gỉ bề mặt các chi tiết kim loại trước khi sơn.
- Sơn 1 lớp chống gỉ và sơn 2 lớp màu cửa van

BẢNG KHỐI LƯỢNG KHUNG GIÀN VAN

SỐ HIỆU THANH	CHI TIẾT	QUY CÁCH	CHIỀU DÀI (mm)	SỐ LƯỢNG	KL ĐƠN VỊ (kg/m)	KHỐI LƯỢNG (kg)
b	Thanh ngang đỡ máy	L70x70x6mm	1700	2	6.38	21.69
c	Thanh đứng	U120x55x6.3	3260	2	12.50	81.5
d	Tập tăng cường	248x100x6	-	2	-	2.34
e	Tập tăng cường	150x100x6	-	4	-	2.83
f	Thép neo khung van	D16	200	8	1.58	2.53
TỔNG KHỐI LƯỢNG THÉP HÌNH (KG)						110.89
BỘ MÁY ĐÓNG MỖ V1 (MÁY ĐÓNG MỖ, TRỤC VÍT, TAY QUAY) (BỘ)						1.00

CHỦ ĐẦU TƯ: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG	THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI	TÊN BẢN VẼ: BẢN VẼ CẤU TẠO KHUNG GIÀN VAN ĐÓNG MỖ B1500	CHỦ NHIỆM TK: NGUYỄN ANH TUẤN CHỦ TRÌ TKG: BÙI MINH CHIẾN THIẾT KẾ: NGUYỄN PHI LONG KIỂM TRA: BÙI MINH CHIẾN	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC GIÁM ĐỐC: NGUYỄN ANH TUẤN M.S.N: 0109055864 - C	HOÀN THÀNH: /20 BẢN VẼ SỐ: 01/02 KÝ HIỆU: VAN TỶ LỆ:
---	---	--	---	--	---

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
(ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THO - HÀ NỘI)
ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498



CHI TIẾT CỬA VAN

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN THỨC VIỆT HÀ NỘI

THẨM TRA

Theo văn bản số: 651/BCTT

Ngày: 24 tháng 4 năm 2026

Ký: [Signature]

Phường Văn Cường

BẢNG KHỐI LƯỢNG CỬA VAN

SỐ HIỆU THANH	CHI TIẾT	QUY CÁCH	CHIỀU DÀI (mm)	SỐ LƯỢNG	KL ĐƠN VỊ (kg/m)	KHỐI LƯỢNG (kg)
1	Thép bản mặt trước	□ 1850x1800x6	-	1	-	139.89
1a	Thép bản mặt sau	□ 387x336x6	-	20	-	122.49
2	Khung đứng cửa van	U80x45x5.5	1800	2	8.23	29.63
2a	Khung ngang cửa van	U80x45x5.5	1650	2	8.23	27.16
3	Tai van	L100x100x10	86	2	15.00	2.58
4	Tập tăng cường	□ 240x100x6	-	2	-	1.73
5	Thanh tăng cường đứng	L80x80x6	336	15	7.34	36.99
5	Thanh tăng cường ngang	□ 1650x80x6	-	4	-	24.87
TỔNG KHỐI LƯỢNG THÉP HÌNH (KG)						365.34

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số: 1131/TB-KQTP-KT

ngày: 14 tháng 4 năm 2026

Người thẩm định ký tên: [Signature]

Kiều Văn Bình

GHI CHÚ:

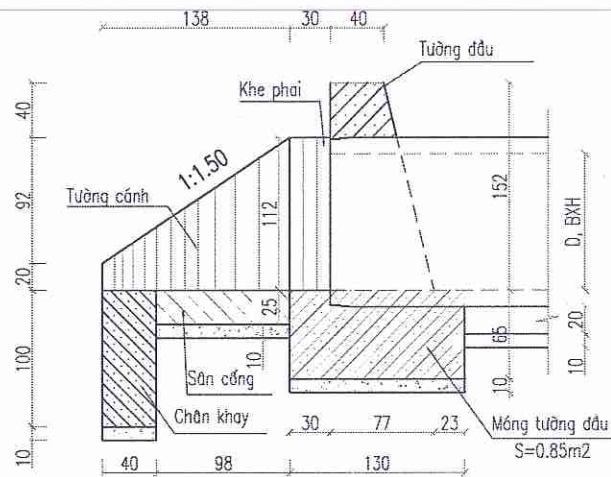
- Cắt 2-2, cửa van ghi bằng mm
- Phần tiếp xúc giữa các chi tiết thép dùng hàn kết hàn, với mối hàn d=6 và dùng que hàn E43.
- Đánh sạch bề mặt các chi tiết kim loại trước khi sơn.
- Khung van, cửa van được sơn 1 nước lót, 2 nước phủ.
- Khi thi công BT cửa vào chú ý đặt thép cơ khí khung van.

CHỦ ĐẦU TƯ:	THIẾT KẾ XÂY DỰNG	TÊN BẢN VẼ:	CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC THÀNH PHỐ HÀ NỘI	HOÀN THÀNH: /20
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI	TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	BẢN VẼ CẤU TẠO	CHỦ TRÌ TKGT	BÙI MINH CHIẾN		BẢN VẼ SỐ: 02/02
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG	HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG	KHUNG GIÀN VAN ĐÓNG MỞ	THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG		KÝ HIỆU: VAN
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:	DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI	B1500	KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN		TỶ LỆ:

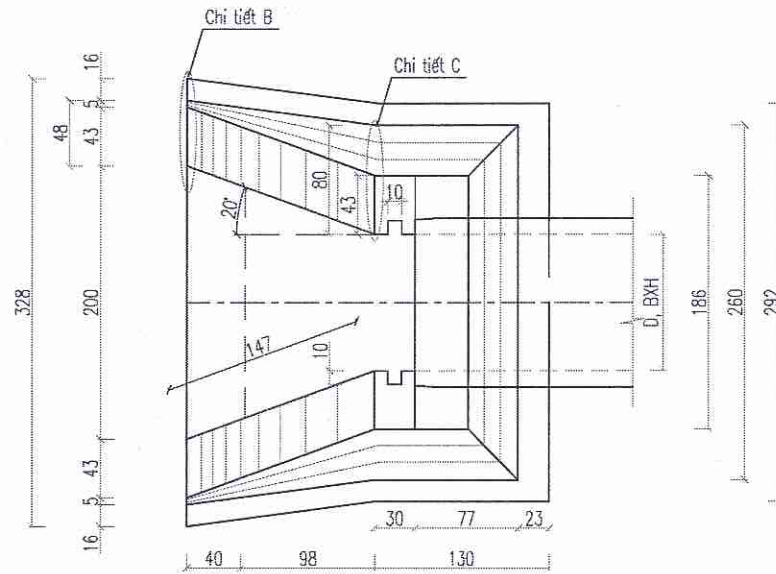
ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THO - HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 032 697 5468

BẢN VẼ ĐIỂN HÌNH ĐIỂN GIẢI CÁCH TÍNH KHỐI LƯỢNG ĐẦU CỐNG

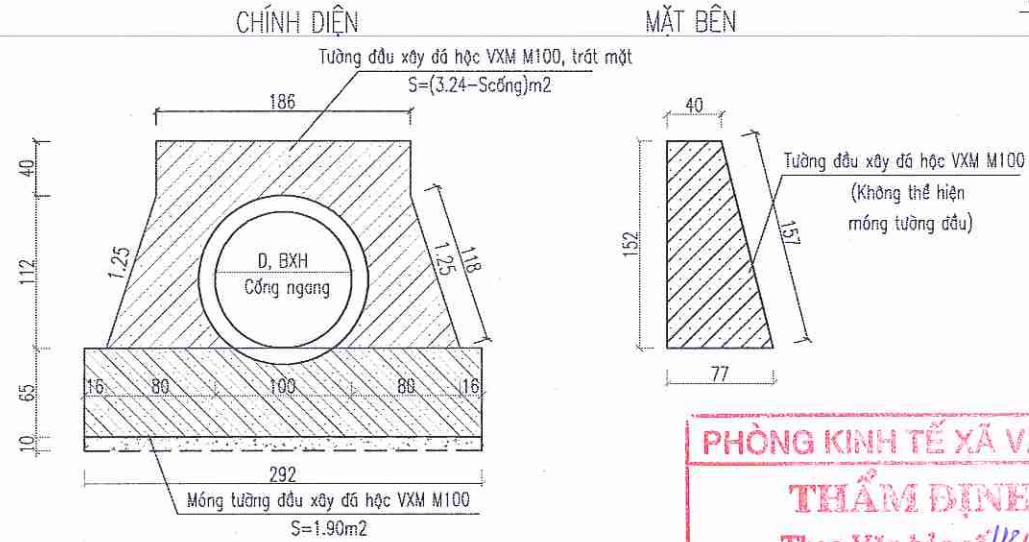
CẮT ĐỌC ĐẦU CỐNG



MẮT BẰNG ĐẦU CỔNG

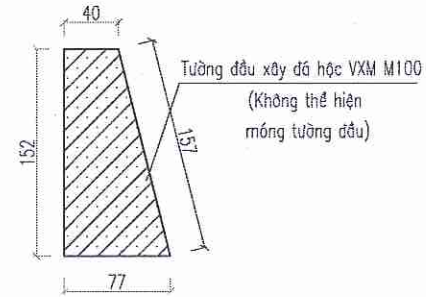


CHI TIẾT TƯỜNG ĐẦU



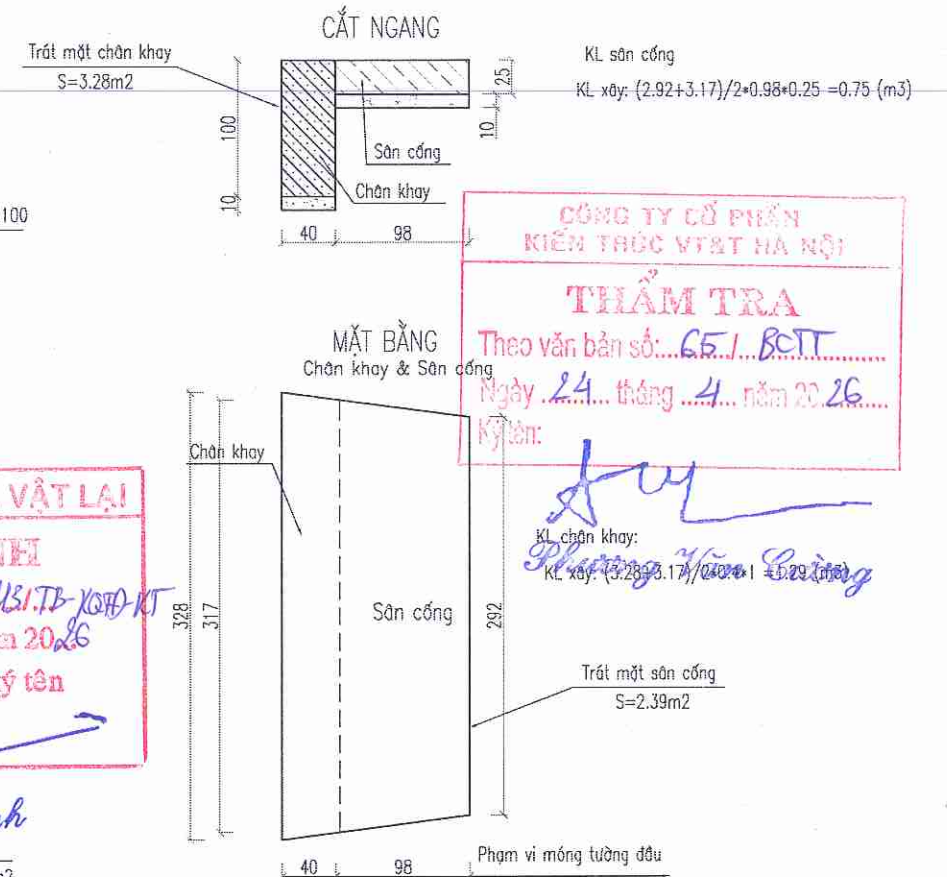
KL tường đầu
KL xây: $(0.4+0.77)/2 \cdot (3.24 - \text{Scổng})$ (m³)
KL móng tường đầu
KL xây: $1.90 \cdot 1.3$ (m³)

MẶT BÊN

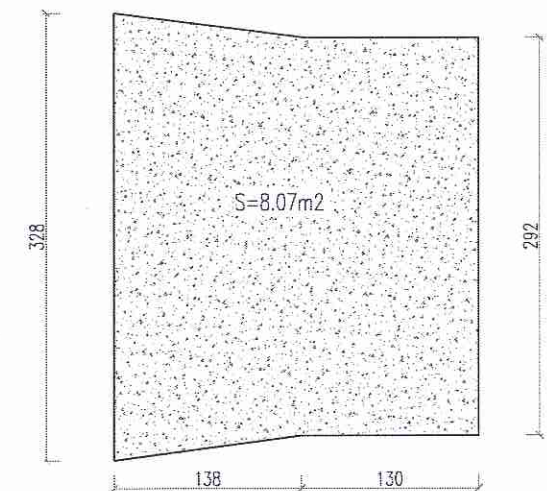


Tường đầu xây đá hộc VXM M100
(Không thể hiện móng tường đầu)

CHÂN KHAY & SÂN CỎNG

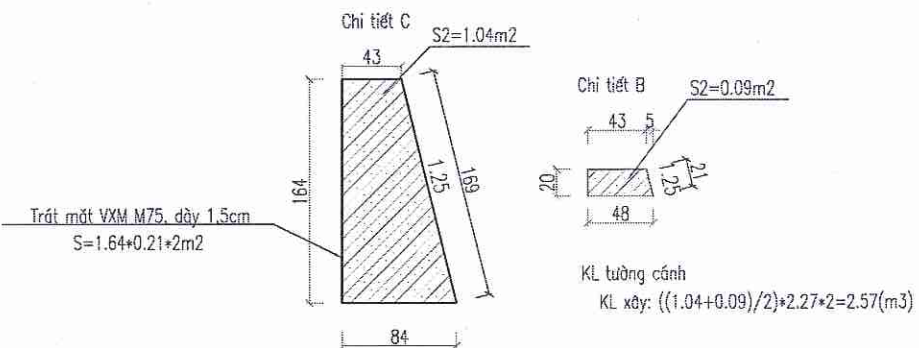


MẶT BẰNG ĐÁ DẪM ĐÊM ĐẦU CỐNG



KL đá dăm đầm dầy công: $8.07 \times 0.1 = 0.81 \text{ (m}^3\text{)}$

CHI TIẾT TƯỜNG CẢNH



KL xây: $((1.04+0.09)/2)*2.27*2=2.57(m^3)$

CHỦ ĐẦU TƯ:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
(ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THO - HÀ NỘI)
ĐIỆN THOẠI: 032 697 5438

THIẾT KẾ XÂY DỰNG
N KHAÍ SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
ĐỒ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:

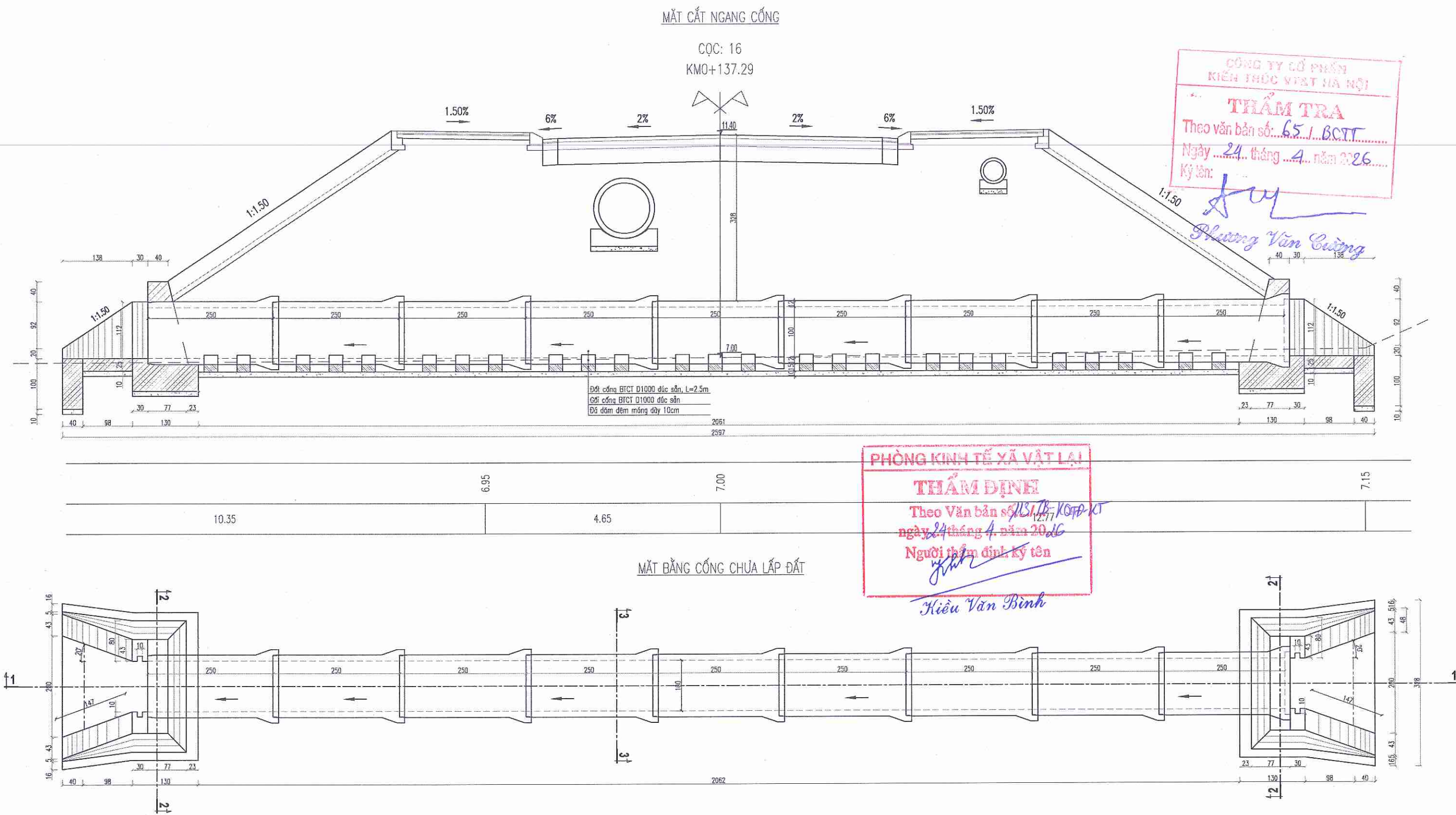
ĐIỂN HÌNH ĐẦU CỔNG

CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN
CHỦ TRÌ TKGT	BÙI MINH CHIẾN
THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG
KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN VÀ TĂNG ĐỘ THỊ AVIC
PHÁT TRIỂN
HẠ TẦNG ĐỘ THỊ
AVIC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

NGUYỄN ANH TUẤN

HOÀN THÀNH:	/20
BẢN VẼ SỐ:	01/01
KÝ HIỆU:	ĐC
TỶ LỆ:	



CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN THỨC VIỆT HÀ NỘI

THẨM TRA

Theo văn bản số: 651/BCTT

Ngày 24 tháng 4 năm 2026

Ký tên: *Phạm Văn Cường*

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số 12.77/KTĐ-KT

ngày 24 tháng 4 năm 2026

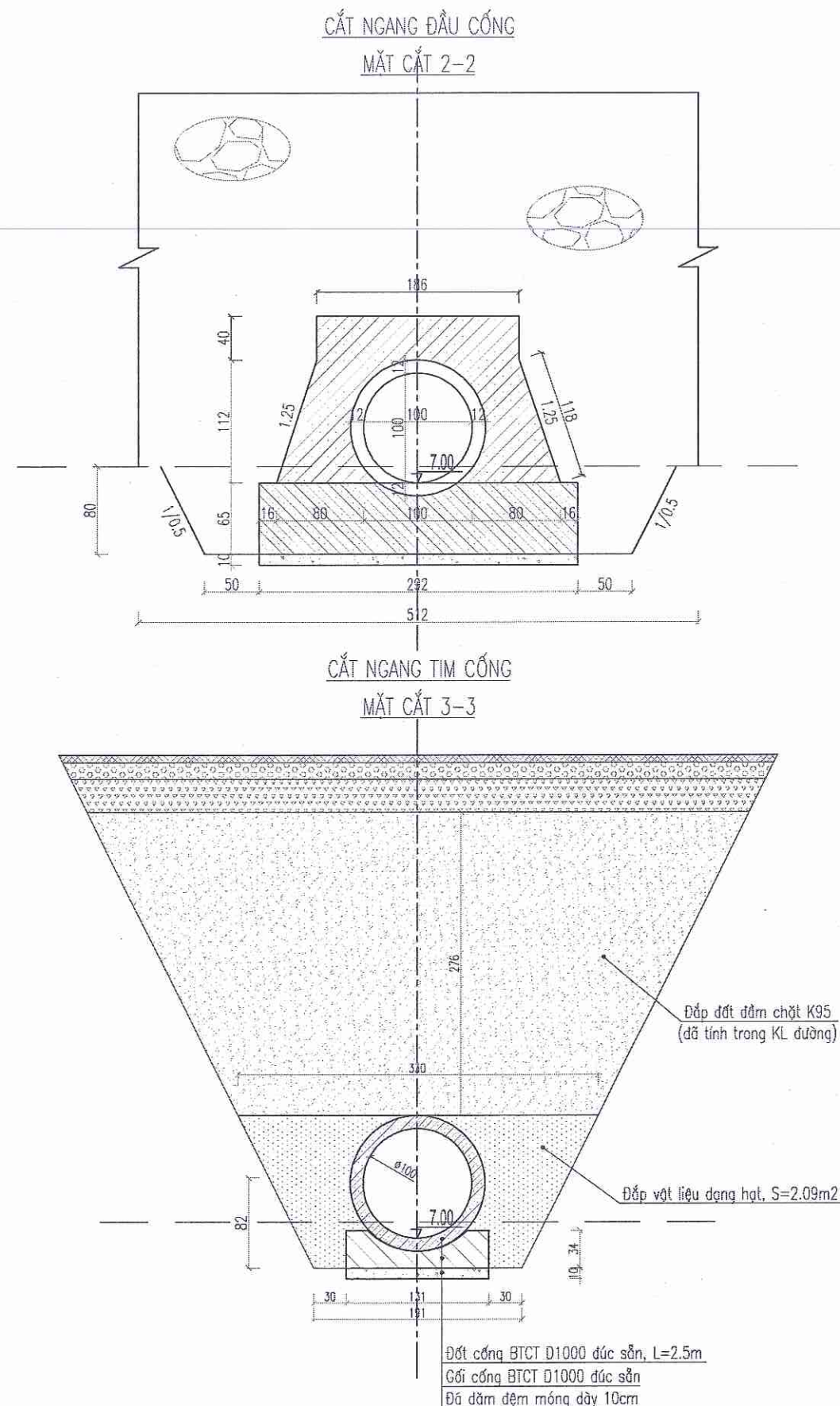
Người thẩm định ký tên: *Hiền Văn Bình*

THUYẾT MINH:

Thiết kế cống tròn D1000
Cống BTCT đúc sẵn tải trọng HL93
Hướng nước chảy

Đệm đá dầm móng cống dày 10cm đầm chặt.
Tường cánh, sàn cống xây đá học VXM M100
Kích thước bản vẽ ghi là cm, cao độ là m.

CHỦ ĐẦU TƯ: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG		THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG		TÊN BẢN VẼ: CHI TIẾT CỐNG NGANG D1000 CỌC 16 – TUYẾN 1		CHỦ NHIỆM TK NGUYỄN ANH TUẤN 		CHỦ TRÌ TKGT BÙI MINH CHIẾN 		THIẾT KẾ NGUYỄN PHI LONG 		KIỂM TRA BÙI MINH CHIẾN 		CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC M.S. 0109055864 - 0 GIÁM ĐỐC PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC THÀNH PHỐ HÀ NỘI  NGUYỄN ANH TUẤN		HOÀN THÀNH: /20 BẢN VẼ SỐ: 01/02 KÝ HIỆU: CONG-C16 TỶ LỆ:	
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:  CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC (ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 8 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI) ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498		DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI															



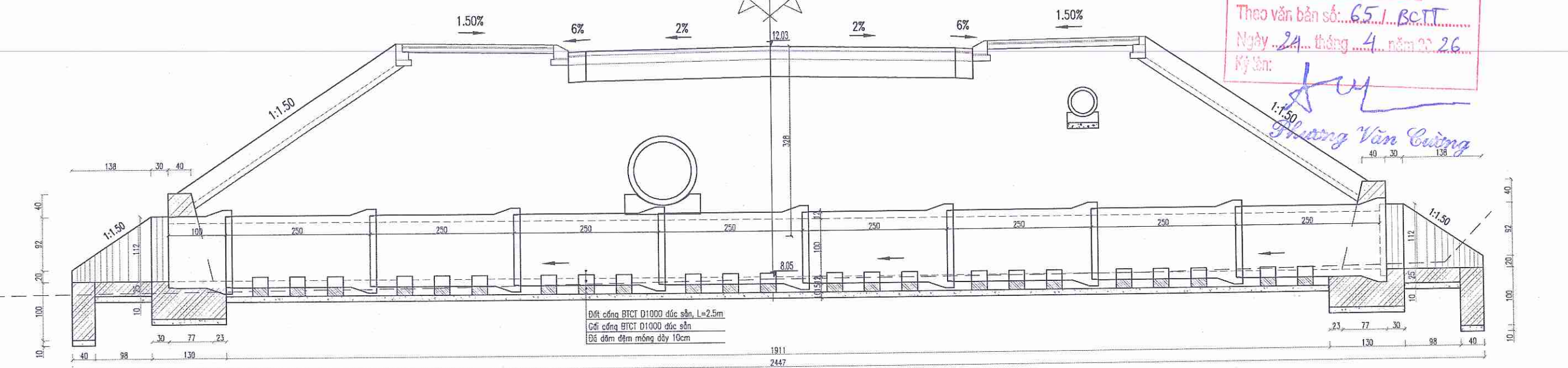
CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VIỆT NAM NỘI
THẨM TRA
Theo văn bản số: 65/1-BETT
Ngày: 24 tháng 4 năm 2026
Ký tên: *[Signature]*

BẢNG KHỐI LƯỢNG CỐNG NGANG D1000 - CỌC 16 - TUYẾN 1				
DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI				
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI				
STT	Hạng mục	Đơn vị	Diễn giải	Khối lượng
I Cống ngang				
1	Đốt cống D1000, L=1m	ck	Thống kê trên bản vẽ	-
2	Đốt cống D1000, L=1.5m	ck	Thống kê trên bản vẽ	-
3	Đốt cống D1000, L=2.5m	ck	Thống kê trên bản vẽ	9.00
4	Mối nối cống D1000	ck	Thống kê trên bản vẽ	8.00
5	Đế cống D1000	ck	Thống kê trên bản vẽ	25.00
6	Đá dăm đệm móng cống	m3	0.1*1.31*20.61	2.70
7	Đắp vật liệu dạng hạt	m3	2.09*20.61	43.07
II Đầu cống				
1	Đệm đá dăm móng	m3	0.81*2	1.62
2	Xây đá học VXM M100	m3	$(0.75+1.29+0.36+2.57+1.90*1.3+(0.4+0.77)/2*(3.24-3.14*1*1/4))*2$	17.75
3	Trát tường VXM M 75 dày 1.5cm	m2	$(1.64*0.21*2+0.5*1.12*2+2.39+3.28+(3.24-3.14*1*1/4))*2$	19.87

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 18/TB-KTĐ-KT
ngày 24 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên
[Signature]
Kiều Văn Bình

CHỦ ĐẦU TƯ: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG		THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI		TÊN BẢN VẼ: CHI TIẾT CỐNG NGANG D1000 CỌC 16 - TUYẾN 1	CHỦ NHIỆM TK NGUYỄN ANH TUẤN	CHỦ TRÌ TKGT BÙI MINH CHIẾN	THIẾT KẾ NGUYỄN PHI LONG	KIỂM TRA BÙI MINH CHIẾN	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC (ĐỊA CHỈ: SỐ 325 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THO - HÀ NỘI) ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498	HOÀN THÀNH: /20 BẢN VẼ SỐ: 02/02 KÝ HIỆU: CONG-C16 TỶ LỆ:
--	--	--	--	---	--	---------------------------------------	------------------------------------	-----------------------------------	--	--

CỌC: 20
KMO+195.29



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KIỂM THỰC VIỆT NAM

THẨM TRA

Theo văn bản số: 651/BCIT

Ngày 24 tháng 4 năm 2026

Nyên: 

1:1.50
Phuong Van Cuong
40 30 138

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số 115/TB-KQĐ-KT
ngày 24 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên

Kiểu Văn Bình

THUYẾT MINH:

Thiết kế cống tràn D1000
Cống BTCT đúc sẵn tải trọng HL93
Hướng nước chảy

Đệm đá dăm móng cống dày 10cm đầm chặt.
Tường cánh, sàn cống xây đá hộc VXM M100
Kích thước bản vẽ ghi là cm, cao độ là m.

CHỦ ĐẦU TƯ:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HA TẮNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:

 **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC**
 (ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỐ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI)
 ĐIỆN THOẠI: 032 897 5498

**THIẾT KẾ XÂY DỰNG
TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG**

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:

CHI TIẾT CỔNG NGANG D1000
COC 20 – TUYẾN 1

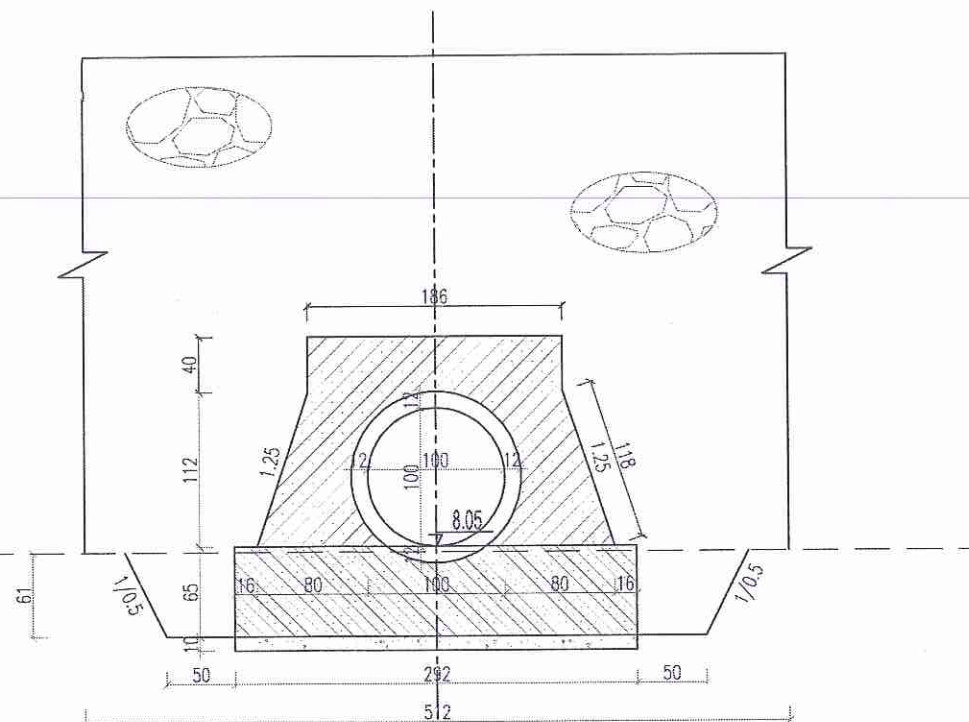
CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN
CHỦ TRÌ TKGT	BÙI MINH CHIẾN
THIẾT KẾ	NGUYỄN PHI LONG
KIỂM TRA	BÙI MINH CHIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HÀ TẮNG ĐÔ THỊ AVIC
PHÁT TRIỂN
HÀ TẮNG ĐÔ THỊ
AVIC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

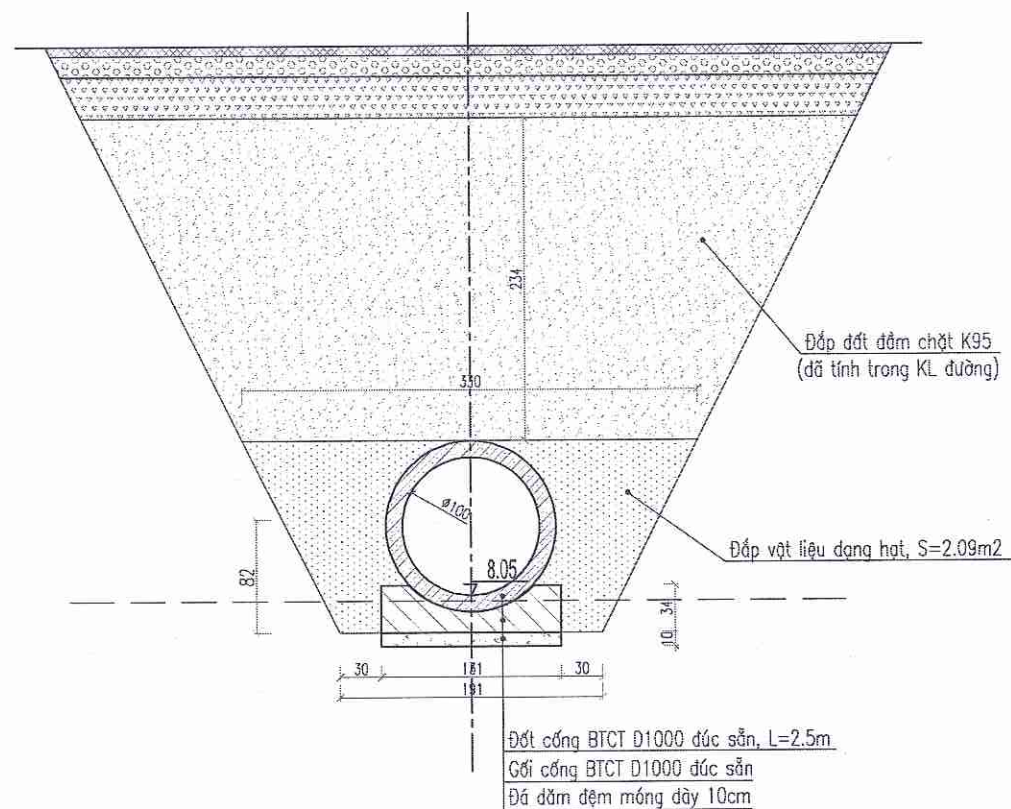
NGUYỄN ANH TUẤN

HOÀN THÀNH:	/20
BẢN VẼ SỐ:	01/02
KÝ HIỆU:	CONG-C20
TỶ LỆ:	

CẮT NGANG ĐẦU CỐNG
MẶT CẮT 2-2



CẮT NGANG TIM CỐNG
MẶT CẮT 3-3



CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN THỨC VIỆT HÀ NỘI

THẨM TRA

Theo văn bản số: 651/BTT

Ngày: 24 tháng 4 năm 2026

Ký tên: *Phạm Văn Cường*

BẢNG KHỐI LƯỢNG CỐNG NGANG D1000 - CỌC 20 - TUYẾN 1

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI

ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

STT	Hạng mục	Đơn vị	Diễn giải	Khối lượng	Ghi chú
I Công ngang					
1	Đốt cống D1000, L=1m	ck	Thống kê trên bản vẽ	1.00	A1
2	Đốt cống D1000, L=1.5m	ck	Thống kê trên bản vẽ	-	A2
3	Đốt cống D1000, L=2.5m	ck	Thống kê trên bản vẽ	8.00	A3
4	Mối nối cống D1000	ck	Thống kê trên bản vẽ	8.00	
5	Đế cống D1000	ck	Thống kê trên bản vẽ	23.00	
6	Đá dăm đệm móng cống	m3	0.1*1.31*19.11	2.50	
7	Đắp vật liệu dạng hạt	m3	2.09*19.11	39.94	
II Đầu cống					
1	Đệm đá dăm móng	m3	0.81*2	1.62	
2	Xây đá học VXM M100	m3	$(0.75+1.29+0.36+2.57+1.90*1.3+(0.4+0.77)/2*(3.24-3.14*1*1/4))*2$	17.75	
3	Trát tường VXM M 75 dày 1.5cm	m2	$(1.64*0.21*2+0.5*1.12*2+2.39+3.28+(3.24-3.14*1*1/4))*2$	19.87	

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số: 131/KTĐP-KT
ngày 4 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên

Kiều Văn Bình

CHỦ ĐẦU TƯ:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
(ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI)
ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498

THIẾT KẾ XÂY DỰNG
TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:

CHI TIẾT CỐNG NGANG D1000
CỌC 20 - TUYẾN 1

CHỦ NHIỆM TK: NGUYỄN ANH TUẤN

CHỦ TRÌ TKG: BÙI MINH CHIẾN

THIẾT KẾ: NGUYỄN PHI LONG

KIỂM TRA: BÙI MINH CHIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC

GIÁM ĐỐC: NGUYỄN ANH TUẤN

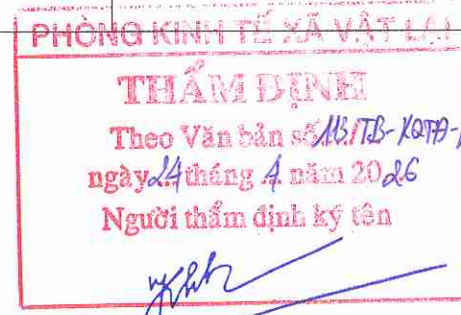
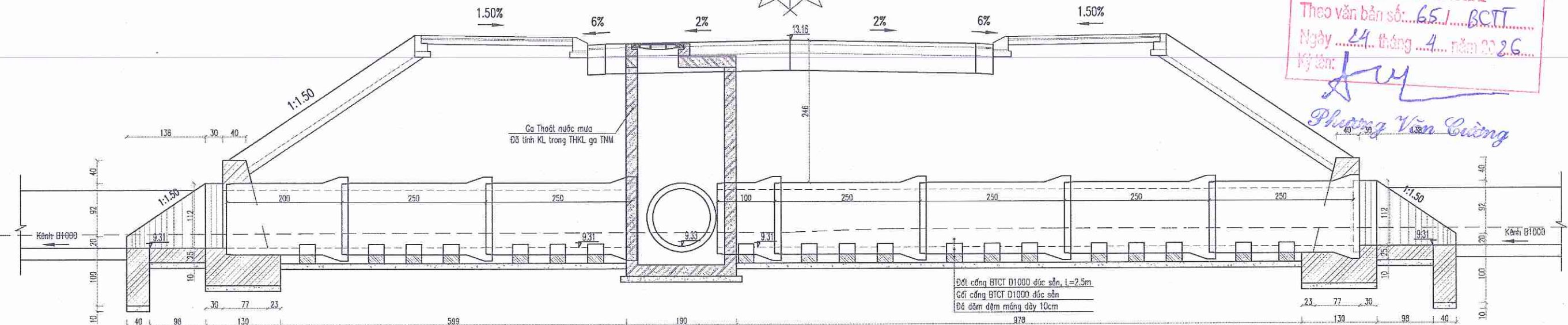
HOÀN THÀNH: /20

BẢN VẼ SỐ: 02/02

KÝ HIỆU: CONG-C20

TỶ LỆ:

COC: 29
KM0+284.29



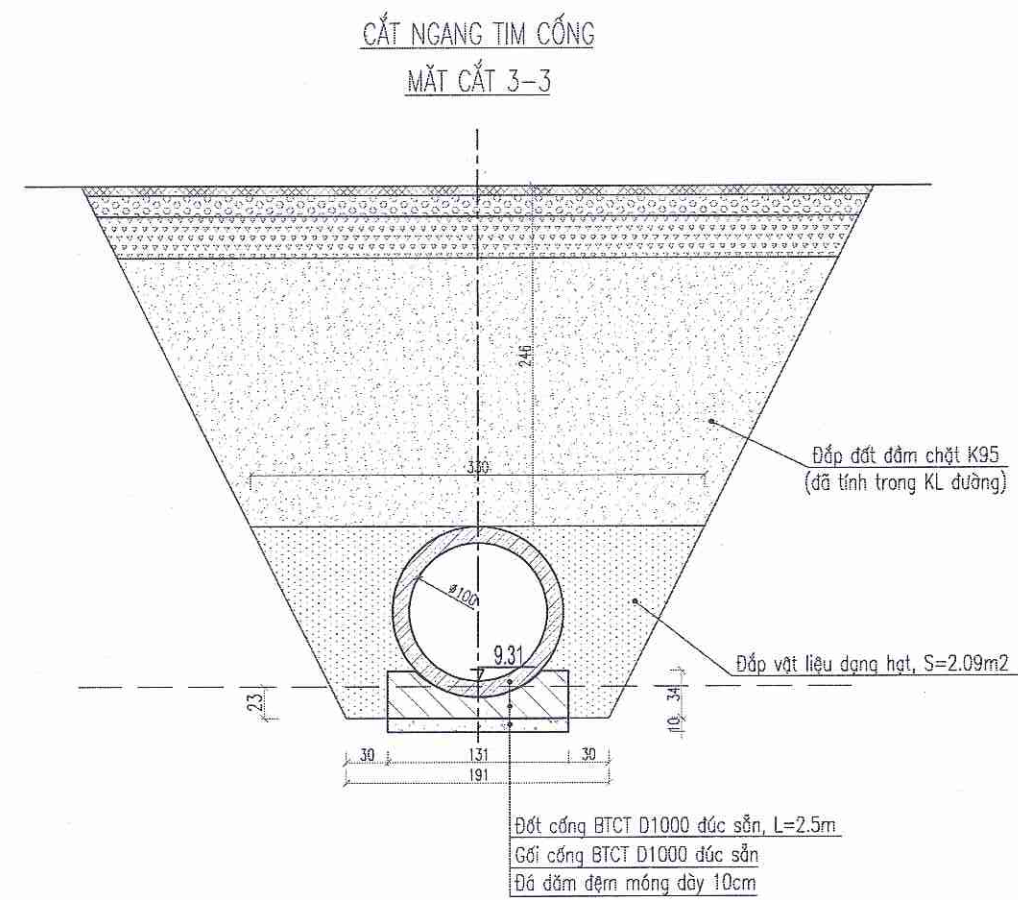
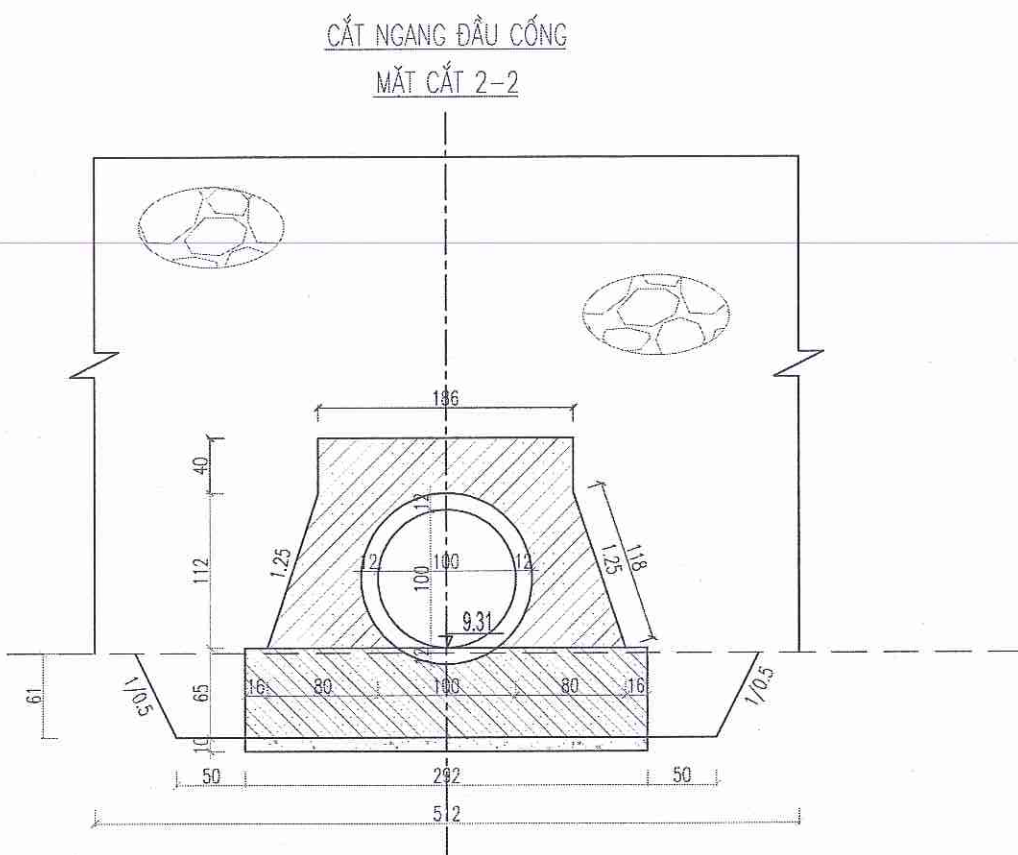
Đệm đá dăm móng cống dày 10cm đầm chặt.
Tường cánh, sàn cống xây đá hộc VXM M100
Kích thước bản vẽ ghi là cm, cao độ là m.

TỶ LỆ:

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI

THẨM TRA
Theo văn bản số: 651/BCVT
Ngày 24 tháng 4 năm 2026
Ký tên:

Phạm Văn Cường



BẢNG KHỐI LƯỢNG CỐNG NGANG D1000 - CỌC 29 - TUYẾN 1				
DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỤC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI				
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI				
STT	Hạng mục	Đơn vị	Diễn giải	Khối lượng
I Cống ngang				
1	Đốt cống D1000, L=1m	ck	Thống kê trên bản vẽ	1.00
2	Đốt cống D1000, L=2m	ck	Thống kê trên bản vẽ	1.00
3	Đốt cống D1000, L=2.5m	ck	Thống kê trên bản vẽ	6.00
4	Mối nối cống D1000	ck	Thống kê trên bản vẽ	6.00
5	Đế cống D1000	ck	Thống kê trên bản vẽ	19.00
6	Đá dăm dệm móng cống	m3	0.1*1.31*(5.99+9.78)	2.07
7	Đắp vật liệu dạng hạt	m3	2.09*(5.99+9.78)	32.96
II Đầu cống				
1	Đệm đá dăm móng	m3	0.81*2	1.62
2	Xây đá học VXM M100	m3	(0.75+1.29+0.36+2.57+1.90*1.3+(0.4+0.77)/2*(3.24-3.14*1*1/4))*2	17.75
3	Trát tường VXM M 75 dày 1.5cm	m2	(1.64*0.21*2+0.5*1.12*2+2.39+3.28+(3.24-3.14*1*1/4))*2	19.87

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 181/KSTP-KT
ngày 24 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên

Kiều Văn Bình

CHỦ ĐẦU TƯ: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG		THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG		TÊN BẢN VẼ: CHI TIẾT CỐNG NGANG D1000 CỌC 29 - TUYẾN 1		CHỦ NHIỆM TK NGUYỄN ANH TUẤN		CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC		HOÀN THÀNH: /20	
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC (ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 8 - XÃ PHÚC THO - HÀ NỘI) ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498		DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỤC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI				CHỦ TRÌ TKGT BÙI MINH CHIẾN		GIÁM ĐỐC PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC		BẢN VẼ SỐ: 02/02	
						THIẾT KẾ NGUYỄN PHI LONG				KÝ HIỆU: CONG-C29	
						KIỂM TRA BÙI MINH CHIẾN		NGUYỄN ANH TUẤN		TỶ LỆ:	

TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG CỐNG THOÁT NƯỚC MƯA
DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỤC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TT	Hạng mục	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG	DIỄN GIẢI	GHI CHÚ
A	CỐNG THOÁT NƯỚC MƯA (HL93)				
1	SỐ ĐOẠN CỐNG D400, L=2.5M (ĐÃ TRỪ HỒ GA)	ĐOẠN	30.00	KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT	A1
2	SỐ ĐOẠN CỐNG D400, L=1.5M (ĐÃ TRỪ HỒ GA)	ĐOẠN	25.00	KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT	A2
3	SỐ ĐOẠN CỐNG D400, L=1M (ĐÃ TRỪ HỒ GA)	ĐOẠN	1.00	KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT	A3
4	SỐ ĐOẠN CỐNG D600, L=2.5M (ĐÃ TRỪ HỒ GA)	ĐOẠN	128.00	KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT	B1
5	SỐ ĐOẠN CỐNG D600, L=1.5M (ĐÃ TRỪ HỒ GA)	ĐOẠN	-	KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT	B2
6	SỐ ĐOẠN CỐNG D600, L=1M (ĐÃ TRỪ HỒ GA)	ĐOẠN	14.00	KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT	B3
10	SỐ ĐOẠN CỐNG D1000, L=2.5M (ĐÃ TRỪ HỒ GA)	ĐOẠN	109.00	KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT	D1
11	SỐ ĐOẠN CỐNG D1000, L=1.5M (ĐÃ TRỪ HỒ GA)	ĐOẠN	10.00	KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT	D2
12	SỐ ĐOẠN CỐNG D1000, L=1M (ĐÃ TRỪ HỒ GA)	ĐOẠN	3.00	KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT	D3
B	CỐNG THOÁT NƯỚC MƯA (VH)				
1	SỐ ĐOẠN CỐNG D400, L=2.5M (ĐÃ TRỪ HỒ GA)	ĐOẠN	108.00	KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT	H1
2	SỐ ĐOẠN CỐNG D400, L=1.5M (ĐÃ TRỪ HỒ GA)	ĐOẠN	1.00	KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT	H2
3	SỐ ĐOẠN CỐNG D400, L=1M (ĐÃ TRỪ HỒ GA)	ĐOẠN	11.00	KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT	H3
C	PHẦN MÓNG CỐNG				
1	ĐÁ DẪM ĐỆM MÓNG CỐNG DÀY 10 CM	M3	85.83	KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT	
2	MỎI NỐI CỐNG D400	MỎI NỐI	138.00	KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT	
3	MỎI NỐI CỐNG D600	MỎI NỐI	128.00	KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT	
5	MỎI NỐI CỐNG D1000	MỎI NỐI	110.00	KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT	
9	GÓI CỐNG D400	CÁI	490.00	3 GÓI/L=2,5M, 2 GÓI/(L=1M, 1,5M)	
10	GÓI CỐNG D600	CÁI	412.00	3 GÓI/L=2,5M, 2 GÓI/(L=1M, 1,5M)	
12	GÓI CỐNG D1000	CÁI	340.00	3 GÓI/L=2,5M, 2 GÓI/(L=1M, 1,5M)	
16	ĐÀO CỐNG THOÁT NƯỚC MƯA	M3	162.77	KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT	
17	ĐẬP TRẢ CỐNG	M3	0.00	KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT	
18	ĐẤT THỪA	M3	162.77	KL ĐÀO - KL ĐẬP	
D	GA				
1	SỐ LƯỢNG GA THU D400	CÁI	25.00	KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT	
2	SỐ LƯỢNG GA THĂM - LOẠI 1	CÁI	1.00	KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT	
3	SỐ LƯỢNG GA THĂM - LOẠI 2	CÁI	12.00	KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT	
4	SỐ LƯỢNG GA THĂM - LOẠI 3	CÁI	1.00	KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT	
5	SỐ LƯỢNG GA THĂM - LOẠI 4	CÁI	1.00	KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT	
6	SỐ LƯỢNG GA THĂM - LOẠI 5	CÁI	1.00	KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT	
7	SỐ LƯỢNG GA THU THĂM - LOẠI 1	CÁI	11.00	KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT	
8	SỐ LƯỢNG GA THU THĂM - LOẠI 2	CÁI	2.00	KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT	
9	SỐ LƯỢNG GA THU THĂM - LOẠI 3	CÁI	12.00	KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT	

**CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN THỨC VIỆT HÀ NỘI**

THẨM TRA

Theo văn bản số: 65.1.BCTT

Ngày 24 tháng 4 năm 2026

Ký tên:

Phạm Văn Cường

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số: 121.TB-KSTP-KT

Ngày 24 tháng 4 năm 2026

Người thẩm định ký tên

Kiều Văn Bình



BẢNG TÍNH TOÁN CHI TIẾT CAO ĐỘ, CHIỀU DÀI CỐNG DỌC THOÁT NƯỚC MƯA

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI																														
Tên tuyến cống	Tên ga	Loại ga	Cao độ mặt ga	Cao độ đáy cống chính	Cao độ đáy ga	Độ dốc cống (%)	Khoảng cách lẻ (m)	Đường kính cống D (mm)	Chiều cao hố ga (m)	Trừ chiếm chỗ hố ga (m)	Chiều dài cống trừ hố ga (m)	Loại tải trọng cống	Cống tải trọng Vía Hè			Cống tải trọng HL93			Chiều dài cống thực tế (m)	Mỗi nối cống	Cống ngang D400 từ ga thu về ga thăm									
													Số đốt cống 2.5m	Số đốt cống 1.5m	Số đốt cống 1m	Số đốt cống 2.5m	Số đốt cống 1.5m	Số đốt cống 1m			Cao độ đáy cống D400 tại ga thu	Cao độ đáy cống D400 tại ga thăm	Độ dốc cống ngang D400	Khoảng cách lẻ	Số ga thu	Số đốt cống D400 2.5m	Số đốt cống D400 1.5m	Mỗi nối D400	Đào ga thu (m³)	Đắp trả ga thu (m³)
Tuyến - D400 (trên hè) (CX→DC)	CX			10.23		0.170		400			-	HL93	-	-	-	-	-	-	-	-										
	GTA1.1	Ga Thăm - Loại 1	11.25	10.24	9.94	0.170	2.51	400	1.31		2.51	HL93	-	-	-	1.00	-	-	2.50	1.00										
	GTA1	Ga Thăm - Loại 2	11.30	10.26	9.96	0.170	10.90	400	1.34		10.90	HL93	-	-	-	4.00	-	-	11.00	4.00										
	GTA2	Ga Thăm - Loại 2	11.35	10.29	9.99	0.170	18.50	400	1.36		18.50	Via hè	7.00	-	1.00	-	-	-	18.50	7.00										
	GTA3	Ga Thăm - Loại 2	11.37	10.33	10.03	0.170	23.50	400	1.34		23.50	Via hè	9.00	-	1.00	-	-	-	23.50	9.00										
	GTA4	Ga Thăm - Loại 2	11.41	10.38	10.08	0.170	28.50	400	1.33		28.50	Via hè	11.00	-	1.00	-	-	-	28.50	11.00										
	GTA5	Ga Thăm - Loại 2	11.43	10.42	10.12	0.170	26.00	400	1.31		26.00	Via hè	10.00	-	1.00	-	-	-	26.00	10.00										
	GTA6	Ga Thăm - Loại 2	11.46	10.47	10.17	0.560	26.00	400	1.29		26.00	Via hè	10.00	-	1.00	-	-	-	26.00	10.00										
	GTA7	Ga Thăm - Loại 2	11.60	10.59	10.29	0.560	26.00	400	1.31		26.00	Via hè	10.00	-	1.00	-	-	-	26.00	10.00										
	GTA8	Ga Thăm - Loại 2	11.91	10.73	10.43	0.560	26.00	400	1.48		26.00	Via hè	10.00	-	1.00	-	-	-	26.00	10.00										
	GTA9	Ga Thăm - Loại 2	12.32	10.88	10.58	0.560	26.00	400	1.74		26.00	Via hè	10.00	-	1.00	-	-	-	26.00	10.00										
	GTA10	Ga Thăm - Loại 2	12.73	11.02	10.72	0.560	26.00	400	2.01		26.00	Via hè	10.00	-	1.00	-	-	-	26.00	10.00										
	GTA11	Ga Thăm - Loại 2	13.09	11.17	10.87	0.560	26.00	400	2.22		26.00	Via hè	10.00	-	1.00	-	-	-	26.00	10.00										
	GTA12	Ga Thăm - Loại 2	13.24	11.31	11.01	0.560	26.00	400	2.23		26.00	Via hè	10.00	-	1.00	-	-	-	26.00	10.00										
DC			0.00	0.00	0.00	0.250	3.86	400			3.86	Via hè	1.00	1.00	-	-	-	-	4.00	1.00										
Tuyến - D1000 (GTB1→GTB13)	GTB1	Ga Thăm - Loại 3	11.24	9.60	9.30	0.100		1000	1.94		-	HL93	-	-	-	-	-	-	-	-	10.21	10.20	0.0025	4.00	1.00	1.00	1.00	1.00	3.08	1.91
	GTB2	Ga Thu Thăm - Loại 1	11.21	9.58	9.28	0.100	14.21	1000	1.93		14.21	HL93	-	-	-	5.00	-	2.00	14.50	6.00	10.25	10.24	0.0025	4.00	1.00	1.00	1.00	1.00	3.08	1.91
	GTB3	Ga Thu Thăm - Loại 1	11.25	9.56	9.26	0.100	26.20	1000	1.99		26.20	HL93	-	-	-	10.00	1.00	-	26.50	10.00	10.27	10.26	0.0025	4.00	1.00	1.00	1.00	1.00	3.08	1.91
	GTB4	Ga Thu Thăm - Loại 1	11.27	9.53	9.23	0.100	26.20	1000	2.04		26.20	HL93	-	-	-	10.00	1.00	-	26.50	10.00	10.30	10.29	0.0025	4.00	1.00	1.00	1.00	1.00	3.08	1.91
	GTB5	Ga Thu Thăm - Loại 1	11.30	9.51	9.21	0.100	26.20	1000	2.09		26.20	HL93	-	-	-	10.00	1.00	-	26.50	10.00	10.33	10.32	0.0025	4.00	1.00	1.00	1.00	1.00	3.08	1.91
	GTB6	Ga Thu Thăm - Loại 1	11.33	9.48	9.18	0.100	26.20	1000	2.15		26.20	HL93	-	-	-	10.00	1.00	-	26.50	10.00	10.39	10.38	0.0025	4.00	1.00	1.00	1.00	1.00	3.08	1.91
	GTB7	Ga Thu Thăm - Loại 1	11.39	9.45	9.15	0.100	26.20	1000	2.24		26.20	HL93	-	-	-	10.00	1.00	-	26.50	10.00	10.61	10.60	0.0025	4.00	1.00	1.00	1.00	1.00	3.08	1.91
	GTB8	Ga Thu Thăm - Loại 1	11.61	9.43	9.13	0.100	26.20	1000	2.48		26.20	HL93	-	-	-	10.00	1.00	-	26.50	10.00	10.98	10.97	0.0025	4.00	1.00	1.00	1.00	1.00	3.08	1.91
	GTB9	Ga Thu Thăm - Loại 1	11.98	9.40	9.10	0.100	26.20	1000	2.88		26.20	HL93	-	-	-	10.00	1.00	-	26.50	10.00	11.40	11.39	0.0025	4.00	1.00	1.00	1.00	1.00	3.08	1.91
	GTB10	Ga Thu Thăm - Loại 1	12.40	9.37	9.07	0.100	26.20	1000	3.33		26.20	HL93	-	-	-	10.00	1.00	-	26.50	10.00	11.81	11.80	0.0025	4.00	1.00	1.00	1.00	1.00	3.08	1.91
	GTB11	Ga Thu Thăm - Loại 1	12.81	9.35	9.05	0.100	26.20	1000	3.76		26.20	HL93	-	-	-	10.00	1.00	-	26.50	10.00	11.81	11.80	0.0025	4.00	1.00	1.00	1.00	1.00	3.08	1.91
	GTB12	Ga Thu Thăm - Loại 1	13.07	9.32	9.02	0.100	26.20	1000	4.05		26.20	HL93	-	-	-	10.00	1.00	-	26.50	10.00	12.07	12.06	0.0025	4.00	1.00	1.00	1.00	1.00	3.08	1.91
	GTB13	Ga Thăm - Loại 4	13.12	9.31	9.01	0.100	10.26	1000	4.11		10.26	HL93	-	-	-	4.00	-	1.00	11.00	4.00										
	Tuyến - D600 (GTC1→GTC15)	GTC1	Ga Thu Thăm - Loại 2	13.08	11.88	11.58	0.060		600	1.50		-	HL93	-	-	-	-	-	-	-	-	12.08	12.06	0.0025	7.50	1.00	1.00	1.00	1.00	3.08
GTC2		Ga Thu Thăm - Loại 3	12.90	11.58	11.28	0.060	18.50	600	1.62		18.50	HL93	-	-	-	7.00	-	1.00	18.50	7.00	11.90	11.88	0.0025	7.50	1.00	1.00	1.00	1.00	3.08	1.91
GTC3		Ga Thu Thăm - Loại 3	12.50	11.17	10.87	0.060	26.00	600	1.63		26.00	HL93	-	-	-	10.00	-	1.00	26.00	10.00	11.50	11.48	0.0025	7.50	1.00	1.00	1.00	1.00	3.08	1.91
GTC4		Ga Thu Thăm - Loại 3	12.03	10.76	10.46	0.060	26.00	600	1.57		26.00	HL93	-	-	-	10.00	-	1.00	26.00	10.00	11.03	11.01	0.0025	7.50	1.00	1.00	1.00	1.00	3.08	1.91
GTC5		Ga Thu Thăm - Loại 3	11.57	10.35	10.05	0.060	26.00	600	1.52		26.00	HL93	-	-	-	10.00	-	1.00	26.00	10.00	10.57	10.55	0.0025	7.50	1.00	1.00	1.00	1.00	3.08	1.91
GTC6		Ga Thu Thăm - Loại 3	11.15	9.93	9.63	0.060	26.00	600	1.52		26.00	HL93	-	-	-	10.00	-	1.00	26.00	10.00	10.15	10.13	0.0025	7.50	1.00	1.00	1.00	1.00	3.08	1.91
GTC7		Ga Thu Thăm - Loại 3	10.93	9.74	9.44	0.060	26.00	600	1.49		26.00	HL93	-	-	-	10.00	-	1.00	26.00	10.00	9.93	9.91	0.0025	7.50	1.00	1.00	1.00	1.00	3.08	1.91
GTC8		Ga Thu Thăm - Loại 3	10.94	9.70	9.40	0.060	26.00	600	1.54		26.00	HL93	-	-	-	10.00	-	1.00	26.00	10.00	9.94	9.92	0.0025	7.50	1.00	1.00	1.00	1.00	3.08	1.91
GTC9		Ga Thu Thăm - Loại 3	10.97	9.65	9.35	1.060	26.00	600	1.62		26.00	HL93	-	-	-	10.00	-	1.00	26.00	10.00	9.97	9.95	0.0025	7.50	1.00	1.00	1.00	1.00	3.08	1.91
GTC10		Ga Thu Thăm - Loại 3	11.00	9.61	9.31	2.060	26.00	600	1.69		26.00	HL93	-	-	-	10.00	-	1.00	26.00	10.00	10.00	9.98	0.0025	7.50	1.00	1.00	1.00	1.00	3.08	1.91
GTC11		Ga Thu Thăm - Loại 3	11.03	9.56	9.26	3.060	26.00	600	1.77		26.00	HL93	-	-	-	10.00	-	1.00	26.00	10.00	10.03	10.01	0.0025	7.50	1.00	1.00	1.00	1.00	3.08	1.91
GTC12		Ga Thu Thăm - Loại 3	11.06	9.52	9.22	4.060	26.00	600	1.84		26.00	HL93	-	-	-	10.00	-	1.00	26.00	10.00	10.06	10.04	0.0025	7.50	1.00	1.00	1.00	1.00	3.08	1.91
GTC13		Ga Thu Thăm - Loại 3	11.09	9.47	9.17	5.060	26.00	600	1.92		26.00	HL93	-	-	-	10.00	-	1.00	26.00	10.00	10.09	10.07	0.0025	7.50	1.00	1.00	1.00	1.00	3.08	1.91
GTC14		Ga Thăm - Loại 5	11.12	9.44	9.14	6.060	18.50	600	1.98		18.1																			

Bảng thống kê số lượng đốt cống TNM - HL93		
Loại cống		Số lượng
Số đoạn cống tải trọng HL 93	D400, L=2.5m	30 đoạn
	D400, L=1.5m	25 đoạn
	D400, L=1m	1 đoạn
	D600, L=2.5m	128 đoạn
	D600, L=1.5m	0 đoạn
	D600, L=1m	14 đoạn
	D800, L=2.5m	0 đoạn
	D800, L=1.5m	0 đoạn
	D800, L=1m	0 đoạn
	D1000, L=2.5m	109 đoạn
	D1000, L=1.5m	10 đoạn
	D1000, L=1m	3 đoạn

BẢNG KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT ĐÀO ĐẮP CỐNG THOÁT NƯỚC MƯA TUYẾN 1

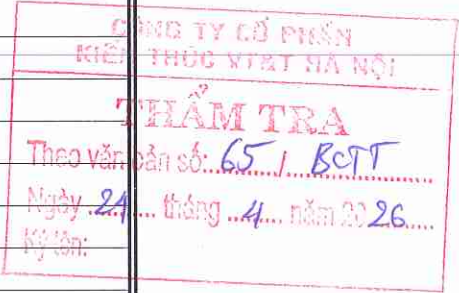
DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỤC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI

ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

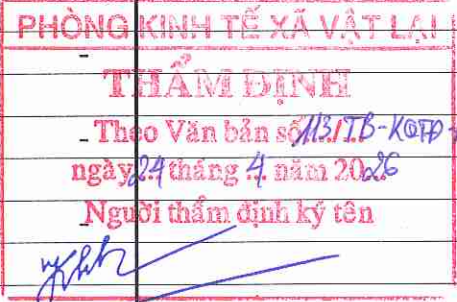
Tên cọc	K/C lẻ	Diện tích(m2)		Khối lượng(m3)		Ghi chú
		Đào cống	Đắp cống	Đào cống	Đắp cống	
DT		3.25	-			
	6.29			18.27	-	
1		2.56				
	11.00			26.73	-	
2		2.30				
	17.00			35.70	-	
3		1.90				
	17.00			28.99	-	
4		1.51				
	1.00			1.50	-	
5		1.49				
	2.00			2.93	-	
6		1.44				
	1.00			1.43	-	
7		1.42				
	13.96			17.73	-	
TD1		1.12				
	11.04			11.04	-	
8		0.88				
	11.00			8.47	-	
9		0.66				
	2.00			1.28	-	
10		0.62				
	7.00			3.85	-	
11		0.48				
	2.00			0.92	-	
12		0.44				
	10.59			3.07	-	
P1		0.14				
	5.91			0.80	-	
13		0.13				
	1.00			0.07	-	
14						

TỔNG
HỐ GA CHIẾM CHỖ
ĐÀO CỐNG
ĐẮP TRÁ CỐNG

119.79 **TB=1.27** **TB=0.00** **162.77** **-**
-
162.77 **M3**
- M3



Phường Văn Cường



Kiều Văn Bình

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG GA THOÁT NƯỚC MƯA
DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

STT	Hạng mục	Đơn vị	Ga Thăm - Loại 1	Ga Thăm - Loại 2	Ga Thăm - Loại 3	Ga Thăm - Loại 4	Ga Thăm - Loại 5	Ga Thu Thăm - Loại 1	Ga Thu Thăm - Loại 2	Ga Thu Thăm - Loại 3	Tổng	Ghi chú
A	Hố ga											
1	Số lượng hố ga	hố	1.00	12.00	1.00	1.00	1.00	11.00	2.00	12.00	41.00	
2	Bê tông lót móng M100, đá 2x4 dày 10cm	m3	0.26	3.07	0.38	0.44	0.68	2.82	0.51	3.07	11.22	
3	Ván khuôn BT lót móng	m2	0.64	7.68	0.78	0.84	1.04	7.04	1.28	7.68	26.98	
4	Bê tông tấm đan đá 1x2 M250	m3	0.29	3.53	0.51	0.62	1.05	3.23	0.59	3.53	13.36	
5	Bê tông hố ga đá 1x2 M250	m3	1.15	18.82	2.19	5.16	3.01	22.34	3.17	16.70	72.53	
a	Bê tông cổ ga/ BT chèn khung ga	m3	0.18	2.16	0.18	0.18	0.18	1.98	0.36	2.16	7.38	
b	Bê tông thành ga	m3	0.58	11.96	1.40	4.25	1.68	16.05	2.02	9.83	47.77	
c	Bê tông đáy ga	m3	0.39	4.70	0.61	0.72	1.15	4.31	0.78	4.70	17.38	
6	Ván khuôn hố ga	m2	13.11	188.07	23.35	53.89	31.32	274.48	34.79	196.51	815.52	
a	Ván khuôn tấm đan	m2	1.68	20.16	1.96	2.08	2.48	18.48	3.36	20.16	70.36	
b	Ván khuôn cổ ga/ BT chèn khung ga	m2	1.80	21.60	1.80	1.80	1.80	19.80	3.60	21.60	73.80	
c	Ván khuôn thành ga	m2	8.51	132.87	18.19	48.49	25.12	223.88	25.59	141.31	623.96	
d	Ván khuôn đáy ga	m2	1.12	13.44	1.40	1.52	1.92	12.32	2.24	13.44	47.40	
7	Cốt thép hố ga D≤10	kg	7.40	102.92	12.79	23.31	17.35	116.61	18.22	99.08	397.69	
8	Cốt thép hố ga D≤18	kg	219.17	3,042.81	374.42	710.80	630.76	3,602.33	519.50	2,894.90	11,994.69	
9	Cốt thép hố ga D>18	kg	8.06	128.94	13.43	32.23	13.43	206.84	21.49	128.94	553.36	
10	Khung và nắp ga	bộ	1.00	12.00	1.00	1.00	1.00	11.00	2.00	12.00	41.00	
11	Lắp đặt tấm đan	ck	1.00	12.00	1.00	1.00	1.00	11.00	2.00	12.00	41.00	
B	Hố thu đúc sẵn + Dầm D1 (Ga thu thăm kết hợp)											
1	Số lượng hố thu	hố	-	-	-	-	-	11.00	2.00	12.00	25.00	
2	Bê tông lót M100 đá 2x4	m3	-	-	-	-	-	0.91	0.16	0.99	2.06	
3	Ván khuôn bê tông lót móng	m3	-	-	-	-	-	2.85	0.52	3.11	6.48	
4	Bê tông M250 đá 1x2	m3	-	-	-	-	-	5.26	0.96	5.74	11.97	
5	Ván khuôn bê tông đúc sẵn	m2	-	-	-	-	-	51.61	9.38	56.31	117.30	
6	Cốt thép D≤10 đúc sẵn	Kg	-	-	-	-	-	495.33	90.06	540.36	1,125.75	
7	Song chắn rác và khung (250KN)	ck	-	-	-	-	-	11.00	2.00	12.00	25.00	
8	Lắp đặt hố thu đúc sẵn	ck	-	-	-	-	-	11.00	2.00	12.00	25.00	
9	Lắp đặt dầm D1	ck	-	-	-	-	-	11.00	2.00	12.00	25.00	

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VIỆT HÀ NỘI

THẨM TRA

Theo văn bản số: 65.1.BCT.....

Ngày 24 tháng 4 năm 2026

Ký tên: Phạm Văn Cường

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số: 13.1TB-KGPP-KT.....

ngày 24 tháng 4 năm 2026

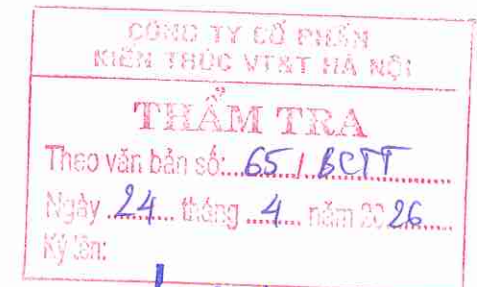
Người thẩm định ký tên: Nguyễn Văn Bình

M.S.D.N: 0100055864 - C.T.C.P

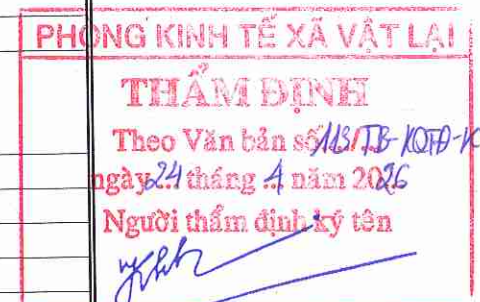
CÔNG TY
CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN
HẠ TẦNG ĐÔ THỊ
AVIC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

BẢNG KHỐI LƯỢNG GA THÂM - LOẠI 1
DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỤC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

STT	Hạng mục	Đơn vị	Diễn giải				Khối lượng	Ghi chú
A	Hố ga							
1	Số lượng hố ga	hố	Bảng tính chi tiết cao độ, chiều dài cống dọc, ga				1.00	A
2	Chiều cao thân ga+tấm đan	m	Bảng cấu tạo hố ga (H gồm cả H tấm đan)				1.06	H
3	Chiều cao cổ ga	m	Bảng tính chi tiết cao độ, chiều dài cống dọc, ga				0.25	Hc
4	Chiều rộng thành ga AB, CD	m	Bảng cấu tạo hố ga				1.40	B
5	Chiều rộng thành ga BC, DA	m	Bảng cấu tạo hố ga				1.40	C
6	Số lượng cống đầu nối vào hố ga		Bảng cấu tạo hố ga				3.00	
a	Diện tích ngoài của cống trên thành ga AB	m ²	D400	Rc=0.265m	Rc=0.265m	$S=\pi \cdot Rc \cdot Rc$	0.22	S1
b	Diện tích ngoài của cống trên thành ga BC	m ²	B600	Br=0.6m	Hr=0.85m	$S=Bc \cdot Hc$	0.51	S2
c	Diện tích ngoài của cống trên thành ga CD	m ²	-	-	-	-	-	S3
d	Diện tích ngoài của cống trên thành ga DA	m ²	B600	Br=0.6m	Hr=0.85m	$S=Bc \cdot Hc$	0.51	S4
7	Bê tông lót móng M100, đá 4x6 dày 10cm	m ³	$A \cdot (B+0,2) \cdot (C+0,2) \cdot 0,1$				0.26	
8	Ván khuôn BT lót móng	m ²	$A \cdot (B+0,2+C+0,2) \cdot 2 \cdot 0,1$				0.64	
9	Bê tông tấm đan đá 1x2 M250	m ³	$A \cdot (B \cdot C - 0,7 \cdot 0,7) \cdot 0,2$				0.29	
10	Bê tông hố ga đá 1x2 M250	m ³	$10.a + 10.b + 10.c$				1.15	
a	Bê tông cổ ga/ BT chèn khung ga	m ³	$A \cdot (1,1 \cdot 1,1 - 0,7 \cdot 0,7) \cdot Hc$				0.18	
b	Bê tông thành ga	m ³	$A \cdot (B \cdot C - (B-0,4) \cdot (C-0,4)) \cdot (H-0,2) - A \cdot (S1+S2+S3+S4) \cdot 0,2$				0.58	
c	Bê tông đáy ga	m ³	$A \cdot B \cdot C \cdot 0,2$				0.39	
11	Ván khuôn hố ga	m ²	$11.a + 11.b + 11.c + 11.d$				13.11	
a	Ván khuôn tấm đan	m ²	$A \cdot (2B+2C + 0,7 \cdot 4) \cdot 0,2$				1.68	
b	Ván khuôn cổ ga/ BT chèn khung ga	m ²	$A \cdot (1,1 \cdot 4 + 0,7 \cdot 4) \cdot Hc$				1.80	
c	Ván khuôn thành ga	m ²	$A \cdot (2 \cdot (B+C) + 2 \cdot (B+C-0,8)) \cdot (H-0,2) - A \cdot (S1+S2+S3+S4+S4') + A \cdot 2 \cdot (Bc+Hc) \cdot 0,2$ với cống hộp, rãnh đầu nối $+ A \cdot 2 \cdot \pi \cdot Rc \cdot 0,2$ với cống tròn đầu nối				8.51	
d	Ván khuôn đáy ga	m ²	$A \cdot (B+C) \cdot 2 \cdot 0,2$				1.12	
12	Cốt thép hố ga D≤10	kg	Bảng cấu tạo hố ga (KL thép tấm đan + Hố ga) * A				7.40	
13	Cốt thép hố ga D≤18	kg	Bảng cấu tạo hố ga (KL thép tấm đan + Hố ga) * A				219.17	
14	Cốt thép hố ga D>18	kg	Bảng cấu tạo hố ga (KL thép tấm đan + Hố ga) * A				8.06	
15	Khung và nắp ga	bộ	A				1.00	
16	Lắp đặt tấm đan	ck	A				1.00	
B	Hố thu đúc sẵn + Dầm D1 (Ga thu thâm kết hợp)							
1	Số lượng hố thu	hố	A				-	
2	Bê tông lót M100 đá 2x4	m ³	$1.12 \cdot 0.735 \cdot 0.1 \cdot A$				-	
3	Ván khuôn bê tông lót móng	m ³	$(1.12 + 0.735 \cdot 2) \cdot 0.1 \cdot A$				-	
4	Bê tông M250 đá 1x2	m ³	$4a + 4b + 4c$				-	
a	Bê tông hố thu nước mưa	m ³	$((0.935 \cdot 0.57 - 0.41 \cdot 0.34) \cdot 2 + 0.82 \cdot 0.57 + 1.12 \cdot 0.935) \cdot 0.15 \cdot A$				-	
b	Bê tông dầm D1	m ³	$(0.33 \cdot 0.18 + 0.22 \cdot 0.13) \cdot 1.12 \cdot A$				-	
c	Bê tông chèn khung lưới chắn rác	m ³	$(0.635 \cdot 1.12 - 0.385 \cdot 0.82) \cdot 0.088 \cdot A$				-	
5	Ván khuôn bê tông đúc sẵn	m ²	$5a + 5b$				-	
a	Ván khuôn hố thu nước mưa	m ²	$((0.935 \cdot 0.57 - 0.41 \cdot 0.34) \cdot 2 + 0.82 \cdot 0.57 + (0.935 \cdot 0.720 - 0.41 \cdot 0.34) \cdot 2 + 0.72 \cdot 1.12 + 1.12 \cdot 0.15 + 0.57 \cdot 0.15 \cdot 2) \cdot A$				-	
b	Ván khuôn dầm D1	m ²	$(0.33 \cdot 2 \cdot 1.12 + (0.33 \cdot 0.4 - 0.2 \cdot 0.22) \cdot 2) \cdot A$				-	
c	Ván khuôn bê tông chèn khung lưới chắn rác	m ²	$2 \cdot (0.635 + 1.12) \cdot 0.088 \cdot A$				-	
6	Cốt thép D≤10 đúc sẵn	Kg	$6a + 6b$				-	
a	Cốt thép hố thu nước mưa, D≤10	Kg	Bảng tính khối lượng thép hố thu nước mưa * A				-	
b	Cốt thép dầm D1, D≤10	Kg	Bảng tính khối lượng thép dầm D1 * A				-	
7	Song chắn rác và khung (250KN)	ck	A				-	
8	Lắp đặt hố thu đúc sẵn	ck	A				-	
9	Lắp đặt dầm D1	ck	A				-	



Phường Văn Cường

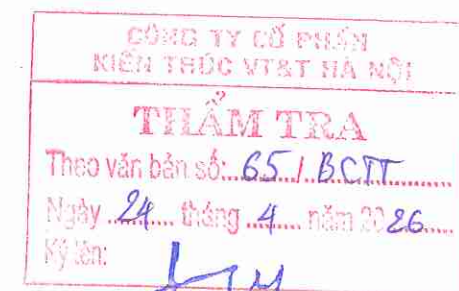


Hiếu Văn Bình

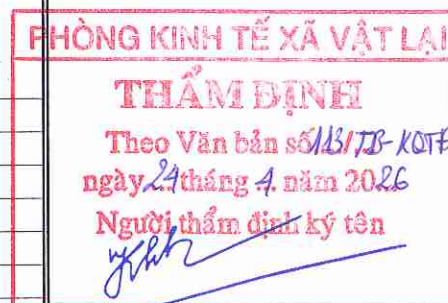


BẢNG KHỐI LƯỢNG GA THẨM - LOẠI 2
DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỤC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

STT	Hạng mục	Đơn vị	Diễn giải				Khối lượng	Ghi chú
A	Hố ga							
1	Số lượng hố ga	hố	Bảng tính chi tiết cao độ, chiều dài cống dọc, ga				12.00	A
2	Chiều cao thân ga+tấm đan	m	Bảng cấu tạo hố ga (H gồm cả H tấm đan)				1.33	H
3	Chiều cao cổ ga	m	Bảng tính chi tiết cao độ, chiều dài cống dọc, ga				0.25	Hc
4	Chiều rộng thành ga AB, CD	m	Bảng cấu tạo hố ga				1.40	B
5	Chiều rộng thành ga BC, DA	m	Bảng cấu tạo hố ga				1.40	C
6	Số lượng cống đầu nối vào hố ga		Bảng cấu tạo hố ga				2.00	
a	Diện tích ngoài của cống trên thành ga AB	m2	D400	Rc=0.265m	Rc=0.265m	$S=\pi*Rc*Rc$	0.22	S1
b	Diện tích ngoài của cống trên thành ga BC	m2	-	-	-	-	-	S2
c	Diện tích ngoài của cống trên thành ga CD	m2	D400	Rc=0.265m	Rc=0.265m	$S=\pi*Rc*Rc$	0.22	S3
d	Diện tích ngoài của cống trên thành ga DA	m2	-	-	-	-	-	S4
7	Bê tông lót móng M100, đá 4x6 dày 10cm	m3	$A*(B+0,2)*(C+0,2)*0,1$				3.07	
8	Ván khuôn BT lót móng	m2	$A*(B+0,2+C+0,2)*2*0,1$				7.68	
9	Bê tông tấm đan đá 1x2 M250	m3	$A*(B*C - 0,7*0,7)*0,2$				3.53	
10	Bê tông hố ga đá 1x2 M250	m3	$10.a + 10.b + 10.c$				18.82	
a	Bê tông cổ ga/ BT chèn khung ga	m3	$A*(1,1*1,1-0,7*0,7)*Hc$				2.16	
b	Bê tông thành ga	m3	$A*(B*C-(B-0,4)*(C-0,4))*(H-0,2) - A*(S1+S2+S3+S4+S4')*0,2$				11.96	
c	Bê tông đáy ga	m3	$A*B*C*0,2$				4.70	
11	Ván khuôn hố ga	m2	$11.a + 11.b + 11.c + 11.d$				188.07	
a	Ván khuôn tấm đan	m2	$A*(2B+2C + 0,7*4)*0,2$				20.16	
b	Ván khuôn cổ ga/ BT chèn khung ga	m2	$A*(1,1*4+0,7*4)*Hc$				21.60	
c	Ván khuôn thành ga	m2	$A*(2*(B+C)+2*(B+C-0,8))*(H-0,2)-A*(S1+S2+S3+S4+S4') + A*2*(Bc+Hc)*0,2$ với cống hộp, rãnh đầu nối $+ A*2*\pi*Rc*0,2$ với cống tròn đầu nối				132.87	
d	Ván khuôn đáy ga	m2	$A*(B+C)*2*0,2$				13.44	
12	Cốt thép hố ga D≤10	kg	Bảng cấu tạo hố ga (KL thép tấm đan + Hố ga)*A				102.92	
13	Cốt thép hố ga D≤18	kg	Bảng cấu tạo hố ga (KL thép tấm đan + Hố ga)*A				3,042.81	
14	Cốt thép hố ga D>18	kg	Bảng cấu tạo hố ga (KL thép tấm đan + Hố ga)*A				128.94	
15	Khung và nắp ga	bộ	A				12.00	
16	Lắp đặt tấm đan	ck	A				12.00	
B	Hố thu đúc sẵn + Dầm D1 (Ga thu thấm kết hợp)							
1	Số lượng hố thu	hố	A				-	
2	Bê tông lót M100 đá 2x4	m3	$1.12*0.735*0.1*A$				-	
3	Ván khuôn bê tông lót móng	m3	$(1.12+0.735*2)*0.1*A$				-	
4	Bê tông M250 đá 1x2	m3	$4a+4b+4c$				-	
a	Bê tông hố thu nước mưa	m3	$((0.935*0.57-0.41*0.34)*2+0.82*0.57+1.12*0.935)*0.15*A$				-	
b	Bê tông dầm D1	m3	$(0.33*0.18+0.22*0.13)*1.12*A$				-	
c	Bê tông chèn khung lưới chắn rác	m3	$(0.635*1.12-0.385*0.82)*0.088*A$				-	
5	Ván khuôn bê tông đúc sẵn	m2	$5a+5b$				-	
a	Ván khuôn hố thu nước mưa	m2	$((0.935*0.57-0.41*0.34)*2+0.82*0.57+(0.935*0.720-0.41*0.34)*2+0.72*1.12+1.12*0.15+0.57*0.15*2)*A$				-	
b	Ván khuôn dầm D1	m2	$(0.33*2*1.12+(0.33*0.4-0.2*0.22)*2)*A$				-	
c	Ván khuôn bê tông chèn khung lưới chắn rác	m2	$2*(0.635+1.12)*0.088*A$				-	
6	Cốt thép D≤10 đúc sẵn	Kg	$6a+6b$				-	
a	Cốt thép hố thu nước mưa, D≤10	Kg	Bảng tính khối lượng thép hố thu nước mưa*A				-	
b	Cốt thép dầm D1, D≤10	Kg	Bảng tính khối lượng thép dầm D1*A				-	
7	Song chắn rác và khung (250KN)	ck	A				-	
8	Lắp đặt hố thu đúc sẵn	ck	A				-	
9	Lắp đặt dầm D1	ck	A				-	



Phuong Van Cuong



Kieu Van Binh

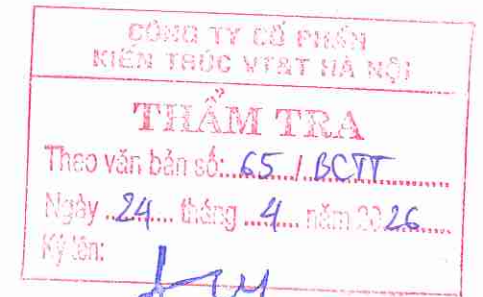


BẢNG KHỐI LƯỢNG GA THẨM - LOẠI 3

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỤC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI

ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

STT	Hạng mục	Đơn vị	Diễn giải				Khối lượng	Ghi chú
A	Hố ga							
1	Số lượng hố ga	hố	Bảng tính chi tiết cao độ, chiều dài cống dọc, ga				1.00	A
2	Chiều cao thân ga+tấm đan	m	Bảng cấu tạo hố ga (H gồm cả H tấm đan)				1.69	H
3	Chiều cao cổ ga	m	Bảng tính chi tiết cao độ, chiều dài cống dọc, ga				0.25	Hc
4	Chiều rộng thành ga AB, CD	m	Bảng cấu tạo hố ga				1.90	B
5	Chiều rộng thành ga BC, DA	m	Bảng cấu tạo hố ga				1.60	C
6	Số lượng cống đầu nối vào hố ga		Bảng cấu tạo hố ga				3.00	
a	Diện tích ngoài của cống trên thành ga AB	m ²	D1000	Rc=0.62m	Rc=0.62m	S=π*Rc*Rc	1.21	S1
b	Diện tích ngoài của cống trên thành ga BC	m ²	B600	Br=0.6m	Hr=0.85m	S=Bc*Hc	0.51	S2
c	Diện tích ngoài của cống trên thành ga CD	m ²	-	-	-	-	-	S3
d	Diện tích ngoài của cống trên thành ga DA	m ²	B600	Br=0.6m	Hr=0.85m	S=Bc*Hc	0.51	S4
7	Bê tông lót móng M100, đá 4x6 dày 10cm	m ³	$A*(B+0,2)*(C+0,2)*0,1$				0.38	
8	Ván khuôn BT lót móng	m ²	$A*(B+0,2+C+0,2)*2*0,1$				0.78	
9	Bê tông tấm đan đá 1x2 M250	m ³	$A*(B*C - 0,7*0,7)*0,2$				0.51	
10	Bê tông hố ga đá 1x2 M250	m ³	$10.a + 10.b + 10.c$				2.19	
a	Bê tông cổ ga/ BT chèn khung ga	m ³	$A*(1,1*1,1-0,7*0,7)*Hc$				0.18	
b	Bê tông thành ga	m ³	$A*(B*C-(B-0,4)*(C-0,4)*(H-0,2) - A*(S1+S2+S3+S4)*0,2$				1.40	
c	Bê tông đáy ga	m ³	$A*B*C*0,2$				0.61	
11	Ván khuôn hố ga	m ²	$11.a + 11.b + 11.c + 11.d$				23.35	
a	Ván khuôn tấm đan	m ²	$A*(2B+2C + 0,7*4)*0,2$				1.96	
b	Ván khuôn cổ ga/ BT chèn khung ga	m ²	$A*(1,1*4+0,7*4)*Hc$				1.80	
c	Ván khuôn thành ga	m ²	$A*(2*(B+C)+2*(B+C-0,8))*(H-0,2)-A*(S1+S2+S3+S4+S4') + A*2*(Bc+Hc)*0,2$ với cống hộp, rãnh đầu nối $+ A*2*\pi*Rc*0,2$ với cống tròn đầu nối				18.19	
d	Ván khuôn đáy ga	m ²	$A*(B+C)*2*0,2$				1.40	
12	Cốt thép hố ga D≤10	kg	Bảng cấu tạo hố ga (KL thép tấm đan + Hố ga)*A				12.79	
13	Cốt thép hố ga D≤18	kg	Bảng cấu tạo hố ga (KL thép tấm đan + Hố ga)*A				374.42	
14	Cốt thép hố ga D>18	kg	Bảng cấu tạo hố ga (KL thép tấm đan + Hố ga)*A				13.43	
15	Khung và nắp ga	bộ	A				1.00	
16	Lắp đặt tấm đan	ck	A				1.00	
B	Hố thu đúc sẵn + Dầm D1 (Ga thu thẩm kết hợp)							
1	Số lượng hố thu	hố	A				-	
2	Bê tông lót M100 đá 2x4	m ³	$1.12*0.735*0.1*A$				-	
3	Ván khuôn bê tông lót móng	m ³	$(1.12+0.735*2)*0.1*A$				-	
4	Bê tông M250 đá 1x2	m ³	$4a+4b+4c$				-	
a	Bê tông hố thu nước mưa	m ³	$((0.935*0.57-0.41*0.34)*2+0.82*0.57+1.12*0.935)*0.15*A$				-	
b	Bê tông dầm D1	m ³	$(0.33*0.18+0.22*0.13)*1.12*A$				-	
c	Bê tông chèn khung lưới chắn rác	m ³	$(0.635*1.12-0.385*0.82)*0.088*A$				-	
5	Ván khuôn bê tông đúc sẵn	m ²	$5a+5b$				-	
a	Ván khuôn hố thu nước mưa	m ²	$((0.935*0.57-0.41*0.34)*2+0.82*0.57+(0.935*0.720-0.41*0.34)*2+0.72*1.12+1.12*0.15+0.57*0.15*2)*A$				-	
b	Ván khuôn dầm D1	m ²	$(0.33*2*1.12+(0.33*0.4-0.2*0.22)*2)*A$				-	
c	Ván khuôn bê tông chèn khung lưới chắn rác	m ²	$2*(0.635+1.12)*0.088*A$				-	
6	Cốt thép D≤10 đúc sẵn	Kg	$6a+6b$				-	
a	Cốt thép hố thu nước mưa, D≤10	Kg	Bảng tính khối lượng thép hố thu nước mưa*A				-	
b	Cốt thép dầm D1, D≤10	Kg	Bảng tính khối lượng thép dầm D1*A				-	
7	Song chắn rác và khung (250KN)	ck	A				-	
8	Lắp đặt hố thu đúc sẵn	ck	A				-	
9	Lắp đặt dầm D1	ck	A				-	



Phường Văn Cường



Kiều Văn Bình

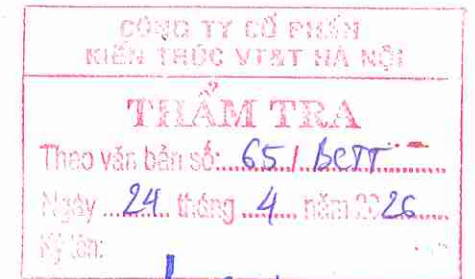


BẢNG KHỐI LƯỢNG GA THĂM - LOẠI 4

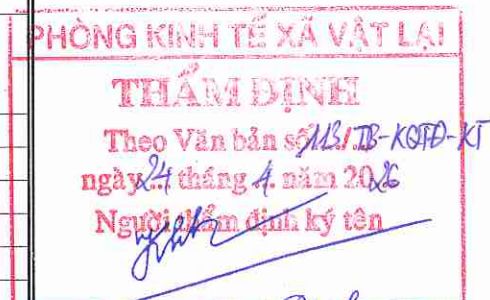
DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỤC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI

ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

STT	Hạng mục	Đơn vị	Diễn giải				Khối lượng	Ghi chú
A	Hố ga							
1	Số lượng hố ga	hố	Bảng tính chi tiết cao độ, chiều dài cống dọc, ga				1.00	A
2	Chiều cao thân ga+tấm đan	m	Bảng cấu tạo hố ga (H gồm cả H tấm đan)				3.86	H
3	Chiều cao cổ ga	m	Bảng tính chi tiết cao độ, chiều dài cống dọc, ga				0.25	Hc
4	Chiều rộng thành ga AB, CD	m	Bảng cấu tạo hố ga				1.90	B
5	Chiều rộng thành ga BC, DA	m	Bảng cấu tạo hố ga				1.90	C
6	Số lượng cống đầu nối vào hố ga		Bảng cấu tạo hố ga				3.00	
a	Diện tích ngoài của cống trên thành ga AB	m ²	D1000	Rc=0.62m	Rc=0.62m	$S=\pi \cdot Rc \cdot Rc$	1.21	S1
b	Diện tích ngoài của cống trên thành ga BC	m ²	-	-	-	-	-	S2
c	Diện tích ngoài của cống trên thành ga CD	m ²	D1000	Rc=0.62m	Rc=0.62m	$S=\pi \cdot Rc \cdot Rc$	1.21	S3
d	Diện tích ngoài của cống trên thành ga DA	m ²	D1000	Rc=0.62m	Rc=0.62m	$S=\pi \cdot Rc \cdot Rc$	1.21	S4
7	Bê tông lót móng M100, đá 4x6 dày 10cm	m ³	$A \cdot (B+0,2) \cdot (C+0,2) \cdot 0,1$				0.44	
8	Ván khuôn BT lót móng	m ²	$A \cdot (B+0,2+C+0,2) \cdot 2 \cdot 0,1$				0.84	
9	Bê tông tấm đan đá 1x2 M250	m ³	$A \cdot (B \cdot C - 0,7 \cdot 0,7) \cdot 0,2$				0.62	
10	Bê tông hố ga đá 1x2 M250	m ³	$10.a + 10.b + 10.c$				5.16	
a	Bê tông cổ ga/ BT chèn khung ga	m ³	$A \cdot (1,1 \cdot 1,1 - 0,7 \cdot 0,7) \cdot Hc$				0.18	
b	Bê tông thành ga	m ³	$A \cdot (B \cdot C - (B-0,4) \cdot (C-0,4)) \cdot (H-0,2) - A \cdot (S1+S2+S3+S4+S4') \cdot 0,2$				4.25	
c	Bê tông đáy ga	m ³	$A \cdot B \cdot C \cdot 0,2$				0.72	
11	Ván khuôn hố ga	m ²	$11.a + 11.b + 11.c + 11.d$				53.89	
a	Ván khuôn tấm đan	m ²	$A \cdot (2B+2C + 0,7 \cdot 4) \cdot 0,2$				2.08	
b	Ván khuôn cổ ga/ BT chèn khung ga	m ²	$A \cdot (1,1 \cdot 4 + 0,7 \cdot 4) \cdot Hc$				1.80	
c	Ván khuôn thành ga	m ²	$A \cdot (2 \cdot (B+C) + 2 \cdot (B+C-0,8)) \cdot (H-0,2) - A \cdot (S1+S2+S3+S4+S4') + A \cdot 2 \cdot (Bc+Hc) \cdot 0,2$ với cống hộp, rãnh đầu nối $+ A \cdot 2 \cdot \pi \cdot Rc \cdot 0,2$ với cống tròn đầu nối				48.49	
d	Ván khuôn đáy ga	m ²	$A \cdot (B+C) \cdot 2 \cdot 0,2$				1.52	
12	Cốt thép hố ga D≤10	kg	Bảng cấu tạo hố ga (KL thép tấm đan + Hố ga) * A				23.31	
13	Cốt thép hố ga D≤18	kg	Bảng cấu tạo hố ga (KL thép tấm đan + Hố ga) * A				710.80	
14	Cốt thép hố ga D>18	kg	Bảng cấu tạo hố ga (KL thép tấm đan + Hố ga) * A				32.23	
15	Khung và nắp ga	bộ	A				1.00	
16	Lắp đặt tấm đan	ck	A				1.00	
B	Hố thu đúc sẵn + Dầm D1 (Ga thu thăm kết hợp)							
1	Số lượng hố thu	hố	A				-	
2	Bê tông lót M100 đá 2x44	m ³	$1.12 \cdot 0.735 \cdot 0.1 \cdot A$				-	
3	Ván khuôn bê tông lót móng	m ³	$(1.12 + 0.735 \cdot 2) \cdot 0.1 \cdot A$				-	
4	Bê tông M250 đá 1x2	m ³	$4a + 4b + 4c$				-	
a	Bê tông hố thu nước mưa	m ³	$((0.935 \cdot 0.57 - 0.41 \cdot 0.34) \cdot 2 + 0.82 \cdot 0.57 + 1.12 \cdot 0.935) \cdot 0.15 \cdot A$				-	
b	Bê tông dầm D1	m ³	$(0.33 \cdot 0.18 + 0.22 \cdot 0.13) \cdot 1.12 \cdot A$				-	
c	Bê tông chèn khung lưới chắn rác	m ³	$(0.635 \cdot 1.12 - 0.385 \cdot 0.82) \cdot 0.088 \cdot A$				-	
5	Ván khuôn bê tông đúc sẵn	m ²	$5a + 5b$				-	
a	Ván khuôn hố thu nước mưa	m ²	$((0.935 \cdot 0.57 - 0.41 \cdot 0.34) \cdot 2 + 0.82 \cdot 0.57 + (0.935 \cdot 0.720 - 0.41 \cdot 0.34) \cdot 2 + 0.72 \cdot 1.12 + 1.12 \cdot 0.15 + 0.57 \cdot 0.15 \cdot 2) \cdot A$				-	
b	Ván khuôn dầm D1	m ²	$(0.33 \cdot 2 \cdot 1.12 + (0.33 \cdot 0.4 - 0.2 \cdot 0.22) \cdot 2) \cdot A$				-	
c	Ván khuôn bê tông chèn khung lưới chắn rác	m ²	$2 \cdot (0.635 + 1.12) \cdot 0.088 \cdot A$				-	
6	Cốt thép D≤10 đúc sẵn	Kg	$6a + 6b$				-	
a	Cốt thép hố thu nước mưa, D≤10	Kg	Bảng tính khối lượng thép hố thu nước mưa * A				-	
b	Cốt thép dầm D1, D≤10	Kg	Bảng tính khối lượng thép dầm D1 * A				-	
7	Song chắn rác và khung (250KN)	ck	A				-	
8	Lắp đặt hố thu đúc sẵn	ck	A				-	
9	Lắp đặt dầm D1	ck	A				-	



Phường Văn Cường

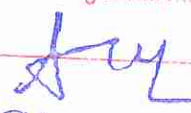


Hiếu Văn Bình



BẢNG KHỐI LƯỢNG GA THĂM - LOẠI 5
DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỤC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

STT	Hạng mục	Đơn vị	Diễn giải				Khối lượng	Ghi chú
A	Hố ga							
1	Số lượng hố ga	hố	Bảng tính chi tiết cao độ, chiều dài cống dọc, ga				1.00	A
2	Chiều cao thân ga+tấm đan	m	Bảng cấu tạo hố ga (H gồm cả H tấm đan)				1.73	H
3	Chiều cao cổ ga	m	Bảng tính chi tiết cao độ, chiều dài cống dọc, ga				0.25	Hc
4	Chiều rộng thành ga AB, CD	m	Bảng cấu tạo hố ga				2.40	B
5	Chiều rộng thành ga BC, DA	m	Bảng cấu tạo hố ga				2.40	C
6	Số lượng cống đầu nối vào hố ga		Bảng cấu tạo hố ga				4.00	
a	Diện tích ngoài của cống trên thành ga AB	m ²	1.5x1.5	Br=1.5m	Hr=1.4m	S=Bc*Hc	2.10	S1
b	Diện tích ngoài của cống trên thành ga BC	m ²	D600	Rc=0.37m	Rc=0.37m	S=π*Rc*Rc	0.43	S2
c	Diện tích ngoài của cống trên thành ga CD	m ²	1.5x1.5	Br=1.5m	Hr=1.4m	S=Bc*Hc	2.10	S3
d	Diện tích ngoài của cống trên thành ga DA	m ²	D600	Rc=0.37m	Rc=0.37m	S=π*Rc*Rc	0.43	S4
7	Bê tông lót móng M100, đá 4x6 dày 10cm	m ³	$A*(B+0,2)*(C+0,2)*0,1$				0.68	
8	Ván khuôn BT lót móng	m ²	$A*(B+0,2+C+0,2)*2*0,1$				1.04	
9	Bê tông tấm đan đá 1x2 M250	m ³	$A*(B*C - 0,7*0,7)*0,2$				1.05	
10	Bê tông hố ga đá 1x2 M250	m ³	10.a + 10.b + 10.c				3.01	
a	Bê tông cổ ga/ BT chèn khung ga	m ³	$A*(1,1*1,1-0,7*0,7)*Hc$				0.18	
b	Bê tông thành ga	m ³	$A*(B*C-(B-0,4)*(C-0,4))*(H-0,2) - A*(S1+S2+S3+S4+S4')*0,2$				1.68	
c	Bê tông đáy ga	m ³	$A*B*C*0,2$				1.15	
11	Ván khuôn hố ga	m ²	11.a + 11.b + 11.c + 11.d				31.32	
a	Ván khuôn tấm đan	m ²	$A*(2B+2C + 0,7*4)*0,2$				2.48	
b	Ván khuôn cổ ga/ BT chèn khung ga	m ²	$A*(1,1*4+0,7*4)*Hc$				1.80	
c	Ván khuôn thành ga	m ²	$A*(2*(B+C)+2*(B+C-0,8))*(H-0,2)-A*(S1+S2+S3+S4+S4') + A*2*(Bc+Hc)*0,2$ với cống hộp, rãnh đầu nối + $A*2*\pi*Rc*0,2$ với cống tròn đầu nối				25.12	
d	Ván khuôn đáy ga	m ²	$A*(B+C)*2*0,2$				1.92	
12	Cốt thép hố ga D≤10	kg	Bảng cấu tạo hố ga (KL thép tấm đan + Hố ga)*A				17.35	
13	Cốt thép hố ga D≤18	kg	Bảng cấu tạo hố ga (KL thép tấm đan + Hố ga)*A				630.76	
14	Cốt thép hố ga D>18	kg	Bảng cấu tạo hố ga (KL thép tấm đan + Hố ga)*A				13.43	
15	Khung và nắp ga	bộ	A				1.00	
16	Lắp đặt tấm đan	ck	A				1.00	
B	Hố thu đúc sẵn + Dầm D1 (Ga thu thăm kết hợp)							
1	Số lượng hố thu	hố	A				-	
2	Bê tông lót M100 đá 2x4	m ³	1.12*0.735*0.1*A				-	
3	Ván khuôn bê tông lót móng	m ³	(1.12+0.735*2)*0.1*A				-	
4	Bê tông M250 đá 1x2	m ³	4a+4b+4c				-	
a	Bê tông hố thu nước mưa	m ³	((0.935*0.57-0.41*0.34)*2+0.82*0.57+1.12*0.935)*0.15*A				-	
b	Bê tông dầm D1	m ³	(0.33*0.18+0.22*0.13)*1.12*A				-	
c	Bê tông chèn khung lưới chắn rác	m ³	(0.635*1.12-0.385*0.82)*0.088*A				-	
5	Ván khuôn bê tông đúc sẵn	m ²	5a+5b				-	
a	Ván khuôn hố thu nước mưa	m ²	(((0.935*0.57-0.41*0.34)*2+0.82*0.57+(0.935*0.720-0.41*0.34)*2+0.72*1.12+1.12*0.15+0.57*0.15*2)*A				-	
b	Ván khuôn dầm D1	m ²	(0.33*2*1.12+(0.33*0.4-0.2*0.22)*2)*A				-	
c	Ván khuôn bê tông chèn khung lưới chắn rác	m ²	2*(0.635+1.12)*0.088*A				-	
6	Cốt thép D≤10 đúc sẵn	Kg	6a+6b				-	
a	Cốt thép hố thu nước mưa, D≤10	Kg	Bảng tính khối lượng thép hố thu nước mưa*A				-	
b	Cốt thép dầm D1, D≤10	Kg	Bảng tính khối lượng thép dầm D1*A				-	
7	Song chắn rác và khung (250KN)	ck	A				-	
8	Lắp đặt hố thu đúc sẵn	ck	A				-	
9	Lắp đặt dầm D1	ck	A				-	

**CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VIỆT HÀ NỘI**
THẨM TRA
Theo văn bản số: 65.1.BC/T
Ngày 24 tháng 4 năm 2026
Ký tên: 

Phuong Van Cuong

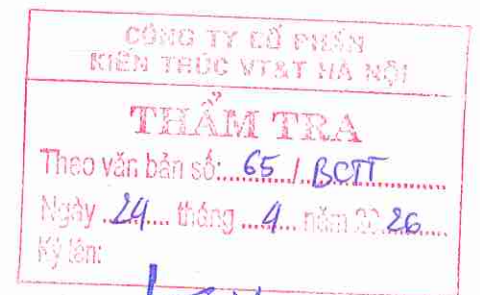
PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 18/NB-KTĐ-KT
ngày 24 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên: 

Kieu Van Binh

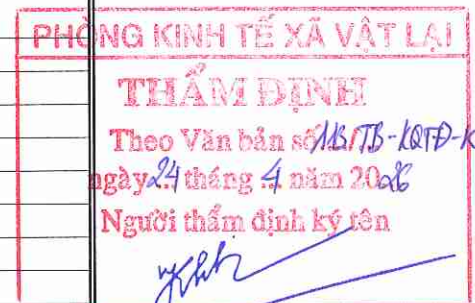


BẢNG KHỐI LƯỢNG GA THU THẨM - LOẠI 1
DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỤC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

STT	Hạng mục	Đơn vị	Diễn giải				Khối lượng	Ghi chú
A	Hố ga							
1	Số lượng hố ga	hố	Bảng tính chi tiết cao độ, chiều dài cống dọc, ga				11.00	A
2	Chiều cao thân ga+tấm đan	m	Bảng cấu tạo hố ga (H gồm cả H tấm đan)				2.39	H
3	Chiều cao cổ ga	m	Bảng tính chi tiết cao độ, chiều dài cống dọc, ga				0.25	Hc
4	Chiều rộng thành ga AB, CD	m	Bảng cấu tạo hố ga				1.40	B
5	Chiều rộng thành ga BC, DA	m	Bảng cấu tạo hố ga				1.40	C
6	Số lượng cống đầu nối vào hố ga		Bảng cấu tạo hố ga				4.00	
a	Diện tích ngoài của cống trên thành ga AB	m ²	D1000	Rc=0.62m	Rc=0.62m	$S=\pi*Rc*Rc$	1.21	S1
b	Diện tích ngoài của cống trên thành ga BC	m ²	D400	Rc=0.265m	Rc=0.265m	$S=\pi*Rc*Rc$	0.22	S2
c	Diện tích ngoài của cống trên thành ga CD	m ²	D1000	Rc=0.62m	Rc=0.62m	$S=\pi*Rc*Rc$	1.21	S3
d	Diện tích ngoài của cống trên thành ga DA	m ²	HT	Br=1.12m	Hr=0.52m	$S=Bc*Hc$	0.58	S4
7	Bê tông lót móng M100, đá 4x6 dày 10cm	m ³	$A*(B+0,2)*(C+0,2)*0,1$				2.82	
8	Ván khuôn BT lót móng	m ²	$A*(B+0,2+C+0,2)*2*0,1$				7.04	
9	Bê tông tấm đan đá 1x2 M250	m ³	$A*(B*C - 0,7*0,7)*0,2$				3.23	
10	Bê tông hố ga đá 1x2 M250	m ³	$10.a + 10.b + 10.c$				22.34	
a	Bê tông cổ ga/ BT chèn khung ga	m ³	$A*(1,1*1,1-0,7*0,7)*Hc$				1.98	
b	Bê tông thành ga	m ³	$A*(B*C-(B-0,4)*(C-0,4))*(H-0,2) - A*(S1+S2+S3+S4+S4')*0,2$				16.05	
c	Bê tông đáy ga	m ³	$A*B*C*0,2$				4.31	
11	Ván khuôn hố ga	m ²	$11.a + 11.b + 11.c + 11.d$				274.48	
a	Ván khuôn tấm đan	m ²	$A*(2B+2C + 0,7*4)*0,2$				18.48	
b	Ván khuôn cổ ga/ BT chèn khung ga	m ²	$A*(1,1*4+0,7*4)*Hc$				19.80	
c	Ván khuôn thành ga	m ²	$A*(2*(B+C)+2*(B+C-0,8))*(H-0,2)-A*(S1+S2+S3+S4+S4') + A*2*(Bc+Hc)*0,2$ với cống hộp, rãnh đầu nối $+ A*2*\pi*Rc*0,2$ với cống tròn đầu nối				223.88	
d	Ván khuôn đáy ga	m ²	$A*(B+C)*2*0,2$				12.32	
12	Cốt thép hố ga D≤10	kg	Bảng cấu tạo hố ga (KL thép tấm đan + Hố ga)*A				116.61	
13	Cốt thép hố ga D≤18	kg	Bảng cấu tạo hố ga (KL thép tấm đan + Hố ga)*A				3,602.33	
14	Cốt thép hố ga D>18	kg	Bảng cấu tạo hố ga (KL thép tấm đan + Hố ga)*A				206.84	
15	Khung và nắp ga	bộ	A				11.00	
16	Lắp đặt tấm đan	ck	A				11.00	
B	Hố thu đúc sẵn + Dầm D1 (Ga thu thẩm kết hợp)							
1	Số lượng hố thu	hố	A				11.00	
2	Bê tông lót M100 đá 2x4	m ³	$1.12*0.735*0.1*A$				0.91	
3	Ván khuôn bê tông lót móng	m ³	$(1.12+0.735*2)*0.1*A$				2.85	
4	Bê tông M250 đá 1x2	m ³	$4a+4b+4c$				5.26	
a	Bê tông hố thu nước mưa	m ³	$((0.935*0.57-0.41*0.34)*2+0.82*0.57+1.12*0.935)*0.15*A$				3.80	
b	Bê tông dầm D1	m ³	$(0.33*0.18+0.22*0.13)*1.12*A$				1.08	
c	Bê tông chèn khung lưới chắn rác	m ³	$(0.635*1.12-0.385*0.82)*0.088*A$				0.38	
5	Ván khuôn bê tông đúc sẵn	m ²	$5a+5b$				51.61	
a	Ván khuôn hố thu nước mưa	m ²	$((0.935*0.57-0.41*0.34)*2+0.82*0.57+(0.935*0.720-0.41*0.34)*2+0.72*1.12+1.12*0.15+0.57*0.15*2)*A$				38.15	
b	Ván khuôn dầm D1	m ²	$(0.33*2*1.12+(0.33*0.4-0.2*0.22)*2)*A$				10.07	
c	Ván khuôn bê tông chèn khung lưới chắn rác	m ²	$2*(0.635+1.12)*0.088*A$				3.40	
6	Cốt thép D≤10 đúc sẵn	Kg	$6a+6b$				495.33	
a	Cốt thép hố thu nước mưa, D≤10	Kg	Bảng tính khối lượng thép hố thu nước mưa*A				405.35	
b	Cốt thép dầm D1, D≤10	Kg	Bảng tính khối lượng thép dầm D1*A				89.98	
7	Song chắn rác và khung (250KN)	ck	A				11.00	
8	Lắp đặt hố thu đúc sẵn	ck	A				11.00	
9	Lắp đặt dầm D1	ck	A				11.00	



Phường Văn Cường



Kiên Văn Bình



BẢNG KHỐI LƯỢNG GA THU THẨM - LOẠI 2
DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỤC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

STT	Hạng mục	Đơn vị	Diễn giải				Khối lượng	Ghi chú
A	Hố ga							
1	Số lượng hố ga	hố	Bảng tính chi tiết cao độ, chiều dài cống dọc, ga				2.00	A
2	Chiều cao thân ga+tấm đan	m	Bảng cấu tạo hố ga (H gồm cả H tấm đan)				1.51	H
3	Chiều cao cổ ga	m	Bảng tính chi tiết cao độ, chiều dài cống dọc, ga				0.25	Hc
4	Chiều rộng thành ga AB, CD	m	Bảng cấu tạo hố ga				1.40	B
5	Chiều rộng thành ga BC, DA	m	Bảng cấu tạo hố ga				1.40	C
6	Số lượng cống đầu nối vào hố ga		Bảng cấu tạo hố ga				3.00	
a	Diện tích ngoài của cống trên thành ga AB	m ²	D600	Rc=0.37m	Rc=0.37m	$S=\pi \cdot Rc \cdot Rc$	0.43	S1
b	Diện tích ngoài của cống trên thành ga BC	m ²	D400	Rc=0.265m	Rc=0.265m	$S=\pi \cdot Rc \cdot Rc$	0.22	S2
c	Diện tích ngoài của cống trên thành ga CD	m ²	-	-	-	-	-	S3
d	Diện tích ngoài của cống trên thành ga DA	m ²	HT	Br=1.12m	Hr=0.52m	$S=Bc \cdot Hc$	0.58	S4
7	Bê tông lót móng M100, đá 4x6 dày 10cm	m ³	$A \cdot (B+0,2) \cdot (C+0,2) \cdot 0,1$				0.51	
8	Ván khuôn BT lót móng	m ²	$A \cdot (B+0,2+C+0,2) \cdot 2 \cdot 0,1$				1.28	
9	Bê tông tấm đan đá 1x2 M250	m ³	$A \cdot (B \cdot C - 0,7 \cdot 0,7) \cdot 0,2$				0.59	
10	Bê tông hố ga đá 1x2 M250	m ³	10.a + 10.b + 10.c				3.17	
a	Bê tông cổ ga/ BT chèn khung ga	m ³	$A \cdot (1,1 \cdot 1,1 - 0,7 \cdot 0,7) \cdot Hc$				0.36	
b	Bê tông thành ga	m ³	$A \cdot (B \cdot C - (B-0,4) \cdot (C-0,4)) \cdot (H-0,2) - A \cdot (S1+S2+S3+S4+S4') \cdot 0,2$				2.02	
c	Bê tông đáy ga	m ³	$A \cdot B \cdot C \cdot 0,2$				0.78	
11	Ván khuôn hố ga	m ²	11.a + 11.b + 11.c + 11.d				34.79	
a	Ván khuôn tấm đan	m ²	$A \cdot (2B+2C + 0,7 \cdot 4) \cdot 0,2$				3.36	
b	Ván khuôn cổ ga/ BT chèn khung ga	m ²	$A \cdot (1,1 \cdot 4 + 0,7 \cdot 4) \cdot Hc$				3.60	
c	Ván khuôn thành ga	m ²	$A \cdot (2 \cdot (B+C) + 2 \cdot (B+C-0,8)) \cdot (H-0,2) - A \cdot (S1+S2+S3+S4+S4') + A \cdot 2 \cdot (Bc+Hc) \cdot 0,2$ với cống hộp, rãnh đầu nối + $A \cdot 2 \cdot \pi \cdot Rc \cdot 0,2$ với cống tròn đầu nối				25.59	
d	Ván khuôn đáy ga	m ²	$A \cdot (B+C) \cdot 2 \cdot 0,2$				2.24	
12	Cốt thép hố ga D≤10	kg	Bảng cấu tạo hố ga (KL thép tấm đan + Hố ga) * A				18.22	
13	Cốt thép hố ga D≤18	kg	Bảng cấu tạo hố ga (KL thép tấm đan + Hố ga) * A				519.50	
14	Cốt thép hố ga D>18	kg	Bảng cấu tạo hố ga (KL thép tấm đan + Hố ga) * A				21.49	
15	Khung và nắp ga	bộ	A				2.00	
16	Lắp đặt tấm đan	ck	A				2.00	
B	Hố thu đúc sẵn + Dầm D1 (Ga thu thẩm kết hợp)							
1	Số lượng hố thu	hố	A				2.00	
2	Bê tông lót M100 đá 2x4	m ³	$1.12 \cdot 0.735 \cdot 0.1 \cdot A$				0.16	
3	Ván khuôn bê tông lót móng	m ³	$(1.12 + 0.735 \cdot 2) \cdot 0.1 \cdot A$				0.52	
4	Bê tông M250 đá 1x2	m ³	$4a + 4b + 4c$				0.96	
a	Bê tông hố thu nước mưa	m ³	$((0.935 \cdot 0.57 - 0.41 \cdot 0.34) \cdot 2 + 0.82 \cdot 0.57 + 1.12 \cdot 0.935) \cdot 0.15 \cdot A$				0.69	
b	Bê tông dầm D1	m ³	$(0.33 \cdot 0.18 + 0.22 \cdot 0.13) \cdot 1.12 \cdot A$				0.20	
c	Bê tông chèn khung lưới chắn rác	m ³	$(0.635 \cdot 1.12 - 0.385 \cdot 0.82) \cdot 0.088 \cdot A$				0.07	
5	Ván khuôn bê tông đúc sẵn	m ²	$5a + 5b$				9.38	
a	Ván khuôn hố thu nước mưa	m ²	$((0.935 \cdot 0.57 - 0.41 \cdot 0.34) \cdot 2 + 0.82 \cdot 0.57 + (0.935 \cdot 0.720 - 0.41 \cdot 0.34) \cdot 2 + 0.72 \cdot 1.12 + 1.12 \cdot 0.15 + 0.57 \cdot 0.15 \cdot 2) \cdot A$				6.94	
b	Ván khuôn dầm D1	m ²	$(0.33 \cdot 2 \cdot 1.12 + (0.33 \cdot 0.4 - 0.2 \cdot 0.22) \cdot 2) \cdot A$				1.83	
c	Ván khuôn bê tông chèn khung lưới chắn rác	m ²	$2 \cdot (0.635 + 1.12) \cdot 0.088 \cdot A$				0.62	
6	Cốt thép D≤10 đúc sẵn	Kg	$6a + 6b$				90.06	
a	Cốt thép hố thu nước mưa, D≤10	Kg	Bảng tính khối lượng thép hố thu nước mưa * A				73.79	
b	Cốt thép dầm D1, D≤10	Kg	Bảng tính khối lượng thép dầm D1 * A				16.56	
7	Song chắn rác và khung (250KN)	ck	A				2.00	
8	Lắp đặt hố thu đúc sẵn	ck	A				2.00	
9	Lắp đặt dầm D1	ck	A				2.00	

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN THÚC VIỆT HÀ NỘI

THẨM TRA

Theo văn bản số: 651/BCTT

Ngày 24 tháng 4 năm 2026

Ký tên: *Phường Văn Cường*

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số: 111/TB-KOTD-KT

Ngày 24 tháng 4 năm 2026

Người thẩm định ký tên: *Kiều Văn Bình*

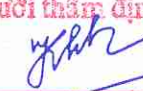
CÔNG TY
CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN
HẠ TẦNG ĐÔ THỊ
AVIC

Số: 010905584 - C.T.C.P

BẢNG KHỐI LƯỢNG GA THU THẨM - LOẠI 3
DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỤC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

STT	Hạng mục	Đơn vị	Diễn giải				Khối lượng	Ghi chú
A	Hố ga							
1	Số lượng hố ga	hố	Bảng tính chi tiết cao độ, chiều dài cống dọc, ga				12.00	A
2	Chiều cao thân ga+tấm đan	m	Bảng cấu tạo hố ga (H gồm cả H tấm đan)				1.40	H
3	Chiều cao cổ ga	m	Bảng tính chi tiết cao độ, chiều dài cống dọc, ga				0.25	Hc
4	Chiều rộng thành ga AB, CD	m	Bảng cấu tạo hố ga				1.40	B
5	Chiều rộng thành ga BC, DA	m	Bảng cấu tạo hố ga				1.40	C
6	Số lượng cống đầu nối vào hố ga		Bảng cấu tạo hố ga				4.00	
a	Diện tích ngoài của cống trên thành ga AB	m ²	D600	Rc=0.37m	Rc=0.37m	$S=\pi \cdot Rc \cdot Rc$	0.43	S1
b	Diện tích ngoài của cống trên thành ga BC	m ²	D400	Rc=0.265m	Rc=0.265m	$S=\pi \cdot Rc \cdot Rc$	0.22	S2
c	Diện tích ngoài của cống trên thành ga CD	m ²	D600	Rc=0.37m	Rc=0.37m	$S=\pi \cdot Rc \cdot Rc$	0.43	S3
d	Diện tích ngoài của cống trên thành ga DA	m ²	HT	Br=1.12m	Hr=0.52m	$S=Bc \cdot Hc$	0.58	S4
7	Bê tông lót móng M100, đá 4x6 dày 10cm	m ³	$A \cdot (B+0,2) \cdot (C+0,2) \cdot 0,1$				3.07	
8	Ván khuôn BT lót móng	m ²	$A \cdot (B+0,2+C+0,2) \cdot 2 \cdot 0,1$				7.68	
9	Bê tông tấm đan đá 1x2 M250	m ³	$A \cdot (B \cdot C - 0,7 \cdot 0,7) \cdot 0,2$				3.53	
10	Bê tông hố ga đá 1x2 M250	m ³	10.a + 10.b + 10.c				16.70	
a	Bê tông cổ ga/ BT chèn khung ga	m ³	$A \cdot (1,1 \cdot 1,1 - 0,7 \cdot 0,7) \cdot Hc$				2.16	
b	Bê tông thành ga	m ³	$A \cdot (B \cdot C - (B-0,4) \cdot (C-0,4)) \cdot (H-0,2) - A \cdot (S1+S2+S3+S4+S4') \cdot 0,2$				9.83	
c	Bê tông đáy ga	m ³	$A \cdot B \cdot C \cdot 0,2$				4.70	
11	Ván khuôn hố ga	m ²	11.a + 11.b + 11.c + 11.d				196.51	
a	Ván khuôn tấm đan	m ²	$A \cdot (2B+2C + 0,7 \cdot 4) \cdot 0,2$				20.16	
b	Ván khuôn cổ ga/ BT chèn khung ga	m ²	$A \cdot (1,1 \cdot 4 + 0,7 \cdot 4) \cdot Hc$				21.60	
c	Ván khuôn thành ga	m ²	$A \cdot (2 \cdot (B+C) + 2 \cdot (B+C-0,8)) \cdot (H-0,2) - A \cdot (S1+S2+S3+S4+S4') + A \cdot 2 \cdot (Bc+Hc) \cdot 0,2$ với cống hộp, rãnh đầu nối $+ A \cdot 2 \cdot \pi \cdot Rc \cdot 0,2$ với cống tròn đầu nối				141.31	
d	Ván khuôn đáy ga	m ²	$A \cdot (B+C) \cdot 2 \cdot 0,2$				13.44	
12	Cốt thép hố ga D≤10	kg	Bảng cấu tạo hố ga (KL thép tấm đan + Hố ga) * A				99.08	
13	Cốt thép hố ga D≤18	kg	Bảng cấu tạo hố ga (KL thép tấm đan + Hố ga) * A				2,894.90	
14	Cốt thép hố ga D>18	kg	Bảng cấu tạo hố ga (KL thép tấm đan + Hố ga) * A				128.94	
15	Khung và nắp ga	bộ	A				12.00	
16	Lắp đặt tấm đan	ck	A				12.00	
B	Hố thu đúc sẵn + Dầm D1 (Ga thu thẩm kết hợp)							
1	Số lượng hố thu	hố	A				12.00	
2	Bê tông lót M100 đá 2x4	m ³	1.12*0.735*0.1*A				0.99	
3	Ván khuôn bê tông lót móng	m ³	(1.12+0.735*2)*0.1*A				3.11	
4	Bê tông M250 đá 1x2	m ³	4a+4b+4c				5.74	
a	Bê tông hố thu nước mưa	m ³	((0.935*0.57-0.41*0.34)*2+0.82*0.57+1.12*0.935)*0.15*A				4.14	
b	Bê tông dầm D1	m ³	(0.33*0.18+0.22*0.13)*1.12*A				1.18	
c	Bê tông chèn khung lưới chắn rác	m ³	(0.635*1.12-0.385*0.82)*0.088*A				0.42	
5	Ván khuôn bê tông đúc sẵn	m ²	5a+5b				56.31	
a	Ván khuôn hố thu nước mưa	m ²	((0.935*0.57-0.41*0.34)*2+0.82*0.57+(0.935*0.720-0.41*0.34)*2+0.72*1.12+1.12*0.15+0.57*0.15*2)*A				41.62	
b	Ván khuôn dầm D1	m ²	(0.33*2*1.12+(0.33*0.4-0.2*0.22)*2)*A				10.98	
c	Ván khuôn bê tông chèn khung lưới chắn rác	m ²	2*(0.635+1.12)*0.088*A				3.71	
6	Cốt thép D≤10 đúc sẵn	Kg	6a+6b				540.36	
a	Cốt thép hố thu nước mưa, D≤10	Kg	Bảng tính khối lượng thép hố thu nước mưa * A				442.20	
b	Cốt thép dầm D1, D≤10	Kg	Bảng tính khối lượng thép dầm D1 * A				98.16	
7	Song chắn rác và khung (250KN)	ck	A				12.00	
8	Lắp đặt hố thu đúc sẵn	ck	A				12.00	
9	Lắp đặt dầm D1	ck	A				12.00	

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VIỆT HÀ NỘI
THẨM TRA
Theo văn bản số: 65.../...BC.TT.....
Ngày 24... tháng 4... năm 2026...
Ký tên: 
Phuong Van Cuong

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 131.TB-KOĐ-KT
ngày 24 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên: 
Kieu Van Binh



BẢNG KHỐI LƯỢNG GA THU D400 TRÊN ĐƯỜNG GIAO THÔNG
DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

STT	Hạng mục	Đơn vị	Diễn giải	Khối lượng	Ghi chú
A	Hố ga thu trên đường giao thông				
1	Chiều cao ga trung bình Htb	m	chi tiết cấu tạo	1.30	Htb
2	Số lượng hố ga thu D400	cái	Bình đồ	25.00	B
3	Bê tông lót móng M100, đá 2x4 dày 10cm	m3	1,46*1,03*0,1*B	3.76	
4	Bê tông giằng cổ đá 1x2 M200	m3	0,135*B	3.38	
5	Ván khuôn giằng cổ	m2	((1,26+0,83)*2*0,2+(0,82+0,39)*2*0,2)*B	33.00	
6	Bê tông đáy ga đá 1x2 M150	m3	(1,46*1,03*0,15)*B	5.64	
7	Ván khuôn bê tông đáy ga	m2	(1,46+1,03)*0,15*2*B	18.68	
8	Cốt thép hố ga D<=10	Kg	27.73*B	693.25	
9	Đào đất hố móng ga cống D400 (Hđào =1.05m)	m3	1.98*B	49.50	E
10	Đắp trả cát hố móng ga cống D400	m3	E -1.22*B	19.00	F
11	Xây gạch không nung VXM M75	m3	0,75*B1	18.75	
12	Trát tường hố ga dày 1.5cm	m2	2,73*B1	68.25	
13	Lắp đặt song chắn rác gang 250kN	cái	B	25.00	
14	Vận chuyển đất đổ đi	m3	E	49.50	

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VIỆT HÀ NỘI
THẨM TRA
Theo văn bản số: 651/SC.TT
Ngày: 24 tháng 4 năm 2026
Ký tên: *Phạm Văn Cường*

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 131/TB-KTĐP-KT
ngày: 24 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên: *Hiền Văn Bình*



BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG CỐNG NGANG TUYẾN 1
DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỤC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

STT	Hạng mục	Đơn vị	D1000- coc 16	D1000- coc D20	D1000- coc D29	B1500- coc 33	B1500- coc 64	Khối lượng	Ghi chú
I	Cống ngang								
1	Đốt cống D1000, L=1m	ck	-	1.00	1.00	-	-	2.00	
2	Đốt cống D1000, L=1.5m	ck	-	-	-	-	-	-	
3	Đốt cống D1000, L=2m	ck	9.00	8.00	1.00	-	-	18.00	
4	Đốt cống D1000, L=2.5m	ck	9.00	8.00	6.00	-	-	23.00	
5	Mối nối cống D1000	ck	8.00	8.00	6.00	-	-	22.00	
6	Đế cống D1000	ck	25.00	23.00	19.00	-	-	67.00	
7	Cống hộp Bxh=1.50x1.50m, đoạn ống dài 1m - HL93	ck	-	-		13.00	13.00	26.00	
8	Mối nối Cống hộp Bxh=1.50x1.50m		-	-		12.00	12.00	24.00	
9	Móng công BTXM M150 đá 2x4 dày 20cm		-	-		3.52	4.17	7.69	
10	Ván khuôn bê tông móng cống		-	-		3.91	4.63	8.54	
11	Đá dăm đệm móng cống	m3	2.70	2.50	2.07	1.76	2.08	11.11	
12	Đắp vật liệu dạng hạt	m3	43.07	39.94	32.96	52.81	52.92	221.71	
II	Đầu cống								
1	Đệm đá dăm móng	m3	1.62	1.62	1.62	9.04	2.99	16.89	
2	Xây đá hộc VXM M100	m3	17.75	17.75	17.75	69.11	19.97	142.34	
3	Trát tường VXM M 75 dày 1.5cm	m2	19.87	19.87	19.87	150.89	16.53	227.02	
III	Van điều tiết					-	-		
	Khung đỡ máy và cửa phai					1.00	-		
	Máy đóng mở V1 tuyến động quay tay + Trục vít nâng hạ : D32; L=1,5m	bộ				1.00	-	1.00	
	Tổng khối lượng thép hình	kg				110.89	-	110.89	
	Cửa van					-	-		
	Tổng khối lượng thép hình	kg				385.34	-	385.34	

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VIỆT HÀ NỘI

THẨM TRA

Theo văn bản số: 651/ĐC.TT.....

Ngày: 24 tháng 4 năm 2026

Ký tên: *[Signature]*

Phạm Văn Cường

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số: 181/TB-KTĐ-KT

ngày 24 tháng 4 năm 2026

Người thẩm định ký tên

[Signature]

Kiều Văn Bình



BẢNG KHỐI LƯỢNG CỐNG NGANG D1000 - CỌC 16 - TUYẾN 1
DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỤC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

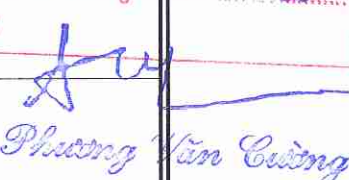
STT	Hạng mục	Đơn vị	Diễn giải	Khối lượng	Ghi chú
I	Cống ngang				
1	Đốt cống D1000, L=1m	ck	Thống kê trên bản vẽ	-	A1
2	Đốt cống D1000, L=1.5m	ck	Thống kê trên bản vẽ	-	A2
3	Đốt cống D1000, L=2.5m	ck	Thống kê trên bản vẽ	9.00	A3
4	Mối nối cống D1000	ck	Thống kê trên bản vẽ	8.00	
5	Đế cống D1000	ck	Thống kê trên bản vẽ	25.00	
6	Đá dăm đệm móng cống	m3	0.1*1.31*20.61	2.70	
7	Đắp vật liệu dạng hạt	m3	2.09*20.61	43.07	
II	Đầu cống				
1	Đệm đá dăm móng	m3	0.81*2	1.62	
2	Xây đá học VXM M100	m3	$(0.75+1.29+0.36+2.57+1.90*1.3+(0.4+0.77)/2*(3.24-3.14*1*1/4))*2$	17.75	
3	Trát tường VXM M 75 dày 1.5cm	m2	$(1.64*0.21*2+0.5*1.12*2+2.39+3.28+(3.24-3.14*1*1/4))*2$	19.87	

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VIỆT HÀ NỘI

THẨM TRA

Theo văn bản số...6.51...BETT...

Ngày...24...tháng...4...năm 2026...

Ký tên: 

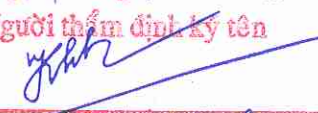
Phuong Van Cuong

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số...151TB-KOTD-KT...

ngày...24...tháng...4...năm 2026

Người thẩm định ký tên: 

Hieu Van Binh



BẢNG KHỐI LƯỢNG CỐNG NGANG D1000 - CỌC 20 - TUYẾN 1

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỤC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI

ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

STT	Hạng mục	Đơn vị	Diễn giải	Khối lượng	Ghi chú
I	Cống ngang				
1	Đốt cống D1000, L=1m	ck	Thống kê trên bản vẽ	1.00	A1
2	Đốt cống D1000, L=1.5m	ck	Thống kê trên bản vẽ	-	A2
3	Đốt cống D1000, L=2.5m	ck	Thống kê trên bản vẽ	8.00	A3
4	Mối nối cống D1000	ck	Thống kê trên bản vẽ	8.00	
5	Đế cống D1000	ck	Thống kê trên bản vẽ	23.00	
6	Đá dăm đệm móng cống	m3	0.1*1.31*19.11	2.50	
7	Đắp vật liệu dạng hạt	m3	2.09*19.11	39.94	
II	Đầu cống				
1	Đệm đá dăm móng	m3	0.81*2	1.62	
2	Xây đá học VXM M100	m3	$(0.75+1.29+0.36+2.57+1.90*1.3+(0.4+0.77)/2*(3.24-3.14*1*1/4))*2$	17.75	
3	Trát tường VXM M 75 dày 1.5cm	m2	$(1.64*0.21*2+0.5*1.12*2+2.39+3.28+(3.24-3.14*1*1/4))*2$	19.87	

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI
THẨM ĐỊNH
 Theo Văn bản số 15/TB-KTĐ-KT
 ngày 24 tháng 4 năm 2016
 Người thẩm định ký tên
Khiên Văn Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN
 KIẾN TRÚC VIỆT HÀ NỘI
THẨM TRA
 Theo văn bản số: 651/BCT
 Ngày 24 tháng 4 năm 2016
 Ký tên:
Phượng Văn Cường



BẢNG KHỐI LƯỢNG CỐNG NGANG D1000 - CỌC 29 - TUYẾN 1

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỤC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI

ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

STT	Hạng mục	Đơn vị	Diễn giải	Khối lượng	Ghi chú
I	Cống ngang				
1	Đốt cống D1000, L=1m	ck	Thống kê trên bản vẽ	1.00	A1
2	Đốt cống D1000, L=2m	ck	Thống kê trên bản vẽ	1.00	A2
3	Đốt cống D1000, L=2.5m	ck	Thống kê trên bản vẽ	6.00	A3
4	Mối nối cống D1000	ck	Thống kê trên bản vẽ	6.00	
5	Đế cống D1000	ck	Thống kê trên bản vẽ	19.00	
6	Đá dăm đệm móng cống	m3	$0.1 \times 1.31 \times (5.99 + 9.78)$	2.07	
7	Đắp vật liệu dạng hạt	m3	$2.09 \times (5.99 + 9.78)$	32.96	
II	Đầu cống				
1	Đệm đá dăm móng	m3	0.81×2	1.62	
2	Xây đá hộc VXM M100	m3	$(0.75 + 1.29 + 0.36 + 2.57 + 1.90 \times 1.3 + (0.4 + 0.77) / 2 \times (3.24 - 3.14 \times 1 \times 1/4)) \times 2$	17.75	
3	Trát tường VXM M 75 dày 1.5cm	m2	$(1.64 \times 0.21 \times 2 + 0.5 \times 1.12 \times 2 + 2.39 + 3.28 + (3.24 - 3.14 \times 1 \times 1/4)) \times 2$	19.87	

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI
THẨM ĐỊNH
 Theo Văn bản số 415/TB-KTĐ-KT
 ngày 24 tháng 4 năm 2026
 Người thẩm định ký tên
Khiều Văn Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN
 KIẾN THỨC VIỆT HÀ NỘI
THẨM TRA
 Theo văn bản số: 651/BCTT
 Ngày 24 tháng 4 năm 2026
 Ký tên:
Phượng Văn Cường

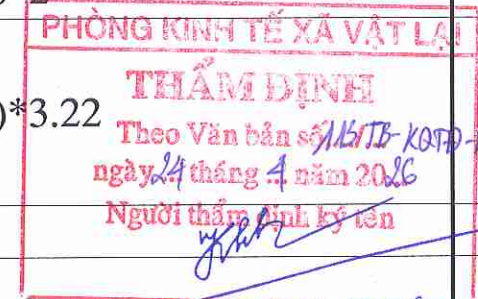
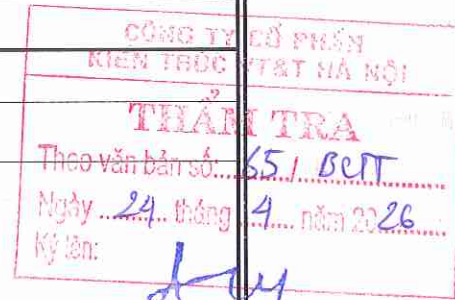


BẢNG KHỐI LƯỢNG CỐNG NGANG B*H=1.5*1.5M - CỌC 33 - TUYẾN 1

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỤC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI

ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

STT	Hạng mục	Đơn vị	Diễn giải	Khối lượng	Ghi chú
I	Cống ngang				
6	Cống hộp Bxh=1.50x1.50m, đoạn ống dài 1m - HL93	ck	Thống kê trên bản vẽ	13.00	B
7	Mối nối Cống hộp Bxh=1.50x1.50m			12.00	B-1
8	Móng công BTXM M150 đá 2x4 dày 20cm		9.78*1.8*0.2	3.52	
9	Ván khuôn bê tông móng cống		9.78*2*0.2	3.91	
10	Đá dăm đệm móng cống	m3	9.78*1.8*0.1	1.76	
11	Đắp vật liệu dạng hạt	m3	5.40*9.78	52.81	
II	Đầu cống				
1	Đệm đá dăm móng	m3	(1.61*4.5*2+23.56*3.22)*0.1	9.04	
2	Xây đá học VXM M100	m3	2.73*4.5*2- 1.36*1.8*2+(23.56+23.3)*0.3*3.22+(0.3*0.7)*3.22+0.82* 2.48*0.86*2	69.11	
3	Trát tường VXM M 75 dày 1.5cm	m2	(23.56+23.3)*3.22	150.89	
n	Van điều tiết				
	Khung đỡ máy và cửa phai			1.00	
	Máy đóng mở V0 tuyến động quay tay + Trục vít nâng hạ : D32; L=1,5m	bộ	Chi tiết cấu tạo	1.00	
	Tổng khối lượng thép hình	kg	Chi tiết cấu tạo	110.89	
-	Cửa van				
	Tổng khối lượng thép hình	kg	Chi tiết cấu tạo	385.34	



BẢNG KHỐI LƯỢNG CỐNG NGANG B*H=1.5*1.5M - CỌC 64 - TUYẾN 1

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỤC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI

ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

STT	Hạng mục	Đơn vị	Diễn giải	Khối lượng	Ghi chú
I	Cống ngang				
6	Cống hộp Bxh=1.50x1.50m, đoạn ống dài 1m - HL93	ck	Thống kê trên bản vẽ	13.00	B
7	Mối nối Cống hộp Bxh=1.50x1.50m			12.00	B-1
8	Móng công BTXM M150 đá 2x4 dày 20cm		11.58*1.8*0.2	4.17	
9	Ván khuôn bê tông móng cống		11.58*2*0.2	4.63	
10	Đá dăm đệm móng cống	m3	11.58*1.8*0.1	2.08	
11	Đắp vật liệu dạng hạt	m3	4.57*11.58	52.92	
II	Đầu cống				
1	Đệm đá dăm móng	m3	1.496*2	2.99	
2	Xây đá hộc VXM M100	m3	$(1.97+1.77+0.36+3.79+2.22*1.6+(0.4+0.94)/2*(5.74-1.43*1.8))+(1.44*3.4+1.2*3.4-1.43*1.8)$	19.97	
3	Trát tường VXM M 75 dày 1.5cm	m2	$(2.30*0.21*2+0.5*1.12*2+7.80+4.52+((0.4+0.94)/2*(5.74-1.43*1.8))$	16.53	
n	Van điều tiết				
	Khung đỡ mỷ và cửa phai				
	Máy đóng mở V0 tuyến động quay tay + Trục vít nâng hạ : D32; L=1,5m	bộ	Chi tiết cấu tạo		
	Tổng khối lượng thép hình	kg	Chi tiết cấu tạo		
-	Cửa van				
	Tổng khối lượng thép hình	kg	Chi tiết cấu tạo		

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VIỆT HÀ NỘI

THẨM TRA

Theo văn bản số: 651.BCT

Ngày 24 tháng 4 năm 2026

Ký tên: 

Phuong Van Cuong

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số: 15/TB-KOTD-KT

ngày 24 tháng 4 năm 2026

Người thẩm định ký tên: 

Hieu Van Binh



CHIẾU SÁNG

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 15/TB-KQTD-KT
ngày 24 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên

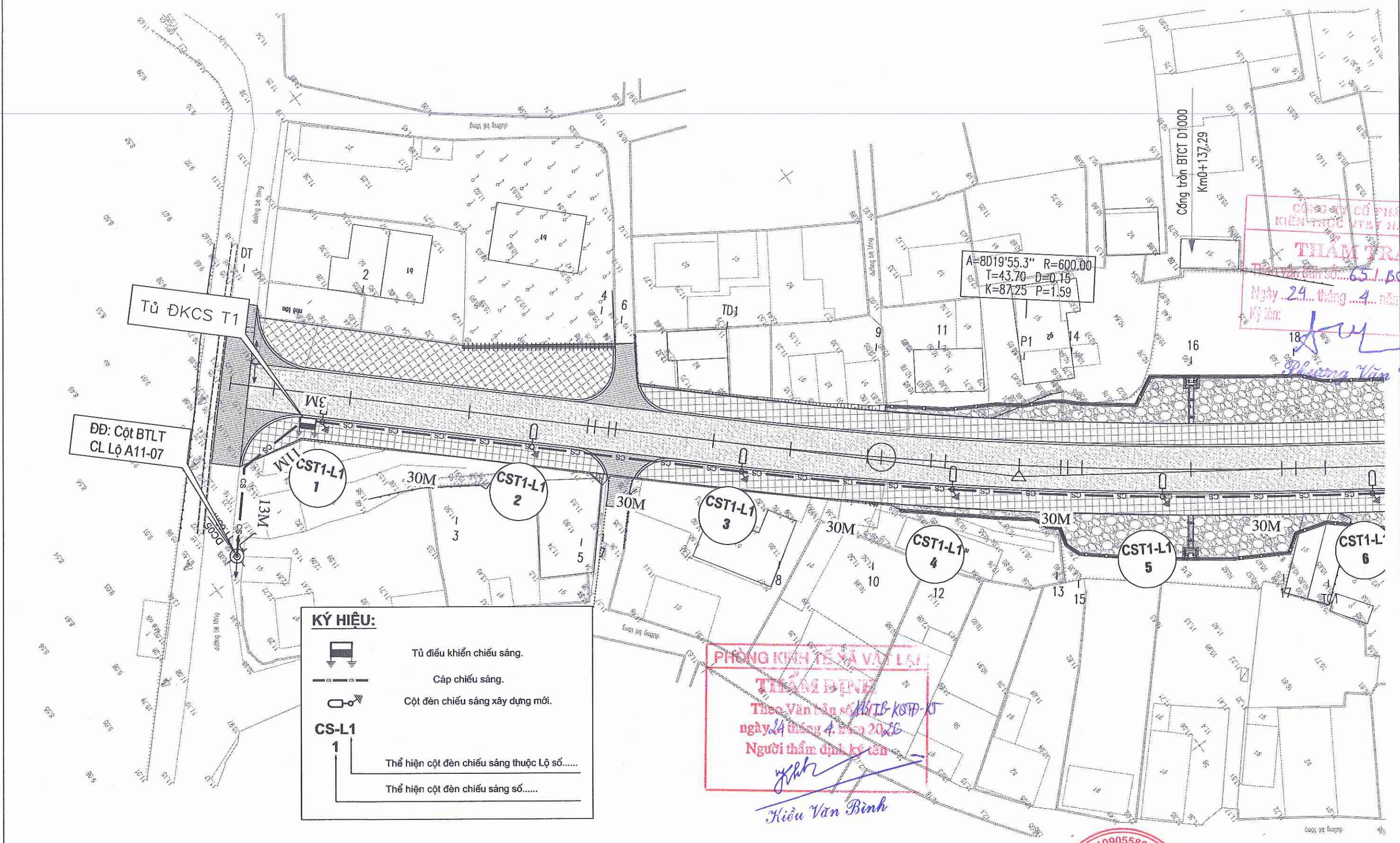
Kiều Văn Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN THỨC VIỆT HÀ NỘI
THẨM TRA
Theo văn bản số: 651/BEIT
Ngày 24 tháng 4 năm 2026
Ký tên:

Phường Văn Cường

← ĐẦU TUYẾN

CUỐI TUYẾN →



CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN THỨC VIỆT NAM NỘI
THẨM TRA
Thẩm tra bản vẽ: 65.1.BCTT
Ngày: 24 tháng 4 năm 2026
Ký tên: *Nguyễn Văn Cường*

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 151/B-KSTP-KT
ngày 24 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên: *Kiều Văn Bình*

CHỦ ĐẦU TƯ:
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
(ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI)
ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498

THIẾT KẾ XÂY DỰNG
TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG CHIẾU SÁNG
TUYẾN 1

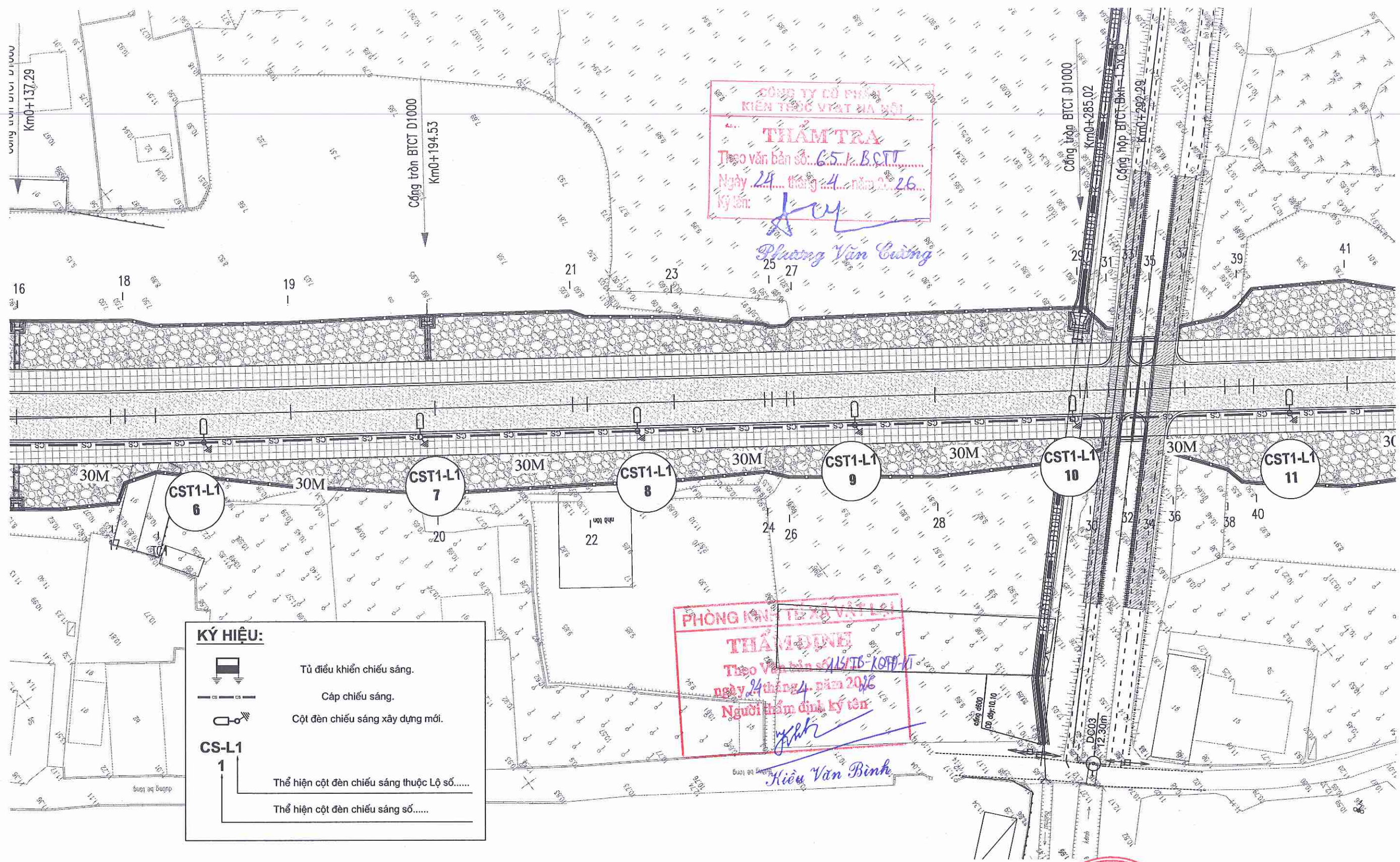
CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN	<i>Anh</i>
CHỦ TRÌ TK ĐIỆN	HOÀNG TUẤN ANH	<i>Anh</i>
THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU BẰNG	<i>Bằng</i>
KIỂM TRA	HOÀNG TUẤN ANH	<i>Anh</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN
CƠ PHÂN
PHÁT TRIỂN
HẠ TẦNG ĐÔ THỊ
AVIC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
NGUYỄN ANH TUẤN

HOÀN THÀNH: /20
BẢN VẼ SỐ: 01/05
KÝ HIỆU: MBCS
TỶ LỆ: 1/500

← ĐẦU TUYẾN

CUỐI TUYẾN →



CHỦ ĐẦU TƯ:
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
(ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỐ 6 - XÁ PHÚC THỌ - HÀ NỘI)
ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498

THIẾT KẾ XÂY DỰNG
TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÁ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÁ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG CHIẾU SÁNG
TUYẾN 1

CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN
CHỦ TRÌ TK ĐIỆN	HOÀNG TUẤN ANH
THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU BẰNG
KIỂM TRA	HOÀNG TUẤN ANH

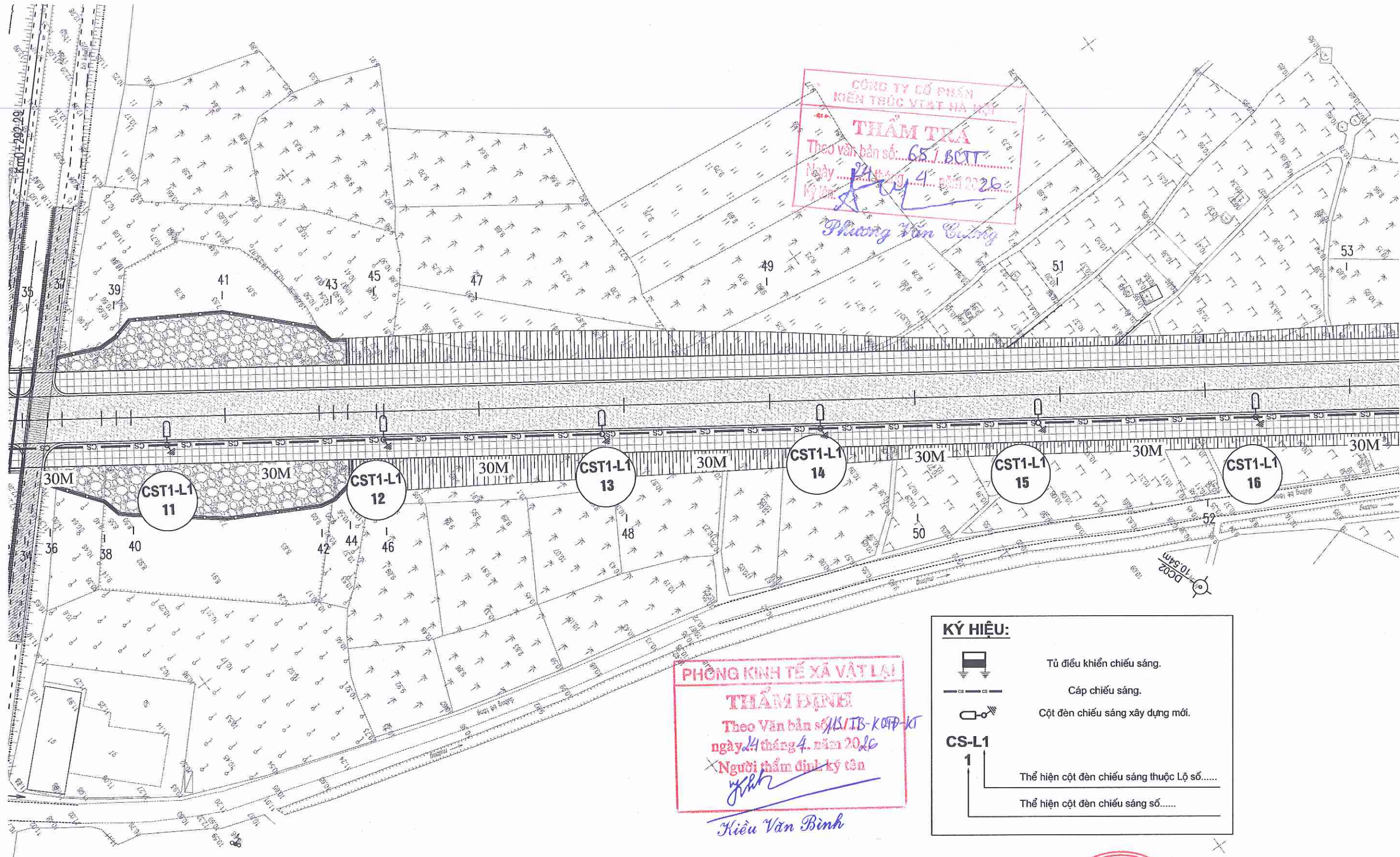
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
CÓ PHÂN PHỐI
HẠ TẦNG ĐÔ THỊ
AVIC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

NGUYỄN ANH TUẤN

HOÀN THÀNH: /20
BẢN VẼ SỐ: 02 /05
KÝ HIỆU: MBCS
TỶ LỆ: 1/500

← ĐẦU TUYẾN

CUỐI TUYẾN →



CHỦ ĐẦU TƯ:
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
(ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI)
ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498

THIẾT KẾ XÂY DỰNG
TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG CHIẾU SÁNG
TUYẾN 1

CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN
CHỦ TRÌ TK ĐIỆN	HOÀNG TUẤN ANH
THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU BẰNG
KIỂM TRA	HOÀNG TUẤN ANH

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
M.S. 0109055864 - 0
GIÁM ĐỐC
NGUYỄN ANH TUẤN

HOÀN THÀNH: /20
BẢN VẼ SỐ: 03/05
KÝ HIỆU: MBCS
TỶ LỆ: 1/500

← ĐẦU TUYẾN

CUỐI TUYẾN →

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VIỆT HÀ NỘI
THẨM TRA
Theo văn bản số: 651/BCT
Ngày 24 tháng 4 năm 2026
Ký tên: *Phạm Văn Cường*

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 15/TB-KTĐ-KT
ngày 24 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên
Kiều Văn Bình

KÝ HIỆU:

 Tủ điều khiển chiếu sáng.

 Cáp chiếu sáng.

 Cột đèn chiếu sáng xây dựng mới.

CS-L1
 1
Thẻ hiện cột đèn chiếu sáng thuộc Lộ số.....
Thẻ hiện cột đèn chiếu sáng số.....

CHỦ ĐẦU TƯ:
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:
 **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC**
(ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI)
ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498

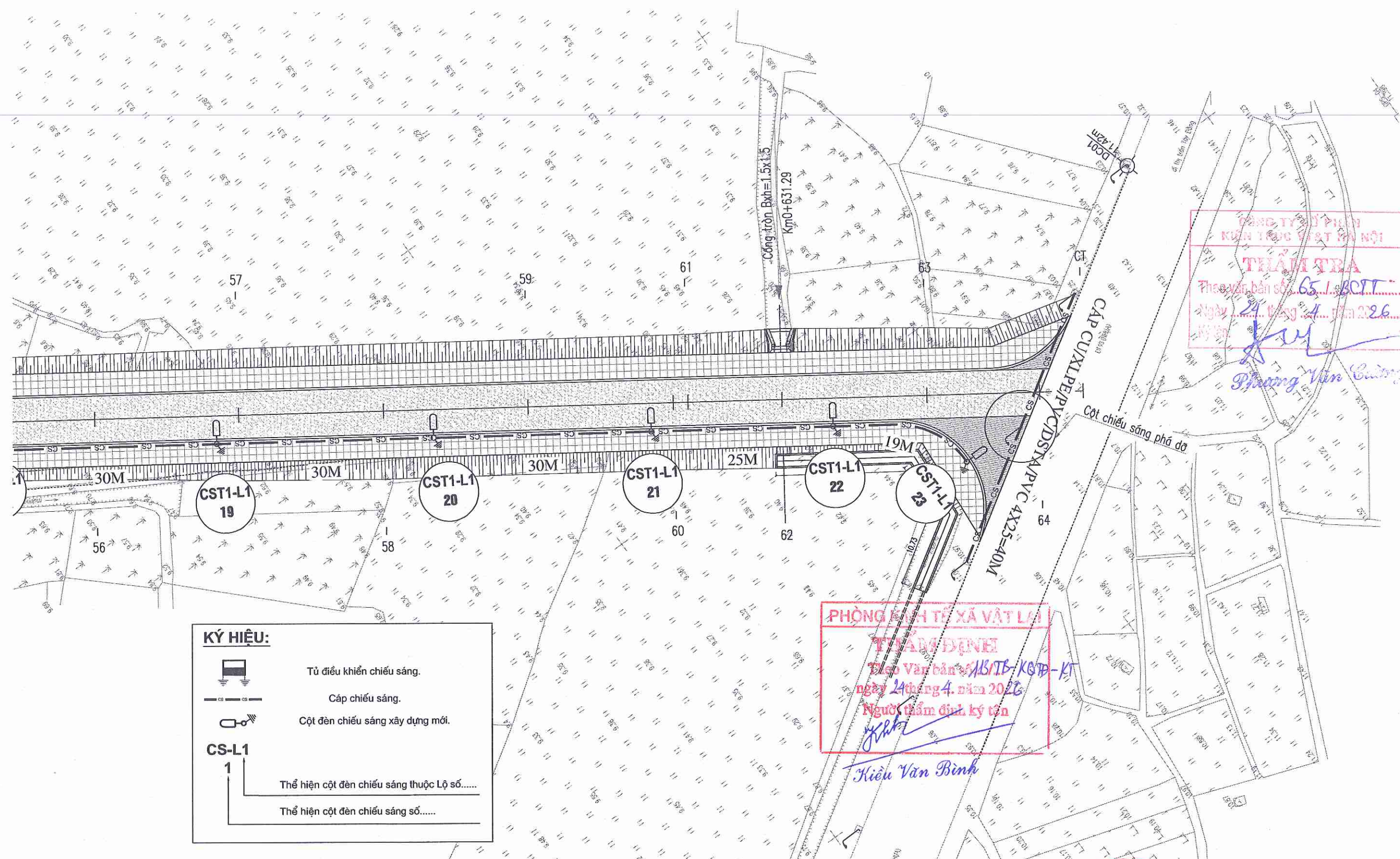
THIẾT KẾ XÂY DỰNG
TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG CHIẾU SÁNG
TUYẾN 1

CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN	<i>Trần</i>
CHỦ TRÌ TK ĐIỆN	HOÀNG TUẤN ANH	<i>Anh</i>
THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU BẰNG	<i>Bằng</i>
KIỂM TRA	HOÀNG TUẤN ANH	<i>Anh</i>

0109055864
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
CỔ PHẦN GIÁM ĐỐC
PHÁT TRIỂN
HẠ TẦNG ĐÔ THỊ
AVIC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
NGUYỄN ANH TUẤN

HOÀN THÀNH:	/20
BẢN VẼ SỐ:	04 /05
KÝ HIỆU:	MBCS
TỶ LỆ:	1/500



TỶ LỆ: 1/500

SƠ ĐỒ HỆ THỐNG ĐIỆN CHIẾU SÁNG

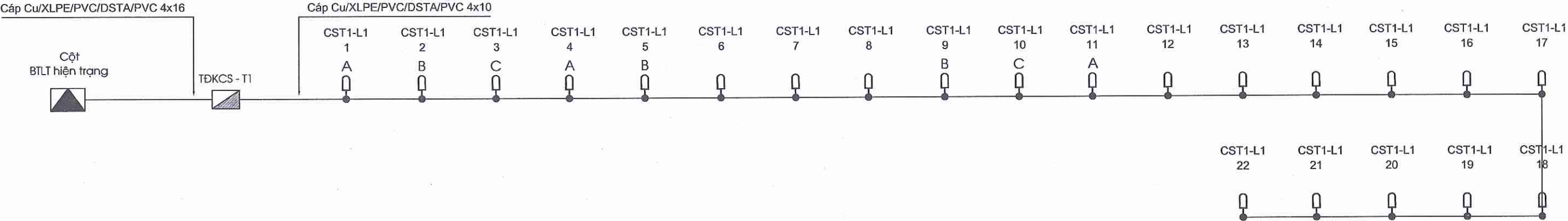
CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VIỆT HÀ NỘI

THẨM TRA

Theo văn bản số: 651/BTT

Ngày 24 tháng 4 năm 2026

Ký tên: *Phường Văn Cường*



PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH

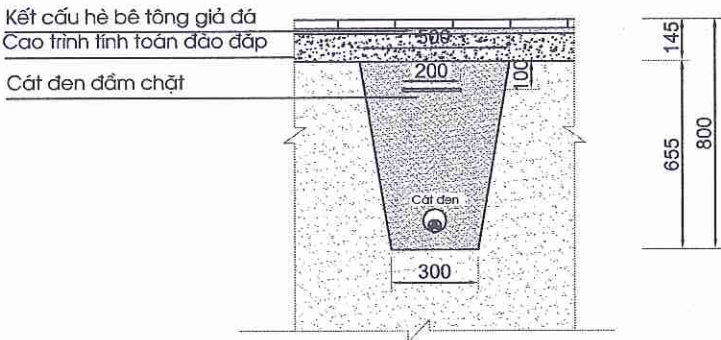
Theo Văn bản số 131/TB-KOTD-KT

ngày 14 tháng 4 năm 2026

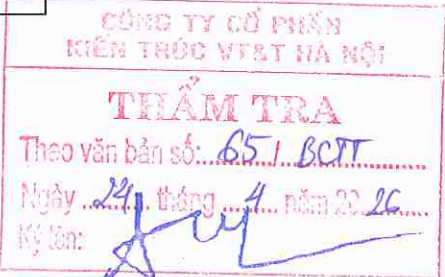
Người thẩm định ký tên: *Kiên Văn Bình*

CHỦ ĐẦU TƯ: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG		THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI		TÊN BẢN VẼ: SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ		<table><tr><td>CHỦ NHIỆM TK</td><td>NGUYỄN ANH TUẤN</td><td></td></tr><tr><td>CHỦ TRÌ TK ĐIỆN</td><td>HOÀNG TUẤN ANH</td><td></td></tr><tr><td>THIẾT KẾ</td><td>NGUYỄN HỮU BẰNG</td><td></td></tr><tr><td>KIỂM TRA</td><td>HOÀNG TUẤN ANH</td><td></td></tr></table>	CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN		CHỦ TRÌ TK ĐIỆN	HOÀNG TUẤN ANH		THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU BẰNG		KIỂM TRA	HOÀNG TUẤN ANH		CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC M.S.Đ CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC THÀNH PHỐ HÀ NỘI GIÁM ĐỐC  NGUYỄN ANH TUẤN	HOÀN THÀNH: /20 BẢN VẼ SỐ: SDNL KÝ HIỆU: TỶ LỆ:
CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN																			
CHỦ TRÌ TK ĐIỆN	HOÀNG TUẤN ANH																			
THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU BẰNG																			
KIỂM TRA	HOÀNG TUẤN ANH																			
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:  CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC (ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI) ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498																				

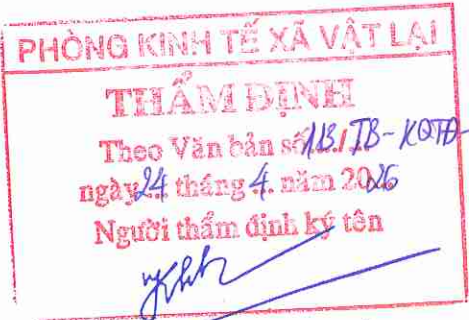
MẶT CẮT Rãnh CÁP TRÊN NỀN ĐẤT
(ĐÀO DƯỚI HÈ ĐƯỜNG)



TT	Tên vật liệu	Đơn vị	Khối lượng Cho 1m
	Mặt cắt rãnh cáp trên nền đất		
1	Đào đất rãnh cáp	m3	0.262
2	Cát đen đầm chặt	m3	0.262
3	Bảng báo hiệu cáp 0.2	m	01
4	Cáp ngầm 0,4kV	m	01
5	ống nhựa xoắn HDPE D65/50	m	01



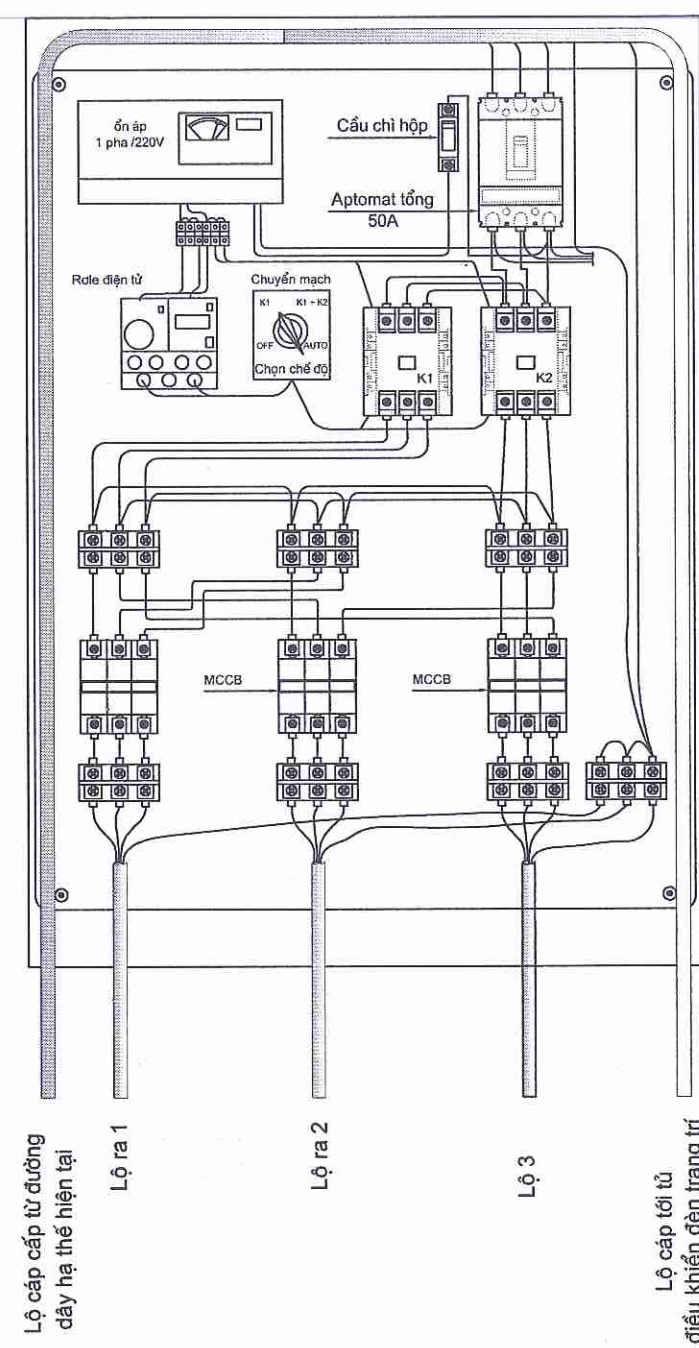
Phường Văn Cường



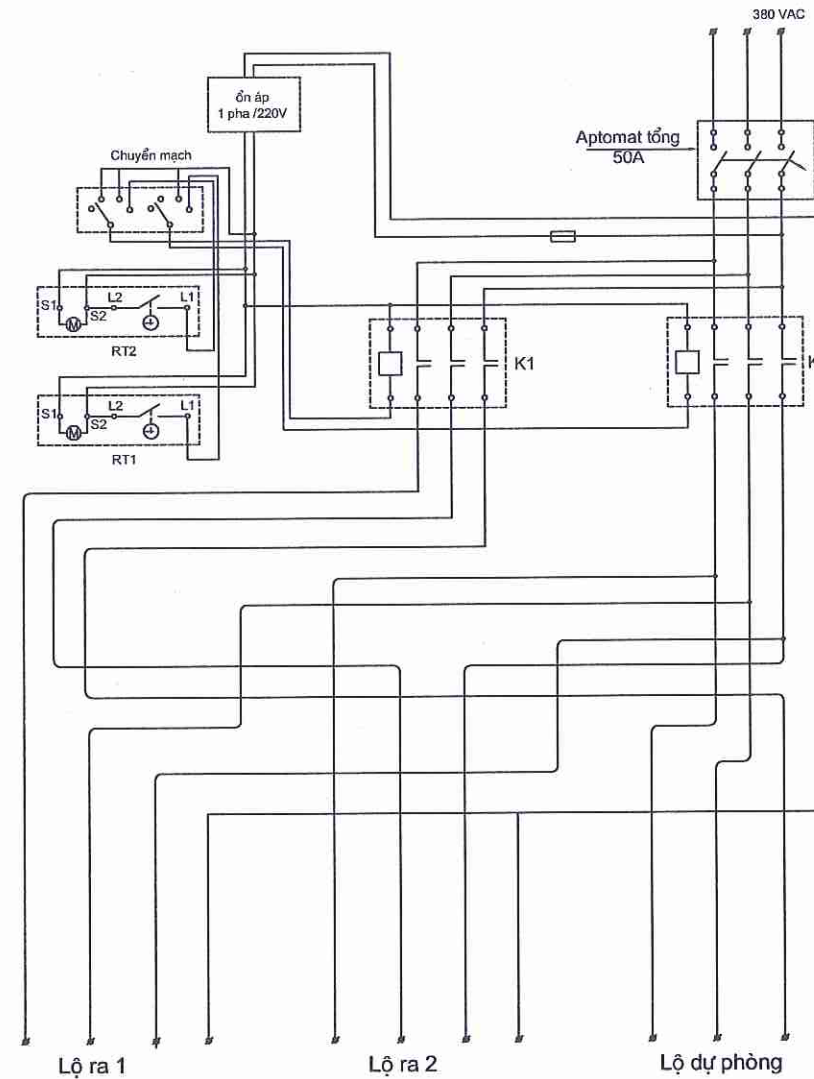
Hiền Văn Bình

CHỦ ĐẦU TƯ:	THIẾT KẾ XÂY DỰNG	TÊN BẢN VẼ:	CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN	CÔNG TY CỔ PHẦN CÓ PHÂN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC THÀNH PHỐ HÀ NỘI	HOÀN THÀNH: /20
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI	TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ	CẤU TẠO Rãnh CÁP	CHỦ TRÌ TK ĐIỆN	HOÀNG TUẤN ANH		BẢN VẼ SỐ: CTCT1
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG	HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG		THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU BẰNG		KÝ HIỆU:
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:	DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRÚC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI		KIỂM TRA	HOÀNG TUẤN ANH		TỶ LỆ:
AVIC JSC	ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI					

SƠ ĐỒ BỐ TRÍ THIẾT BỊ



SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ MẠCH ĐIỀU KHIỂN



THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA THIẾT BỊ

KÝ HIỆU	TÊN GỌI	YÊU CẦU KỸ THUẬT
AT1	aptomat tổng	- MCCB 3 cực - Điện áp định mức : Udm >=500 VAC. - Khả năng ngắt dòng ngắn mạch tại 600 VAC: Icu = 18 kA. - Tiêu chuẩn: IEC/EN60947-2 hoặc tương đương. - Dòng định mức tại 40 độ C In = 35A
K1, K2	Contactơ	- Contactor điện từ 3 cực. - Điện áp định mức tiếp điểm chính: >=380 VAC. - Điện áp định mức cuộn hút: 220 VAC/50 Hz. - Tuổi thọ điện/cơ khí: >=500000/1000000 lần đóng cắt. - Tiêu chuẩn: IEC60947 - 4 hoặc tương đương. - Dòng điện định mức tiếp điểm chính tại 220 VAC: >= 25A.
RT	Rơ le thời gian điện tử	- Rơ le thời gian kiểu điện tử - Điện áp vào/ra: 220-240 VAC/50 Hz. - Chương trình đặt 24h. - Số kênh: Tối thiểu 1 kênh đóng cắt. - Dòng điện định mức tiếp điểm ra >=15A với tải thuần trở. - Nguồn nuôi dự phòng: pin sạc. - Thời gian lưu CT sau khi mất điện >=48 giờ. - Độ chính xác của đồng hồ <= + 15giây/tháng. - Nhiệt độ môi trường làm việc lớn nhất cho phép >=50 độ C. - Tiêu chuẩn IEC hoặc tương đương.
MCCB	MCCB	- MCCB. - Điện áp định mức: 415V. - Dòng định mức Idm = 32A.

PHÒNG KINH TẾ

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số 18/ĐB-KTĐ-KT
ngày 24 tháng 4 năm 2016
Người thẩm định ký tên

Khiếu Văn Bình

GHI CHÚ:

- Vỏ tủ được sơn tĩnh điện màu ghi hoặc sơn hai lớp chống rỉ và hai lớp sơn phủ màu ghi.
- Lắp đặt thiết bị trong tủ dùng thiết bị nhập ngoại (Nhật hoặc Hàn quốc)
- Các chi tiết kim loại không mang điện được tiếp đất an toàn theo quy phạm.

CHỦ ĐẦU TƯ:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
(ĐỊA CHỈ: SỐ 328 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHƯỚC THỌ - HÀ NỘI)
ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498

THIẾT KẾ XÂY DỰNG
TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:

SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ VÀ BỐ TRÍ
THIẾT BỊ CỦA TỦ ĐIỀU KHIỂN
CHIẾU SÁNG

CHỦ NHIỆM TK

NGUYỄN ANH TUẤN

CHỦ TRÌ TK ĐIỆN

HOÀNG TUẤN ANH

THIẾT KẾ

NGUYỄN HỮU BẰNG

KIỂM TRA

HOÀNG TUẤN ANH

CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
GIÁM ĐỐC

CÔNG TY
CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN
HẠ TẦNG ĐÔ THỊ
AVIC

THÀNH PHỐ HÀ NỘI
NGUYỄN ANH TUẤN

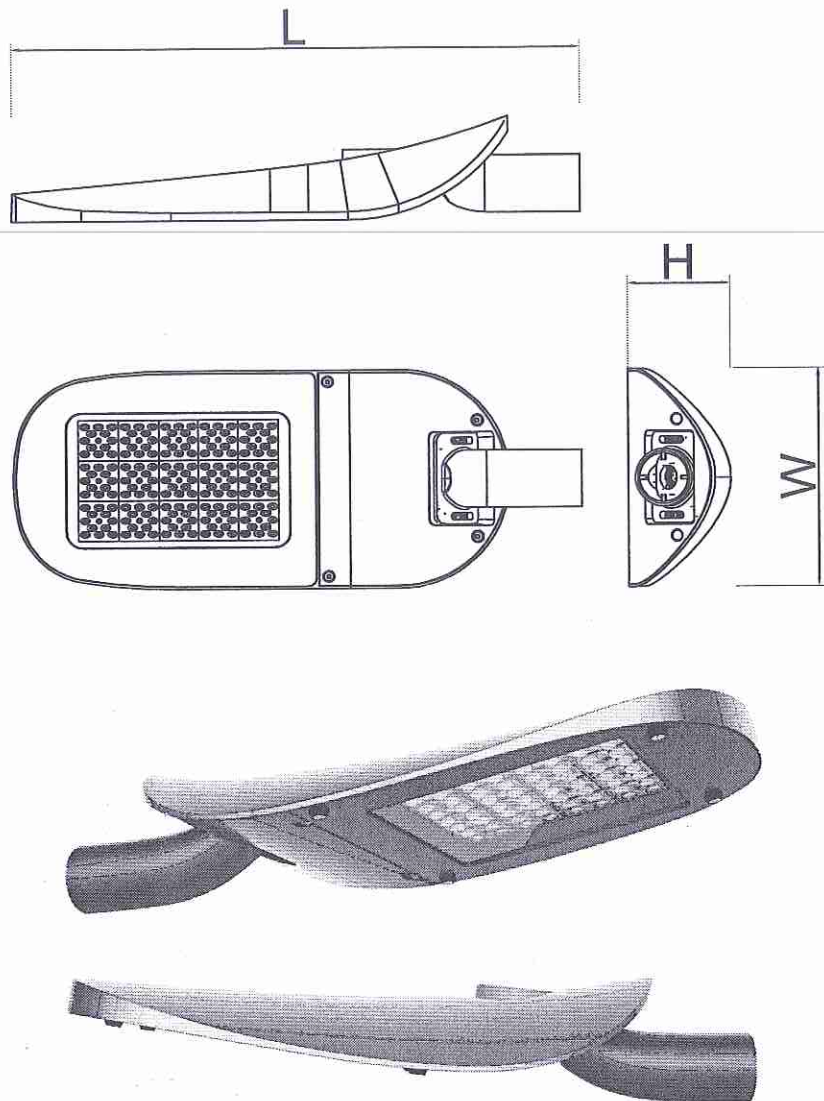
HOÀN THÀNH: /20

BẢN VẼ SỐ: CTCT2

KÝ HIỆU:

TỶ LỆ:

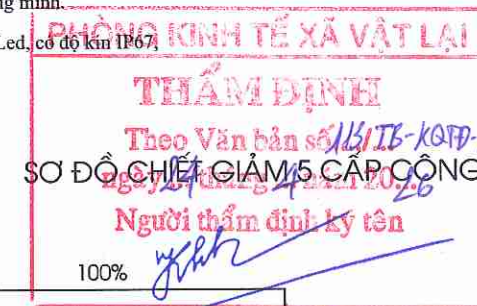
**ĐÈN CHIẾU SÁNG
LED 80W**



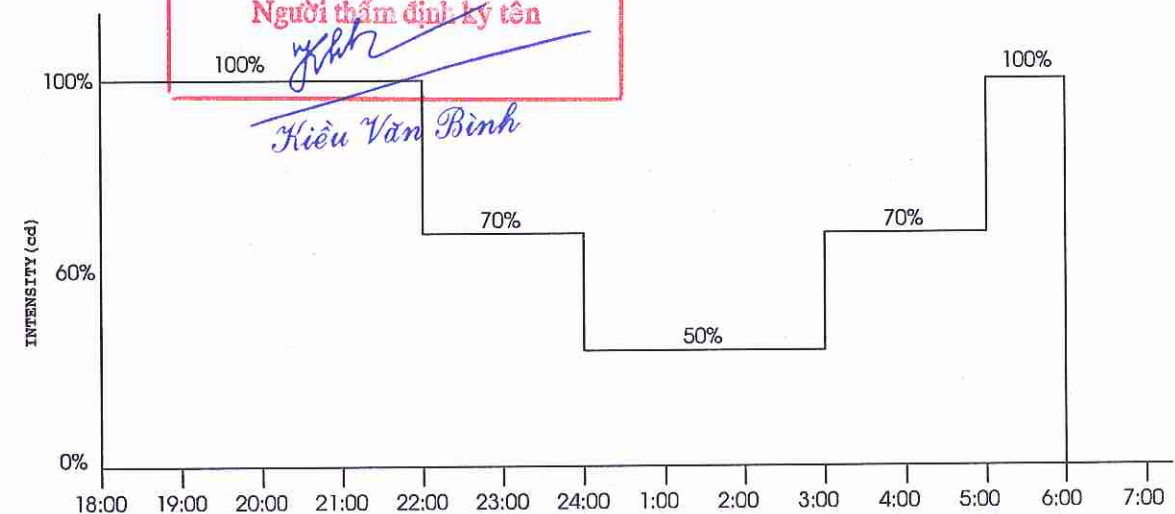
*** Đặc tính kỹ thuật:**

- Đèn Led chiếu sáng đường phố.
- Các tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 11846:2017 (IEC 62776:2014); TCVN 7722-2 (IEC 60598-2); TCVN 9892:2013 (IEC 62384:2011).
- Đèn được chứng nhận: Quản lý chất lượng: ISO 9001:2015; Hợp chuẩn: TCVN 7722-2-3:2019; Hệ thống quản lý môi trường: ISO 14001:2015.
- Đèn được chấp nhận đơn cấp bằng kiểu dáng công nghiệp của Cục sở hữu trí tuệ.
- Đèn được chứng nhận Công bố hiệu suất năng lượng và dán nhãn tiết kiệm năng lượng của Bộ công thương.
- Đèn có bảng dữ liệu về phân bố cường độ sáng để làm cơ sở tính toán chiếu sáng.
- Trên thân đèn có Tên đèn đúc nổi chính hãng của nhà sản xuất.
- Đèn có cơ cấu điều chỉnh độ ngả góc chiếu từ -15 độ đến +15 độ và -75 độ đến -105 độ
- Đèn làm bằng nhôm đúc áp lực, sơn tĩnh điện.
- Kích thước đèn: L x W x H mm (Dùng cho đèn 50 - 100W: 665 x 274 x 145 mm; Dùng cho đèn 100 - 200W: 716 x 274 x 145 mm; Dùng cho đèn 150 - 300W: 800 x 300 x 145 mm).
- Hiệu suất phát quang của bộ đèn $\geq 135 \text{Lm/W}$
- Sử dụng Chip led: Philips /Lumiled hoặc tương đương. Chip led phải có CO, CQ nhập khẩu chính hãng.
- Tuổi thọ trung bình của Led: ≥ 60.000 giờ, Khả năng duy trì quang thông còn 70% sau tối thiểu 50.000h giờ sử dụng (có xác nhận từ hãng sản xuất).
- Sử dụng Driver: Philips Dimming hoặc tương đương; Driver có khả năng chống nước và chống bụi tối thiểu IP66, có khả năng kết nối với máy tính để thay đổi chương trình tiết giảm công suất, có khả năng kết nối với trung tâm điều khiển chiếu sáng để chạy theo lập trình thông minh từ trung tâm điều khiển.
- Vỏ đèn đúc nổi vị trí chờ sẵn để gắn đế NEMA kết nối thiết bị điều khiển thông minh.
- Sử dụng bảo vệ xung sét lan truyền: 10kV-30kV bảo vệ tối ưu cho Driver và Led, có độ kín IP67 sử dụng vỏ chống cháy ở nhiệt độ cao.

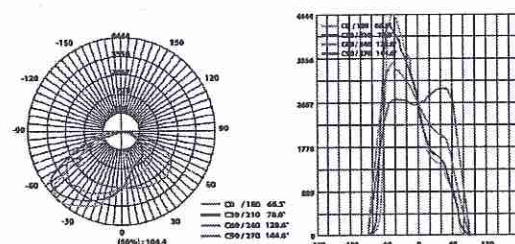
- Nhiệt độ màu: 3000 - 6500K
- Độ kín quang học: $\geq \text{IP66}$ (theo TCVN 7722-1:2009).
- Độ chịu va đập kính đèn: $\geq \text{IK08}$ (IEC 60662:2002).
- Cấp cách điện: Class 1.
- Chỉ số hiển thị màu: CRI > 80 .
- Nhiệt độ hoạt động của đèn: -5oC : 60oC.
- Hệ số công suất tại công suất định mức: $> 0,95$.
- Hệ số duy trì quang thông: $\geq 0,7$.
- Đèn được lập trình tiết giảm tự động 5 cấp công suất.
- Đèn Sử dụng sơn tĩnh điện chống trầy xước có độ bền cao và chịu được sương muối.
- Thời gian bảo hành bộ đèn Led: Yêu cầu bảo hành 05 năm.

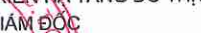


SƠ ĐỒ CHIẾU GIẢM 5 CẤP CÔNG SUẤT HỆ THỐNG CHIẾU SÁNG

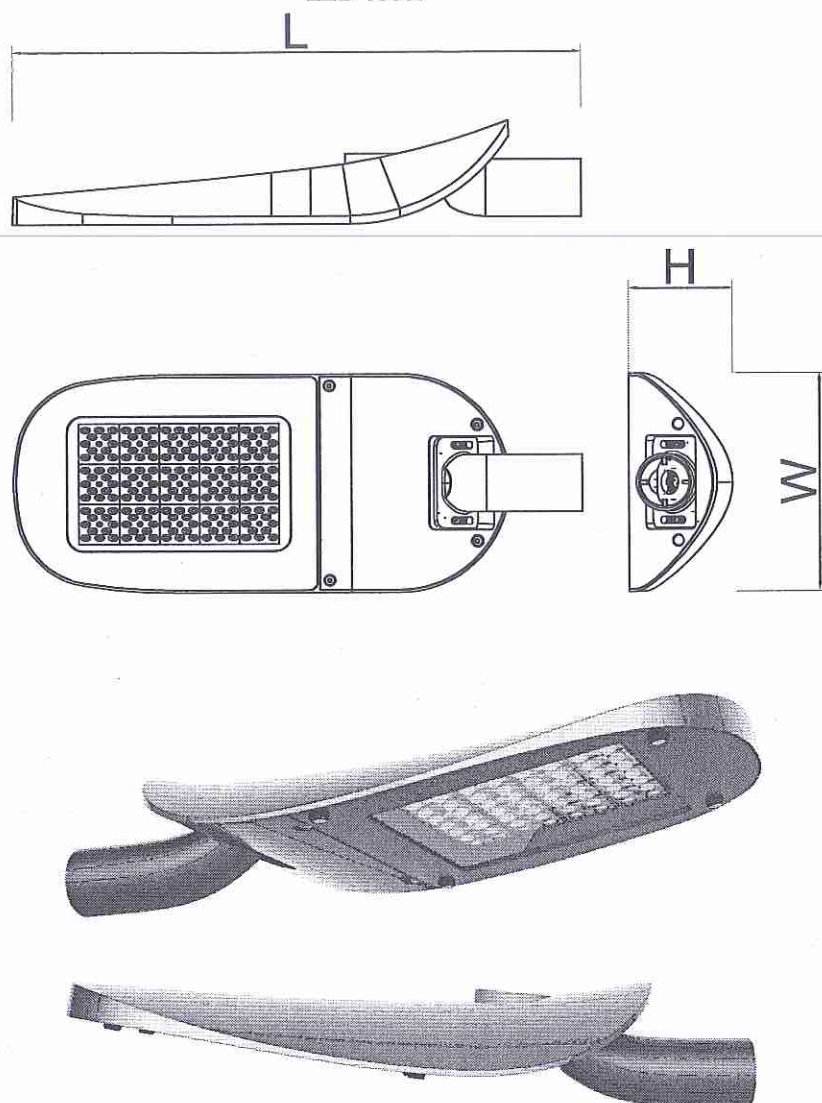


ĐƯỜNG CONG PHÂN BỐ CƯỜNG ĐỘ SÁNG



CHỦ ĐẦU TƯ: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG		THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI	TÊN BẢN VẼ: ĐÈN CHIẾU SÁNG LED 80W	<table><tr><td>CHỦ NHIỆM TK</td><td>NGUYỄN ANH TUẤN</td><td></td></tr><tr><td>CHỦ TRÌ TK ĐIỆN</td><td>HOÀNG TUẤN ANH</td><td></td></tr><tr><td>THIẾT KẾ</td><td>NGUYỄN HỮU BẰNG</td><td></td></tr><tr><td>KIỂM TRA</td><td>HOÀNG TUẤN ANH</td><td></td></tr></table>	CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN		CHỦ TRÌ TK ĐIỆN	HOÀNG TUẤN ANH		THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU BẰNG		KIỂM TRA	HOÀNG TUẤN ANH		CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC M.S.D. 0123456789 CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC THÀNH LẬP TẠI HÀ NỘI GIÁM ĐỐC  NGUYỄN ANH TUẤN	HOÀN THÀNH: /20 BẢN VẼ SỐ: CTCT 3 KÝ HIỆU: TỶ LỆ:
CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN																	
CHỦ TRÌ TK ĐIỆN	HOÀNG TUẤN ANH																	
THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU BẰNG																	
KIỂM TRA	HOÀNG TUẤN ANH																	
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:  CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC (ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THO - HÀ NỘI) ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498																		

ĐÈN CHIẾU SÁNG LED 150W



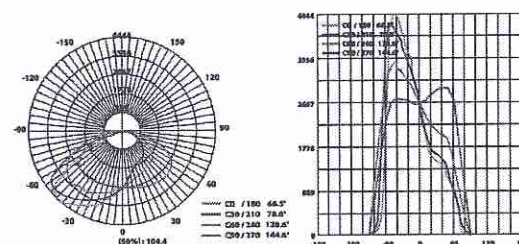
* Đặc tính kỹ thuật:

- Đèn Led chiếu sáng đường phố.
- Các tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 11846:2017 (IEC 62776:2014); TCVN 7722-2 (IEC 60598-2); TCVN 9892:2013 (IEC 62384:2011).
- Đèn được chứng nhận: Quản lý chất lượng: ISO 9001:2015; Hợp chuẩn: TCVN 7722-2-3:2019; Hệ thống quản lý môi trường: ISO 14001:2015.
- Đèn được chấp nhận đơn cấp bằng kiểu dáng công nghiệp của Cục sở hữu trí tuệ.
- Đèn được chứng nhận Công bố hiệu suất năng lượng và dán nhãn tiết kiệm năng lượng của Bộ công thương.
- Đèn có bảng dữ liệu về phân bố cường độ sáng để làm cơ sở tính toán chiếu sáng.
- Trên thân đèn có Tên đèn đúc nổi chính hãng của nhà sản xuất.
- Đèn có cơ cấu điều chỉnh độ ngả góc chiếu từ -15 độ đến +15 độ và -75 độ đến -105 độ
- Đèn làm bằng nhôm đúc áp lực, sơn tĩnh điện.
- Kích thước đèn: L x W x H mm (Dùng cho đèn 50 - 100W: 665 x 274 x 145 mm; Dùng cho đèn 100 - 200W: 716 x 274 x 145 mm; Dùng cho đèn 150 - 300W: 800 x 300 x 145 mm).
- Hiệu suất phát quang của bộ đèn $\geq 135\text{Lm/W}$
- Sử dụng Chip led: Philips /Lumiled hoặc tương đương. Chip led phải có CO, CQ nhập khẩu chính hãng.
- Tuổi thọ trung bình của Led: ≥ 60.000 giờ, Khả năng duy trì quang thông còn 70% sau tối thiểu 50.000h giờ sử dụng (có xác nhận từ hãng sản xuất).
- Sử dụng Driver: Philips Dimming hoặc tương đương; Driver có khả năng chống nước và chống bụi tối thiểu IP66, có khả năng kết nối với máy tính để thay đổi chương trình tiết giảm công suất, có khả năng kết nối với trung tâm điều khiển chiếu sáng để chạy theo lập trình thông minh từ trung tâm điều khiển.
- Vỏ đèn đúc nổi vị trí chờ sẵn để gắn đế NEMA kết nối thiết bị điều khiển thông minh.
- Sử dụng bảo vệ xung sét lan truyền: 10kV-30kV bảo vệ tối ưu cho Driver và Led, có độ kín IP67, sử dụng vỏ chống cháy ở nhiệt độ cao.

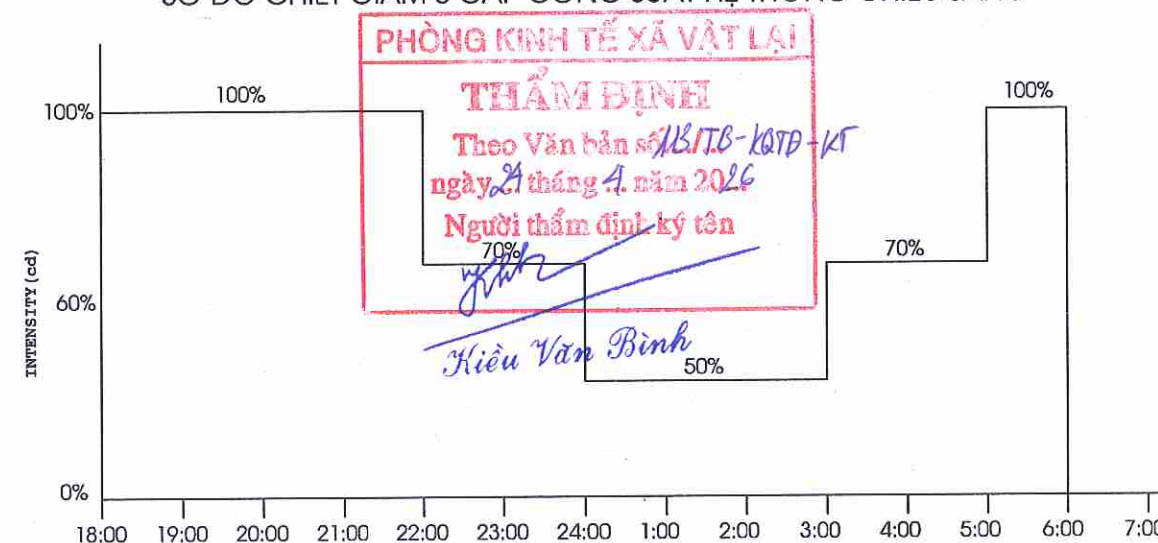
- Nhiệt độ màu: 3000 - 6500K
- Độ kín quang học: $\geq \text{IP66}$ (theo TCVN 7722-1:2009).
- Độ chịu va đập kính đèn: $\geq \text{IK08}$ (IEC 60662:2002).
- Cấp cách điện: Class 1.
- Chỉ số hiển thị màu: CRI > 80 .
- Nhiệt độ hoạt động của đèn: $-50^\circ\text{C} : 60^\circ\text{C}$.
- Hệ số công suất tại công suất định mức: $> 0,95$.
- Hệ số duy trì quang thông: $\geq 0,7$.
- Đèn được lập trình tiết giảm tự động 5 cấp công suất.
- Đèn Sử dụng sơn tĩnh điện chống trầy xước có độ bền cao và chịu được sương muối.
- Thời gian bảo hành bộ đèn Led: Yêu cầu bảo hành 05 năm.



ĐƯỜNG CONG PHÂN BỐ CƯỜNG ĐỘ SÁNG



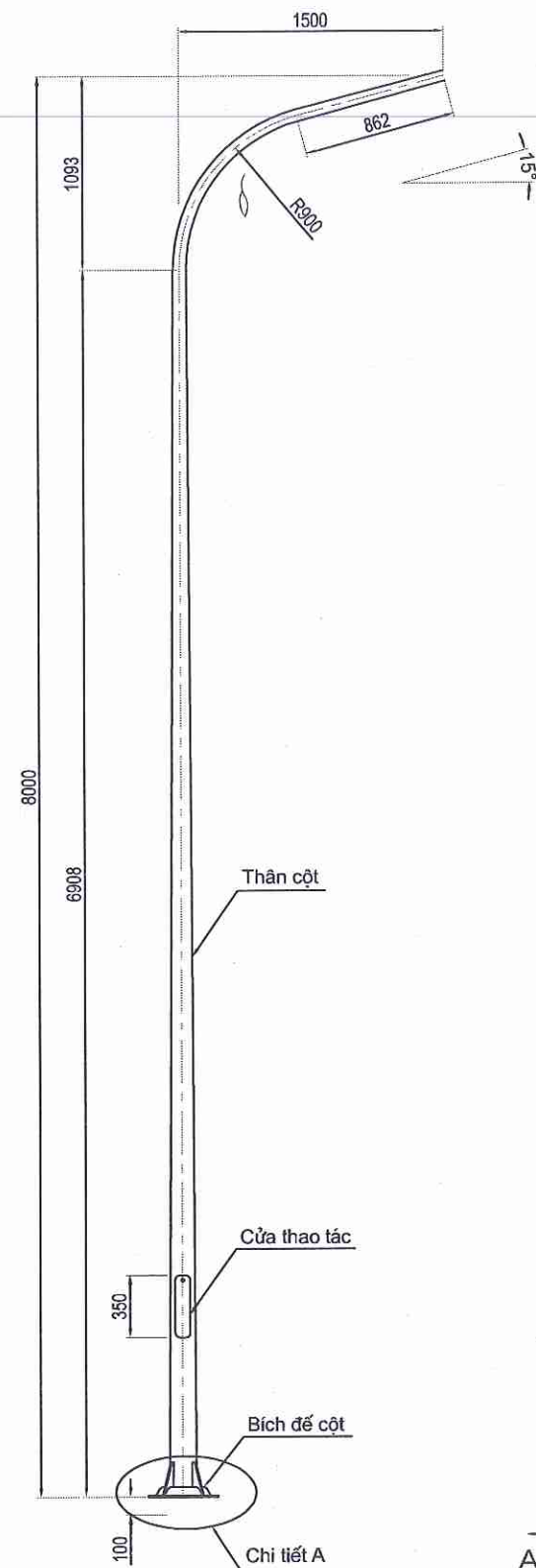
SƠ ĐỒ CHIẾT GIẢM 5 CẤP CÔNG SUẤT HỆ THỐNG CHIẾU SÁNG



CHỦ ĐẦU TƯ: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG		THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI		TÊN BẢN VẼ: ĐÈN CHIẾU SÁNG LED 150W		<table><tr><td>CHỦ NHIỆM TK</td><td>NGUYỄN ANH TUẤN</td><td></td></tr><tr><td>CHỦ TRÌ TK ĐIỆN</td><td>HOÀNG TUẤN ANH</td><td></td></tr><tr><td>THIẾT KẾ</td><td>NGUYỄN HỮU BẰNG</td><td></td></tr><tr><td>KIỂM TRA</td><td>HOÀNG TUẤN ANH</td><td></td></tr></table>		CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN		CHỦ TRÌ TK ĐIỆN	HOÀNG TUẤN ANH		THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU BẰNG		KIỂM TRA	HOÀNG TUẤN ANH		CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC  NGUYỄN ANH TUẤN		HOÀN THÀNH: /20 BẢN VẼ SỐ: CTCT 4 KÝ HIỆU: TỶ LỆ:	
CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN																						
CHỦ TRÌ TK ĐIỆN	HOÀNG TUẤN ANH																						
THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU BẰNG																						
KIỂM TRA	HOÀNG TUẤN ANH																						
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:  CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC (ĐỊA CHẾ SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỐ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI) SỐ ĐIỆN THOẠI: 032 207 5408																							

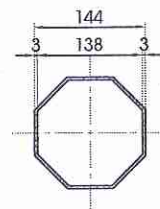
CỘT BÁT GIÁC CÔN LIỀN CẦN 8M (BG-8M)

(Tỷ lệ: 1/40)



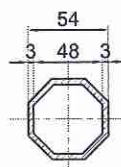
ĐƯỜNG KÍNH GỐC CỘT

(Tỷ lệ 1/10)



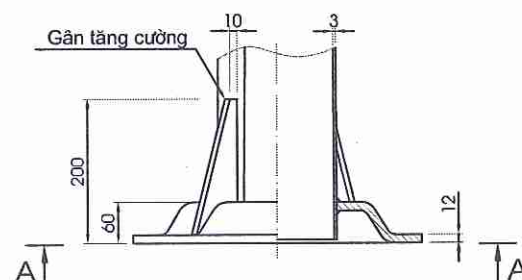
ĐƯỜNG KÍNH NGỌN CỘT

(Tỷ lệ 1/5)



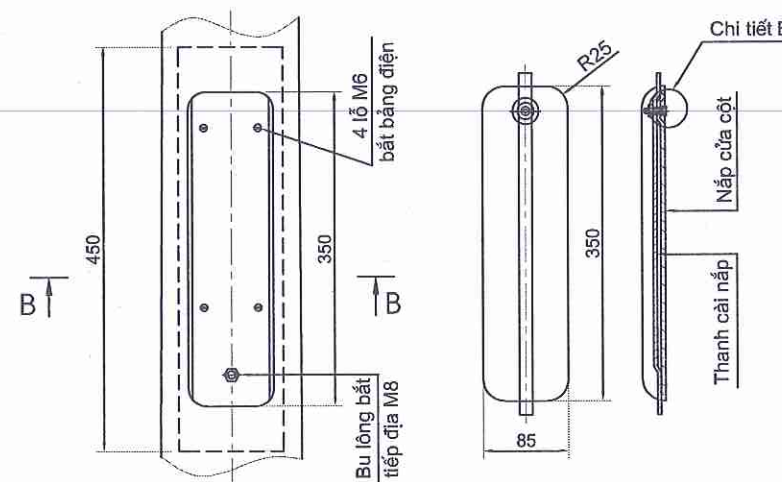
CHI TIẾT A

(Tỷ lệ 1/10)



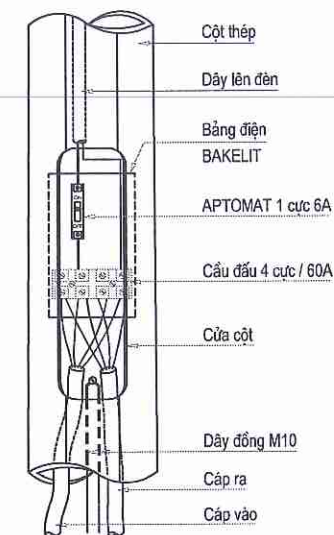
KẾT CẤU CỦA CỘT

(Tỷ lệ 1/8)



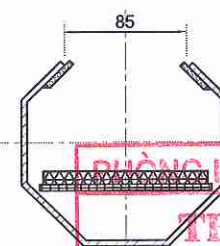
BẢNG ĐIỆN CỦA CỘT

(Tỷ lệ 1/10)

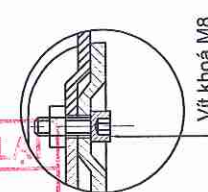


MẶT CẮT B - B

(Tỷ lệ 1/5)

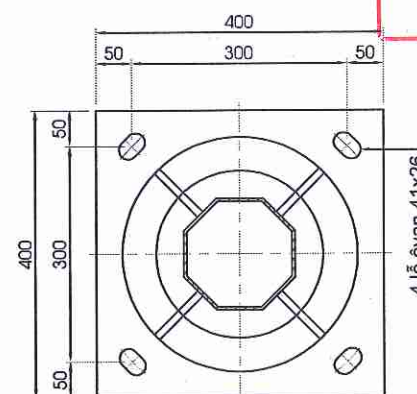


CHI TIẾT B



MẶT CẮT A - A

(Tỷ lệ 1/10)



THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 16/TB-KQTP-KT
ngày 24 tháng 4 năm 2016
Người thẩm định ký tên

YÊU CẦU KỸ THUẬT:

- Vật liệu làm cột: Thép XCT38, dày 3mm, dập theo hình bát giác côn. Các ứng suất $\sigma_s=370 \div 490 \text{ N/mm}^2$, $\sigma_s > 240 \text{ N/mm}^2$.
- Thân cột được chế tạo liền (Không nối ngang cột).
 - Cửa cột được cắt từ chính thân cột bằng công nghệ cắt PLASMA.
 - Sau khi chế tạo các mối hàn phải được mài phẳng, chắc chắn.
 - Tất cả các chi tiết trên thân cột sau khi chế tạo xong phải được mạ kẽm nhúng nóng theo tiêu chuẩn BS-729, TCVN 5408 - 1991 với độ dày 65 μm .
 - Góc nghiêng cần đèn được thiết kế là 15 độ.
 - Tất cả các kích thước được ghi theo đơn vị mm.

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VIỆT NAM
THẨM TRA
Theo văn bản số: 651/BCT
Ngày 24 tháng 4 năm 2016
Ký tên: *Phạm Văn Cường*

CHỦ ĐẦU TƯ:
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
(ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI)
ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498

THIẾT KẾ XÂY DỰNG
TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRÚC THÔN TRỊ LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:
CỘT ĐÈN CHIẾU SÁNG
BG-8m

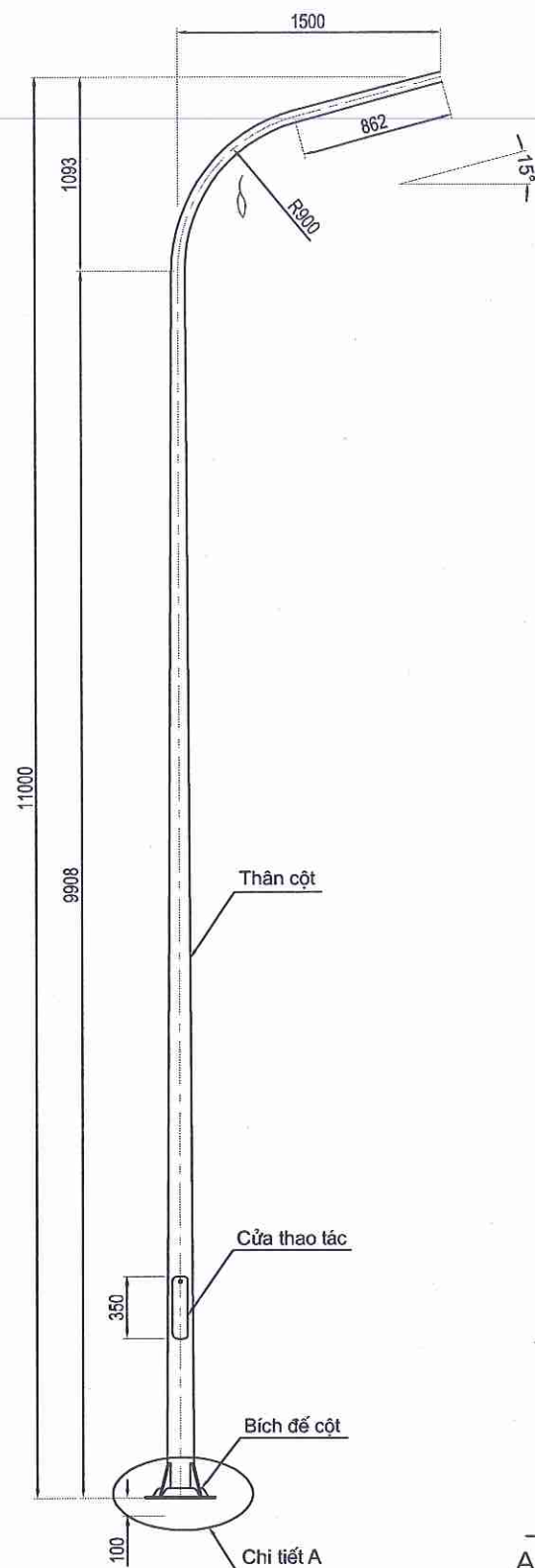
CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN	<i>Thanh</i>
CHỦ TRÌ TK ĐIỆN	HOÀNG TUẤN ANH	<i>Anh</i>
THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU BẰNG	<i>Bằng</i>
KIỂM TRA	HOÀNG TUẤN ANH	<i>Anh</i>

CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
CỔ PHẦN ĐÓNG
PHÁT TRIỂN
HẠ TẦNG ĐÔ THỊ
AVIC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
NGUYỄN ANH TUẤN

HOÀN THÀNH: /20
BẢN VẼ SỐ: CTCT5
KÝ HIỆU:
TỶ LỆ:

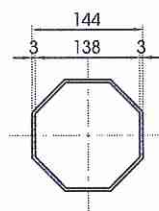
CỘT BÁT GIÁC CÔN LIỀN CẦN 11M (BG-11M)

(Tỷ lệ: 1/40)



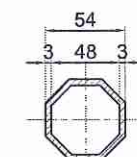
ĐƯỜNG KÍNH GỐC CỘT

(Tỷ lệ 1/10)



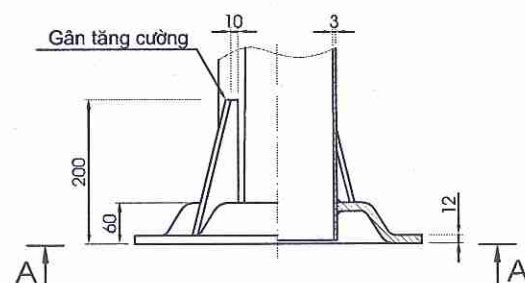
ĐƯỜNG KÍNH NGỌN CỘT

(Tỷ lệ 1/5)



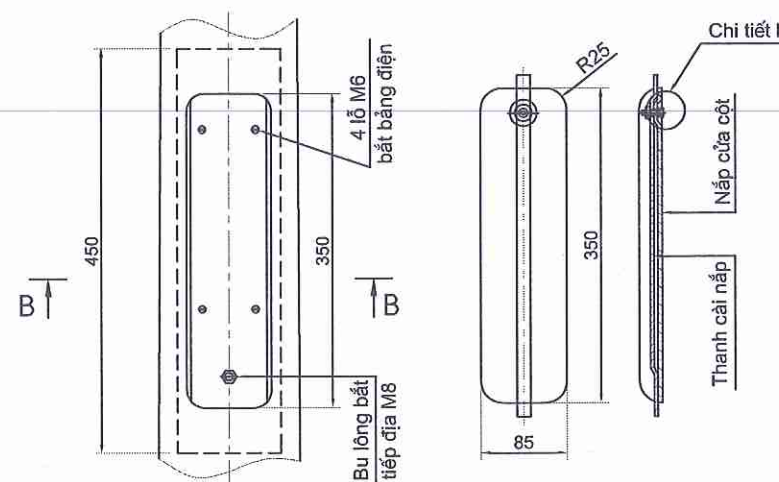
CHI TIẾT A

(Tỷ lệ 1/10)



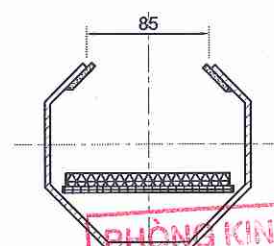
KẾT CẤU CỦA CỘT

(Tỷ lệ 1/8)



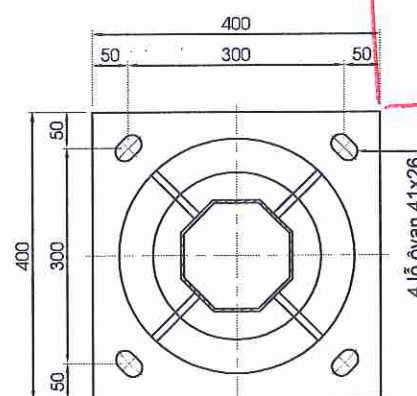
MẶT CẮT B - B

(Tỷ lệ 1/5)



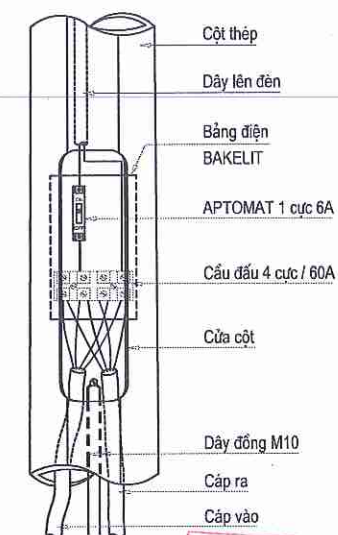
MẶT CẮT A - A

(Tỷ lệ 1/10)

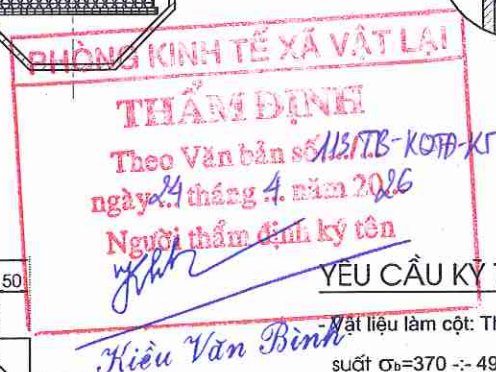
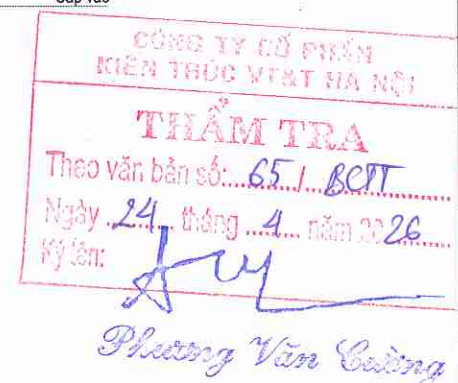
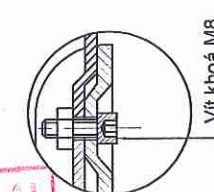


BẢNG ĐIỆN CỦA CỘT

(Tỷ lệ 1/10)



CHI TIẾT B



YÊU CẦU KỸ THUẬT:

- Vật liệu làm cột: Thép XCT38, dày 3mm, dập theo hình bát giác côn. Các ứng suất $\sigma_b=370 \div 490 \text{ N/mm}^2$, $\sigma_c > 240 \text{ N/mm}^2$.
- Thân cột được chế tạo liền (Không nối ngang cột).
- Cửa cột được cắt từ chính thân cột bằng công nghệ cắt PLASMA.
- Sau khi chế tạo các mối hàn phải được mài phẳng, chắc chắn.
- Tất cả các chi tiết trên thân cột sau khi chế tạo xong phải được mạ kẽm nhúng nóng theo tiêu chuẩn BS-729, TCVN 5408 - 1991 với độ dày 65 μm .
- Góc nghiêng cần đèn được thiết kế là 15 độ.
- Tất cả các kích thước được ghi theo đơn vị mm.

CHỦ ĐẦU TƯ:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
(ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI)
ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498

THIẾT KẾ XÂY DỰNG

TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRỊ LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:

CỘT ĐÈN CHIẾU SÁNG
BG-11m

CHỦ NHIỆM TK

NGUYỄN ANH TUẤN

CHỦ TRÌ TK ĐIỆN

HOÀNG TUẤN ANH

THIẾT KẾ

NGUYỄN HỮU BẰNG

KIỂM TRA

HOÀNG TUẤN ANH

CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC

GIÁM ĐỐC
NGUYỄN ANH TUẤN

HOÀN THÀNH: /20

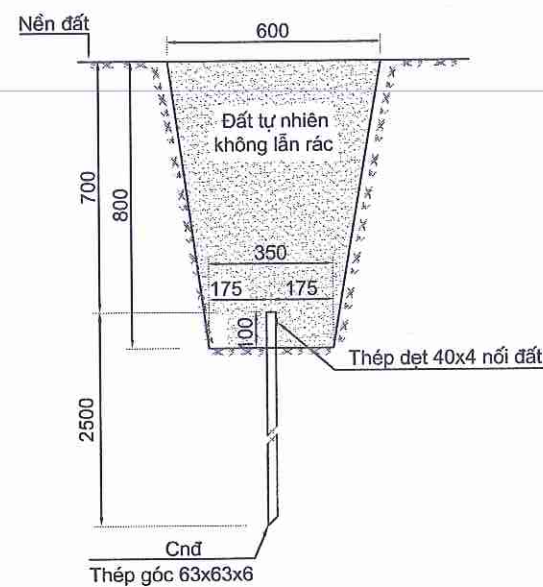
BẢN VẼ SỐ: CTCT6

KÝ HIỆU:

TỶ LỆ:

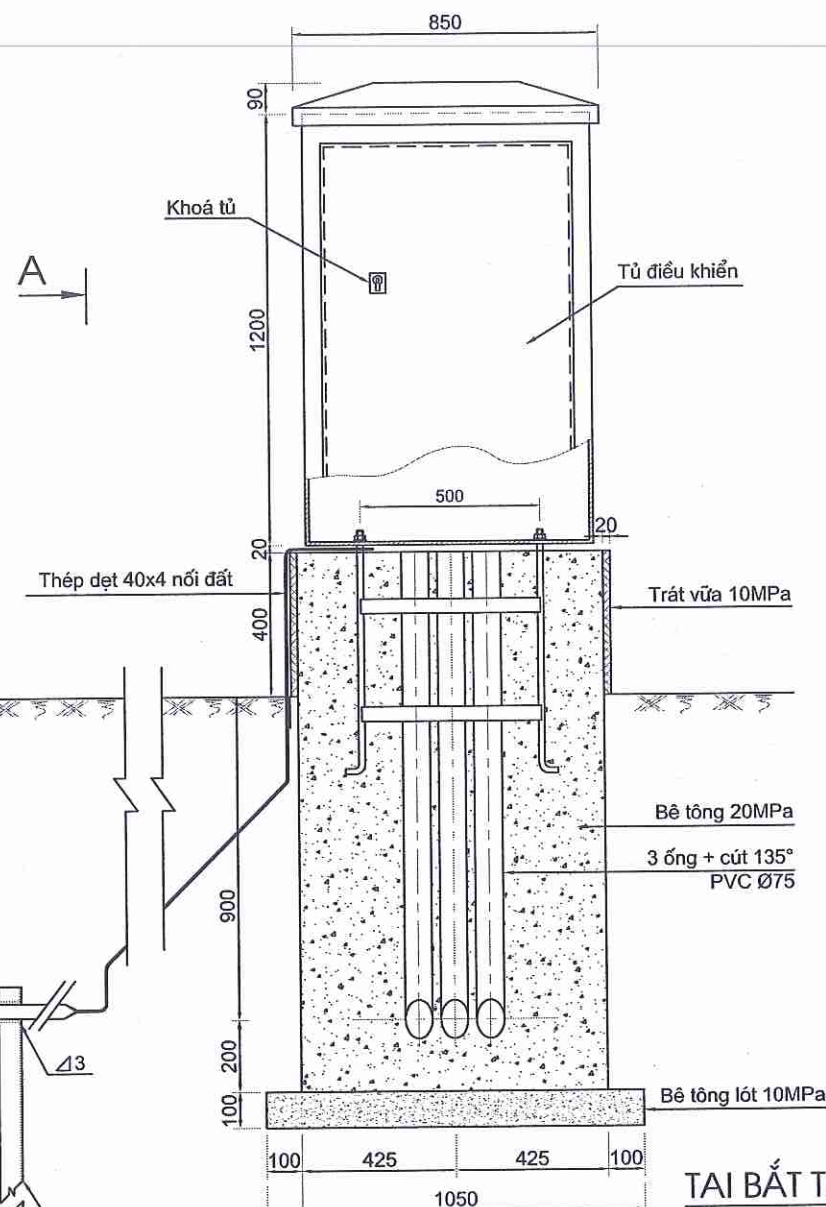
MẶT CẮT I - I

Tỷ lệ 1:20



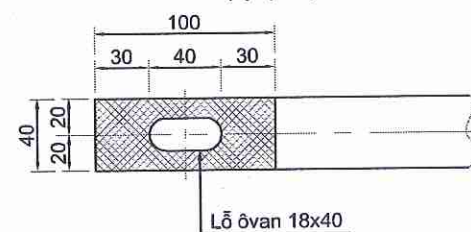
TỦ VÀ MÓNG TỦ ĐIỀU KHIỂN

(Tỷ lệ 1:20)



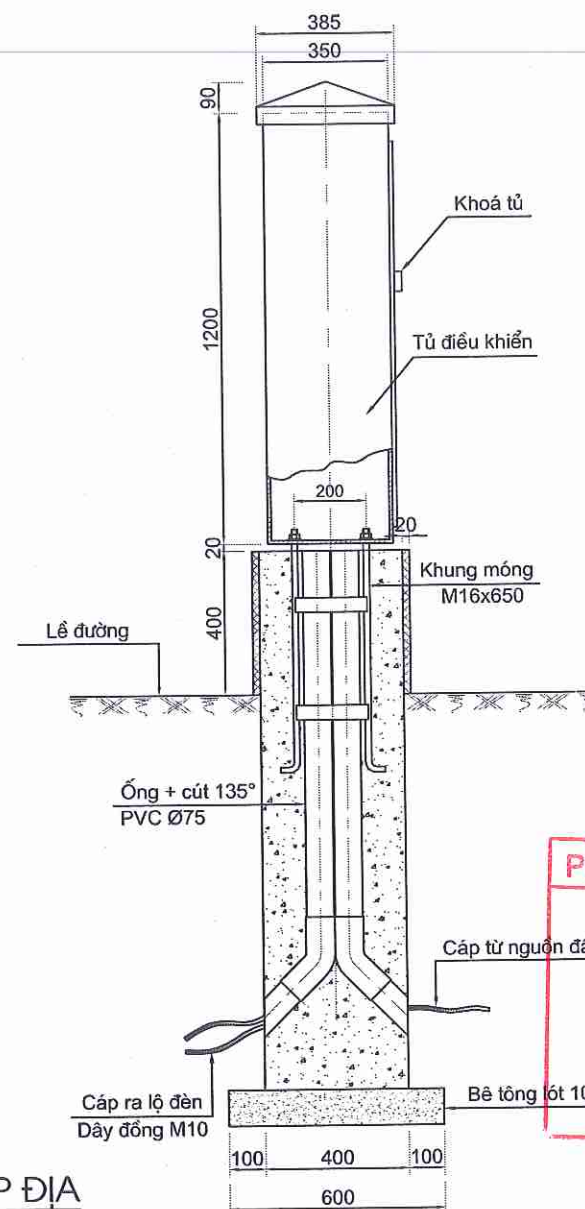
TAI BẮT TIẾP ĐỊA

(Thép L40x4 được mạ kẽm toàn bộ)
(Tỷ lệ 1:4)



NHÌN THEO A

(Tỷ lệ 1:20)



CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN THỨC VIỆT HÀ NỘI
THẨM TRA
Theo văn bản số: 651/BCPT
Ngày 24 tháng 4 năm 2026
Ký tên: *Phạm Văn Cường*

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: MS/TB-KTĐP-KT
ngày 24 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên: *Kiều Văn Bình*

GHI CHÚ:

- KÍCH THƯỚC TRONG BẢN VẼ ĐƯỢC GHI THEO ĐƠN VỊ MM.
- TIẾP ĐỊA MÓNG CỘT SAU KHI HOÀN THIỆN PHẢI ĐẠT R<10 ỒM.
- ĐẦU BULÔNG MÓNG PHẢI ĐƯỢC MẠ KẼM.
- MỖI BULÔNG MÓNG CÓ HAI ĐAI ỐC M16 VÀ MỘT ĐAI ỐC CHỖM CẦU, CÁC BULÔNG PHẢI ĐƯỢC MẠ KẼM.
- MẶT DƯỚI TAI BẮT TIẾP ĐỊA PHẢI ĐƯỢC MÀI NHẵn.

CHỦ ĐẦU TƯ:
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
(ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI)
ĐIỆN THOẠI: 032 897 5498

THIẾT KẾ XÂY DỰNG
TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

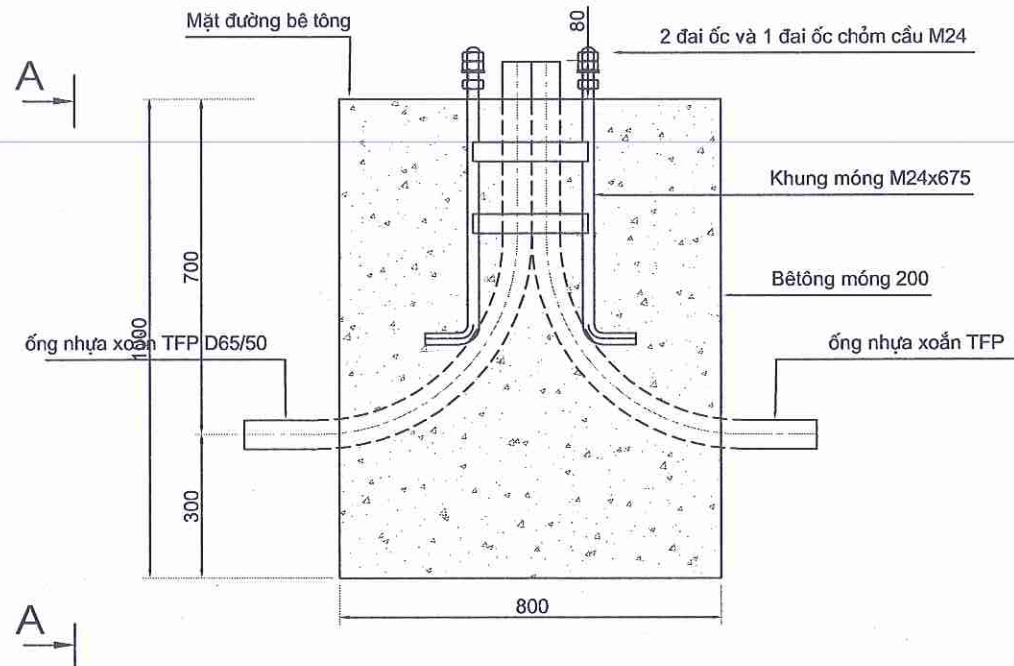
TÊN BẢN VẼ:
MÓNG TỦ ĐIỀU KHIỂN
CHIẾU SÁNG -MT
CHỦ NHIỆM TK: NGUYỄN ANH TUẤN
CHỦ TRÌ TK ĐIỆN: HOÀNG TUẤN ANH
THIẾT KẾ: NGUYỄN HỮU BẰNG
KIỂM TRA: HOÀNG TUẤN ANH

CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN
HẠ TẦNG ĐÔ THỊ
AVIC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
GIÁM ĐỐC: NGUYỄN ANH TUẤN

HOÀN THÀNH: /20
BẢN VẼ SỐ: CTCT7
KÝ HIỆU:
TỶ LỆ:

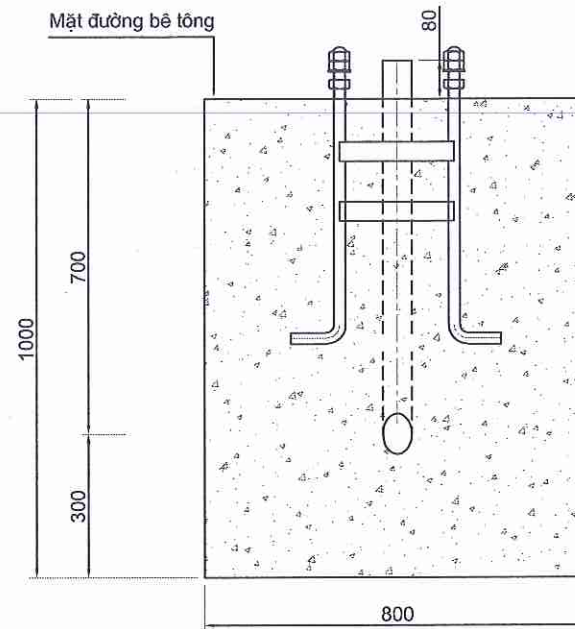
BỐ TRÍ MÓNG CỘT

(Tỷ lệ: 1/15)



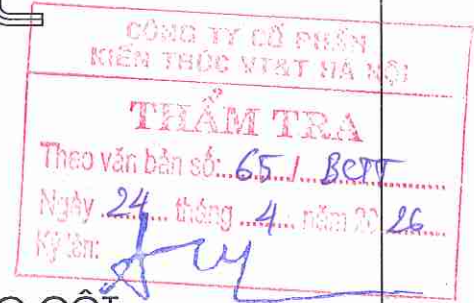
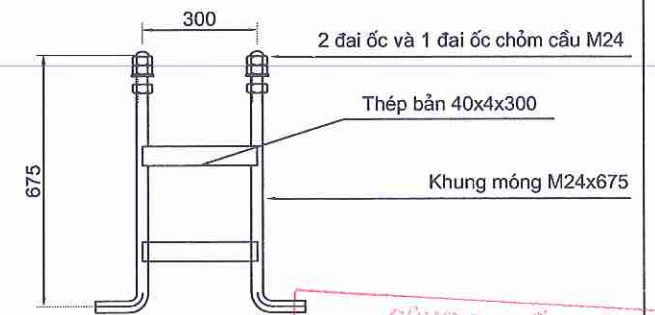
MẶT CẮT A - A

(Tỷ lệ: 1/15)



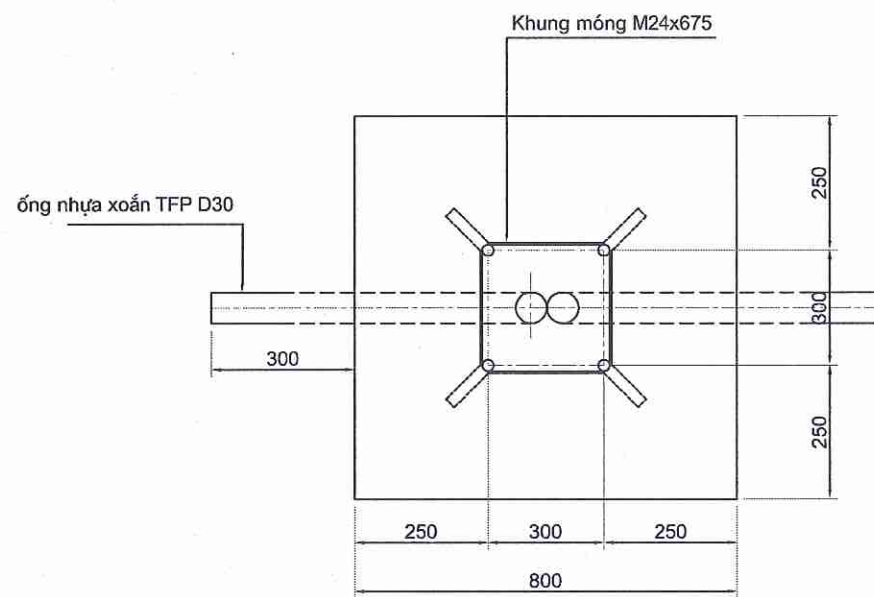
KHUNG MÓNG CỘT

(Tỷ lệ: 1/15)



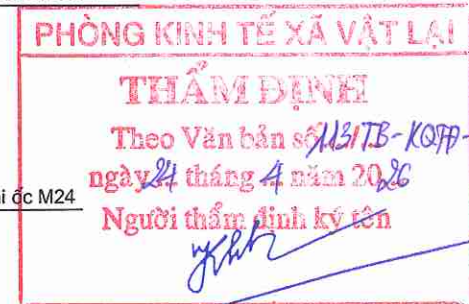
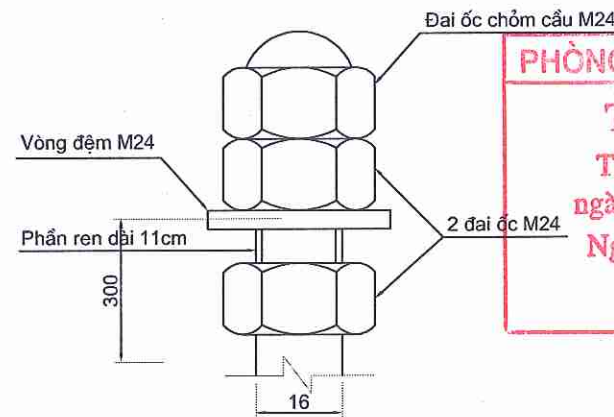
MẶT BẰNG MÓNG CỘT

(Tỷ lệ: 1/15)



CHI TIẾT A

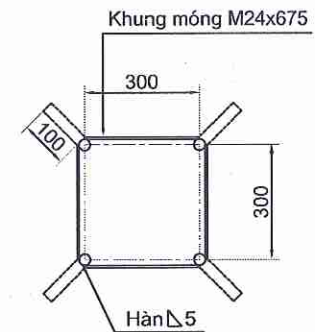
Tỷ lệ 1:2



Khiếu Vạch

KHUNG MÓNG CỘT

(Tỷ lệ: 1/15)



BẢNG THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG

TT	Tên vật liệu	Quy cách	Đơn vị (mm)	Số lượng	Ghi chú
1	Khung móng cột thép	M24x675	Bộ	1	
2	ống nhựa xoắn	TFP D65/50	m	3	
3	Bê tông móng	M200	m3	0.64	

- Các kích thước trong bản vẽ được ghi theo đơn vị mm.
- Tiếp địa móng cột sau khi hoàn thiện phải đạt $R < 10 \Omega m$.
- Đầu các bulông móng phải được mạ kẽm. Các đai ốc được mạ kẽm.
- Lỗ ôvan trên tấm bắt tiếp địa phải được gia công trên máy đột dập. Không được thổi bằng hàn hơi hoặc hàn điện.
- Tai bắt tiếp địa phải được mạ kẽm, và mặt dưới được mài nhẵn.
- Khi dựng cột phải để chân cột có khe hở 40mm để căn chỉnh, sau khi căn chỉnh xong phải dùng vữa xi măng cát vàng 10MPa để bịt khe hở.

CHỦ ĐẦU TƯ:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
(ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI)
ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498

THIẾT KẾ XÂY DỰNG

TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:

MÓNG CỘT
CHIẾU SÁNG - MC 8

CHỦ NHIỆM TK

NGUYỄN ANH TUẤN

CHỦ TRÌ TK ĐIỆN

HOÀNG TUẤN ANH

THIẾT KẾ

NGUYỄN HỮU BẢNG

KIỂM TRA

HOÀNG TUẤN ANH

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC

GIÁM ĐỐC

CỔ PHẦN

PHÁT TRIỂN

HẠ TẦNG ĐÔ THỊ

AVIC

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

HOÀN THÀNH: /20

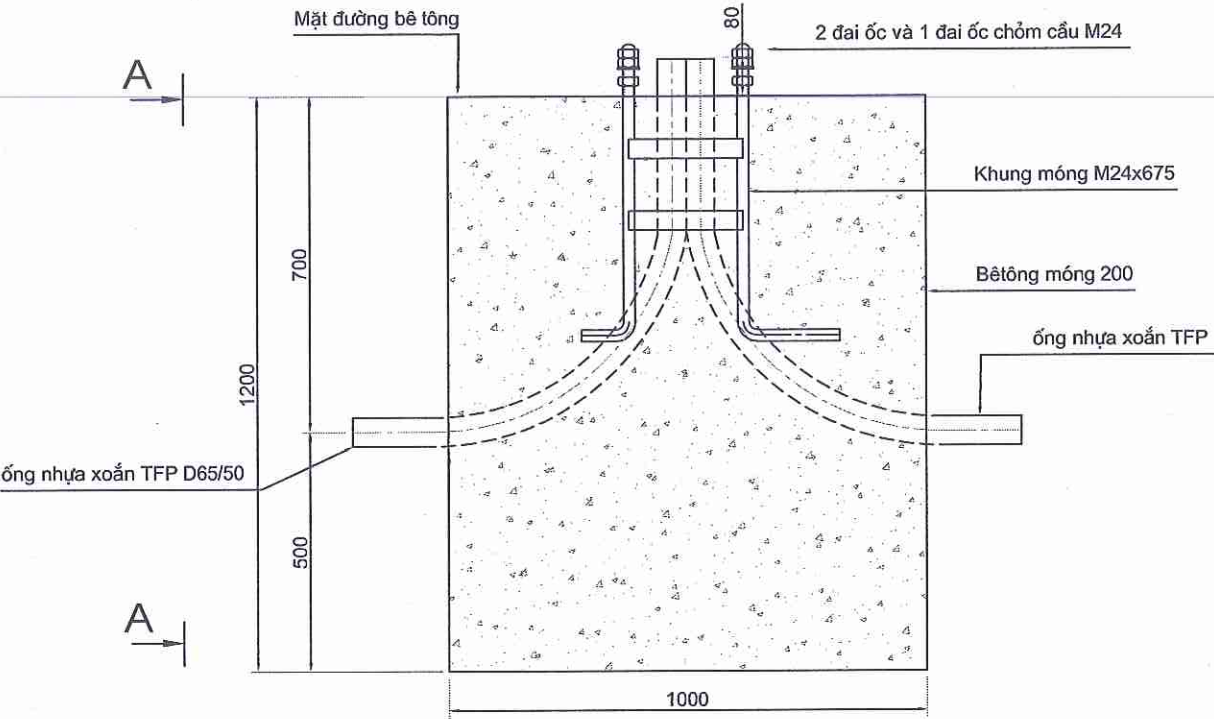
BẢN VẼ SỐ: CTCT8

KÝ HIỆU:

TỶ LỆ:

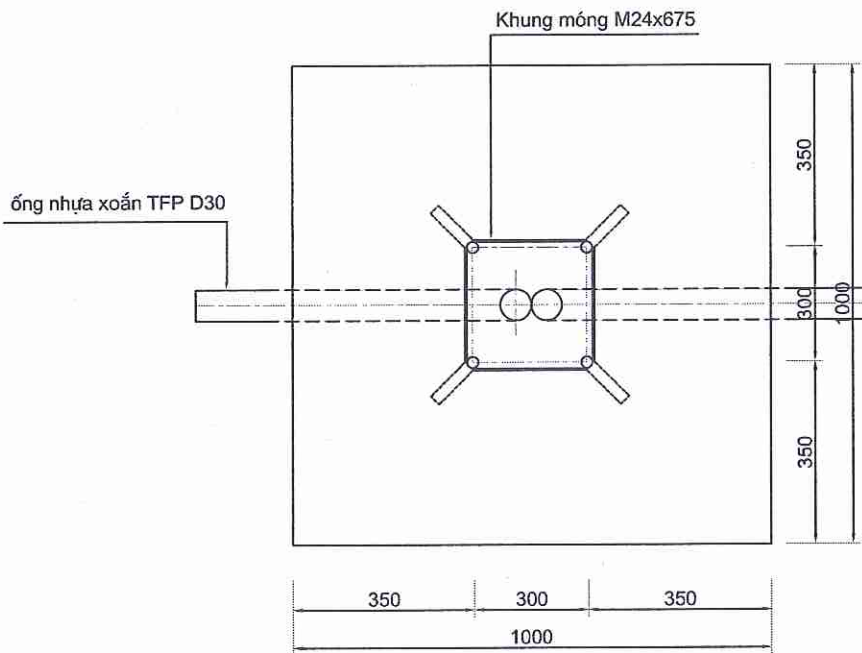
BỐ TRÍ MÓNG CỘT MC-11M

(Tỷ lệ: 1/15)



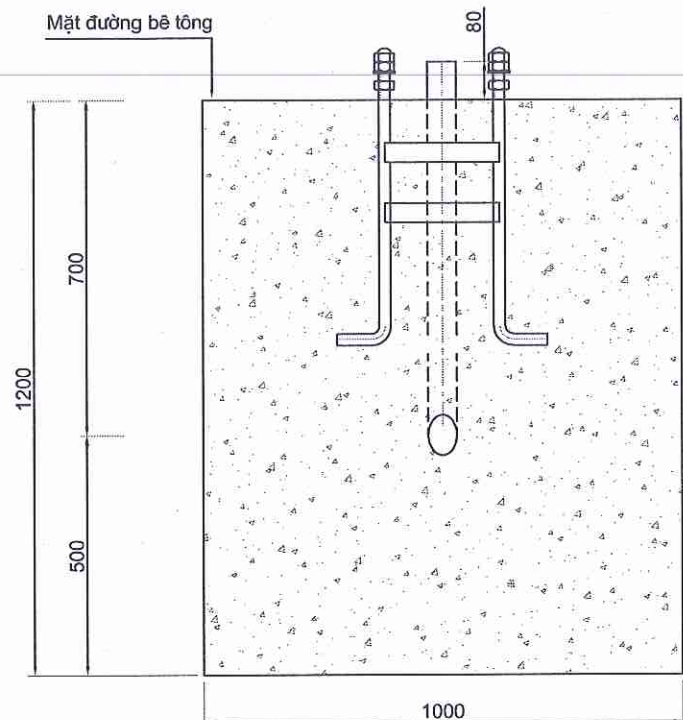
MẶT BẰNG MÓNG CỘT

(Tỷ lệ: 1/15)



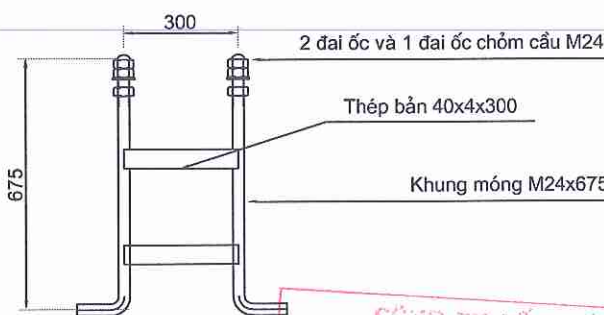
MẶT CẮT A - A

(Tỷ lệ: 1/15)



KHUNG MÓNG CỘT

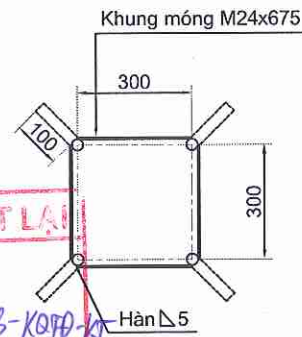
(Tỷ lệ: 1/15)



CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VIỆT HÀ NỘI
THẨM TRA
Theo văn bản số: 651/BCIT
Ngày: 24 tháng 4 năm 2026
Ký tên: *[Signature]*

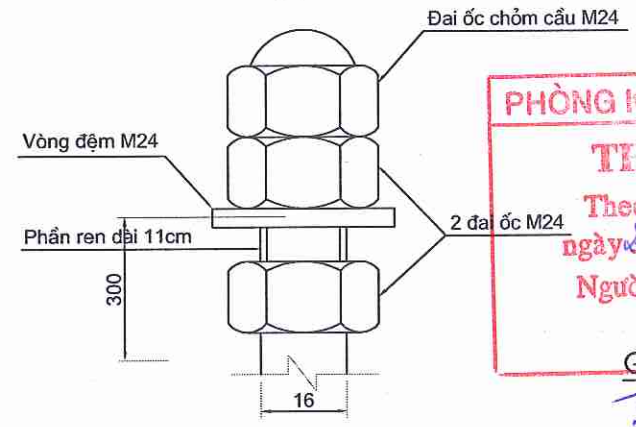
KHUNG MÓNG CỘT

(Tỷ lệ: 1/15)



CHI TIẾT A

Tỷ lệ 1:2



PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số: 111/TB-KOTD-K
ngày: 24 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên
[Signature]
GHI CHÚ:

BẢNG THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG

TT	Tên vật liệu	Quy cách	Đơn vị (mm)	Số lượng	Ghi chú
1	Khung móng cột thép	M24x675	Bộ	1	
2	Bê tông móng	M200	m3	1.20	

- Ghi chú:
- Tiếp địa móng cột sau khi hoàn thiện phải đạt $R < 10 \Omega$.
 - Đầu các bulông móng phải được mạ kẽm. Các đai ốc được mạ kẽm.
 - Lỗ ô van trên tấm bắt tiếp địa phải được gia công trên máy đột dập. Không được thổi bằng hàn hơi hoặc hàn điện.
 - Tai bắt tiếp địa phải được mạ kẽm, và mặt dưới được mài nhẵn.
 - Khi dựng cột phải để chân cột có khe hở 40mm để căn chỉnh, sau khi căn chỉnh xong phải dùng vữa xi măng cát vàng 10MPa để bịt khe hở.

CHỦ ĐẦU TƯ:
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
(ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI)
DIỆN THOẠI: 032 697 5498

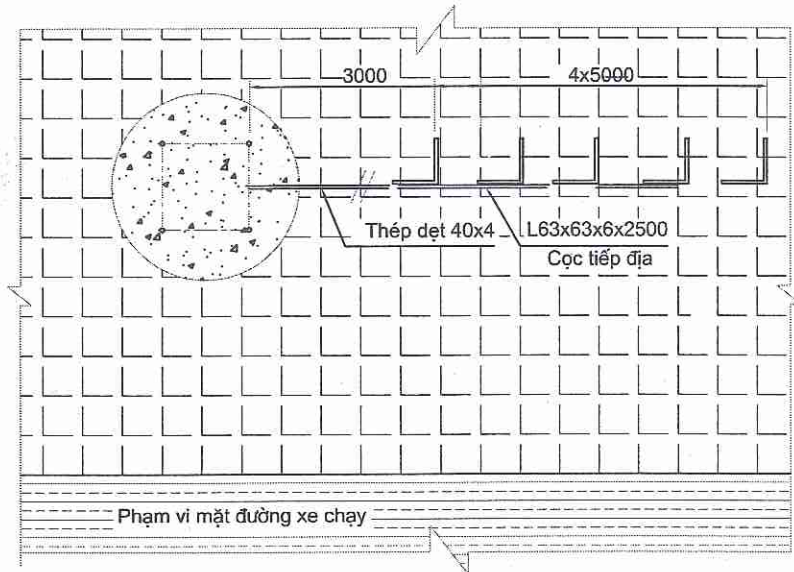
THIẾT KẾ XÂY DỰNG
TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRỊ LAI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:
MÓNG CỘT
CHIỀU SÁNG - MC 11
CHỦ NHIỆM TK: NGUYỄN ANH TUẤN
CHỦ TRÌ TK ĐIỆN: HOÀNG TUẤN ANH
THIẾT KẾ: NGUYỄN HỮU BẰNG
KIỂM TRA: HOÀNG TUẤN ANH

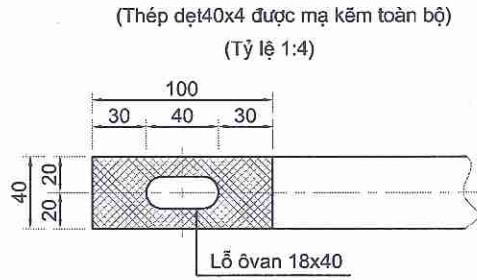
CÔNG TY CỔ PHẦN
CƠ PHÂN
PHÁT TRIỂN
HẠ TẦNG ĐÔ THỊ
AVIC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
M.S.N: 0109055864 - C

HOÀN THÀNH: /20
BẢN VẼ SỐ: CTCT9
KÝ HIỆU:
TỶ LỆ:

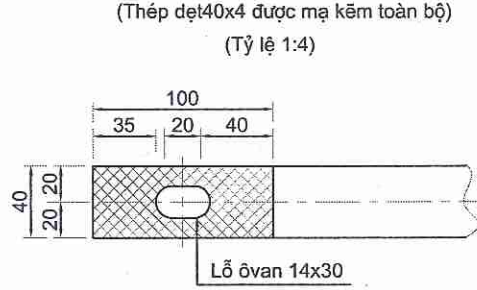
MẶT BẰNG BỐ TRÍ TIẾP ĐỊA CỘT ĐÈN TRÊN VÍA HÈ



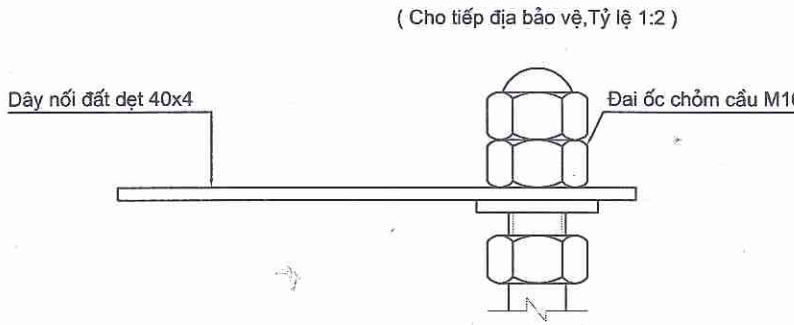
TAI BẮT TIẾP ĐỊA BẢO VỆ



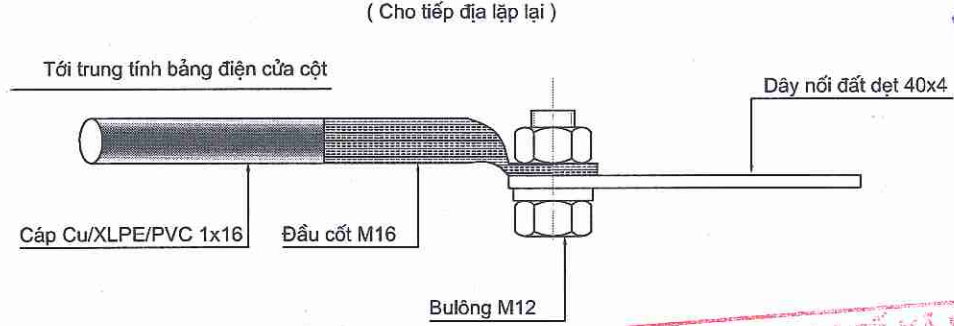
TAI BẮT TIẾP ĐỊA LẬP LẠI



CHI TIẾT DÂY TIẾP ĐẤT
BẮT VÀO KHUNG MÓNG



CHI TIẾT DÂY TIẾP ĐẤT NỐI
VỚI CÁP BẮT VÀO TRUNG TÍNH



CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VIỆT HÀ NỘI

THẨM TRA

Theo văn bản số: 651/BCIT

Ngày 24 tháng 4 năm 2026

Ký tên: *Phạm Văn Cường*

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số 131/TB-KOĐ-KT

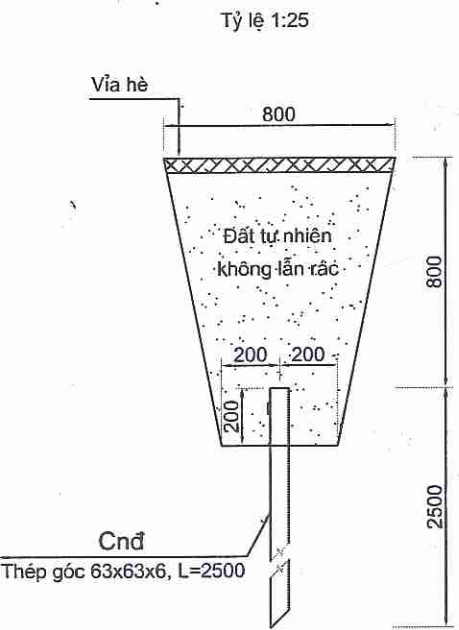
ngày 24 tháng 4 năm 2026

Người thẩm định ký tên: *Kiều Văn Bình*

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG TIẾP ĐỊA LẬP LẠI RLL-A

TT	Tên vật liệu	Quy cách	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
1	Cọc tiếp địa	L63x63x6	cọc	5	
2	Dây tiếp địa	Dẹt 40x4	Kg	35.3	
3	Cáp Cu/XLPE/PVC 1x16	1x16	m	3	
4	Đầu cốt M16	M16	Cái	2	

MẶT CẮT I - I

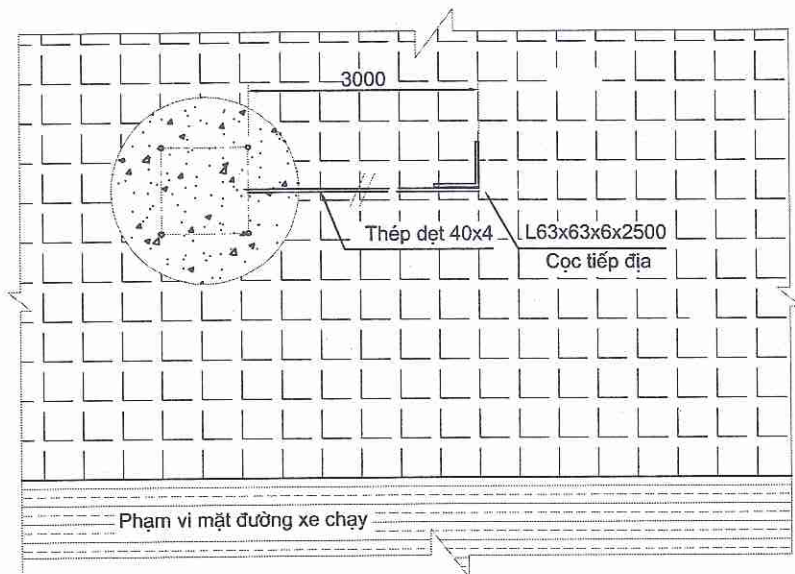


GHI CHÚ:

- Kích thước trong bản vẽ được ghi theo đơn vị mm.
- Tiếp địa móng cột sau khi hoàn thiện phải đạt $R \leq 10 \Omega$.
- Tiếp địa được mạ kẽm nhúng nóng theo TCVN.
- Dây tiếp địa được bắt vào khung móng cột.
- Mặt dưới tai bắt tiếp địa phải được mài nhẵn.
- Trong quá trình đóng cọc tiếp địa tùy theo thực tế nhưng phải đảm bảo độ sâu theo bản vẽ.
- Dây tiếp địa lập lại được đấu vào trung tính bảng điện của cột.

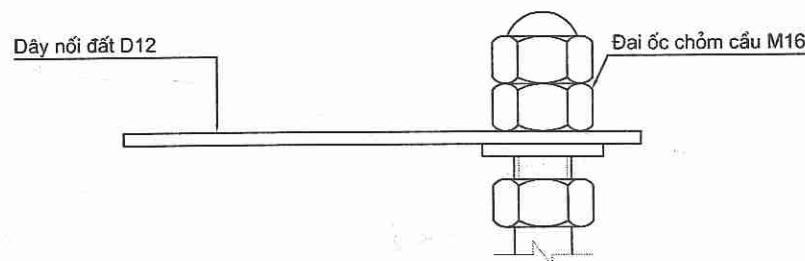
CHỦ ĐẦU TƯ: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG		THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI		TÊN BẢN VẼ: TIẾP ĐỊA RLL-A	CHỦ NHIỆM TK NGUYỄN ANH TUẤN	CHỦ TRÌ TK ĐIỆN HOÀNG TUẤN ANH	THIẾT KẾ NGUYỄN HỮU BẰNG	KIỂM TRA HOÀNG TUẤN ANH	CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC M.S.N: 0109055864 - C PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC THÀNH PHỐ HÀ NỘI	HOÀN THÀNH: /20 BẢN VẼ SỐ: CTCT10 KÝ HIỆU: TỶ LỆ:
--	--	--	--	---	--	--	------------------------------------	-----------------------------------	---	--

MẶT BẰNG BỐ TRÍ TIẾP ĐỊA CỘT ĐỀN



CHI TIẾT DÂY TIẾP ĐẤT
BẮT VÀO KHUNG MÓNG

(Cho tiếp địa bảo vệ, Tỷ lệ 1:2)

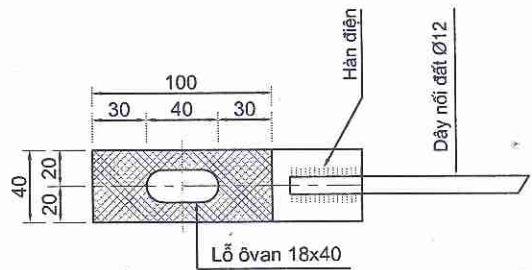


BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG TIẾP ĐỊA RC - 1

TT	Tên vật liệu	Quy cách	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
1	Cọc tiếp địa	L63x63x6	cọc	1	
2	Dây tiếp địa	Dẹt 40x4	Kg	0.16	
3	Dây tiếp địa	CT12	m	3	

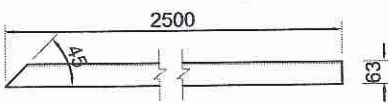
TAI BẮT TIẾP ĐỊA BẢO VỆ

(Thép dẹt 40x4 được mạ kẽm toàn bộ)
(Tỷ lệ 1:4)



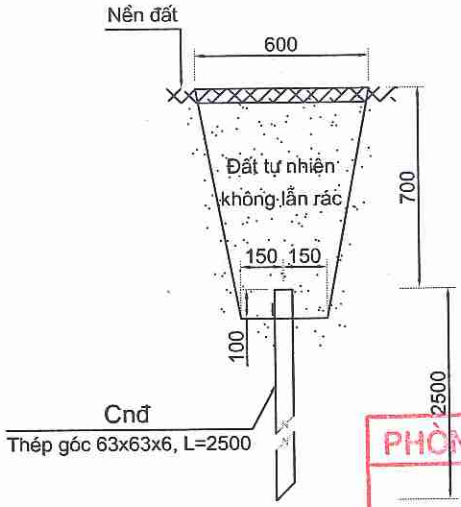
CHI TIẾT CỌC TIẾP ĐỊA

Tỷ lệ 1:10



MẶT CẮT I - I

Tỷ lệ 1:25



GHI CHÚ:

- Kích thước trong bản vẽ được ghi theo đơn vị mm.
- Tiếp địa móng cột sau khi hoàn thiện phải đạt $R \leq 10 \Omega$.
- Tiếp địa được mạ kẽm nhúng nóng theo TCVN.
- Dây tiếp địa được bắt vào khung móng cột.
- Mặt dưới tai bắt tiếp địa phải được mài nhẵn.
- Trong quá trình đóng cọc tiếp địa tùy theo thực tế nhưng phải đảm bảo độ sâu theo bản vẽ.
- Dây tiếp địa lắp lại được đấu vào trung tính bảng điện của cột.

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VIỆT HÀ NỘI

THẨM TRA

Theo văn bản số: 651/BC.TT

Ngày 24 tháng 4 năm 2026

Ký tên:

Phạm Văn Cường

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số 181/TB-KOTD-KT

ngày 24 tháng 4 năm 2026

Người thẩm định ký tên

Kiều Văn Bình

CHỦ ĐẦU TƯ:

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
(ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THO - HÀ NỘI)
ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498

THIẾT KẾ XÂY DỰNG
TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:

TIẾP ĐỊA RC-1

CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN	
CHỦ TRÌ TK ĐIỆN	HOÀNG TUẤN ANH	
THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU BẰNG	
KIỂM TRA	HOÀNG TUẤN ANH	

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VIỆT HÀ NỘI

PHÁT TRIỂN

HẠ TẦNG ĐÔ THỊ

AVIC

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

NGUYỄN ANH TUẤN

HOÀN THÀNH: /20

BẢN VẼ SỐ: CTCT 11

KÝ HIỆU:

TỶ LỆ:

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG CHIẾU SÁNG

STT	Tên Công tác - Thiết bị - cấu kiện	Ký hiệu	Đơn vị	Tổng cộng	Ghi chú
A	Phần chiếu sáng				
1	Tủ điều khiển chiếu sáng	TĐKCS	Tủ	1	
2	Cột đèn chiếu sáng 8m	TC-8	Cột	22	
3	Cột đèn chiếu sáng 11m	TC-11	Cột	1	
4	Đèn chiếu sáng	Led-80W	Bộ	22	
5	Đèn chiếu sáng	Led-150W	Bộ	1	
6	Cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC	4x16	m	35	Uốn võng, độ võng 3%
7	Cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC	4x10	m	766	Uốn võng, độ võng 3%
8	Dây đồng trần	DM10	m	766	Uốn võng, độ võng 3%
9	Dây điện Cu/PVC/PVC	Cu/PVC/PVC3x1.5	m	210	
10	Giá đỡ tủ chôn	GD-C	Bộ	1	
11	Làm đầu cáp	ĐC-4x16	Đầu	48	
12	Bảng điện cửa cột	BD	Bảng	23	
13	Cosse	M10	Cái	230	
14	Cosse	M16	Cái	8	
15	Ống nhựa xoắn	D65/50	m	746	Uốn võng, độ võng 3%
16	Móng cột	MC-8	Móng	22	
17	Móng cột	MC-11	Móng	1	
18	Móng tủ	MT1	Móng	1	
19	Rãnh cáp nền đất	Rđ	m	646	
20	Tiếp địa	RC-1	Bộ	24	
21	Tiếp địa	RLL	Bộ	4	
22	Tiếp địa	RC-5	Bộ	1	
23	Tháo lắp cột chiếu sáng hiện có	Cột		1	
24	Cáp ngầm Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC hoàn trả	4x16	m	40	

**CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN THỨC VIỆT HÀ NỘI**

THẨM TRA

Theo văn bản số: 65/BCVT

Ngày: 24 tháng 4 năm 2026

Ký tên: Phường Văn Cường

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số: 13/TB-KOTD-KT

Ngày: 24 tháng 4 năm 2026

Người thẩm định ký tên: Hiền Văn Bình



BẢNG TỔNG KÊ HỆ THỐNG CHIẾU SÁNG

Số cột	Khoảng cột	Cáp điện		Dây C/PVC/PVC 3x1.5	Dây đồng trần M10	Rãnh	Ống nhựa xoắn D65/50	Loại cột	Loại móng	Tiếp địa	Đèn chiếu sáng	Bảng điện	Đầu cột		Ghi chú
		Ngầm 4x16	Ngầm 4x10			Rd									
	(mét)	(mét)	(mét)	(mét)	(mét)	(mét)	(mét)	(bộ)	(bộ)	(điểm)	(bộ)	(bộ)	(bộ)	(bộ)	
Điểm đầu Cột DC05, TBA TT2															
Tủ ĐKCS -T1	24	34				24	26	TĐKCS	MT1	RC-5			8M16		
LỘ 1										RC-1					
CST1-L1-1	3		7	9	7	3	5	TC-8	MC-8	RC-1	Led-80W	BĐ	8M10	2M10	
CST1-L1-2	30		34	9	34	30	32	TC-8	MC-8	RC-1	Led-80W	BĐ	8M10	2M10	
CST1-L1-3	30		34	9	34	30	32	TC-8	MC-8	RC-1	Led-80W	BĐ	8M10	2M10	
CST1-L1-4	30		34	9	34	30	32	TC-8	MC-8	RC-1	Led-80W	BĐ	8M10	2M10	
CST1-L1-5	30		34	9	34	30	32	TC-8	MC-8	RC-1	Led-80W	BĐ	8M10	2M10	
CST1-L1-6	30		34	9	34	30	32	TC-8	MC-8	RC-1	Led-80W	BĐ	8M10	2M10	
										RLL					
CST1-L1-7	30		34	9	34	30	32	TC-8	MC-8	RC-1	Led-80W	BĐ	8M10	2M10	
CST1-L1-8	30		34	9	34	30	32	TC-8	MC-8	RC-1	Led-80W	BĐ	8M10	2M10	
CST1-L1-9	30		34	9	34	30	32	TC-8	MC-8	RC-1	Led-80W	BĐ	8M10	2M10	
CST1-L1-10	30		34	9	34	30	32	TC-8	MC-8	RC-1	Led-80W	BĐ	8M10	2M10	
CST1-L1-11	30		34	9	34	30	32	TC-8	MC-8	RC-1	Led-80W	BĐ	8M10	2M10	
CST1-L1-12	30		34	9	34	30	32	TC-8	MC-8	RC-1	Led-80W	BĐ	8M10	2M10	
										RLL					
CST1-L1-13	30		34	9	34	30	32	TC-8	MC-8	RC-1	Led-80W	BĐ	8M10	2M10	
CST1-L1-14	30		34	9	34	30	32	TC-8	MC-8	RC-1	Led-80W	BĐ	8M10	2M10	
CST1-L1-15	30		34	9	34	30	32	TC-8	MC-8	RC-1	Led-80W	BĐ	8M10	2M10	
CST1-L1-16	30		34	9	34	30	32	TC-8	MC-8	RC-1	Led-80W	BĐ	8M10	2M10	
CST1-L1-17	30		34	9	34	30	32	TC-8	MC-8	RC-1	Led-80W	BĐ	8M10	2M10	
CST1-L1-18	30		34	9	34		32	TC-8	MC-8	RC-1	Led-80W	BĐ	8M10	2M10	
										RLL					
CST1-L1-19	30		34	9	34	30	32	TC-8	MC-8	RC-1	Led-80W	BĐ	8M10	2M10	
CST1-L1-20	30		34	9	34	30	32	TC-8	MC-8	RC-1	Led-80W	BĐ	8M10	2M10	
CST1-L1-21	30		34	9	34	30	32	TC-8	MC-8	RC-1	Led-80W	BĐ	8M10	2M10	
CST1-L1-22	30		34	9	34	30	32	TC-8	MC-8	RC-1	Led-80W	BĐ	8M10	2M10	
CST1-L1-23	19		23	12	23	19	21	TC-11	MC-11	RC-1	Led-150W	BĐ	8M10	2M10	
										RLL					
Tổng	676	34	744	210	744	646	724								
TỔNG CỘNG DỰ ÁN	676	34	744	210	744	646	724								

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VIỆT HÀ NỘI

THẨM TRA

Theo văn bản số: 65 / BKT

Ngày 24 tháng 4 năm 2026

Ký tên: *[Signature]*

Phạm Văn Cường

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số 143 / TB-KOTB-KT

ngày 24 tháng 4 năm 2026

Người thẩm định ký tên: *[Signature]*

Hiệu Văn Bình



DI CHUYỂN HẠ TẦNG

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN THỨC VIỆT NAM

THẨM TRA

Theo văn bản số: 651/BCIT

Ngày 24 tháng 4 năm 2026

Ký tên:

Phường Văn Cường

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI

THẨM ĐỊNH

Theo Văn bản số MS/TB-KQTP-KT

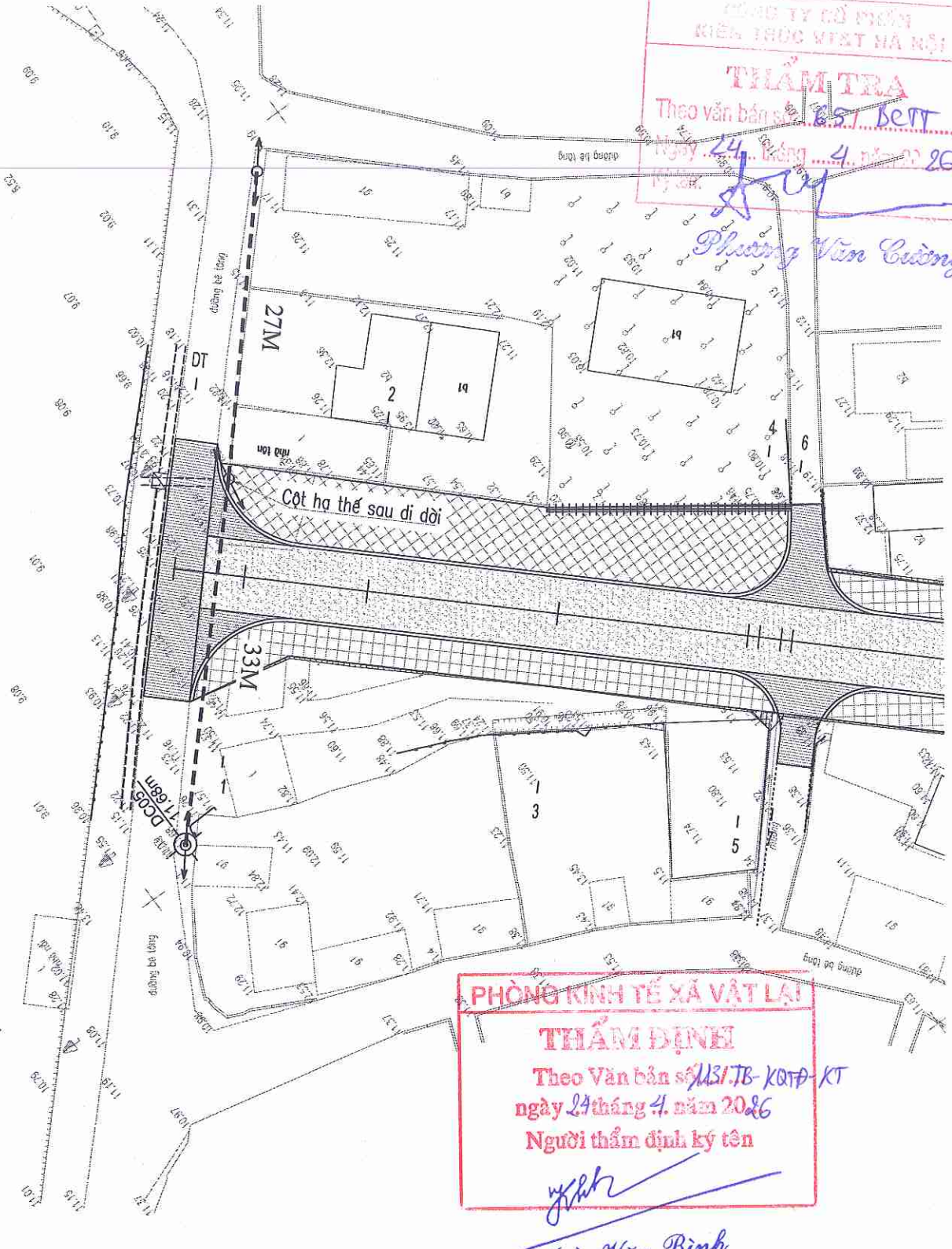
ngày 24 tháng 4 năm 2026

Người thẩm định ký tên

Hiền Văn Bình

← ĐẦU TUYẾN

CUỐI TUYẾN →



CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VIỆT HÀ NỘI
THẨM TRA
Theo văn bản số 85/BKT
Ngày 24 tháng 4 năm 2026
Phạm Văn Cường

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 1131/TB-KQĐ KT
ngày 27 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên
Kiều Văn Bình

CHỦ ĐẦU TƯ:
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG
ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
(ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI)
ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498

THIẾT KẾ XÂY DỰNG
TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG
DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

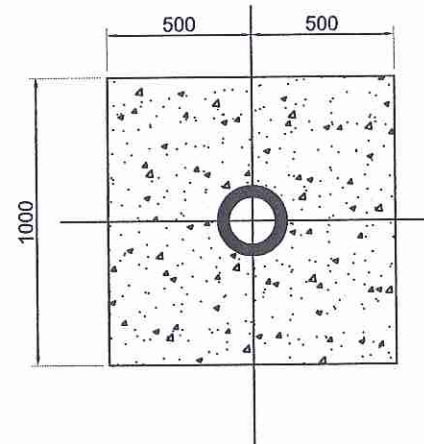
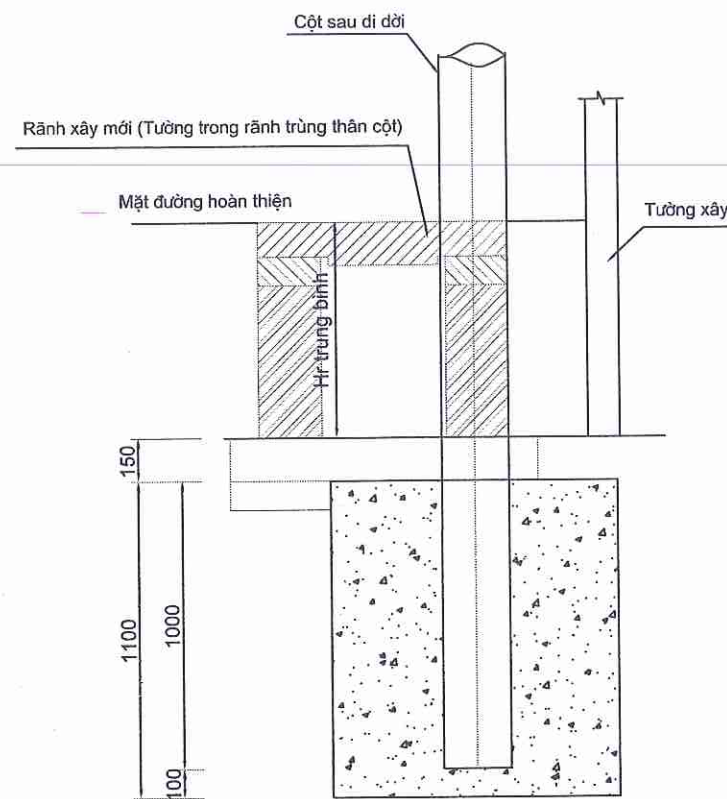
TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG DI DỜI ĐIỆN
TUYẾN 1

CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN	<i>Thanh</i>
CHỦ TRÌ TK ĐIỆN	HOÀNG TUẤN ANH	<i>Anh</i>
THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU BẰNG	<i>Bằng</i>
KIỂM TRA	HOÀNG TUẤN ANH	<i>Anh</i>

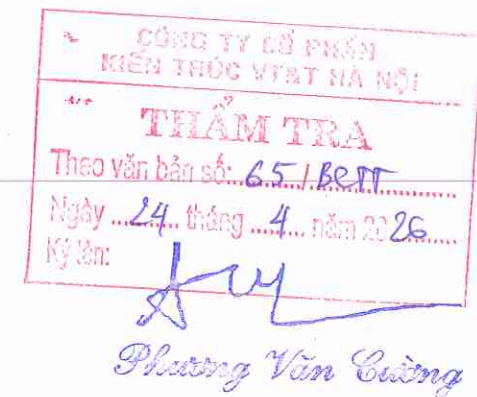
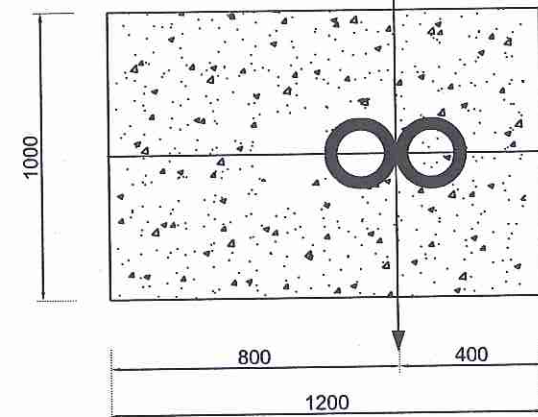
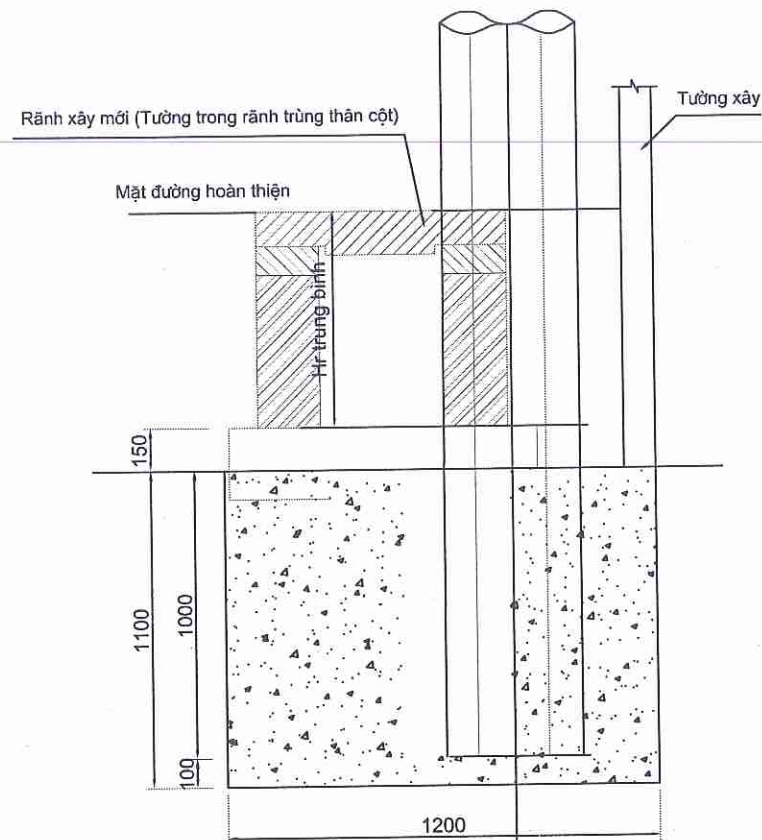
CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
CỔ PHẦN AM ĐỐC
PHÁT TRIỂN
HẠ TẦNG ĐÔ THỊ
AVIC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
NGUYỄN ANH TUẤN

HOÀN THÀNH: /20
BẢN VẼ SỐ: 01/02
KÝ HIỆU: MB
TỶ LỆ: 1/500

MÓNG CỘT LT-8.5



MÓNG CỘT ĐÔI LT-8.5



BẢNG KÊ THỂ TÍCH BÊ TÔNG	
LOẠI BÊ TÔNG	BÊ TÔNG M150(M3)
MÓNG LT-8.5	1.1
MÓNG ĐÔI LT-8.5	1.32



GHI CHÚ:

- Các sơ hoạ trên thể hiện các vị trí neo, hãm cáp.
- Trong quá trình lắp đặt tùy thuộc vào từng vị trí lắp đặt cho phù hợp.
- Các bản vẽ trên hãm cáp, treo cáp bằng tấm ốp, đai thép không rỉ. Nếu trong quá trình lắp đặt mà dùng cổ dễ, giá xà hãm cá, treo cáp và đầu nối cũng làm tương tự.
- Vị trí neo cuối yêu cầu phải có bịt đầu cáp.
- Kẹp hãm, kẹp treo phải được bắt chặt vào cáp, nghiêm cấm bắt lỏng.
- Ghép đầu nối phải được bắt chặn, nghiêm cấm bắt lỏng.
- Khoảng cách từ đai thép(cổ dễ, giá xà) đến đỉnh cột 250mm.

CHỦ ĐẦU TƯ:
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
(ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỐ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI)
ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498

THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TÊN BẢN VẼ:
MÓNG CỘT TRỒNG MỚI

CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN
CHỦ TRÌ TK ĐIỆN	HOÀNG TUẤN ANH
THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU BẰNG
KIỂM TRA	HOÀNG TUẤN ANH

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
(ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỐ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI)
ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498

HOÀN THÀNH: /20
BẢN VẼ SỐ: 07
KÝ HIỆU: CTDC
TỶ LỆ:

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG

STT	Tên vật tư, vật liệu	Đơn vị	Kí hiệu	TH Khối lượng	Ghi chú
I	Lắp mới				
1	Cột bê tông li tâm PC-8,5-3,0	cột	PC-8,5-3,0	1	
2	Móng cột đơn, loại cột cao 8,5m	móng	MĐ-8,5	1	
3	Cáp vặn xoắn ABC 4x70mm2	m	ABC 4X70	60	
4	Kẹp siết cáp	cái	KH	2	
5	Đai thép + Khóa đai	bộ	ĐT+KĐ	2	
6	Tấm ốp TO16	cái	TO	2	
II	Thu hồi				
1	Cột vuông BTLT 8,5m	cột	BTLT 8,5-TH	1	
2	Cáp vặn xoắn ABC 4x70mm2	m	ABC4X70-TH	60	

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số MS/TB-KĐĐ-KT
ngày 29 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên

Hiền Văn Bình

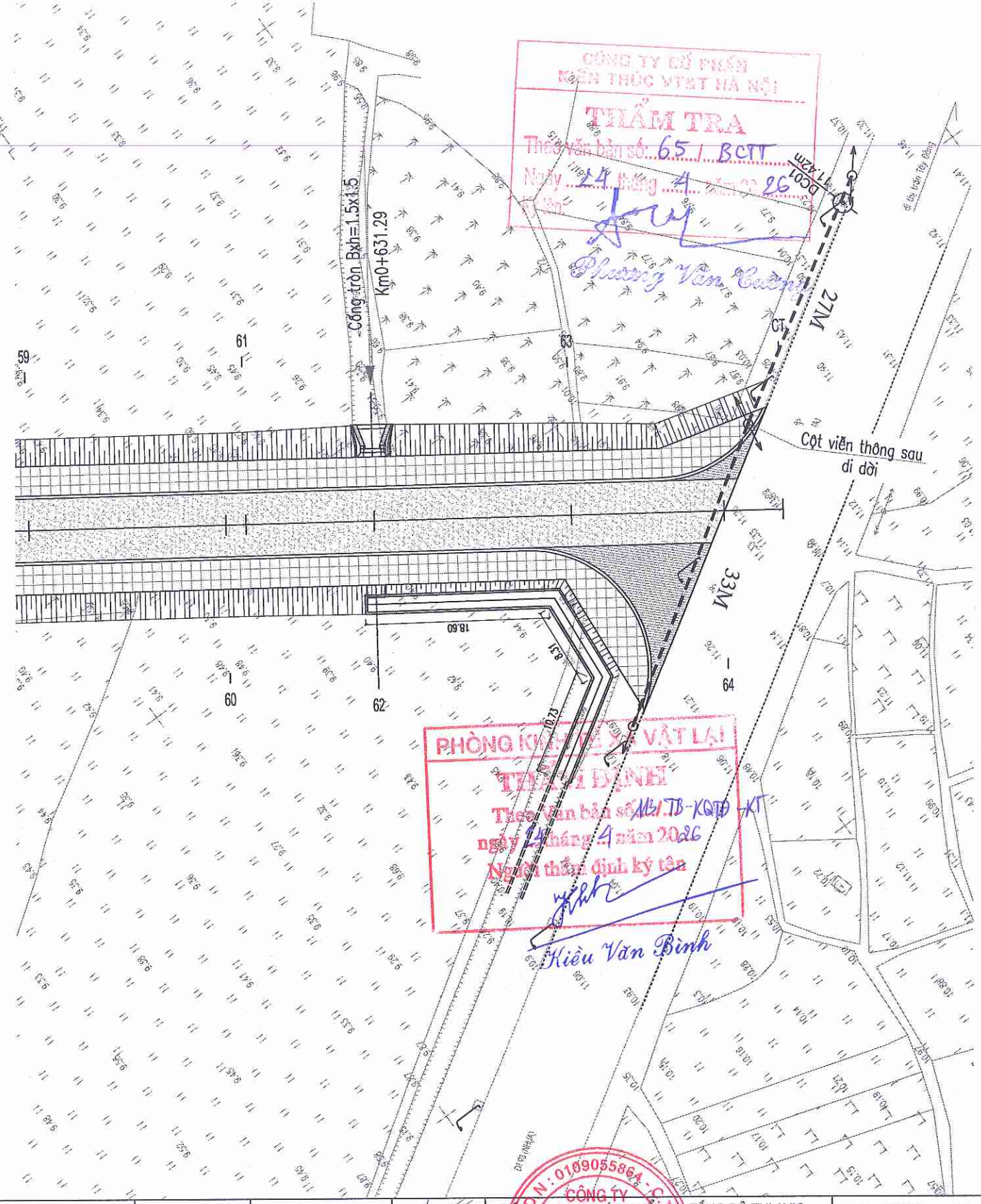
CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN TRÚC VT&T HÀ NỘI
THẨM TRA
Theo văn bản số: 65.1.BETT
Ngày 24 tháng 4 năm 2026
Ký tên:

Phượng Văn Cường



← ĐẦU TUYẾN

CUỐI TUYẾN →



CHỦ ĐẦU TƯ:
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
(ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 6 - XÃ PHÚC THỌ - HÀ NỘI)
ĐIỆN THOẠI: 032 597 5498

THIẾT KẾ XÂY DỰNG
TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ
HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỰC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI
ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

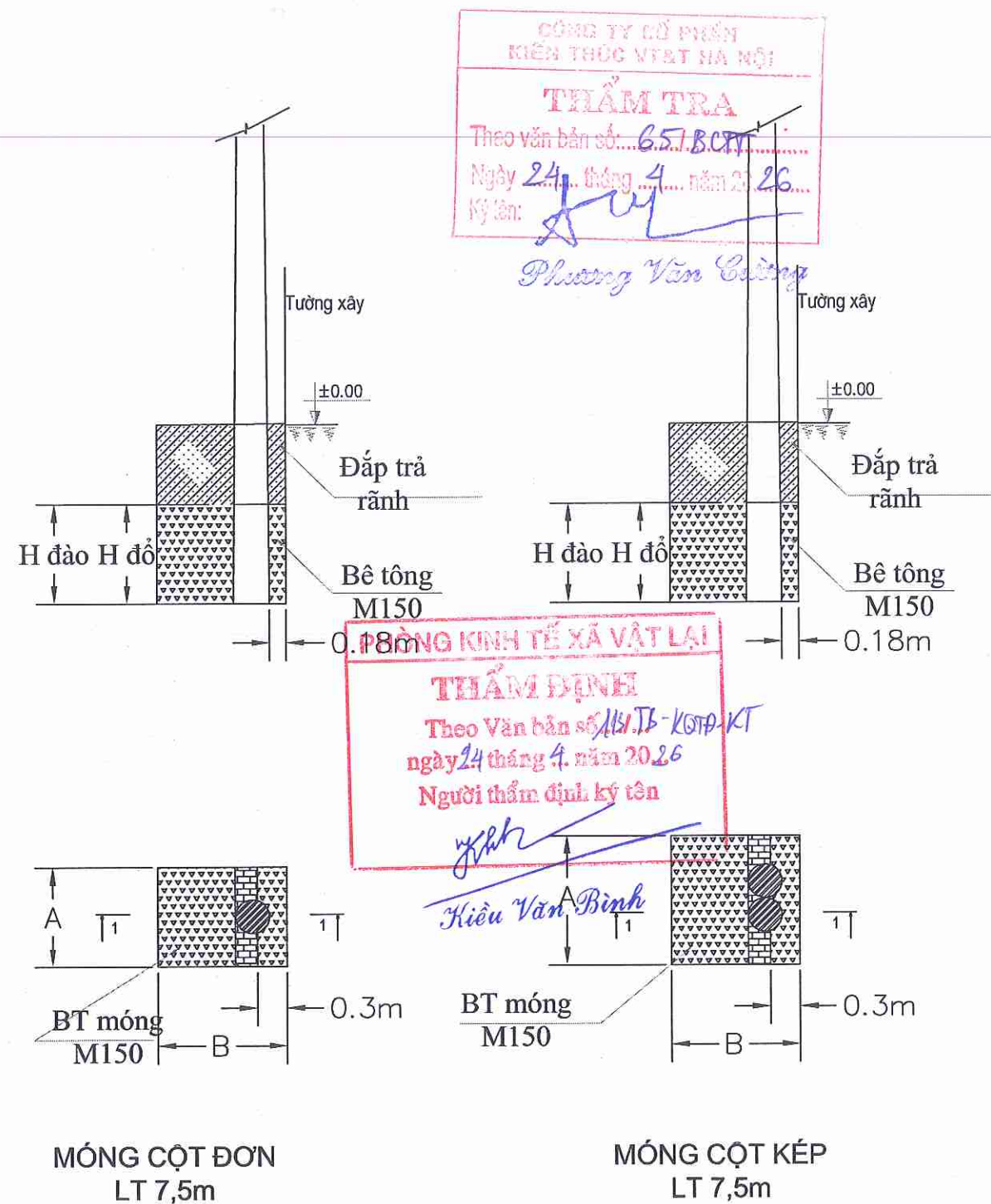
TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG DI DỜI VIỄN THÔNG
TUYẾN 1

CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN
CHỦ TRÌ TK ĐIỆN	HOÀNG TUẤN ANH
THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU BÀNG
KIỂM TRA	HOÀNG TUẤN ANH

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC
GIÁM ĐỐC
NGUYỄN ANH TUẤN

HOÀN THÀNH: /20
BẢN VẼ SỐ: 0101
KÝ HIỆU: MB
TỶ LỆ: 1/500

BẢNG TIÊN LƯỢNG ĐÀO, ĐỔ BÊ TÔNG									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
STT	Loại móng	Móng cột	Số lượng	Kích thước móng				Khối lượng đào đất (m ³)	Bê tông móng M150 (2x4)
				A	B	H đào	H đổ BT		
1	Móng cột ly tâm đơn 7,5m	MĐ-7,5	1	1,30	1,10	1,40	1,0	1,430	1,430



CHỦ ĐẦU TƯ: ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VẬT LẠI BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ - HẠ TẦNG ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ:  CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC (ĐỊA CHỈ: SỐ 326 - ĐƯỜNG LẠC TRỊ - TỔ 8 - XÃ PHÚC THO - HÀ NỘI) ĐIỆN THOẠI: 032 697 5498	THIẾT KẾ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI SAU THIẾT KẾ CƠ SỞ HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG DỰ ÁN: ĐƯỜNG TRỤC THÔN TRI LẠI ĐI TỈNH LỘ 411 XÃ VẬT LẠI ĐỊA ĐIỂM: XÃ VẬT LẠI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI	TÊN BẢN VẼ: MÓNG CỘT VIỄN THÔNG LT7.5m	CHỦ NHIỆM TK	NGUYỄN ANH TUẤN		CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC CỐ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ AVIC THÀNH PHỐ HÀ NỘI NGUYỄN ANH TUẤN	HOÀN THÀNH: /20
			CHỦ TRÌ TK ĐIỆN	HOÀNG TUẤN ANH			BẢN VẼ SỐ:
			THIẾT KẾ	NGUYỄN HỮU BẰNG			KÝ HIỆU:
			KIỂM TRA	HOÀNG TUẤN ANH			TỶ LỆ:

BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG

STT	Tên vật tư, vật liệu	Đơn vị	Kí hiệu	TH Khối lượng	Ghi chú
I	Lắp mới				
1	Cột bê tông li tâm PC-7,5-3.0	cột	LT7,5-3.0	1	
2	Móng cột đơn, loại cột cao 7,5m	móng	MD-7,5	1	
II	Tháo dỡ lắp đặt lại				
1	Cáp 12Fo tháo dỡ căng lại	m	12Fo -CL	60	
2	Cáp 24Fo tháo dỡ căng lại	m	24Fo -CL	60	
3	Lắp đặt lại hộp ODF	hộp	ODF-LL	1	
III	Thu hồi				
1	Cột li tâm 7m	cột	LT 7-TH	1	

PHÒNG KINH TẾ XÃ VẬT LẠI
THẨM ĐỊNH
Theo Văn bản số 131/B-KTĐ-KT
ngày 24 tháng 4 năm 2026
Người thẩm định ký tên
[Signature]
Kiều Văn Bình

CÔNG TY CỔ PHẦN
KIẾN THỨC VIỆT HÀ NỘI
THẨM TRA
Theo văn bản số: 651/BCTT
Ngày 24 tháng 4 năm 2026
Ký tên: *[Signature]*
Phường Văn Cường

